

Kiran Desai

*Di sản của
Mắt mắt*

THE MAN
BOOKER
PRIZE 2006

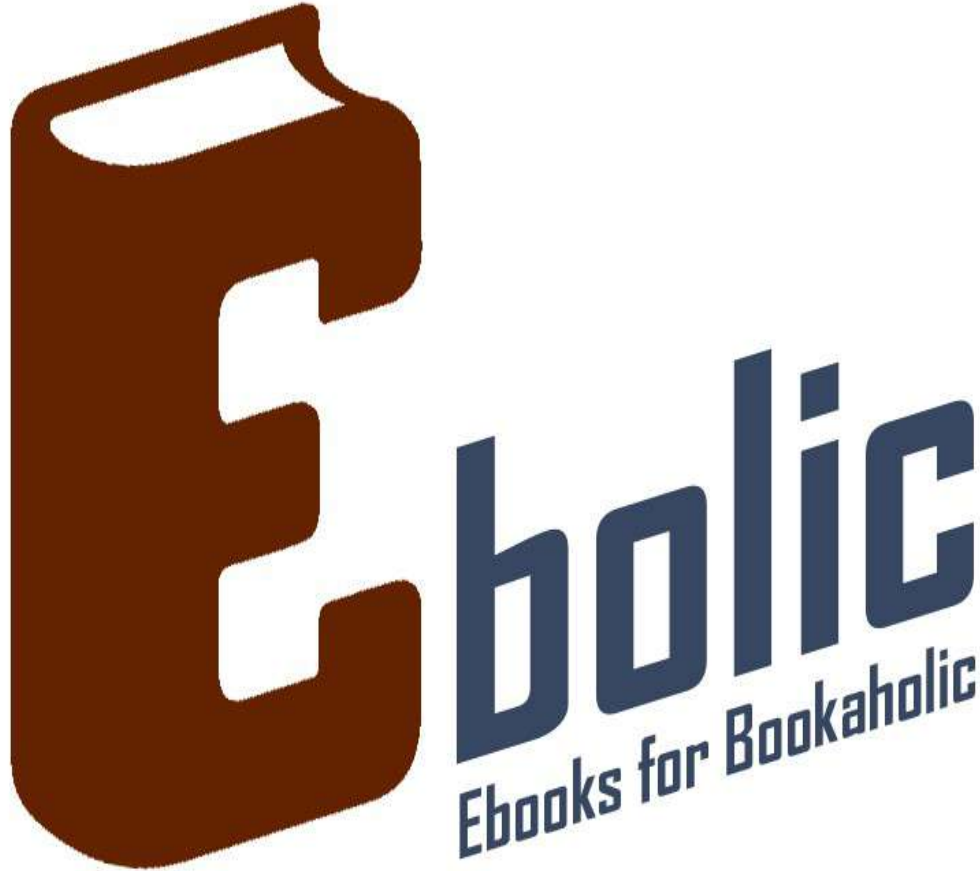


nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Tác phẩm: **Di sản của mất mát**
Nguyên tác: **The Inheritance of Loss**
Tác giả: **Kiran Desai**
Thể loại: **Tiểu thuyết**
Dịch giả: **Nham Hoa**
Nhà phát hành: **Nhã Nam**
Nhà xuất bản: **Hội Nhà Văn**
Năm xuất bản: **08/2008**



Dự án Ebolic #12

Shooting: *Ấn danh*

Typing: **Uyen Vo, Linh, Tophit, Tùng Đặng, Thái, Paven**

Checking: **Lãng Khách, Kpage**

Leading & Publishing: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **29/5/2017**

Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

Liên hệ với Ebolic qua:

Email: ebook@bookaholic.vn

Group: [facebook.com/groups/ebolic](https://www.facebook.com/groups/ebolic)

Fanpage: [facebook.com/EbolicEbook](https://www.facebook.com/EbolicEbook)

MỤC LỤC

Tụng ca Tĩnh lạng

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười lăm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi ba

hai mươi tư

hai mươi lăm

hai mươi sáu

hai mươi bảy

hai mươi tám

hai mươi chín

ba mươi

ba mươi một

ba mươi hai

ba mươi ba

ba mươi tư

ba mươi lăm

ba mươi sáu

ba mươi bảy

ba mươi tám

ba mươi chín

bốn mươi

bốn mươi một

bốn mươi hai

bốn mươi ba

bốn mươi tư

bốn mươi lăm

bốn mươi sáu

bốn mươi bảy

bốn mươi tám

bốn mươi chín

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi hai

năm mươi ba

LỜI BẠT



Kiran Desai (sinh ngày 03, tháng Chín, 1971) là tác giả người Ấn Độ, vừa là công dân Ấn vừa là thường trú nhân của Mỹ. Cô là con gái của nữ văn sĩ nổi tiếng Anita Desai.

Kiran Desai sinh ra ở New Delhi, Ấn Độ, và sống ở đó đến năm mười bốn tuổi. Cô và mẹ sau đó sống ở Anh một năm, và cuối cùng chuyển đến Mỹ, tại đây cô nghiên cứu việc sáng tác văn chương ở Bennington College, Hollins University và Columbia University.

Tiểu thuyết đầu tay của cô, *Hullabaloo in the Guava Orchard*, được xuất bản năm 1998 và đã nhận được đánh giá cao từ những nhân vật nổi tiếng như Salman Rushdie.

Cuốn tiểu thuyết thứ hai của cô, *Di sản của Mất mát* được giới phê bình ngợi ca khắp Âu Á và Mỹ, giành Man Booker Prize năm 2006 và National Book Critics Circle Fiction Award.

Tụng ca Tĩnh lặng

Từng dòng chữ ánh sáng rạch nát màn đêm, huy hoàng hơn cả sao băng.

Thành phố tôi không tài nào thấu hiểu lừng lững xâm lấn đồng quê. Biết rõ sống chết đời mình, tôi mong nhìn thấu lòng người tham vọng. Ngày đói khát, như thòng lọng bay rít gió.

Đêm ngồi cuồn nộ, nấu mình trong sắt thép, rình rập tấn công.

Họ nói về tình người.

Tình người với tôi nằm trong cảm xúc chúng ta là tiếng nổi của cùng một nỗi lầm than.

Họ nhắc chuyện quê hương.

Quê hương với tôi là điệu đàn guitar, là đôi bức chân dung, là thanh gươm xưa cũ, là chiều buông rặng liễu hiện bóng ai nguyện cầu.

Thời gian đang sống đời tôi.

Âm thầm hơn chiếc bóng, tôi đi giữa biển người chất ngất lòng tham. Những nhân vật quan trọng, phi thường, ưu tú của ngày mai.

Tôi là ai mà cũng chẳng là ai.

Tôi đi trong chậm rãi, như một người đến tự rất xa, xa đến nỗi chẳng mong ngày tới đích.

Jorge Luis Borges

một

Từ sáng tới chiều, màu của đất trời là màu của hoàng hôn, sương mù trườn đi như một loài thủy sinh vật trên những sườn non bát ngát nơi bóng tối và sự sâu thẳm của đại dương ngự trị. Thấp thoáng trên màn hơi nước ấy, đỉnh Kanchenjunga như một ngọn băng đăng xa xăm đang ngưng tụ chút ánh sáng cuối ngày, một quầng mây tuyết được đông tố cuốn bay cao tít đầu non.

Sai ngồi trước hiên, đọc bài báo về loài mực khổng lồ trong cuốn tạp chí *Địa lý Quốc gia* đã cũ. Thịnh thoảng nàng lại ngược nhìn đỉnh Kanchenjunga, ngắm ánh lân quang dị kỳ của nó và khẽ rùng mình. Ông tòa ngồi bên bàn cờ ở đầu hiên, tự đánh một mình. Con chó Mutt rúc dưới gầm ghế, nơi nó cảm thấy an toàn, và ngáy nhẹ nhàng trong giấc ngủ. Duy nhất một ngọn đèn không chụp đụp đưa đầu sợi dây điện phía trên. Trời lạnh nhưng trong nhà còn lạnh hơn, bóng tối, băng giá, bao bọc trong những bức tường đá dày mảy bộ.

Sau nhà, trong gian bếp âm u, người đầu bếp đang lui cui nhóm lửa bằng thứ củi ướn. Bác rón rén nhón từng thanh một, sợ đụng phải họ hàng nhà họ cạp vẫn cư ngụ, yêu đương và sinh con đẻ cái trong đồng củi. Có lần bác đã bắt gặp một con mẹ, mình căng phồng độc tố, lưng địu theo mười bốn con con.

Lửa rồi cũng bén và bác đặt ấm lên bếp, cái ấm méo mó, đóng đầy bờ hòng như một di vật mới khai quật của đoàn khảo cổ, rồi đợi cho nó sôi. Tường nhà cháy sém và nhớp nháp, những túm tỏi buộc lạt xám xịt lũng lảng trên xà nhà ám khói, bồ hóng vón cục bám trên trần nhà như một bầy dơi. Ngọn lửa khảm lên khuôn mặt người đầu bếp một màu da cam rực sáng; nửa người trên bác nóng dần lên, nhưng một cơn đau dai dẳng vẫn hành hạ hai đầu gối viêm khớp của bác.

Khói bếp theo ống khói bay ra ngoài, quyện vào màn sương đang tăng tốc và tràn ra mỗi lúc một dày hơn, xóa vụn vật nhòa đi từng chút một – nửa

này quả đồi, rồi lại đến nửa kia. Cây cối hóa thành những chiếc bóng, lúc ẩn lúc hiện giữa màn sương. Dần dà, hơi nước thế chỗ tất cả, thế chỗ những sự vật hiện hữu bằng hư ảnh, và dường như không gì còn lại mà không được nó nhào nặn nên hình và thổi vào một luồng sinh khí. Hơi thở từ cánh mũi Sai bay ra lơ lửng; cái biểu đồ về con mực khổng lồ cấu thành từ những mẫu vụ thông tin và mộng tưởng của các nhà khoa học đã chìm hẳn vào màn sương mờ tối.

Nàng gấp cuốn tạp chí lại rồi bước ra vườn. Ven bờ cỏ, cánh rừng già cối và rậm rạp; những bụi tre cao mười mét vươn lên giữa sương mờ ẩm đậm; cây cối như những gã khổng lồ rêu phong, sừng tấy và biến dạng, ngoe nguẩy từng chùm rễ phong lan. Sương mờ man mác tóc nàng như thể một con người, và khi nàng xòe tay ra, hơi nước dịu dàng ngậm ngón tay nàng vào miệng. Nàng nghĩ tới Gyan, anh gia sư dạy toán, đáng lẽ ra anh đã phải có mặt cách đây một tiếng đồng hồ cùng cuốn sách giáo khoa đại số.

Nhưng đã bốn rưỡi rồi, và nàng đem trời sương dày đặc ra bào chữa cho anh.

Khi nàng nhìn lại, ngôi nhà không còn nữa; khi nàng bước lên bậc cấp trở lại hiên nhà, đến lược khu vườn tan biến. Ông tòa đã ngủ thiếp đi; trọng lực dồn lên những bó cơ chùng, níu trễ khóe miệng, kéo xế má ông xuống, cho Sai thấy chính xác nhìn ông sẽ thế nào khi chết.

“Trà đâu?” ông tỉnh dậy và giục nàng. “Lẽ mề quá,” ông thốt lên, ý nói người đầu bếp và bình trà chứ không phải Gyan.

“Để cháu đi lấy,” nàng đề nghị.

Một màu xám len lỏi khắp ngôi nhà, ám lên đồ dùng bằng bạc, sục sạo các góc phòng và biến tấm gương trên hành lang thành một đám mây. Trên đường xuống bếp, thoáng thấy bóng mình chìm khuất trong sương, Sai bèn bước lại, áp môi lên mặt gương, đặt lên đó một nụ hôn đúng kiểu mình tinh màn bạc. “Xin chào,” nàng thì thầm, nửa như với chính mình, nửa như với một người nào đó.

Chưa ai được thấy tận mắt một con mực khổng lồ trưởng thành còn sống, và mặc dù loài mực có cặp mắt to bằng quả táo để sục sạo trong bóng tối đại dương, nhưng đại dương của chúng là một chốn quanh hiu thẳm sâu đến nỗi chắc sẽ chẳng bao giờ chúng có dịp tao ngộ cùng đồng loại. Nỗi niềm ưu uất của những thân phận ấy tràn ngập lòng Sai.

Có bao giờ cảm giác thỏa nguyện thắm thìa bằng mắt mát? Một cách lãng mạn, nàng đã xác định rằng tình yêu nhất định phải trú ngụ trong sự hằng hệt giữa khát khao và thỏa nguyện,

Trong thiếu thốn chứ không phải đủ đầy. Tình yếu là nỗi đốn đau, là niềm mong ngóng, là sự ghen ghét, là hết thấy những gì liên quan chứ không phải bản thân thứ tình cảm ấy.

Nước sôi, người đầu bếp nhấc ấm lên và trút nước sang bình trà.

“Khốn khổ thân tôi,” bác than. “Xương thì rã rời, khớp chì nhức nhối – tôi đến chết mất thôi. Nếu không phải vì Biju... “ Biju là đứa con trai bác bây giờ đang ở Mỹ. Cậu làm việc ở nhà hàng Don Pollo – hay là Cà Chua Nóng nhỉ? Hay là quán Gà Rán của Ali Baba? Cha cậu không tài nào nhớ hoặc hiểu hoặc phát âm nổi mấy cái tên đó, mà Biju thì thay đổi chỗ làm thường xuyên như một kẻ đào tẩu trên đường lẩn trốn - trong tay chẳng có giấy tờ.

“Vâng, trời sương quá,” Sai đáp. “Chắc là anh giáo chẳng đến đâu.” Nàng xoay xở xếp những chén, đĩa, ấm, sữa, đường, cái lọc, bánh quy Marie & Delite sao cho vừa cái khay.

“Để cháu mang lên, nàng nói.

“Khéo đấy, khéo đấy,” bác vừa căn nhắc vừa nổi gót nàng, tay bưng cái bát tráng men đựng sữa cho con Mutt. Vừa thấy Sai lướt vào phòng, mấy chiếc chìa phát ra một giai điệu hồi hả trên cái khay chiếc cong vênh. Mutt liền nghếch đầu lên. “Đến giờ uống trà rồi?” mắt nó dò hỏi trong khi cái đuôi bắt đầu ve vẩy.

“Sao chẳng có gì ăn cả thế?” ông tòa cúi kính hỏi, hếch mũi lên khỏi đám quân tốt giữa bàn cờ.

Rồi ông đưa mắt nhìn lộ đường: những hạt nhỏ ố bắn, lóng lánh như mica. Bánh quy nhìn như bìa các tông, còn trên mấy chiếc đĩa men trắng hằn lên những dấu tay đen đúa. Đành rằng bữa tiệc trà chưa bao giờ được chuẩn bị cho đúng kiểu, nhưng ông muốn chí ít cũng phải có bánh ngọt hay bánh nướng, bánh hạnh nhân hay pho mát dây. Phải có cả món ngọt lẫn món mặn. Chứ như thế này thì bồi bác quá, làm hỏng hết cả ý vị của tiệc trà.

“Chỉ còn có bánh quy thôi,” Sai đáp khi thấy vẻ mặt ông tòa. “Ông hàng bánh đi dự đám cưới con gái rồi.”

“Ta không cần bánh quy.”

Sai thở dài.

“Sao hăn dám bỏ đi dự đám cưới cơ chứ! Làm ăn buôn bán mà thế à? Đồ ngốc. Thế sao lão bếp không biết đường tự làm món gì đó?”

“Hết ga rồi, hết cả dầu luôn.”

“Sao không lấy củi mà đun? Dầu bếp ngày xưa ai cũng biết làm bánh bằng cách ủ than quanh hộp thiếc. Cháu tưởng hồi trước cũng sẵn bếp ga, bếp dầu đầy hả? Giờ chẳng qua là lười quá thôi.”

Người đầu bếp vội vàng trở lại với chỗ bánh pudding sôcôla còn thừa vừa được hâm nóng trên chảo. Ông tòa chén cái khối bột nhào xinh xinh màu nâu ấy, và trên khuôn mặt ông từ từ hiện ra một vẻ thỏa thuê bánh pudding bất đắc dĩ.

Họ uống trà và ăn bánh, những gì hiện hữu bị lấn át trước những điều vô hình tưởng, cánh cửa dẫn đến hư không; họ nhìn chén trà bốc lên vô số làn hơi nước loãn xoắn, nhìn hơi thở của mình quyện vào màn sương đang lơ lững quanh và quẩn quýt, quẩn quanh và quẩn quýt.

Không một ai, kể cả Mutt, nhận thấy mấy gã thanh niên lặng lẽ trườn qua bãi cỏ, cho đến khi chúng đã đứng hẳn trên bậc thềm. Mà có thì cũng

vậy thôi, vì cửa không có chốt để chặn chúng ở ngoài, còn nghe được họ kêu cứu thì chẳng còn ai khác ngoài Bác Potty ở hẻm núi bên kia *jhora*, bác giờ này chắc đã say lã long lóc, nằm bất động trên sàn nhưng vẫn ngỡ là mình còn tỉnh lắm – “Mặc kệ bác, cương à,” ông già luôn bảo Sai như vậy sau mỗi chiều say bí tỉ, một mắt hé ra như con cú mèo, “Bác chỉ nằm đây nghỉ một tí thôi...”

Bọn chúng đã đi bộ băng rừng, khoác áo da mua ngoài chợ đen ở Kathmandu, mặc quần kaki và quần khăn rằn đúng kiểu trang phục thịnh hành của quân phiến loạn khắp thế giới. Một tên mang súng.

Báo chí về sau vẫn lên án Trung Quốc, Pakistan và Nepal, nhưng ở nơi đây, cũng như bất kỳ nơi nào trên thế giới, luôn có sẵn vũ khí trôi nổi cho một phong trào cùng khổ với một đội quân ô hợp. Họ tìm bất kể thứ gì có thể kiếm được dao quắm, rìu, dao làm bếp, xẻng và súng ống đủ loại.

Chúng đến vì mấy khẩu súng săn của ông tòa.

Sứ mệnh và trang phục thì như thế, nhưng cả bọn chẳng dọa được ai. Gã lớn nhất trông chưa đầy hai mươi tuổi, và Mutt mới sửa một tiếng, cả bọn đã rú lên như một đám nữ sinh, chạy khỏi bậc thềm và rúm ró nấp sau những bụi cây mờ mờ sương phủ. “Nó có *cẩn* không bác? *Trời ơi!*” – cả bọn run rẩy hỏi vọng lên từ chỗ nấp.

Mutt bắt đầu diễn cái trò nó vẫn thường làm mỗi khi gặp người lạ: nó chống cái mông đang ngoáy tí mù về phía những kẻ xâm nhập, mắt nhìn lơ đãng, miệng cười cầu tài, tỏ vẻ vừa then thò vừa háo hức.

Không muốn thấy con chó mất tư cách như thế, ông tòa vươn tay ra, nó bèn rúc mõm vào tay ông.

Mấy gã trai đã trở lại bậc thềm, bê bàng, và ông tòa ý thức được một thực tế là sự bê bàng ấy tiềm ẩn nguy cơ, vì nếu bọn chúng mà tỏ ra vững vàng và tự chủ thì khả năng chúng động chân động tay sẽ không nhiều.

Gã mang súng nói gì đó mà ông không hiểu.

“No Nepali?” gã phì một tiếng, khóe môi nhếch lên khinh miệt, nhưng rồi cũng nói tiếp bằng tiếng Hindi. “Súng đâu?”

“Ở đây chúng tôi làm gì có súng.”

“Đem súng ra đây.”

Các cậu nghe đồn bậy rồi.

“Thôi đừng có *nakhra* nữa. Đem súng ra đây.”

“Ta ra lệnh cho các cậu,” ông tòa nói, “rời khỏi tư gia của ta ngay lập tức.”

“Mang súng ra đây.”

“Ta báo cảnh sát bây giờ.”

Lời dọa dẫm đó thật khôi hài vì ở đây làm gì có điện thoại.

Bọn chúng cười phá lên y như phim, và rồi cũng hết như phim, gã trai liền chìa súng vào Mutt. “Mau, đem súng ra đây,

nếu không bọn này sẽ giết con chó trước tiên, ông thứ hai, lão đầu bếp thứ ba, cuối cùng là các bà các cô,” hãnh nói và nhăn nhó cười với Sai.

“Để tôi đi lấy,” nàng sợ hãi thốt lên, làm đổ khay trà khi đứng dậy.

Ông tòa ngồi đó, Mutt nằm trong lòng ông. Mấy khẩu súng có từ thời ông còn phục vụ trong Ngạch Công chức Ấn Độ. Một khẩu súng hơi năm phát hiệu BSA, một khẩu súng trường cỡ .30 hiệu Springfield và một khẩu súng trường nòng hiệu Holland & Holland. Ông còn chẳng buồn cho chúng vào tủ khóa lại: tất cả được gắn trên tường ở cuối sảnh bên dưới là một hàng máy con vịt mỗi sơn xanh sơn nâu bụi bặm phủ đầy.

“*Chậc chậc*, han gì hết cả. Sao ông không giữ gìn cho cẩn thận?” Nhưng cả bọn cũng bằng lòng và trở nên táo tợn. “Bọn này sẽ ở lại dùng trà với gia đình ta.”

“Trà?” Sai hỏi lại, tái người đi vì sợ.

“Thì uống miếng nước ăn miếng bánh chứ sao. Ai lại đi đối xử với khách khứa thế bao giờ? Đuổi bọn này về giữa trời rét mướt mà không có gì

cho ấm bụng.” Cả bọn gã nọ nhìn gã kia, nhìn nàng từ trên xuống dưới, rồi nháy mắt với nhau.

Nàng cảm thấy một nỗi sợ hãi mãnh liệt rất đàn bà.

Mấy gã trai rõ ràng là không xa lạ gì với những cảnh phim trong đó vai đào kép chính bọc mình trong y phục mùa đông ấm áp, uống trà trong bộ đồ bạc do người hầu ăn mặc chỉnh chu phục vụ. Rồi sương sẽ ùa vào, giống như trong thực tại, họ sẽ hát hò và khiêu vũ, sẽ chơi trốn tìm trong một khu resort đẹp đẽ. Đây là bối cảnh điện ảnh kinh điển ở Kulu-Manali hay Kashmir thời tiền khủng bố, trước khi những tay súng xuất hiện từ trong sương và cần có một thể loại phim mới ra đời.

Người đầu bếp trốn sau bàn ăn và mấy gã trai lôi bác ra.

“Ai aaa, ai aaa” bác chắp tay lại và van vãn, “đừng mà, khốn khổ thân con, đừng mà.” Bác giơ tay lên và co rúm người lại như thể biết mình sắp bị đánh.

“Bác ấy có làm gì nên tội đâu, tha cho bác ấy đi,” Sai nói, nàng không nỡ nhìn người đầu bếp bị lăng nhục, càng không nỡ thấy lối thoát duy nhất mở ra cho bác là tự lăng nhục mình nặng nề hơn.

“Xin các ông, con chỉ cố sống đề nhìn mặt con con, xin đừng giết con, đừng mà, *khốn khổ thân con, các ông tha cho con.*”

Những lời thoại của bác đã được trau chuốt qua hàng thế kỷ, truyền lại cho nhiều thế hệ, bởi dân nghèo chỉ cần thuộc những câu thoại nhất định; kịch bản luôn là như thế, họ chẳng có lựa chọn nào khác ngoài việc cầu xin lòng trắc ẩn. Khóc lóc đối với người đầu bếp đã trở thành một thứ bản năng.

Những lời thoại quen thuộc ấy giúp mấy gã trai dễ dàng hòa thân vào vai diễn bác đã dành tặng chúng như một món quà.

“Có ai định giết ông đâu?” chúng bảo người đầu bếp. “Chẳng qua là bọn tôi đói, thế thôi. Đây, sahib của ông sẽ giúp ông. Dậy đi,” chúng ra lệnh cho ông tòa, “ở đây chỉ có ông là sành sỏi mấy thứ này thôi.” Thấy ông tòa không nhúc nhích, gã trai bèn chĩa súng vào Mutt lần nữa.

Ông tòa ôm lấy con chó và giấu nó ra sau lưng.

“Ông yếu đuối quá đấy, sahib ạ. Nhẽ ra với khách khứa ông cũng nên tử tế như vậy mới phải. Đứng dậy dọn bàn đi.”

Ông tòa thấy mình trong gian bếp, nơi ông chưa từng đặt chân vào lấy một lần, con Mutt thì chân run lay bầy, còn Sai và người đầu bếp thì không dám nhìn ông, cả hai đều ngoảnh mặt đi chỗ khác.

Họ chợt nhận ra có thể mình sẽ chết cùng ông tòa trong bếp; giữa lúc thời thế đảo điên này bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra.

“Không có gì ăn à?”

“Chỉ có bánh quy thôi,” lần thứ hai trong ngày, Sai trả lời như vậy.

“Ha! Sahib kiểu gì thế này?” gã lớn nhất hỏi ông tòa. “Không có gì ăn à! Thế thì làm món gì đi chứ. Tưởng bọn này có thể lên đường vùi mấy cái dạ dày lép kẹp đấy hẳn?”

Vừa khóc lóc cầu xin tha mạng, người đầu bếp vừa rán paroka, bột rơi lép lép xuống dầu sôi, thứ thanh âm đầy bạo lực này dường như là loại nhạc nền đặc biệt thích hợp cho hoàn cảnh ấy.

Ông tòa mò tìm tấm khăn trải bàn trong ngăn kéo nhét đầy những rèm cửa ố vàng, ga trải giường và vải vụn. Sai run rẩy hãm trà trong chảo rồi ép lấy nước, dù nàng không biết pha trà theo kiểu Ấn Độ. Nàng chỉ biết có kiểu Anh thôi.

Mấy gã trai hứng thú xem xét ngôi nhà. Bầu không khí, như chúng nhận thấy, rất đổi quạnh hiu. Vài món đồ gỗ ọp ẹp bị mối ăn nham nhờ nằm chơ vơ trong bóng tối cùng mấy chiếc ghế gấp khung sắt rẻ tiền. Cả bọn nhăn mũi lại vì mùi chuột hôi nồng nặc thường gặp ở nơi chật chội, dù trần nhà có chiều cao ngang giữa một tượng đài, còn phòng ốc rất rộng rãi theo kiểu nhà giàu ngày xưa có cửa sổ để ngắm tuyết. Chúng sẫm soi tấm bằng của Đại học Cambridge gần như biến mất dưới lớp bụi màu nâu đang lan nhanh trên tường nhà đã rộp lên vì ẩm và căng phồng như những cánh bướm. Sàn nhà kết thúc ở chân cánh cửa buồng kho, trước giờ luôn đóng im

im. Thực phẩm trong kho cùng với chỗ vỏ hộp cá ngừ nhiều đến phi lý chất đống trên chiếc bàn bóng bàn hỏng trong bếp, và chỉ một góc bếp được sử dụng, vì gian phòng vốn dành cho tất cả kẻ hầu người hạ chứ không phải riêng người đầy tớ còn sót lại.

“Nhà ta cần sửa sang nhiều đấy,” mấy gã trai khuyên nhủ.

“Trà khí nhạt,” mấy gã chê bai với khí phái mẹ chồng. “Và hơi thiếu muối,” chúng nhận xét về món *paroka*. Cả bọn nhúng bánh quy Marie & Delite vào trà, húp trà nóng soàn soạt. Hai cái rương tìm thấy trong phòng ngủ được chúng nhồi nhét đầy những gạo, đậu lăng, đường, trà, dầu, diêm, xà phòng Lux và kem dưỡng da Ponds. Một tên trấn an Sai: “Chỉ những gì cần cho phong trào.” Một tên khác bỗng kêu lên, hướng sự chú ý của cả bọn vào cái tủ bị khóa. “Đưa chìa đây.”

Ông tòa giao cho chúng chiếc chìa khóa giấu đằng sau những tập *Địa lý Quốc gia* mà, vào thời trai trẻ, mừng tượng ra một đời sống khác, ông đã đem ra hàng để đóng bì da và ghi năm bằng chữ mạ vàng.

Mấy gã trai mở tủ, tìm được vài chai rượu Grand Marnier, rượu vang amontillado và rượu Talisker. Có chai rượu đã bay hơi hết, có chai rượu đã hóa thành dấm, nhưng cả bọn vẫn vơ tất cả bỏ vào rương.

“Có thuốc lá không?”

Không có. Điều này khiến cả lũ nổi cáu, và mặc dù két nước đã cạn nhưng chúng vẫn đại tiện ra hố xí và mặc kệ nó bốc mùi. Rồi cả bọn sửa soạn lên đường.

“Nói đi: *Jai Gorkha*,” chúng bảo ông tòa. “Đất Gorkha của người Gorkha.”

“*Jai Gorkha*.”

“Tiếp: Tôi là đồ gốc”.

“Tôi là đồ gốc.”

“To lên. Chẳng nghe thấy gì cả, *huzoor* ạ. Nói to nữa lên.”

Ông tòa nhắc lại, vẫn bằng một giọng trống rỗng như thế.

“*Jai Gorkha*,” người đầu bếp nhắc lại. “Đất Gorkha của người Gorkha,” Sai riếp, dù họ không bị bắt phải nói gì.

“Tôi là đồ gốc,” người đầu bếp thêm.

Miệng cười hình hích, mấy gã trai rời khỏi hiên nhà, mang theo hai cái thùng biến vào trong sương. Một cái sơn chữ trắng trên nền tôn đen: “Ông J. P. Patel, SS *Strathnaver*.” Cái kia ghi: “Cô S. Mistry, Tu viện Thánh Augusrine.” Rồi chúng biến mất, cũng đột ngột như khi xuất hiện.

“Chúng đi rồi, chúng đi rồi,” Sai reo lên. Mutt cố hưởng ứng dù sợ hãi vẫn còn lẫn quất trong mắt, nó cố vẫy đuôi, dù cái đuôi cứ cụp lại giữa hai chân. Người đầu bếp bật ra một tràng than van thống thiết.

“*Humara kya hoga, hai hai, humara kya hoga*,” bác rú lên. “*Hai, hai*, rồi chúng ta sẽ ra sao đây?”

“Im đi,” ông tòa quát lên và thầm nghĩ, Cái lũ tôi tớ khốn nạn này sinh ra và lớn lên chỉ biết có kêu gào. Ông ngồi thẳng đuồn ra, mặt sắt lại cố không nhăn nhó, hai tay bấu chặt vào thành ghế để khỏi run lên bần bật, và dù cố đè nén chấn động trong nội tâm, ông vẫn cảm thấy dường như cả thế gian đang rung chuyển với một sức mạnh dữ dội mà ông phải đem hết sức mình cưỡng lại. Trên bàn là tấm khăn ông vừa mới trải, tấm khăn trắng in hình dây nho có một vết ố màu huyết dụ, là chỗ nhiều năm về trước ông đã đánh đổ một ly rượu porto khi định hất nó vào mặt vợ mình vì bà có cái kiểu nhai làm ông ghê tởm.

“Chậm thế,” mấy gã trai đã chế nhạo ông. “Các người! Một lũ không biết nhục... chẳng tự làm được gì cho nên hồn.” Cả Sai và người đầu bếp đều quay mặt đi, không nỡ nhìn ông tòa và cảnh ông bị lảng nhục, cho đến tận lúc này ánh mắt cả hai vẫn né tránh tấm khăn trải bàn, hướng ra xa xăm đâu đó giữa căn phòng, bởi nếu biết họ đã thấy chuyện tấm khăn, không thể biết được ông sẽ trừng phạt họ thế nào. Khủng khiếp thay bước đường cùng của một con người kiêu hãnh. Ông ta dám thủ tiêu nhân chứng lắm.

Người đầu bếp kéo rèm lên; vẻ mong manh của chúng như nổi bật lên nhờ lớp kính, và chúng như đang trần trụi phô mình giữa rừng già và đêm sâu, trong khi rừng già và đêm sâu phô mình dưới lớp áo choàng xù xì tăm tối. Rèm chưa vén lên, Mutt đã thấy hình ảnh mình trên cửa kính, ngỡ đây là một con chó rừng, liền nhảy chồm lên. Rồi nó quay đi, thấy bóng mình trên tường và lại chồm lên lần nữa.

Đó là một ngày tháng Hai năm 1986. Sai mới mười bảy và mối tình lãng mạn của nàng với chàng gia sư dạy toán Gyan còn chưa đầy một tuổi.

Những tờ báo lọt qua các chặng cấm đường đưa tin:

Tại Bombay, ban nhạc Hell No sẽ trình diễn ở khách sạn Hyatt International.

Tại Delhi, các đại biểu từ khắp nơi trên thế giới sẽ tham dự hội chợ công nghệ về bếp sử dụng khí ga làm từ phân bò.

Tại Kalimpong, trên vùng cao phía Đông Bắc dãy Himalaya nơi họ ở – ông tòa về hưu, người đầu bếp, Sai và con Mutt – có tin về làn sóng bất mãn mới ở vùng đồi, bạo động tập thể, trai tráng và súng ống. Lần này đến lượt dân Ấn Độ gốc Nepal, chán ghét cảnh bị đối xử như người thiểu số ở vùng đất nơi họ chiếm đa số. Họ muốn có quốc gia riêng hay ít ra cũng là một bang riêng, để giải quyết những vấn đề riêng của mình. Trên mảnh đất này, nơi lãnh thổ Ấn Độ lẫn vào Bhutan và Sikkim, nơi quân đội hết dừng lại tiến, bảo dưỡng xe tăng bằng sơn màu kaki để đề phòng tham vọng lãnh thổ của người Hoa không dừng lại ở Tây Tạng, bản đồ địa lý luôn là một mớ bòng bong. Giọng điệu của bài báo ra chiều cam chịu. Hàng loạt cuộc chiến tranh, phản bội và đổi chác đã xảy ra; giữa Nepal, Anh, Tây Tạng, Ấn Độ, Sikkim và Bhutan; đánh tháo được Darjeeling ở đây, giăng lại được Kalimpong ở kia – mặc cho, thế đấy, mặc cho sương mù như một con rồng tràn đến, hòa tan, xóa bỏ và nhạo báng việc phân định biên giới.

hai

Hôm sau ông tòa sai người đầu bếp đến đồn cảnh sát trình báo, mặc cho bác phản đối, sự từng trải của bao năm tuổi rác đồn tụ lại, điều đã xui khiến bác cầu xin những kẻ đột nhập, mách bảo bác rằng đây chẳng phải là một ý hay.

Đụng vào cảnh sát là đen đui, vì nếu đã bị bọn cướp mua đứt rồi thì họ sẽ nhắm mắt làm ngơ; bằng không thì còn tệ hơn, vì rất có thể mấy gã trai đêm trước sẽ trả thù. Giờ chúng đã có súng trong tay, chắc đã lau chùi gì séc, nạp đạn và... bắn! Kiểu gì cảnh sát cũng sẽ cố bóp nặn cho ra tiền hối lộ. Bác nhớ đến 250 rupee tiền bán món *chhang* tự chế công phu của mình cho Bác Potty, thứ đồ uống đã rất thành công trong việc làm ông già độc thân nọ say lã long lóc. Đêm trước bác cất tiền trong túi chiếc áo sơ mi dự phòng, nhưng thấy vẫn không yên tâm. Bác buộc nó lên xà nhà trong rúp lều tranh vách đất của mình ở cuối trang viên của ông tòa, nhưng rồi thấy lũ chuột chạy qua chạy lại trên xà, bác lại lo chúng ăn mất. Sau rốt, bác bỏ tiền vào một cái hộp thiếc rồi giấu trong gara, dưới gầm chiếc ô rô giờ chẳng lăn bánh đi đâu nữa. Và bác nghĩ đến Biju, con trai mình.

Ở Cho Oyu họ đang rất cần một anh trai tráng.

Bằng một thông điệp run rẩy, như thể được phát ra từ đôi tay vắn vẹo, bác ra sức nhấn mạnh rằng mình chỉ là người đưa tin. Chứ bản thân bác thì chả liên quan gì, mà bác thấy nó cũng không đáng phiền đến các ngài cảnh sát; phải bác là bác đã phớt lờ vụ cướp từ lâu, cả cuộc bạo loạn này và bất kỳ việc phạm pháp nào khác cũng vậy. Bác là một kẻ cùng đinh, may mà biết đọc biết viết, cả đời làm việc quần quật như trâu ngựa, chỉ mong tránh được tai vạ, cố sống cố để gặp lại con trai.

Chẳng may cho bác, mấy tay cảnh sát xông vào cả lên và tra hỏi bác gặt gao đồng thời khinh miệt ra mặt. Là phận tôi tớ, bác thấp kém hơn bọn họ nhiều, nhưng vụ cướp súng của một thành viên đoàn thẩm phán về hưu thì

họ không thể lơ đi được và buộc lòng phải thông báo cho viên chánh thanh tra.

Ngay chiều hôm đó cảnh sát đến Cho Oyu trên một đoàn xe jeep màu xanh cốm, vượt qua đám mây tĩnh điện của một cơn mưa tuyết nhỏ nhưng hối hả. Họ bỏ những chiếc ô để mở lại thành một hàng trên hiên nhà, nhưng gió thổi tung chúng lên và chúng bắt đầu lăn long lóc – hầu hết là ô đen còn rỉ thuốc nhuộm màu đen, nhưng có cả một chiếc ô hồng làm bằng chất liệu tổng hợp sản-xuất-tại Đài Loan in hình những đóa hoa nở rộ.

Cảnh sát lấy lời khai của ông tòa và lập hồ sơ xác nhận khiếu nại về việc xâm phạm tư gia và cướp tài sản. “Chúng có đe dọa gì không, thưa ngài?”

“Chúng bắt ông chủ dọn bàn và pha trà,” người đầu bếp trả lời với vẻ hết sức nghiêm trọng.

Mấy viên cảnh sát bật cười.

Miệng ông tòa mím lại thành một đường thẳng tắp đầy dữ tợn. “Cút xuống bếp! *Bar bar karta rehta hai.*”

Đám cảnh sát quét bột lấy vân tay khắp nơi, nhặt cái hộp đựng bánh quy bằng nhựa melamine có dấu vân tay nhờn mỡ *paroka* bỏ vào túi nhựa.

Họ đo những vết chân bước lên bậc thềm ở hiên nhà, phác hiện ra dấu vết vài cỡ chân khác nhau: “Có một tên rất cao to và đi giày bara, thưa ngài.”

Dinh cơ của ông tòa từ lâu đã là đối tượng tò mò của cả vùng, nên cũng như những kẻ cướp súng, họ tranh thủ dịp này để soi mói một vòng.

Và cũng như bọn cướp, họ không lấy gì làm ấn tượng trước những gì mình thấy. Họ sẫm soi sự suy vi của một gia đình khá giả với vẻ hả hê, một trong số họ còn lấy chân đá vào đường ống vốn đã lung lay dẫn nước từ con suối dưới *jhora* lên, đây đó được băng bó bằng mấy búi giẻ ướt sũng. Anh ta

soi đèn pin vào két nước toilet, phát hiện ra bộ phận xả nước được chấp nối tạm bợ bằng chun và nẹp tre.

“Ông tìm chứng cứ gì trong ấy thế?” Sai đi theo anh ta và hỏi, trong lòng nàng dâng lên một nỗi hổ thẹn.

Ngôi nhà được dựng lên từ lâu nhờ bàn tay của một người Scotland, độc giả trung thành của thể loại sách biên niên sử thời ấy: *Dãy Alps xứ Ấn Độ và chúng ta đã chinh phục nó ra sao* của một Quý bà Tiên phong nào đó. *Vùng đất của Lạt Ma. Chiếc xe kéo ma quái. Ngôi nhà ở Mercara của tôi. Con báo đen vùng Singrauli.* Tâm hồn đích thực của con người đó đã lên tiếng thôi thúc ông, mách bảo ông rằng nó cũng cuồng nhiệt và đầy quả cảm, rằng nó khước từ việc bị cự tuyệt quyền được phiêu lưu. Như thường lệ, cái giá cho sự lãng mạn kiểu đó rất cao và lại do kẻ khác gánh. Những người phu khuân vác chân khuyu xuống, sườn oằn đi, lưng còng lại, lâu ngày thành ra trọn đời bán mặt cho đất, vác đá dưới lòng sông lên nơi này, vị trí đặc địa vì quang cảnh có thể đưa trái tim con người đạt đến độ thăng hoa của tâm linh. Rồi đến khâu nước nôi, mương máng và lợp lát, đến những cánh cửa bằng sắt rèn đẹp đẽ như dải dăng ten vắt giữa hai bờ tường, đến con manơcanh của thợ may mà mấy viên cảnh sát đang đi lại rầm rập trên tầng áp mái vừa phát hiện ra – rầm rầm, chấn động từ bước chân của họ khiến cái chén sứ Meissen duy nhất còn sót lại như nghiêng rãng ken két trong lòng đĩa. Trên nền gác la liệt cả ngàn xác nhện như những đóa hoa tàn, và bên trên, mặt dưới của mái tôn, hậu duệ của chúng vừa né tránh những giọt nước dột xuống vừa nhìn chăm chăm vào mấy viên cảnh sát như chúng vẫn hằng nhìn tổ tiên mình – với đầy một bụng thiếu cảm thông không lồ bằng cỡ cái đĩa con.

Đám cảnh sát nhặt ô rồi lễ bước sang căn lều của người đầu bếp một cách đặc biệt thận trọng, đặc biệt cảnh giác. Ai cũng biết rằng hễ xảy ra trộm cướp, thì mười vụ có đến chín thủ phạm chính là kẻ hầu người ở trong nhà.

Họ đi qua gara, chiếc xe nằm bẹp ở đó, mũi chúi xuống đất, cỏ lan đến tận sàn, cuộc viễn du ọc ạch cuối cùng của nó tới Darjeeling để ông tòa đến thăm Bose, người bạn duy nhất của ông, từ lâu đã rơi vào quên lãng. Họ đi qua một mảnh sân được chăm sóc đặc biệt kỹ lưỡng đằng sau bể nước, nơi có một đĩa sữa chảy lênh láng và một đồng kẹo *mithai* lỗ chỗ những vết sau cơn mưa pha tuyết. Góc sân sạch cỏ này ra đời sau cái lần người đầu bếp bị một quả trứng ung làm cho tháo dạ, cùng quần quá phải đại tiện ra ngay sau nhà thay vì cái chốn quen thuộc của bác ở tận cuối khu vườn, vô tình chọc giận hai con rắn *mia-mibi*, đôi uyên ương cư ngụ trong cái hốc gần đó.

Người đầu bếp thuật lại sự tình cho đám cảnh sát. “Cả hai tịnh không cắn, nhưng người tôi tự dừng sừng phồng lên gấp mười bình thường. Tôi ra đèn cầu xin thì mọi người mách là phải làm lễ tạ tội với thần rắn. Tôi mới nặn một bức tượng rắn hổ mang bằng đất sét, đcm đặt sau bể nước, dọn sạch phân bò ở chung quanh, rồi làm lễ *puja*. Thế là chỗ sừng xẹp xuống ngay lập tức.

Mấy viên cảnh sát gật gù tán đồng. “Cứ thành tâm cầu xin là thần rắn nhất định sẽ phù hộ, sẽ không bao giờ cắn ông.”

“Vâng,” người đầu bếp đáp, “các ngài cấm có cắn bao giờ, cả hai ngài, và cũng chẳng tơ hào lấy một con gà quả trứng. Mùa đông ít thấy các ngài, còn thường thì các ngài xuất hiện luôn xem mọi chuyện có ổn thỏa cả không. Thăm thú dinh cơ một vòng. Nhẽ ra chúng tôi định biến chỗ này thành một mảnh vườn nhưng rồi để lại cho các ngài. Các ngài bò men theo hàng rào quanh Cho Oyu một lượt rồi mới trở về nhà.”

“Rắn gì thế?”

“Hổ mang đen ạ, to bằng ngần này này,” bác đáp và chỉ vào cái hộp đựng bánh quy viên cảnh sát bỏ trong túi nhựa. “Rắn ông rắn bà.”

Nhưng các ngài chẳng hề phù hộ cho người ta khỏi bị cướp... một viên cảnh sát gạt ý nghĩ báng bổ đó khỏi đầu, và họ kính cẩn đi men theo mảnh đất, đề phòng đôi rắn hay họ hàng của chúng tấn công vì bị chọc tức.

Vẻ thành kính trên khuôn mặt đám cảnh sát tan biến tức thì khi họ bước vào túp lều của người đầu bếp chìm trong bóng tối mịt mù. Ở đây họ có thể thoải mái giải phóng sự khinh miệt của mình, họ lật tung cái giường bé nhỏ của bác lên, vứt đồ đạc của bác lại thành đống.

Tim Sai nói lên khi thấy gia tài ít ỏi của bác: dăm bộ quần áo vắt trên dây, một lưỡi dao cạo, một chậu xà phòng rẻ tiền cáu bẩn, một cái chăn Kulu từng thuộc về nàng, một hộp giấy bồi có khóa sắt trước đây là của ông tòa, nay đựng giấy tờ của người đầu bếp, giấy giới thiệu đã giúp bác được nhận vào làm ở đây, thư từ của Biju, hồ sơ vụ kiện tụng ở quê bác tận Uttar Pradesh về năm cây xoài mà bác đã mất cho đứa em trai. Còn cái túi xatanh trong hộp thì đựng một chiếc đồng hồ hồng, đem sửa thì quá tốn nhưng vứt đi lại quá phí – vì các linh kiện hãy còn đem cầm được. Mấy thứ đó được bác nhặt nhanh bỏ vào một chiếc phong bì, và lúc viên cảnh sát bóc phong bì ra, cái núm vặn dây cốt nhỏ xíu đã rơi lẫn vào đám cỏ.

Trên tường có hai bức ảnh – một là ảnh hai vợ chồng bác trong ngày cưới, còn cái kia là hình Biju ăn mặc chỉnh tề trước lúc lên đường. Đó là những bức ảnh theo kiểu nhà nghèo, của những người không dám phí phạm dù chỉ một tấm hình; trong khi trên khắp thế giới người ta đang tạo dáng một cách phóng túng chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại thì ở đây bọn họ đứng cứng đờ như hình chụp X-quang.

Có lần Sai đã lấy máy ảnh của bác Potty và chụp lén người đầu bếp nhân lúc bác đang mãi thái hành, và nàng rất ngạc nhiên khi bác phản ứng như thể mình vừa bị lột trần đến tận chân tóc. Bác vội vàng đi thay bộ đồ tinh tươm nhất, áo quần sạch sẽ ra đứng cạnh chồng tạp chí *Địa lý Quốc gia* bìa da, cái phong nền bác thấy là thích hợp.

Sai tự hỏi liệu bác có yêu vợ mình không nhỉ.

Bà đã mất mười bảy năm về trước, lúc Biju mới lên năm, ngã từ trên cây xuống khi đi hái lá cho dê ăn. Tai bay vạ gió, như người ta vẫn bảo, chẳng biết trách ai – chẳng qua là số kiếp, vì cái cảnh đã nghèo lại lắm gieo

neo như thế ngoài số kiếp ra thì còn biết đố cho ai. Biju là đứa con duy nhất của hai người.

“Cái thằng ngỗ nghịch lắm,” người đầu bếp luôn thốt lên với cả niềm vui. “Nhưng về bản chất nó là đứa tốt. ở làng ta lũ chó cắn lợn lắm, có con rãng to bằng cây gậy, nhưng lúc Biju đi qua chẳng chó nào cắn cả. Mà cũng không rãng nào cắn nó khi nó đi cắt cỏ cho bò. Nó là thế đấy,” bác kể, đầy vẻ tự hào. “Nó cấm có sợ gì sắt cả. Từ hồi bé tí nó đã dám túm đuôi chuột, nắm cổ ếch xách lên...” “Nhưng Biju trong tấm hình trông chẳng gan dạ chút nào mà cũng cứng đờ ra hết như bố mẹ. Cậu đứng giữa hai món đạo cụ là chiếc máy cassette và chai Campa Cola, dựa vào tấm phong vẽ hình hồ nước, còn ở rìa bức ảnh là những mảng da thịt màu nâu của hàng xóm láng giềng, một cánh tay và một ngón chân, một lọn tóc và một hàm răng, thêm một cái đuôi gà, dù người thợ ảnh đã cố xua những vai quần chúng nọ ra khỏi khuôn hình.

Đám cảnh sát dốc hết thư trong hộp ra và bắt đầu đọc một bức viết từ ba năm trước. Biju khi ấy vừa đến New York. “*Pitaji* kính yêu, đừng lo lắng. Mọi chuyện đều ổn cả. Ông giám đốc đã nhận con vào làm bồi bàn. Họ sẽ cho đồng phục và đồ ăn. Ở đây chỉ có *Angrezi khana* thôi, không có đồ Ấn, mà chủ quán cũng không phải người Ấn. Ông ấy là người Mỹ.”

“Nó làm việc cho người Mỹ đấy,” bác đã kịp khoe nội dung lá thư với tất cả bà con ngoài chợ.

ba

Tại nước Mỹ xa xôi, Biju từng cùng đứng quầy bán hàng với cả một hàng người trong những ngày mới đến.

“Cô lấy cái to nhé?” Romy, anh phục vụ đồng nghiệp của Biju hỏi rồi dùng kẹp nhắc một cây xúc xích lên, huơ nó vòng vòng, mỡ màng và đầy đặn, đập nó tưng tưng vào thành chảo, lật lên lật xuống cây xúc xích dẻo quẹo trước mặt một cô gái có khuôn mặt ưa nhìn, được giáo dục là phải đối xử bình đẳng với người da màu.

Quán Đu đủ của Gray. Xúc xích rồi lại xúc xích, hai cây cộng một lon soda giá 1.95\$.

Nhiệt huyết của bạn bè đồng nghiệp làm Biju choáng váng, kinh hãi, hưng phấn, rồi lại kinh hãi.

“Hành, mù tạt, dưa góp, nước sốt nhé?”

Thụp thùm thum.

“Xúc xích cay chứ?”

Thùm Thum Lủng Lẳng. Hệt như một tên biến thái nhảy trong bụi cây ra – lúc lắc cái bộ phận thích hợp trên thân thể gã...

“Cái to hay cái nhỏ?”

“Cái to,” cô gái cò khuôn mặt ưa nhìn trả lời.

“Nước cam hay nước dưa?”

Trong quán tràn ngập bầu không khí hội hè với những dải xúc xích giấy, cam nhựa và chuối nhựa, nhưng nhiệt độ lên đến hơn ba mươi tám độ, mồ hôi chảy ròng ròng trên mũi họ rồi nhỏ tong tỏng xuống chân.

“Bà thích xúc xích kiểu Ấn? Hay xúc xích kiểu Mỹ? Hay xúc xích đặc biệt?”

“Thưa ông,” một bà lặn lội từ Bangladesh đến thăm con đang học đại học ở New York nói, “quán nhà ta rất khá. Tôi chưa ăn xúc xích ở đâu ngon như ở đây, nhưng cò lẽ ông nên đổi tên quán đi. Nghe cứ kỳ cục thế nào ấy – chẳng có nghĩa gì cả!

Biju cũng vậy cây xúc xích của mình theo chúng bạn, nhưng khi hết giờ làm thì cậu lại ngần ngại khi họ tìm đến mấy cô ả người Dominica ở khu Washington Heights – chỉ mất có ba mươi lăm đô!

Cậu che giấu sự nhút nhát của mình bằng cách làm bộ ghê tởm: “Sao các anh có thể. Bọn đấy bắn chết đi được,” cậu cục cằn nói. “Đĩ điếm thối tha,” nghe đầy gượng gạo. “Cứ đụ đéo bọn đĩ điếm, lũ đàn bà rẻ tiền ấy rồi thế nào các anh cũng lây bệnh cho mà xem... mùi kinh chết... *hubshi*... rất một lũ đen đúa xấu xí... chúng làm tôi phát tởm...”

“Bây giờ ấy hả,” Romy nòi, “chó tao cũng chơi! – Grừừừ! – anh ta tru lên và làm bộ rụt đầu lại. “GrừừừỪỪỪ... “

Những người khác cười ồ.

Họ là đàn ông; cậu là một đứa bé con. Cậu mới mười chín, xét về ngoại hình và tính cách thì cậu còn nhỏ hơn mấy tuổi.

“Nóng lắm,” cậu trả lời khi họ rủ lần nữa.

Rồi thì: “Mệt lắm.”

Sang mùa sau: “Lạnh lắm.”

Tự đáy lòng, cậu thấy gần như nhẹ nhõm khi người quản lý cửa hàng nhận được thông tư yêu cầu ông ta kiểm tra thẻ cư trú của nhân viên.

“Biết làm sao được,” người quản lý nói, mặt đỏ lên vì buộc lòng phải ban phát sự lãng mạ cho họ. Một người tử tế. Tên ông ta là Frank – thật khôi hài đối với một người cả ngày lo chuyện xúc xích¹. “Nghe tôi, lãng lạng mà biến đi...”

Và thế là họ biến đi.

bốn

Angrezi khana. Người đầu bếp hình dung ra từng khúc giảm bông đóng hộp, đem rán từng lát dày màu hồng tươi, đến món cá ngừ chiên phồng, đến bánh bích quy *khari*, và chắc chắn rằng vì thằng bé nấu đồ Anh nên rồi ra nó sẽ có địa vị sang cả hơn là nấu đồ Ấn.

Bức thư đầu tiên có vẻ đã kích thích trí tò mò của mấy viên cảnh sát, họ vùi đầu vào đọc những lá thư còn lại. Để tìm kiếm điều gì? Dấu vết một trò bịp bợm? Tiền bán súng? Hay chính họ cũng đang tự hỏi làm thế nào sang được đất Mỹ?

Tuy những lá thư của Biju nhắc đến vô số chỗ làm nhưng nội dung của chúng ít nhiều đều giống nhau, trừ tên quán ăn cậu đang làm việc. Những điều lặp lại trong thư đem đến một cảm giác ấm cúng, và cách người đầu bếp lặp lại sự lặp lại của đứa con càng ủ ấm thêm sự ấm cúng ấy. “Công việc tuyệt vời,” bác khoe với người quen, “còn ngon lành hơn chỗ cũ.” Bác bắt đầu mơ đến ghế bành ti vi tài khoản ngân hàng. Rồi Biju sẽ kiếm được khá tiền và bác sẽ về hưu. Bác sẽ kiếm một đứa con dâu để nấu nướng cho bác ăn, bóp chân cho bác, sẽ có một bầy cháu nội vo ve để bác đét đít như đập ruồi.

Thời gian như ngưng đọng trong ngôi nhà bên vách núi nơi từng đường nét đã chìm lấp dưới rêu phong, mái đã phủ đầy dương xỉ, nhưng theo mỗi bức thư về, lòng người đầu bếp lại khấp khởi nghĩ đến tương lai.

Bác viết lại cho con trai mấy dòng cẩn thận, để nó khỏi coi thường người cha ít học của mình: “Cố dành dụm tiền con ạ. Đừng cho ai vay mượn gì và nhớ lựa lời ăn tiếng nói. Trên đời nhiều kẻ nói một đằng làm một nẻo lắm. Hết bọn lừa đảo lại quân dối trá. Con nhớ nghi ngơi nữa nhé. Cố mà ăn uống cho đầy đủ. Sức khỏe là Vàng. Định làm gì thì cứ hỏi ý kiến anh Nandu trước.”

Nandu là một người cùng làng với hai cha con ở cùng thành phố.

Có lần tấm phiếu trúng thưởng một quả địa cầu hơi của tạp chí *Địa lý Quốc gia* đã tìm đến hòm thư ở Cho Oyu. Sai điền vào tấm phiếu rồi gửi bưu điện đến tận Omaha, và rất lâu sau khi họ đã quên bẵng đi thì món quà bỗng xuất hiện cùng một tờ chứng nhận chúc mừng họ – những độc giả đam mê phiêu lưu đã góp phần mở rộng biên giới tri thức và sự táo bạo của nhân loại trong gần một thế kỷ qua. Sai cùng người đầu bếp thổi quả địa cầu lên rồi gắn vào trục bằng mấy con ốc đi kèm. Thư từ ở đây hiếm khi có gì bất ngờ như vậy, đẹp thì lại càng không. Họ ngắm nhìn sa mạc, núi non, sắc xanh sắc vàng tươi tắn của mùa xuân, tuyết phủ vùng cực; và Biju đang ở đâu đó trên quả địa cầu đẹp đẽ ấy. Họ tìm đến New York, và Sai giải thích cho người đầu bếp hiểu tại sao khi ở chỗ họ là ngày thì bên đó lại là đêm, hệt như hồi ở tu viện Thánh Augustine xơ Alice đã minh họa cho nàng bằng một quả cam và một cái đèn pin. Bác tỏ vẻ ngạc nhiên khi biết rằng Ấn Độ lại đón ngày mới trước, một thực tế ngược đời và khôi hài chẳng phản ánh đúng mối quan hệ giữa hai quốc gia trên bất kỳ lĩnh vực nào.

Những lá thứ vung vãi trên sàn nhà cùng vài món quần áo; tấm đệm cũ kỹ bị lật tung lên, mấy xấp báo kê bên dưới để lò xo không cào rách tấm đệm vốn đã xác xơ cũng bị vứt ra tung tóe.

Mấy viên cảnh sát đã bóc trần cảnh nghèo nàn của người đầu bếp, phơi bày một thực tế là chẳng ai quan tâm đến bác, lòng tự tôn của bác chẳng có chút cơ sở nào; họ hủy hoại cái vỏ ngoài đó rồi ném nỏ vào mặt bác.

Rồi đám cảnh sát cùng những chiếc ô – hầu hết màu đen xen lẫn một cái màu hồng cò hoa – lục tục nít khỏi gian phòng tối tăm mù mịt ấy.

Người đầu bếp quỳ xuống tìm cái nút đồng hồ bằng bạc, nhưng nó đã biến đi đâu mất.

“Thì họ cũng phải lục soát hết cả chứ,” bác lẩm bẩm. “Cũng phải thôi. Làm sao họ biết được mình vô tội? Trước nay kẻ cắp đa phần vẫn là người ở trong nhà.”

Sai thấy bối rối. Nàng ít khi lai vãng tới túp lều của người đầu bếp; mỗi lần nàng đến tìm bác và bước vào, bác đều thấy lúng túng và nàng cũng vậy, trong sự gần gũi giữa họ có gì đó giả tạo bị phơi bày, tình bạn của họ được vun đắp từ những điều nông cạn, chuyển tải bằng một thứ ngôn ngữ rời rạc, bởi nàng nói tiếng Anh còn bác nói tiếng Hindi. Sự rời rạc ấy khiến quan hệ của họ chẳng bao giờ đi vào chiều sâu, chẳng bao giờ bước vào một lĩnh vực nào đòi hỏi một trường từ vựng phức tạp; thế nhưng nàng vẫn thấy thanh thản mỗi khi nhìn khuôn mặt kỳ cục của bác, mỗi khi nghe bác kì kèo mặc cả ngoài chợ, thấy tự hào khi chung sống với một người tuy khó tính khó nết như vậy nhưng vẫn trù mẫn trò chuyện với nàng, gọi nàng là Babyji hay Saibaby.

Nàng gặp người đầu bếp lần đầu tiên khi người ta đưa nàng từ tu viện Thánh Augustine ở Dehra Dun đến đây. Đã chín năm rồi. Chiếc taxi thả Sai xuống dưới ánh huỳnh quang của vầng trăng, đủ cho cô bé đọc được tên của ngôi nhà – Cho Oyu – trong khi hình hài nhỏ bé ấy đứng đợi bên cánh cổng, cái bé nhỏ của Sai càng làm nổi bật cái mênh mông của cảnh vật. Cạnh cô bé là một cái rương bằng thiếc. “Cô S. Mistry, Tu viện Thánh Augustine.” Nhưng cánh cổng bị khóa. Người lái xe rung cửa lạch cạch và gọi toáng lên.

“Oi, koi hai? Khansama? uth. Koi hai? uth. Khansama?”

Kanchenjunga rực sáng đầy ma quái, hai bên chạy dài những rặng cây, thân trắng nhợt, lá đen sì, và xa xa giữa hai hàng cây là con đường mòn dẫn đến ngôi nhà.

Một lúc lâu sau họ mới nghe tiếng còi và thấy một ngọn đèn lồng tiến lại gần, và người đầu bếp xuất hiện, đôi chân vòng kiềng bước đi trên đường, nhìn như một tấm da thuộc, bạc màu và lem luốc, hết như bác bây giờ, và vẫn sẽ như bác sau mười năm nữa. Một người đàn ông cùng khổ biến thành một ông lão già nua như đoạn phim tua nhanh. Ngắn ngủi tuổi thơ, lay lắt tuổi già. Bác và ông tòa cách nhau một thế hệ, nhưng nhìn họ không ai nhận ra điều đó. Dấu ấn tuổi tác nằm trong tính nết, trong cái ấm, trong quần

áo, trong gian bếp, trong giọng nói, trong khuôn mặt bác, trong cái nhem nhuốc lưu cữu, trong cái mùi lưu cữu lắng đọng của một đời người vùi trong nấu nướng, khói bếp và dầu hỏa.

“Sao họ dám đối xử với bác như thế,” Sai thốt lên, cổ khóa lấp khoảng cách giữa hai người khi họ đứng bên nhau nhìn mớ hỗn độn cảnh sát để lại giữa túp lều.

“Người ta điều tra thì phải vậy chứ biết làm sao?” người đầu bếp bào chữa.

Trong hai nỗ lực khác nhau để vãn hồi lòng tự tôn của bác, họ chỉ càng phơi bày sự hủy hoại ấy rõ ràng hơn.

Họ cặm cụi thu dọn đồ đạc, người đầu bếp cẩn thận đúc từng trang thư vào đúng phong bì. Một ngày kia bác sẽ trao chúng lại cho Biju làm kỷ vật ghi dấu chuyển đi của thằng bé, để nó thấy hãnh diện và thành đạt.

năm

Biju ở Baby Bistro.

Trên gác là nhà hàng Pháp, nhưng dưới bếp là Mexico và Ấn Độ. Và khi có thêm một nhân viên người Pakistan, nó thành ra nhà hàng Mexico, Ấn Độ, Pakistan.

Biju ở nhà hàng Le Colonial ven nguyên hương vị thuộc địa.

Ở trên là thực dân giàu sang, bên dưới là bản xứ nghèo khó. Columbia, Tunisia, Ecuador, Gambia.

Rồi đến nhà hàng Sao và Vạch. Cờ Hoa Kỳ ở trên hết, cờ Guatemala ở dưới hết.

Lúc Biju đến thì có thêm cờ Ấn Độ.

“Guatemala ở đâu thế?” cậu phải lên tiếng hỏi.

“Guam ở đâu thế?”

“Madagascar ở đâu thế?”

“Guyana ở đâu thế?”

“Thế cậu không biết à?” anh bạn người Guyana hỏi. “Ở Guyana đâu mà chả có dân Ấn.”

“Dân Ấn ở Guam á. Chỗ nào cũng có, rất dân Ấn cả.” “Trinidad?”

“Trinidad đây dân Ấn! Nói kiểu này chứ – cậu có tin không? – “Ai mửa hộ hợp cá hồi cái nhểể.”²

Madagascar – Ấn Ấn.

Chile – trong khu miễn thuế Zona Rosa ở Tierra del Fuego đầy dân Ấn, whisky, đồ điện tử. Nghĩ đến bọn Pakistan chuyên buôn xe cũ ở trên khu Areca lại cay. “À... thôi bỏ đi... mặc kệ cái lũ *bhenchoots* ấy ăn lãi hai mươi lăm phần trăm... “ Kenya, Nam Phi. Ả rập Xêút. Fiji. New Zealand. Surinam.

Ở Canada ngày xưa có một nhóm người Sikh tới định cư; họ tìm đến những nơi hẻo lánh, đàn bà con gái trit bỏ *sal-wars* và mặc kurta thay váy.

Dân Ấn, ừ, ở cả Alaska; một tay *desi* sở hữu cửa hàng bách hóa cuối cùng ở thị trấn cuối cùng trên đường lên Bắc Cực, chuyên bán đồ hộp, dây câu, muối túi và xéng; vợ anh ta ở lại Karnal với lũ trẻ, nơi họ đủ điều kiện cho con vào nhà trẻ Những Thiên Thần Bé Bông nhờ sự hy sinh của người chồng.

Ở Biển Đen, ừ, lại dân Ấn, kinh doanh đồ gia vị.

Hong Kong. Singapore.

Lớn bằng này rồi mà sao chẳng biết gì? Nước Anh thì cậu biết, cả Mỹ, Dubai và Kuwait nữa, nhưng chỉ thế mà thôi.

Ở New York có cả một thế giới trong những gian bếp dưới tầng hầm, nhưng Biju chưa được chuẩn bị tinh thần cho điều đó và cậu nhẹ nhõm hẳn khi gã người Pakistan xuất hiện. Chí ít cậu cũng biết phải làm gì. Cậu viết thư về kể cho cha.

Người đầu bếp đâm ra lo lắng. Thằng bé làm việc ở đâu không biết? vẫn biết đất nước này là nơi dân tứ xứ lặn lội đến làm ăn, nhưng bọn Pakistan thì không thể nào! Ai lại thuê bọn nó cơ chứ. Ai mà chả chuộng dân Ấn hơn...

“Coi chừng,” người đầu bếp viết cho con trai. “Coi chừng. Coi chừng. Tránh xa con ạ. Chớ có tin.”

Con trai bác đã sớm làm bác tự hào. Cậu không sao nói chuyện thoải mái với anh chàng kia được; mỗi tế bào trên người cậu đều cảm thấy sự giả

dối, mỗi sợi tóc trên đầu cậu đều dựng lên cảnh giác.

Dân *Desi* đối mặt với dân *Paki*.

Chà, thù cũ nhớ lâu đây mà...

Có nơi nào ngôn từ tuôn chảy với sự nhuần nhuyễn của hàng thế kỷ thực hành? Có cách nào để tinh thần của cha ông tái sinh từ cõi chết?

Chính ở nơi đây, ở nước Mỹ, nơi mọi dân tộc khẳng định đặc trưng của mình.

Biju cảm giác như mình đang bước vào một bể nước ối ấm áp.

Nhưng rồi nước ối lạnh dần đi. Cuộc chiến này, nói cho cùng, không làm ai thỏa mãn; mỗi thù chưa bao giờ ăn sâu thực sự, cái cở vẹo chưa hề nắn lại, vết ngứa chưa hề được gãi; cảm giác khó chịu cứ thế tự nó bùng lên, hai chiến binh càng ngứa điên cuồng.

“Đồ lợn, quân lợn giống, *sooar ka baccha*,” Biju chửi.

“*Uloo ka patha*, đồ diều tha quạ mổ, đồ con hoang Ấn Độ hạ tiện.”

Nhưng đúng vào thời điểm quyết định thì cả hai dừng lại. Họ tương thẳng vào nhau những viên đạn bắp cải.

“***!!!!”, ông chủ người Pháp thốt lên.

Thanh âm ấy vang lên bên tai họ như một bông bồ công anh rít lên phần phật vì giận dữ, kỳ thực ông ta nói rằng cả hai chỉ giỏi phá. Tiếng ẩu đả của họ đã chu du theo những bậc thang lên gác, rít lên một nốt nhạc chói chúa, không khéo họ sẽ phá vỡ sự cân xứng, thế giới thứ nhất hoàn toàn ở trên, thế giới thứ ba hoàn toàn ở dưới hai mươi hai bậc. Làm lợn tưng phèo cả lên thế thì ai sẽ bảo trợ cho nhà hàng của ông, *hử? Nhà hàng với món coquilles Saint-Jacques à lavapeur giá 27.50\$ và blanquette de veau giá 23\$, rồi còn con vịt quay khai vị dành cho thực khách kiêu dân, chễm chệ như một viên tống trấn trên cái đệm mỡ của chính mình, tỏa ra mùi nghệ thoang thoảng.*

Cái bọn này nghĩ gì thế không biết? Tầng hầm nhà hàng ở Paris có đầy dân Mexico, *desi* và Paki không?

Không, không hề. Chứ ông tưởng thế nào?

Tầng hầm của những nhà hàng ấy đầy dân Algeria, Senegal, Marốc...

Tạm biệt, Baby Bistro. “Tranh thủ lúc nghỉ làm mà tắm đi một cái,” ông chủ khuyên. Ông ta rất tử tế nên đã thuê Biju dù thấy người cậu có mùi hôi.

Gã Paki một đấng, Biju một néo. Vòng quanh góc phố, gặp nhau lần nữa, quay đi lần nữa.

sáu

Vậy là khi Sai đứng chờ trước cổng, người đầu bếp xuất hiện, đôi chân vòng kiềng bước đi trên đường, ngọn đèn lồng trong tay, thổi còi để xua đi lũ chó rừng, hai con rắn hổ mang và Gobbo, tên trộm làng đã ăn cắp khắp lượt dân cư ở Kalimpong và có anh làm cảnh sát để bao che cho hắn.

“Cháu ở Anh về à?” người đầu bếp hỏi Sai và mở cánh cổng có khóa xích to tướng, mặc dù ai cũng có thể dễ dàng leo qua bờ đất hay ngược hẻm núi đi lên.

Cô bé lắc đầu.

“Hay là ở Mỹ? Bên ấy điện nước cấm có trục trặc bao giờ,” bác nói. Một niềm kính sợ căng đầy trong lời bác, khiến chúng ngân nga đầy tự mãn và béo tốt như tiền bạc của thế giới thứ nhất.

“Không ạ,” cô bé đáp.

“Không phải à? Không phải à?” Bác thất vọng ra mặt. “Nhưng là nước ngoài về.” Không dấu chấm hỏi. Nhắc lại một sự thật giản đơn hiển nhiên không tranh cãi. Gật gù như thế chính cô bé đã nói ra điều đó chứ không phải bác.

“Không ạ. Cháu ở Dehra Dun đến.”

“Dehra Dun!” Choáng váng, “*Kamaal hai*,” người đầu bếp thốt lên. “Mọi người ở đây cứ nặng hết cả lên, nghĩ là cháu ở xa về, trong khi cháu lại ở ngay Dehra Dun bấy lâu nay. Sao cháu không về từ sớm?”

“À,” người đầu bếp lăm bẫm khi cô bé không trả lời, “Thế bố mẹ cháu đâu?”

“Bố mẹ chết rồi,” cô bé đáp.

“Chết rồi.” Bác đánh rơi cái lồng đèn và ngọn lửa tắt phụt. “*Baap re!* Bác chẳng biết gì hết cả. Rồi cháu sẽ ra sao đây, bé con tội nghiệp?” bác than

thở, xót xa và tuyệt vọng. “Thế họ mất ở đâu?” Ngọn đèn lồng đã tắt, cảnh vật thẫm đẫm ánh sáng huyền bí của vầng trăng.

“Ở Nga ạ.”

“Ở Nga! Nhưng bên đó thì có việc gì làm!” Câu chữ của bác đã biến thành thứ tiền tệ mất giá và đen đui của thế giới thứ ba. “Họ làm gì ở đó?”

“Bố cháu là phi công vũ trụ.”

“Phi công vũ trụ, hừm, chưa nghe bao giờ... “Bác nhìn cô bé đầy ngờ vực. Con bé này có gì đó không ổn, bác cảm thấy như thế, nhưng nó đã ở đây rồi. “Giờ cháu phải ở đây thôi,” bác trầm ngâm. “Cháu có còn ai nữa đâu... tội cho cháu quá... khổ thân cháu quá...” Những chuyện như thế này thường do trẻ con dựng lên, hoặc được người lớn kể cho để che giấu một sự thật kinh khủng.

Người đầu bếp và anh lái xe đánh vật với cái thùng vì trên đường cỏ dại mọc quá dày nên xe không đi được; chỉ có một vệt đường mòn rất hẹp đã được san bằng.

Người đầu bếp ngoảnh lại: “Thế làm sao mà họ chết?”

Đâu đó trên đều họ vang lên một tiếng chim sợ hãi, tiếng đôi cánh rộng vỗ lên nghe như tiếng cánh quạt máy bay.

Đó là một chiều bình yên trong lòng Moscow, ông bà Mistry đang băng qua quảng trường để bước vào trụ sở Hiệp hội Du hành Liên hành tinh. Cha của Sai đã ở đây từ khi ông được Không quân Ấn Độ chọn làm ứng cử viên tiềm năng cho Chương trình Intercosmos. Đó là những ngày tháng cuối cùng của cuộc tình lãng mạn Ấn Độ-Liên Xô, khi không gian đã phảng phất mùi hoa héo, cuộc trao đổi giữa các nhà khoa học đã mau chóng chuyển thành nước mắt và hoài vọng về những tháng năm yêu đương nồng thắm của hai quốc gia.

Ông bà Mistry đã trưởng thành trong giai đoạn nồng thắm ấy, khi mỗi lương duyên giữa hai nước được bồi đắp bằng những vụ mua bán vũ khí,

những cuộc thi đấu thể thao, những chuyến lưu diễn của các đoàn ca múa, những cuốn truyện tranh giới thiệu cho một thế hệ trẻ em Ấn Độ về Baba Yaga sống trong ngôi nhà chân gà vào thời xa xưa tăm tối giữa một cánh rừng Nga; về những gian truân Hoàng tử Ivan và Công chúa Ivanka phải trải qua trước khi được mãi mãi hạnh phúc bên nhau trong tòa cung điện mái vòm hình củ hành.

Đôi vợ chồng gặp nhau giữa một công viên ở Delhi. Bà Mistry khi đó còn là nữ sinh trung học, rời ký túc xá chỉ để đi học và hong khô mái tóc dưới bóng mát yên tĩnh của một gốc xoan, nơi bà giám thị cho phép nữ sinh của mình lai vãng. Ông Mistry lúc ấy tập chạy qua đó, đã gia nhập không quân, cao to khỏe mạnh, ria mép xén tỉa kỹ càng; và chàng vận động viên bỗng thấy cô nữ sinh đẹp đến ngỡ ngàng, nét mặt nửa chanh chua, nửa ngọt ngào, buộc anh phải đứng lại nhìn. Họ quen nhau trên bãi cỏ này, nơi lũ bò bị buộc vào những chiếc máy cắt cỏ to đùng hoen gỉ, thông thả nhai lại trước lăng tẩm đồ nát của một vị hoàng thân Mughal. Chưa đầy một năm sau, sân giữa lòng lạnh lẽo, dưới ánh sáng vàng phản chiếu từ mái vòm này sang mái vòm u tối khác, nồng hơn, đậm hơn khi xuyên qua những ô cửa chạm trổ rọi xuống thành hình hoa lá, trăng sao, ông Mistry quỳ xuống cầu hôn. Cô nữ sinh suy nghĩ thật mau. Mỗi tình lãng mạn với ông Mistry đã giúp cô thoát khỏi những buồn chán của quá khứ và sự tẻ nhạt của đời con gái hiện tại. Có những giây phút ai cũng ước mình là người lớn, và cô nhận lời. Viên phi công và cô nữ sinh, một tín đồ Bái hỏa giáo và một tín đồ Ấn Độ giáo, nổi bật giữa lòng lạnh tẫm của vị hoàng thân Mughal, biết rằng ngoài họ ra sẽ không một ai cảm động trước mối tình thế tục vĩ đại này. Dù gì đi nữa, họ vẫn thấy mình may mắn vì đã gặp được nhau, mỗi người đều trống vắng vì cùng một nỗi cô đơn, mỗi người đều lôi cuốn nhau như một người ngoại quốc, nhưng đều được giáo dục hướng về phương Tây, nhờ thế họ có thể song ca những điệu hát du dương trên nền nhạc guitar. Họ thấy mình tự do và can đảm, thấy mình là một phần của một quốc gia hiện đại trong một thế giới hiện đại.

Đầu năm 1955, Khrushchev tới thăm Kashmir và tuyên bố đây là bộ phận lãnh thổ vĩnh viễn không thể tách rời của Ấn Độ, và trước đó không lâu, đoàn ballet Bolshoi đã trình diễn vở Hồ Thiên nga cho khán giả Delhi, các bà các cô nhân dịp này đã diện những bộ sari lụa đẹp nhất và đeo những đồ trang sức lớn nhất.

Và dĩ nhiên, đó là những ngày đầu của công cuộc khám phá vũ trụ. Chú chó Laika được phóng lên vũ trụ bằng vệ tinh *Sputnik II*. Năm 1961, con tinh tinh tên Ham bay vào không gian. Sau nó, cùng năm đó, tới lượt Yuri Gagarin. Tháng năm nặng nề trôi qua, không chỉ người Mỹ và Nga Xô viết, chó và tinh tinh, mà còn có một người Việt Nam, một Mông cổ, một Cuba, một phụ nữ và một người da đen bay lên vũ trụ. Vệ tinh và tàu con thoi đã bay vòng quanh trái đất và mặt trăng, hạ xuống sao Hỏa, phóng lên sao Kim, hoàn thành chuyến bay thăm dò sao Thổ. Vào thời điểm đó, được sự chỉ đạo của chính phủ, một đoàn chuyên gia hàng không vũ trụ Xô viết đã đến Ấn Độ tìm kiếm ứng cử viên thích hợp để đưa lên vũ trụ. Khi tới thăm một căn cứ không quân ở thủ đô, họ đã để mắt tới ông Mistry, không chỉ vì năng lực mà còn vì ý chí sắt thép ngời sáng trong đôi mắt con người này.

Ông Mistry cùng vài ứng cử viên khác lên đường đến Moscow, và cô bé Sai lên sáu tuổi được gửi gắm một cách vội vàng cho tu viện mẹ cô bé từng theo học.

Quá trình cạnh tranh hết sức khắc nghiệt. Đúng vào lúc ông Mistry đang thổ lộ với vợ rằng ông tin chắc mình sẽ vượt qua các đồng nghiệp để được chọn là người Ấn Độ đầu tiên chinh phục được trọng lực, số mệnh đã ra một phán quyết khác, và thay vì bay qua tầng bình lưu, trong kiếp sống này, trong xác thân này, để ngắm nhìn thế giới như các vị thần, ông được đưa đến một viễn cảnh khác của thế giới bên kia, khi ông và vợ bị nghiền nát dưới bánh chiếc xe khách mang theo sức nặng của ba mươi chị em phụ nữ anh hùng bất khuất đến từ ngoại tỉnh, những người đã vội vàng đi hai ngày đường để mặc cả và rao bán hàng hóa mang theo ngoài chợ.

Vậy là họ chết, dưới bánh xe của người ngoại quốc, giữa những thúng búp bê Babuska. Nấu ý nghĩ cuối cùng mà họ có là về đứa con gái nhỏ ở tu

viện Thánh Augustine, cô bé cũng sẽ chẳng bao giờ biết được.

Moscow không có trong chương trình học tập của tu viện. Sai hình dung ra những công trình kiến trúc đồ sộ, âm đạm, thô kệch, cục mịch, vuông bành bạnh, trong bóng tối Xô viết xám xịt, dưới bầu trời Xô viết xám xịt, xung quanh là những con người Xô viết xám xịt ăn đồ ăn Xô viết xám xịt. Một thành phố nam tính, không điệu đà hay yếu đuối, không lỗ châu mai, không góc chết. Lúc này một màu đỏ đã loang ra lênh láng trên cảnh phim, đang từ từ chạy trước mắt Sai...

“Ta rất lấy làm tiếc,” xơ Caroline nói, “ta rất lấy làm tiếc được biết tin này, Sai ạ. Con phải can đảm lên.”

“Mình là trẻ mồ côi,” Sai thầm nhủ khi đang tỉnh dưỡng trong bệnh xá. “Bố mẹ chết rồi. Giờ mình là trẻ mồ côi.”

Cô bé ghét tu viện, nhưng ngoài nó ra cô chẳng nhớ được gì khác cả.

“Sai thân yêu,” mẹ cô bé sẽ viết thế, “vậy là một mùa đông nữa lại đến, bố mẹ lại mang quần áo len dày ra mặc. Bố mẹ đến chơi bài bridge với vợ chồng chú Sharma và bố con lại ăn gian như mọi khi. Cá trích ở đây ngon lắm, đây là một thứ cá cay, một ngày nào đó con nhất định phải nếm thử.”

Cô bé trả lời trong giờ tập viết thư có giáo viên hướng dẫn:

“Bố mẹ kính yêu, bố mẹ có khỏe không? Con khỏe. Ở đây nóng lắm. Hôm qua bọn con có bài thi lịch sử và bạn Arlene Macedo lại ăn gian như mọi khi.”

Nhưng những lá thư đều giống như bài tập trong sách. Đã hai năm trời Sai không gặp bố mẹ, và những xúc cảm tức thời trước sự tồn tại của họ đã biến mất từ lâu. Cô bé cố khóc, nhưng không thể.

Trong phòng hội đồng, dưới bức tượng Jesus đóng khố bị đóng đinh lên cây thập giá phủ vécni, các xơ lo lắng bàn bạc với nhau. Tháng này trong kết sắt tu viện sẽ không còn phiếu rút tiền ngân hàng của nhà Mistry nữa, không

còn các khoản đóng góp bắt buộc cho quỹ cải tạo nhà vệ sinh, quỹ xe buýt, ngày lễ hay dịp tết.

“Tôi nghiệp con bé, nhưng biết làm sao bây giờ?” Các xơ chặt lưỡi vì họ biết Sai là một trường hợp đặc biệt. Các xơ già còn nhớ mẹ cô bé và chuyện ông tòa đều đặn đóng tiền cho con gái nhưng không bao giờ đến thăm. Câu chuyện còn có những chi tiết giờ không ai chấp nối lại được nữa, vì có những đoạn đã thất lạc, những đoạn khác đã bị người ta cố ý quên đi. Tất cả những gì họ biết về cha Sai là ông ta được nuôi dạy trong một trại trẻ mồ côi của Bái hoả giáo, và một người bảo trợ hào phóng đã giúp đỡ ông từ thời phổ thông tới đại học cho đến khi gia nhập không quân. Khi bố mẹ Sai cùng nhau bỏ trốn, nhà ngoại của Sai ở Gujarat vì thấy nhục nhã nên đã từ mẹ cô bé.

Ở một đất nước đầy rẫy họ hàng, Sai sắp lâm vào cảnh cùng quẫn.

Chỉ có duy nhất một cái tên ở mục “Địa chỉ liên lạc trong trường hợp khẩn cấp”. Đó là tên ông ngoại của Sai, người đã từng đóng học phí cho trường:

Tên: Ngài thẩm phán Jemubhai Patel

Quan hệ: Ông ngoại

Chức vụ: Chánh án (đã nghỉ hưu)

Tôn giáo: Ấn Độ giáo

Giai cấp: Địa chủ

Sai chưa từng biết mặt ông ngoại, người vào năm 1957 được giới thiệu với vị chủ nhân người Scotland của Cho Oyu và bây giờ đang trên đường trở lại Aberdeen.

“Chỗ này tuy hơi biệt lập nhưng đất đai rất có tiềm năng,” người Scotland nói, “trồng kí ninh, dâu tằm, đậu khấu hay phong lan đều được cả.”

Ông tòa không quan tâm đến tiềm năng nông nghiệp của mảnh đất nhưng vẫn đến xem vì tin lời người nợ – miệng kẻ sang có gang có thép mà – dù đã trải bao vật đổi sao dời. Ông cười ngửa đến tận nơi, đẩy cửa và bước vào một không gian bỏ trống chiếu sáng theo kiểu tu viện, ánh sáng biến động theo ánh mặt trời bên ngoài. Ông thấy mình như lạc vào thế giới cảm quan của một con người chứ không phải một ngôi nhà. Sàn nhà màu sẫm, gần như đen kịt, lát ván rộng bản; trần nhà mường tượng như bộ xương sườn cá voi, trên xà còn nguyên những dấu rìu. Lò sưởi làm bằng đá trắng dưới lòng sông lấp lánh như cát. Những bụi dương xỉ xum xuê bám rễ vào cửa sổ, gân lá cứng đờ trĩu nặng những bào tử vón thành từng cục nhỏ phủ đầy lông tơ màu nâu đồng. Ông biết rằng mình sẽ cảm nhận được chiều sâu, chiều rộng, chiều cao, và một chiều không gian khác khó nắm bắt hơn của chốn này. Bên ngoài, bầu chim màu sắc sặc sỡ say sưa bay lượn và hót véo von, dãy Himalaya vươn lên trùng trùng điệp điệp cho tới khi những đỉnh núi lập lòe ánh sáng ấy chứng minh cho con người thấy mình nhỏ bé tới mức cảm thấy nên buông xuôi tất cả, trút bỏ tất cả. Ông sẽ sống được ở nơi đây, trong lớp vỏ sò này, trong cái đầu lâu này, với niềm an ủi được làm một người ngoại quốc trên đất nước mình, vì lần này ông sẽ không học thứ ngôn ngữ ấy.

Ông không bao giờ trở lại tòa án nữa.

“Tạm biệt,” Sai nói lời chào với những trò vô kỷ luật ở tu viện, những bức tranh thiên thần dịu ngọt bằng màu sáp và tượng Chúa Jesus máu me, tất cả hiện ra trong sự tương phản đầy khắc khoải. Tạm biệt những bộ đồng phục quá nặng nề cho một cô bé con, tạm biệt những áo cộc tay và cà vạt như của con trai, tạm biệt đôi giày đen như móng bò. Tạm biệt Arlene Macedo, người bạn của cô bé, cô học trò duy nhất có xuất thân không bình thường giống Sai. Cha Arlene, theo như cô bé kể, là một thủy thủ người Bồ Đào Nha đến rồi lại đi. Không về với biển cả, các nữ sinh khác xì xào với nhau, mà chạy theo một cô thợ uốn tóc người Hoa ở khách sạn Claridge ‘s tại Delhi. Tạm biệt bốn năm học hỏi thế nào là gánh nặng của lãng nhục và sợ hãi, là kỹ năng gian lận, bốn năm bị những giám thị mặc áo thầy tu lật tẩy

và run rẩy trước những giáo điều hà khắc coi mỗi sơ sẩy và lỗi lầm thường nhật nghiêm trọng ngang những tội lỗi nặng nề nhất. Tạm biệt chuyện:

- a.Đội mũ tai lừa đứng trên thùng rác
- b.Say nắng khi phải đứng một chân giờ hai tay lên cao ngoài trời
- c.Xưng tội vào giờ tập trung buổi sáng
- d.Roi vọt đỏ đen tím vàng cả mình mây.

“Đồ không biết xấu hổ,” một hôm xơ Caroline mắng Sai như vậy khi cô bé không làm bài tập về nhà, và quát cho mộng cô bé rục lên như khi đốt đỏ, để cái con bé không biết xấu hổ là gì ấy sớm biết mùi xấu hổ.

Có thể hệ thống giáo dục ấy bị ám ảnh về tính thuần khiết, nhưng nó lại nổi trội trong khả năng định nghĩa mùi vị của sai lầm. Nó kích thích con người khám phá quyền năng của tội lỗi và dục vọng, khiêu khích và kích động cái thành quả ấy. Sai đã học được điều này. Nó lặn vào bên dưới, bên trên là một niềm tín kính bình lặng: bánh ngọt ngon hơn *laddoos*, thìa dao đĩa sạch sẽ hơn tay, uống máu Chúa và ăn bánh thánh làm từ thân thể Người vẫn minh hơn đeo vòng hoa cúc vạn thọ lên ngẫu tượng hình dương vật. Tiếng Anh hay hơn tiếng Hindi.

Mọi điều Sai được dạy đều mâu thuẫn nhau, và bản thân những mâu thuẫn đó đều được cô bé hấp thụ. “Lochinvar” và Tagore, kinh tế học và luân lý học, điệu múa vùng cao nguyên Scotland trong chiếc váy kẻ ca rô và điệu múa ngày mùa vùng Punjab trong chiếc áo *dhoti*, quốc ca xứ Bengal và câu châm ngôn tiếng Latinh không ai hiểu nổi thêu trên cùi áo sơ mi của cô bé và trên mái vòm trước cổng tu viện: *Pisci tisci episculum basculum*. Đại loại vậy.

Cô bé đã đi qua dưới cầu châm ngôn này lần cuối, cùng với một xơ khách đến đây học về hệ thống tài chính trong tu viện, giờ lên đường về lại Darjeeling. Qua cửa sổ chuyến tàu từ Dehra Dun đến Delhi, từ Delhi đi Siliguri, họ được thấy toàn cảnh cuộc sống nông thôn và Ấn Độ nhìn vẫn muôn đời già cỗi. Những người phụ nữ đầu đội củi đi qua đi lại, quá nghèo nên không có nổi lấy một tấm yếm để mặc dưới áo sari. “Lêu lêu xấu hổ chưa kia,” cô tu sĩ nọ reo lên khoái chí. Nhưng rồi cảm giác khoái chí dần tan biến. Khi ấy đang là sáng sớm và xếp hàng dọc đường ray là những hàng mông trần. Lại gần hơn, họ nhận ra đó là hàng chục người đang đi đại tiện lên đường ray và rửa dít bằng nước đựng trong can. “Kinh quá đi mất,” cô gái thốt lên, “không thể nào đổ cho nghèo đói được, không thể nào, không được bảo tôi như vậy. Sao họ lại phải làm cái việc đó ở đây cơ chứ?”

“Vì độ dốc,” một học giả đeo kính ngồi cạnh cô nói, vẻ nghiêm trang, “mặt đất dốc về phía đường tàu, nên đó là một chỗ tốt.”

Cô tu sĩ không trả lời. Còn đối với những người đang đại tiện kia, những kẻ trên chuyến tàu chẳng dính dáng gì tới họ - thậm chí không phải đồng loại của họ - nên chuyện người qua lại nhìn thấy phần hậu đang căng ra của mình chẳng làm họ bận tâm gì hơn nếu đổi lại là một chú chim sẻ đang quan sát họ.

Và cứ thế.

Sai im lặng... cảm thấy số phận đang chờ đợi mình. Cô bé có thể cảm nhận được Cho Oyu.

“Đừng lo, cm ạ,” cô tu sĩ an ủi.

Sai không trả lời và cô tu sĩ bắt đầu thấy khó chịu.

Họ chuyển sang taxi và tiếp tục đi dưới tiết trời ẩm ướt, qua một vùng đất màu xanh nhòa nhạt, kéo kẹt lắc lư trong gió. Họ đi qua những sạp chè, những gà què bỏ bu đem bán, những tượng các nữ thần Durga Puja điêu khắc dở dang trong những căn lán. Họ đi qua những đồng lúa và những nhà

kho xiêu vẹo nhưng lại mang tên những công ty chè danh tiếng: Rungli Rungliot, Ghoom, Goenkas.

“Em đừng ngồi đó than thân trách phận nữa. Em không trách Chúa hắt hủi em đấy chứ? Với bao chuyện người phải làm như thế?”

Đột nhiên ở bên tay phải, sông Teesta xuất hiện và trôi nhanh về phía họ giữa hai bờ cát trắng. Khoảng không và mặt trời ùa đến qua cửa sổ. Sự phản chiếu khuyếch đại và dội lại ánh sáng, dòng sông, cái này bổ sung góc nhìn và màu sắc cho cái kia, và Sai bắt đầu cảm nhận được sự bao la của thế giới cô bé đang bước vào.

Bên bờ sông, con nước dữ đang vội vàng rong ruổi, mặt trời cuối ngày lắc rắc những tia nắng xiên khoai giữa mấy hàng cây, và họ chia tay nhau. Phía Đông là Kalimpong, nằm vừa khéo trên lưng đèo giữa Deolo và đồi Ringkingpong. Phía Tây là Darjeeling, xuôi xuống chân dãy núi Singalila. Cô tu sĩ thử đưa ra một lời khuyên cuối cùng, nhưng giọng nói của cô bị chìm lấp trong tiếng gầm gào của dòng sông, nên cô đành bẹo má Sai thay lời tạm biệt. Cô lên chiếc xe jeep của các xơ xứ Cluny, đi hai ngàn mét qua một vùng quê trơ trọi chè lên một thị trấn tối rậm và nhộp nhúa, nơi những tu viện chen nhau mọc lên như nấm giữa trời đẫm sương.

Đêm xuống thật nhanh sau khi mặt trời đã lặn. Chiếc xe nghiêng về đằng sau, mũi chổng lên trời, cứ thế họ ngoằn ngoèo tiến bước – chỉ một sơ sẩy nhỏ nhất là chiếc xe sẽ lật nhào. Cái chết thì thào bên tai Sai, sự sống đập rộn ràng trong huyết quản, trái tim cô bé chìm xuống, tất cả cuộn lên. Kalimpong chẳng có lấy một ngọn đèn đường nào, còn ánh đèn trong những căn nhà thì yếu ớt đến mức chỉ khi đi qua rồi họ mới nhìn thấy chúng; chúng đột ngột xuất hiện và mau chóng tan biến ở phía sau. Người qua lại đi trong bóng tối mà chẳng hề mang theo đèn pin hay đèn lồng, đèn pha ô tô soi tỏ họ bước tránh sang vệ đường mỗi lúc xe qua. Người lái xe từ đường nhựa rẽ sang đường đất, cuối cùng chiếc xe dừng lại giữa chốn hoang vu, trước một

cánh công rreo lừng lơ giữa hai cột đá. Tiếng máy lịm dần; ánh đèn pha vụt tắt. Chỉ còn lại những thanh âm xào xạc của khu rừng: *ssss tseu ts ts seuuu*.

bây

Ôi, ông ngoại giống hẳn hẳn hơn người.

Chó giống người hơn chó.

Gương mặt Sai phản chiếu ngược trên thìa xúp.

Để chào mừng cô bé, người đầu bếp đã nặn khoai tây nghiền thành một chiếc ô tô, vận dụng một kỹ năng bị quên lãng từ lâu của một thời kỳ khác, cái thời mà bác, cũng bằng thứ chất liệu dễ dùng đó, đã nặn thành những tòa lâu đài hội hè điểm xuyết những lá cờ giấy, những con cá đeo khuyên mũi, những con nhím có gai làm bằng cần tây, những con gà sau lưng có trứng thật nhìn cho vui mắt.

Chiếc xe có bánh làm bằng khoai tây thái lát, trang trí mấy mẫu giấy bạc cũ kỹ được người đầu bếp quý như vàng, rửa sạch, phơi khô, dùng đi dùng lại cho tới khi nát vụn thành từng mẫu kim tuyến mà bác vẫn không nỡ vứt đi.

Chiếc xe yên vị giữa bàn, cùng với món lườn cừ, đậu ngấm và một cái xúp lơ nhúng trong nước sốt pho mát trông như một bộ óc được tẩm liệm. Mấy món ăn bốc hơi nghi ngút, tụ lại thành những đám mây đượm mùi thức ăn ấm áp trước mặt Sai. Khi hơi nước tan đi đôi chút, cô bé đưa mắt nhìn ông ngoại đang ngồi ở đầu bàn bên kia, con chó ngồi trên một chiếc ghế khác cạnh ông. Mutt mỉm cười – đầu nó cúi xuống, cái đuôi ve vẩy sau ghế – có điều ông tòa dường như không nhận thấy sự xuất hiện của Sai. Ông là một hình hài nhéo trong tấm áo trắng và chiếc quần đen khóa đặt ở bên hông. Bộ quần áo đã sờn nhưng sạch sẽ, được người đầu bếp là ừi cẩn thận, bác vẫn là mọi thứ – pijama, khăn tắm, bút tất, đồ lót và khăn mùi xoa. Khuôn mặt ông có chiều xa cách vì một thứ bột trắng nào đó phủ lên làn da sẫm màu – hay chỉ là hơi nước nhi? Từ người ông tỏa ra mùi sát trùng văng vất của nước cạo râu, gần giống một thứ dung môi bảo quản hơn là nước hoa. Đường nét trên gương mặt ông có nhiều hơn một điểm khiến ta liên tưởng đến loài bò sát: vầng trán rộng và trụi tóc, mũi khoằm, cằm cũng

khoằm, hầu như bất động, hầu như không có môi, ánh mắt chăm chăm. Như mọi người già khác, ông dường như không đi về phía trước mà đang ngược dòng thời gian. Lặn lội về thời tiền sử, trong khi chờ đợi cõi vĩnh hằng, trông ông như một sinh vật trên đảo Galápagos đang chăm chăm nhìn về phía đại dương.

Cuối cùng, ông tòà ngẩng lên và nhìn chăm chăm vào Sai. “Hừm, cháu tên gì?”

“Sai.”

“Sai?” ông nói, giọng câu kính, như thể tức giận trước một thái độ xác xược.

Con chó khịt mũi. Nó có cái mũi duyên dáng, một cái bướu quý tộc trên đỉnh đầu, long chân dài thành nếp, long đuôi mượt mà chải chuốt.

Sai chưa thấy con chó nào ưa nhìn như vậy bao giờ. “Chó của ông như ngôi sao điện ảnh ấy,” Sai nói.

“Hả là giống Audrey Hepburn,” ông tòà đáp, cố giấu vẻ hài lòng trước lời nhận xét đó, “nhưng chắc chắn không như Hepburn trên mấy tấm áp phích rẻ tiền bán đầy ngoài chợ.”

Ông tòà cầm cái thìa lên. “Xúp đâu?”

Quá mãi mê với chiếc xe ô tô bằng khoai tây nghiền, người đầu bếp đã quên bẵng đi món xúp.

Ông tòà dấm tay xuống bàn. Ăn xúp sau bữa chính à? Còn gì là quy củ nữa.

Điện áp đột ngột sụt xuống như hưởng ứng cơn giận dữ của ông tòà, cái bóng đèn bắt đầu kêu vè vè y như con cánh cam bị lật ngửa đang giãy giụa trên mặt bàn, hậm hực vì dòng điện chập chờn ấy không thể kích thích mình thực hiện một hành động cảm tử. Người đầu bếp đã tắt hết đèn đóm trong nhà để tập trung nguồn năng lượng yếu ớt cho ngọn đèn này, và dưới thứ ánh sáng bập bùng đó, họ như bốn con rối bóng trong chuyện cổ tích đang

lắc lư trên bức tường thạch cao lổn nhổn – một người thần lẩn, một lão đầu bết lưng gù, một cô thiếu nữ có hàng mi rợp bóng và một con chó sói đuôi dài...

“Phải viết cho gã ngọc nhân viên khu vực mới được,” ông tòa nói, “nhưng rồi cũng giải quyết được gì đâu!” Ông lấy dao lật con cánh cam trên bàn lại, nó liền thôi kêu vè vè, và Mutt, vẫn ngậy ngọc quan sát nó nãy giờ, nhìn con cánh cam bằng ánh mắt đăm đũi của vị hôn thê.

Người đầu bết bưng ra hai bát xúp cà chua chua cay, cắn nhẩn, “Chẳng ai biết ơn gì tôi cả... Xem xem tôi phải lo toan những gì, mà nào tôi có còn trẻ trung khỏe mạnh gì cho cam... Sống kiếp nghèo khổ quá đi thôi, khổ quá, khổ quá, khổ quá...”

Ông tòa cầm một chiếc thìa trong bát kem lên và rưới một giọt kem trắng lên nền đỏ của bát xúp.

“Xem nào,” ông nài với cô cháu gái, “ai cũng không nên làm phiền người khác. Phải có ai thuê gia sư cho cháu – một cô giáo dưới chân đồi, trường dòng thì không được rồi – ai hơi đâu đi vỗ béo nhà thờ... Xa xôi quá, mà có ai còn phương tiện đi lại xa xỉ nữa đâu, phải không? Cho cháu vào trường công thì không được, đành rồi... đến lúc ra trường giọng của cháu sẽ sai hết cả, lại còn mắc tật ngoáy mũi nữa...”

Ánh đèn giờ đã yếu dần, chỉ còn như sợi tóc, mỏng manh như kỳ tích đầu tiên của Edison treo lơ lửng giữa hai đầu dây điện nhỏ xíu trong khối cầu thủy tinh của chiếc bóng. Nó lóe lên một tia sáng xanh cuối cùng rồi tắt lịm.

“Mẹ kiếp!” ông tòa thốt lên.

Trên giường mình đêm đó, Sai đắp một tấm khăn trải bàn, vì cái chăn cuối cùng đã rách từ lâu. Cô bé có thể cảm thay sự hiện hữu căng phồng của khu rừng, nghe thấy tiếng những thân tre gõ vào nhau lộc cộc, tiếng *jhora* róc rách sâu trong lòng núi. Bị âm thanh của cuộc sống thường nhật át đi lúc ban ngày, nó trỗi dậy khi chiều xuống, rót tiếng hát trong trẻo qua ô cửa sổ.

Bộ khung của ngôi nhà tỏ ra yếu ớt – chỉ như một mảnh vỏ trấu lơ lửng giữa màn đêm. Mái tôn bập bùng trong gió. Khi Sai duỗi chân ra, ngón chân cô bé lạng lẽ chọc thủng chất vải đã mủn. Trong cô ngập tràn cảm giác sợ hãi khi bước vào một không gian mênh mang trải dài cả trước mặt lẫn sau lưng.

Đột nhiên, như thể có một cánh cửa bí mật vừa mở ra trong thính giác, cô bé bắt đầu nghe thấy từng bộ răng nhỏ xíu đang chậm rãi nghiền nát ngôi nhà thành bột, một thứ âm thanh rất khó nhận thấy vì nó lẫn vào không khí, nhưng một khi đã nghe thấy rồi, nó cứ lớn mãi lên. Rồi cô bé sẽ biết rằng dưới thời tiết này, nếu không được bảo quản, gỗ sẽ bị gặm sạch chỉ sau một mùa.

tám

Bên kia hành lang, đối diện phòng Sai, ông tòa vừa làm một viên thuốc an thần vì lòng bồn chồn trước sự xuất hiện của cô cháu gái. Ông nằm thao thức trên giường, Mutt nằm bên cạnh. “Cún cưng,” ông nựng nịu nó. “Tai đâu vừa dài vừa xoắn thế, nhỉ? Xem tai xoắn kìa.” Hàng đêm Mutt vẫn nằm gối đầu lên gối của ông, còn vào những đêm trời trở lạnh, nó được ủ trong tấm khăn len bằng lông thỏ angora. Mutt đang ngủ, nhưng một tai vẫn vểnh lên lắng nghe ông tòa và vẫn đều đặn ngáy.

Ông vớ một cuốn sách và cố đọc, nhưng không nổi. Ông ngạc nhiên nhận ra mình đang hồi tưởng về những chuyến viễn du của bản thân, về những lần ông đến và đi, từ những nơi chốn đã xa vời trong quá khứ. Ông rời nhà ra đi lần đầu tiên năm hai mươi tuổi, mang theo một cái rương bằng thiếc màu đen hết như cái rương đã đến cùng Sai, trên có dòng chữ trắng “Ông J. P. Patel, ss Strathnaver”. Đó là năm 1939. Thị trấn nơi ông ra đi là Piphit quê ông. Từ đây ông lên đường ra cảng Bombay rồi đi tàu sang Liverpool, và từ Liverpool ông lên Cambridge.

Nhiều năm đã trôi qua, những ngày tháng ấy vẫn trở lại trong ông, sống động và tàn nhẫn.

Ông tòa tương lai, hồi ấy còn được gọi là Jemubhai hay Jemu, lên đường giữa tiếng hành khúc rộn ràng của hai đội viên đội quân nhạc về hưu được bố vợ cậu mời đến. Họ đứng trên sân ga giữa những hàng ghế có biển đề “Dành riêng cho người Ấn Độ” và “Dành riêng cho người châu Âu”, mặc áo vest đỏ ố bẩn, ống tay và cổ áo đính diềm thêu kim tuyến đã xỉn màu cơ hồ sắp tuột ra. Khi tàu chuyển bánh, họ chơi bản “Đưa ta về lại Anh quốc mến thương xưa”, một bản nhạc họ còn nhớ được, thích hợp cho dịp tiễn hành.

Ông tòa đi cùng cha. Ở nhà, mẹ ông đang khóc lên khóc xuống vì không ngờ được sự bất cân xứng giữa tính vĩnh quyết của lời chia tay và sự ngăn ngủi của giây phút cuối cùng.

“Đừng để nó đi. Đừng để nó đi.”

Đứa con bé bỏng của bà, thằng bé với hàng ria mỏng quẹt, với thói nghiện món *choovra* đặc sản của bà mà sang Anh rồi nó sẽ chẳng bao giờ được ăn, với cái tính ghét trời lạnh mà qua đó nó sẽ phải chịu đựng quá nhiều; với cái áo len bà tự tay đan theo một mẫu đủ kỳ khôi để biểu lộ tình yêu thái quá của mình; với cuốn Từ điển Anh ngữ Oxford mới tinh và trái dưa trang hoàng đẹp đẽ sẽ được thả trôi theo những con sóng làm lễ vật, để thần linh phù hộ cho chuyến đi của thằng bé.

Hai cha con ngồi trên chuyến tàu chạy rầm rập từ sáng đến chiều, sự bao la của vùng đất Jemu đã sống nhưng không hề nhận biết giờ đây đang khắc sâu vào lòng cậu. Cái thực tế là họ đang ngồi trên chuyến tàu này, tốc độ của nó, đang tái hiện thế giới của cậu đến từng chi tiết, hiển lộ trên từng ô cửa sổ bóng dáng của nỗi trống vắng đang háo hức chờ đợi chiếm đoạt một trái tim không người bảo bọc. Lòng cậu nhói lên một nỗi khiếp sợ, không phải cho tiền trình của mình, mà cho quá vắng, cho niềm tin mù quáng cậu đã từng chung sống những ngày ở Piphit.

Mùi hôi của món vịt Bombay phơi khô dọc đường ray xua đi những suy nghĩ của cậu trong giây lát trước khi nó tan biến vào không khí, và nỗi khiếp sợ của cậu lại bùng lên.

Cậu nghĩ về vợ mình. Cậu mới thành đàn ông có vợ được một tháng. Phải nhiều năm nữa... cậu mới trở về... rồi sao nữa... ? Mọi thứ đều xa lạ vô cùng. Cô gái mới mười bốn tuổi và cậu còn chưa được nhìn mặt vợ cho đàng hoàng.

Họ vượt qua nhánh sông nước mặn vào thành phố Bombay, xuống ở ga Victoria, phớt lờ những tay cò khách sạn, đến ở nhờ nhà người quen của ông bố vợ cậu, và sáng hôm sau dậy sớm lên đường ra cầu cảng Ballard.

Lần đầu Jemubhai biết được đại dương bao quanh trái đất, cậu cảm thấy điều đó khiến mình trở nên mạnh mẽ, nhưng giờ đây khi đứng trên boong tàu phủ đầy hoa giấy, nhìn biển khơi đang cuộn cuộn gồng lên những

cơ bắp vô tận, cậu lại thấy hiểu biết ấy làm mình yếu đuối. Những con sóng nhỏ bên mạn tàu lắng xuống trong tiếng sỏi bọt lăn tăn như nước soda, bị lấn át trong tiếng máy tàu đang khởi động. Khi tiếng còi tàu như xé nát không trung, cha của Jemubhai, đang đưa mắt tìm kiếm khắp boong tàu, vừa kịp thấy con.

“Đừng lo,” ông gào lên. “Nhất định con sẽ đứng đầu lớp.” Nhưng sự sợ hãi trong giọng ông đã làm tiêu tan hết vẻ quả quyết trong lời nói.

“Ném quả dứa đi con!” ông hét lên lạc giọng.

Jemubhai nhìn cha, một người đàn ông ít học đang len lỏi vào một nơi đáng ra ông không nên đến, và trong tim Jemubhai lẫn lộn giữa tình yêu thương và lòng thương hại, giữa lòng thương hại và nổi hổ thẹn. Trong vô thức, cha cậu vội lấy tay bưng miệng: ông đã làm con mình thất vọng.

Con tàu rời bến, nước rẽ ra và trào sang hai bên, những con cá bay lấp lánh ánh bạc vọt lên trên dòng rẽ nước, người ta chuyền tay nhau những ly Tom Collins, và bầu không khí hội hè lên đến đỉnh điểm. Đám đông trên bờ hóa thành những mảnh tàu đắm lênh bênh nơi rìa ngọn thủy triều: scallops and starbursts, diềm váy lót, giấy gói vứt đi và nước bọt, đuôi cá và nước mắt... Tất cả nhanh chóng tan biến vào trong sương.

Jemu nhìn theo cái bóng khuất dần của người cha. Cậu không ném quả dứa đi và không khóc. Sẽ chẳng bao giờ cậu còn có được tình yêu với một con người mà không pha trộn với một xúc cảm khác đầy mâu thuẫn.

Họ vượt qua ngọn hải đăng Colaba đi vào Ấn Độ Dương cho đến khi cậu ngoảnh đầu về phía nào cũng chỉ còn là biển dài ngút mắt.

Ông thật ngốc khi trần trọc vì sự xuất hiện của Sai, để chuyện đó khơi dậy quá khứ tìm về thăm hỏi. Nhất định là mấy cái rương bằng thiếc đã xóc lên những hồi ức của ông.

Cô S. Mistry, Tu viện Thánh Augustine.

Ông J. P. Patel, SS *Strathnaver*.

Nhưng ông vẫn không ngừng hồi tưởng: khi tìm thấy cabin của mình, Jemu mới biết mình có một anh bạn cùng khoang sinh trưởng tại Calcutta chuyên sáng tác những bài sonnet bằng tiếng Latin theo lối mười một vần của Catullus và đóng thành tập mạ vàng mang theo. Mũi người bạn cùng phòng nhấn lại trước tảng dưa muối của Jemu ủ trong ổ bánh poori; hành, ớt xanh và muối gói đôi trong giấy báo; một quả chuối đã bị nhiệt làm hỏng dọc đường. Không có thứ hoa quả nào lại chết một cái chết hôi thối và kinh tởm như chuối, nhưng nó được gói theo để ngộ nhỡ. Ngộ nhỡ GÌ CHÚ? Jemu thầm hét lên với mẹ.

Ngộ nhỡ dọc đường cậu có đói hoặc ngộ nhỡ cậu phải đợi một lúc lâu bữa ăn mới được dọn ra hoặc ngộ nhỡ cậu không dám vào phòng ăn trên tàu vì không biết dùng dao đĩa.

Cậu giận vì mẹ đã lường trước chuyện mất thể diện của cậu và bởi thế cho nên, cậu thầm nhủ, chỉ tổ càng đẩy nó đến sớm hơn. Nỗ lực tránh cho con khỏi mất mặt của bà đã thành công trong việc đem lại một lần mất mặt khác.

Jemu nhặt gói đồ, chạy lên boong, quăng qua mạn tàu. Chẳng nhẽ bà cụ không thấy sự quê kệch trong hành động của mình sao? Cái thứ tình yêu hèn mọn, cái thứ tình yêu Ấn Độ, cái thứ tình yêu hôi hám, thiếu mỹ quan – những con quái vật của đại dương có thể nhận lấy những gì bà cụ đã dùng cảm gói ghém cho đứa con trai khi trở dậy lòng đầy yếu đuối lúc rạng đông.

Mùi chuối thối tan dần, nhưng hơi ối, giờ chỉ còn lại mùi của sợ hãi và cô đơn nồng đượm.

Trên giường trong cabin lúc về đêm, cậu nghe thấy những tiếng động lả lơi của sóng biển liếm vào thân tàu. Cậu nghĩ đến chuyện mình đã cởi ra nửa chừng và vội vàng mặc lại quần áo cho người vợ mới cưới ra sao, chỉ kịp lướt qua vài đường nét của khuôn mặt ấy khi tuột chiếc *pallu* qua đầu cô thế nào. Mới hồi tưởng lại cảm giác gần gũi của da thịt đàn bà, dương vật cậu đã

cương lên trong bóng tối và giần giật như một loài sinh vật biển giản đơn không thị giác nhưng khước từ việc bị cự tuyệt. Cậu thấy cái bộ phận đó của mình thật kỳ cục: vừa ngoan cố vừa hèn nhát, vừa quy lụy vừa vênh váo.

Tàu thả neo ở Liverpool và ban nhạc chơi bản “Vùng đất của Vinh quang và Hy vọng”. Trong bộ đồ vải tuyết Donegal, anh bạn cùng cabin vẫy một người phu khuân vác để mang hành lý – một người da trắng xách đồ cho một người da nâu! Jemubhai tự xách đồ, lập cập leo lên tàu hỏa; và dọc đường tới Cambridge, khi đi qua những cánh đồng, cậu ngẩn người ra trước sự khác biệt lớn lao giữa bò Anh (vuông vức) và bò Ấn (tròn trịa).

Mỗi quang cảnh chào đón Jemubhai tiếp tục làm cậu ngạc nhiên. Nước Anh nơi cậu đang tìm thuê phòng được hình thành từ những ngôi nhà nhỏ bé u ám trên những con phố u ám, chen chúc nhau bám chặt xuống đất như thể bị mắc bẫy dính. Điều đó làm cậu ngạc nhiên vì vốn chỉ chờ đợi sự hoành tráng, cậu không nhận ra rằng ở đây cũng vậy thôi, con người hoàn toàn có thể nghèo khổ và sống một cuộc sống thiếu mỹ quan.

Nếu cậu không có ấn tượng gì mấy thì những người trả lời tiếng gõ cửa cũng không thấy khác hơn khi mở cửa cho cậu: “Vừa thuê xong,” “Kín chỗ rồi,” hoặc chỉ là một tấm rèm vén lên rồi mau chóng hạ xuống, một sự tĩnh mịch như thể vào thời điểm ấy tất cả cư dân ở đó đều đã chết. Cậu đã đến hai mươi hai ngôi nhà trước khi đứng trên ngưỡng cửa căn hộ của bà Rice ở đường Thornton. Bà ta cũng chẳng muốn nhận cậu đâu, nhưng bà cần tiền mà vị trí của ngôi nhà lại quá bất tiện – ở tận đầu kia nhà ga từ trường đại học đến – cho nên bà sợ mình sẽ chẳng kiếm được khách trọ nào hết.

Một ngày hai lần, bà mang khay đặt dưới chân cầu thang – trứng luộc, bánh mì, bơ, mứt, sữa. Sau nhiều đêm thao thức nằm nghe tiếng óc ách của cái dạ dày còn lưng lửng trống, ứa nước mắt nghĩ về gia đình ở Piphit, những người cho rằng cậu xứng đáng được hưởng một bữa tối nóng hổi chẳng kém gì nữ hoàng Anh, Jemubhai lấy hết dũng khí yếu cầu một bữa tối tử tế. “Bữa tối của chúng tôi cũng chả nhiều nhận gì đâu, James ạ,” bà nói,

“quá khó tiêu cho cái bụng của Bố nó.” Bà luôn gọi chồng là Bố nó và bà cũng đã quen gọi Jemubhai là James. Nhưng tối hôm đó, cậu thấy trên đĩa có món đậu bỏ lò còn bốc khói ăn kèm với bánh mì.

“Cảm ơn bà. Ngon lắm,” cậu nói với bà Rice đang đau đầu nhìn ra ngoài cửa sổ.

Về sau, chính cậu cũng ngạc nhiên về hành động dũng cảm ấy, lòng dũng cảm rồi cậu sẽ nhanh chóng mất đi.

Cậu đã trúng tuyển vào Fitzwilliam nhờ bài luận viết trong kỳ tuyển sinh, “Những điểm tương đồng và khác biệt giữa Cách mạng Nga và Pháp”. Fitzwilliam hỏi đó thi thoảng vẫn bị cười nhạo vì giống một lớp học gia sư hơn là một trường đại học, nhưng lập tức cậu vui đầu vào học, vì đó là kỹ năng duy nhất cậu mang được từ nước này sang nước khác. Cậu học liên tục mười hai tiếng một ngày cho đến tối mịt, và bởi thu mình lại, vào những thời điểm quyết định cậu không thể ứng xử với bên ngoài một cách mạnh dạn, và thay vào đó cậu nhận ra sự nhút nhát và cô độc đã tìm thấy ở mình một mảnh đất màu mỡ. Cậu giấu mình trong một nỗi cô đơn cứ trĩu nặng dần lên ngày này qua ngày khác. Cô đơn đã trở thành thói quen, thói quen đã trở thành con người, và nó nghiền nát cậu thành một chiếc bóng.

Nhưng những cái bóng, nói cho cùng, vẫn đem lại cho người ta cảm giác bất an của riêng nó, và bất chấp việc đã cố gắng giấu mình đi, cậu chỉ càng làm nổi bật hơn một vẻ gì đó khiến người khác bất an. Cả ngày không một ai nói chuyện với cậu, cổ họng cậu tắc nghẹn những câu chữ không nói nổi thành lời, trái tim và khối óc cậu trở nên cùn nhụt và nhức nhối; những phụ nữ đứng tuổi, kể cả những người kém may mắn – tóc ngả màu, da tàn nhang, mặt như quả bí đỏ héo – cũng né sang bên khi cậu ngồi cạnh họ trên xe buýt, để cậu biết rằng dù họ có bị làm sao đi nữa, họ vẫn an toàn dưới những hình phạt trời ban ấy nên còn xa nó mới tồi tệ như những gì cậu có. Những cô trẻ trung xinh đẹp cũng không tử tế gì hơn; bọn con gái bịt mũi và cười khúc khích với nhau “Eo, người hăn toàn mùi cari!”

Cứ thế, đầu óc Jemubhai bắt đầu trở nên méo mó; càng ngày cậu càng xa lạ với chính bản thân hơn cả với những người xung quanh, cậu thấy màu da mình kỳ cục, giọng nói mình quê mùa. Cậu quên mất cách cười, chỉ có thể gắng gượng nhếch môi khi cười, và nếu có cười, bao giờ cậu cũng lấy tay che miệng, vì cậu không chịu nổi nếu có người nhìn thấy răng, thấy lợi mình. Chúng quá đổi riêng tư. Thật ra, hiếm khi cậu để chút thân thể nào lộ ra ngoài quần áo vì sợ làm người khác thấy phản cảm. Cậu bắt đầu bị ám ảnh với chuyện tắm rửa, sợ sẽ bị chê là hôi hám, và mỗi sáng cậu cố kỳ cọ cho sạch mùi hương nồng nồng ngai ngái của giấc ngủ, mùi hôi trần tục lờn vờn quanh cơ thể khi cậu thức giấc và ám vào từng sợi vải của bộ pijama. Cho đến cuối đời, cậu sẽ không bao giờ để người khác thấy mình không giày không tất, cậu sẽ ưa bóng tối hơn ánh sáng, thích những hôm u ám hơn những ngày nắng đẹp, vì cậu sợ rằng ánh mặt trời sẽ phơi bày cậu trong cái bộ dạng gớm ghiếc ấy một cách quá rõ ràng.

Cậu đã nhìn, nhưng chẳng thấy được gì ở đồng quê nước Anh, đã bỏ qua vẻ đẹp của những ngôi trường điêu khắc công phu, những nhà thờ trang trí vàng lá và hình vẽ các thiên thần, bỏ qua tiếng hát trong vắt như con gái của các cậu bé trong dàn đồng ca, bỏ qua dòng sông xanh dập dờn bên những khu vườn hàng nối hàng giống nhau như hạt, bỏ qua bầu thiên nga làm dáng với cái bóng của mình lúc đang bơi.

Dần dà cậu hầu như không còn thấy mình là con người nữa, cậu giật bản người lên khi có ai chạm vào tay như thế đó là một lối thân mật không sao chịu nổi, cậu khiếp sợ và dẫn vật trước một câu “Bà-thế-nào-trời-đẹp-quá” nói với người phụ nữ béo tốt mặc bộ đồ màu hồng ưa nhìn bán hàng ở góc phố. “Cậu muốn mua gì? Cậu nhắc lại xem nào, vẹt...” bà hỏi khi thấy cậu lúng búng, nhòai người ra trước để hứng lấy những từ cậu nói, nhưng cậu bỗng nghẹn lời và giàn giụa những giọt nước mắt tủi thân trước sự vồn vã hồn nhiên ấy. Cậu bắt đầu tìm đến những cửa hàng xa lạ hơn ở bên kia thị trấn, cho đến một lần cậu hỏi mua bàn chải cạo râu và cô bán hàng bảo

chồng cô cũng dùng đúng loại này, nhận thấy sự tương đồng trong những nhu cầu rất con người của họ và sự gần gũi trong mối liên hệ ấy – *cạo râu, làm chồng*, cậu đâm choáng váng trước sự thẳng thừng của lời gợi ý nọ.

Ông tòà bật đèn soi ngày hết hạn của vỉ thuốc an thần. Không, thuốc vẫn còn dùng được: nhẽ ra nó phải có tác dụng mới phải. Nhưng, đáng lẽ giúp ông ngủ được, nó lại khiến ông thức trắng và mơ thấy một cơn ác mộng.

Ông cứ nằm đó cho đến lúc lũ bò bắt đầu kêu “umm... bòòò” trong sương như tiếng còi tàu và Kookar Raja, con gà trống của Bác Potty, bắt đầu *gáy cúc cù cu* như đánh trống phát cờ, nghe vừa âm ỉ vừa ngổ ngẩn như réo gọi cả làng ra rạp xiếc. Anh chàng đã hùng dũng trở lại từ khi được Bác Potty lật ngựa lên, nhét dúi đầu vào một cái thùng sắt tây và tận diệt lũ nhặng ở mông cu cậu bằng một liều thuốc xịt Flit ra trò.

Đối diện với cô cháu gái lần nữa khi ngồi cùng nhau trước bàn ăn sáng, ông tòà sai người đầu bếp đưa cô bé đến gặp cô gia sư ông đã thuê, một cô giáo tên là Noni ở cách chỗ họ một giờ đi bộ.

Sai và người đầu bếp lê bước trên con đường dài hẹp và đen sì như một con rắn săn chuột ngoằn ngoèo bò lên trườn xuống những quả đồi, và người đầu bếp chỉ cho cô bé những cột mốc dẫn về nhà mới, trỏ từng ngôi nhà và cho cô bé biết ai sống ở đâu. Tất nhiên là có Bác Potty, hàng xóm gần nhất của họ, người đã mua lại mảnh đất của ông tòà nhiều năm về trước, một phú nông kiêm một tay nát rượu; ông bạn bác là Cha Booty chủ cửa hàng sữa Thụy Sĩ, tối nào cũng ngồi chén chú chén anh với Bác Potty. Hai ông già mắt đỏ như mắt thỏ, răng nâu xỉn vì thuốc lá, thể chất tuy đã rệu rã nhưng tinh thần còn lanh lợi lắm. “Chào Búp bê cưng,” Bác Potty đứng vẫy Sai từ cái hiên nhà vươn ra như boong tàu trên đà hạ thủy. Chính dưới mái hiên này Sai sẽ lần đầu được nghe nhạc Beatles. Và cả “All that MEAT and NO PERTATAS? Just ain’t right, like GREEN TERMATAS!”³ nữa.

Người đầu bếp trở cho cô bé những bẻ cá bỏ hoang, doanh trại quân đội, thiên viện trên đỉnh đồi Durpin, dưới đó là một trại trẻ mồ côi và trại gà. Sống đối diện trại gà cho tiện lấy trứng là hai cô công chúa Afghan, phụ vương họ sang Brighton nghỉ mát và khi trở về mới vỡ lẽ người Anh đã đặt một người khác lên ngai vàng của mình. Sau đó các cô công chúa được Nehru đồng ý cho tị nạn (hào hiệp thế cơ chứ!). Sống trong ngôi nhà nhỏ bé u ám là bà Sen, có cô con gái Mun Mun đã sang đất Mỹ.

Và cuối cùng là Noni (Nonita), sống cùng cô em gái Lola (Lalita) trong một ngôi nhà phủ đầy hoa hồng tên gọi Mon Ami. Khi chồng Lola mất vì chứng nhồi máu cơ tim, Noni, cô gái già, dọn đến ở cùng em gái, người góa phụ. Họ sống bằng tiền tuất của người quá cố, nhưng vẫn cần thêm tiền để chi tiêu, với vô số các khoản sửa nhà chữa cửa, giá cả mọi thứ ngoài chợ tăng vùn vụt, rồi tiền lương cho người hầu gái, người quét dọn, người gác cổng và người làm vườn.

Vậy nên, để góp phần mình vào những chi tiêu trong nhà, Noni đã nhận lời ông tòa làm gia sư cho Sai. Từ khoa học cho đến Shakespeare. Chỉ tới lúc kiến thức toán học và khoa học của Noni bắt đầu cạn khi Sai mười sáu tuổi, ông tòa mới buộc phải thuê Gyan đảm nhận những môn này.

“Đây là bé Sai,” người đầu bếp nói, giới thiệu cô bé với hai chị em.

Trong mắt họ, Sai là một đứa bé mồ côi bất hạnh, kết quả của mỗi tình lãng mạn bất thành của Ấn Độ với Liên Xô.

“Điều ngu ngốc nhất Ấn Độ từng làm, ấy là xích lại nhằm bên. Chị có nhớ hồi Chotu và Motu sang Nga không? Họ kể rằng họ chưa từng thấy ở đâu như thế,” Lola nhắc với Noni, “kể cả ở Ấn Độ. Thiếu thốn đến mức khó tin.”

“Mà em có nhớ,” Noni đáp lời Lola, “mấy người Nga hàng xóm nhà mình hồi ở Calcutta không? Sáng nào họ cũng chạy ra ngoài và ôm về hàng núi thức ăn, nhớ không? về đến nhà họ sẽ thái, sẽ luộc, sẽ xào hàng núi khoai tây với hành. Rồi đến tối họ lại bỏ ra chợ, chạy long tóc gáy, khi trở

về thì sượng phát rồ lên vì còn nhiều hành với khoai tây hơn cho bữa tối. Với họ, Ấn Độ là một xứ ê hề thừa mứa. Họ chưa bao giờ được thấy bất kỳ đâu như chợ ở ta.”

Nhưng bất chấp cách nhìn của hai người về nước Nga và bố mẹ Sai, lòng yêu mến của họ đối với Sai cứ lớn dần theo năm tháng.

chín

“*Lạy Chúa tôi*” Lola kêu lên khi nghe nói mấy khẩu súng của ông tòa đã bị cướp khỏi Cho Oyu. Giờ bà đã già đi nhiều rồi, nhưng tính cách vẫn mạnh mẽ như thuở nào. “Ngộ nhỡ bọn côn đồ ấy mò đến Mon Ami thì sao nhỉ? Dám lắm chứ. Nhưng nhà ta thì có gì đâu. Mà *thế* chắc cũng chẳng làm chúng nản lòng. Bọn chúng có thể giết người vì năm chục rupee ấy chứ.”

“Nhưng các cô có người gác công mà,” Sai nói, vẻ lơ đãng, còn mãi đeo đuổi ý nghĩ vì sao Gyan lại không đến vào ngày xảy ra vụ cướp. Tình cảm của anh dành cho nàng hẳn đã đến hồi phai nhạt...

“Budhoo ấy hả? Nhưng hẳn là người Nepal. Ai mà tin được? Hễ xảy ra trộm cướp là y như rằng dính đến người gác cổng. Cái ngữ ấy vừa làm chỉ điểm vừa chia chác đồ ăn cướp... Chị nhớ bà Thondup không? Ngày xưa bà ấy chả có gã gác cổng người Nepal đấy thôi, ở Calcutta một năm về thấy nhà cửa nhẵn như chùi. *Nhẵn như chùi*. Chén đĩa giường tủ bàn ghế dây dợ đèn đóm đồ đạc, thượng vàng hạ cám – đến cả dây xích với phao trong toilet cũng mất. Một tên trong bọn còn định ăn cắp cả dây cáp chẳng dọc đường rồi bị điện giật chết.

Tre bị chặt đem bán hết, chanh trên cây bị vặt tiệt. Đường ống nước thì bị đục thủng tứ tung, mấy nhà trên sườn đồi đều dùng lấy nước từ nhà họ – nào có thấy bóng người gác cổng đâu, tất nhiên rồi. Đánh vào một cái chạy qua biên giới, gã dông thẳng về Nepal. *Lạy Chúa tôi, Noni*,” bà nói, “khéo mình cũng phải đuổi lão Budhoo cũng nên.”

“Bình tĩnh nào. Mình làm thế sao được?” Noni trả lời. “Ông ấy có làm gì đâu.”

Thật ra, sự hiện diện của Budhoo vốn là một niềm an ủi cho hai chị em đang cùng nhau bước sang tuổi xế chiều ở Mon Ami, vườn rau ở đây theo chỗ họ biết là nơi có giống xúp lơ xanh độc nhất trong nước trồng bằng hạt mua tí tặn bên Anh; đến mùa lê vườn cây ra quả đủ cho họ làm món lê hầm hàng ngày và thừa thãi để thử ủ rượu vang trong bồn tắm. Dây phơi nhà họ

trũ xuống dưới sức nặng của đám quần lót hiệu Marks & Spencer, và qua mấy ống quần rộng thùng thình ấy, họ được chiêm ngưỡng dãy Kanchenjunga đang quần một đám mây quanh cổ. Trước nhà treo một tấm *thangkha* vẽ hình yêu tinh – có bộ răng đói khát và chuỗi hạt đầu lâu, đang vung vẩy một cái dương vật giận dữ – ngô hầu làm nhụt chí mấy nhà truyền giáo. Trong phòng khách là cả một kho trăm thứ bà rần. Trên mấy chiếc bàn *choksee* Tây Tạng sơn màu xanh ngọc và đỏ lửa chất đầy những sách, có cả một tập tranh của Nicholas Roerich, một quý tộc người Nga vẽ diện mạo dãy Himalaya âm u đến mức làm người ta rùng mình dù chỉ mới hình dung ra cái lạnh cô đọng đến sờn gai ấy, người lữ hành cô độc trên lưng bò ấy, làm lũi – đi về đâu? Cái vô tận của viễn cảnh gợi ra một tiền trình mờ昧. Ngoài ra, còn có sách giới thiệu về các loài chim của Salim Ali và toàn tập Jane Austen. Tủ phòng ăn đựng đồ sứ Wedgwood, còn trên tủ bàn là một cái bình mút, được giữ lại chỉ cho đẹp. “Nhà sản xuất mút và thạch hoa quả được Nữ hoàng chỉ định,” dòng chữ mạ vàng ghi dưới tấm gia huy có sư tử đội vương miện và ngựa một sừng nâng đỡ.

Rồi đến lượt con mèo, Mustafa, một con mèo mun lông mượt thể hiện khả năng tiết chế hoàn hảo đến mức không khoa học hay tình yêu nào có thể thâm nhập được. Lúc này, nó đang nằm trong lòng Sai và gừ gừ như một cỗ xe tải đang khởi động, đôi mắt vô cảm nhìn thẳng vào nàng, nhắc nàng chớ có lầm tưởng thể này tức là thân mật.

Để bảo vệ cả cơ ngơi này cùng phẩm giá của mình, hai chị em đã thuê Budhoo, một quân nhân hồi hưu từng tham chiến chống phong trào nổi dậy ở Assam, chủ nhân của một khâu súng to tướng và một hàng ria không kém dữ dằn. Cứ chín giờ tối là ông đến, vừa đạp xe vừa bấm chuông tin tin và nhóm mông lên khỏi yên xe khi đi qua cái sổng trâu trong vườn.

“Budhoo à?” hai chị em sẽ từ trong nhà gọi với ra, vẫn đang ngồi trên giường, cuộn mình trong khăn Kulu, nhắm nháp rượu brandy Sikkim, nghe mục thời sự của BBC ra rả phát ra từ radio, rót vào tai họ những âm thanh chát chúa.

“Budhoo à?”

“Vâng, thưa *Huzoor!*”

Thế là bọn họ sẽ trở lại với đài BBC, cũng có khi chuyển sang ngồi trước cái ti vi đen trắng nhỏ khi Doordarshan giới thiệu bộ phim *Tới thái ấp Bom* hay *Vâng thưa Bộ trưởng*, với các quý ông có khuôn mặt phì nhiêu sũng nước như thịt hun khói. Trong khi Budhoo ở trên mái nhà co kéo cái ăng ten, hai chị em hò hét chỉ đạo qua cửa sổ, “Phải, trái, không, lùi lại,” làm ông già tội nghiệp quay cuồng giữa những tán cây và lũ bướm đêm trở trời vỡ tổ bay ra khắp Kalimpong.

Vào những lúc vô sự trong đêm, Budhoo lại đi tuần quanh Mon Ami, gõ phách và thổi còi để Lola và Noni nghe tiếng và vững dạ cho đến khi những ngọn núi lại một lần nữa lấp lánh ánh vàng thuần chất 24 karat và họ thức dậy giữa lúc bụi sương đang bốc hơi dưới ánh mặt trời.

Nhưng họ tin tưởng Budhoo mà chẳng dựa trên cơ sở nào. Biết đâu ông ta sẽ sát hại họ khi họ đang mặc đồ ngủ thì sao...

“Nhưng mình mà đuổi ông ta,” Noni nói, “thì ông ấy sẽ đem lòng thù và dễ gây chuyện gắp đôi ấy chứ.”

“Em đã bảo chị rồi, cái bọn Nepal này không thể tin được. Mà nào chúng có ăn cướp không đâu. Trong đầu chúng chỉ có mỗi chuyện giết chóc, thế thôi.”

“Ừm,” Lola thở dài, “cũng dám lắm, thật đấy. Đã có mằm mống lâu rồi. Biết bao giờ cái xứ này mới được bình yên nhỉ?”

Hồi mình chuyển đến Mon Ami, khắp Kalimpong đang náo loạn cả lên, chị nhớ không? Chẳng biết ai là gián điệp, ai không. Hồi đó Bắc Kinh coi Kalimpong là lò lửa của những hoạt động chống phá Trung Quốc... “

Các tảng lũ luồn rừng tới đây, như những dòng lửa màu hồng lựu chảy xuôi triền núi, trốn sang từ Tây Tạng theo tuyến đường buôn muối và len.

Giới quý tộc cũng đến, những mỹ nhân xứ Lhasa nhảy valse ở Vũ hội Gymkhana, làm dân bản xứ ngỡ ngàng vì phong cách quốc tế của mình.

Nhưng tình trạng thiếu lương thực trầm trọng đã kéo dài khá lâu, như mọi lần vẫn thế, kể từ khi bất ổn chính trị lan đến vùng đồi.

“Mình phải chạy ra chợ thôi, Noni ạ. Khéo hết sạch mất. Mà còn mấy cuốn sách mượn của thư viện nữa! Phải đổi sách mới thôi.”

“Em sẽ không mất cả tháng đâu,” Lola nói. “Sắp xong rồi,” bà gõ vào cuốn *Khúc quanh của dòng sông*, “khó nhằn đây... “

“Một ngòi bút siêu phàm,” Noni nói. “Đỉnh cao. Một trong những cuốn sách hay nhất chị từng đọc.”

“Ôi, em chẳng biết nữa.” Lola đáp, “Em thấy ông ta làm sao ấy. Cứ luẩn quẩn với quá khứ... chẳng cấp tiến chút nào. Nỗi ám ảnh thuộc địa, chưa bao giờ ông ta giải thoát được bản thân khỏi điều đó cả. Giờ chuyện khác lắm rồi. Thật ra,” bà tiếp, “tikka masala đã thay thế cá và khoai chiên trở thành bữa tối mang về được ưa chuộng số một ở Anh. Tờ *Tin nhanh Ấn Độ* vừa mới đưa tin.”

“Tikka masala,” bà nhắc lại. “Chị có tin được không?” Bà hình dung ra đồng quê nước Anh, những lâu đài, những cây bờ, nhím bụi, vân vân...⁴ và tikka masala vù vù bay qua bay lại trên xe buýt, xe đạp, Rolls-Royce. Rồi bà tưởng tượng ra một cảnh trong phim *Tối thái ấp Born*: “Ôi Audrey. Ngon tuyệt trần! Gà tikka masala! Ủ, anh mua một ít basmati nữa. Anh thấy gạo đấy là ngon nhất, em có đồng ý không?”

“Hừm, chị cũng không muốn đồng ý với em đâu, nhưng có lẽ em nói đúng,” Noni thừa nhận. “Nói cho cùng, tại sao ông ấy không viết về nơi mình đang sống? Sao không chọn đề tài về bạo loạn sắc tộc ở Manchester chẳng hạn?”

“Hay như nước Anh mới, Noni ạ. Một xã hội quốc tế hoàn toàn. Như Pixie chẳng hạn, nó chẳng bao giờ đem lòng oán giận ai.”

Pixie, con gái Lola, là phóng viên của BBC. Thi thoảng Lola sang thăm cô và làm mọi người phát ốm lên lúc trở về khi bà cứ huyền thuyên không dứt: “Kịch hay tuyệt vời, lại còn dâu với kem... À mà lại còn dâu với kem... “

“Giời! Kem với chả dâu, em tôi ơi, mà lại còn ở khu vườn *đẹp nhất trần đời* nữa,” Noni nhại cm gái. “Cứ làm như ở

Kalimpong này em không có dâu với kem ấy!” bà nói, rồi thêm. “Mà em cũng nên bỏ cái kiểu vừa ăn vừa luyên láy từng chữ và làm bộ làm tịch như một con heo đi guốc đi đờc rồi đấy.”

“Chân gái Anh nhìn phát kinh lên đờc,” Bác Potty, khán giả của cuộc đấu khẩu, lên tiếng. “Vừa to vừa nhão, Cũng may là giờ các cô nàng bắt đầu mặc quần rồi.”

Nhưng Lola đã quá mê muội nên chẳng chịu nghe ai. Vali của bà đầy chậ những lọ men Marmite, viên nước thịt Oxo, gói bột nêm Knorr, kẹo After Eights, củ thủy tiên, và kho dự trữ nước dừa chuột Boots và đồ lót Marks & Spencer mới đờc bổ sung – theo quan điểm của bà đây chính là cái tinh hoa, tinh túy, đậm chất Anh. Hả là nữ hoàng cũng ngự dụng thứ đồ dệt kim thượng hạng này:

Người vững chãi.

Nó vững chãi.

Người giản dị.

Nó giản dị.

Người dẻo dai.

Nó dẻo dai.

Người thẳng thắn.

Nó thẳng thắn.

Cả hai thiên thu trường trị!

Chính Pixie là người đã khơi dậy cái nghi thức nghe đài đêm khuya nọ.

“Budhoo à?”

“Vâng thưa *Huzoor*.”

“Xin chào quý thính giả... đây là Piyali Bannerji của bản tin BBC.”

Khắp Ấn Độ, mỗi khi nghe cái tên Ấn này được phát âm bằng thứ tiếng Anh chuẩn mực, người ta lại cười lăn cười lộn đến đau cả bụng.

Bệnh tật. Chiến tranh. Đói kém. Noni cảm thán và thấy choáng váng, còn Lola thì gừ gừ như mèo đậy hãnh diện và chẳng nghe thấy gì khác ngoài vẻ tao nhã trau chuốt trong giọng nói của cô con gái, lấn át mọi điều khủng khiếp nhân loại có thể trút lên đầu nhau. “Đi được càng sớm càng tốt con ạ,” ngày xưa bà từng khuyên Pixie như vậy, “Ấn Độ là một con tàu đang đắm. Mẹ không có ý hối thúc con đâu, con yêu, cứng à, chỉ là mẹ nghĩ cho hạnh phúc của con thôi, có điều *những cánh cửa không rộng mở chờ con mãi đâu...*”

mười

Biju đã khởi đầu năm thứ hai của mình trên đất Mỹ ở nhà hàng Ý của Pinocchio với công việc khuấy những hũ nước sốt Bolognese sôi ùng ục, trong khi trên loa một ca sĩ opera hát về ái tình và án mạng, báo thù và cõi lòng tan nát.

“Người hăn có mùi,” vợ ông chủ nói. “Hình như em bị dị ứng với mùi dầu tóc của hăn.” Bà hy vọng kiếm được người làm từ những xứ nghèo hơn của châu Âu – Bulgaria hay Czechoslovakia chẳng hạn. Ít ra dân mấy xứ ấy còn có điểm tương đồng với họ như tôn giáo hay màu da, tổ tiên họ đều ăn xúc xích hun khói và ngoại hình cũng giống nhau, nhưng dân xứ ấy tới đây có lẽ không nhiều đến thế, hoặc giả họ không cùng quần đến thế, bà cũng không dám chắc...

Ông chủ mua xà phòng và thuốc đánh răng, bàn chải, dầu gội và dầu xả, bông ngoáy tai, bấm móng tay, và quan trọng hơn cả là nước hoa khử mùi, rồi bảo Biju cứ tùy ý chọn thứ gì cậu cần.

Vậy là họ đứng đó, lúng túng vì sự riêng tư của những vật dụng cá nhân nằm trước mặt.

Ông ta lại thử một chiến thuật khác: “Ở Ấn Độ họ nghĩ thế nào về giáo hoàng?”

Bằng cách tỏ ra tôn trọng suy nghĩ của cậu, ông hy vọng sẽ khơi dậy lòng tự tôn ở Biju, vì rõ ràng đó là điều cậu thiếu khi làm việc ở đây.

“Anh cũng cố hết sức rồi,” bà vợ nói, an ủi chồng sau khi vài ngày đã qua mà họ vẫn không thấy có gì thay đổi ở Biju. “Thậm chí anh còn *mua* xà phòng cơ mà,” bà bảo chồng.

Biju tìm đến quán Tom & Tomokos – “Không có việc gì đâu.

Quán rượu của McSvveeneys – “Không thuê người.”

Freddy's Wok⁵ – “Cậu có biết đi xe đạp không?”

Có, cậu biết.

Cánh gà Tứ Xuyên với khoai chiên, chỉ có 3.00\$. CƠM rang giá 1.35\$ và 1.00\$ cho món bánh bao rán béo ngậy chắc nịch như em bé – cắt lát rồi rưới thỏa thuê nước sốt lên đĩa. Ở cái xứ này dân nghèo ăn uống như vua như chúa! Thịt gà Tả công, thịt lợn tiến vua, Biju gò lưng đạp xe, túi thức ăn treo trên ghi đông, bóng dáng cậu xiêu vẹo giữa những xe buýt phì phò, taxi ậm ạch – tiếng động từ đám xe cộ ấy mới giống tiếng gầm gừ, tiếng dầy hơi làm sao. Biju dận bàn đạp, khổ sở vì những tay lái taxi đến từ Punjab – người chứ không phải thứ cá chậu chim lồng nhé, con người tự do tự tại và đã lái xc là phải thế, phóng bạt mạng kêu inh ỏi. Họ hành hạ Biju bằng những tiếng còi tưởng chừng có thể tách thể giới này thành thể rắn và thể lỏng: piiiNNN!

Một tối nọ, Biju được giao mang xúp chua cay và trứng phù dung đến cho ba cô gái người Ấn Độ, ba sinh viên, ba sự bổ sung nhân khẩu cho khu vực ở một căn hộ vừa mở cửa theo quy định mới sửa đổi cửa thành phố về việc nâng giá thuê nhà. Biểu ngữ “Ngày phản đối cải tạo nhà” được những cư dân lâu năm chằng khắp đường phố trong buổi liên hoan hồi chiều, khi bà con chơi nhạc, nướng xúc xích giữa đường và bán đủ thứ chổi cùn rế rách. Các cô gái Ấn Độ hy vọng một ngày nào đó mình sẽ thành trưởng giả⁶, nhưng hiện tại, tuy không được xóm giềng hoan nghênh, họ vẫn còn trong thời sinh viên hăng hái sát cánh với những người nghèo khó đang chỉ mong họ biến đi.

Cô gái ra mở cửa nở nụ cười, hàm răng long lanh, đôi mắt long lanh sau cặp kính long lanh. Cô nhận gói đồ ăn rồi quay vào thu tiền của các bạn. Căn phòng thấm đẫm chất đàn bà Ấn Độ, ngát hương những mái đầu mới gội, nằm chơ vơ đây đó là những đôi dép Kolhapuri thêu kim tuyến. Những chồng sách kế toán dày cộp xếp trên bàn, bên cạnh là một bức tượng thần Ganesh béo trọc béo tròn tuy nặng trĩu nhưng vẫn được tha lơi từ tận quê

nhà sang đây, vừa là để trang trí nội thất, vừa để lấy may trong chuyện tiền bạc và thi cử.

“À,” một cô trong bọn tiếp tục câu chuyện bị Biju làm gián đoạn, bàn tán về một cô gái Ấn Độ thứ tư không có mặt, “sao nó không kiếm lấy một anh người Ấn cho xong, ai mà chịu được cái tính khí cáu bẳn ấy của nó cơ chứ?”

“Nó chả chịu giai An Độ đâu, nó không khoái kiểu một anh giai Ấn Độ tử tế từ nhỏ đã lê la tán phét với các cô các dì trong bếp.”

“Thế nó muốn cái gì mới được chứ?”

“Nó muốn một anh chàng Marlboro² có bằng tiến sĩ cơ.”

Họ có kiểu tự mãn thường gặp ở nhiều phụ nữ Ấn Độ thuộc tầng lớp có học thức nói tiếng Anh, đi dự tiệc cocktail, ăn bánh roti bà ngoại làm bằng những ngón tay điêu luyện, khoác sari hoặc xỏ quần chun để tập aerobics, có thể nói “*Namaste, dì Kusum, aayiye, baethiye, khaiye!*” ngon lành như “Shit!” Họ nhanh chóng thích để tóc ngắn, háo hức những chuyện tình lãng mạn kiểu phương Tây, sung sướng với một đám cưới truyền thống có thật nhiều đồ trang sức: lễ xanh (là ngọc bích), lễ đỏ (là hồng ngọc), lễ trắng (là kim cương). Họ tự đặt mình vào vị trí độc nhất vô nhị để giáo huấn tất cả mọi người về nhiều vấn đề khác nhau: các giáo sư kể toán về kế toán, người Vermont về lá mùa thu, dân Ấn về Mỹ, dân Mỹ về Ấn, dân Ấn về Ấn, dân Mỹ về Mỹ. Họ tự tin, họ gây ấn tượng; ở Mỹ, nơi may cho họ là người ta vẫn nghĩ rằng phụ nữ Ấn

Độ bị áp bức, họ được tán tụng là phi thường – một điều đem lại hệ quả chẳng hay ho gì là càng làm đậm đà thêm bản sắc vốn có của họ.

Bánh quy may mắn họ thử rồi, cả tương ớt, xì dầu, tương đen, dưa, khăn giấy, thìa dao đĩa nhựa cũng vậy.

“*Dhanyaivad. Shukria. Cảm ơn anh. Tiền tip đây. Anh mua mũ-khăn-găng chuẩn bị cho mùa đông đi là vừa.*”

Cô gái có đôi mắt long lanh nói lời cảm ơn đa ngôn ngữ để hàm nghĩa của nó có thể được truyền tải dưới mọi góc độ- để cậu có thể nhận thức rõ ràng thấu đáo về thái độ thân thiện của họ trong cuộc gặp gỡ giữa những người Ấn Độ xa xứ thuộc về những giai cấp và ngôn ngữ khác nhau, giàu và nghèo, Bắc và Nam, đẳng cấp trên và đẳng cấp dưới.

Đứng trên ngưỡng cửa, lòng Biju lẫn lộn nhiều cảm xúc: đói, kính nể, chán ghét. Cậu leo lên chiếc xe đạp ban nãy dựa vào hàng rào và định di tiếp, nhưng rồi có điều gì níu kéo cậu quay trở lại. Đó là một căn hộ ở tầng trệt, song cửa màu đen. Cậu đưa hai ngón tay lên miệng và huýt sáo qua ô cửa sổ về phía mấy cô gái đang nhúng thìa vào hộp nhựa đựng thứ chất lỏng màu nâu và những mẫu trứng nhờ nhờ sau lớp nhựa nhìn góm chết, *tweeeeeee twoooo*, và trước khi kịp thấy phản ứng của họ, cậu đã đạp thật lực ra giữa dòng xe cộ ồn ào náo nhiệt xuôi xuống Broadway, vừa đạp xe vừa hát vang, “*O, yeh ladki zara si deeivani lagti hai... ?*”

Nhạc cũ nhớ lâu đây mà.

Nhưng rồi, trong vòng một tuần, có năm người gọi điện đến quán Freddy’s Wok phàn nàn rằng đồ ăn bị nguội. Trời đã vào đông.

Bống tối buông xuống nhanh hơn, màn đêm ngổn ngấu quá khẩu phần thời gian của mình. Biju ngủi bông tuyết đầu tiên và thấy nó cò mùi gai gai khó ngủi giống mùi trong buồng lạnh; cậu như nghe thấy tiếng rào rào của lớp nhựa thermocol dưới chân mình. Trên dòng Hudson, băng vỡ tan thành liếng, và giữa hai bờ của dòng sông u ám đang rạn vỡ ấy, dường như đã thấp thoáng hiện lên trước mắt người dân thành phố mọi điều gì đó xa vắng và quạnh hiu để họ có thể đem soi vào nỗi cô đơn của chính mình.

Biju nhét một xấp báo vào trong lần áo – những số báo còn thừa của ông Iypc bán báo tốt bụng – có khi lấy cả mấy tấm bánh kếp nhân hành và nhét vào trong lớp báo, bắt nguồn từ hồi ức về một ông chú thường ra đồng vào mùa đông mang theo món *paratha* để ăn trưa trong áo vest. Nhưng thế cũng chẳng ăn thua, và có lần khi đang đạp xe, cậu bắt đầu ứa nước mắt vì lạnh, những giọt nước mắt khơi ra một mạch ngấm đốn đau sâu kín – một

tiếng rền rĩ kinh khủng bật ra lẫn vào cơn nước nở khiến cậu choáng váng nhận ra nỗi buồn của mình lại thăm sâu đến vậy.

Khi trở về nhà dưới tầng hầm một tòa nhà ở cuối khu Harlem, cậu lăn ra ngủ.

Tòa nhà thuộc về một công ty quản lý vô hình đăng ký địa chỉ ở phố Một Một Phần Tư và sở hữu nhiều bất động sản ở khắp khu này, tay quản lý tranh thủ kiếm thêm bằng cách cho thuê bất hợp pháp tầng hầm theo tuần, theo tháng, thậm chí theo ngày cho những khách trọ cũng bất hợp pháp. Tiếng Anh của anh ta cũng cỡ Biju, vậy nên bằng cả tiếng Tây Ban Nha, Hindi và ra hiệu loạn xạ, khi chiếc răng vàng của Jacinto lóe lên dưới ánh nắng cuối ngày, họ đi đến thỏa thuận về điều khoản thuê nhà. Biju gia nhập cái cộng đồng liên tục thay đổi của những người cắm trại bên hộp cầu dao, sau nôi hơi, trong hốc tường và ở những góc nhà hình thù kỳ quặc trước đây từng là chạn bát, buồng của người hầu gái, buồng giặt và buồng kho bên dưới nơi từng là một ngôi nhà biệt lập, cửa ra vào vẫn còn hoa văn trang trí hình sao lát gạch men màu. Họ chung nhau một cái toilet vàng khè; chậu rửa tay là cái bồn giặt cũ bằng nhôm. Cả tòa nhà có duy nhất một hộp cầu dao, nếu ai đó bật quá nhiều thiết bị điện hay đèn thì, PHỤT, cả khu mất điện, và bà con bắt đầu chửi rửa vu vơ, bởi chẳng có người nào ở đó mà nghe họ, tất nhiên rồi.

Mới hôm đầu ở đây Biju đã tá hỏa lên. “Chào đồng chí,” một gã đàn ông đứng trên thềm nơi ở mới của cậu chìa tay ra và gật đầu, “tớ là Joey, tớ vừa làm một tộp WHEESKAY!” Gã to khỏe, huyết sáo. Gã là dân vô gia cư ở đây, đang đứng trên biên giới lãnh địa săn bắt và hái lượm của mình, cái lãnh địa đôi khi được gã đánh dấu bằng cách tề một tia cong vút lóng lánh ra đường. Gã trú đông ở đây, trên tấm vỉ sắt của đường xe điện ngầm, trong túp lều nhựa không lồ vông xuống rồi lại căng đầy thứ không khí tù đọng phun lên từ dưới mỗi khi tàu chạy qua. Biju nắm lấy bàn tay nhớp nháp đang chìa ra, gã liền bóp chặt, Biju vội giăng ra và bỏ chạy, một tràng cười đuổi theo sau lưng cậu.

“Thức ăn lạnh hết cả,” khách hàng phàn nàn. “Xúp đến nơi đã lạnh rồi! Lại thế! Cơm hôm nay lạnh, mấy lần trước cũng lạnh.”

“Cả tôi cũng lạnh,” Biju mất bình tĩnh bật ra.

“Thì đập nhanh nữa lên,” ông chủ nói.

“Tôi chịu.”

Đã một giờ hơn khi cậu rời quán Freddy’s Wok lần cuối, mỗi ngọn đèn đường là một quầng sáng phủ đầy hơi nước đóng băng thành những mảnh vụn hình sao, cậu lê bước giữa từng đồng tuyết cao như núi, điểm xuyết những thùng rác trống không và những bãi nước đá chó đã đông lại thành một sắc vàng kỳ dị. Đường phố không một bóng người, trừ gã đàn ông vô gia cư đang đứng nhìn vào chiếc đồng hồ vô hình trên cổ tay và nói vào máy điện thoại công cộng đã hỏng. “Năm! Bốn! Ba! Hai! Một – CẮT CÁNH!!”, gã hét lên rồi gác máy và chạy, tay giữ mũ như thể nó sẽ bị quả tên lửa gã vừa phóng vào không gian thối bay đi mất.

Biju máy móc rẽ vào ngôi nhà thứ sáu, ngôi nhà tối tăm với mặt tiền đá phiến, bước qua những thùng sắt lạo xạo tiếng móng chân chuột không lẫn vào đâu được, rồi theo những bậc thang xuống tầng hầm.

“Tôi mệt quá,” cậu nói to.

Người nằm gần cậu đang kéo gối trên giường, trở mình quay qua, quay lại. Một người khác nghiêng răng ken két.

Cho đến khi kiếm được việc làm trở lại ở cửa hàng bánh trên đường Broadway và La Salle, cậu đã tiêu hết số tiền tiết kiệm bỏ trong bí tất.

Đã sang xuân, băng bắt đầu tan, dòng nước tiểu được giải phóng bắt đầu chảy. Khắp nơi, ở những quán café và bistro trong thành phố, người ta tranh thủ cái lát cắt thơm ngon bù béo giữa mùa đông lạnh như điên và mùa

hạ nóng như điên này để ăn uống ngoài trời trên vỉa hè chật hẹp dưới bóng anh đào. Chị em xúng xính trong những bộ váy áo, ruy băng và nơ dành cho búp bê chẳng phù hợp chút nào với tính cách họ, tự cho phép mình thưởng thức những búp non đầu mùa; mùi hương của những cao lương mỹ vị hòa quyện với mùi ợ hơi của đám taxi và hơi thở đầy dục vọng của đường xe điện ngầm thổi tung vạt váy những nàng thiếu nữ mặc áo xuân khiến họ tự hỏi chẳng lẽ Marilyn Monroe cũng cảm thấy *thế này* sao – chắc là không chứ, chắc là không chứ...

Ngài thị trưởng phát hiện ra một chú chuột ở Biệt thự Gracie.

Còn Biju, ở quán Nữ hoàng Bánh tạc, đã gặp Saeed Saeed, người sẽ trở thành nhân vật được Biju hâm mộ nhất ở Hợp chúng Quốc Hoa Kỳ.

“Tớ từ Zanzibar tđi, *không phải* Tanzania,” anh tự giới thiệu về mình.

Cả hai nơi đó Biju đều không biết. “Là ở đâu ạ?”

“Cậu không biết à?? Ố Zanzibar đày dân Ấn, trời ơi! Bà tớ đây – bà cụ cũng là người Ấn Độ đấy!”

Ở Stone Town họ ăn bánh gối với *chapatis*, *jalebis*, cơm thập cẩm... Saeed Saeed hát chẳng kém gì Amitabh Bachhan và Hema Malini. Anh hát, “*Mera joota hai japani...*” và “*Bombay se aaya mera dost – Oi!*” Anh có thể dang ray lắc lư và đánh hông y hệt như Kavafya ở Kazakhstan hay Omar ở Malaysia, cả ba cùng nhau cuốn Biju vào những điệu nhảy cuồng nhiệt. Quá tự hào về những tác phẩm điện ảnh nước nhà, Biju cơ hồ ngất đi.

mười một

Thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu là những ngày Noni dạy Sai học.

Người đầu bếp đưa đi đón về cô bé ở Mon Ami, đi chợ và ra bưu điện trong thời gian chờ đợi, nhân tiện bán món *chhang* của bác.

Ban đầu bác kiếm thêm bằng cách khởi sự kinh doanh rượu là để lo cho Biju, vì sau gần ấy năm lương bác chẳng thay đổi bao nhiêu. Lần tăng lương gần đây nhất là thêm hai mươi lăm rupee.

“Nhưng sahib ời,” bác van nài, “thế này tôi biết sống làm sao?”

“Chi tiêu của người được bao cả rồi còn gì – nhà cửa, quần áo, ăn uống, thuốc men. Thế này là đã cho thêm rồi đấy,” ông tòa găm gù.

“Còn Biju thì sao?”

“Còn Biju *thì sao?* Biju phải tự mà lo thân nó chứ. Nó có bị làm sao đâu?”

Người đầu bếp nổi danh với món đặc sản của mình bèn đi mua kê, vo cho sạch và nấu như nấu cơm, rồi thêm men vào, ủ một đêm nếu trời nóng, lâu hơn nếu trời lạnh. Để độ một hai ngày trong túi vải thô, tới khi dậy mùi men chua chua khan khan ấy, bác sẽ đem bán ở một nhà hàng lụp xụp tên là Gompu's. Lòng bác tràn trề kiêu hãnh khi thấy bà con ngồi trong khói thuốc và hơi nước bên chiếc cốc tre đựng đầy thứ hạt của bác, trên đế nước sôi. Họ hút thứ chất lỏng đó, lấy một đoạn nữa làm ống hút để lọc hạt kê – *khààààà...* Người đầu bếp khuyên khách hàng nên trữ một ít *chhang* cạnh giường phòng khi khô miệng lúc về đêm, cam đoan rằng nó giúp người ta khỏe lại sau khi ốm dậy. Phi vụ này kéo theo một phi vụ khác còn sinh lời hơn, khi người đầu bếp bắt mối được với thị trường chợ đen buôn bán sản phẩm có thương hiệu, và trở thành một mắt xích nhỏ bé nhưng quan trọng trong đường dây ngầm buôn lậu khẩu phần rượu và xăng dầu được trợ giá dành cho quân đội. Túp lều của bác là một điểm dừng chân được ngụy trang dưới rừng cây rất thuận tiện cho những chuyến xe tải của quân đội trên

đường tới nhà ăn sĩ quan. Bác nấp trong bụi cây, chờ đợi. Chiếc xe đỗ lại và từng kiện hàng mau chóng được dỡ xuống – Teacher’s, Old Monk, Gilby’s, Gymkhana; bác khuân chúng về lều rồi tuần cho đám lái buôn ngoài thị trấn bán theo chai. Ai cũng có phần, phần của bác chỉ là đầu thừa đuôi thẹo của cả lô hàng, khi thì năm chục, khi thì một trăm rupee; mấy tay lái xe được nhiều hơn; ai ở nhà ăn được nhiều nữa; phần béo bổ nhất thuộc về Thiếu tá Aloo, bạn của Lola và Noni, ông ta chính là người mua giúp họ, cũng bằng cách tương tự, loại rượu rum Black Cat và rượu anh đào họ ưa thích từ Sikkim.

Người đầu bếp làm điều này vì Biju, nhưng cũng là cho chính bác, bởi ham muốn của bác là tiện nghi: lò nướng, dao cạo điện, đồng hồ, máy ảnh, những sắc màu rực rỡ. Hàng đêm bác vẫn nằm mơ, không phải dưới hình thức những biểu tượng của Freud đến giờ vẫn khiến con người phải đau đầu, mà dưới dạng mã hóa hiện đại: từng con số trên máy điện thoại cứ thế bay đi trước khi bác kịp quay số, một cái ti vi hình thù méo mó.

Bác nhận ra rằng không có gì tồi tệ bằng việc phải phục vụ trong một gia đình không thể khiến mình tự hào, để mình thất vọng, làm mình bẽ mặt, và biến mình thành đồ ngốc. Cái đám đầu bếp, hầu gái, gác cổng và làm vườn ở các nhà khác trên sườn đồi ba hoa mới ghê chứ, khoe khoang rằng họ được chủ của họ đối xử tử tế thế này thế nọ – tiền bạc, tiện nghi, thậm chí cả tiền hưu trong tài khoản đặc biệt ở ngân hàng nữa. Trên thực tế, có vài người được trọng vọng đến mức nhà chủ *van nài* họ thôi đừng làm việc nữa; năn nỉ họ ăn kem với bơ, chăm sóc họ khi lên cước và sưởi nắng cho họ vào những chiều đông như thẩn lẩn nuôi làm cảnh. Người gác đêm ở MetalBox cam đoan với bác rằng mỗi sáng bác ta được ăn một quả trứng ôp lét với bánh mì trắng, khi đó đang là món ăn thời thượng, còn giờ khi bánh mì nâu trở thành mốt, thì lại đổi sang bánh mì nâu.

Sự so kè này nghiêm trọng đến mức người đầu bếp chợt nhận ra mình đang nói dối. Chủ yếu là về quá khứ, vì hiện tại quá dễ bị lật tẩy. Bác thổi bùng lên một huyền thoại về thời vàng son đã mất của ông tòa, do đó cũng là của bác, nó bắt cháy và loang ra khắp chợ. Một con người vĩ đại vì nước vì

dân, bác kể với họ như vậy, một địa chủ giàu có đã quyên tặng hết gia sản của mình, một chiến sĩ đấu tranh cho tự do đã rời bỏ địa vị quyền uy ở tòa án vì không muốn tuyên án các đồng bào của ông – lòng yêu nước của mình khiến ông không đành tâm bỏ tù các dân biểu, đàn áp những cuộc biểu tình. Một người đàn ông đầy nhiệt huyết, nhưng bị đẩy đến chỗ suy sụp, tìm đến với khổ hạnh và triết học vì quá đau buồn trước cái chết của người vợ, bản thân bà là hình tượng mẫu mực về người mẹ sùng tín và tuân đạo khiến mọi tín đồ Hindu phải quỳ gối vì kính ngưỡng. “Thế nên ông ấy mới ngồi một mình như vậy cả ngày, hết ngày này qua ngày khác.”

Người đầu bếp không hề biết vợ của ông tòa, nhưng bác cam đoan rằng mấy chuyện đó do những người hầu lâu năm hơn trong nhà kể lại, và đến một lúc nào đó, chính bác cũng dần tin vào huyền thoại ấy của mình. Nó đem lại cho bác cảm giác của lòng tự tôn ngay khi chọn vài mớ rau bán rẻ hay sẫm soi từng quả dưa hạ giá vì bị giập đầu. “Ngày xưa ông khác lắm,” bác kể cả với Sai, hồi cô bé mới tới Kalimpong. “Cháu không tin nổi đâu. Mới sinh ra ông đã rất giàu có.”

“Ông sinh ở đâu ạ?”

“Một gia đình danh vọng vào bậc nhất ở Gujarat. Ahmedabad. Hay Baroda gì đó. *Haveli* nhà ông nguy nga như cung điện vậy.”

Sai thích theo bác vào bếp vì bác hay kể chuyện cho cô nghe. Bác cho cô những mẫu bột để cán *chapatis* và chỉ cho cô cách làm cho thật tròn, nhưng thành quả của cô bé luôn là đủ thứ hình thù khác nhau. “Bán đồ Ấn Độ,” bác bảo thế, bỏ nó sang bên. “Ô hô, giờ cháu lại nặn thành bán đồ Pakistan rồi,” bác lại bỏ đi cái thứ hai. Cuối cùng bác cho cô bé thả một cái lên bếp để nó phồng lên, còn nếu không thành thì “À, Roti Đặc Biệt Cho Cún Con,” bác sẽ nói vậy.

“Bác kể nữa đi,” cô bé năn nỉ, khi được bác cho phết mứt lên bánh hay quấy pho mát làm nước xốt.

“Người ta gửi ông sang Anh học và cả vạn người tiễn ông ra ga. Ông ngự trên bành voi! Cháu biết đấy, ông được học bổng của lãnh chúa mà... “

Tiếng trò chuyện của người đầu bếp vọng đến tai ông tòa khi ông đang ngồi bên bàn cờ trong phòng khách. Khi nghĩ về quá khứ, lạ thay, ông bỗng thấy gai người. Một cảm giác bưng bưng dậy lên trong từng đường gân thớ thịt. Cảm giác ấy sôi sục trong ông cho tới lúc ông cơ hồ không chịu nổi.

Jemubhai Popatlal Patel kỳ thực được sinh ra trong một gia đình thuộc đẳng cấp nông dân, giữa một khung nhà tạm bợ dưới lớp mái cọ lúc nhúc những chuột ở vùng ngoại ô Piphit, nơi thị trấn quay về với bộ mặt của thôn làng. Đó là năm 1919 và nhà Patel vẫn còn nhớ cái thời Piphit dường như không có tuổi. Ban đầu thị trấn thuộc về lãnh chúa Gaekwad xứ Baroda, sau đó được sang tay cho người Anh, nhưng dù các khoản hoa lợi đã rút từ túi này sang túi khác, cảnh trí vẫn chẳng có gì thay đổi; một ngôi đền nằm giữa lòng thị trấn, bên cạnh là một gốc đa rễ đây rễ cái rễ con; dưới bóng cội đa là những cụ già râu bạc ngồi ôn lại chuyện xưa, lũ bò kêu *um bòò, um bòò*, phụ nữ đi qua những cánh đồng bông đến lấy nước từ con sông bùn quây đục ngầu, con sông lờ lững tựa hồ say ngủ.

Nhưng rồi đường ray được kéo về vắt ngang ruộng muối, đưa tàu hỏa hơi nước từ cầu cảng ở Surat và Bombay đến vận chuyển bông đi từ nội địa. Nhà cao cửa rộng bắt đầu mọc lên dọc đường, rồi đến tòa thị chính có tháp đồng hồ, xác lập một thời đại tân kỳ và hối hả, trên đường phố chen chúc đủ hạng người: Ấn Độ giáo, Thiên Chúa giáo, Kỳ Na giáo, Hồi giáo, viên chức, lính tráng, phụ nữ thiểu số. Ngoài chợ thương nhân vất vẻo trong những gian hàng như chuồng cu, buôn vòng bán vèo với hết Kobe đến Panama, Port-au-Prince, Thượng Hải, Manila, và với cả những kiốt mái tôn bé đến nỗi người chui không lọt, cách đó hàng mấy ngày đường đi xe bò. Tại đây, giữa cái chợ này, dựa lưng vào bức tường hẹp nhô ra từ cửa hiệu của một người bán đồ ngọt, cha Jemubhai có một công việc làm ăn khiêm tốn là tuyển mộ những người làm chứng gian trước tòa. (Ai mà ngờ được con trai ông, rất nhiều năm sau, sẽ trở thành thẩm phán?)

Toàn những chuyện quen thuộc: một ông chồng ghen tuông cắt mũi vợ, hồ sơ ngục tào chứng thực cái chết của một bà góa vẫn đang sống sờ sờ để đám con cháu tham lam có thể chia năm xẻ bảy tài sản của bà ta.

Ông huấn luyện dân nghèo, người cùng khổ, đám du thủ du thực, bắt họ tập võ kỹ càng:

“Anh biết gì về con trâu của Manubhai?”

“Trên thực tế Manubhai chưa từng có con trâu nào cả.”

Ông tự hào về khả năng ảnh hưởng và lũng đoạn đường đi của công lý, đổi trắng thay đen, biến sai thành đúng của mình; ông tịnh chẳng ăn năn. Trước khi một vụ trộm bò được trình tòa, giữa các bên tranh tụng đã có cả trăm lần lời qua tiếng lại, quá nhiều khuất khúc và ăn miếng trả miếng đến nỗi chẳng còn gì có thể gọi là đúng hay sai được nữa. Cuộc kiếm tìm sự trong sạch của câu trả lời chỉ là vô vọng. Anh rồi sẽ truy nguyên được tới đâu, để làm rõ ràng mọi sự?

Chuyện làm ăn rất phát đạt. Ông mua chiếc xe Hercules cũ với giá ba mươi lăm rupee và hình ảnh ông đạp xe quanh thị trấn trở nên quen thuộc. Sự ra đời của đứa con trai đầu lòng và duy nhất tức thì thắp lên ước vọng trong ông. Cậu bé Jemubhai năm cả năm ngón tay bé xíu quanh một ngón tay của cha; cái nắm dứt khoát và có phần hơi dữ dằn, nhưng ông bố bảo nắm chặt như thế là dấu hiệu của sức khỏe tốt và cười không ngậm miệng lại được. Khi thằng bé đã đủ lớn, ông bèn gửi nó vào trường dòng.

Trừ dịp cuối tuần ra, sáng nào mẹ Jemubhai cũng lay cậu dậy từ khi trời chưa sáng để ôn lại bài vở.

“Đừng mà, con xin mẹ, cho con ngủ thêm một tí, tí nữa thôi.” Cậu giẫy ra khỏi tay bà, mắt vẫn nhắm nghiền, chỉ chực lăn ra ngủ lại, vì cậu không sao quen được với chuyện thức dậy từ lúc còn mò đất, giờ này là giờ của bọn kẻ cướp và lũ chó rừng, của những âm thanh và hình thù xa lạ mà cậu dám chắc là không phải dành cho cậu, một cậu học trò Trường Giám mục Cotton, nghe thấy hay nhìn thấy. Trước mắt cậu chẳng có gì ngoài một màu

đen, dù cậu biết quang cảnh cực kỳ bát nháo, từng dãy họ hàng đầu óc thủ cựu nằm ngủ bên ngoài, *kaka-kaki-masa-masi-phoi-phua*, những túm những bọc đủ màu lung lảng dưới mái tranh ngoài hiên, mấy con trâu bị xỏ mũi buộc vào gốc cây.

Như một bóng ma giữa mảnh sân tối om, mẹ cậu xối nước giếng lạnh buốt lên tấm thân vô hình của cậu, kỳ cọ thật lực bằng hai cổ tay thô kệch của một người đàn bà nông dân, xát dầu lên tóc cậu, và dù biết rằng như thế sẽ tốt cho trí óc, cậu vẫn có cảm giác như bà đang tước óc mình ra.

Cậu bị nhồi nhét đến phát ngấy lên. Mỗi ngày cậu được dành riêng một cốc sữa tươi phủ đầy váng vàng ươm. Bà mẹ bưng cốc sữa kề vào tận miệng cậu, chỉ bỏ xuống khi đã cạn, đến nỗi cậu ngoi lên như cá voi ngoài biển và phập phồng thờ dốt. Bụng đầy kem, đầu đầy chữ nghĩa, trước ngực buộc một túi nhỏ đựng long não để tiêu tai giải hạn; cả kiện hàng ấy được làm phép và dùng ngón cái in vàng in đỏ những dấu *tika*— Cậu tới trường trên yên sau chiếc xe đạp của cha.

Trước cổng trường có chân dung Nữ hoàng Victoria mặc chiếc váy như tấm rèm xếp nếp, khoác áo choàng có tua, đội chiếc mũ kỳ dị đính lông chim tua tua như những mũi tên. Mỗi sáng khi Jemubhai đi qua bên dưới, cậu cảm thấy vẻ mặt y như cóc của bà rất có uy, và trong cậu nảy nở niềm khâm phục sâu sắc trước một người đàn bà bình phàm như thế nhưng lại quyền uy đến vậy. Càng ngẫm nghĩ về điều bất thường ấy, niềm ngưỡng vọng cậu dành cho bà và người dân Anh quốc càng lớn dần lên.

Chính tại nơi đây, dưới dung mạo hơi nhiều mụn cóc của bà, cuối cùng cậu đã vươn lên thành niềm hứa hẹn của cánh đàn ông trong họ. Trong dòng giống quặt quẹo nhà Patel bỗng xuất hiện một bộ óc thông minh với sự nhạy bén có vẻ là hiện đại. Cậu cò thể đọc một trang, gấp sách vào rồi đọc vanh vách, ghi nhớ hàng chục con số trong đầu, vận hành khối óc trơn tru như một cỗ máy trong ma trận phép tính, rồi nhả ra câu trả lời như thành phẩm bắn ra từ băng chuyền nhà máy. Có những lúc, khi nhìn cậu, cha cậu quên băng đi không nhận ra đứa con trai, trong hình dung của ông tia X-quang

chiếu sáng đến nỗi ông có thể thấy cái hoa xúp lơ đang lên xanh tốt trong hộp sọ con mình.

Ngay lập tức các cô con gái bị tước đi tất cả để cậu có thể nhận được những gì tốt đẹp nhất, từ tình yêu cho đến thức ăn. Tháng năm cứ thế nhòa nhạt trôi đi.

Nhưng những hy vọng của Jemubhai vẫn quá đỗi mơ hồ và chính cha cậu là người đầu tiên đề cập đến chuyện làm công chức nhà nước.

Năm mười bốn tuổi, khi Jemubhai đỗ đầu lớp, ngài McCooe hiệu trưởng cho mời cha cậu đến và gợi ý rằng cậu nhà nên dự kỳ tuyển sinh của luật sư đoàn địa phương để kiếm một chỗ làm ở tòa án sở tại. “Cậu nhà sáng dạ lắm... rồi ra có thể chuyển lên tòa đại hình không chừng!”

Ông bố ra về và ngẫm nghĩ. Hừm, nếu thằng bé có khả năng như vậy, nó có thể tiến xa hơn thế. Nó có thể làm hãn thẩm phán ấy chứ, được không nhỉ?

Con trai ông có thể, *có thể, có khả năng!* ngồi vào chiếc ghế đối diện với cha mình, kẻ lũng đoạn cơ chế đầy hãnh diện, người thấp kém nhất về thứ bậc trong tòa án. Nó có thể làm trưởng công tố quận hoặc thẩm phán tòa đại hình. Nó có thể đội mái tóc giả ngớ ngẩn màu trắng trên khuôn mặt sạm đen vì cái nóng bỏng rát mùa hè và gõ búa tuyên án những vụ việc được dàn gian dựng dối. Cha dưới, con trên, họ sẽ đại diện cho công lý, toàn quyền thao túng.

Ông chia sẻ giấc mơ của mình với Jemubhai. Huyền diệu thay giấc mơ ấy, nó như một chuyện thần tiên làm hai cha con ngây ngất, và có lẽ vì giấc mơ ấy vỗ cánh bay cao quá tầm cản trở của logic, nó dần thành hình, bắt đầu tạo nên áp lực rõ ràng. Ví phỏng đầu óc không ngây thơ, hai cha con hẳn đã chịu thua; giả sử họ đặt mục tiêu thấp hơn, theo logic về tính khả thi, chắc họ đã thất bại.

Chỉ tiêu số lượng người Ấn trong kỳ tuyển dụng của Ngạch Công chức Ấn Độ (ICS) là 50% và cái chỉ tiêu ấy không sao lấp đầy được dù chỉ là xấp xỉ. Trên cao còn chỗ, trên cao còn chỗ. Dưới thấp chắc chắn chẳng còn chỗ nào.

Jemubhai theo học trường trung học Giám mục nhờ vào một suất học bổng, sau đó cậu lên đường đi Cambridge trên tàu SS *Strathnaver*. Khi trở về, là thành viên của ICS, cậu được điều về một huyện xa nhà thuộc bang Uttar Pradesh.

“Hồi ấy ông lắm kẻ hầu người hạ lắm,” người đầu bếp bảo Sai. “Giờ thì còn mỗi mình ta, biết làm sao được.’ Bác đi làm từ năm lên mười, lĩnh lương bằng nửa tuổi mình, năm rupee, làm chân *chokra* sai vặt bé mọn nhất dưới bếp của câu lạc bộ nơi cha bác làm đầu bếp chuyên nấu đồ tráng miệng.

Năm mười bốn tuổi, bác vào làm cho ông tòa với giá mười hai rupee một tháng. Đó là những ngày tháng người ta thấy vẫn hữu ích khi biết rằng nếu treo một hũ kem dưới bụng bò, trên đường đi tới trại tiếp theo nó sẽ cô lại thành bơ trước khi hết ngày. Rằng nếu lật ngược một cái ô và trùm vải màn lên thì ta sẽ có một cái chạn đựng thịt xách tay.

“Lúc nào bọn ta cũng rong ruổi trên đường,” người đầu bếp kể, “bốn tuần thì có đến ba tuần như vậy. Chỉ những ngày xấu trời nhất trong mùa gió chúng ta mới nghỉ chân. Lúc nào có thể thì ông cháu sẽ tự mình lái xe, nhưng trong huyện hầu như không có đường, cũng chẳng có mấy cầu bắc qua sông, nên thường thường ông cưỡi ngựa. Thi thoảng đến những vùng rừng núi hay những đoạn nước sâu chảy xiết, ông lại cưỡi voi vượt qua. Chúng ta đi trước ông bằng tàu hỏa hoặc xe bò, trên xe chất đầy đồ sứ, lều, đồ đạc, thảm – thôi thì đủ thứ. Có phu khuân vác, tùy tùng, một nhân viên tốc ký. Trong lều tắm có một cái bồn cầu và còn có cả một đôi *murga-murgi* trong lồng dưới gầm xe. Đây là một giống gà nước ngoài và con gà mái ấy đẻ trứng nhiều hơn bất kỳ con *murgi* nào khác mà ta biết.”

“Thế mọi người ngủ ở đâu ạ?” Sai hỏi.

“Bọn ta dựng lều ở khắp các làng trong huyện: một căn lều to như rạp xiếc làm phòng ngủ cho ông ngoại cháu, kèm theo là phòng tắm, phòng thay quần áo, phòng khách và phòng ăn. Lều nào cũng to, trải thảm Kashmir, đồ ăn bằng bạc, ông ngoại cháu dù ở trong rừng vẫn ăn vận chỉnh tề khi dùng bữa tối, ông mặc áo vest ăn tối màu đen và thắt nơ.

“Như ta kể đấy, bọn ra đi trước, để khi ông cháu đến nơi thì mọi thứ đã được sắp đặt sẵn sàng, lúc nhổ trại lần trước thế nào thì giờ y như vậy, vẫn hồ sơ ấy mở ra đặt đúng góc ấy giờ đúng trang ấy. Chỉ sai một ly là ông nổi giận ngay.

“Thời gian biểu được thực hiện rất nghiêm ngặt – bọn ta chỉ chậm năm phút thôi cũng không được, nên ai nấy đều phải học cách xem đồng hồ.

“Lúc năm giờ bốn mươi lăm ta sẽ mang trà sớm đến lều của ông ngoại cháu. ‘Trà sớm,’ ta báo lên như vậy trước khi vén cửa lều.

“Trà sớm,” câu đó nghe y như thế. “*Trààà sớm. Trààà sớm.*”⁸ Sai lăn ra cười.

Ông tòa nhìn chăm chăm vào bàn cờ, nhưng sau những ký ức nhức nhối về cái thuở ban đầu, ông lại được nếm trải cảm giác ngọt ngào nhẹ nhõm khi hồi tưởng lại cuộc đời quan chức tuần du trong biên chế nhà nước.

Chuyện thời gian biểu sít sao đã giúp ông bình tâm lại, giống như việc thực thi quyền lực không ngừng nghỉ. Ông thật đã tận hưởng biết mấy cái uy quyền của mình đối với những giai cấp từng đè đầu cưỡi cổ gia đình ông hàng thế kỷ – ví dụ như gã ghi tốc ký nọ, vốn là một người Bà La Môn. Ở đằng kia là gã đang lồm cồm chui vào căn lều bé tí ở bên ngoài, còn đây là Jemubhai nằm như một ông hoàng trên chiếc giường đẽo bằng gỗ tếch, trên mắc màn ngăn muỗi.

“Trà sớm,” người đầu bếp sẽ báo lên. “Trààà rởởởm.”

Ông sẽ ngồi dậy uống trà.

6:30: ông sẽ ngâm mình trong nước đã đun sôi, thơm mùi khói và lấm tấm bụi than. Phớt một chút phẩn, ông thoa lên khuôn mặt mới rửa, một chút sáp thơm lên tóc. Bánh mì giòn tan như than vì mới nướng, chỗ nào cháy được phết mút cam.

8:30: ông cười ngửa ra đồng cùng đám chức sắc địa phương, cả làng đi theo vì hiếu kỳ. Được một người tùy tùng theo sau cầm ô giơ cao quá đầu che cho ông khỏi nắng, ông tiến hành đo đạc điền thổ và đối chiếu lợi tức ước tính của mình với báo cáo của trưởng làng. Sản lượng của các điền trang hồi đó vào khoảng mười gạ một mẫu lúa nước hoặc lúa mì, với thời giá hai rupee một gạ thì đôi khi cả làng đều là con nợ của *bania*. (Không ai hay biết chính Jemubhai cũng mắc vào cái thòng lọng ấy, dĩ nhiên là chuyện xảy ra đã lâu rồi, tại cái thị trấn Piphit nhỏ bé ở Gurajat, những kẻ cho vay lãi đánh hơi thấy ở cậu sự kết hợp thành công của tham vọng và nghèo túng... nên giờ họ vẫn ngồi xếp bằng trên manh chiếu bẩn ngoài chợ, bóp chân răng rác, bẻ tay tanh tách chờ thu hồi món nợ...)

2:00: sau bữa trưa, ông tòa ngồi xử án dưới gốc cây, thường là trong tâm trạng cáu kỉnh, bởi ông vốn không thích sự luộm thuộm, ghét bị tán lá đổ bóng lên mình làm lộ ra một vẻ ngoài lai căng không sạch sẽ. Ngoài ra, sự ô uế và thối nát còn thể hiện trên một khía cạnh tồi tệ hơn: ông nghe tranh tụng bằng tiếng Hindi, nhưng vụ việc lại được tốc ký viên ghi lại bằng tiếng Urdu rồi được ông dịch sang bản thứ hai bằng tiếng Anh, dù trình độ tiếng Hindi và tiếng Urdu của ông rất hạn hẹp; các nhân chứng, toàn người không biết đọc, lần lượt điểm chỉ bên dưới dòng chữ “Đã Đọc và Thừa Nhận Là Đúng,” theo hướng dẫn. Không ai dám chắc bao nhiêu phần sự thật đã bị rơi rụng giữa ngôn ngữ với nhau, giữa ngôn ngữ và mù chữ; ở đây sự minh bạch mà luật pháp đòi hỏi không hề tồn tại. Thế nhưng, bất chấp bóng cây và sự bát nháo về ngôn ngữ, ông vẫn gây dựng được một tiếng tăm đáng sợ nhờ lời tuyên án dường như chẳng thuộc về bất cứ một thứ tiếng nào, và nhờ vẻ mặt như mặt nạ truyền tải một điều gì đó vượt ra khỏi khả năng sai sót của

con người. Diện mạo và phong cách được mài giũa ở đây đến một lúc nào đó sẽ đưa ông đường mây thẳng tiến tới tận tòa đại hình ở Lucknow, nơi trong tâm trạng cáu bẳn vì lũ bồ câu vô pháp vô thiên nháo nhào lượn quanh những hành lang cao và âm u, ông sẽ chủ tọa phiên tòa, mái tóc giả rắc phấn trắng ôm lấy khuôn mặt rắc phấn trắng, cây búa trong tay.

Bức chân dung ông, chính tề như thế, cáu bẳn như thế, vẫn còn treo ở trên tường, trong một bộ ảnh trưng bày về lịch sử tôn vinh sự tiến bộ của trật tự trị an ở Ấn Độ.

4:30: trà phải thật hoàn hảo, bánh ngọt nướng bằng chảo. Ông sẽ đắm mình vào bữa tiệc trà, trán nhả lại, tựa hồ bức bội nghiền ngẫm một điều gì quan trọng, và rồi cũng giống như sau này khi ông đã về hưu, sự quyến rũ của vị ngọt bắt đầu chiến thắng, trên khuôn mặt khắc khổ vì công việc của ông sẽ hiện lên một vẻ thanh thản.

5:30: ông vác cần câu hoặc xách súng đi dã ngoại. Ở đồng quê rất lắm trò chơi; những dây chim di cư chằng chằng thòng lọng khắp trời vào tháng Mười; chim cú và gà gô với hàng đàn chim non lục tục theo sau kêu giống giả như những món đồ chơi con nít biết kêu biết chạy; đám gà lôi – những sinh vật béo tốt dần đụt sinh ra chỉ để cho người ta bắn – chạy nháo nhác trong bụi cây. Tiếng súng nổ rền vang rồi lắng xuống, cành lá rung rinh, và ông được ném trái sự tĩnh lặng tuyệt đối chỉ phát sinh sau bạo lực. Tuy nhiên, luôn luôn thiếu vắng một điều, ấy là thành quả của thắng lợi, chiến tích của cuộc chơi, chất nam tử trong con người, con gà gô cho nòi thịt, vì ông trở về...

Tay trắng!

Ông là một tay súng tệ hại.

8:00: người đầu bếp cứu vãn thể diện cho ông, nấu một con gà, bưng lên, thông báo đây là món “con hoang nướng”⁹, y như trong tập truyện cười yêu thích của người Anh về dân bản địa dùng tiếng Anh không chuẩn xác. Nhưng đôi lúc, khi ăn món chim ô tác nướng ấy, cảm thấy chuyện cười nọ hình như nhắm cả vào mình, ông bèn gọi thêm một ly rum, hớp một ngụm

to, rồi ăn tiếp như thế ăn thịt chính mình, vì bản thân ông cũng là (phải không nhỉ) một phần trong trò cưỡi ngựa...

9:00: vừa nhắm nháp sữa Ovaltine, ông vừa vào sổ những gì lượm lặt được trong ngày. Ngọn đèn Petromax sẽ được thắp lên – cái đèn ấy mới ồn chứ – côn trùng từ bóng tối bỏ xuống oanh tạc ông bằng những đóa hoa mềm mại (bướm đêm) và sắc màu lấp lánh (cánh cam). Những dòng, những cột, những ô vuông. Ông nghiệm ra rằng tốt nhất nên nhìn sự thật dưới dạng chính thể vi mô, vì nhiều sự thật nhỏ nhặt có thể làm nên một sự dối trá to lớn cỡ bự. Sau cùng, trong cuốn nhật ký sẽ được trình lên thượng cấp, ông ghi lại những điều ngẫu nhiên mắt thấy tai nghe của một người có văn hóa, có óc quan sát, được học hành cả văn chương lẫn kinh tế; và ông bịa ra những chiến tích đi săn: hai con gà gô... một con hươu sừng dài bảy chục xăngtimét...

11:00: ông uống một chai nước nóng vào mùa đông, và rồi mùa nào cũng vậy, trong tiếng gió quất vào những hàng cây và tiếng ngáy của người đầu bếp, ông ngủ thiếp đi.

Người đầu bếp rất đổi thất vọng khi phải làm việc cho Jemubhai. Một sự suy vi trầm trọng, cậu tự nhủ, so với cha mình, cả đời chỉ phục dịch người da trắng.

ICS đang dần dần bị Ấn Độ hóa, những người hầu lớn tuổi không thích thế, nhưng biết làm sao được? Cậu còn đang có đối thủ cạnh tranh vào chỗ đó, một anh chàng xuất hiện với mấy tờ giới thiệu rách nát thừa kế của cha và ông mình để minh chứng cho một dòng dõi trung thực và tận tụy.

Cha của người đầu bếp, cả đời lăn lộn theo nghề nhưng chẳng hề được ngợi khen như thế, mang mấy lời giới thiệu trên những mẫu giấy biên nhận trao đôi người hầu đến cho con trai mình, trong đó có những tờ lỗi thời đến mức nhắc đến cả khả năng làm bánh *dhopi* và món gà đại úy đồng quê.

Ông tòa xem qua rồi nói: “Nhưng tên nó đâu phải là Solomon Pappiah. Cũng không phải Sampson. Cũng không phải Thomas”.

“Nhà chủ quý nó lắm, như ngài thấy đấy,” cha của người đầu bếp nói, “đâm ra họ mới đặt tên cho nó như người nước họ. Vì yêu quý nên họ gọi nó là Thomas.”

Ông tòa không tin.

“Nó cần được bảo ban,” người cha cuối cùng cũng thừa nhận và giảm giá con trai mình xuống hai mươi rupee, “nhưng chính thế nên giá nó mới rẻ. Và riêng về bánh pudding thì không ai bì được nó. Nó có thể làm được mỗi ngày trong năm một loại pudding khác nhau.”

“Thế nó biết làm những gì?”

“Chuốichiêndứachiêntáochiênbánhtáokembánhtáonướngbánhtáoquếbán
hmbìobánhtạcmứtbánh-
sũacaramenpuddingrượupuddingrumtumrolypolymứtbánhhậpgừngpuddingc
hàlàbánhkcpchanh-
bánhtrứngbánhtrứngcambánhtrứngcàphêbánhtrứngđầubánhxổpbánhkemalas
kabánhphồngxoài-
bánhphồngchanhbánhphồngcàphêbánhphồngsôcôlabánhphồngmậngaipuddin
gsôcôlanóng-
puddingcàphêlạnhpuddingdừapuddingsũabánhmenrumbánhnướngrumbánhq
uybrandylêhâm-
ổihầmmậnhầmtáoầmhầmdầohầmmớhầmbánhxoàibánhtạcsôcôlabánhtạáobánht
ạcmậngaibánhtạc-
chanhbánhtạcmứtbánhtạcmứtcambánhkemnổibánhlậtdứabánhlậttáobánhlậtm
ậngaibánhlậtmậnbánhlậtdầobánhlậtnhokhông... “

“Thôi được. Thôi được.”

mười hai

Cuộc đời Sai cứ thế trôi đi ở Kalimpong – Lola và Noni, Bác Potty và Cha Booty, ông tòa và người đầu bếp... cho tới khi nàng gặp Gyan.

Nàng gặp được Gyan vì một ngày kia, khi Sai mười sáu tuổi, Noni nhận ra bà không dạy được nàng môn vật lý nữa.

Đó là một chiều hè nóng bỏng và họ ngồi trước hiên nhà ở Mon Ami. Trên khắp triền núi, cái nóng khiến người dân nơi đây trở nên đờ đẫn. Mái tôn reo lên xèo xèo, lũ rắn hàng chục con bị nướng trên đá, trăm hoa bùng nở lộng lẫy và hoàn mỹ trong bộ cánh mùa hè. Bác Potty ngồi ngắm nhìn quang cảnh ấm áp và chói lọi ấy, mỡ bóng nhảy trên mũi, trên đĩa salami và pho mát. Một miếng pho mát, một mẩu salami, một tộp Kingfisher ướp đá. Bác ngả người ra sau cho mặt khuất vào bóng râm và chân thò ra ngoài nắng, rồi thở ra: đời thế là quá ổn. Những gì cốt yếu đều đạt đến trạng thái cân bằng, cái nóng và cái lạnh, chất lỏng và chất rắn, ánh nắng và bóng râm.

Ở trại sữa, Cha Booty nhận thấy mình đang bị tiếng ậm ừ nhai lại của lũ bò đẩy vào trạng thái trầm tư. Không hiểu pho mát làm từ sữa bò Tây Tạng mùi vị thế nào nhỉ...?

Cách đây không xa, hai cô công chúa Afghan đang thở dài và quyết định ăn món gà nguội.

Bà Sen, bắt khuất trước cái nóng, bắt đầu lên đường tới Mon Ami, bị thôi thúc vì cái tin nóng hổi của Mun Mun, cô con gái bà đang ở Mỹ: cô mới được CNN tuyển mộ. Bà khoái chí hình dung ra vụ này sẽ khiến Lola khó chịu thế nào. Ha, cái mụ Lola Banerjee ấy tưởng *mình* là ai? Lên sóng à... hơi một tí là huyênh hoang về đưa con gái làm việc cho BBC...

Không may may nghi ngờ gì về cái tin sắp tới, Lola ở ngoài vườn nhặt sâu cho luống xúp lơ xanh giống Anh. Lũ sâu lốm đốm hai màu xanh trắng, đôi mắt giả màu lam, những cặp chân to béo một cách kỳ cục, một cái đuôi và một cái vòi voi. Những sinh vật độc đáo thật, bà tự nhủ sau khi đã quan

sát một con thật gần, nhưng rồi cũng vớt con sâu cho chú chim đang chờ đợi, nó mổ ngay lấy và thế là từ mình con sâu rỉ ra một thứ chất lỏng màu xanh giống như kem đánh răng rỉ ra từ tuýp thuốc thủng.

Trên hiên nhà ở Mon Ami, Noni và Sai đang ngồi trước cuốn sách giáo khoa mở rộng: neutron... và proton... electron... Nếu vậy – thì – ???

Còn chưa nắm được câu hỏi, họ đã bị trêu người vì cảnh tượng trước hiên nhà, một ví dụ minh họa hoàn hảo của câu trả lời được soi sáng dưới ánh mặt trời: lũ côn trùng bé xíu bị hãm trong cái kén đang nhảy tứ tung không biết mệt, bị yếm dưới một câu thần chú vô phương hóa giải.

Noni bỗng thấy một cơn mồi mẹt đột ngột ủa đến; dường như chỉ có phép màu mới mang lại câu trả lời chứ khoa học thì không. Họ dẹp cuốn sách sang bên khi ông hàng bánh xuất hiện ở Mon Ami vào buổi chiều như thường lệ, nhắc cái thùng trên đầu xuống rồi mở khóa, vỏ thùng đã xước xát nhiều; nhưng bên trong thì chói lọi như chiếc rương châu báu, nào là bánh cuộn Thụy Sĩ, gatô nữ hoàng, và mòm ông hàng bánh được các nhà truyền giáo trên đồi dạy cho, bánh quy bơ lạc, mà theo các bà là rất dễ khiến người ta liên tưởng đến nước Mỹ đủ sắc màu: ôi chao, úi chao, ôi giờ, ái chà chà.

Họ chọn lấy bánh gatô nữ hoàng màu hồng và vàng rồi bắt đầu chuyện gẫu.

“Thế, năm nay em bao nhiêu tuổi rồi Sai nhỉ? Mười lăm?”

“Mười sáu ạ.”

Kể cũng khó đoán, Noni nghĩ. Nhìn Sai có nét rất già, lại có nét rất trẻ so với tuổi.

Trẻ so với tuổi cũng phải thôi, vì con bé sống một cuộc đời được bảo bọc; già so với tuổi cũng phải thôi, vì nó chỉ quanh quẩn bên mấy người về hưu. Khéo nó sẽ cứ thế này mãi mãi, trẻ con cho đến tận lúc già, già ngay khi đang còn trẻ. Noni quan sát cô bé một cách nghiêm khắc. Sai đang mặc quần kaki và sơ mi in dòng chữ “Tây Tạng Tự Do”. Cô bé đi chân đất, mái tóc ngắn tết sơ sài thành hai bím thả xuống ngang vai. Noni và Lola vừa nói với nhau rằng sẽ rất thiệt thòi cho Sai nếu cô bé cứ tiếp tục lớn lên như thế:

“Con bé rồi sẽ chẳng học được kỹ năng giao tế gì đâu... làm gì có ai trạc tuổi nó... nhà thì toàn đàn ông...”

“Sống với ông ngoại như thế em có thấy khó khăn lắm không?”

“Có người đầu bếp nói chuyện nhiều,” Sai đáp, “nên em thấy cũng ổn.”

Cô bé bị phó mặc cho người đầu bếp đã nhiều năm... Nếu không nhờ Lola và bà, Noni thậm nghĩ, Sai hẳn đã sa xuống ngang hàng với đám đày tớ từ lâu.

“Ông ấy nói những chuyện gì?”

“À, chuyện về quê bác ấy, vợ bác ấy mất ra sao, kiện tụng với em trai thế nào... em mong sao Biju kiếm được nhiều tiền,” Sai kể, “nhà bác ấy nghèo nhất làng. Đen giờ nhà vẫn trát bằng bùn, trên lợp mái tranh.”

Noni không cho rằng đó là những chuyện thích hợp để người đầu bếp chia sẻ với cô bé. Điều quan trọng là phải vạch ra ranh giới giai cấp rõ ràng, nếu không nó sẽ phương hại đến hết thầy mọi người ở cả hai phía của sự cách biệt lớn lao ấy. Trong đầu đám người ở thôi thì đủ thứ, và đến khi nhận ra rằng đời không ban cho họ và con cái những gì đã ban cho kẻ khác, họ sinh ra bực bội và phẫn uất. Lola và Noni luôn phải ngăn Kesang, người hầu gái, không được thổ lộ chuyện đời tư, nhưng cũng khó mà giữ được như rế, Noni biết vậy. Trước khi người ta kịp nhận ra thì câu chuyện có thể đã đi vào những miền sâu kín trong trái tim chỉ nên đề cập đến giữa những người bình đẳng về địa vị xã hội. Bà nghĩ đến một chuyện mới xảy ra chưa lâu, khi hai chị em ngạc nhiên đến nỗi không kịp ngăn người hầu gái của họ kể lại chuyện yêu đương với anh đưa sữa.

“Em thích anh ấy lắm,” Kesang kể. “Em là người Sherpa, anh ấy là người Rai, nhưng em nói dối bố mẹ rằng anh ấy là người Bhutia để hai cụ bằng lòng cho chúng em lấy nhau. Đám cưới xinh lắm. Ở tộc của anh ấy, nhà gái phải chuẩn bị rất nhiều của hồi môn, thịt lợn, tiền bạc này kia, nhà trai yêu cầu gì cũng phải lo, nhưng đám cưới chúng em không thể. Anh ấy chăm sóc bố mẹ em khi hai người đau ốm và từ đầu chúng em đã nguyện

với nhau là anh ấy sẽ không bỏ em và em sẽ không bỏ anh ấy. Cả hai đăng. Không ai bỏ ai cả. Anh ấy sẽ không chết đi bỏ lại mình em và em cũng sẽ không chết đi bỏ lại mình anh ấy. Chúng em đã nguyện thế rồi. Từ khi nên vợ nên chồng chúng em đã bảo nhau như thế.”

Rồi cô òa khóc. Kesang với hàm răng xin màu xiêu vẹo, áo quần xoàng xĩnh lấm lem và cái búi tóc ngộ nghĩnh vẫn tạm bợ trên đỉnh đầu. Kesang dù chưa được đào tạo gì nhưng vẫn được họ nhận vào làm vì lòng tốt và dạy cách làm món *saté* Indonesia bằng bơ lạc và xì dầu, món chua ngọt với sốt cà chua và dấm, món ragu Hungary với cà chua và sữa đông. Tình yêu của cô đã làm hai chị em kinh ngạc. Lola vẫn luôn nhìn nhận rằng những người hầu không trải nghiệm thứ tình yêu giống với những người như chị em bà – “Cốt lõi những mối quan hệ của họ hoàn toàn khác, nó mang tính kinh tế, thực dụng – quá ư lý trí, nếu người ta có thể chủ động kiểm soát được nó, em dám chắc là như vậy.” Giờ đây ngay cả Lola cũng buộc lòng tự vấn bản thân, liệu có phải chính bà mới là người chưa từng nếm trải tình yêu thực sự; chưa bao giờ bà và Joydeep có một cuộc trò chuyện về niềm tin trong hoàn nạn – chuyện đồ chẳng thực tế chút nào, nên họ không bàn đến.

Nhưng như thế phải chăng là giữa họ chưa bao giờ có tình yêu? Bà chôn chặt suy nghĩ ấy tận đáy lòng.

Noni chưa hề biết đến tình yêu.

Bà chưa bao giờ ngồi trong một căn phòng tĩnh lặng và nói ra những điều cổ thể khiến tâm hồn con người ta bập bùng như ánh nến. Bà chưa bao giờ đong đưa làm dáng tại những buổi tiệc ở Calcutta, sari bó sát ngang hông, đá khua lạnh canh liên hồi trong ly soda chanh. Bà chưa một lần phất ngọn cờ huy hoàng sắc đỏ của ái tình phấp phới trên sự tồn tại của mình, dù chỉ ngăn ngui như một hồi trong vở kịch, một chút vờ vĩnh để nâng chính bản thân vượt lên khỏi đời mình. Bà còn được gì? Không cả oán thù ghê gớm; không cả đau khổ đắng cay. Chỉ giản đơn là những nỗi căm kình quanh

những điều nhỏ nhặt: khi có ai đó *không* xì mũi mà cứ *khịt-khịt-khịt* trong thư viện, cứ mãi để nước mũi chảy ròng ròng.

Bà choáng váng nhận ra rằng kỳ thực mình đang ghen tị với Kesang. Ranh giới đã bị xóa nhòa, vận may đã bị gửi gắm nhầm người.

Và rồi ai sẽ yêu Sai?

Hồi Sai mới đến, Noni đã nhìn thấy chính mình trong cô bé, trong sự nhút nhát của Sai. Đây là kết quả của sự gắn bó giữa một sinh vật nhạy cảm với một nền giáo dục hẹp hòi, bà tự nhủ. Chính Noni cũng từng bị gửi vào một trường học như thế – muốn không bị sập bẫy thì chỉ có cách là nấu mình đi, giữ im lặng khi bị chất vấn, không bày tỏ ý kiến, những mong trở nên vô hình – nếu không họ sẽ vồ được ta, hủy hoại ta.

Khi Noni lấy lại được sự tự tin thì đã là quá muộn. Đời đã đi qua bỏ bà ở lại và ở cái thời ấy mọi chuyện đến với một người con gái hoặc là phải rất nhanh hoặc là sẽ không bao giờ đến cả.

“Em có muốn gặp gỡ những người trạc tuổi mình không?” bà hỏi Sai.

Nhưng Sai luôn xấu hổ trước bạn bè cùng trang lứa. Duy chỉ có một điều nàng biết chắc: “Em muốn đi đây đi đó,” nàng thú thật.

Sách vở khiến nàng háo hức. Nàng bắt đầu đọc, nhanh hơn, nhiều hơn, tới khi nàng đắm mình trong mạch truyện và mạch truyện cũng chìm đắm trong nàng, từng trang sách lật giở thật nhanh, cũng như trái tim nàng trong lồng ngực – không sao dừng lại được. Cứ thế nàng đọc hết *Giết con chim nhại*, *Nước táo với Rosie* và *Sống cùng Cha* ở thư viện Câu lạc bộ Gymkhana. Rồi những bức ảnh vùng Amazon màu nâu thẫm, xứ Patagonia âm đạm trong tạp chí *Địa lý Quốc gia*, một con sên bướm trong suốt dưới đại dương, hay một ngôi nhà kiểu Nhật vùi mình trong tuyết... – Những bức ảnh đó khiến nàng xúc động đến nỗi nàng không sao đọc được những dòng chữ đi kèm – chúng mang đến cho nàng những rung cảm quá ư tinh tế, những khát khao quá ư đau đớn. Nàng nhớ tới cha mẹ, tới niềm hy vọng được bay vào vũ trụ của cha. Nàng tìm xem những bức ảnh vệ tinh chụp một

cơn bão xua tan những đám mây đỏ khỏi bề mặt mặt trời và cảm nhận khát vọng cháy bỏng của người cha nàng chưa từng biết, nghĩ rằng hẳn nàng cũng mang trong mình nỗi khát khao ấy, nỗi khát khao hướng về một điều gì đó bất phàm.

Cho Oyu và những thói quen của ông tòa dường như đã trở thành những mối ràng buộc đối với nàng.

“Đôi khi cô ước giá như mình được sống bên bờ biển,” Noni thở dài. “Ít ra những con sóng cũng chẳng bao giờ đứng yên.”

Đã lâu lắm rồi, khi còn là thiếu nữ, có lần bà đã đến Digha và trải qua cảm giác được tiếp thêm sức sống từ đại dương huyền bí. Bà mãi mê quan sát những dãy núi, sự hoàn mỹ trong vẻ tĩnh lặng của chúng.

“Dãy Himalaya một thời từng chìm trong nước biển,” Sai nói. Nàng đọc được điều này trong sách. “Trên đỉnh Everest có hóa thạch của loài ốc anh vũ.”

Noni và Sai cầm sách vật lý lên lần nữa.

Rồi đặt xuống lần nữa.

“Hãy nghe cô,” Noni bảo Sai, “ra đời nếu em gặp cơ hội thì hãy nắm lấy nó. Nhìn cô đây này, nhẽ ra hồi trẻ cô phải biết nghĩ đến tương lai. Tiếc thay, khi cô nhận ra điều đáng lẽ mình phải làm từ rất lâu rồi thì tất cả đã là quá muộn. Cô từng ước mơ trở thành nhà khảo cổ. Cô từng đến Hội đồng Anh để tìm hiểu về Vua Tutankhamen... Nhưng cha mẹ cô không phải mẫu người hiểu cho con cái, em biết đấy, cha cô là mẫu người cổ hủ, mẫu người được nuôi dạy chỉ để ra lệnh cho người khác... Em phải tự quyết định cho mình, Sai ạ.”

Một lần nữa họ lại trở về với môn vật lý, nhưng Noni không sao tìm ra được đáp án cho cái nan đề ấy.

“Tôi e rằng kiến thức khoa học và toán học của mình đã cạn kiệt. Sai cần một gia sư khác có trình độ cao hơn cho những môn học này,” bà viết một mẫu giấy như vậy để Sai về nhà chuyển cho ông tòa.

“Đồ đàn bà vô trách nhiệm,” ông tòa thốt lên, cúi bần vì tiết trời nóng nực đã nhắc ông nhớ tới quốc tịch của mình. Tối hôm đó ông đọc cho Sai chép một bức thư gửi ông hiệu trưởng trường cao đẳng trong vùng.

“Nếu có giáo viên hoặc sinh viên lớp trên nào nhận dạy gia sư, xin vui lòng cho họ biết là chúng tôi đang cần một gia sư dạy toán học và khoa học.”

mười ba

Phải đến vài tuần nắng nóng như thế trôi qua ông hiệu trưởng mới phúc đáp rằng ông ta có thể giới thiệu một sinh viên rất có triển vọng vừa tốt nghiệp cử nhân nhưng chưa tìm được việc làm.

Anh sinh viên nọ chính là Gyan, một sinh viên kế toán trầm lặng những tưởng công việc sắp xếp các con số sẽ đem đến cho mình sự bình yên; có điều chuyện không diễn ra như anh muốn, và trên thực tế càng làm nhiều phép tính, càng sao chép nhiều cột số liệu thống kê – hời ôi, điều đó dường như chỉ khiến cho bao kiến thức vững vàng trong đầu anh bốc hơi và tan biến lên cung trăng theo cấp số nhân. Anh thích đi bộ đến Cho Oyu để tận hưởng một niềm vui giản dị và tươi mới, dù phải mất hai giờ leo dốc từ tận Bong Busti chỗ anh ở, nơi ánh nắng chiếu xuyên những bụi tre dày thành những đốm sáng hình sao nhảy múa gợi cho ta liên tưởng tới làn nước lung linh.

Hồi đầu, miễn cưỡng lắm Sai mới chịu từ bỏ niềm đam mê đắm đuối với tạp chí *Địa lý Quốc gia* và giam mình trong phòng khách cùng Gyan. Trong hình bán nguyệt nằm trước mặt họ là các thứ đồ dùng học tập được người đầu bếp bày biện ra: thước kẻ, bút viết, quả địa cầu, giấy vẽ, bộ thước hình học, gọt bút chì. Người đầu bếp cho rằng những vật dụng ấy đem lại cho căn phòng một không khí đầy lý tính, giống cái không khí làm bác khép nép mỗi khi bước vào hiệu thuốc, bệnh viện hay phòng khám, nơi bác thích thứ tận hưởng sự tĩnh lặng dưới sự canh gác của những giá thuốc, bàn cân, nhiệt kế, chén nghiền, ống thuốc, ống hút, con sán dây tiêu bản trong lọ phóc môn, thang đo được in sẵn ngoài vỏ chai.

Người đầu bếp cẩn trọng trò chuyện với dược sĩ, gắng không phá vỡ sự cân bằng mong manh của phòng khám, vì bác tin vào những chuyện dị đoan cũng như tin vào khoa học. “Tôi biết, vâng, tôi hiểu,” bác nói vậy ngay cả khi bác chẳng hiểu gì, thuật lại những triệu chứng bệnh tật bằng một giọng điềm đạm và tránh không cường điệu cho bà bác sĩ bác sùng kính. Bà ta

giường mục kính lên khám bệnh cho bác: “Năm ngày không tiểu tiện, đắng miệng, thấy *thun thun* ở tứ chi và thi thoảng *chun chun*.”

“Như thế nào là *chun chun* và như thế nào là *thun thun* ạ?”

“Chun chun là thấy ngứa. *Thun thun* là thấy lúc đau lúc không.”

“Giờ bác thấy sao? *Chun chun*?”

“Không ạ. *THUN THUN*.”

Lần khám sau. “Bác đỡ chưa?”

“Đỡ rồi ạ, nhưng mà vẫn... “

“*Thun thun*?”

‘Không, bác sĩ ạ,’ bác nói vẻ nghiêm trọng, “*chun chun*.”

Bác hiên ngang ôm thuốc ra về. Đấy, bác đã chờ đợi sự tân tiến và biết một khi ta chịu bỏ tiền ra, nó sẽ cho ta thấy ta có một giá trị nào đó trên thế giới này.

Nhưng vừa rời phòng khám, bác lại chạy đến chỗ Kesang, hay người quét dọn ở bệnh viện, hay người gác đêm ở MetalBox, họ bắt đầu dè bịu: “Chả còn hy vọng gì đâu, rồi bác phải làm lễ *puja* thôi, tốn đến hàng nghìn đồng ấy chứ...”

Hoặc là: “Tôi biết có người cũng bị y như bác, liệt giường không dậy được nữa...” Chưa về đến nhà, bác đã mất sạch niềm tin vào khoa học và bắt đầu than thở: “*Hai hai, hamara kya hoga, hai hai, hamara kya hoga?*” Hôm sau bác phải trở lại phòng khám để tìm lại sự minh mẫn cho mình.

Vậy là, lòng đầy khâm phục và ao ước sự minh mẫn của lý trí, người đầu bếp bưng trà với bánh mì nướng kẹp pho mát trộn ớt lên, rồi bắc ghế ngoài cửa canh chừng Sai và anh thầy giáo mới, gật gù tán thưởng giọng nói cẩn trọng và câu chữ chậm rãi của Gyan, đem đến cho từng phép tính lời giải rõ ràng chính xác, có thể đối chiếu với đáp án in cuối sách.

Người đầu bếp khờ khạo. Bác không nhận ra rằng sự chậm chãi ấy không hề bắt nguồn từ niềm tin vào khoa học, mà từ lúng túng và nghi ngại; rằng dù

cả hai làm ra vẻ chú tâm vào những nguyên tử, dán mắt vào những con số trong căn phòng có những bức tường phòng rộp như những cánh buồm, kỳ thực họ đang vùng vẫy; rằng cũng như khi đêm về rộng mở cho sự sâu thẳm ngoài kia, rồi họ sẽ bị cuốn vào một điều bất trắc hơn nhiều cái mục đích Gyan được thuê đảm nhiệm; rằng họ đang vật lộn để xây dựng một sự vững chãi bằng tất cả những gì có được, và họ có đủ lý do để lo sợ điểm tựa ấy không đủ chắc chắn để cứu vớt mình.

Cái đáp án nhỏ bé nọ rơi tõm xuống.

Gyan đưa nó ra trong day dứt. Hụt hẫng. Không ổn. Gạt nó sang bên, sự kỳ vọng ghê gớm kia không còn bị gắn chặt với bài toán nữa bèn tập trung sức lực rồi càn qua, bỏ họ lại ngồi thờ đốc trước khi hai tiếng đồng hồ kết khúc và Gyan có thể tháo chạy mà không dám nhìn Sai, người đã tác động lên anh mãnh liệt nhường ấy.

“Anh thầy giáo này là người Nepal thì lạ thật,” người đầu bếp nhận xét với Sai khi Gyan đã ra về. Rồi bác nói thêm, “Ta cú tưởng anh ta là người Bengal.”

“Hừm?” Sai tự hỏi. Trông mình thế nào? Nàng nghĩ. Không hiểu anh ấy thấy mình thế nào? Còn nàng, nàng thấy ở anh một vẻ thông minh đặc biệt. Anh có đôi mắt nghiêm nghị và giọng nói sâu lắng, có điều bờ môi quá dày khiến anh không làm mặt nghiêm được, mái tóc xoăn dựng lên khiến anh trông có vẻ ngộ nghĩnh. Vẻ nghiêm trang pha lẫn ngộ nghĩnh ấy đối với nàng thật hấp dẫn.

“Dân Bengal có tiếng là thông minh,” người đầu bếp nói.

“Bác đừng ngốc thế,” Sai cười. “Mà chắc họ cũng nhất trí với bác đấy.”

“Đây là nhờ ăn cá,” người đầu bếp bảo. “Người miền biển thông minh hơn người miền núi.”

“Ai bảo bác thế?”

“Cái đấy ai cũng biết,” người đầu bếp nói. “Người miền biển toàn ăn cá, đấy cứ xem họ thông minh thế nào, Bengal này, Malaya này, Tamil này. Người miền núi ăn nhiều ngũ cốc quá đâm ra chậm tiêu – nhất là kê – nó thành quả bóng tương. Máu đổ về dạ dày chứ không dồn về não. Dân Nepai chỉ làm lính với culi là giỏi, chứ học hành thì kém. Cũng chẳng phải lỗi ở họ, tội nghiệp.”

“Thế thì bác đi mà ăn cá,” Sai bảo. “Cái miệng bác nói hết cái gốc này lại đến cái gốc khác.”

“Bao lâu nay ta nuôi nấng yêu thương cô như con đẻ, thử xem giờ cô ăn nói với ta thế nào...,” bác bắt đầu.

Đêm hôm đó Sai ngồi nhìn sâu vào tấm gương.

Đối diện với Gyan, nàng đã nhận thức sâu sắc về bản thân mình, ánh mắt anh nhìn nàng khiến nàng biết chắc là như thế, nhưng mỗi khi nàng ngược lên, anh lại lảng đi chỗ khác.

Đôi lúc nàng cũng thấy mình xinh xắn, nhưng khi bắt đầu để ý kỹ hơn, nàng mới nhận ra rằng: nhan sắc, ấy là một thứ dễ đổi thay. Nàng vừa định vị được nó, nó đã tuột khỏi tay nàng; đáng lẽ phải thuận phục nó, nàng lại không thể kìm lòng khai thác sự giao hoạt ấy. Nàng thè lưỡi với mình trong gương, đảo mắt rồi nở nụ cười mê hoặc. Nàng biến đổi dung mạo mình từ yêu tinh thành hoàng hậu. Khi đánh răng, nàng nhận thấy hai bầu vú rung rinh như hai khối thạch bị dồn xuống mặt bàn. Nàng cúi xuống và nếm thử thịt da nơi ấy, cảm giác nó vừa rắn chắc vừa mềm mại. Sự đẩy dạn rung rinh rắn chắc mềm mại ấy, tất cả đồng hành cùng nhau một cách khó hiểu, chắc hẳn phải đem đến cho nàng một quyền năng đổi chác nào đó chứ?

Nhưng nếu nàng cứ quanh quẩn với hai ông già chân vòng kiềng này, ở ngôi nhà giữa chốn khi ho cò gáy này, cái thời xuân sắc ngắn ngủi khó lòng nắm bắt ấy của nàng rồi cũng sẽ phai tàn héo úa, chẳng được ai tán dương, chẳng được ai giải cứu mà cũng chẳng ai giải cứu được nào.

Nàng nhìn lại mình lần nữa, nhận ra trên gương mặt nàng phảng phất một nỗi buồn, hình bóng trong gương có chiều xa vắng.

Hoặc nàng phải dẫn thấn vào tương lai bằng mọi phương tiện có thể, hoặc nàng sẽ vĩnh viễn mắc kẹt lại một nơi mà thời của nó đã một đi không trở lại.

Ngày qua ngày, nàng nhận ra mình vẫn bị gương mặt của chính mình ám ảnh, nhận ra mình đang kích thích ham muốn của bản thân đối với một điều gì khác.

Nhưng trông nàng thế nào? Nàng tìm kiếm câu trả lời trong những chiếc bình mạ kền, trong những đĩa đèn bơ bóng loáng ở các tịnh xá, trong những chai lọ của người bán hàng ngoài chợ, trong những hình ảnh phản chiếu ở dao và thìa trên bàn ăn, và trên mặt ao xanh biếc. Trông nàng tròn và béo trên những chiếc thìa, dài và mảnh trên những lưỡi dao, lam tam tàn hương vì lũ nhện nước và cá cờ trong ao, vàng vọt dưới ngọn đèn này, nhợt nhạt dưới ngọn đèn kia; và nàng trở lại trước gương; nhưng tấm gương muôn thuở thất thường cho nàng thấy hết hình ảnh này đến hình ảnh khác, rồi như mọi khi, bỏ đi để nàng lại đó, không lời giải đáp.

mười bốn

Lúc 4:25 sáng, Biju lên đường đến quán Nữ hoàng Bánh tạc, vừa đi vừa để ý mấy gã cớm thỉnh thoảng vẫn xò ra: anh đang đi đâu, anh đang làm gì với ai lúc nào và tại sao?

Nhưng Cục Nhập cư hoạt động độc lập với Cảnh sát – thế nên đi nướng bánh mì về sáng có lẽ là tốt nhất, và Biju hết lần này đến lần khác lọt qua kẽ hở của cơ chế.

Phía trên cửa hàng bánh là đường tàu điện ngầm chạy trên một kết cấu thiết kế thô kệch chống đỡ bằng trụ sắt. Những đoàn tàu rít lên như ma hờn quỷ khóc mỗi lần chạy qua, bánh xe bắn ra một cơn mưa pháo hoa, mỗi lúc về đêm lại hắt thứ ánh sáng chòi gắt lên khu Harlem, nơi cậu thấy vài ngọn đèn đã sáng, và vài người khác ngoài cậu cũng đang bắt đầu cuộc sống bé mọn của mình. Tại quán Nữ hoàng Bánh tạc, khi cánh cửa lò nướng cuộn lên và ánh đèn bật sáng, một chú chuột lúi vội vào bóng tối. Đuôi như rễ cây, sọ dày, vai rộng, nổ ngoái đầu cười khẩy và êm ái lướt qua cái bẫy quá sơ sài không đủ sức giữ nó lại.

“*Namaste, babaji,*” Saeed Saeed nói.

Biju nghĩ về cuộc khẩu chiến ngày trước của cậu với gã người Pakistan, lời mĩa mai quen thuộc về tôn giáo của cậu đã thuộc nằm lòng từ bé: “Đồ lợn, đồ lợn, quân lợn dè.”

Giờ đây bên cậu có Saeed Saeed, và niềm ngưỡng mộ đối với anh làm cậu bối rối. Định mệnh luôn là như thế. Biju bị khát khao làm bạn với anh ấy lấn át, vì Saeed Saeed không hề chết đuối, anh bỗng bênh theo những ngọn thủy triều. Thật ra là có rất nhiều người muốn bầu vịu vào anh như một tấm ván khi tàu đắm— không chỉ các đồng hương Zanibar hay bạn bè định cư bất hợp pháp mà cả những người Mỹ cũng vậy; những công dân béo phì thiếu tự tin bị anh trêu ghẹo mỗi khi thấy họ ăn trưa chỉ với một lát pizza; những viên chức trung niên cô đơn tạt qua chuyện gẫu cho khuây khỏa sau nhiều đêm thao thức tự hỏi rằng ở nước Mỹ này – ở *nước Mỹ này!* – họ có

đang thực sự được hưởng những gì tốt đẹp nhất có thể không? Họ thổ lộ những điều bí mật có lẽ chỉ có thể dễ dàng thổ lộ với một người nước ngoài định cư bất hợp pháp.

Saeed rất tốt bụng mà lại không phải dân Paki. Thế tức là anh chơi được?

Bò mà lại không phải bò Ấn, thế tức là nó không thiêng?

Thế tức là cậu thích dân Hồi và chỉ ghét mỗi dân Paki?

Thế tức là cậu thích Saeed, nhưng ghét tất cả dân Hồi nói chung?

Thế tức là cậu thích dân Hồi cũng như Paki và Ấn Độ cần phải nhìn nhận sai lầm của mình và trao trả Kashmir?

Không, không, có nhẽ đâu thế...

Đây mới chỉ là một phần nhỏ của mâu thuẫn trong cậu. Cậu nhớ lại ở nhà người ta nói gì về người da đen. Một người làng cậu làm việc trên thành phố từng bảo: “Phải coi chừng cái bọn *hubshi* ấy. Ha ha, bên đó bọn nó sống như khỉ trên cây. Sang Ấn Độ mình rồi bọn nó mới trở thành người.”

Biju vẫn tưởng người đó ca ngợi Ấn Độ văn minh hơn nhiều, người da đen sang đến Ấn Độ rồi mới học cách ăn mặc, kỳ thực ông ta có ý nói rằng dân da đen chỉ giỏi lang chạ làm mọi cô gái Ấn Độ đi lại với họ có thai.

Thế tức là cậu ghét tất cả dân da đen nhưng thích Saeed?

Thế tức là dân da đen hay Saeed đều chả làm sao cả?

Cả dân Mỹ, dân Tàu, dân Nhật hay dân nước nào cũng vậy... ???

Căm ghét đã thành một tập quán đồng hành với Biju, cậu nhận ra trong mình có một niềm kính sợ đối với người da trắng, những người có thể nói là đã đem lại cho Ấn Độ nhiều điều tệ hại, nhưng lại thiếu sự bao dung đối với hầu hết các đối tượng khác, những người chưa hề làm gì xấu đối với Ấn Độ.

Có lẽ Saeed Saeed cũng phải đối mặt với mâu thuẫn tương tự về Biju.
Qua những gian bếp khác, anh biết thế giới này nghĩ gì về dân Ấn:

Ở Tanzania, nếu được thì người đã đuổi cổ họ đi như ở Uganda.

Ở Madagascar, nếu được thì người đã đuổi cổ họ đi.

Ở Nigeria, nếu được thì người đã đuổi cổ họ đi.

Ở Fiji, nếu được thì người đã đuổi cổ họ đi.

Ở Trung Quốc, người ta ghét họ.

Ở Hong Kong.

Ở Đức.

Ở Ý.

Ở Nhật.

Ở Guam.

Ở Singapore.

Miến Điện.

Nam Phi.

Chả ai ưa họ.

Ở Guadeloupe – người ta có thích họ không?

Không.

Hắn là người ta đã nhắc Saeed phải dè chừng dân Ấn, nhưng anh không bị giằng xé giữa những mâu thuẫn; lòng bao dung nâng anh lên, giúp anh vượt qua những điều khó xử ấy.

Gái bám theo anh hàng đàn.

“Giời đất ơi!!” anh than thở. “Giời đất ơi!!! Cô nàng cứ gọi đi gọi lại.” anh vò đầu bứt tai, “uiii... tôi biết làm sao bây giờ!!”

“Biết rồi còn hỏi.” Omar chao chát nói.

“Ha ha ha, không ạ, tôi đang điên đây. Lắm búp bê bé bỏng quá ông ơi!”

“Ai bảo tết tóc, cắt đi là gái nó hết theo ngay ấy mà.”

“Nhưng mà tôi không muốn *thế!*”

Mỗi khi có em gái xinh đẹp nào vào mua bánh quế và bánh cay bọc đường nâu, Saeed lại kể về Zanzibar quê anh, đẹp đẽ và đói khổ, lòng trắc ẩn của các nàng phồng lên như bánh mì gặp bột nở – họ những mong được cứu giúp anh, đưa anh về nhà và dụ khị anh bằng nhà tắm và ti vi ngon nghề; chỉ mong được đi trên phố bên anh chàng cao lớn đẹp trai tết tóc ấy. “*Yêu lắm cơ! Yêu lắm cơ! Yêu lắm cơ!*” họ sẽ nói vậy, ngây ngất ra về và tí tê về khao khát của mình với bạn bè qua điện thoại.

Chỗ làm đầu tiên ở Mỹ của Saeed là ở nhà thờ Hồi giáo trên phố Chín mươi sáu, thầy tư tế đã thuê anh gọi cầu kinh sáng vì thấy anh gáy không thua gì gà trống, nhưng trước khi đến chỗ làm, anh hay tạt vào những hộp đêm dọc đường, một trình tự dễ hiểu nếu xét về mặt thời gian. Trong túi thủ sẵn chiếc máy ảnh dùng một lần, anh đợi ngoài cửa để rình chụp ảnh mình cạnh những người giàu có và nổi tiếng: Mike Tyson, phải rồi! Thăng em tôi đấy. Naomi Campbell, bồ tao ấy mà. Này, Bruce (Springsteen)! Tớ là Saeed ở châu Phi đây. Anh bạn đừng sợ, bọn tớ thôi không ăn thịt người da trắng lâu rồi.

Đến một lúc nào đó, họ bắt đầu cho anh vào trong.

Anh có thiên khiếu vô biên với những cánh cửa, dù vậy sau chiến dịch bố ráp của INS¹⁰ hai năm về trước, người ta đã phát hiện và trục xuất anh bất chấp việc anh được Kodak xác nhận từng áp má kề vai với những người con ưu tú nhất của nước Mỹ. Anh về Zanzibar, nơi anh được tung hô như một

công dân Mỹ chính hiệu, chén món cá thu hấp nước cốt dừa dưới bóng cọ trải dài, nằm ườn trên bãi cát mịn như nhung, và mỗi tối khi vầng trăng ngả sang sắc vàng và trời đêm lung linh ướt át, anh ve vãn các cô gái ở Stone Town. Cha các cô khuyến khích con gái mình trèo qua cửa sổ khi đêm xuống; các cô leo từ trên cây vào lòng Saeed, trong khi các ông bố rình xem, mong bắt quả tang đôi tình nhân trong một tình thế có thể đi đến thỏa hiệp. Cái gã trai này từng có thời la cà vạ vật nơi góc phố – không công ăn việc làm, chuyên gây rắc rối, đến nỗi xóm giềng phải góp tiền mua vé tổng khứ gã đi – giờ gã đã trở thành một món hời thật sự. Bọn họ cầu cho gã buộc phải cưới cô nàng Fatma béo tốt hoặc cô nàng Salma xinh đẹp hoặc cô nàng Khadija có đôi mắt hạt dẻ mơ màng và giọng nói nũng nịu như mèo. Các ông bố cố gắng và các cô gái cũng cố gắng, nhưng Saeed vẫn trốn thoát. Họ tặng anh tấm *kanga* thêu những lời tha thiết, mong anh nhớ đến mình, “Kỷ niệm quý giá như kim cương,” rồi “Mùi hương anh làm tim em mê đắm,” để khi thư giãn ở NYC anh có thể cởi phăng quần áo, quần tấm *kanga* quanh người, hong gió hai hòn và nhớ về các em gái ở quê nhà. Hai tháng sau, anh trở lại – hộ chiếu mới, tên họ mới nhờ vài tờ xanh tuôn cho một viên thư ký ngoài văn phòng chính phủ. Khi đáp xuống phi trường JFK dưới cái tên Rasheed Zulfickar, anh nhìn thấy đúng tay nhân viên từng trực xuất mình trước bàn làm thủ tục nhập cảnh. Tim anh đập như trống làng, nhưng ông ta không nhớ mặt anh: “Tạ ơn Chúa, đối với họ bọn mình thẳng nào nhìn cũng giống nhau!”

Saeed, anh tận hưởng trọn vẹn trò chơi này, theo cách đất nước này kích thích sự ranh mãnh trong anh, tưởng thưởng anh; anh quyến rũ nó, phỉnh phờ nó, lừa bịp nó, cảm nhận sự dịu êm và lòng trung thành vô bờ đối với nó. Khi đến lúc, anh, người đã khéo léo mổ tung mọi ô cửa hậu, anh, người bằng máy photo, bút xóa và dao xén giấy đã lũng đoạn cơ chế một cách ngoạn mục (một kẻ có nghề đứng máy photo, như anh khẳng định với Biju, dư sức bắt nước Mỹ phải quỳ gối), anh sẵn sàng tuyên thệ trung thành tha thiết với lá quốc kỳ, với giọt lệ nơi khóe mắt và niềm tin trong giọng nói.

Đất nước này ghi nhận một điều gì đó ở anh, và anh cũng vậy, đó là tình yêu đến từ hai phía. Tuy có những thăng trầm, đôi khi nhiều cay đắng hơn ngọt bùi, có lẽ là như vậy, nhưng dù gì đi nữa, vượt ra ngoài sự tưởng tượng của INS, đó vẫn là một mối tình cổ điển.

Trước 6 giờ sáng, trên bàn làm bánh đầy chật hắc mạch, yến mạch, bánh mì thô, bích quy mơ và quả mâm xôi, tất cả hòa vào cơn lũ mứt chan hòa màu hồng ngọc hay hổ phách. Vào một buổi sáng như thế, Biju ngồi dưới một vạt nắng vàng nhạt với tấm bánh trong tay. Cậu bẻ vỏ bánh và bắt đầu ăn, véo từng mẩu bột mì mềm mại bằng những ngón tay thon dài...

Nhưng ở New York không có chỗ cho sự tồn tại của vô ưu: một chiếc xe cứu thương chạy qua, rồi đến NYPD, xe cứu hỏa; tàu điện ngầm lao qua trên đầu, rung động ấy lan lên người cậu mà không gặp sự kháng cự nào của đôi giày; nó lung lay tim cậu, làm chiếc bánh mất ngon. Cậu ngừng nhai và nghĩ đến cha mình...

Ốm. Chết. Thương tật.

Cậu trấn an mình rằng ý nghĩ sợ hãi ấy chỉ là hệ quả từ dư chấn mãnh liệt của xe cộ vừa qua lại, thế rồi cậu tìm kiếm mẩu bánh mì trong miệng, nhưng nó đã tan ra trên đầu lưỡi cậu như một đám mây mong manh rồi biến mất.

Ở Kalimpong, người đầu bếp đang viết thư, “Biju yêu quý, con có thể giúp đỡ... “ Tuần trước người gác đêm ở MetalBox trình trọng tới thăm bác, chẳng là thằng bé nhà tôi đã đến tuổi đi làm, nhưng ở đây chẳng có việc gì. Không biết cậu Biju nhà ta có thể giúp cháu nó sang Mỹ được không? Ban đầu cháu nó sẵn sàng làm người giúp việc nhưng dĩ nhiên nếu có một chân bàn giấy là tốt nhất. Nếu không thì đi Ý cũng ổn, ông ta nói thêm cho chắc. Ở làng ông có một người sang Ý mở quán cơm niêu, làm ăn cũng khá.

Đầu tiên người đầu bếp cũng méch lòng khó chịu trước lời đề nghị ấy, bị giằng xé giữa lòng hảo tâm và sự bần tiện, nhưng rồi... : “Có gì mà không được, để tôi bảo nó, kể ra thì cũng khó lắm, bác biết đấy, nhưng mất gì mà không thử.”

Và, bác thấy râm ran một niềm hứng khởi – trước cái sự thật là người gác đêm đã đến nhờ vả bác. Điều đó tái khẳng định vị thế của Biju trong mắt cha mình là một người thành-đạt-quần-là-áo-lược.

Họ ngồi bên ngoài túp lều và hút thuốc; hai người cha ngồi bên nhau, tâm sự về những đứa con, cảm giác ấy thật là dễ chịu. Bóng tối mịt mù lan tỏa, lập lòe những đóa hoa chuông kỳ vĩ, trắng bệch như hồ bột, ma quái và vô nhiễm. Một ngôi sao băng bay qua và một con bò lạc tha thần trong bóng chiều chạng vạng.

Vậy là, để vỗ về đứa con trai cũng như lòng kiêu hãnh của mình, người đầu bếp viết lên tờ giấy viết thư màu xanh: “Beta thân yêu, con xem thử xem có giúp con trai bác gác cổng ở MetalBox được không.”

Bác leo lên giường, lòng ấm áp và khắp khởi, duy có một lần giật mình tỉnh giấc vì tiếng động, nhưng đó chỉ là con bò lạc đã theo khe núi quay lại đang cố chui vào trú mưa. Bác đuổi nó ra, trở về với suy nghĩ về đứa con trai, nhờ vậy tìm lại sự bình yên và đi vào giấc ngủ.

Một lời thỉnh cầu cũng đủ nâng cao vị thế của con người ta.

Thẻ xanh, thẻ xanh...

Hàng năm Saeed đều tham gia trò xổ số dành cho dân nhập cư ấy, tiêng dân Ấn không được tham dự. Bulgaria, Ireland, Madagasear – hết nước này đến nước khác có tên trong danh sách, nhưng không, dân Ấn thì không. Người ta chen lấn xô đẩy nhau túi bụi, lôi nhau xuống, giẫm đạp lên nhau mà chạy. Hàng người sẽ còn tắc lại nhiều năm nữa, vì quota đã đầy, đã lí, đã tràn cả ra rồi.

Ở hiệu bánh, kim đồng hồ vừa chỉ 8:30 họ liền nhắc máy gọi đường dây nóng về nhập cư và thay nhau cầm ống nghe, có lẽ chỉ để làm mỗi một việc là giữ máy như thế suốt cả ngày trời.

“Thưa ông, hiện nay tình trạng nhân thân của ông như thế nào? Tôi không thể giúp gì ông được nếu không biết tình trạng nhân thân hiện thời của ông.”

Thế là họ vội vàng gác máy, sợ rằng bên nhập cư có một thiết bị siêu cấp siêu tốc siêu âm siêu điện tử siêu năng lực siêu hiện đại rình rang tí tí có thể

truyền dẫn

kết nối

quay thoại

đọc

dò từ số điện ra tình trạng của họ...

Bất hợp pháp.

Ôi thẻ xanh ơi là thẻ xanh...

Thì thoảng Biju lại thấy bồn chồn, trong người bứt rứt không chịu nổi. Hết giờ làm việc, cậu ra bờ sông, không phải chỗ lũ chó vẫn chạy rông trên những bãi cỏ bé bằng bàn tay trong khi các ông bà chủ cãi cọ chuyện hót phân, mà là nơi sau buổi tối của những người độc thân tại nhà thờ Do Thái, những cô gái váy-chùng-áo-dài dáng điệu lồi thồi đi bên cạnh những người đàn ông ngoại hình lồi thồi mặc đồ đến và đội mũ đến như thể phải luôn mang quá khứ theo bên mình vì sợ mất. Cậu đi về phía xa, nơi một người vô gia cư hay nằm ngủ trên đám cỏ xanh dày, mọc lên tươi tốt nhờ đất thì ít mà nhờ rác rưởi thành thị màu mỡ thì nhiều. Một con gà vô gia cư cũng trú ngụ trong công viên. Thành thoảng Biju vẫn thấy nó tha thẩn bới đất, trong dáng

bộ của nó có vẻ gì đó rất quê nhà khiến lòng cậu nhói lên nỗi nhớ cuộc sống làng quê.

“*Túc túc?* cậu gọi, nhưng nó vội vàng chạy trốn với vẻ bối rối đáng yêu của một cô gái nhà lành, hay e thẹn và tin tưởng vào sức hấp dẫn của đức hạnh.

Cứ thế cậu đi đến chỗ bờ cỏ kết thúc và những cây cọc kè để bắt đầu, đến chỗ những người như cậu vẫn hay ngồi trên mấy tảng đá nhìn ra một dải New Jersey trải dài u ám. Những con tàu kỳ quái chạy qua: tàu chở rác, tàu dẫn đường mũi bẹt đang dùng mũi đẩy những xà lan chở than đáy bằng; những con tàu không rõ để làm gì – cần trục và bánh răng hoen gỉ, nhà khói đến mù mịt.

Biju cảm thấy cơn giận với cha mình bùng lên không sao kìm được, vì ông đã gửi cậu một thân một mình sang đất nước này, nhưng cậu cũng biết mình sẽ không tha thứ cho ông nếu không tìm cách gửi cậu đi.

mười lăm

Ở *Kalimpong*, cây mận trước cửa bệnh viện nhờ được tưới bằng thứ máu đỏ đi từ phòng khám nên ra rất nhiều hoa, đến nỗi vợ chồng mới cưới đôi nào cũng ngồi trên chiếc ghế dài dưới gốc cây chụp ảnh. Mặc kệ một đôi uyên ương nài nỉ bác đi chỗ khác cho họ chụp hình, bác vẫn yên vị ở một đầu băng ghế, đeo kính vào để đọc lá thư Biju mới gửi về.

“Con vừa kiếm được việc làm mới ở một hiệu bánh và ông chủ cho bọn con toàn quyền tự quản...”

Hôm đó là ngày *haat* ở *Kalimpong*, đám đông kéo ra chợ trong không khí ngập tràn hứng khởi, ai nấy đều diện áo quần đẹp nhất.

Người đầu bếp gấp lá thư bỏ vào túi áo. Lòng hân hoan vui sướng, bác hòa vào dòng người đổ xuống *haat*, chen chúc đi giữa những phụ nữ Nepal kẻ quỳ người cúi, mũi lúc lắc vòng vàng, những phụ nữ Tây Tạng tết tóc và đeo tràng hạt, giữa những người đã lẫn lộn từ lang quên xa xôi tới đây để bán những cây nấm lấm lem bùn đất phủ lá khoai nước hay lá cỏ gần như đã bị nấu chín dưới ánh mặt trời. Máy ảnh hàng thuốc Lepcha bán đủ loại bột, dầu, rễ củ; máy ảnh khác bán lông bò Tây Tạng, bản và cứng như lông yêu quái, những con tôm khô bé tí với bộ râu ngoại cỡ đựng trong túi; rồi có cả hàng lậu tuồn vào từ Nepal, nào là nước hoa, áo bò, đồ điện tử; rồi thì dao quăm, vải nhựa che mưa và răng giả.

Hồi người đầu bếp và ông tòa mới đến *Kalimpong*, những đoàn xe chở len vẫn đi qua đây, đánh xe là những tay dắt la người Tây Tạng chân đi ủng lông, tai đeo khuyên lưng lẳng. Mùi đất ngai ngái của người và la như một luồng hơi nồng nặc át đi mùi hương thanh tao của nhựa thông mà những người như Lola và Noni đã lặn lội từ *Calcutta* đến đây xem hàng mẫu. Người đầu bếp vẫn nhớ những con bò trên lưng tải cả tạ muối, những em bé hồng hào ngồi lọt thỏm trong chiếc nôi đặt thật cân trên đỉnh, nhấm nhách nhai mấ mấ pho mát *churbi* phơi khô.

“Con trai tôi đang làm việc ở New York,” người đầu bếp khoe vung lên với mọi người bác gặp. “Nó quản lý một nhà hàng.”

“New York. Thành phố to lắm,” bác giải thích. “Xe cộ, nhà cửa khác hẳn ở đây. ở bên ấy ai cũng no đủ.”

“Thế bao giờ thì bác đi, Babaji?”

“Cũng sắp rồi,” bác cười. “Thằng bé sẽ đón tôi đi, sớm thôi.”

Đỗ yên và thứ bách phơi khô được xếp thành bó gói trong giấy báo. Bác nhớ ngày Đạt lai và Ban thiền Lạt ma tới Kalimpong, người ta đã đốt thứ hương này suốt dọc đường. Trong đám đông có cả người đầu bếp. Dĩ nhiên bác không phải tín đồ đạo Phật, nhưng bác đi theo trên tinh thần thế tục. Tiếng tụng kinh rì rầm như sấm âm ì lan khắp núi non trong khi lửa ngựa gõ móng lục cục trong sương, tiếng chuông leng keng cờ phướn phấp phới trên yên ngựa. Người đầu bếp đã cầu nguyện cho Biju và lên giường ngủ lòng vui phơi phơi như một tín đồ ngoan đạo, đến mức bác thấy trong sạch dù vẫn biết mình dơ dáy.

Lúc này bác đi qua một bến xe buýt nhộp nháp, nồng nặc cái mùi nghẹt thở của khí thải, và qua một cửa hiệu tối tăm nơi đằng sau tấm rèm đỏ ố bẩn, người ta có thể trả tiền để xem những bộ phim như *Vụ cưỡng bức nàng trinh nữ gọi tình* và *SHE: Bí mật đời sống vợ chồng* trên tấm màn chiếu rung rinh.

Ở đây sẽ chẳng có ai quan tâm đến con trai người đầu bếp.

Tại Đại lý Du lịch Sư tử Tuyết, người đầu bếp đợi viên quản lý hỏi đến mình. Tashi đang bận tiếp một khách du lịch – Tashi nổi tiếng giỏi bỏ bùa mê làm những chiếc quần Patagonia của các nữ khách ngoại quốc ngoan ngoan tuột ra, tạo cho họ cơ hội viết thư về nhà kể lại câu chuyện không thể thiếu về cuộc phiêu lưu diễm tình với anh hướng đạo người Sherpa. Xung quanh đầy những cuốn sổ tay giới thiệu về các chuyến tham quan thiền viện do Tashi tổ chức, ảnh khách sạn xây theo lối truyền thống, trần thiết toàn đồ cổ phần lớn trong số đó bị lấy đi từ chính những thiền viện nọ. Tất nhiên anh

ta lờ đi cái thực tế là những công trình có tuổi đời hàng thế kỷ đều đang được hiện đại hóa bằng bê tông, đèn huỳnh quang và gạch lát nhà tắm.

“Bao giờ bác đi Mỹ thì cho tôi đi với,” Tashi nói— đã bán được một tua đi Sikkim cho người khách du lịch nọ.

“Rồi, rồi, đưa tất cả đi ấy chứ. Có gì mà không được? Bên ấy thiếu gì chỗ. Chỉ có ở đây mới chật chội thế này thôi.”

“Cha đừng lo, con đang tiết kiệm tiền mua vé. Cha cố khỏe không, sức khỏe của cha thế nào?” Bijou đã viết vậy. Một ngày kia con bác sẽ hoàn thành tất cả những gì cha mẹ Sai không làm được, tất cả những gì ông tòa không làm được.

Người đầu bếp đi qua Hiệu may Apollo Điếc. Ở đây thì chả nên kể làm gì, vì họ sẽ chìa một bên tai điếc đúng nghĩa ra như họ vẫn làm trước những lời phàn nàn của khách hàng mỗi khi làm sai be bét cá, sọc dọc thành sọc ngang, quần áo của ông tòa may theo số đo của Sai còn quần áo của Sai lại may theo số đo của ông tòa.

Bác tạt vào cửa hàng của nhà Lark, chuyên bán chè hiệu Tosh, mì trứng và sữa đặc Milkmaid. Gặp bà bác sĩ đến lấy vắc xin bà vẫn gửi trong tủ lạnh của cửa hàng, bác khoe, “Con trai tôi ở Mỹ vừa có việc làm mới.” Con trai bà cũng đang ở đó. Bác đã chia sẻ tin vui với một bác sĩ! Người đáng kính nhất trong thị trấn.

Ra về trong bóng chiều chạng vạng, bác kể cho những người phải vác nặng lên dốc đang nghỉ lấy hơi ngay giữa đường để khỏi bị bùn và cỏ lấm bẩn lên quần áo đẹp. Có ô tô thì họ đứng dậy; xe qua rồi họ lại ngồi xuống.

Bác kể cho bà Sen, người đương nhiên cũng có con đang ở Mỹ: “Chả đâu bằng ở Mỹ hết. Mấy người sang Anh giờ đang hối đấy... “ Bà phẩy tay đầy ngụ ý về phía ngôi nhà của mấy người hàng xóm ở Mon Ami. Rồi người đầu bếp sang đó và kể cho Lola, bà vốn ghét ai chê bai nước Anh nhưng rất tử tế với bác, vì bác nghèo; chỉ có con gái bà Sen mới là nguy cơ cần dập tắt từ trong trứng thôi. Bác kể cho hai cô công chúa Afghan, những người vẫn trả tiền để bác mang về cho họ một con gà mỗi lần ra chợ. Họ luộc gà ngay

hôm đó vì nhà không có tủ lạnh, mỗi ngày họ nấu lại một phần con gà theo một kiểu khác nhau cho đến khi hết hẳn – cari gà, gà ướp xì dầu, gà xốt pho mát, còn vào độ huy hoàng nhất khi sau một đêm những khu vườn khắp Kalimpong mọc đầy những nấm thì là gà xốt nấm với một nắp chai đầy rượu brandy.

Bác kể cho những nhà sư đang xắn áo đá bóng trước *gompa*. Bác kể cho Bác Potty và Cha Booty. Họ đang nhảy múa trên hiên nhà, Bác Potty đứng cạnh công tắc đèn, hết bật lại tắt, hết bật lại tắt. “Cái gì cơ?” cả hai hỏi và vặn nhỏ nhạc để nghe cho rõ. “Thế thì tốt quá!” Họ cụng ly và vặn nhạc to lên: “Jambalaya... pumkin pie-a... *mio maio*...”

Rồi người đầu bếp dừng lại ở cửa hàng cuối cùng để mua khoai. Lần nào bác cũng mua khoai ở đây để đỡ phải mang theo suốt dọc đường. Bác nhận ra sau quầy là cô con gái của ông chủ, mặc chiếc váy ngủ dài giờ đang là một. Đâu đâu cũng thấy phụ nữ mặc váy ngủ, các bà, các mẹ, các em, các cháu, đi chợ hay đi lấy nước lúc ban ngày ban mặt mà cứ như sắp đi ngủ, tóc dài buông xõa, dang ten diêm dứa, làm nên một giấc mộng thần tiên giữa ban ngày.

Đó là một cô gái đáng yêu, nhỏ nhắn và đầy đặn, thấp thoáng sau đường xẻ rãnh nơi cổ áo là hai bầu ngực mỡ màng đến nỗi ngay phụ nữ nhìn vào cũng bị hấp hồn. Mà cô lại có vẻ biết quán xuyên cửa hàng. Hẳn là Biju sẽ ưa con bé? Bỏ nó làm ăn cũng được, nghe đâu là như vậy...

“Cho bác ba kilô khoai tây,” bác nói với cô bằng một giọng nhẹ nhàng đến bất thường đối với bác. “Gạo thế nào hả cháu? Có sạch không?”

“Không bác ạ,” cô đáp. “Gạo nhà cháu hôm nay bán lắm. Đây sạn, bác mà cần phải là vỡ răng như chơi.”

“Thế còn *atta*?”

“*Atta* thì khá hơn bác ạ.”

Chả sao, bác nhủ thầm, tiền không phải là tất cả. Được chăm sóc người và được người chăm sóc, tự thân nó đã là một niềm hạnh phúc đơn sơ.

mười sáu

Khi Sai bắt đầu quan tâm đến tình yêu, cũng là lúc nàng bắt đầu quan tâm đến chuyện tình của người khác; nàng căn vặn người đầu bếp về ông tòa và vợ.

Người đầu bếp kể: “Hồi ta mới vào làm, mấy người cũ đều nói rằng cái chết của bà cháu đã biến ông cháu thành người khắc nghiệt. Bà rất phục hậu, không bao giờ to tiếng với người ở nhà. Ông yêu bà lắm! Kỳ thực họ quyến luyến nhau sâu sắc đến nỗi ai nhìn vào cũng phát ngấy lên vì như thế hơi quá mức với tất cả mọi người.”

“Có thật là ông yêu bà nhiều đến thế không?” Sai kinh ngạc hỏi.

“Hẳn rồi,” người đầu bếp nói. “Những mọi người bảo ông không bộc lộ ra.”

“Hay là không phải?” nàng phỏng đoán.

“Phỉ phui cái miệng, đồ quý sứ nhà cô. Có rút lời lại không thì bảo!” bác quát lên. Đương nhiên là ông cháu yêu bà rồi.”

“Nhưng làm sao mà những người hầu biết được?”

Người đầu bếp ngơ ngẩn hồi lâu, nghĩ tới vợ mình. “Ờ,” bác nói. “Đừng là không ai dám chắc, nhưng ngày xưa có gì người ta cũng để trong lòng, yêu cũng có năm bảy đường yêu, đâu chỉ có mỗi cái kiểu yêu như trong phim ảnh – mà cô cũng chỉ biết đến thế. Cô còn dại lắm. Tình yêu vĩ đại nhất là tình yêu không bao giờ thể hiện ra ngoài.”

“Bác chỉ giỏi nói gì thuận cho bác thôi.”

“Ừ, giờ ta mới biết thế là hay nhất,” người đầu bếp nói, sau một hồi ngẫm nghĩ.

“Thế? Rốt cuộc là có hay là không?”

Người đầu bếp và Sai ngồi trên bậc thềm dẫn ra vườn, bắt bọ cho con Mutt, đối với họ việc này luôn là một tiếng đồng hồ thư giãn. Mấy con to màu vải kaki còn dễ bắt, chứ mấy con nhỏ màu nâu thì khó giết vô cùng; chúng nằm bẹp dưới những chỗ lõm trên hòn đá, nên khi ta lấy đá đập chúng không chết, chỉ nhoáng một cái đã bật dậy chạy trốn rồi.

Sai chạy ngược chạy xuôi bắt chúng lại. “Chạy đi đâu, chúng mày đừng hòng leo lên người Mutt nữa.”

Rồi họ thử đim chúng vào một lon nước, nhưng bọn này rất lì lợm, bơi qua bơi lại, leo lên lưng nhau rồi bò ra ngoài. Sai bắt chúng về, bỏ lại vào lon, chạy vào toa lét và xả nước, nhưng rồi chúng lại ngoi lên, bơi ngoằn ngoèo như điên trong bồn cầu.

“Ôi không,” bác thốt lên. “Ông cháu chẳng ưa gì bà ấy cả. Bà ấy hóa điên.”

“Thật á?!”

“Ừ, họ bảo là bà ấy điên nặng lắm.”

“Bà ấy là ai?”

“Ta quên mất tên rồi, có điều bà ấy là con nhà giàu, gia đình có địa vị cao hơn nhà ông cháu nhiều, thuộc về một chi có vị trí không cao trong đẳng cấp, tất nhiên rồi, cháu cũng biết đấy, nhưng riêng trong chi với nhau thì họ lại là tôn quý.” Cứ nhìn những đường nét thanh nhã của bà ấy là biết ngay; ngón chân, mũi, tai, ngón tay, tất cả đều rất thanh tú và nhỏ nhắn, và bà ấy rất trắng, cứ như sữa ấy thôi. Người ta bảo nếu nhìn nước da sẽ nhầm bà ấy là một người ngoại quốc. Gia đình bà ấy chỉ thông gia giữa mười lăm nhà với nhau, riêng ông cháu là ngoại lệ vì ông là người trong ICS. Ta cũng chỉ biết có thế.”

“Bà cháu là người thế nào ạ?” Sai hỏi, khi ông tòa đang ngồi bất động như một con diệc bên bàn cờ. “Gia đình bà rất khác thường có phải không ạ ”

Ông đáp : “Ta đang chơi cờ, cháu không thấy à ?”

Ông nhìn lại bàn cờ, rồi đứng dậy và đi ra vườn. Lũ sóc bay đuổi nhau xuyên qua những vòm dương xỉ và sương mù, những đỉnh núi như sừng sơn dương chọc thẳng lên trời. Ông trở lại bên bàn cờ và đi một nước, nhưng ông có cảm giác đó dường như là một nước cờ cũ của một ván cờ xưa.

Ông không muốn nghĩ đến bà, nhưng hình ảnh hiện ra trong tâm trí ông lại êm đềm kỳ lạ.

Nhà Patel vẫn mong gửi đứa con trai sang Anh du học, nhưng dù cha Jemu có làm việc thế nào đi nữa cũng không có đủ tiền, họ bèn tìm đến mấy kẻ cho vay nặng lãi, chúng sấm soi hai cha con như một lũ cá sấu đang buồn ngủ rồi ngoạm lấy họ bằng món tiền mười ngàn rupee. Với 22 phần trăm lãi suất.

Nhưng thế vẫn là chưa đủ, và họ bắt đầu tìm kiếm một cô dâu.

Jemu sẽ là cậu trai đầu tiên trong vùng theo học đại học ở Anh. Những lời ngã giá về của hồi môn đổ về và bố cậu hớn hờ nâng lên đặt xuống: mặt xấu – thì thêm ít vàng – da xanh – thì bớt chút đỉnh. Xem ra cô con gái đen đúa xấu xí của một nhà giàu có lẽ sẽ là món hời nhất dành cho họ.

Ở đầu kia Piphit, bên cạnh trại lính, là nơi cư ngụ của một người đàn ông có cái mũi như mũi tê giác, cơ hồ vênh lên chứ không chúc xuống, chống cây can mây, khoác tấm áo choàng thêu kim tuyến, sống trong một tòa *haveli* chạm trổ tinh tế tới mức nhìn vào có cảm giác nhẹ như không. Đó là Bomanbhai Patel. Nhờ ông bố đã kín đáo hỗ trợ đúng phe trong một cuộc đụng độ giữa người Anh và người Gaekwad, ông ta được viên sĩ quan hậu cần của trung đoàn trả công bằng bản hợp đồng làm nhà cung cấp chính thức thức ăn cho ngựa cho doanh trại quân đội Anh ở Piphit. Dần dà, gia đình này đã độc quyền cung cấp tất cả đồ khô cho quân đội, và đến khi Bomanbhai nối nghiệp cha, ông ta thấy có cửa kiếm lời lớn hơn bằng cách mở rộng việc kinh doanh sang lĩnh vực khác một cách trơn tru. Ông ta cung cấp cho đám

lính tráng những phụ nữ trái phép ở một địa điểm trái phép trong thị trấn để họ có thể xả cơn cương dương của mình; rồi trả họ về doanh trại, trên người còn vương những sợi tóc đen và bốc mùi như lũ thỏ trong chuồng thỏ.

Trong khi đó, vợ và các cô con gái của Bomanbhai luôn bị giam trong tòa *haveli* kín cổng cao tường, bên ngoài có tấm biển đề “Tư dinh của Bomanbhai Patel, Nhà cung cấp của quân đội, Nhà kinh doanh tài chính, Thương gia”. Nơi đây họ sống một cuộc đời ăn không ngồi rồi giữa chốn khuê phòng, sự ngất nghèo của lệnh cấm cung nâng cao danh giá của Bomanbhai ở địa phương, và ông ta bắt đầu làm bộ làm tịch, ngõ hầu khai thác những nét lập dị này theo đúng tính toán của mình, để tăng cường an ninh cho gia sản và củng cố danh giá của mình thêm nữa. Ông ta phô bày những chi tiêu và thói quen của mình về ngẫu nhiên, nhưng tính toán chúng một cách kỹ lưỡng – tậu tấm áo choàng kim tuyến trứ danh, cây cần bóng và nuôi một con tê tê làm cảnh, chẳng là ông ta vốn có sự gẫn bó tự nhiên đối với mọi sinh vật mũi to. Ông ta đặt mua một bộ cửa kính màu khiến cả tòa *haveli* ngập trong ánh sáng bảy màu rực rỡ; lũ trẻ chơi đùa dưới ánh sáng ấy, thích thú thấy mình lúc thì màu cam hay tím, lúc lại nửa cam nửa xanh.

Những lái buôn người Hoa bán đăng ten và lụa đứng đợi ở ngoài trong khi hàng hóa được mang vào cho các bà các cô lựa chọn. Các chủ hiệu kim hoàn mang đến những món đồ quý hiếm làm của hồi môn cho các cô con gái, những món đồ gia bảo một vị tiểu vương nào đó phá sản phải bán đi. Dải tai bà vợ của Bomanbhai trĩu xuống dưới trọng lượng của những viên kim cương Nam Phi to và nặng, đến nỗi một hôm, một bên khuyên toạc khỏi tai như một ngôi sao băng và biến mất vào bát *srikhand* của bà ta trong một tiếng coong đẫm máu.

Nhưng tội đỉnh vinh quang phải là lúc ông ta, xuất thân chỉ là một anh bán hàng không hơn không kém, nhưng giờ đây giàu có hơn tất cả những người Bà La Môn trong thị trấn, thuê hẳn một đầu bếp người Bà La Môn, người áp đặt quy định về vệ sinh ngất nghèo tới mức nếu có ai trong bếp lỡ miệng nói “*eendoo*,” trứng, thì tất cả nồi niêu xoong chảo thìa đĩa đều phải đem rửa, tất cả thức ăn đều phải vứt đi.

Một hôm, cả đám người xôn xao náo nức tụ tập nhau tìm đến gặp Bomanbhai để kể cho ông ta biết chuyện Jemu sắp sang Anh học. Đôi lông mày của Bomanbhai nhíu lại khi nghe tin này, nhưng ông ta không nói gì, lặng lẽ nhấp một ngụm nhỏ thứ rượu brandy Exshaw No.1 pha với nước nóng trong chiếc ly kiểu Venice.

Tham vọng vẫn giày vò ông ta, dù đã có người đầu bếp Bà La Môn nhưng ông ta biết thế gian này còn rộng lớn hơn nhiều và lịch sử rất hiếm khi xuất hiện một kẻ hờ để con người có thể liêu lĩnh đi qua. Một tuần sau, ông ta leo lên cỗ *lorido* do hai con ngựa cái trắng kéo, đánh xe qua Cầu lạc bộ Anh quốc trên đường Thornton nơi không bao giờ ông ta có thể gia nhập dù trong túi có nhiều tiền đến mấy, sang tận đầu kia thị trấn, tại đó ông ta làm các thành viên chen chúc trong cái hang thờ nhà Patel choáng váng trước lời đề nghị gả Bela, cô con gái xinh đẹp nhất của mình, người vẫn cùng các chị em nằm trên chiếc giường rộng thênh thang, thở than vì buồn chán dưới ngọn chúc đài pha lê đem lại cho căn phòng một vẻ băng giá xa hoa trong cái nóng mùa hè.

Nếu nỗ lực của Jemu thành công, cô sẽ trở thành vợ của một trong những người đàn ông quyền lực nhất Ấn Độ.

Tiệc cưới kéo dài một tuần, xa hoa đến nỗi không một ai ở Piphit có thể nghi ngờ việc gia đình này sống một cuộc đời ngập trong vàng bạc, nên khi Bomanbhai cúi đầu nói lời *namaste* và mời khách khứa ăn uống, họ biết sự khiêm tốn của ông ta chỉ là vờ vĩnh – và bởi thế là sự vờ vĩnh khéo léo nhất. Cô dâu là cả một ngọn tháp quấn đờ trang sức phản quang lấp lánh, đi lại khổ sở dưới sức nặng của kim loại và đá quý mang trên người. Của hồi môn có tiền, vàng, ngọc lục bảo Venezuela, hồng ngọc Miến Điện, kim cương *kundun* chưa mài, một cái đồng hồ quả quýt, hàng súc vải len cho tân lang may quần áo mặc sang Anh, và trong chiếc phong bì mới cứng là tấm vé tàu *SS Strathnaver* từ Bom bay đi Liverpool.

Sau khi kết hôn, cô gái đổi sang cái tên được gia đình Jemubhai lựa chọn, và chỉ trong vài giờ, Bela đã trở thành Nimi Patel.

Jemubhai, được hơi men và ý nghĩ về tấm vé làm cho can đảm, cố gắng cởi tấm sari vàng nhiều ngang lựa của người vợ trẻ đang ngồi bên mép giường, như cách các ông chú vừa vỗ vai cậu vừa bày cho.

Cậu gần như kinh ngạc khi phát hiện ra một khuôn mặt dưới cái hình thù dát đầy vàng nọ. Trước khuôn mặt ấy rủ xuống những tua rua trang sức, nhưng ngay cả chúng cũng không hoàn toàn che giấu được một cô gái mười bốn tuổi đang òa khóc vì sợ hãi: “Cứu tôi với,” cô nức nở.

Cậu cũng phát hoảng lên ngay tức thì, kinh hãi trước sự sợ hãi của cô. Cậu thần chú hùng hổ đã bị phá vỡ, cậu trở lại với vẻ hiền lành vốn có. “Đừng khóc,” cậu hét hoảng nói, gắng dỗ dành cô. “Nghe này, tôi không nhìn cô đâu, tôi không hề nhìn cô đâu.” Cậu trả lại tấm vải nặng trĩu cho cô, quấn nó lại trên đầu cô, nhưng cô vẫn không ngừng thổn thức.

Sáng hôm sau, các ông chú cười ồ. “Thế nào? Chưa à?” Họ hát hàm về phía cái giường.

Hôm sau, trận cười còn dữ hơn.

Ngày thứ ba, lo ngại.

“Ép nó,” các ông chú hồi thúc cậu. “Phải kiên quyết. Không được để nó hỏn.”

“Phải nhà khác người ta không kiên nhẫn đến thế đâu,” họ cảnh cáo Nimi.

“Đuổi theo rồi đè nó xuống,” các ông chú ra lệnh cho Jemubhai.

Mặc dù cậu thấy kích động, và đôi khi cảm thấy một sự thôi thúc tích tụ và định hình trong mình, nhưng khi đứng trước người vợ trẻ, dục vọng ấy lại tiêu tan.

“Đồ mất nết,” họ chửi mắng Nimi. “Giờ thối đài các à.”

Cô lấy được thằng Jemu thông minh nhà họ, thằng con trai đầu tiên trong vùng được sang Anh học, thế mà cô không biết đường sướng à?

Nhưng rồi Jemubhai bắt đầu thấy thương hại cô, và thương cả thân mình, khi họ cùng nhau chia sẻ thử thách của tình trạng vô sự hết đêm này qua đêm khác.

Nhân lúc cả nhà ra ngoài bán đồ trang sức để kiếm thêm tiền, cậu rủ cô đi chơi trên chiếc Hercules của bố cậu. Cô lắc đầu, nhưng khi cậu đạp xe ra, nổi tò mò con trẻ đã chiến thắng thói quen khóc lóc, cô leo lên ngồi một bên. “Chìa chân ra đằng trước ấy,” cậu chỉ cách cho cô và bắt đầu đạp đi. Họ đi nhanh dần, nhanh dần, một bên là hàng cây và bên kia là đàn bò, vù vù lao đi giữa những đồng phân bò.

Jemubhai ngoảnh đầu lại, bắt chợt bắt gặp đôi mắt cô – chao ôi, trên đời chẳng ai có đôi mắt nào như thế và cái nhìn thế gian nào như thế...

Cậu đạp nhanh hơn. Mặt đất nghiêng đi, họ lao như bay xuống chân đồi, bỏ lại đằng sau trong khoảnh khắc trái tim mình bỗng bênh giữa lá biếc, trời xanh.

Ông tò ngẩng lên khỏi bàn cờ. Sai đã leo lên một ngọn cây ở rìa của khu vườn. Ngồi trên đó ta có thể nhìn xuống con đường quanh co bên dưới và nàng sẽ có thể bắt gặp Gyan xuất hiện.

Mỗi buổi học toán hàng tuần nối nhau trôi đi, không khí căng thẳng lại tăng dần cho tới khi họ cơ hồ không thể ngồi cùng trong một căn phòng mà không mong chạy trốn. Nàng bị đau đầu. Anh phải về sớm. Họ viện đủ lý do, nhưng tới phút chia tay, họ lại bồn chồn và bức bối lạ kỳ, họ lại chờ đến thứ Ba sau, và mong ngóng bùng lên không tài nào chịu nổi.

Ông tò bước lại.

“Xuống.”

“Sao ạ?”

“Con Mutt nhìn thấy cháu trên đó là nó sợ.”

Mutt ngược lên nhìn Sai và vẫy đuôi, không hề có bóng dáng của sự sợ hãi dù chỉ thoáng qua trong mắt nó.

“Thật ạ?” Sai hỏi.

“Ta mong rằng tay gia sư của cháu không nảy ra ý tưởng gì vớ vẩn,” rồi ông tò nói thêm.

“Ý tưởng gì vớ vẩn ạ?”

“Xuống ngay?”

Sai tuột xuống, đi vào nhà và nhốt mình trong phòng. Một ngày nàng sẽ rời khỏi nơi này.

“Thời gian phải động,” Noni từng bảo nàng. “Đừng tìm đến cuộc sống ở một nơi thời gian đã ngừng trôi như cô đã từng làm. Đây là lời khuyên đáng giá duy nhất cô có thể dành cho em.”

mười bảy

Saeed Saeed bắt được con chuột ở quán Nữ hoàng Bánh tạc, lấy giày đá nó, lấy chân rê nó, gạ đổi nó cho Biju, cậu sợ quá chạy mất, anh bèn tung nó lên, tới khi rơi xuống anh lại đá nó kêu chìn chít và cười vang: “Hóa ra chính *mày* ăn vụng bánh mì, hả, chính *mày* ăn vụng đường, hả?” Cơn kích động tiếp diễn cho tới khi con chuột chết hẳn. Hết trò vui. Quay lại làm việc.

Ở Kalimpong, người đầu bếp đang cặm cụi viết lên một mẫu giấy viết thư. Bác viết bằng tiếng Hindi rồi nguệch ngoạc chép lại địa chỉ bằng tiếng Anh.

Bác đang ngập trong những lời cầu xin giúp đỡ. Càng lắm người xin, càng nhiều người đến, càng lắm người xin – Lamsang, ông Lobsang Phuntsok, Oni, ông Shezoon ở từ *Tam nguyện san Lepcha*, Kesang, người quét dọn trong bệnh viện, tay kỹ thuật viên phòng khám, tác giả con sán dây ngâm phóc môn, người đàn ông chuyên đập nắp mấy chiếc bình gi sét, tất cả những người có con trai xếp hàng chờ xuất ngoại. Họ mang biểu bác gà, mấy gói lạc hay nho khô, đãi bác một châu ở cảng tin Cựu chiến binh của Thapa, và bác bắt đầu thấy mình giống một chính trị gia, người ban phát ơn huệ và tiếp nhận những lời cảm tạ.

Vốn đã hư sẽ lại càng hư càng nhận nhiều quà càng được nhiều hơn càng nhận nhiều hơn càng được trọng vọng càng được trọng vọng hơn càng nhận nhiều quà sẽ lại càng hư...

“*Bhai, dekho, aesa hai...*” bác bắt đầu giảng giải. “Đây, phải có tí may mắn, vì xin visa khó vô cùng...” Chuyện này là thiên nan vạn nan, nhưng để bác sẽ viết cho anh con giai. “Cứ chờ xem, cứ chờ xem, biết đâu lại gặp may...”

“*Biju beta,*” bác viết, “con sang được đó là may rồi, nên giúp người ta một tí...”

Rồi bác dùng thứ hồ tự chế bằng bột mì và nước để dán mấy phong thư, gửi chúng lặn lội bơi vượt Đại Tây Dương, cả một đàn thư ấy...

Chẳng bao giờ họ biết được bao nhiêu trong số đó đã rơi rớt lại sau ngàn ấy mối liên hệ lỏng lẻo được thiết lập trên cả chặng đường, giữa người đưa thư tính khí thất thường dưới cơn mưa như trút nước, chiếc xe thư tính khí thất thường vượt con đường đất lở tới Siliguri, rồi sấm rung chớp giạt, phi trường mù sương, hành trình từ Calcutta tới trạm bưu điện trên phố 125 khu Harlem cũng nhiều chướng ngại như một đơn vị đồn trú của quân đội Israel trên dải Gaza. Người bưu tá bỏ những lá thư lại trên nóc hòm thư của những cư dân hợp pháp, thỉnh thoảng những lá thư lại rơi xuống, bị giẫm lên và nằm lại bên ngoài.

Nhưng chỗ thư đến nơi cũng đủ làm Biju chết đuối.

“Thằng bé sáng láng lắm, nhà rất nghèo, con trông nom nó nhé, nó có visa rồi, cũng sắp sang đến nơi... Con tìm việc cho Poresh nhé. À mà cả em nó cũng sắp sang rồi đấy. Giúp họ một tí. Sanjeeb Thom Karma Ponchu, nhớ còn cả Budhoo, bác gác cổng ở Mon Ami nữa, con trai bác ấy...”

“Tớ hiểu, tớ hiểu cảm giác của cậu lắm,” Saeed nói.

Mẹ của Saeed Saeed đang phân phát bữa bãi số điện thoại và địa chỉ của anh cho phân nửa dân cư ở Stone Town. Họ xuống sân bay với một đô và số điện của anh trong túi, xin vào một căn hộ đã chật ních người, đầu thừa đuôi thẹo nào cũng đã cho thuê hết: Rashid Ahmed Jaffer Abdullah Hassan Musa Lutfi Ali và một lô lốc những người khác luân phiên chia sẻ mấy cái giường.

“Đồng hương với chả đồng khối. Tớ vừa ngủ dậy, đi ra cửa sổ, đã thấy lù lù MỘT ĐÁM ĐỒNG HƯƠNG. Lần nào cũng thế – LẠI ĐỒNG HƯƠNG. Ai cũng bảo ‘Ôi, chẳng xin visa được nữa đâu, giờ họ làm chặt lắm, khó kinh khủng,’ trong khi đó cứ THẲNG NÀO xin là THẲNG ẤY được. Tại sao lại chơi nhau thế cơ chứ? Cái sứ quán Mỹ ở Dar... TẠI

SAO??!! Mặt thẳng Dooli ấy thì ai mà cấp visa. Chả ai sất. Thoạt nhìn một cái là người ta đã bảo Ờ, có gì không ổn – chả hiểu sao họ lại cấp cho nó!”

Saeed nấu đậu đũa với cá thu mua ở Price Chopper cho khuây khỏa, thêm món chuối lá trộn đường với nước cốt dừa. Hồn hợ dỏ quánh này dậy mùi hy vọng vừa chín tới, anh phết lên bánh mì Pháp rồi rủ mọi người cùng ăn.

Những hoa trái thơm ngon nhất ở Stone Town đều mọc trong nghĩa địa, còn cây chuối ngon nhất lại mọc trên mộ ông của chính cái thẳng Dooli bất trị mà Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Dar es Salaam đã phạm sai lầm nghiêm trọng khi cấp visa cho nó – Saeed vừa kể chuyện cho mọi người vừa liếc ra ngoài cửa sổ...

Nhoáng một cái anh đã thụp xuống sau quầy.

“*Úi giờờờiii ơi!*” anh thì thào. “*Đồng hương, các bố ạ, đồng hương đấy. Lạy giờ. Bảo bọn họ là tớ không làm ở đây. Sao họ biết ở đây mà tìm! Lại bà già! Đã bảo bà cụ rằng ‘Thôi!’ Xin cậu đấy! Omar, Đi! Đi! Ra bảo họ đi đi.*”

Một đám người đang đứng lố nhố ngoài cửa hàng, tả tơi như thể đã lang thang từ mấy kiếp, gãi đầu gãi tai và dòm vào quán Nữ hoàng Bánh tạc.

“Ai bảo cậu giúp?” Omar hỏi. “Tớ không giúp nữa, giờ ai cũng biết không nhờ vả được gì ở tớ, vậy là chả ai mò đến nữa.”

“*Đây có phải lúc dạy đời đâu cơ chứ.*”

Omar ra ngoài. “Ai cơ? *Saeed?* Không có, không có. Tên gì? *Soyad?* Không, chả có ai tên thế cả. Có mỗi tôi, Kavafya và Biju.”

“*Nhưng anh ấy làm ở đây mà. Mẹ anh ấy bảo bọn tôi thế.*”

“*Không có đâu. Không có đâu. Thôi các anh đi đi. Ở đây không có người các anh muốn tìm đâu. Các anh mà gây rắc rối là chúng tôi cũng gặp rắc rối theo, tôi nói thật đấy, ĐI ĐI.*”

“Tốt quá,” Saeed nói, “cảm ơn cậu. Họ đi chưa?”

“Chưa.”

“Làm cái gì mà chưa đi?”

“Họ vẫn đang đứng đó nhìn vào,” Bijou nói, bạo dạn và khoái trá khi thấy đèn đui rơi xuống đầu người khác. Cậu cơ hồ nhảy căng lên.

Đám người kia vẫn lắc đầu quầy quậy, không chịu tin vào những gì nghe được.

Bijou đi ra ngoài rồi trở lại. “Họ bảo bây giờ sẽ thử tìm đến địa chỉ nhà anh.” Cậu cảm thấy một niềm tự hào khi tiết lộ tin tức sống còn ấy. Và nhận ra mình nhớ biết bao cái vai diễn kiểu này, vốn rất phổ biến ở Ấn Độ. Can dự vào cuộc sống của thiên hạ đem lại cho con người ta vô số cơ may vụn vặt để trở thành quan trọng.

“Thế nào họ cũng quay lại. Tớ lạ gì *bọn họ*. Họ sẽ còn đến nhiều lần nữa, hoặc là cả hội sẽ đi và để một người ở lại. Đóng cửa lớn vào, cả cửa sổ nữa...”

“Làm sao mà đóng cửa quán được. Cửa sổ thì chịu thôi, nóng bỏ xừ.”

“Cứ đóng vào đi!”

“Không. Nhỡ ông Bocher đến thì sao?” Đó là ông chủ cửa hàng, vẫn hay bất chợt ghé qua với hy vọng bắt quả tang họ đang làm gì trái khuôn phép.

“Không, sếp thương mến ơi,” Saeed sẽ bảo ông ta. “Mọi thứ ở đây sếp bảo sao bọn em làm y như vậy...”

Nhưng giờ thì...

“Vấn đề bây giờ đang là cuộc sống của tôi, các bố ạ, không phải là chuyện chỗ này nóng hay chỗ kia nóng, có ông chủ hay không có ông chủ...”

Họ đóng cửa sổ và cửa ra vào lại, còn anh ngồi ngay trên sàn gọi điện về nhà, “Này Ahmed, đừng có nghe điện thoại đấy, thằng Dooli và cả hội vừa từ sân bay đến. Khóa cửa vào, ngồi xuống, chớ có đứng lên, và đừng lại gần cửa sổ.”

“Hả! Sao người ta lại cấp visa cho chúng nó? Mà làm sao bọn nó mua được vé!” Họ có thể nghe thấy tiếng nói từ đầu bên kia. Rồi nó chuyển sang tiếng Swahili dưới hình thức một thứ phân bón dậy mùi, một hành vi bài tiết bốc hơi nồng nặc của động vật.

Điện thoại ở cửa hàng bánh reo vang.

“Đừng nghe,” anh bảo Biju khi cậu toan nhắc máy.

Khi máy trả lời tự động bật lên, tiếng chuông ngừng reo.

“Đám đồng hương đấy! Họ lúc nào cũng sợ cái máy trả lời tự động!”

Chuông reo lần nữa, rồi thêm lần nữa. *Reng reng reng reng*. Máy trả lời tự động. Gác máy.

Lại tiếp tục: *Reng reng*.

“Saeed, anh phải trả lời họ đi.” Tim Biju bỗng run rẩy theo nỗi khắc khoải trong tiếng chuông reo. Đó có thể là ông chủ, mà cũng có thể là Ấn Độ ở đầu dây bên kia, cha cậu, cha cậu...

Chết? Hấp hối? Ngã bệnh?

Kavafya nhắc máy, một giọng nói non nớt và van vi đầy vẻ hoảng hốt vang lên trong căn phòng.

“Khẩn cấp! Khẩn cấp! Bọn tôi vừa từ sân bay đến. *Khẩn cấp Khẩn cấp, Saeed Saa-eed?*”

Anh ta đặt máy xuống rồi rút dây ra.

Saeed: “Máy cái thằng này, đã cho bọn nó vào rồi thì *đừng hòng* bọn nó đi cho. Bọn nó cùng quẫn lắm. *Cùng quẫn*. Cậu đã cho bọn nó vào, đã nghe chuyện của bọn nó rồi, thì cậu sẽ không thể từ chối được, cậu biết di chúng

nó, cậu biết anh em chúng nó, cậu sẽ phải giúp cả cái gia đình ấy, mà một khi đã bắt đầu thì bọn nó sẽ mức *sạch sành sanh*. Cậu không thể nói theo kiểu người Mỹ, rằng đây là thức ăn của tôi, chỉ có tôi mới được ăn thôi. Hỏi Thea mà xem” – cô là đối tượng búp bê bé bỏng mới nhất ở cửa hàng bánh. “Em ấy sống với ba *đứa bạn*, cả bọn đi chợ riêng, nấu riêng, cả bọn *cùng* nhau ăn *riêng*. Tủ lạnh chia ra, mỗi đứa một góc – *mỗi đứa một góc nhé!* – mỗi đứa cất thức ăn thừa vào một hộp riêng. Một đứa còn ghi hẳn *tên mình lên hộp cho mọi người biết là thức ăn của ai!*” Anh dứ dứ ngón tay với vẻ nghiêm khắc bất thường. “Ở Zanzibar có gì cũng *phải chia sẻ với tất cả mọi người*, như thế mới là *tốt*, như thế mới là *phải đạo*...

“*Nhưng như thế thì chả ai còn gì cả! Thế cho nên tớ mới bỏ Zanzibar ra đi.*”

Im lặng.

Biju đi từ chỗ thông cảm với Saeed đến thông cảm với chính mình, từ sự xấu hổ của Saeed đến sự xấu hổ của chính mình, vì cậu sẽ không bao giờ giúp đỡ tất cả những người đang cầu xin sự giúp đỡ của cậu, hàng ngày, *hàng giờ* chờ đợi câu trả lời của cậu. Cậu cũng đã hạ cánh xuống sân bay với vài đồng dollar đổi ở chợ đen Kathmandu trong túi và địa chỉ của Nandu, bạn bố cậu, người sống chung với hai mươi hai tài xế taxi ở khu Queens. Nandu cũng không trả lời điện thoại và cũng cố trốn đi khi Biju tìm đến trước cửa, tới khi tưởng Biju đã đi rồi ông ta mới mở cửa và rầu rĩ nhận ra rằng hai giờ đồng hồ đã qua mà cậu vẫn còn đứng đó.

“Ở đây chẳng còn việc gì đâu,” ông ta nói. “Nếu ta mà còn trẻ, ta cũng đã về lại Ấn Độ rồi, ở đó giờ nhiều cơ hội hơn, nhưng với ta đã quá muộn để thay đổi rồi, còn cháu hãy nghe lời ta nói. Ai cũng bảo cháu *phải ở lại*, đây là nơi cháu sẽ có một cuộc sống tử tế, kỳ thực sẽ tốt hơn nhiều nếu cháu *trở về?*”

Ở chỗ làm của Nandu, có người mách ông ta về tầng hầm ở khu Harlem, và từ khi Nandu gửi Biju lại đó, cậu chưa hề gặp lại ông.

Cậu đã bị bỏ rơi giữa những người ngoại quốc: Jacinto tay quản lý, gã vô gia cư, một con nghiện cocaine chân vòng kiềng lực lưỡng, dáng đi như thể hai hòn to quá không đi lại bình thường được, có con chó vàng chân vòng kiềng lực lưỡng, dáng đi cũng như thể hai hòn to quá không đi lại bình thường được. Hè đến, các gia đình rời mấy căn phòng chật chội ôm cassette ra ngồi vỉa hè; những phụ nữ nặng nề to béo mặc quần soóc để lộ đôi chân lông cạo nhẵn thín lấm tấm những chấm đen nhỏ li ti, một đám đàn ông nẫu tõe ra ngồi chơi bài trên tấm bìa đặt cân trên thùng rác, nốc ừng ực những chai bia đựng trong túi giấy màu nâu. Họ vẫn gật đầu thân thiện với cậu, thỉnh thoảng còn mời cậu một cốc bia, song Biju chẳng biết gì, một câu “Xin chào” ngắn gọn nhất cũng chẳng nên lời: hoặc là quá yếu ớt nên họ không nghe ra, hoặc đúng lúc họ vừa quay đi mất.

Thẻ xanh thẻ xanh. Thẻ...

Không có nó cậu không về được. Muốn về phải có thẻ xanh. Thẻ mới nhớ nhặng chứ. Cậu mong được về vang Trở Về Khi Đã Có Thẻ Xanh biết mấy, cậu thèm khát điều đó – được mua vé với tư cách của người thích thì trở lại mà không thích thì thôi... Cậu ghen tị theo dõi theo những người nước ngoài cư trú hợp pháp vào mấy cửa hàng giảm giá bán hàng lý để mua loại vali thần kỳ có thể nở rộng của thế giới thứ ba, xếp nếp như đàn accordion, đây những túi và khóa kéo để mở ra thêm chỗ đựng, chiếc vali mở ra một không gian vô tận có thể nhét đủ đồ đạc để bắt đầu cuộc sống mới tại một đất nước khác.

Tất nhiên cũng có người đã sống và đã chết một cách bất hợp pháp ở Mỹ, không hề gặp lại gia đình sau mười, hai mươi, ba mươi năm hoặc chẳng bao giờ nữa.

Vậy phải làm thế nào? Ở Nữ hoàng Bánh tạc, bọn họ hay xem chương trình TV sáng Chủ nhật trên kênh tiếng Ấn, có một luật sư về nhập cư chuyên giải đáp các thắc mắc.

Một tài xế taxi xuất hiện trên màn hình: việc xem nhiều phim Mỹ lậu đã thôi thúc anh ta sang đất Mỹ, nhưng làm thế nào để gia nhập vào chính ngạch? Bản thân anh bất hợp pháp, chiếc taxi bất hợp pháp, màu sơn vàng bất hợp pháp, cả nhà anh ở đây, cả làng anh cũng ở đây, thành công trong việc thâm nhập vào và làm việc trong hệ thống taxi của thành phố. Nhưng làm sao để có giấy tờ? Ngoài kia có khán giả nào muốn lấy anh chăng? Ai đó có thẻ xanh, dẫu có tàn tật hay trì độn gì cũng tốt...

Dĩ nhiên chính Saeed Saeed là người nghe nói về chiếc xe hàng và đưa Omar, Karavafya cùng Biju lên Washington Heights, tại đó họ đứng đợi ở một góc phố. Cửa hàng ở đây đều có lưới sắt, từ hàng bán kẹo cao su bé tí cho đến mấy quầy thuốc lá. Hiệu thuốc và hàng rượu nào cũng có chuông; cậu thấy mọi người bấm chuông để được cho vào một cái lồng bên trong cửa hàng, ở đó người ta có thể ngắm nghía rồi trở thứ mình muốn lấy, sau khi đã bỏ tiền vào cái khay quay lắp ở một lỗ nhỏ khoét qua lưới sắt và lớp kính chống đạn, mấy món hàng mới mua sẽ miễn cưỡng được chuyển ra. Ngay ở chỗ bán chả Jamaica, bà bán hàng, chả, xúp callaloo, bánh roti và tấm áp phích Uống Lành Nào, Ngon Lành Ấy... tất cả đều yên vị sau một hàng rào an toàn cao độ.

Thế mà vẫn vui. Lăm người qua lại. Bên ngoài nhà thờ Zion, một nhà thuyết pháp rửa tội cho nguyên cả một hàng người băng bình xịt cứu hỏa. Một anh chàng xuất hiện, mặc quần soóc áo phông in hình hoa dâm bụt Florida, đầu gối củ lạc, tóc vuốt keo xoắn tít, ria mép Charlie Chaplin-Hilter tía cân và mỏng dính, xách theo cái đài, “*Guantanamera... guajira Guantanamera...*” Có hai cô nàng nhả nhớt gọi anh ta từ cửa sổ: “Êêê CỨNG! Nhìn c h â n kìa! Uuuuuuuu huuuuu! Đêm nay rảnh không cưng?”

Một phụ nữ khác đang khuyên nhủ cô gái trẻ hơn đi cùng: “Đời ngắn lắm em ơi. Vứt thẳng ấy vào thùng rác đi! Em còn trẻ, em phải vui sống! Vứt! thẳng! ấy! vào! thùng! rác! đi!”

Với Saeed ở đây cũng như ở nhà. Anh sống cách đó hai con phố và rất nhiều người trên đường vẫy chào anh.

Saeed!

Một gã trai đeo lắc vàng to tướng như dây xích trong bồn tắm, món đồ sáng lấp lánh, vỗ vào lưng Saeed một cái...

“Cậu ta làm nghề gì?” Biju hỏi về gã.

Saeed cười. “Ma cà bông.”

Để thêm mắm giặm muối, Saeed chiêu đãi họ bằng chuyện anh giúp một anh bạn đồng hương chuyển nhà; một chiếc xe đỗ lại khi họ đang đánh vật với mấy thùng áo quần vá víu, một cái đồng hồ báo thức, giày dép, một cái nồi đen xin xuất xứ tận Zanzibar được một bà mẹ nức nở nhét vào vali – một khẩu súng thò ra từ cửa sổ xe và một giọng nói cất lên: “Vứt hết vào băng sau, mấy thằng kia.” Cái thùng được mở ra, và “Có thể thôi à?” giọng nói sau khẩu súng thốt lên chán ngán. Rồi chiếc xe phóng đi.

Họ đợi ở góc phố, mồ hôi vã ra, Chúa ơi, Chúa ơi... Cuối cùng chiếc xe hàng đã tới, họ đóng tiền vào ô cửa nứt kính đang mở, giao ảnh thẻ chụp theo đúng quy định của INS là nhìn nghiêng ba phần tư và lộ một bên tai, được in dấu tay ngay qua kẽ nứt. Hai tuần sau, họ lại đợi như thế thêm một lần nữa...

họ đợi...

và đợi...

và... chiếc xe hàng không trở lại. Cái giá phải trả cho nỗ lực này một lần nữa vết sạch phong bì tiền tiết kiệm của Biju.

Omar gợi ý cả bọn đi giải đen vì họ ở ngay gần đó.

Kavafya hưởng ứng ngay.

Chỉ có ba mươi lăm dollar.

Giá không hề tăng.

Biju đỏ mặt nhớ lại những gì cậu nói hồi ở hàng xúc xích. “Mùi kinh chết... lũ đàn bà đen đúa... *Hubshi hubshi.*”

“Trời nóng quá,” cậu nói, “tớ không chịu nổi.”

Họ bật cười.

“Saeed?”

Nhưng Saeed không cần phải đi chơi gái.

Anh đang có một em búp bê bé bỏng mới.

“Còn Thea thì sao?” Biju hỏi.

“Em đi dã ngoại ở ngoại thành rồi. Tớ bảo em là, ‘ĐÀN ÔNG CHÂU PHI không đi ngắt lá cây!!’ Chả sao bạn ạ, tớ vẫn còn một hai em búp bê bé bỏng mà Thea không biết đến.”

“Cậu cứ coi chừng đấy,” Omar nói. “Gái da trắng lúc trẻ nhìn ngon thật, nhưng cứ chờ xem, bọn nó nhanh tã lã, chưa đến bốn mươi đã xấu lắm rồi, tóc rụng, da dẻ nhăn nhúm, mạch máu với tàn nhang nổi hết lên, biết tớ nói gì không...”

Saeed cười, “À à à ha ha, biết rồi, biết rồi.” Anh hiểu sự ghen tị của họ.

Ở cửa hàng bánh, một khách hàng tìm thấy nguyên cả con chuột trong ổ bánh hạt hướng dương. Chắc hẳn nó tìm ăn hạt...

Một đội thanh tra y tế kéo đến. Họ xuất hiện theo đúng kiểu Lính thủy đánh bộ, FBI, CIA, NYPD; ập vào: GIO TAY LÊN!

Họ phát hiện ra một ống nước thải bị vỡ, một ống thoát nước bị tắc, dao cắt sau hố xí, cứt chuột trong bột mì, còn trong một khay trứng bị bỏ quên, các sinh vật đơn bào đang ung dung tự thân sinh sản không cần đến sự giúp đỡ của cá thể nào khác.

Chủ quán, ông Bocher, được triệu đến.

“Điện thì chập,” ông Bocher nói, “trời thì nóng, chúng tôi biết làm thế nào bây giờ?”

Nhưng sự tình này xảy ra đã hai lần rồi, từ ngày chưa có Biju, Saeed, Omar và Kavafya, hồi còn Karim, Nedim và Jesus. Quán Nữ hoàng Bánh tạc sẽ phải đóng cửa nhường chỗ cho một nhà hàng Nga.

“Địt mẹ mấy thằng Nga! Xúp với chả cút!” ông Bocher nổi đóa lên, nhưng chẳng ăn thua gì, rồi bất thần ông lại chửi vung lên nữa. “Địt mẹ chúng mày, bọn phò,” ông hét vào mặt những người từng làm việc cho mình.

“Thình thoảng lên phố chơi, Biju nhé.” Saeed đã mau chóng kiếm được việc làm ở một gian hàng Cộng hòa Củ chuối⁴¹, nơi anh sẽ bán cho dân thị thành sành sỏi loại áo cổ lọ đen đang là mốt của mùa năm nay, tại cửa hiệu có cái tên đồng nghĩa với sự bóc lột thuộc địa và tàn phá nặng nề của thế giới thứ ba.

Biju biết mình chắc sẽ chẳng gặp lại anh. Đến giờ cậu đã hiểu ra, chuyện vốn là như thế. Anh sống gần bó với người ta, chỉ để thấy họ biến mất sau có một đêm, bởi những người sống trong bóng tối đều mang án lưu vong. Họ ra đi tìm những công việc khác, những đô thành khác, bị trục xuất, trở về quê nhà, thay tên đổi họ. Đôi khi ai đó lại hiện ra sau một khúc quanh, trên toa tàu điện, rồi lại biến đi. Địa chỉ, số điện thoại cũng không níu được. Nỗi trống vắng trở về với Biju hết lần này qua lần khác, cho đến sau cùng cậu tự nhủ với lòng nhất định không để tình bằng hữu đắm chìm thêm lần nữa.

Nằm trên tấm ván dưới tầng hầm đêm đó, cậu nghĩ về quê nhà nơi cậu đã sống bên bà nội bằng món tiền cha cậu gửi về hàng tháng. Ngôi làng chìm trong biển cỏ trắng bạc cao quá đầu người, ngân lên thành tiếng *lao xao*, *lao xao* mỗi khi gió lùa về nghiêng ngả. Xuôi theo một lối mòn khô ráo xuyên qua đồng cỏ là đến nhánh sông Jamuna, nơi ta được thấy người dân bơi xuôi dòng nước trên những tấm da trâu căng phồng, cả bốn chân cứng đờ của con vật duỗi thẳng ra lúc họ chèo đi, đến nơi nước cạn chảy thành hình rẻ quạt trên lòng sông đầy đá, họ lại xuống kéo con thuyền da trâu vượt

qua. Chính ở đoạn sông nước cạn này, Biju và bà nội vẫn qua lại mỗi lần đi chợ trong thị trấn, vạt sari của bà xắn lên, thỉnh thoảng trên đầu lại đội theo bịch gạo. Những con đai bàng sần cá lượn lờ trên mặt nước, đang lướt ngang bỗng đổi hướng trong khoảnh khắc, nhào xuống rồi bay lên, đôi khi quắp theo một khối thịt màu bạc đang giãy giụa. Một ẩn sĩ cũng cư ngụ bên bờ sông, đứng như một con cò, chờ đợi, ôi chờ đợi, ánh lấp lánh của một con cá khác, một loài huyền ngư khó nắm bắt; lúc nó nổi lên ông phải chớp lấy ngay vì nó sẽ biến mất không bao giờ trở lại... Vào dịp lễ Diwali, con người sùng đạo nọ thả đèn treo lên những cành *peepul* hoặc thả xuôi dòng trên những chiếc bè cài hoa cúc vạn thọ – cảnh tượng những ngọn hoa đăng bồng bênh giữa màn đêm còn nhạt sắc mới đẹp làm sao. Hồi cậu lên Kalimpong thăm cha, họ ngồi bên nhau ngoài trời khi chiều tối và ông hồi tưởng lại: “Làng ta sao mà bình yên thế. Bánh roti ở nhà sao mà ngon thế! Đây là vì *atta* được xay bằng tay, không phải bằng máy... và vì được nướng trên *choolah*, hơn đút những thứ nấu bằng bếp ga với bếp dầu. Bánh roti tươi, bơ tươi, sữa trâu tươi mới vắt còn nóng hôi hổi... “ Hai cha con thức đến tận khuya. Họ không để ý thấy Sai, khi đó mới mười ba tuổi, đang nhìn trộm từ cửa sổ phòng ngủ, ghen tị trước tình yêu người đầu bếp dành cho đứa con trai. Những con dơi nhỏ với cái miệng đỏ lòm thường uống nước dưới *jhora* đang chao qua liệng lại trong tiếng vỗ ma quái của những đôi cánh đen ngòm.

mười tám

“Ôi, dơi, dơi,” Lola kêu lên sợ hãi khi một con bay xoẹt qua tai bà và rít lên *u u*.

“Có sao đâu, cũng chỉ như một mẩu da giày bay qua chứ gì,” Noni ngược lên và nói, trông bà như một viên kem vani đang tan chảy trong chiếc áo sari mùa hè màu trắng nhạt.

“Chị im đi,” Lola nói.

“Trời nóng bức ngọt ngọt quá,” Lola nói thêm, gián tiếp xin lỗi chị mình. Gió mùa chắc cũng sắp về rồi.

Đã hai tháng kể từ khi Gyan bắt đầu dạy Sai học, ban đầu nàng còn nhầm tưởng cái ngọt ngọt trong không khí bắt nguồn từ sự hiện diện của anh.

Nhưng giờ thì ai cũng phàn nàn cả. Bác Potty ngồi thông thượt ra đó. “Nóng lên rồi. Năm nay nóng sớm. Cho bác ti rum vào bụng, búp bê ơi, trước khi lão già này mắc cạạạạạ.”

Lola hớp một viên Disprin đang sủi bọt lắc lư trong cốc nước.

Khi trên báo cũng đưa tin về những đám mây dông sắp đến, bà sôi nổi hẳn lên: “Em đã bảo chị *mà*. Em cảm thấy *ngay*. Người em nó nhạy lắm. Chị biết em rồi còn gì – công chúa và hạt đậu – chị của em ơi, biết làm sao được – công chúa và hạt đậu.”

Ở Cho Oyu, ông tòa và Sai đang ngồi trên bãi cỏ. Thấy cái bóng của đuôi mình, Mutt chồm lên ngoạm lấy, bắt đầu xoay như chong chóng, bối rối chẳng biết đây là đuôi ai. Nó không chịu thôi, nhưng trong mắt hiện rõ vẻ lúng túng và nài nỉ – làm sao nó dừng lại được? nó phải làm gì? – nó đã bắt được một con vật lạ mà không biết đó chính là mình. Cứ thế, nó bất lực chạy loanh quanh trong vườn.

“Con ngọc,” Sai nói.

“Ngọc trai bé bỏng của ta,” ông tòa nói khi Sai đã bỏ đi, sợ Mutt thấy tủi thân.

Thế rồi, chỉ trong chớp mắt, nó đã ở trên đầu họ. Những cây chuối bắt đầu đập những cái tai kỳ vĩ của mình, làm rộn lên một âm thanh hối hả, bởi chúng luôn là người đầu tiên rung chuông báo hiệu. Những rặng tre xào xạc reo lên âm thanh của một môn võ thời xưa.

Trong bếp, cuốn lịch in hình những vị thần của người đầu bếp bắt đầu động đậy trên tường như vừa sống dậy, với hăng hà sa số những tay chân, những cái đầu quái dị, những đôi mắt trợn trừng.

Người đầu bếp đóng tất cả cửa lớn lẫn cửa sổ lại, nhưng rồi Sai mở cửa đúng lúc bác đang sàng bột để rũ mọt, thế là bột bay tung lên phủ kín cả hai người.

“Ồi giời. Nhìn xem cô vừa làm gì thế này.” Những con bọ nhỏ xíu tung tăng hớn hở bò khắp sàn và tường. Nhìn người nhau phủ đầy bột trắng, cả hai phá lên cười.

“*Angrez ke tarah. Y hệt người Anh nhi.*”

“*Angrez ke tarah. Angrez jaise.*”

Sai thò đầu vào. “Ông nhìn này,” nàng hào hứng nói, “y hệt người Anh nhi.”

Ông tòa nổi cơn ho khi một hỗn hợp cay xè mùi khói và ớt lan vào phòng khách. “Đồ ngọc,” ông quát cháu gái. “Đóng cửa lại!”

Nhưng cánh cửa đã tự sập lại cùng với tất cả cửa nẻo trong nhà. Sầm sầm sầm sầm. Bầu trời rộng hoác ra, sáng bừng ánh lửa; cây thông bị ngọn lửa xanh quấn lấy, chết chóng vánh trong tiếng kêu xèo xèo, bỏ lại phần gốc đã cháy thành than, mùi khét và những cành lá dọc ngang nằm lại trên bãi cỏ. Một cơn mưa bất tận trút lên đầu họ và Mutt biến thành hình thái nguyên sơ nhất của sự sống – một con trùng amip lướt thượt trên nền nhà.

Cây cột thu lôi trên nóc Cho Oyu chạy xuống một bể muối ngầm để bảo vệ họ an toàn, nhưng Mutt làm sao hiểu được. Trước tiếng sấm liên hồi và một tiếng nổ ngay trên mái tôn, nó trốn ra sau rèm, rồi chui vào gầm giường. Nhưng vẫn còn không cái mông thì cái mũi thò ra, nó chết khiếp vì những âm thanh ma quái của cơn gió lùa vào những chai soda rỗng: *u u u*.

“Đừng sợ, cún con, ếch con, vịt con, cún cưng. Chỉ là mưa thôi mà.”

Nó cố cười lên, nhưng cái đuôi vẫn cụp xuống và ánh mắt nó vẫn là ánh mắt của một người lính trên chiến trường, đã thôi không để tâm đến những huyền thoại ngốc nghếch về lòng dũng cảm. Đôi tai nó vểnh về phía chân trời, chờ đợi điều tất yếu sẽ xảy ra, một trận mưa bom, âm thanh của nền văn minh đang tan rã – nó không ngờ điều đó lại khủng khiếp đến thế – những thành phố và đền đài sụp đổ – và nó lại cuống cuồng trốn chạy.

Mùa mưa sẽ kéo dài ba, bốn tháng, có khi năm. Ở Cho Oyu, trong toa lét có một chỗ dột, nước nhỏ xuống thành một điệu nhạc tinh tong cho đến khi bị Sai làm gián đoạn, nàng cầm theo chiếc ô che đầu khi vào nhà tắm. Hơi nước ngưng tụ phủ mờ mặt kính đồng hồ, quần áo phơi trên tầng áp mái cả tuần vẫn ẩm. Mốc trắng trên xà nhà rớt xuống như rây bột, nấm chằng lên mọi vật một lớp vỏ xù xì già cỗi. Dù vậy, đây đó những sắc màu đã định hình khung cảnh ngọt thở này: côn trùng vo ve như ngày hội; bánh mì chỉ sau một ngày đã ngả sang màu xanh cỏ; Sai mở ngăn kéo đựng đồ lót ra, thấy giữa những lần vải cotton ủ rũ dính một chất thạch màu hồng nhạt¹²; tạp *Địa lý Quốc gia* đóng bìa rơi xuống đất, mở ra những trang sách bị một chứng bệnh rục rở sắc màu hành hạ, mốc tím mốc vàng kèn cựa với loài chim phòng the ở Papua New Guinea, với cư dân ở New Orleans, với mục quảng cáo – “Ở Bahamas là hơn cả!” – được giới thiệu trên tạp chí.

Sai luôn thấy vui tươi và thanh thản trong mấy tháng này, quãng thời gian duy nhất ở Kalimpong cuộc sống của nàng được ban tặng đầy đủ ý nghĩa, nàng được tận hưởng cảm giác bình yên khi biết rằng hầu như không thể giao tiếp với bất kỳ ai. Nàng ngồi trước hiên nhà, thả mình theo tâm

trạng của mùa về, tự nhủ buông xuôi quả là khôn ngoan vì ở khắp Kalimpong phương tiện hiện đại đã bắt đầu hỏng hóc. Điện thoại chết cứng kêu sè sè, những gì ti vi bắt được chỉ là hình ảnh khác của trận mưa như trút nước. Giữa mùa mưa ướt át như tiêu chảy ấy, bỗng bênh một cảm giác lửng lơ và lỏng lẻo về cuộc đời, như một sự vật không ngừng biến động và tan rã, lạnh lẽo và lẻ loi – một điều không thể nào nắm bắt. Cả thế gian tan biến, ô cửa mở ra chẳng dẫn về đâu – không Gyan nơi khúc quanh trên sườn núi – và cảm giác đợi chờ khổ sở ấy đã buông tha nàng. Cả Bác Potry cũng không sang chơi được nữa vì dưới *jhora* nước đã tràn bờ và cuốn trôi chiếc cầu xuống hạ lưu.

Ở Mon Ami, Lola lấy tay gạt cái núm đài, đành từ bỏ nỗ lực khẳng định cô con gái Pixie vẫn ngự trị ở một nơi khô ráo giữa những tin sông tràn bờ, dịch tả, cá sấu tấn công và người dân Bangladesh lại phải leo lên cây. “Ôi giờ!” Lola thở dài, “có lẽ nó sẽ quét sạch bọn du côn ngoài chợ.”

Vừa qua, hàng loạt cuộc đình công và biểu tình cho thấy bất ổn về chính trị đang gia tăng. Và giờ đây cuộc đình công kéo dài ba ngày cùng với nỗ lực chặn đường *raasta roko* đều phải tạm dừng vì thời tiết. Ngăn nhu yếu phẩm đi qua để làm gì khi đường nào chúng cũng không qua được? Làm sao để buộc công sở phải đóng cửa khi mà chúng đã đóng sẵn rồi? Làm sao để cấm đường khi chẳng còn đường nữa? Ngay cả con đường lớn từ Chợ Tcesta đến Kalimpong cũng đã dễ dàng trôi xuống dốc và vỡ thành từng mảng nằm dưới khe núi.

Giữa những cơn bão, mặt trời màu trắng ngà hiện ra, mọi thứ bắt đầu bốc hơi và lên men trong khi mọi người đổ xô ra chợ.

Trong khi đó, Gyan lại ngược đường tới Cho Oyu.

Anh lo lắng về việc dạy kèm và sợ sẽ không được nhận lương, vì anh và Sai đã tụt lại quá xa so với giáo trình. Nhủ lòng như thế, anh bám vào những bụi cây và tuột xuống dốc.

Kỳ thực, anh đi về phía này vì trời ngót mưa đã một lần nữa đem lại trong anh cảm xúc không lòng chịu đựng của niềm mong ngóng, dưới tác động của nó anh không sao ngồi yên được. Anh bắt gặp Sai đang ngồi giữa đồng báo vừa đến theo chuyến xe buýt từ Siliguri, báo cả hai tuần bó thành một bó. Từng tờ một đã được người đầu bếp là cho khô. Vài họ dương xỉ um tùm mọc trên hiên nhà, long lanh những giọt nước; lá cây tai tượng nâng đỡ những tổ trứng đang rung rinh của cơn mưa; hàng trăm mạng nhện vô hình trên những bụi cây quanh nhà bỗng trở nên rõ ràng, lung linh như dát bạc, vấn vương những vạt mây dài. Sai đang mặc bộ kimono, quà tặng của Bác Potry, tấm áo bác tìm thấy trong chiếc rương của bà mẹ, món đồ lưu niệm trong chuyến du lịch của bà tới Nhật ngắm hoa anh đào. Tấm áo may bằng lụa tía thêu rồng, vậy là Sai ngồi đó, huyền bí và nổi bật một sắc vàng, vị nữ hoàng của vương quốc hoang sơ, lộng lẫy giữa sơn hà tươi tốt.

Sai nhận ra đất nước này đang bung ra ở những đường may tuột chỉ: cảnh sát phát hiện phiến quân ở Assam, Nagaland và Mizoram; Punjab chìm trong lửa sau cái chết và sự ra đi của Indira Gandhi hồi tháng Mười năm ngoái; người Sikh với những Kanga, Kachha v.v... của họ vẫn còn muốn bổ sung chữ K thứ sáu, quốc gia của riêng mình để sống theo năm chữ K kia.

Tại Delhi chính phủ vừa công bố chương trình tài chính mới sau nhiều giấu giếm và bàn cãi. Chính phủ thấy cần thiết phải giảm thuế sửa đặc và đồ lót phụ nữ, tăng thuế bột mì, gạo và dầu hỏa.

“Piu thân yêu,” một tin cáo phó viền đen in hình một đứa trẻ đang cười – “bảy năm đã qua từ ngày con về chốn chiêm đường, nỗi đau này vẫn chưa nguôi. Sao ông trời lại tàn nhẫn cướp con đi khi con còn nhỏ dại? Mẹ vẫn khóc mỗi khi hình dung ra nụ cười ngọt ngào của con. Cuộc đời chúng ta chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Khắc khoải chờ ngày con tái sinh.”

“Chào em,” Gyan nói.

Nàng ngẩng đầu lên và tim anh thắt lại.

Trở lại với chiếc bàn phòng ăn, với những cuốn sách toán giữa hai người bọn họ, bị những đồ thị và những dấu thập phân của phép đo chính xác hành hạ, Gyan ý thức được một thực tế là một người con gái kiêu diễm nhường này không nên ngồi trước một cuốn sách giáo khoa cũ nát; anh thật không phải khi đem sự tầm thường ấy áp đặt cho nàng – phân giác và tái phân giác của phân giác của một góc. Rồi, như để nhắc lại cái thực tế là đáng ra anh phải ở nhà, trời bắt đầu đổ mưa trở lại và anh buộc phải hét lên để át tiếng mưa rơi trên mái tôn, mang đến cho môn hình học một chất sử thi rõ ràng là kỳ quặc.

Một tiếng sau, trời vẫn mưa như gõ búa. “Tôi phải về đây,” anh tuyệt vọng nói.

“Đừng,” nàng thảng thốt, ‘anh có thể bị sét đánh chết đây.’”

Mưa đá bắt đầu rơi.

“Tôi nhất định phải về,” anh nói.

“Đừng,” người đầu bếp dọa, “ở làng tôi có một người thò đầu ra khỏi cửa khi trời đang mưa đá, bị một cục *goli* to tướng rơi vào đầu chết ngay lập tức.”

Bàn tay cơn bão càng siết chặt hơn, rồi yếu đi khi đêm xuống, nhưng lúc này trời đã quá tối để Gyan có thể tìm được đường về giữa một triển đồi phủ đầy trứng đá.

Ông tòa nhìn Gyan ở bên kia bàn ăn với vẻ khó chịu. Đối với ông, sự có mặt của anh là một sự xác xược, một sự phóng túng nếu không có chủ đích thì chắc chắn là vì ngu xuẩn. “Điều gì đã khiến cậu ra khỏi nhà trong thời tiết này hả Charlie?” ông hỏi. “Có thể là cậu giỏi toán, nhưng ta xem ra óc xét đoán thông thường đã từ bỏ cậu rồi.”

Không trả lời. Gyan có lẽ còn đang mắc mưu với những suy nghĩ của chính mình.

Ông tòa bắt đầu tìm hiểu anh.

Ông nhận ra sự thiếu thành thạo thấy rõ, vẻ ngập ngừng khi dùng dao đĩa và thức ăn, nhưng ông vẫn cảm giác Gyan là người có tính toán. Ở anh toát ra cái mùi không lẫn vào đâu được của phiêu lưu và tham vọng – một cảm xúc xa xưa bỗng về lại trong ông, một nhận thức về sự yếu đuối không đơn thuần chỉ là cảm giác, mà còn là một sự nếm trải, giống như cơn sốt. Ông có thể đoán biết Gyan chưa bao giờ ăn những món ăn này theo kiểu này. Vị đắng tràn ngập trong miệng ông tò.

“Thế,” ông thành thạo xắt miếng thịt khỏi phần xương và hỏi, “thế, độ này cậu đang đọc thơ của ai, hả chàng trai trẻ?”

“Anh ấy là sinh viên khoa học,” Sai nói.

“Thì đã sao? Nhà khoa học đâu có nghĩa là không đến được với thi ca, hay là như thế thật?”

“Hay là nền giáo dục toàn diện có vấn đề?” ông gieo một câu hỏi nữa vào sự im lặng đang tiếp diễn.

Gyan vắt óc nghĩ ngợi. Anh chưa đọc một nhà thơ nào. “Tagore?” anh trả lời đại, chắc chắn đó là đáp án an toàn và được tôn trọng.

“Tagore!” ông tò xiên một mẩu thịt bằng nĩa, nhúng nó vào nước sốt, chõng thêm một chút khoai tây và dầm lên vài hạt đậu, rồi cho cả vào miệng bằng cây nĩa cầm trên tay trái.

“Được ca ngợi quá mức,” ông nói sau khi đã nhai kỹ rồi nuốt; mặc dù đã bác bỏ ý kiến của Gyan, ông vẫn phác một cử chỉ ra lệnh cho anh bằng con dao: “Đọc cho mọi người nghe một đoạn, được không?”

“Nơi mái đầu được kiêu hãnh ngẩng cao, Nơi tri thức sẽ không còn giới hạn, Nơi thế giới chưa bao giờ gián đoạn, Trong không gian chật hẹp của tường nhà... Giữa thiên đường tự do ấy, thưa Cha, Cho con được cùng quê hương tình giãc.’ Học trò ở Ấn Độ chỉ ít ai cũng biết bài này.

Ông tò nở một nụ cười u ám và đáng sợ.

Sao ông ghét cái mùa bắn thiu này đến thế. Nó làm ông tức giận vì nhiều lý do, không dừng lại ở sự ử rử của con Mutt; nó nhạo báng ông, lý

tưởng của ông. Khi nhìn quanh ông thấy mình đã mất quyền kiểm soát: mốc trên bàn chải, lũ rắn ngang nhiên trườn qua hiên nhà, đồ đạc trở nên nặng trĩu, và cả Cho Oyu cũng nước rã rời như một khối bột. Cứ mỗi cơn bão giáng xuống, phần nhà ở được lại ít đi.

Ông tòa thấy mình đã già, già lắm rồi, và trong khi ngôi nhà đang rệu rã quanh ông, trí óc ông cũng vậy, dường như đã buông xuôi, những cánh cửa ông hằng đóng chặt, ngăn cách những suy nghĩ với nhau, giờ đang tan biến. Đã bốn mươi năm qua kể từ ngày ông là một sinh viên văn chương.

Chưa bao giờ thư viện mở cửa đủ khuya.

Cậu đến khi mở cửa, về khi đóng cửa, nơi đây là cứu tinh của những sinh viên nước ngoài, riêng tư và không có lũ du côn bén mảng.

Cậu đọc một cuốn sách nhan đề là *Cuộc thám hiểm đến Goozerat*: “Bờ biển của Malabar nhấp nhô hình con sóng tới bờ Tây Ấn Độ, rồi lượn một đường duyên dáng ra biển Ả rập. Nơi đây là Goozerat. Trên vùng châu thổ sông và dọc bờ biển tiềm ẩn bệnh sốt rét là những thị trấn được hình thành phục vụ cho hoạt động thương mại...”

Những thứ quái quỷ gì thế này? Chúng hoàn toàn xa lạ với những gì cậu nhớ về quê nhà, về gia đình Patel và cuộc đời của họ trong cái hang thỏ nhà Patel, song khi mở tấm bản đồ, cậu vẫn tìm thấy Piphit. Nó nằm đó – như một nốt muối đốt bên cạnh dòng sông âm đạm.

Lòng đầy kinh ngạc, cậu đọc tiếp, về sự xuất hiện của những thủy thủ mắc bệnh scorbut, người Anh, người Pháp, người Hà Lan, người Bồ Đào Nha. Cà chua đã theo chân họ du nhập vào Ấn Độ, và cả hạt điều cũng vậy. Cậu đọc thấy Công ty Đông Ấn đã thuê lại Bombay với giá mười bảng một năm từ Charles II, người đã vợ được nó, một trái táo tàu tử bọ của hồi môn của ông ta trong cuộc hôn nhân với Catherine xứ Braganza; và cậu được biết rằng cho đến giữa thế kỷ mười chín món xúp giả rùa được chở bằng tàu qua kênh Suez cho những người chết thèm món đó giữa đất nước của gạo và xúp đậu. Một người Anh có thể ngồi giữa thiên nhiên nhiệt đới, mặt trời như

lòng đỏ trứng gà, ánh nắng chói chang xoáy vào tán cọ, nhăm nháp món cá trích Yarmouth, sò huyết Breton. Những điều ấy hoàn toàn mới mẻ đối với cậu và cậu bỗng thấy thèm muốn cái đất nước vốn đã là của mình.

Đến giữa buổi sáng, cậu rời sách đứng lên, vào nhà vệ sinh đón nhận cực hình của quá trình tiêu hóa, nơi cậu ngồi căng thẳng trên bồn cầu, cố gắng trong đau đớn và dai dẳng. Khi nghe bên ngoài loẹt quẹt tiếng chân của những người đang chờ đến lượt, cậu thọc một ngón tay vào hậu môn và moi ra, cho một tràng những viên thức ăn cho dê tích tụ lâu ngày rơi lộp bộp xuống. Bên ngoài họ có nghe thấy cậu không? Cậu cố bắt chúng lại trước khi chúng lao xuống nước. Ngón tay dính đầy phân và máu, cậu rửa đi rửa lại hai bàn tay, nhưng cái mùi vẫn còn đó, lờn vờn bám theo cậu suốt buổi học. Càng về sau, Jemubhai càng học miệt mài hơn. Cậu lên lịch đọc, ghi ra từng cuốn, từng chương sách theo một biểu đồ kỹ lưỡng. *Luật Tài sản* của Topham, Aristotle, *Thủ tục Tố tụng Hình sự Ấn Độ*, *Luật Hình sự* và *Đạo luật về Bằng chứng*.

Trở về căn phòng thuê, cậu tiếp tục làm việc đến tận khuya, vẫn bị mùi phân dai dẳng đeo đuổi, đổ từ trên ghế xuống giường, hã hừng tỉnh giấc sau vài tiếng, lại bò lên ghế ngồi. Cậu học mười tám tiếng một ngày, hơn một trăm tiếng một tuần, đôi lúc dừng tay cho con chó của bà chủ nhà ăn khi nó xin một phần bữa tối bánh nhân thịt, nước dãi nhỏ lên lòng cậu, một chân cứ cào mãi lên đầu gối cậu không thôi và làm hồng hót nếp chiếc quần nhung kẻ. Đây là tình bạn đầu tiên của cậu với một con vật, vì ở Piphit người ta không tìm hiểu và khuyến khích cá tính ở động vật. Ba đêm trước kỳ Chung Khảo, cậu không hề chớp mắt, đọc bài thành tiếng, đi tới đi lui theo nhịp và đọc đi đọc lại.

Cuộc viễn du một khi đã bắt đầu, sẽ không có hồi kết thúc. Ký ức về hành trình trên biển lấp lánh trong từng con chữ. Náu mình bên dưới và ngoài trang sách, những con quái vật trong tiềm thức cậu rình rập, chờ cơ hội để ngoi lên, chứng minh sự hiện hữu của mình; và cậu tự hỏi có bao giờ mình mơ thấy sức mạnh chôn vùi tất cả ấy của đại dương không, trước cái lần đầu tiên cậu nhìn thấy biển.

Bà chủ nhà đem bữa tối lên đặt trước của phòng. Một bữa tiệc thực sự: bốn cây xúc xích sinh tử đẹp giai mỡ màng, tự tin, bóng bẩy, reo vang đầy sức sống. Cái thời thức ăn tự hát trên truyền hình để quảng cáo cho mình đã đến rồi.

“Đừng làm việc quá sức nhé.”

“Ai cũng phải vậy thôi, bà Rice ạ.”

Cậu đã học được cách nường nấu trong ngôi thứ ba và giữ khoảng cách với mọi người, thậm chí giữ khoảng cách với chính bản thân mình như Nữ hoàng vậy.

Kỳ thi Tuyển dụng Mở, tháng Sáu năm 1942

Cậu ngồi đối diện một hàng mười hai giám khảo và câu hỏi đầu tiên là của một giáo sư trường Đại học London – Cậu có thể trình bày nguyên lý làm việc của tàu hỏa hơi nước được không?

Đầu óc Jemubhai trống rỗng.

“Cậu không quan tâm đến tàu hỏa à?” Riêng ông ra có vẻ thất vọng.

“Một lĩnh vực lý thú, thưa ngài, nhưng ai đã quá bận bịu với các môn học có trong danh sách thì khó mà có thời gian tìm hiểu.”

“Cậu không có khái niệm gì về nguyên lý của tàu hỏa sao?”

Jemu căng óc ra hết mức – cái gì cấp năng lượng cho cái gì? – nhưng đã bao giờ cậu được nhìn vào bên trong đầu máy xe lửa đâu.

“Không, thưa ngài.”

Nếu vậy, cậu có thể trình bày về tục an táng của người Trung Quốc cổ đại chứ.

Cậu cùng quê với Gandhi. Thế phong trào bất hợp tác ra sao? Cậu nghĩ thế nào về đảng Quốc đại?

Căn phòng im lặng. DỪNG HÀNG ANH – Jemubhai đã thay những biểu ngữ như thế ngày cậu đặt chân lên đất Anh, cậu nghĩ thầm nếu cậu hét

lên DÙNG HÀNG ẤN giữa đường giữa chợ ở Ấn Độ, hãn cậu đã bị tổng vào tù. Trở lại hồi những năm 1930, khi Jemubhai còn bé, Gandhi đã hành hương từ đạo tràng Sabarmati tới Dandi, nơi ông thực hiện nghi thức thu hoạch muối trước cửa biển để tỏ thái độ phản kháng chính quyền.

“...Việc làm đó rồi sẽ đưa ông ta tới đâu? Hừm! Có thể ông ấy đặt tim mình đứng chỗ đấy nhưng óc thì hãn đã rớt khỏi đầu” – Cha Jemu nói vậy, mặc dù người ủng hộ Gandhi chận ních các nhà tù. Trên tàu SS *Strathnaver*, bụi sóng hắt lên người Jemubhai khô lại thành những vệt muối mặn chát trên mặt và tay cậu... Đánh thuế muối *quá* là vô lý...

“Nếu ai không tận tụy với chính quyền đương nhiệm, thưa ngài, thì người dò đã không có mặt ở đây ngày hôm nay.”

Cuối cùng, ai là nhà văn yêu thích của cậu?

Một chút lo lắng, vì cậu chẳng thích ai, cậu trả lời nếu ai đó thích một nhà văn thì đấy là Ngài Walter Scott.

“Cậu đọc những gì rồi?”

“Tất cả các tác phẩm đã ấn hành, thưa ngài.”

“Cậu có thể đọc một trong những bài thơ mình yêu thích được không?” một giáo sư nhân chủng xã hội học hỏi.

Kìa chàng Lochinvar, phóng ngựa trời Tây tới

Không tuấn mã nào bằng, khắp một vùng Biên giới

Trước khi tham dự kỳ thi của ICS, hầu hết các thí sinh đều trau chuốt kỹ năng diễn thuyết, nhưng Jemubhai hiếm khi mở miệng nói gì đã nhiều năm, tiếng Anh của cậu vẫn còn nguyên giọng điệu và lối nói của dân vùng Gujarat.

Trước cổng Netherby, đây rồi chàng xuống ngựa

*Tân nương đã nhận lời, người anh hùng đến muộn
Gã hèn trước trận tiền, kẻ sau trong tình cảm
Cưới Ellen yêu kiều, của chàng trai can đảm...*

Khi ngẩng lên, cậu thấy bọn họ đang cố nín cười.

*Khi mẹ nàng buồn phiền, còn cha nàng giận dữ
Chú rể đứng thần thờ, đung đưa ngù lông mũ...*

Ông tòa rùng mình. “Đồ ngu,” ông hét lên, đẩy ghế ra sau, đứng dậy, buông dao đĩa xuống trong nỗi oán giận cùng cực với chính mình và rời khỏi bàn ăn. Sự mạnh mẽ trong ông, cái tinh thần sắt đá ấy, đang suy yếu. Ký ức ông dường như bừng tỉnh trước những điều nhỏ nhặt nhất – vẻ lúng túng của Gyan, việc anh đọc bài thơ kỳ cục ấy... Sớm muộn tất cả những gì ông đã cố cô lập sẽ trở nên mềm yếu và vây bọc ông trong những cơn ác mộng, và cuối cùng hàng rào ngăn cách kiếp sống này và cõi vĩnh hằng, không nghi ngờ gì nữa, sẽ lại là một công trình thất bại khác mà thôi.

Mutt theo ông về phòng. Trong khi ông bần thần ngồi đó, nó nép vào lòng ông, dịu dàng như trẻ con nép vào lòng cha mẹ.

“Em xin lỗi,” Sai nói, mặt nàng nóng bừng lên vì xấu hổ. “Ông ngoại em xử sự thất thường lắm, khó mà biết trước được.”

Dường như Gyan không nghe thấy lời nàng.

“Xin lỗi,” Sai nhắc lại, lòng đầy hổ thẹn, nhưng có vẻ anh vẫn không nghe thấy. Lần đầu tiên ánh mắt anh nhìn thẳng vào nàng như thể đang ăn tươi nuốt sống nàng trong cơn khoái cảm của trí tưởng tượng – aha! Thế là đã rõ.

Người đầu bếp dọn bát đĩa bẩn đi và cất một phần tư bát đậu thừa vào trong chạn. Cái chạn trông như cái chuồng gà, lưới sắt quấn quanh khung gỗ và bốn chân kê lên bát nước để ngăn kiến và sâu bọ. Bác đổ đầy bốn bát bằng nước lấy từ một trong mấy cái xô đặt dưới chỗ dột, đổ những xô còn lại qua cửa sổ, rồi trả chúng về vị trí được chỉ định của mình.

Bác dọn giường trong một căn phòng trống, căn phòng thật ra đầy rác nhưng có một chiếc giường ở chính giữa, rồi bác cắm mấy ngọn nến trắng lên đĩa để Sai và Gyan mang về phòng mình. “Giường của cậu đã sẵn sàng rồi, thưa *masterji*,” bác nói và khịt mũi:

Không khí trong phòng hình như có gì kỳ lạ?

Nhưng Sai và Gyan dường như đã trở lại đắm chìm trong những trang báo, và bác lẫn lộn giữa niềm mong ngóng đang chín mùi của họ với của chính mình, vì sáng nay hai lá thư của Biju vừa về tới. Chúng đang nằm dưới một vỏ hộp cá ngừ đặt bên giường bác, để dành đến cuối ngày, và bác đã nhăm nháp ý nghĩ về chúng suốt tối. Bác xắn quần và rời nhà trên với một cái ô vì trời đã bắt đầu đổ mưa trở lại.

Trong phòng khách, ngồi bên chõng báo, lần đầu tiên Sai và Gyan bị bỏ lại một mình, một mình thật sự.

Mục công thức nấu ăn của Kiki De Costa: Những điều kỳ diệu với khoai tây. Bữa ăn đậm đà với thịt. Mòn mì với cơ man kiểu nước xốt và vô vàn loại pho mát.

Mẹo vặt làm đẹp của Fleur Hussein.

Cuộc thi người hói đẹp trai tại Câu lạc bộ Gymkhana ở Calcutta đã trao giải cho ông Sunshine, ông Moonshine và ông Will Shine.

Mắt vẫn cần mẫn đọc, nhưng suy nghĩ của họ chẳng liên quan gì đến những lĩnh vực ấy, và rốt cuộc Gyan, không chịu đựng nổi cái cảm giác căng thẳng ngọt ngào này hơn nữa, buông tờ báo xuống soạt một cái, dột ngọt quay sang phía nàng, và buột miệng:

“Em có thoa dầu lên tóc không?”

“Không,” nàng giật mình đáp. “Không bao giờ.”

Sau một tích tắc yên lặng, “Sao ạ?” nàng hỏi. Tóc nàng có gì không ổn chẳng?

“Tôi không nghe gì cả – tiếng mưa to quá,” anh nói, xích lại gần nàng. “Gì cơ?”

“Sao ạ?”

“Tóc em bóng quá, tôi cứ nghĩ chắc em thoa dầu.”

“Không.”

“Nhìn mượt ghê,” anh quan sát. “Em gội bằng dầu gội à?” “Vâng.”

“Loại nào thế?”

“Sunsilk.”

Ôi, sự thân mật quá sức chịu đựng của những nhãn hiệu, sự liều lĩnh trong từng câu hỏi.

“Thế còn xà phòng?”

“Lux.”

“Bí quyết làm đẹp của các ngôi sao thế giới?”

Nhưng cả hai đều sợ chẳng dám cười.

Lại im lặng.

“Còn anh?”

“Nhà có gì tôi dùng nấy. Con trai mà, quan trọng gì đâu.” Anh không dám thú nhận rằng mẹ anh mua loại xà phòng nâu gia công bày bán từng cục vuông to ngoài chợ, được người ta cắt khúc và bán rẻ.

Những câu hỏi ngày càng sống sượng hơn: “Cho tôi xem tay em được không. Tay em nhỏ quá.”

“Thật ạ?”

“Ừ.” Anh chìa tay ra đặt cạnh tay nàng. “Thấy không.”

Những ngón tay. Những móng tay.

“*Hmm*. Ngón tay em thon quá. Móng tay nhỏ nữa. Mà em cần móng tay kìa.”

Anh nâng tay nàng trong tay mình.

“Nhẹ như bông. Chắc tại em nhỏ xương.”

Những lời lẽ hướng tới một điều mơ hồ nào đó của anh đều có chủ đích, kết quả của sự cân nhắc từ trước, một niềm vui sướng gieo xuống lòng nàng khi nàng nhận ra điều đó.

Những con bọ dừa mùa mưa đủ sắc màu bay qua bay lại. Từ mỗi lỗ thủng trên sàn mộc ra một con chuột y như đo ni đóng giày, chuột nhỏ từ lỗ nhỏ, chuột to từ lỗ to, và mỗi đùn lên từ đồ đạc trong nhà nhiều đến nỗi khi nhìn vào, tất thảy đồ đạc, sàn nhà, trần nhà đều như đang nghiêng ngả.

Nhưng Gyan không hề để ý thấy chúng. Ánh mắt anh cũng là một con chuột; nó biến mất vào cổ tay áo màu hoa cà trên tấm áo kimono của Sai và tìm thấy khuỷu tay nàng.

“Nhọn ghê,” anh bình phẩm. “Em làm đau người ta được đấy.”

Họ đo hết tay rồi lại đến chân. Vừa thấy chân nàng...

“Để xem nào.”

Anh cởi giày ra, rồi đến đôi tất mòn xơ sợi tức thì khiến anh xấu hổ, vo viên nhét vào trong túi. Họ ngắm nghía những ngón chân nhỏ nhắn năm lỏa thể bên nhau trong cảnh tranh tối tranh sáng.

Anh nhận ra đôi mắt nàng quyến rũ đến lạ kỳ: to, ướt rượt, chứa chan xúc cảm, hấp thu hết ánh sáng của căn phòng.

Nhưng anh không dám đề cập đến chúng; dễ dàng hơn cả là tiếp tục với điều gì ít làm anh xao xuyến hơn, bằng một cách tiếp cận đậm chất khoa học hơn.

Anh úp lòng bàn tay mình lên đầu nàng...

“Đầu em phẳng hay cong nhỉ?”

Bằng một ngón tay run rẩy, anh liều lĩnh chạm vào một vòm mi...

Ôi, chính anh cũng không tin nổi lòng dũng cảm của mình; nó thôi thúc anh và phớt lờ nỗi sợ hãi đang vẫy gọi anh trở lại; anh can đảm bất chấp cả bản thân mình. Ngón tay anh lướt xuống mũi nàng.

Tiếng nước chảy vang khắp bốn bề: đầy đặn nơi cửa sổ, lộp bộp trên mái tôn và lá chuối, mỏng hơn và hỗn loạn hơn trên lớp đá hành lang, một âm thanh ùng ục sâu trong cổ họng ở rãnh nước bao quanh ngôi nhà như một chiến hào. Cò tiếng *ghora* hồi hả và tiếng con nước đang chết đuối giữa dòng nước ấy, tiếng ống máng ồng ộc chảy vào thùng nước, thùng nước trào ra, tiếng nhóp nhép khe khẽ của lớp rêu.

Sự bất lực của ngôn từ đang tích tụ lại sẽ khiến những cử chỉ thân mật khác dễ dàng hơn.

Khi ngón tay anh đang chớm rời chóp mũi Sai tìm đến bờ môi cong tuyệt mỹ của nàng...

Nàng nhảy dựng lên.

“Ôôiii,” nàng hét lên.

Anh tưởng rằng có chuột.

Không phải. Nàng đã quen với chuột rồi.

“Ui,” nàng nói. Nàng không thể chịu đựng thêm một giây phút nào nữa, cái cảm giác tê tê khi ngón tay ai lướt đi trên da thịt, cái mầm non yêu đương đang đâm chồi nảy lộc này. Vụng về lấy tay chùi mặt, nàng xốc lại tấm kimono, như để rũ bỏ cảm giác ôn nhu đến run người này khỏi buổi tối hôm nay.

“Ừm, chúc anh ngủ ngon,” nàng nghiêm nghị nói, trước sự ngạc nhiên của Gyan. Bước từng bước theo một đường thẳng bằng sự cẩn thận của

người say, nàng đi về phía cửa, ra tới ô cửa hình chữ nhật, và biến mất vào bóng tối đầy bao dung với ánh mắt ai oán của Gyan dõi theo nàng.

Nàng không trở lại.

Nhưng lũ chuột thì có. Sự ngoan cố của chúng mới kỳ lạ làm sao – ta cứ ngỡ trái tim mong manh của chúng sẽ vỡ tan, nhưng sự nhút nhát của chúng đã thành ra mê muội; nỗi sợ hãi của chúng đã không còn ký ức.

Giữa chiếc giường chùng như vồng đặt trên những lò xo gãy, lỗ thủng tứ tung, ông tòa nằm chết gí dưới những lần chần hôi mùi mốc. Đồ lót của ông vắt trên chóp đèn cho khô, còn đồng hồ đặt dưới chân đèn để hơi nước dưới mặt kính tan đi – một tình trạng đáng buồn cho một con người văn minh. Không khí gai gai như châm kim vì hơi nước tạo ra cảm giác như ở trong nhà cũng đang mưa, nhưng không gian không vì thế mà trở nên tươi mát. Nó trĩu nặng, đậm đặc đến nghẹt thở, một hỗn hợp dậy mùi men của nấm và bào tử, khói bếp và cứt chuột, dầu hỏa và sương giá. Ông rời khỏi giường để tìm một đôi tất và một cái mũ len trùm đầu. Khi đang đi tất đội mũ, ông nhìn thấy cái bóng không lẫn đi đâu được của một con bọ cạp, nổi bật trên bức tường xám xịt, bèn ròn rén tiến lại với một cái ví đập ruồi, nhưng nó cảm nhận được sự xuất hiện của ông, lông xù lên, đuôi dựng đứng, và nó bắt đầu chạy. Nó biến mất vào một kẽ hở giữa chân tường và ván sàn. “Chết tiệt!” ông thốt lên. Hàm răng giả ranh mãnh liếc nhìn ông với một cái cười thây ma toé toét từ trong bình nước. Ông lục tìm một viên Calmpose và uống kèm một ngụm nước trên miệng bình, lạnh ghê gớm, lúc nào cũng lạnh – nước ở Kalimpong lấy thẳng từ tuyết trên dãy Himalaya – nó biến lợi ông thành một cơn đau tê tái. “Ngủ ngon nhé, lờn cừu yêu dấu của ta,” ông nói với Mutt khi đã ngọ nguậy được lười mình trở lại. Con chó đã mơ màng, nhưng than ôi sự yếu đuối của một người già, đến viên thuốc cũng không xua đuổi nổi những suy nghĩ khó chịu sống ra trong bữa tối về lại cái lỗ của chúng.

Khi kết quả kỳ thi vấn đáp đã được công bố, cậu biết rằng bài thi của mình được một trăm trên ba trăm điểm, mức điểm chuẩn thấp nhất. Phần thi viết đã nâng điểm của cậu lên và cậu xếp thứ bốn mươi tám, nhưng chỉ bốn mươi hai người đỗ đầu được tuyển dụng vào ICS. Run bần bật, cơ hồ ngất xỉu, cậu sắp sửa lúi thủi ra về thì một người đàn ông xuất hiện với một thông báo bổ sung: một danh sách mới đã được hình thành để phù hợp với nỗ lực Ấn Độ hóa ngạch công chức. Đám đông sinh viên đổ xô về phía trước, và trong cơn nghiêng ngả ấy, mắt cậu bắt gặp tên mình, Jemubhai Popatlal Patel, ở tận cùng trang giấy.

Không hề nhìn ngang nhìn ngửa, thành viên mới nhất và thực chất không được chào đón của hàng ngũ tinh tú hai tay ôm ngực chạy về nhà và lao thẳng lên giường, vẫn mặc nguyên quần áo, kể cả giày, và khóc ướt đăm cả gối. Nước mắt phủ kín má cậu, chảy vòng quanh mũi cậu, chảy xuống cổ cậu, và cậu thấy thần kinh mình bị trêu chọc giày vò không sao kiềm chế nổi. Cậu nằm đó khóc suốt ba ngày ba đêm.

“James,” có tiếng bà chủ lạch cạch ngoài cửa. “Cậu có sao không?”

“Chỉ mệt thôi. Không cò gì đáng lo đâu ạ.”

“James?”

“Bà Rice,” cậu nói. “Có người đỗ rồi. Có người tốt cuộc đã vượt qua rồi.”

“Thế thì mừng cho cậu, James,” bà nói, vẻ độ lượng, và tự nhủ rằng mình mừng thật. Thế giới này mới cấp tiến, mạnh bạo và dũng cảm làm sao. Nó luôn khiến bà kinh ngạc.

Không đứng đầu, không đứng thứ hai. Nhưng đỗ rồi. Cậu gửi điện về nhà.

“Kết quả bất khả tư nghì.”

“Thế,” ai nấy hỏi nhau, “là thế nào?” Tình hình có vẻ không ổn, vì những chữ có “bất khả” thường mang nghĩa tiêu cực, những ai tương đối thông thạo tiếng Anh đều nhất trí như vậy. Nhưng rồi, cha Jemubhai tham

khảo viên phó chánh án và tất cả vỡ òa ra vì sung sướng, cha cậu biến thành một ông vua đang thiết triều, trong khi xóm giềng, bạn bè thân thuộc, cả người không quen biết, đều rờn rợn tạt qua ăn kẹo ngậm xirô và nói lời chúc mừng bằng một giọng sặc mùi ghen tị.

Không lâu sau khi kết quả được niêm yết, Jemubhai và chiếc thùng có dòng chữ “Ông J. P. Patel, SS *Strathnaver*” lên một chiếc taxi thuê rời ngôi nhà trên đường Thornton và vòng lại để vẫy chào tạm biệt con chó có hình bóng mồn bánh nhân thịt trong mắt. Nó đứng nhìn cậu từ ô cửa sổ và Jemu bỗng thấy nổi lòng tan nát ngày rời Piphit đang vọng về trong cậu.

Jemubhai, trước giờ vẫn sống với mười bảng một tháng, giờ được bộ trưởng phụ trách Ấn Độ trả ba trăm bảng một năm trong hai năm tập sự. Cậu tìm được những chỗ ở thơm tắt hơn mà giờ cậu đã có đủ khả năng chi trả, gần trường đại Học hơn.

Ngôi nhà trọ mới có mấy căn phòng cho thuê, và ở đây, giữa những khách trọ khác, cậu sắp tìm thấy người bạn duy nhất của mình ở Anh: Bose.

Áo quần họ thiếu thốn giống nhau, phòng họ trống trơn trơ trọi giống nhau, mấy chiếc rương của con nhà nghèo cũng giống nhau. Họ trao đổi một cái nhìn nhận biết nhau ngay từ lần đầu gặp mặt, nhưng cũng là sự cam đoan sẽ không bóc trần bí mật của người kia, ngay cả giữa họ với nhau.

Tuy nhiên, Bose có một điểm khác biệt cốt yếu so với ông tòa. Cậu là một người lạc quan. Giờ đây chỉ có một con đường để đi, và đó là tiến về phía trước. “Dzôô, nhất trí, quá ổn, hơi bị ngon, keng cái nhĩ, không mà, phê chưa, trăm phần trăm, thế đấy!” cậu hay nói vậy. Họ cùng nhau vụng về chèo thuyền trên dòng sông phủ vầng băng xuôi xuống Grantchester và uống trà giữa bầu ong say mật theo đúng kiểu người ta vẫn làm, tận hưởng cuộc sống (nhưng không thực sự) khi lũ ong nặng nề đang bay bổng rơi vào lòng họ và kêu vo ve như yếu pin.

Họ gặp may hơn ở London, nơi họ xem đôi gác trước điện Buckingham, né tránh những sinh viên Ấn Độ ở Veeraswamy's, đổi sang ăn

bánh nhân thịt với khoai tây nghiền, và trên tàu về nhà họ nhất trí rằng Quảng trường Trafalgar không đạt tiêu chuẩn vệ sinh của Anh cho lắm – với cái đám bồ câu ị vung ị vãi ấy, một con trong số đó đã vẽ một vết ngoằn ngoèo màu nước sốt masala lên người Bose. Chính Bose đã khuyên Jemubhai nên mua đĩa nhạc gì cho chiếc máy hát mới của cậu: Caruso và Gigli. Cậu ta còn sửa cách phát âm cho cậu: *Jheele*, không phải *Giggly*. *Yorksher*. *Edinburrah*. *Jane Aae*, một từ phóng túng và lạc loài lang bạt như con gió trên cánh đồng thạch thảo của Brönte, không để ai tìm thấy và níu bước; không phải là *Janc Aiyer* như kiểu dân Nam Ấn. Họ cùng nhau đọc *Giản yếu Lịch sử Nghệ thuật phương Tây*, *Giản yếu Lịch sử Triết học*, *Giản yếu Lịch sử Pháp*, vân vân... nguyên một bộ sách. Một tập tiểu luận về cách cấu trúc một bài sonnet và các biến thể của nó. Một cuốn sách về đồ sứ và thủy tinh: Waterford, Salviati, Spode, Meissen và Limoges. Họ khám phá bánh nướng, bánh quy, mứt và hoa quả ngâm.

Vậy là cuối cùng cậu đã báo thù được cái bố rồi thuở ban đầu, cái lúng túng bọc dưới lớp vỏ người ta gọi là “theo kịp chuẩn mực”, cái thổ âm giấu dưới chiếc mặt nạ câm lặng. Cậu nhận ra người ta bắt đầu nhằm mình là một người cậu không phải – một con người tôn quý. Cái vị thế ngẫu nhiên này trở nên quan trọng hơn tất cả. Cậu ghen tị người Anh. Cậu ghê tởm người Ấn. Cậu nỗ lực làm người Anh bằng nhiệt huyết của lòng căm ghét, và chính vì cái mà cậu sắp trở thành, cậu sẽ bị hết thảy mọi người khinh rẻ, cả người Anh lẫn người Ấn.

Đến cuối kỳ tập sự, ông tòa và Bose ký cam kết phục vụ, thề tận tụy với Hoàng thượng và ngài toàn quyền, thu thập tài liệu cung cấp thông tin cập nhật về vết rạn nứt, lều trại, nhận danh sách những đồ dùng họ cần mua: quần lửng, ủng đi ngựa, vợt tennis, súng cỡ mười hai. Điều này khiến họ có cảm tưởng như mình sắp dẫn thân vào một chuyến thám hiểm quy mô của Hướng đạo sinh.

Trên boong tàu *Strathnaver* trên đường về nước, cậu nhắm nháp nước thịt bò hầm và đọc cuốn *Làm thế nào để nói tiếng Hindustan*, vì cậu được bổ nhiệm tới một nơi trên đất Ấn Độ và cậu không nói được thổ ngữ vùng này.

Cậu ngồi một mình vì vẫn thấy lúng túng khi có sự hiện diện của người Anh.

Cô cháu gái đi qua cửa phòng ông, bước vào nhà tắm, và ông nghe thấy tiếng rít ma quái của nửa nước – nửa không khí chảy ra từ vòi nước.

Hứng được tí nào vào xô, Sai bèn đem rửa chân, nhưng nàng quên rửa mặt, tha thẩn quay ra, nhớ ra mặt, trở vào và tự hỏi vì sao, nhớ ra răng, bỏ bàn chải vào túi, lại quay ra, nhớ ra mặt và răng, lại trở vào, rửa chân lần nữa, lại quay ra...

Đi tới đi lui, cắn móng tay...

Nàng vẫn tự hào mình có thể đối mặt với tất cả...

Tất cả, trừ sự dịu dàng.

Nàng rửa mặt chưa nhi? Nàng quay vào nhà tắm và rửa chân lần nữa.

Người đầu bếp ngồi đó với lá thư trước mặt, chỉ còn lại một biển sóng mực xanh loang lổ trên trang giấy, còn chữ nghĩa đã nhòa đi hết cả, một điều vẫn thường xảy ra trong mùa gió.

Bác mở lá thư thứ hai chỉ để thấy một sự thật giản đơn được lặp lại lần nữa: có cả một đại dương đứng nghĩa ngán cách bác và đứa con trai. Và rồi, một lần nữa bác trút gánh nặng niềm hy vọng của hôm nay sang tới ngày mai và leo lên giường, vùi đầu vào chiếc gối – bác vừa mới thay bông – và cứ ngỡ sự mềm mại của nó là cảm giác bình yên.

Trong căn phòng trống, Gyan đang tự hỏi mình đã làm gì – điều anh đã làm là đúng hay sai, sự dũng cảm nào đã nhập vào trái tim khờ dại của anh và cảm dỗ anh vượt qua những ràng buộc của khuôn phép? Là chút rượu rum anh uống là những món lạ anh ăn. Điều đó không thể nào xảy ra, nhưng khó tin thay, lại là sự thật. Anh thấy sợ hãi xen lẫn chút tự hào “*Ai yai yai ai yai yai,*” anh thốt lên với chính mình

Cả bốn người đều nằm thao thức, trong khi ngoài trời mưa giăng gió giạt, cây cối thở than rền rĩ, và ánh chớp trơ trẽn mở khóa quần bầu trời trên nóc Cho Oyu.

mười chín

“*Biju! Ê này.*” Là Saeed Saeed, ăn mặc thật kỳ cục trong bộ pijama *kurta* trắng, kính râm, lắc vàng và giày khủng bố, những lọn tóc tết buộc thành đuôi ngựa. Anh đã rời khỏi Cộng hòa Cũ chuỗi. “Lão chủ tớ, tớ thề là lão ấy cứ bóp hông tớ. Dù sao,” anh tiếp, “tớ lấy vợ rồi.”

“Anh lấy vợ rồi á?!”

“Chứ sao.”

“Anh lấy ai???”

“Toys.”

“*Toys?*”

“Toys.”

“Thì tự nhiên họ hỏi thẻ xanh của tớ, bảo hồi tớ xin vào làm họ quên không kiểm tra, tớ mới bảo cô ấy, “Em có bằng lòng lấy anh vì giấy tờ không?”

“Bông tuyết,” họ đều bảo thế, ở nhà hàng nơi họ làm việc, anh ở dưới bếp, cô là bồi bàn. “Cô nàng là một bông tuyết.”

Bông tuyết dịu êm. Trái tim yếu mềm. Cô đến tòa thị chính cùng Saeed – thuê lễ phục, váy cưới – nói “Con đồng ý,” dưới màu đỏ trắng và xanh.

Bây giờ họ đang luyện tập chuẩn bị cho buổi phỏng vấn của INS:

“Chồng chị dùng đồ lót loại nào, vợ anh thích kem đánh răng hiệu gì?”

Nếu nghi ngờ, họ sẽ cách ly hai người ra, chồng một phòng, vợ một phòng, vẫn hỏi những câu đấy, tìm cách lật tẩy anh. Có người bảo họ còn cử mật thám đi xác minh; người khác lại bảo không – INS không thừa thời gian tiền bạc thế.

“Thế ai là người mua giấy vệ sinh?”

“Tớ mua, bạn ạ, tớ mua, Softy, mà cậu phải thấy cô ấy dùng *nhiều* thế nào cơ. Cứ hai ngày tớ lại phải ra Rite Aid một lần.”

“Thế bố mẹ cô ấy cũng chịu à?” Biju hỏi, vẻ ngờ vực.

“Nhưng họ KHOÁI tớ! Mẹ nàng, bà cụ KHOÁI tớ, bà cụ KHOÁI tớ.”

Anh tới thăm họ và gặp một gia đình dân hippy xứ Vermont tóc dài, ăn bánh mì pita phết tỏi và sốt cà tím. Họ thương hại ai không ăn thứ thực phẩm màu nâu, do hợp tác xã sản xuất, không dùng hòa chất, bán mới và chưa qua chế biến¹³. Saeed, vốn chuộng thực phẩm cơ bản màu trắng – gạo trắng, bánh mì trắng, đường trắng – dành nhập hội với con chó của gia đình, cũng rẻ rúng mồn bánh kẹp gừng bòn, xúp tầm ma, sữa đậu nành giống anh, và với Tofutti – “Cô nàng nghiện đồ ăn nhanh!” – trên băng sau chiếc xe bảy sắc cầu vồng của Bà nội rì rì chạy xuống quán Burgern Bun. Và họ đứng đó, Saeed và Buckeroo Bonzai, hai chiếc Bánh Kẹp Bé Bự lòi ra từ hai cái miệng cười toe toét, trong bức ảnh chụp cho cuốn album của INS. Anh đưa Biju xem bức ảnh cất trong chiếc cặp tậu riêng để đựng giấy tờ quan trọng.

“Em thích mấy bức hình này lắm,” Biju cam đoan với anh.

Có cả hình Saeed và gia đình ở liên hoan kịch Bread & Puppet, làm dáng bên cạnh con rối hình gã đại lý bảo hiểm gian ác; hình Saeed tham quan nhà máy pho mát Grafton; hình Saeed đứng cạnh đồng phân hữu cơ, tay ôm Bà nội không mặc áo ngực dưới lớp váy dài mùa hè, lông nách màu muối tiêu chĩa ra tứ tung.

Ôi, Mỹ quốc, một đất nước diệu kỳ. Một đất nước diệu kỳ. Người dân ở đây đáng mến nhất trần gian. Anh càng kể với họ về gia đình mình ở Zanzibar, về giấy tờ giả của anh, về chuyện anh có một hộ chiếu tên Saeed Saeed và một tên Zulfikar – họ càng khoái chí hơn. Thức đến khuya dưới trời đêm kỳ dị xứ Vermont, những vì sao nổi nhau sa xuống làm anh phân chân. Cần phá hoại gì chính quyền Mỹ – họ sẽ nhiệt tình giúp đỡ.

Bà nội viết một lá thư cho INS cam đoan rằng Zulfikar xứ Zanzibar là một thành viên mới được hoan nghênh – không, còn hơn thế – được yêu mến, của gia tộc lâu đời William *Mayflower*.

Anh vỗ lưng Biju. “Gặp nhau sau nhé,” anh nói rồi bỏ đi để tập hôn chuẩn bị cho buổi phỏng vấn. “Phải làm cho giống thật, không thì họ sẽ nghi ngờ.”

Biju lại đi tiếp, thử mỉm cười với các nữ công dân Mỹ. “Hi. Hi.” Nhưng chẳng mấy người buồn nhìn cậu.

Người đầu bếp trở lại bưu điện. “Các anh để thư ướt hết cả. Chẳng chú ý gì sất.”

“*Babaji*, bác nhìn trời xem, chúng tôi làm sao giữ thư từ khô được? Với sức người chuyện đó là không thể, lúc chuyển từ xe vào nhà là chúng đã bị ướt rồi.”

Hôm sau: “Thư đến chưa?”

“Chưa, chưa, tắc đường mà. Hôm nay chả có gì đâu. Có thể đến chiều đường sẽ thông. Bác quay lại sau nhé.”

Lola đang vật vã cố gọi điện từ buồng điện thoại STD, vì hôm nay là sinh nhật của Pixie. “Anh nói hồng là hồng thế nào, hồng cả tuần nay rồi còn gì!”

“Cả tháng nay rồi ấy chứ,” một thanh niên cũng đang gọi điện đính chính, nhưng anh có vẻ cam chịu. “Mất tín hiệu vi ba rồi,” anh giải thích.

“Hà?”

“Tín hiệu vi ba.” Anh quay sang mấy người trong phòng tìm sự đồng tình. “Đúng rồi,” họ đáp và gật đầu; ai nấy đều là nam thanh nữ tú của tương lai. Anh ta quay lại. “Phải, vệ tinh trên trời ấy,” anh trỏ tay ra hiệu, “hông rồi.” Rồi anh chỉ cái sàn nhà tồi tàn, nền bê tông xám xịt dính đầy thứ bùn đất địa phương.

Không có cách nào gọi điện, không có cách nào để thư từ tới nơi. Lola và người đầu bếp gặp nhau, than thở một hồi, rồi bác chán nản đi tiếp ra hàng thịt còn bà đi mua mấy bình xịt Baygon và vỉ ruồi để giải quyết lũ côn trùng. Mỗi ngày của mùa sinh sôi nảy nở này lại có vô số linh hồn bé mọn kết thúc cuộc đời vắn số của mình vì thuốc độc của Lola. Muỗi, kiến, mối, cuốn chiếu, rết, nhện, mọt, bọ cánh cứng, ừ, thì đã sao? Mỗi ngày cả ngàn con khác lại ra đời... Nguyên cả những quốc gia ngang nhiên xuất hiện chỉ sau một đêm.

hai mươi

Gyan và Sai. Mỗi lúc ngớt mưa, họ lại ngồi đo tai, vai và bề rộng lồng ngực của nhau.

Xương đòn, lông mi, cằm.

Đầu gối, gót chân, mu bàn chân.

Sự mềm dẻo của ngón tay và ngón chân.

Xương gò má, cổ, bắp tay, những phức hợp nhỏ bé của các khớp xương.

Màu tím và xanh của những mạch máu.

Tiết mục bằng lưỡi độc đáo nhất thế giới: Sai, nhờ được cô bạn Arlene ở tu viện hướng dẫn, có thể chạm đầu lưỡi vào mũi mình và biểu diễn cho Gyan xem.

Anh biết ngộ nguậy lông mày, làm đầu mình trượt khỏi cổ và trôi qua trôi lại như một vũ công Bharat Natyam, và anh có thể trồng cây chuối bằng đầu.

Thình thoảng nàng nghĩ đến những quan sát tinh tế nàng phát hiện ra từ những lần khám phá bản thân mình trước gương mà Gyan đã bỏ sót vì sự mới mẻ trong hoàn cảnh giữa hai người họ. Nàng tự biết, hẳn thường một người đàn bà là chuyện cần phải học, và nàng e rằng Gyan không hoàn toàn nhận thức được mình may mắn nhường nào.

Thùy tai mịn màng lông tơ như lá yên thảo, chất liệu mượt mà của mái tóc, làn da trong veo nơi mặt trong cổ tay...

Lần sau anh đến, nàng lưu ý anh những gì anh bỏ sót, phô bày mái tóc mình với sự sốt sắng của một người buôn khăn trùm đầu: “Thấy chưa. Giống lụa không?”

“Y như lụa thật,” anh công nhận.

Nàng giới thiệu đôi tai mình như hai vật phẩm lấy dưới quây ra đem đặt trước mặt một ông khách sành sỏi trong một gian hàng bán kỳ trân dị bảo của thị trấn, nhưng khi toan dùng mắt mình để kiểm nghiệm chiều sâu của mắt nàng, anh mới biết ánh mắt ấy trơn tuột khó nắm bắt quá chừng; anh nhặt lên và đánh rơi, nhặt lên lần nữa, đánh rơi lần nữa, tới khi nó trôi tuột ra và trốn mất.

Cứ như thế họ chơi trò ve vãn, xích lại, lảng ra, trêu ghẹo, trốn chạy – ngọt ngào thay khi giả vờ học hành tử tế, huyền diệu thay khi điều đó ngốn sạch thời gian. Nhưng khi đã bỏ lại sau lưng những tài sản dễ phô bày và mau cạn kiệt, phần cơ thể chưa khám phá của nhau hứa hẹn tiềm ẩn những gì tinh túy nhất, và lại một lần nữa tình thế bị đẩy lên tới đỉnh điểm của sự quần bách như những ngày họ ngồi ép mình vào môn hình học.

Phía trên sống lưng.

Bụng và rốn...

“Hôn anh đi!” anh van nài.

“Không,” nàng nói, vừa sợ hãi, vừa háo hức.

Nàng sẽ giữ mình đòi chuộc.

Ôi, nhưng có bao giờ nàng chịu được sự hồi hộp đâu.

Cơn mưa bụi dụi êm rơi trên mái tôn như thay cho lời nói...

Từng tích tắc chính xác trôi đi, và rốt cuộc nàng chịu không nổi nữa – nàng nhắm mắt lại và cảm nhận môi anh sợ sệt đo môi nàng, cổ khớp hình dáng của chúng lại với nhau.

Chỉ sau một hai tuần thôi, cả hai đã trở tráo như ăn mỳ, luôn nài xin thêm nữa.

“Mùi?” Anh hôn lên đó.

“Mắt?” Mắt.

“Tai?” Tai.

“Má?” Má.

“Ngón tay?” Một, hai, ba, bốn, năm.

“Tay kia nữa.” Mười nụ hôn.

“Ngón chân?”

Họ chấp nối những ngón từ, thực thể, yêu thương để tìm lại tuổi thơ, để khẳng định sự vẹn nguyên, như cái thưở ban đầu...

Tay chân tim...

Mọi bộ phận của mình, họ trấn an nhau, vẫn còn nguyên vẹn đó.

Gyan hai mươi và Sai mười sáu, và hồi đầu họ không quan tâm lắm đến những sự kiện ở vùng đồi, những tấm áp phích mới ngoài chợ nhắc lại những bất mãn cũ, những khẩu hiệu xuất hiện trên tường những tòa nhà công quyền và các cửa hiệu. “Chúng ta là người dân mất nước,” trên đó viết. “Thà chết còn hơn sống đời nô lệ,” “Chúng ta bị bóc lột một cách hợp hiến. Trả lại đất đai ở Bengal cho chúng ta.” Xuống đến cuối đường, những lời kêu gọi vẫn kiên trì bám trụ và còn tăng lên theo cấp số nhân dọc đường kè chống lở đất, chen vai thích cánh giữa những khẩu hiệu “Muộn còn hơn không”, “Đã có gia đình đừng đùa với tốc độ”, “Uống whisky rất dễ đi”, lướt qua trước mắt khi ta lái xe về phía Teesta.

Lời kêu gọi ấy được lặp lại dọc đường đến khu doanh trại quân đội; bắt đầu mọc lên từ những vị trí kém nổi bật hơn; trên mấy tảng đá lớn ven đường mòn len lỏi dẫn vào dãy núi, trên mấy thân cây giữa những căn lều tranh vách đất, dăm túm ngô phơi dưới mái hiên, bên trên cờ phướn bay phấp phới, lộn ục ục trong chuồng phía sau nhà. Cứ thế leo thẳng lên trời, lên đến đỉnh đồi Ringkingpong thở không ra hơi, ta sẽ thấy chữ “GIẢI PHÓNG!” bò qua những đường ống nước. Thế nhưng cũng có một thời gian chẳng ai biết chuyện rồi sẽ đi đến đâu, và người ta hững hờ với nó, coi đó là một chuyện chẳng có gì to tát ngoài dăm ba gã sinh viên và phần tử quá

khích quen thuộc. Nhưng rồi một ngày có năm mươi gã thanh niên, thành viên của cánh trẻ trong GNLF, tập trung ở Mahakaldara và tuyên thệ sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng vì sự thành lập của một tổ quốc, Gorkhaland. Rồi bọn họ diễu hành xuống những con phố ở Darjeeling, đi vòng quanh chợ và khu buôn bán. “Gorkhaland của người Gorkha. Chúng tôi là lực lượng giải phóng.” Họ đi dưới ánh mắt dõi theo của những người cười ngửa lùn và lũ ngửa, mấy ông chủ hiệu đồ lưu niệm, mấy tay bồi bàn ở Glenary’s, Câu lạc bộ Planter’s, Gymkhana và Windamere, trong khi họ vung vẩy những thanh dao quắm tuốt trần, chém những lưỡi dao sắc bén vào màn sương mỏng manh dưới ánh mặt trời âm ứt. Đột nhiên, ai nấy đều nhắc đến từ *bạo loạn*.

hai mươi mốt

“*Họ có lý do của họ*” Noni nói, “một lý do thì chưa chắc, nhưng chị nghĩ cũng được một nửa đến ba phần tư lý do.”

“Vớ vẩn.” Lola phẩy tay xua ý kiến của chị mình đi. “Giờ bọn Nepal ấy sẽ nhắm vào tất cả người ngoài, nhất là người Bong chúng ta. Chúng toan tính việc này từ lâu rồi. Giấc mơ thành hiện thực. Đủ chuyện tàn ác sẽ xảy ra – sau đó chúng có thể tung tăng vượt biên sang ẩn náu ở Nepal. Tiện quá còn gì.”

Bà vẽ ra trong đầu mình cảnh tượng Budhoo, người gác đêm của họ, với cái đài BBC và con dao bạc cắt bánh của bà, tự do tự tại trên Kathmandu với đám người Kancha và Kanchi cùng những của nả ăn cướp được.

Họ ngồi trong phòng khách ở Mon Ami uống trà sau buổi học của Sai.

Một quang cảnh mờ đục hiện lên sau cửa sổ mừng tượng một hình ảnh trong tranh dân gian: núi non và bầu trời màu xám nhạt, trên đỉnh đồi là đàn bò trắng nhạt của Cha Booty, những mảng trời vuông hiện ra qua chân chúng. Trong nhà vẫn bật đèn, dưới ánh đèn vàng là một đĩa kem ốc quê còn trong bình là những bông hoa huệ. Mustafa leo lên lòng Sai và nàng nghĩ đến việc từ khi yêu Gyan nàng đã có cách nhìn khác về loài mèo ra sao. Không buồn quan tâm đến những lộn xộn ngoài chợ, Mustafa như đang vắt kiệt nỗi khoan khoái, nép vào sườn nàng tìm một đẻ xương để cọ cằm vào đó.

“Cái sự lập bang này,” Lola tiếp, “là sai lầm lớn nhất của lão Nehru gốc ghêch. Dưới sự lãnh đạo của ông ta, bọn gốc nào cũng có thể đứng lên đòi thành lập một bang mới và đều toại nguyện. Biết còn bao nhiêu bang mới nữa sẽ ra đời? Từ mười lăm chúng ta có mười sáu, từ mười sáu thành mười bảy, từ mười bảy thành hai mươi hai...” “Lola trỏ một ngón tay lên

mang tai và vẽ những sợi mì vào không khí để biểu thị quan điểm của mình về sự điên rồ nọ.

“Còn ở đây, nếu chị hỏi em,” bà nói, “đầu đuôi cũng từ Sikkim mà ra. Bọn Nepal ấy chơi một trò rất bí ối và bắt đầu nảy ra những ý tưởng to tát – giờ chúng nghĩ mình có thể lặp lại điều đó ở đây – cháu hiểu không, Sai?”

Xương cốt Mustafa cơ hồ tan chảy dưới sự vuốt ve của Sai, và nó xoay tròn trên đầu gối nàng trong trạng thái nhập định, mắt nhắm nghiền, một nhà huyền học chẳng cần biết đến tôn giáo này tôn giáo khác, quốc gia nọ quốc gia kia, chỉ biết *có thứ cảm xúc này thôi*.

“Vâng,” nàng lơ đãng đáp, câu chuyện này nàng nghe đã rất nhiều lần rồi: Indira Ganclhi đã vận động một cuộc trưng cầu dân ý và toàn thể dân Nepal tràn ngập xứ Sikkim đều bỏ phiếu chống lại nhà vua. Ấn Độ đã thôn tính vương quốc màu bảo thạch ấy, vương quốc của những ngọn đồi màu lam xa xa trong tầm mắt, quê hương của những trái cam tuyệt hảo và rượu rum Black Cat được Thiếu tá Aloo chuyển lậu đến cho họ. Nơi những thiên viện đu đưa như bầy nhện trước dãy Kanchenjunga, gần đến nỗi ta có cảm tưởng các nhà sư có thể thò đầu ra ném thử vị tuyết. Miền đất này dường như quá u hư ảo – vô vàn chuyện thần tiên và lữ khách tìm kiếm Shangrila – bởi thế càng dễ bị tàn phá hơn.

“Nhưng em phải nhìn mọi chuyện từ địa vị của họ mới thấy,” Noni nói. “Đầu tiên người Nepal bị tống cổ khỏi Assam rồi Meghalaya, rồi quốc vương Bhutan cũng gằm gừ với... “ “Nhập cư bất hợp pháp,” Lola đáp. Bà vươn ra lấy một cái kem ốc quế. “*Hư* quá cơ,” bà tự mắng mình, giọng nói đầy vẻ thèm thường.

“Rõ ràng là người Nepal đang lo ngại,” Noni tiếp. “Bọn họ hầu hết đều ở đây đã mấy đời rồi. Nhưng vì sao tiếng Nepal vẫn không được dạy trong trường học?”

“Nhờ có cái cơ ấy họ mới có thể khỏi xướng yêu cầu lập bang. Đây cũng phong trào ly khai, kia cũng phong trào ly khai, quân khủng bố, quân du kích, quân nổi dậy, quân phiến loạn, phần tử quá khích, phần tử xúi giục,

tất cả đều là bọn này học bọn kia, chứ có gì đâu – dân Nepal tìm thấy sự khích lệ từ người Sikhs và ý tưởng về quốc gia Khalistan của họ, từ ULFA, NEFA, PLA; Jharkhand, Bodoland, Gorkhaland; Tripura, Mizoram, Manipur, Kashmir, Punjab, Assam... “

Sai hình dung ra nàng đã tan thành nước dưới bàn tay Gyan ra sao, làn da nàng đón nhận động tác những ngón tay anh lên xuống người mình, cho tới khi nàng không còn phân biệt được giữa da thịt mình và ve vuốt của anh nữa thế nào.

Cánh công rên rỉ như nghệt mũi:

“Chào cả nhà, chào cả nhà,” bà Sen thò cái mũi khoằm qua cửa mở. “Hy vọng tôi không quấy quả – tôi đi ngang qua – nghe tiếng mọi người – ờ kìa, bánh trái các thứ... “ Trong cơn mừng rỡ bà ta phát ra những âm thanh chín chít như chuột kêu.

Lola: “Chị đã đọc bức thư họ gửi nữ hoàng Anh chưa? Cả Gorbachev và Reagan nữa? Apartheid, diệt chủng, chỉ quan tâm đến Pakistan, bỏ rơi chúng tôi, nô dịch thuộc địa, chia cắt Nepal... Darjeeling và Kalimpong thuộc Nepal từ bao giờ thế không biết? Trên thực tế Darjeeling được sáp nhập vào từ Sikkim còn Kalimpong là từ Bhutan.”

Noni: “Vẽ biên giới cũng không nên hờn, cái bọn Anh chết tiệt ấy.

Bà Sen chen vào cuộc đối thoại: “Thì có thực tiễn gì đâu, bao quanh họ toàn là nước ấy mà, ha ha.”

Tới khi cả hai cuối cùng cũng gắng đứng dậy sau những chiều biếng nhác ở bên nhau, Gyan và Sai đã tan chảy vào nhau như hai lát bơ – muốn họ nguội đi và chinh đốn bản thân trở lại làm hai cá thể riêng biệt là chuyện khổ vô cùng.

“Pakistan! Ở đây có vấn đề,” bà Sen nói, chuyển sang một trong những chủ đề yêu thích của mình, nơi những suy nghĩ và quan điểm của bà đã được định hình, trau chuốt sau nhiều năm, sẵn sàng bật ra ở bất kỳ đâu trong một

cuộc đối thoại mà bằng cách nào đó bà nhồi được chúng vào. “Cú đột quy đầu tiên của nước ta, không, cái vết thương ấy giờ vẫn chưa lành lại...”

Lola: “Vấn đề ở chỗ thế nào là biên giới rõ rĩ. Mình chẳng biết ai vào với ai, đâu là dân Nepal thuộc Ấn, đâu là dân Nepal thuộc Nepal. Rồi thì, *baba*, cứ cái đà sinh sôi của đám người Nepal này.”

Bà Sen: “Giống dân Hồi.”

Lola: “Dân Hồi ở đây thì không.”

“Chẳng biết tự kiểm chế tí nào, cái ngữ ấy. Phát tởm ra.”

Noni: “Dân nào mà chẳng sinh sôi. Ở đâu cũng vậy. Em không thể quy kết tiếng một cộng đồng nào.”

Lola: “Người Lepcha có sinh sôi đâu, họ đang dần biến mất. Kỳ thực họ mới là người đầu tiên có quyền đối với mảnh đất này, nhưng thậm chí chẳng ai thèm đếm xỉa đến họ.” Rồi, khi đã xem xét lại sự ủng hộ dành cho người Lepcha, bà tiếp, “Dĩ nhiên cũng chẳng phải vì họ ưu tú gì cho cam. Thử nhìn những khoản chính phủ cho người Lepcha vay để mở trại lợn xem – “Dự án Khôi phục Nghề truyền thống” – rồi chẳng thấy lấy một cái trại nào, dù ai cũng trình lên những đơn từ hoa mỹ, cung cấp từ kích thước máng cho đến chi phí thức ăn và thuốc kháng sinh – thế là nhận tiền êm thấm, tức thì và ngay tắp lự...”

Bà Sen: Dân Hồi ở Ấn Độ nhiều hơn ở Pakistan. Họ thích sinh sôi đây hơn. Bà biết không, cái gã Jinnah ấy, sáng nào cũng ăn trứng và thịt hun khói, tối nào cũng uống whisky. Đất nước Hồi giáo kiểu gì thế không biết? Rồi một ngày năm lần dập đầu lễ Thánh. Bà nhớ cho,” bà ta đưa ngón tay dính lên miệng rồi mút đánh chụt một cái, “với thứ kinh Koran ấy thì có gì đáng ngạc nhiên đâu? Họ chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải sống cuộc đời hai mặt.”

Lập luận này, ai cũng biết vì đã được nghe đi nghe lại, hình thành nên một trụ cột trung tâm của tín ngưỡng Hindu và nó là như thế này: kinh Koran khắt khe quá độ nên những giáo điều của nó vượt quá khả năng thực hiện của con người. Bởi thế cho nên tín đồ Hồi giáo buộc phải giả vờ một

đăng, làm một nẻo; họ chè chén, hút xách, ăn thịt lợn, đi nhà thổ, rồi chối bỏ hết.

Không như tín đồ Hindu, chẳng việc gì phải chối bỏ.

Lola thấy bồn chồn và nhấp chén trà khi còn quá nóng. Lời phàn nàn về tỷ lệ sinh đẻ của người Hồi giáo này vừa thô tục vừa không phù hợp với tầng lớp độc giả của Jane Austen, và bà cảm giác như câu chuyện của bà Sen bóc trần quan điểm của chính mình về người Nepal, một vấn đề không dễ khái quát, giữa sự khái quát và định kiến cũng không khác nhau bao nhiêu.

“Chuyện của người Hồi giáo hoàn toàn khác,” bà nói vẻ cứng nhắc. “Trước giờ họ vẫn ở đây. Dân Nepal từ nơi khác đến định cư, mà đó cũng không phải là vấn đề tôn giáo”.

Bà Sen: “Vấn đề của văn hóa Hồi giáo thì cũng vậy thôi... Họ cũng từ nơi khác đến, Babar này kia... Và ở đây sinh con đẻ cái. Mà đấy cũng chẳng phải lỗi của đám đàn bà – những sinh vật tội nghiệp – tại bọn đàn ông hết – lấy đến ba bốn vợ – không biết ngưng là gì.” Bà ta cười rúc rích. “Bà biết đấy, họ có gì hay hơn để làm đâu. Không ti vi, không điện kiểu gì cũng sinh chuyện...”

Lola: “Ôi, bà Sen, bà lại lạc đề rồi. Mình có đang nói chuyện đó đâu!”

Bà Sen: “À há ha,” bà ta nhả nhớt reo lên, vươn tay nhón một cái kem ốc quê nữa bỏ vào đĩa của mình.

Noni: “Mun Mun thế nào rồi?” Ngay khi vừa buột miệng, bà đã ước gì mình đừng lỡ lời, vì điều đó sẽ chọc giận Lola và bà sẽ phải mất cả tối để chuộc lỗi.

Bà Sen: “Ôi, người ta *cứ nài nỉ* nó nhận thẻ xanh. Nó bảo, ‘Không, không.’ Tôi bảo nó, ‘Con đừng đại thế, cứ nhận đi, có mất gì đâu? Một khi người ta đã *dâng* tận miệng, dúi tận tay mình..’ Bao nhiêu người sẵn sàng giết nhau vì một cái thẻ ấy. Đúng là con ngỗng đụt, các bà bảo có phải không? Một đất nước đẹp đẽ như thế, quy củ như thế.”

Hai chị em vẫn luôn coi thường bà Sen là một người thấp kém. Trong mắt họ sự kém cỏi ấy đã rành rành ra đấy từ trước khi con gái bà sang định cư ở một đất nước nơi hộp mút có chữ Smucker thay vì “Được Nữ hoàng chỉ định,” trước khi cô tìm được việc làm ở CNN, biến cô thành đối thủ trực tiếp của Pixie ở BBC. Đó là vì bà Sen đọc khoai tây thành “*khởi tây*” và cà chua thành ‘*cờ chua*,” và vì có tin đồn rằng một thời bà từng kiếm sống bằng cách cưỡi một chiếc xe ga đi gõ cửa từng nhà rao bán những vật phẩm bị hải quan tịch thu ở Sân bay Dum Dum, chào mời những món hàng cho các bà mẹ đang tích góp của hồi môn từ hàng chợ đen, những thứ có giá hơn trong việc nâng cao cơ hội của con gái họ

Lola: “Nhưng bà không thấy họ rất nhạt nhẽo à?”

Bà Sen: “Không hề khó chịu, rất thân thiện là đằng khác.”

“Nhưng là thân thiện giả tạo, tôi nghe nói vậy, chỉ vồn vã ngoài mặt thôi.”

“Còn hơn là ở Anh, *ji*, nơi họ cười nhạo sau lưng mình... “

Chắc hẳn Anh và Mỹ đều không hay biết mình là địch thủ của nhau trong một cuộc đối đầu sống mái, nhưng trận đấu vẫn cứ diễn ra nhân danh hai quốc gia, giữa hai ba quả phụ anh dũng xứ Kaiimpong.

“Ở Mỹ Mun Mun chẳng gặp rắc rối gì sất, chẳng ai quan tâm đến việc nó từ đâu đến... “

“À, nếu bà định gọi vô tri là tự do! Và đừng bảo là chẳng ai quan tâm. Ai cũng biết,” Lola nói bằng một giọng cay đắng như thể chuyện đó quan hệ đến chính bà, “họ đối xử với người da đen thế nào.”

“Ít ra họ cũng tin rằng anh có thể hạnh phúc, *baba*.”

“Và cái kiểu chủ nghĩa yêu nước họ theo đuổi, nó biến khí thành lửa *phata-phat* – chỉ cần nhét cho chúng một xiên xúc xích, chúng sẽ vấy nó trước lá quốc kỳ và... “

“Thế hưởng thụ thì có gì là sai nhỉ... “

“Em có gì mới không, Sai,” Noni van nài, quyết tâm thay đổi chủ đề câu chuyện một lần nữa. “Nào, làm mọi người vui lên đi, người trẻ tuổi bọn em phải giỏi chuyện đó mới được.”

“Chẳng có gì mới ạ,” Sai nói dối và đỏ mặt lên khi nghĩ đến nàng và Gyan. Việc ở bên nhau đã làm tăng cảm giác mềm mại như nước nàng cảm thấy trước gương, cái khả năng chuyển hòa sang trạng thái dễ định hình và tái sáng tạo vô tận ấy.

Ba người đàn bà nghiêm khắc nhìn nàng. Nàng có vẻ không tập trung, họ không sao đọc được cảm xúc trên gương mặt nàng, và nàng đang cựa quậy trên ghế một cách kỳ quái.

“Thế,” Lola nói, lái nổi tức giận với bà Sen sang hướng khác, “chưa có bạn trai à? Sao lại chưa, sao lại chưa? Ngày xưa bọn ta bạo dạn lắm. Lúc nào cũng rình trốn cha trốn mẹ.” “Mặc kệ nó. Nó là một con bé ngoan,” Noni nói. “Tìm ngay đi là vừa,” bà Sen nói, làm ra vẻ bí hiểm. “Chờ đợi quá lâu và niềm đam mê sẽ tan biến. Tôi vẫn bảo Mun Mun thế.”

“Khéo cháu bị giun đấy,” Lola bảo.

Noni lục trong một cái bát đựng trăm thứ bà rần và lôi ra một vỉ thuốc. “Đây – uống một viên thuốc tẩy giun đi. Chúng ta trữ một ít cho Mustafa. Thấy nó ngồi cọ mông xuống sàn nhà. Không lẫn vào đâu được.”

Bà Sen ngấm những bông huệ trên bàn. “Cháu biết không,” bà nói, “chỉ cần vài giọt phẩm màu là có bình hoa đủ màu theo ý cháu, đỏ, xanh, da cam. Ngày xưa những dịp tiệc tùng bọn ta hay chơi trò đò.”

Sai ngừng ve vuốt Mustafa và con mèo ác tâm đó liền căn nàng.

“Mustafa!” Lola dọa, “mày mà không cư xử cho tử tế, bọn ta sẽ cho mày thành bánh mì thịt mèo đấy!”

hai mươi hai

Brigittes, nằm ở khu thương mại của *New York*, là một nhà hàng ốp toàn gương để thực khách có thể tận mắt thấy được khi ăn trông mình đáng ghen tị nhường nào. Nhà hàng lấy tên con chó của hai người chủ, sinh vật cao nhất, mỏng nhất người ta từng biết; cũng giống như tờ giấy, người ta có thể có cái nhìn chính xác về nó chỉ từ một phía.

Buổi sáng, khi Biju và những nhân viên khác bắt đầu bận túi bụi, hai người chủ, Odessa và Baz, uống trà đen Tailors of Harrowgate ở một bàn trong góc quán. Ấn Độ thuộc địa, Ấn Độ tự do – trà thì vẫn thế, nhưng chất lãng mạn đã không còn, mà đó lại là thứ bán chạy nhất khi nhắc về quá khứ. Họ uống trà và cùng nhau cần mẫn đọc tờ *New York Times*, kể cả mục tin quốc tế. Thật kinh khủng.

Thổ dân và nô lệ của một thời. Người Eskimo và người Hiroshima, người Indian Amazon và người Indian Chiapas và người Indian Chile và người Indian Mỹ và người Indian Ấn Độ. Thổ dân ức, Guatemala và Colombia và Brazil và Argentina, Nigeria, Miến Điện, Angola, Peru, Ecuador, Bolivia, Aíghanistan, Cambodia, Rwanda, Philippines, Indonesia, Liberia, Borneo, Papua Ncw Guinea, Nam Phi, Iraq, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Armenia,

Palestine, Guyan thuộc Pháp, Guyan thuộc Hà Lan, Surinam, Siera Leone, Madagasêar, Senegal, Maldives, Sri Lanka, Malaysia, Kenya, Panama, Mexico, Haiti, Dominica, Cosêa Rica, Congo, Mauritani, quần đảo Marshall, Tahiti, Gabon, Benin, Mali, Jamaica, Botswana, Burundi, Sudan, Eritrea, Uruguay, Nicaragua, Uganda, Bờ Biền Ngà, Zambia, Guinea-Bissau, Cameroon, Lào, Zairc xông đến trước mặt ta gào thét chủ nghĩa thuộc địa, gào thét chế độ nô lệ, gào thét những công ty mỏ gào thét những công ty chuối gào thét những công ty dầu gào thét gián điệp CIA trong các đoàn truyền giáo gào thét chính Kissinger đã giết cha mình và sao các người không chịu xóa nợ cho thế giới thứ ba. Họ gào tên Lumumba, cả Allende

nữ; mặt khác, họ nhắc Pinochet, nhắc Mobutu; họ nói chuyện sữa biến chất của Nestle Chất độc Da cam; những thỏa thuận bán thiu của Xerox. Ngân hàng Thế giới, UN, IMF, mọi tổ chức do người da trắng điều hành. Mỗi ngày một chuyện trên mặt báo!

Nestlé và Xerox là những công ty đang hoàng tử tế, rường cột của nền kinh tế, và Kissinger ít ra cũng là một người yêu nước. Nước Mỹ là một quốc gia trẻ được xây dựng trên những nguyên tắc ưu việt nhất, làm thế quái nào nó lại mắc nợ nhiều đến thế?

Một vừa hai phải thôi.

Làm ăn là làm ăn. Lát bơ mà mỏng quá thì khéo bánh mì của mình chẳng còn bơ mà phết. Thằng nào khóc sẽ thắng và giành được phần bơ.

“Quy luật tự nhiên thôi,” Odessa bảo Baz. “Thử nghĩ xem, nếu giờ mình ngồi nói, ‘Ngần này năm về trước, người Neanderthal từ trong rừng ra, tấn công gia đình tôi bằng một khúc xương khủng long to tướng, giờ là lúc các người hoàn trả lại/ Bạn ơi, hai trong số những chiếc bình sắt đầu tiên, và một em gái nõn nà mồm đầy răng thuộc thời kỳ đầu của văn minh nông nghiệp, cái thối răng hàm của nhân loại còn to hơn bây giờ, cùng bốn mẫu hóa thạch một loài thực vật tiền thân của khoai tây, tình cờ thế nào lại được cả Chile và Peru nhận là của mình.’”

Cô rất dí dỏm, cái cô Odessa này. Baz rất tự hào về phong cách đại đồng của cô, thích ngắm cô đeo cặp kính gọng kim loại nhỏ xinh. Có lần anh choáng váng khi nghe lỏm vài người bạn của họ nói cô là kẻ bụng dạ đen tối, nhưng anh đã bỏ ngoài tai chuyện đó.

“Cái bọn da trắng này!” Achootan, một anh bạn đồng nghiệp rửa bát thốt lên với Biju trong bếp. “Như cút! Nhưng ít ra cái đất này vẫn còn khá khăm hơn ở Anh,” anh nói. “Ít ra ở đây bọn nó còn có tí đạo đức giả. Bọn nó tưởng mình là người tử tế và cậu thấy đỡ hơn chút đỉnh. Ở bên kia bọn nó chửi vào mặt cậu giữa đường giữa chợ, ‘Cút về quê mày đi.’” Anh đã ở Canterbury tám năm, và anh đã trả lời bằng cách quát lên một câu Biju sẽ

còn được nghe nhiều lần nữa, vì mỗi tuần anh lại nói câu đó mấy lần: “Cha ông mày đến nước tao và cướp miếng ăn của *tao* giờ là lúc tao đến nước *mày* để đòi miếng ăn của *tao* lại.”

Achootan không muốn có thể xanh theo cách mà Biju muốn. Anh muốn nó như một sự báo thù.

“Đã ghét cái xứ này thì cậu còn muốn thể xanh làm gì?” Odessa đã cúi kính hỏi Achootan như vậy khi anh nhờ bảo lãnh.

Thế đấy, anh muốn nó. Ai cũng muốn nó dù họ thích nó hay ghét nó. Đôi khi càng ghét bao nhiêu, người ta lại càng muốn có được nó bấy nhiêu.

Điều này thì họ không hiểu được.

Nhà hàng phục vụ một thực đơn duy nhất: bít tết, salad và khoai chiên. Nó mang trong mình một niềm kiêu hãnh trong sự đơn giản của những tầng lớp giàu sang.

Bò thiêng. Bò không thiêng. Biju hiểu cái sự dẫn đo mà cậu nên giữ lại bên mình ấy lắm. Vào giờ ăn trưa và ăn tối, trong quán đầy ắp những dân làm ăn trẻ tuổi mặc đồng phục tầm hai ba mươi tuổi.

“Bà thích dùng thể nào, thưa bà?”

“Tái.”

“Còn ngài thì sao?”

“Vẫn đương kêu.”¹⁴

Chỉ có mấy thằng ngực mới bảo, “Chín kỹ.” Odessa khó lòng giấu giếm về bí hài của mình. “Ngài có chắc không? À, cũng được thôi, nhưng tôi nói trước là nó sẽ dai đấy nhé.”

Cô ngồi ở bàn trong góc quán khi uống trà sáng và kêu gọi đám đàn ông bằng cách cắn ngập vào miếng bít tết của mình.

“Cậu biết không, Biju,” cô nói và cười, “Mia mai thay khi ở Ấn Độ chẳng ai ăn thịt bò, nhưng thử nhìn bản đồ xem, nó có hình một miếng T-

bone¹⁵ to tướng”

Nhưng ở đây lại có dân Ấn ăn thịt bò. Những chủ ngân hàng người Ấn. Rau rầu. Cậu nhìn chăm chăm vào họ với ánh mắt đầy ý nghĩa khi dọn đĩa. Họ thấy. Họ biết. Cậu biết. Họ biết cậu biết. Họ vờ như không biết cậu biết. Họ quay đi. Cậu ném cho họ một cái nhìn khinh miệt. Nhưng họ thừa sức vờ như không nhận thấy.

“Cho một đĩa bít tết,” họ nói với vẻ hững hờ điêu luyện, với vẻ ung dung như một chữ ký ngoáy không cần nghĩ ngợi mà ta *biết* đã được rèn luyện hết trang này sang trang khác.

Bò thiêng bò không thiêng.

Có việc không có việc.

Con người ta không được từ bỏ tín ngưỡng của mình, những đạo lý của cha mẹ mình và trước nữa là ông bà mình. Không được, dù thế nào cũng không được.

Người ta phải sống theo một điều gì đó. Phải xác định được phẩm giá của mình. Thịt cháy xèo xèo trên vỉ nướng, máu úa ra trên bề mặt, và rồi cả máu cũng bắt đầu sủi bọt và sôi lên.

Ai thấy sự khác biệt giữa bò thiêng và bò không thiêng sẽ thắng.

Ai không thấy sẽ thua.

Vậy là Biju đang học nướng bít tết.

Máu, thịt, muối, kèm theo khẩu cà nông chĩa thẳng vào đĩa bít tết: “Ngài có muốn rắc hạt tiêu nghiền không, thưa ngài?”

“Cậu biết là ở Ấn Độ, chúng mình nghèo thì nghèo thật, nhưng chỉ có chó mới ăn cái thứ thịt nấu kiểu này,” Achootan nói.

“Ở châu Á chúng ta cần phải máu lên,” đám doanh nhân bảo nhau. “Vùng đất này đang mở cửa, miền đất mới, hàng triệu người tiêu dùng tiềm năng, sức mua lên từ tầng lớp trung lưu, Trung Quốc, Ấn Độ, tiềm năng cho

thuốc lá, bìm, KFC, bảo hiểm nhân thọ, quản lý nguồn nước, điện thoại di động— ai cũng có đại gia đình, lúc nào cũng bận điện thoại, các anh con giai gọi cho các bà mẹ, các bà mẹ gọi cho cả đàn con; đất nước này thế là xong, châu Âu xong, Mỹ Latinh xong, châu Phi trừ dầu ra thì chỉ là một xứ nghèo mạt rệp; còn châu Á đang là miền đất hứa. Ở đó có chỗ nào có dầu không nhỉ? Bọn họ không có dầu, đúng không? Họ phải... “

Câu chuyện rất đơn giản. Nếu có ai dám gọi họ là *Bọn ngốc!* họ chỉ cần chia tài khoản ngân hàng ra và để những con số tự nó bác bỏ lời cáo buộc.

Biju nghĩ tới Saeed Saeed, người vẫn cự tuyệt không ăn thịt lợn.

“Nó bán bạn ạ, nó lại lừa. *Trước hết* tở là tín đồ Hồi giáo, thứ đến tở là người Zazibar, thứ nữa tở sẽ LÀ công dân Mỹ.”. Có lần anh cho Biju xem món đồ anh mới mua, mô hình một nhà thờ Hồi giáo dưới chân có gắn đồng hồ được lập trình sẵn, cứ năm giờ đúng là bắt đầu ê a “*Allah hu Akbar, La ihaha I llullah, wall ah hu akbar...* “ Từ kẽ hở trên đỉnh tháp hát ra những câu chữ xa xưa bạc màu gió cát, tiếng khóc lóc han van từ sa mạc mang đến dinh dưỡng để hình thành nên sức mạnh của một con người, niềm tin của anh trong một sớm dạ dày rỗng tuếch và suốt cả ngày dài, rằng anh sẽ không gục ngã trước những khác biệt thối tha giữa các dân tộc. Những ngọn đèn sáng lên đây khích lệ, và trong ngôi giáo đường nhấp nháy hai màu xanh trắng của vũ trường.

“Sao cậu lại muốn đi?” Odessa ngạc nhiên. Một cơ hội như họ dành cho cậu! Rõ là cậu không biết mình đã may mắn dường nào.

“Cái kiểu thái độ ấy thì chẳng sống nổi ở đất Mỹ này đâu’ nói, về hy vọng.

Biju ra đi như một con người mới, một con người căng đầy khao được sông trong sự thuần khiết eo hẹp.

“Chỗ ông có nấu thịt bò không?” cậu hỏi ông chủ tương lai.

“Ở đây có món xăng uých bít tết kiểu Philly.”

“Xin lỗi. Tôi không làm ở đây được.”

“Bọn họ thờ bò,” cậu nghe thấy chủ quán giải thích với ai đó trong bếp, và trong cậu trỗi dậy tinh thần địa phương chủ nghĩa cùng với sự ngạc nhiên.

Smoky Joe’s.

“Bò?”

“Cứng ạ,” người phụ nữ đáp, ‘chỉ hông có ý xúc phạm cứng, nhưng chỉ là người ăn bít tết và chỉ CŨNG LÀ bò đấy.’”

Marilyn. Trên tường phất phơ những bức ảnh Marilyn Monroe. Trước quầy là ông chủ người Ấn Độ.

Ông ta đang nói chuyện điện thoại qua loa ngoài. “Rajinibhai, *Kem chho?*”

“Hả?”

“Rajinibha?.”

“Ai đời?” Đặc sệt giọng Ấn-Độ-cổ-bắt-chước-giọng-Mỹ.

“*Kem chho? Saaru chho? Teme samjo chho?*”

“HẢẢẢ?”

“Ngài không nói tiếng Gujerat sao, thưa ngài?”

“Không.”

“Ngài *không phải* người Gujerat à?”

“Không.”

“Nhưng tên ngài rất Gujerat mà?”

“Anh là ai??!!”

“Ngài không phải người Gujerat à?”

“Anh là ai??!!”

“AT&T thưa ngài, chúng tôi có mức cước đặc biệt gọi về Ấn Độ.”

“Không biết ai ở Ấn Độ sất.”

“Không biết ai ạ???? Chắc ngài phải có bà con chứ.”

“Ờ “ giọng Mỹ ngày càng rõ hơn, “dừng mờ tui không nói chuyện với họ hàng... “

Im bật vì choáng.

“Không nói chuyện với họ hàng?”

Tiếp theo, “Chúng tôi tính cước bốn mươi bảy xu một phút.”

“Thời đã làm sao? Tui đã bảo anh roài,” ông ta nói thật chậm như cho một thằng ngốc nghe, “không có điện thoại đi Ấn Độ gì sất.”

“Nhưng quê ngài ở Gujerat mà?” giọng nói khắc khoải.

Veea Kampala, Uganda, Teepton, Anh, và Roanoke thuộc tiểu bang Vaergeenia! Tui đã tới Ấn Độ một lần roài, và tui bảo cho anh biết, có cho tiền cũng đừng hòng bắt tui đến cái đất nước ới lần nữa!”

Lẳng lẳng chuồn ra đường. Chuyện xảy ra với người Ấn Độ ở nước ngoài thật tệ hại và chẳng ai hay biết trừ những người Ấn Độ khác ở nước ngoài. Ấy là một cái bí mật nhỏ bé xấu xa gặm nhấm lòng ta. Nhưng không, với Biju thế chưa phải là đã hết. Đất nước cậu một lần nữa lên tiếng gọi. Cậu đánh hơi thấy số phận của mình. Bị cái mũi bất chấp bản thân lôi kéo qua một góc phố, cậu nhìn thấy chữ cái đầu tiên trên biển hiệu, G, rồi chữ AN. Tâm linh cậu mong chờ những chữ tiếp theo: *DHI*. Khi cậu tới gần quán Gandhi Café, không khí đậm đặc dần. Nơi này luôn như thế, đặc quánh mùi của một ngàn lẻ một món ăn tích tụ lại, bắc chập những cơn bão mùa đông

gào thết sau góc phố, bất chấp mưa và cái nóng hun người. Tuy trong nhà hàng tối om, cánh cửa vẫn mở ra khi Biju vừa đẩy thử.

Trong không gian lờ mờ ấy, ngồi giữa đám đậu lằng vương vãi xung quanh và những tấm mica nhờn mỡ phủ trên lớp vải của mấy chiếc bàn bó không chưa dọn là Harish-Harry, cùng hai người anh em là Gaurish-Gary và Dhansukh-Danny mở bộ ba Gandhi Café ở New York, New Jersey và Connecticut. Ông ta không ngẩng lên khi Biju bước vào. Cây bút của ông đang ngập ngừng trên một mẫu đơn đề nghị quyên góp được một trại bò ở ngoại ô Edison, New Jersey gửi đến.

Nếu ai quyên một trăm dollar, thì ngoài phần thưởng là bản cân đối tài khoản sẽ dài thêm hàng dặm cho cả mấy kiếp sau, “Chúng tôi sẽ gửi tặng bạn một món quà; xin đánh dấu lựa chọn của bạn vào ô trống”:

1. Một bức tranh Krishna-Lila đóng khung sẵn: “Nàng mong ngóng chủ nhân và than khóc”.

2 Một cuốn *Bhagavad Gita* có kèm theo lời bình của Học giả X (B.A, MPhil., Ph.D, Chủ tịch Trung tâm Di sản Hindu), người vừa kết thúc chuyến lưu giảng ở sáu mươi sáu quốc gia.

3.Một CD nhạc cầu nguyện yêu thích của Mahatma Gandhi.

4.Một phiếu nhận quà ở Indiagiftmart: “Hãy làm người phụ nữ đặc biệt của đời bạn ngạc nhiên với một chiếc áo *choli* đặc biệt màu hành tây hoặc hồng nhạt của chúng tôi, kèm theo một chiếc *lehnga* màu bơ. Quà tặng cho người phụ nữ biến ngôi nhà của bạn thành một tổ ấm gia đình đích thực là một bộ hai mươi lăm lọ đựng gia vị có nắp đậy chân không. Hãy nhanh chân tích trữ Đậu phông Nagpur hảo Hạng của hãng Haldiram mà bạn hẳn là rất nhớ...”

Cây bút của ông ngập ngừng. Rồi hạ xuống.

Ông trả lời Biju: “Bò á? Cậu điên à? Chúng tôi là một nhà hàng Hindu thuần chất. Không dân Pakistan, không dân Bangladesh, bọn họ chẳng biết nấu ăn là gì hết, cậu đã vào mấy nhà hàng ở phố Sáu chưa? *Bilkul bekaar...*”

Một tuần sau, Biju đã ở trong nhà bếp và trên loa vang lên những giai điệu yếu thích của Gandhi.

hai mươi ba

Tình yêu của Gyan và Sai đang nảy nở và những biến động chính trị vẫn tiếp tục làm nền cho họ.

Ngồi ăn *momo* chấm tương ớt, Gyan bảo: “Em là *momo* của anh.”

Sai đáp: “Không, anh mới là *momo* của em.”

Ôi, cái thời bánh bao nhân thịt của tình yêu – nó đã đưa họ đến với vô vàn âu yếm và biệt danh. Họ nghĩ về chúng trong những phút giây lặng lẽ và đặt chúng trước mặt nhau như những món quà. *Momo*, nhân thịt cừu trong bánh, một thứ đầy đặn và đầm ấm bên trong thứ kia – nó hàm chứa sự bao bọc, yêu thương.

Nhưng khi hai người ngồi ăn bên nhau ở quán Gompus, Gyan lại dùng tay mà không hề nghĩ ngợi gì còn Sai ăn bằng dụng cụ duy nhất có trên bàn – một cái thìa, nàng dùng nó lật cạnh tấm bánh roti và xúc thức ăn. Nhận thấy sự khác biệt này, cả hai trở nên bối rối và lãng sang chuyện khác.

“*Kishmish*” anh gọi nàng để khóa lấp chuyện đó, và nàng gọi anh là “*Kaju*”, nho khô và hạt điều, ngọt, bùi, và đặc đỗ. Tình yêu chớm nở biến những đôi uyên ương thành những kẻ ngao du sơn thủy ngay ở quê nhà, họ tới tham quan khu Bảo tồn Thiên nhiên Mong Pong, chơi hồ Delo, đi picnic ở Teesta và Relli. Họ đến thăm những trại nuôi tầm dầy mùi tầm lục. Viên quản lý dẫn họ đi một vòng xem những đồng kén vàng ươm đang khẽ khàng cựa quậy trong một góc xường, những chiếc máy thử nghiệm độ thấm nước, độ dẻo dai; và chia sẻ với họ giấc mơ của ông về tương lai, về thứ sari không thấm nước, không cần là, thứ sari chống ố, có sẵn ly, kéo khóa được, mặt trái mặt phải như nhau, loại sari siêu việt của thiên niên kỷ mới, đặt tên theo những tác phẩm bất hủ của Bollywood như *Diso Dancer*. Họ bắt chuyến tàu đồ chơi¹⁶ tới vườn bách thú ở Darjeeling, và đắm trong tình yêu tự do, tự mãn và hiện đại của mình, họ ngắm hàng song sắt tù túng và cũ kỹ, nơi cư ngụ của một con gấu trúc đỏ, vẻ ngoài nghiêm nghị đầy ngộ nghĩnh

vì ta đây là một tạo vật đẹp mê hồn, găm lá tre với sự kỹ lưỡng của một anh thư ký nhà băng đang tính toán số liệu. Họ đi thăm thiền viện Zong Dog Palri Fo Brang, nơi các chú tiểu được các sư thầy tóc muối tiêu chiêu chuộng, lôi lũ trẻ chạy qua chạy lại trên những bao gạo, kéo Chúng lướt đi trên sàn thiền viện nhẵn bóng, trước những bức bích họa yêu tinh và đấng Liên hoa sinh thượng sư với nụ cười thịnh nộ gói gọn trong hàng ria mép cong cong, tảng bào đỏ tươi, phật tượng kim cương, mũ hoa sen cắm lông chim đại bàng đầu trọc; trước một âm hồn cười sư tử tuyết và đức Độ Mẫu màu xanh cười bò rùng; kéo lũ trẻ lướt đi trước những cánh cửa như cánh chim rộng mở ra bốn bề non nước.

Từ đỉnh Durpin Dara, nơi ta có thể phổng mắt đi thật xa và thật cao, cả thế gian như một tấm bản đồ từ một góc nhìn thần thánh. Ta có thể thấy cảnh vật trải dưới chân mình và xa tít rắp, những dòng sông và những bình nguyên. Gyan hỏi chuyện gia đình Sai, nhưng nàng ngập ngừng không biết nên nói gì, vì nàng nghĩ nếu nàng kể cho anh nghe về chương trình không gian, có thể anh sẽ thấy tự ti và xấu hổ. “Cha mẹ em trốn nhà đi và không ai nhìn mặt họ nữa. Họ mất ở Nga, cha em là một nhà khoa học ở đó.”

Nhưng chuyện kể về gia đình anh cũng dẫn ra nước ngoài, anh kể cho Sai nghe, rất đổi tự hào. Hai người có nhiều điểm chung hơn là họ tưởng.

Câu chuyện như thế này:

Vào những năm 1800 tổ tiên anh đã bỏ làng quê ở Nepal đến Darjeeling, theo sự cám dỗ của những lời hứa hẹn về công việc ở một đồn điền trồng chè. Nơi đây, trong một xóm nhỏ ven một vườn chè xa xôi, họ nuôi một con trâu nổi tiếng vì cho sữa đặc biệt sánh như kem. Chẳng bao lâu sau, Quân đội Đế chế xuất hiện, đo người những binh sĩ tương lai ở các làng trên khắp vùng đồi băng thước dây và thước kẻ, và tình cờ chúng được đặt lên hai bờ vai lực lưỡng của cụ nội Gyan, người nhờ sữa trâu đã trở nên cường tráng tới mức đánh bại cả con trai ông bán kẹo của làng trong một keo vật một anh chàng cực kỳ khỏe mạnh, da dẻ bóng nhẫy Trong đợt tuyển

quân lần trước ở làng, người ta đồn rằng lính tráng được nâng niu như các tiểu thư – ẩm áp và khô ráo với chăn đệm và bát tất, bơ và sữa, mỗi tuần hai bữa thịt cừ, mỗi ngày một quả trứng, nước sắn trong vôi, ốm đau xây xước gì cũng đều có thuốc. Anh có thể đòi được chăm sóc nếu ngứa mông hay bị ong đốt mà không phải ngượng ngùng, và nhiệm vụ chẳng có gì ngoài việc hành quân dọc quốc lộ Grand Trunk. Quân đội trả cho anh con trai lớn lên tráng kiện nhờ sữa trâu mức lương cao hơn rất nhiều những gì cha cậu kiếm được, vì ông chỉ là một chân chạy vặt trong đồn điền; lên đường từ mờ sáng với một chiếc giỏ hình nón chia thành nhiều ngăn trên lưng và lặn lội leo dốc quay về lúc mặt trời lặn. Trong giỏ lúc này đầy một lớp rau và một con gà còn sống đang mổ vào thành giỏ; trứng, giấy vệ sinh, xà phòng, trâm cài tóc, và trên cùng là một lá thư của bà chủ trong đó viết: “Con gái yêu của mẹ, vùng đất này đẹp vô cùng và cái đẹp ấy gần như, gần như bù đắp được nỗi cô đơn...”

Vậy là anh tuyên thệ trung thành với Vương vị, và lên đường, khởi đầu cho hơn một trăm năm gia tộc mình gắn bó với những cuộc chiến của người Anh.

Ban đầu, những lời hứa hẹn đúng là sự thật – tất cả những gì cụ nội của Gyan phải làm là hành quân rông rã suốt nhiều năm sung túc, ông lấy vợ và có ba con trai. Nhưng rồi họ phái ông đi Mesopotamia nơi những làn đạn của quân Thổ đã đục trái tim ông thủng lỗ chỗ và ông rỉ máu đến chết giữa chiến trường. Chu đáo lo cho gia đình, để họ không mất đi nguồn thu nhập, quân đội đã tuyển mộ con cả của ông, dù lúc này con trâu lừng danh nọ đã chết từ lâu và anh tân binh thì rất đói gầy gò. Binh lính Ấn Độ đã tham chiến ở Miến Điện ở Gibraltar, ở Ai Cập và ở Ý.

Năm 1943, còn hai tháng nữa mới đến sinh nhật thứ hai mươi ba, anh lính gầy gò bị giết ở Miến Điện, khi đang run rẩy bảo vệ người Anh trước quân đội Nhật. Em trai anh được nhận vào biên chế và đến lượt cậu cũng chết, ở Ý, ngoại thành Florence, nhưng không phải trong chiến đấu, mà trong khi đang làm mứt mơ cho viên thiếu tá chỉ huy tiểu đoàn ở một biệt thự cho quân Anh đồn trú. Sáu quả chanh, bốn chén đường, cậu được hưởng

dẫn như thế. Cậu khuấy bình mút giữa đồng quê thanh bình nước Ý, lũ gà lôi bay sột soạt trong tán ôliu và vườn nho, những người lính kháng chiến đang đào nấp trong rừng. Đó là một mùa xuân đặc biệt hào phóng, và rồi, bom rơi xuống...

Khi Gyan còn rất nhỏ, một ngày kia anh tân binh cuối cùng của dòng họ đã bước xuống xe buýt ở bến Kalimpong và trở về khuyết một ngón chân. Không ai còn nhớ được ông, nhưng cuối cùng những hồi ức tuổi thơ của cha họ đã sống dậy và người đàn ông được xác định là một ông bác. Ông sống với gia đình Gyan tới ngày ông mất, nhưng không bao giờ họ biết được ông đã lưu lạc những đâu, hay đã chiến đấu chống lại những quốc gia nào. Ông thuộc về một thế hệ những con người trên khắp thế giới, mà với họ quên dễ hơn là nhớ, và con cái càng thúc ép, ký ức họ càng tiêu tán. Có lần Gyan đã hỏi: “Bác ơi, nước Anh *như thế nào* ạ?”

Và ông trả lời: “Bác không biết... “

“Sao bác lại không biết được???”

“Nhưng đã bao giờ bác ở đó đâu.”

Ngần ấy năm trời trong quân đội Anh và ông chưa một lần tới nước Anh. Sao lại có thể như thế được? Họ nghĩ ông đã phát tài và quên họ, sống như một quý tộc London...

Thế thì, ông *đã ở* đâu?

Ông không nói. Bốn tuần một lần, ông ra bưu điện nhận món tiền trợ cấp bảy bảng một tháng. Hầu như lúc nào ông cũng ngồi trên một chiếc ghế gấp, lặng lẽ chuyển động gương mặt vô cảm như một đóa hoa hướng dương, một nỗ lực dai dẳng què quặt và trống rỗng theo đuổi mặt trời, mục tiêu duy nhất còn lại của đời ông là khớp cả hai lại với nhau, khối cầu của khuôn mặt ông và khối cầu của ánh sáng.

Từ đó gia đình họ bắt đầu đầu tư tiền bạc cho sự nghiệp dạy học và cha Gyan đi dạy ở một trường học của đồn điền chè tận Darjeeling.

Rồi câu chuyện dừng lại. “Thế cha anh thì sao?” Ông ấy thế nào? Sai hỏi, nhưng nàng không ép anh. Nói cho cùng, nàng biết có những câu chuyện buộc phải dừng lại.

Đêm đang dần trở nên giá buốt, và trời bắt đầu tối sớm hơn. Sai, trở về muộn và phải dò dẫm tìm đường dưới chân mình, tạt vào nhà Bác Potry mượn một ngọn đuốc. “Anh chàng đẹp trai kia đâu rồi?” Bác Potty và Cha Booty chọc nàng. “Giời ơi. Mấy anh con trai Nepal, lương quyền cao, tay răn rỏi, vai rộng. Loại đàn ông *được việc* đấy, Sai ạ, chặt cây, dựng hàng rào mang vác nặng... *mmm mmm.*”

Khi nàng về tới Cho Oyu, người đầu bếp đang cầm đèn lồng đứng chờ trước cổng. Khuôn mặt nhăn nhó cái kính của bác thò ra từ mấy lớp khăn quàng và áo len. “Ta cứ chờ, chờ mái... Trời tối thế này mà vẫn chưa thấy cháu ve!” bác phàn nàn, lạch bạch đi trước nàng trên con đường dẫn từ công lên tới ngôi nhà, nhìn bác tròn xoe và giống hết đàn bà.

“Sao bác không để cháu yên đi?” nàng nói, lần đầu tiên ý thức được sự vướng víu khó chịu của gia đình và bè bạn khi nàng đã tìm thấy sự tự do và không gian trong tình yêu.

Người đầu bếp bị chạm tự ái như ăn phải ớt. “Tôi đét cho một cái bây giờ,” bác mắng. “Tôi nuôi cô từ tấm bé! Yêu thương cô như thế! Cô ăn nói thế đấy hả? Rồi mai kia tôi chết đi, đến lúc đó cô sẽ trông cậy vào ai? Rồi, rồi, để tôi chết đi cho chòng. Lúc ấy chắc cô mới vừa dạ. Tôi thì ở nhà bồn chồn, cô thì ở ngoài kia vui thú, chẳng quan tâm gì sắt... “

“Thôi mà.” Như thường lệ, nàng kết thúc bằng cách cố gắng vỗ về cho bác nguôi đi. Bác sẽ chẳng nguôi đâu, nhưng rồi cũng có, chỉ tí tẹo thôi.

hai mươi tư

Ở *Gandhi Cafe*, đèn được vặn nhỏ, cách hay nhất để giấu đi những vết ố. Từ đây tới trào lưu hồ lớn – pho mát sữa dê, bánh gối húng quế, margarita xoài – là cả một quãng đường dài. Đây mới là thứ thiệt, đúng chất Ấn Độ làng nhàng, và ta có thể đặt món đầy đủ, nhảy tàu đến hay gọi điện trước một phát là xong: ghế sơn son thếp vàng, trên bàn là hoa hồng giả vương những giọt sương mai bằng nhựa tổng hợp, những bức vẽ trên khăn trải bàn minh họa...

Ôi không, đừng thế nữa chứ...

Lại thế nữa rồi...

Krishna và các nàng mục đồng, hoa khô của làng quê bên giếng nước...

Và thực đơn...

Ôi không, đừng thế nữa chứ...

Lại thế nữa rồi...

Tikka masala, món nướng tandoori, cari rau navrattan, makhni đậu, pappadum. Harish-Harry từng nói: “Tìm kiếm thị trường. Nghiên cứu thị trường. Phục vụ thị trường.” Cung-cầu. Điểm cân bằng thị trường Ấn-Mỹ. Chính vì thế chúng ta mới là những người nhập cư tốt. Một sự kết hợp hoàn hảo. (Thực ra, thưa quý ông, quý bà, Chúng tôi đã áp dụng một hình thức tiến hóa cao độ của chủ nghĩa tư bản từ rất lâu trước khi nước Mỹ ra đời; vâng, các vị có thể cho rằng đó là thành công của các vị, nhưng mọi nền văn minh đều bắt nguồn từ Ấn Độ, đúng vậy).

Liệu ông có đánh giá thấp thị trường của mình không? Ông chẳng quan tâm.

Khách hàng – những sinh viên nghèo, những giảng viên tập sự – lấp đầy quán ăn vào giờ buffet trưa, “ALL YOU CAN EAT FOR 5.99\$,” rồi lao

đảo bước ra, ngất ngư vì tiếng nhạc dụ rần ma mị và bữa trưa khó tiêu.

Để tính toán những khoản thu mới lặn vào xúng xoảng, vợ Harish-Harry đều đặn tạt qua vào sáng Chủ nhật sau khi mới gội đầu. Một lọn tóc đuôi ngựa ướn sững, buộc hững hờ bằng sợi dây chun màu vàng lấy từ hộp kẹo hoa-quả-và-lạc Diwali, nhỏ giọt xuống nền nhà đằng sau.

“Arre, Biju... *to sunao kahani*,” bà luôn hỏi vậy, “*batao*... có gì mới không?”

Nhưng nếu cậu không có gì mới thì cũng chẳng sao, vì bà đi thẳng đến chỗ cuốn sổ cái cất dưới một dây tượng thần và chân hương.

“He he,” chồng bà cười mãn nguyện, ánh vàng và kim cương lóe lên từ đôi con người đen thẫm như nhung, “đừng có hòng chặn được Malini. Bà ấy mà đã nghe điện thoại thì sẽ chài được bất kỳ ai.”

Chính Malini là người gợi ý để nhân viên nhà hàng ở ngay dưới gian bếp.

“Chỗ ở miễn phí,” Harish-Harry bảo Biju.

Bằng cách giúp nhân viên đỡ mất tiền thuê nhà ở NYC, họ có thể giảm lương tối thiểu đi một phần tư, giữ tiền tip lại cho nhà hàng, để mắt trông coi người làm và bắt họ làm việc quần quật như trâu bò mười lăm, mười sáu, mười bảy giờ một ngày. Saran, Jeev, Rishi, ông Lalkaka, và bây giờ thêm Biju. “Đây đúng là vui vẻ một nhà với nhau,” bà nói, hăm hờ phết đầu ăn lên tay và mặt, “cần quái gì kem dưỡng da này nọ, baba, cứ thế này cũng đủ.”

Biju rời căn hầm ở khu Harlem vào một buổi sớm khi màu lá của cái cây xù xì trước cửa là một sự ngạc nhiên vàng rực, mềm mại và rạng rỡ. Cậu mang theo một cái túi và tấm đệm – một miếng mút hình chữ nhật bề mặt như khay đựng trứng, cuộn lại thành một bó buộc dây ở ngoài. Trước khi thu dọn, cậu nhìn lại lần nữa bức ảnh cưới cha mẹ mình cậu mang từ Ấn Độ sang, nước ảnh đã phai; giờ đó chỉ còn là tấm hình hai con ma mặt mày nghiêm trọng. Đúng lúc cậu sắp đi thì Jacinto, người luôn có mặt đúng lúc

để thu tiền nhà, xuất hiện từ góc phố: “Adios Adios,” chiếc răng vàng lòe lên niềm hoan của một tay thợ mỏ.

Biju nhìn lại lần cuối cái mặt tiền của sự khả kính một thời giờ dang tàn tạ ấy. Xa xa là ngôi mộ tướng Grant như một chiếc bánh tang lễ hình tròn màu xám trang trí thô mẫn. Lại gần hơn, công trình đó là một dãy đồ thị hình cột chen nhau vươn lên khỏi trục hoành của chân trời.

Ở Gandhi Café, giữa đám xoong nồi quá khổ và những bao masala dính mặt cửa, cậu thu xếp chỗ ở mới cho mình Bọn họ rửa mặt và súc miệng ở bồn rửa bát trong bếp, chải đầu qua tấm gương bé bằng con tem thư treo ở trên, vắt quần lên một sợi dây chằng ngang căn phòng, cùng đám giẻ rửa bát. Về tối, tiệt đầu còn chỗ là họ trải chăn chiếu ra nằm ngủ.

Lũ chuột ở những chỗ làm trước vẫn chưa buông tha Biju. Ở đây chúng cũng có mặt, hí hửng trong thùng rác, cào thùng cả gỗ, khoét thành mấy cái lỗ mà Harish-Harry nhét giẻ rửa bát bằng sợi sắt vào và lấy gạch bịt lại, nhưng chúng ủa mấy thứ chướng ngại vật vĩnh đó sang một bên. Chúng nốc sữa theo đúng chỉ dẫn trên nhãn, nhá protein; vitamin và khoáng chất chảy tràn ra từ đôi tai và những móng vuốt bất khả chiến bại, từ lợi và từ lông. Suy dinh dưỡng, tê phù, cổ chướng (những căn bệnh đã biến dân cư ở Kalimpong thành một đám người lùn cổ ếch và vật khắp vùng đồi), những chứng rối loạn thiêu chất ấy hoàn toàn xa lạ với cái cộng đồng dân cư này.

Một con còn nhai cả tóc Biju vào ban đêm.

“Để làm tổ,” Jeev bảo. “Nó đang có thai, chắc thế.”

Họ đâm ra quen với việc rùng mình khiếp đảm và nằm ngủ trên bàn. Khi tang sáng, họ lại ngả lưng xuống sàn khi Harish chưa đến. “*Chalo, chalo*, thêm một ngày, thêm một đồng.”

Đối với người làm Harish-Harry như bậc cha chú, hay cười đùa, nhưng có thể đột ngột trở nên giận dữ và nghiêm khắc. “Câm miệng, câm ngay,” ông sẽ quát lên, và không ngần ngại bợp tai bọn họ. Nhưng khi một thần tài

người Mỹ bước qua ngưỡng cửa, thái độ của ông thay đổi chóng mặt ngay lập tức và dường như một nỗi sợ hãi ngợp lên trong ông.

“Xin chào xin chào,” ông cười với một đứa trẻ mặc đồ xa tanh hồng đang bôi thức ăn nhoe nhoét lên chân ghế, “Con làm mẹ con cực quá há, ha ha? Rồi sẽ đến ngày con khiến mẹ tự hào, phải hôn? Con sẽ làm lên, sẽ giàu có, đúng hôn? Con thích cari gà hôn?” Ông cười và khẩu đầu làm lễ.

Harish-Harry – hai cái tên, Biju nhận ra, là biểu hiện của một sự phân chia rạch ròi mà cậu đã không chút hoài nghi khi lần đầu bước vào và thấy ông, một hiện thân của sự rành mạch về nguyên tắc mà Biju đang tìm kiếm. Việc ủng hộ cho một trại bò là để phòng trường hợp kiếp sau phiên bản Hindu trở thành hiện thực và lúc ấy, khi chết đi, ông sẽ được cho vào guồng máy luân hồi của đạo Hindu. Nhưng, ngộ nhỡ, ngự trên ngai vàng lại là các vị thần khác thì sao? Ông cố chọn đúng thế lực để theo, cố trung thành với quá nhiều điều đến mức chính ông cũng không biết trong số những bản ngã ấy của mình đâu là cái tôi đích thực, nếu nó quả có tồn tại.

Không chỉ có Harish-Harry. Tình trạng pha tạp ấy tràn lan trong đám đông “*nửa nọ nửa kia*”¹⁷, những sinh viên Ấn Độ bước vào quán cùng bạn bè người Mỹ, nửa miệng này nói một giọng, nửa kia nói giọng khác; hét lung bùng lại lung bùng, đôi khi giáng hẳn xuống tiếng Hindi cho người khác thấy: Ai? Không, không, tôi không hề làm bộ làm tịch, tôi vẫn là chính mình nhé. Tôi không phải là kẻ quay lưng lại với một nền văn hóa vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại nhé...

Và những mối tình – mà cụ thể là những cặp đôi Ấn Độ– Da Trắng, lại là một vấn đề đặc biệt.

Những người *desi* luôn lúng túng mỗi khi bước vào còn đám bồi bàn bắt đầu bĩu môi cười khẩy, nhướn mày lên cho họ thấy mình nghĩ gì.

“Cay, vừa, hay nhạt?” họ hỏi. “Cay,” các vị thần tài trả lời hệt như nhau, làm bộ khoe khoang, giới thiệu với bồ mình đây là một món ăn độc

đáo và thuần khiết, còn trong bếp họ phá lên cười, “Ha ha,” và cơn thịnh nộ thuần khiết ấy bộc phát, “salad”.

Những kẻ bất lương kia cắn một miếng vindaloo...

Và miếng vindaloo ấy... nó cắn trả.

Những gương mặt nhăn nhò, những đôi tai và cặp mắt cay xè, những cái lưỡi tê dại, họ giàn giụa nước mắt gọi sữa chua, giải thích với cả bàn, “Ở Ấn Độ kiểu nó là như thế, luôn luôn ăn sữa chua để lấy lại sự cân bằng...”

Cân bằng ấy mà, các cậu biết đấy... .

Các cậu biết đấy, các cậu biết đấy...

Nóng lạnh, chua ngọt, cay đắng, sự minh triết xa xưa của Ayurveda¹⁸, điều có thể đem lại cho con người sự cân bằng tuyệt đối...

“Cay quá ạ?” Biju sẽ hỏi và nhe răng ra cười.

Nước mắt giàn giụa, “Không, không.”

Sự dẫn thân này chẳng có gì thuần khiết hết. Và không cả niềm kiêu hãnh. Cậu đã tìm về với sự mập mờ trong nhân sinh quan.

Harish-Harry thường đổ cho cô con gái cái tội phá hoại lòng thành của mình. Cô đang biến thành người Mỹ. Với cô khuyến mãi rất hợp với đôi bốt nhà binh và những quần áo rằn ri xuất xứ từ hàng tồn kho của hải quân.

Vợ ông bảo, “Mấy món đồ quái quỷ này, cái gì thế không biết, cho nổ hai cái tát nên thân, thế là...”

“Bà làm thế là đúng,” ông đáp, nhưng mấy cái tát kia chẳng ăn thua gì. “Thôi đi đi cô!” ông nói, quay sang cố gắng thích nghi với việc con gái mình đang trở thành người Mỹ. “Thôi ĐI ĐI côôô!!!” Nhưng thế cũng không ăn thua. “Con có cần bố mẹ sinh con ra đâu,” cô nói. “Bố mẹ đẻ con ra chẳng qua vì sự ích kỷ của bản thân, muốn có người hầu hạ chứ gì? Nhưng ở cái đất này, Bố ạ, chẳng ai chùi dít không công cho bố đâu.”

Không thềm nói *bàn tọa* ! Chùi đít ! *Bố* ! Không thềm gọi *Papaji*. Không phải là chùi bàn tọa, là *Papaji*. *Bố* và đít. Harish-Harry say rượu và rơi vào một tình trạng rồi sẽ thành quen thuộc đến nhàm chán; ông ngồi lỳ ở quầy thu ngân không chịu về nhà, mặc kệ đám nhân viên trong bếp đang sốt ruột đợi ông đi để họ có thể leo lên bàn và quấn khăn trải bàn lại mà ngủ. “Chúng nó lại còn tưởng ta hâm mộ chúng!” ông bắt đầu cười. “Mỗi lần có đứa bước vào nhà hàng ta lại nở nụ cười” – ông nghe rằng nở nụ cười thây ma – “ ‘Xin chào, quý khách thế nào,’ nhưng kỳ thực ta chỉ muốn bẻ gãy cổ chúng. Ta thì chịu rồi, nhưng có lẽ đời con trai ta sẽ làm được, đấy là ước nguyện của ta. Một ngày kia Jayant-Jay sẽ mỉm cười siết cổ con cháu của Chúng và nó sẽ bóp chết ngạt từng đứa một.”

“Thấy chưa, Biju, đời là thế đấy,” ông thốt lên, gục mặt vào tay và bắt đầu nức nở trên vai Biju.

Duy chỉ có ý nghĩ về tiền bạc đang kiếm được mới làm ông bình tâm trở lại. Trong suy nghĩ này ông tìm được một lý do hợp lý tuyệt đối cho việc định cư ở đây, một chuẩn mực đạo đức để tuân thủ, một cây cầu nối hai bờ cách biệt – và cái thực tế duy nhất có vẻ không phải là mâu thuẫn giữa các dân tộc ấy được ông tuyên dương rộng rãi.

“Thêm một ngày, thêm một đồng, tiết kiệm được xu nào hay xu ấy, muốn ăn thì lăn vào bếp, làm ăn là làm ăn, việc cần làm là phải làm.” Những câu châm ngôn ấy là một sự xa xỉ không dành cho Biju, dĩ nhiên rồi, nhưng cậu vẫn nhắc lại chúng, tận hưởng những ngôn từ tươi vui và giây phút của tình đồng chí ấy.

“Ai mà chẳng phải mưu sinh, biếc làm sao được?” Biju sẽ nói.

“Cậu nói đúng, Biju ạ. Biếc làm sao được? Chúng ra đã ở đây rồi, ông lặp lại, để tìm kế sinh nhai. Sao mà dừng được?”

Ông từng mơ có một ngôi nhà lớn, rồi ông mơ có một ngôi nhà lớn hơn cho dù phải bỏ trong chừa trang bị đồ đạc một thời gian, giống như ông Shah oan gia của ông, người sở hữu bầy căn phòng, tất cả trống trơn chỉ có

mỗi TV, ghé băng và thăm trắng. Ngay cả cái TV cũng màu trắng vì đối với cộng đồng màu trắng tượng trưng cho sự thành công bên ngoài Ấn Độ. “He he, đồ đạc thì cú từ từ,” ông Shah bảo, “quan trọng là có nhà ở đây đã.” Những bức ảnh chụp bên ngoài ngôi nhà được gửi về cho tất cả họ hàng ở Gujarat, trước mặt tiền đậu một chiếc ô tô trắng. Một con Lexus, loại xe sang trọng bậc nhất ấy. Vợ ông ta ngồi trên mui xe với vẻ mãn nguyện. Ngày rời Ấn Độ bà ta còn là một cô dâu nhu mì, tóc xoắn thành lọn và lốm đốm thuốc nhuộm, sari nhiều vàng đến nỗi kích hoạt tất cả các máy dò kim loại ở sân bay – và giờ bà ta ngồi đó -trong bộ vest nữ trắng, tóc xù, xác định mỹ phẩm, và biết nhảy macarena.

hai mươi lăm

Họ đưa Mutt đến hiệu may Apollo Đięc đề may cho nó một chiếc áo khoác mùa đông cắt ra từ một tấm chăn, vì ngày đã sang đông, và tuy ở Kalimpong không có tuyết, trời đã trở nên u ám, xung quanh ngưỡng tuyết¹⁹ đâu đâu cũng ẩm ướt, và những ngọn núi cao quanh thị trấn đều loang lổ trắng. Sáng ra, người ta thấy sương giá nơi ngòì lạch, sương giá trên đỉnh, và sương giá giữa những chân đồi.

Qua những kẽ nứt và lỗ thủng ở Cho Oyu, cái mùi căn cỗi của mùa đông len lỏi bay vào. Vòi nước nhà tắm và công tắc sờ vào là giật. Áo len và khăn quàng xù lên tua tủa những sợi tơ bị kích thích, bắn ra những tia lửa điện. “Ái ái,” Sai kêu lên. Da nàng như một dạng hạn hán đang lên vảy. Khi nàng cởi quần áo, da khô rơi lả tả như muối trong lọ muối, còn tóc nàng, tựa hồ đang nhạo báng trọng lực, dựng đứng lên như cần ăng ten radio kêu lách tách trên đầu nàng. Khi nàng cười, môi nàng nứt ra và ứa máu.

Bôi vaseline cho bóng và mềm môi nhân dịp Giáng sinh, nàng đến Mon Ami cùng Cha Booty và Bác Potty, nơi ngoài hương Vaseline còn có mùi lông cừu ướt – nhưng đó chẳng qua chỉ là mấy chiếc áo len ẩm của họ. Một mảng diềm kim tuyến trên cây thông trong chậu lấp lánh dưới ánh lửa đang bập bùng nhảy múa và nổ lép bếp, và cái lạnh vẫn cắt thịt cắt da.

Cha Booty và Bác Potty song ca:

Who threw the overalls in Mrs. Murphys chowder?

When nobody answered, they shouted all the louder...

WHO THREW THE OVERALLS IN MRS. MUR- PHY'S
CHOWDER??

Và Lola cũng hòa theo, say ngất ngư và cuồng nhiệt.

Ôi, một buổi tối tuyệt vời...

Ôi, món xúp tuyệt vời trong chiếc nồi đồng Gyako, một hào đầy nước dùng vây quanh cái ống khói đựng than, hơi thịt cừu trong tóc họ, ánh lung linh hân hoan của vầng mỡ vàng ươm, những tai nấm khô trở nên trơn trượt đến nỗi chúng sẽ nóng bỏng trời tuột xuống cổ họng trước khi ta kịp cắn vào thịt nấm. “CHIẾNG MẠNG gì đây nhỉ?” Lola, khi hỏi câu này ở nước Anh, đã lung túng nhận ra rằng những người Anh không hiểu bà... Ngay cả Pixie cũng làm ra vẻ ngỡ ngàng...²⁰

Nhưng ở đây mọi người ai cũng hiểu, và Kesang khệ nệ bưng ra một chiếc bánh pudding nặng trĩu, nhờ rượu brandy mà đoàn kết được tình hữu nghị của hoa quả và lạc, rồi họ phong thánh chiếc bánh pudding bằng một chiếc vương miện thần thánh của ngọn lửa đốt bằng rượu brandy.

Mustafa lại leo lên chỗ nằm ưa thích của nó trong lòng Sai, đầu tiên quay mặt về bếp lửa, rồi đến đuôi, từ từ thả lỏng người ra, cho tới khi móng nó bắt đầu tuột xuống ghế và nó chồm lên trong một tiếng ngoao hoảng hốt, lờm lờm Sai như thể nàng là người phải chịu trách nhiệm về sự bất nhã này.

Nhân dịp này, hai chị em mang bày ra những đồ trang trí mua tận bên Anh – đủ thứ linh tinh nhìn như thể chúng chắc sẽ có vị bạc hà – bông tuyết, người tuyết, trụ băng, ngôi sao. Có những gã khổng lồ bé xíu, những tiểu yêu thợ giày (vì sao thợ giày, khổng lồ, tiểu yêu lại gắn với Giáng sinh? Sai tự hỏi) suốt cả năm trời được cất trong một hộp giày Bata trên tầng áp mái cùng câu chuyện về hồn ma người Anh mặc váy ngủ thêu ren mà họ vẫn đem ra dọa Sai hỏi nàng mới đến: “Thế con ma nói gì ạ?”

“Hmm, ta nghĩ là bà ấy rúc lên *u u* như một con cú, huýt sáo khe khẽ, *u u*, nghe ngọt ngào mà ma quái. Và thỉnh thoảng bà ta lại thì thào, ‘Làm một giọt sh-er-ry không cừu-n-g?’ bằng một giọng nói run rẩy, nhưng rất ư tao nhã.”

Rồi đến những món quà trong bí tất len đan mua từ làng của người tị nạn Tây Tạng, trong len vẫn còn dính những mẩu rơm và gai cho thấy đó là hàng xịn và khơi dậy thêm sự cảm thông đối với những người dân tị nạn, tuy rằng có hơi khó chịu cho mấy đầu ngón chân. Có những đôi khuyên tai hồ phách và san hô, mấy chai rượu mơ Cha Booty tự nấu, mấy cuốn sổ tay với những trang giấy trong mờ làm bằng bột gạo và gáy đóng bằng tre vên, được làm ở Bong Busti dưới bàn tay những lao động nữ ngồi chật một bàn, chia sẻ với nhau những món ngon lành trong suất ăn của họ vào giờ cơm trưa, thỉnh thoảng lại đánh rơi một miếng dưa và thỉnh thoảng những trang giấy lại có một vết ố vàng tươi tắn...

Thêm rượu rum. Khi cơn say ngấm sâu hơn, và khi lửa đã tàn, Lola trở nên bình thản, khơi lại một hồi ức trong lành từ sâu thẳm:

“Hồi xưa, vào độ những năm năm mươi và sáu mươi ấy,” bà kể, “hành trình đến Sikkim hay Buhtan còn dài lắm, vì lúc ấy đã có đường mấy đầu. Bọn ta thường đi ngựa, mang theo mấy túi đậu cho lú ngựa, bản đồ, bi đông đựng whisky đeo ở hông. Vào mùa mưa, đĩa trên cây cứ gọi là rơi ào ào như mưa, rinh đúng lúc để phi thân lao xuống. Bọn ta phải ngâm nước muối cho chúng khô bám lên người, ngâm cả giày, cả tất, thậm chí cả tóc nữa. Những trận mưa dông gột sạch muối đi và bọn ta phải dừng lại ngâm lần nữa. Rừng hồi đó còn dữ dằn hung bạo lắm – nếu có ai bảo trong rừng có một con quái vật là ta tin ngay. Chúng ta trèo lên đỉnh núi, nơi những tu viện nằm cheo leo bên vách đá, vây quanh là những ngọn tháp xá lợi và cờ phướn, mặt tiền màu trắng đón ánh hoàng hôn, tất cả là một sắc rơm vàng rực, những sườn núi gồ ghề nhuộm màu chàm. Chúng ta đứng đó và nghỉ ngơi cho đến khi lũ đĩa bắt đầu mò. vào bí tất. Đạo Phật ở đây có từ rất lâu đời, lâu đời hơn bất cứ đâu, và chúng ta tới thăm một tu viện mà theo như người ta nói, được xây từ thời một vị Lạt ma phi thiên bay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác, từ Menak Hill đến Enchey, và một tu viện khác được xây khi một ngọn cầu vồng hiện lên nối liền Kanchenjunga với đỉnh đồi này. Thường các tịnh xá đều bỏ không vì ác tăng lữ cũng là nông dân; họ đi làm đồng hết và chỉ tự

họp một năm vài lần làm lễ *puja*, và những gì mình nghe thấy chỉ là tiếng gió lùa trong rặng tre. Mây bay vào qua các ô cửa và hòa lẫn vào mây trên những bức tranh. Trong nhà tối tăm và ám khói, chúng ta cố xem những bức bích họa nhờ ánh sáng từ những đĩa đèn bơ...

“Phải mất hai tuần trèo đèo lội suối mới đến được Thimpu. Trên đường băng qua rừng, bọn ta sẽ nghỉ lại ở những pháo đài hình dáng như một con tàu người ra vẫn gọi là *dzong*, được dựng lên mà chẳng cần lấy một cái đinh. Chúng ta sẽ cử một người đi trước báo tin, còn họ sẽ gửi một món quà chào mừng đến chúng ta ở một chặng dừng chân nào đó. Một trăm năm trước, mấy món quà ấy sẽ là chè Tây Tạng, gạo ướp nghệ, áo choàng lụa Tàu lót lông cừu chưa đẽ, mấy thứ kiểu đó; còn bây giờ, quà cho chúng ta là một chiếc rương mây đựng sandwich thịt nguội và bia Gymkhana. Các *dzong* đều tự túc hoàn toàn, họ có quân đội, nông dân, quý tộc và cả tù nhân của riêng mình trong ngục – những tên giết người và những kẻ bị bắt vì đánh cá băng mình bị nhốt chung một chỗ. Khi họ cần thêm một đầu bếp hay thợ làm vườn, họ lại dòng thừng xuống và kéo ai đó lên. Lúc chúng ta đến nơi, trong đại sảnh thấp đèn lồng đã có sẵn xúp lơ ngâm pho mát và lợn quăn chân²¹ chờ đợi. Có một gã nọ, bị tù vì tội giết người, làm bánh rất khéo tay – món gì gã cũng làm được. Thật ta chưa bao giờ được ăn miếng bánh tạc mận gai nào ngon thế.

“Cả mấy cái bồn tắm nữa chứ,” Cha Booty hưởng ứng, “bà nhớ mấy cái bồn tắm không? Có lần, hồi tôi làm việc cho một chương trình nhân rộng sản xuất bơ sữa, tôi nghỉ lại ở chỗ mẹ của quốc vương, chị của Jigme Dorji, tay này là khâm sai và tổng trấn ở tỉnh Ha, người từng sống ngay cạnh nhà cháu ấy, Sai ọ, ở Tashiding – ông ta lộng quyền quá nên những sát thủ của quốc vương đã ám sát ông ta mặc dù ông ta là anh trai hoàng hậu. Bồn tắm ở *dzong* được làm bằng thân cây đục rỗng, bên dưới khoét rãnh và bỏ đá nung nóng vào để giữ cho nước sôi, khi mình tắm, người hầu chạy ra chạy vào để đổi đá mới và kỳ cọ cho mình. Còn nếu bọn tôi đi cắm trại, họ sẽ đào một cái hố ven sông, đổ đầy nước vào rồi bỏ đá nóng xuống dưới; như thế mình sẽ tắm tấp giữa bốn bề là tuyết Himalaya và một rừng hoa đỗ quyên.

“Mấy năm về sau, khi tôi trở lại Bhutan, thái hậu cứ nài tôi đi tắm. ‘Nhưng mà tôi không cần.’

“ ‘Không, ông phải đi.’

“ ‘Nhưng mà tôi KHÔNG CẦN.’

“ ‘Ờ, nhưng ông vẫn PHẢI ĐI.’

“Thế là tôi đi, và phát hiện ra tất cả nhà tắm đã được làm lại, toàn là đường ống kiểu hiện đại, gạch men hồng, vòi sen hồng và bồn cầu cũng hồng nốt.

“Lúc tôi trở ra, thái hậu đang đợi, mặt hồng lên vì hãnh diện y như cái nhà tắm, ‘Ông thấy có đẹp không? ông có THẤY KHÔNG?’ “

“Sao ta không làm một chuyến nữa nhỉ,” Noni nói. “Mình tính chuyện đi đi. Tội gì mà không chứ?”

Đêm đó Sai đi đôi tất mới lên giường ngủ, đôi tất thiết kế ba lớp giống loại thổ dân ở đây vẫn dùng khi leo núi, loại tất Tenzing đã đi khi leo lên đỉnh Everest.

Sai và Gyan vừa có một cuộc tham quan, đi xem đôi tất của Tenzing ở bảo tàng Darjceling, được căng ngay cạnh đài tưởng niệm của ông, và họ đã ngắm nghía chúng rất kỹ. Họ còn xem cả mũ, cuốn tuyết, ba lô, những mẫu lương thực đã khử nước chắc hẳn ông đã mang theo, sữa Horlick, đuốc, tiêu bản những con ngài và dơi vùng núi cao của dãy Himalaya.

“Tenzing, ông ấy mới là anh hùng đích thực,” Gyan nói. “Nếu không nhờ có thổ dân khuân vác hành lý, Hilary không thể nào thành công được.” Mọi người xung quanh đều tán đồng. Chắc chắn Tenzing là người đầu tiên, nếu không tức là ông bị bắt ôm đồ đứng đợi để Hilary có thể đặt bước chân đầu tiên nhân danh công ty thực dân nọ cắm cờ của mình lên một nơi không phải của mình.

Sai tự hỏi, liệu con người nên chinh phục núi non hay nên ước mơ về núi non, về chiếm hữu chúng? Trong khi thổ dân leo lên rồi leo xuống, có

vài người cả mười, mười lăm lần, không một chút vinh quang, không hề khẳng định quyền sở hữu, thì lại có những người coi đó là một chiến công thiêng liêng không ai được phép làm hoen ố.

hai mươi sáu

Khi Gyan đang mua gạo ngoài chợ và tình cờ nghe tiếng hô hào trong lúc đợi người bán hàng cân gạo cho anh, lúc đó đã sang năm mới. Từ cửa hàng bước ra, anh bị cuốn theo một đoàn diễu hành đang hào hển tiến về đường Mintri, đi đầu là may thanh niên huơ dao quăm và hô vang, “*Jai Gorkha*.” Trong một rừng khuôn mặt anh nhận ra những bạn bè đại học mà anh đã quen bằng đi từ khi bắt đầu yêu Sai. Padam, Jungi, Dawa, Dilip.

“Chhang, Bhang, Cú, Lừa,” anh gọi mấy người bạn bằng biệt danh của họ...

Họ đang hô vang “Quân Giải Phóng Gorkha Chiến Thắng,” và không nghe thấy anh gọi. Bằng sức mạnh của những người xô đẩy phía sau và xung lực của những người đi trước, họ hòa thành một khối. Không hề mất sức, Gyan thấy mình cứ thế trôi đi dọc theo con phố của những lái buôn người Marwar ngồi xếp bằng trên những chõng đệm trắng. Họ chảy qua mấy hàng đồ cổ với những bức *thangkha* ngày một cổ hơn sau mỗi luồng khí thải phun ra từ xe cộ qua lại; qua chỗ mấy hiệu thợ bạc của người Newar; chỗ ông lang người Parsi chữa bệnh theo liệu pháp đồng căn; mấy ông thợ may điếc, những người cứ nghệt mặt ra, cảm nhận được rung động của những điều người ta đang nói nhưng lại chẳng hiểu gì. Một quỹ bà điên đeo khuyên tai bằng vỏ hộp và mặc ngự bào là mớ giẻ rách của hiệu may, đang ngồi nướng một con chim chết trên bếp than bên vệ đường và đưa tay vẫy đoàn diễu hành như một nữ hoàng.

Khi bỗng bành trời qua chợ, Gyan có cảm giác như lịch sử đang được vận hành, những bánh xe của nó đang rung lên dưới chân anh, vì mọi người hành động như đang xuất hiện trên một bộ phim tài liệu về chiến tranh, và Gyan không ngăn nổi mình quan sát cảnh tượng ấy bằng một góc nhìn hoài cổ, từ vị thế của một nhà cách mạng. Nhưng rồi anh bị dứt khỏi cảm xúc ấy, trước một cảnh tượng lâu đời và quen thuộc, những người bán hàng âu lo

nhìn ra từ những cửa hiệu bạc màu sương gió. Rồi anh hô lên theo đám đông, và dường như chính việc giọng anh hòa quyện với sự lớn lao và mãnh liệt ấy đã tạo nên một mối liên hệ, một sự khẳng định chưa bao giờ anh cảm thấy, và anh bị kéo về với quá trình hình thành lịch sử.

Rồi, khi nhìn ra những ngọn đồi, một lần nữa anh rơi khỏi cảm giác ấy. Làm thế nào để những người bình thường thay đổi?

Những con người này có hoàn toàn tin tưởng vào tầm quan trọng của cuộc diễu hành, hay không hề gắn kết với việc họ làm? Họ tìm thấy động lực từ những cố sự về phong trào phản kháng, hay từ niềm hy vọng viết nên một du chuyện mới? Trái tim họ có chìm nổi theo một điều gì thực tế? Khi họ hô hào, diễu hành, cảm xúc ấy có là chân thực? Họ có nhìn nhận bản thân từ một góc độ vượt ra ngoài thời điểm hiện tại, những fan hâm mộ Lý Tiểu Long sống chuồng, mặc áo phong Mỹ made-in-China-nhập-khẩu-qua-Kathmandu này?

Anh nghĩ đến chuyện mình thường ước mơ một ngày nào đó sẽ đứng xếp hàng trước sứ quán Mỹ hay Anh, rồi bỏ xứ mà đi. “Này Momo,” anh nói trước sự hào hứng của Sai, “mình đi Úc đi.” Bay đi, bye-bye, ta-ta. Rũ bỏ lịch sử. Rũ bỏ những đòi hỏi của gia đình và những nợ nần chồng chất hàng thế kỷ. Lòng yêu nước chỉ là giả tạo, khi diễu hành anh bỗng nhận ra; chẳng qua đó chỉ là sự vỡ mộng – những người cầm đầu lợi dụng bản chất dễ kích động và khinh thị của thanh niên để công kích chính quyền; bởi tham vọng của họ là giành được chính thứ quyền lực những quan chức chính quyền đang nắm giữ, chính cái khả năng ban phát cho thương nhân địa phương những mối làm ăn để đổi lấy tiền hối lộ, chính cái khả năng kiếm công ăn việc làm cho họ hàng, chỗ học cho con cái ở trường, đường ga nấu bếp...

Nhưng họ đang gào thét, và qua khuôn mặt họ anh nhận ra họ không có sự hoài nghi như anh. Họ nói những gì họ nghĩ; họ thấy bất công. Họ đi qua những nhà kho từ thời Kalimpong là trung tâm buôn bán len, qua đại lý du lịch Sư tử Tuyết, qua bộ điện thoại STD, quán Tiên phong về Thức Ăn Nhanh của Ferrazzini, hai chị em người Tây Tang ở cửa hàng thảm Trái Tim Âm Cúng; qua thư viện cho mượn truyện tranh và những chiếc ô hồng treo

lũng lảng như những con chim bị thương xung quanh một người đàn ông đang sửa. Họ dừng lại trước đồn cảnh sát, nơi đám cảnh sát ngày thường hay ngồi lê la tán gẫu bên ngoài giờ đã chui tọc vào trong và khóa trái cửa lại.

Gyan hồi tưởng lại những câu chuyện hào hùng về một thời hàng triệu công dân đã vùng lên đòi người Anh phải rút đi. Hành động ấy có cái cao quý, cái liêu lĩnh, có ngọn lửa vinh quang – “Ấn Độ của người Ấn Độ. Không có người đại diện thì không đóng thuế. Không ủng hộ chiến tranh. Không một người, không một xu. Đả đảo người Anh!” Nếu một quốc gia từng có một cao trào như thế trong lịch sử, trong trái tim mình, liệu nó có khát khao điều ấy thêm lần nữa?

Một người đàn ông đứng lên bằng ghé:

“Hỡi các anh chị em! Năm 1947, người Anh rút đi trao tự do lại cho Ấn Độ, trao Pakistan lại cho người Hồi giáo, trao đặc quyền lại cho các đảng cấp và bộ tộc có tên trong danh sách, tất cả đều được sắp xếp đầy đủ, hỡi các anh chị em...

“Chỉ trừ Chúng ta. CHỈ TRỪ CHÚNG TA. Người Nepal ở Ấn Độ. Vào thời điểm đó, tháng Tư năm 1947, Đảng Cộng sản Ấn Độ đã yêu cầu thành lập một quốc gia Gorkhasthan, nhưng yêu sách đó đã bị phớt lờ... Chúng ta làm lao công ở đồn điền chè, làm culi còng lưng vác nặng, làm lính tráng. Và chúng ta có được phép trở thành bác sĩ, viên chức, chủ đồn điền chè không? *Không!* Chúng ta bị kiểm tỏa trong vòng nô bộc. Chúng ta chiến đấu nhân danh người Anh hai trăm năm. Chúng ta tham chiến ở thế chiến thứ nhất. Chúng ta tham chiến ở Đông Phi, Ai Cập, vịnh Ba Tư. Chúng ta bị đẩy từ nơi này sang nơi khác theo ý họ. Chúng ta chiến đấu ở Thế chiến thứ hai. Hết châu Âu, Syria, Ba Tư, Malaya rồi Miến Điện. Họ sẽ đi về đâu nếu không có lòng dũng cảm của dân tộc ta? Và Chúng ta vẫn đang chiến đấu cho họ. Khi các binh đoàn được chia nhỏ ra sau độc lập, có người sang Anh, có người ở lại, những ai ở lại vẫn tiếp tục chiến đấu như thế vì Ấn Độ. Chúng ta là những chiến binh, trung thành, dũng cảm. Ấn Độ hay Anh, họ

không bao giờ có lý do để nghi ngờ lòng trung thành của chúng ta. Trong chiến tranh với Pakistan, chúng ta đã chiến đấu chống lại những đồng đội cũ bên kia chiến tuyến. Lòng Chúng ta đã đau xót nhường nào. Nhưng chúng ta là người Gorkha. Chúng ta là những người lính. Phẩm chất của chúng ta chưa bao giờ bị nghi ngờ. Và chúng ta đã được tưởng thưởng những gì? Chúng ta có được bù đắp gì không? Có ai tôn trọng chúng ta không?

“Không! Họ nhổ toẹt vào chúng ra.”

Gyan nhớ lại lần phỏng vấn xin việc gần đây nhất của anh hơn một năm về trước khi anh phải lặn lội lên tận Calcutta bằng chuyến xe khách chạy đêm, đến một văn phòng chôn sâu giữa một tòa nhà bê tông dưới ánh lập lờ của một ống đèn huỳnh quang chưa bao giờ sáng ổn định.

Nhìn mặt ai cũng vô vọng, những người ngồi trong phòng cũng như nhân viên phỏng vấn, người cuối cùng cũng tắt ngọn đèn lập lờ đi – “Điện yếu” – và tiến hành phỏng vấn trong bóng tối. “Rất tốt, nếu anh đạt yêu cầu chúng tôi sẽ thông báo.” Gyan, dò dẫm tìm đường ra khỏi cái mê cung ấy và bước ra dưới ánh sáng không khoan dung của mùa hè, biết rằng anh sẽ chẳng bao giờ được nhận.

“Chúng ta chiếm tới tám mươi phần trăm dân số ở đây, nhưng thử hỏi chín mươi vườn chè trong huyện có lấy một cái nào thuộc sở hữu của người Nepal không?” người đàn ông hỏi.

“Không.”

“Con cái Chúng ta có được học ngôn ngữ của chúng ta ở trường không?”

“Không.”

“Chúng ta có thể tìm việc khi những chỗ làm ấy đã được hứa cho những người khác không?”

“Không?”

“Giữa chính đất nước của mình, đất nước chúng ta đã vì nó mà chiến đấu, chúng ta lại bị đối xử như nô lệ. Hàng ngày từng đoàn xe chở rừng của

chúng ta đi, bị bọn ngoại quốc đem bán lấy tiền đây túi. Hàng ngày đá của chúng ta dưới lòng sông Teesta bị mang lên dựng nhà cửa và thành phố cho bọn chúng. Chúng ta là những người lao động quanh năm chân lấm tay bùn, gầy như que củi, còn chúng ngồi ườn ra béo tốt trong nhà ở dành cho đốc công với những vợ bé tốt, với tài khoản ngân hàng béo tốt và con cái béo tốt đi du học nước ngoài. đến cái ghé chung ngồi cũng béo tốt. Chúng ta phải chiến đấu, hỏi các anh chị em, để tự định đoạt số phận của mình. Chúng ta phải đoàn kết lại dưới ngọn cờ của GNLF, Mặt trận Giải phóng Dân tộc Gorkha. Chúng ta sẽ xây bệnh viện và trường học. Chúng ta sẽ lo công ăn việc làm cho con trai mình. Chúng ta sẽ trả lại phẩm giá cho con gái mình đang oằn lưng vác nặng và đập đá trên đường. Chúng ta sẽ bảo vệ quê hương mình. Đây là nơi chúng ta đã sinh ra, cha mẹ chúng ta đã sinh ra, ông bà chúng ta đã sinh ra. Chúng ta sẽ tự điều hành công việc của mình bằng ngôn ngữ của mình. Nếu cần, chúng ta sẽ lại rửa lưỡi dao nhuộm máu của mình trong dòng nước mẹ hiền Cửa sông Teesta. Jai Gorkha.” Người diễn thuyết vung lưỡi dao cong lên và đâm vào ngón cái của mình, giơ bàn tay đầm máu lên cho mọi người cùng thấy.

“*Jai Gorkha! Jai Gorkha! Jai Gorkha!*” đám đông gào lên, huyết quản họ rung lên, rộn lên, trào lên trước hình ảnh bàn tay của người diễn thuyết. Ba mươi người ủng hộ bước lên và cũng dùng dao chích máu từ ngón cái để viết nên một tấm áp phích đòi thành lập Gorkhaland, bằng máu.

“Hỡi những chiến binh Gorkha dũng cảm đang bảo vệ Ấn Độ – hãy nghe lời hiệu triệu,” những lá truyền đơn tràn ngập vùng đồi kêu gọi. “Hãy rời bỏ quân đội ngay lập tức. Vì khi giải ngũ các bạn sẽ bị đối xử như người ngoại quốc.”

GNLF sẽ có việc làm cho chính mình, và có một quân đội Gorkha hùng mạnh với 40.000 người, có trường đại học và bệnh viện.

Sau đó, Chhang, Bhang, Cú, Lừa và nhiều người khác ngồi lại ở căn lán chật hẹp ở Căng tin Thapa dành cho Cựu Chiến Binh trên đường

Ringkingpong. Một tấm biển nhỏ viết tay treo bên cạnh nhà ghi “Gà Nướng”. Bên ngoài là một bàn bi a đặt cân trên một thùng phuy dầu; và hai người lính già tả tơi rệu rã, chân vòng kiềng, thuộc Binh đoàn Súng trường Gorkha Số Tám, đang chơi trong khi những cụm mây lượn lờ và cuộn lên giữa hai đầu gối họ. Những dãy núi tách ra sắc ngọt và đổ sang hai bên của rặng tre ngả thành màu xám vì hơi nước ngưng đọng lại.

Không khí lạnh dần đi và đêm xuống. Gyan, người tình cờ bị cuốn vào đoàn diễu hành, người đã hò hét nửa giễu cợt, nửa chân thành, người đã nửa đòng và nửa sống một vai diễn, nhận ra cái nhiệt huyết ấy đã tác động đến mình. Sự mĩa mai và bối rối trong anh biến mất. Bốc lên vì rượu, cuối cùng anh đã chịu khuất phục sự lôi kéo quyến rũ của lịch sử và cảm nhận nhịp đập của huyết quản mình đang rung lên theo một điều gì đó hoàn toàn xác thực.

Anh kể câu chuyện về cụ anh và các ông trẻ của anh, “Các cậu nghĩ họ có được nhận lương hưu giống những người Anh cùng cấp bậc không? Họ vào sinh ra tử, nhưng họ có kiếm được đồng lương như thế không?”

Mọi sự phẫn nộ khác trong căng tin chào đón sự phẫn nộ của anh và vở vai nó. Tất cả bỗng trở nên rõ ràng, vì sao anh chẳng có một xu dính túi, không có công việc nào đón đường anh đi, vì sao anh không được đi Mỹ du học, vì sao anh xấu hổ không dám mời ai đến thăm nhà. Anh nhớ mình đã phải từ chối Sai ra sao cái hôm nàng gợi ý đến thăm nhà anh. Trên hết, anh hiểu ra vì sao anh lại phát điên lên với cái sự nhu nhược của cha mình, vì sao anh không thể nói chuyện về ông một người có ý niệm về hạnh phúc khiêm nhường đến mức ngay cả sự khó chịu hàng ngày đến từ năm mươi hai đứa học trò nhốn nháo trong Lớp học ông dạy ở đồn điền, ngay cả sự xa cách gia đình, sự lẻ loi trong công việc, cũng không làm ông phiền lòng. Gyan muốn lắc cho ông tỉnh ra, nhưng biết có thu được gì như ý không khi ta rũ một chiếc tất? Mà nói chuyện thẳng thắn với một người như thế – chỉ tổ làm mình chán nản gấp đôi mà thôi...

Trong một tích tắc, mọi sự vờ vĩnh này kia mà anh đã buông thả mình vào, mọi tui hể anh từng chịu đựng, cái tương lai sẽ không chấp nhận anh –

tất cả những điều ấy hòa quyện lại thành một sự thực duy nhất.

Bọn họ ngồi đó, khơi dậy những phần nộ trong mình, và họ nhận ra, như tất cả mọi người trên đất nước này, vào thời điểm này hay thời điểm khác, rằng những oán thù cũ bất kỳ lúc nào cũng có thể được tái sinh.

Và khi họ đã khai quật nó lên, họ nhận ra nỗi oán hận ấy thật thuần khiết, thuần khiết như chưa bao giờ thuần khiết thế, vì những bi thương của quá khứ đã tan biến cả rồi. Chỉ còn lại sự phẫn nộ, đậm đặc, tự do. Nó đương nhiên thuộc về họ theo quyền thừa kế, nó làm họ ngắc ngậy, nó là một thứ ma túy. Họ ngồi đó, lằng lằng trong dạ, trên những băng ghế hẹp, những bàn chân lạnh giá đặt trên nền đất.

Bầu không khí ấy đậm chất nam nhi và Gyan cảm thấy một thoáng hổ thẹn khi nhớ đến những bữa tiệc trà với Sai trên hiên nhà, đến món bánh mì nướng kẹp pho mát, gatô nữ hoàng của ông hàng bánh, và tộ hơn cả là cái không gian nhỏ bé đầm ấm họ chia sẻ cùng nhau, những chuyện nụng nịu trẻ con...

Bỗng nhiên điều đó có vẻ đi ngược lại những đòi hỏi của sự trưởng thành ở anh.

Anh lên tiếng phát biểu một ý kiến sắt đá rằng phong trào Gorkha cần phải chọn đường lối cứng rắn nhất có thể.

hai mươi bảy

Lòng bồn chồn và u ám, hôm sau Gyan lại đến Cho Oyu, bực bội vì phải đi một quãng đường dài dưới trời giá lạnh chỉ vì khoản tiền nhỏ mọn ông tòa trả cho mình. Anh giận điên lên khi thấy ở đây người ta sống trong ngôi nhà và dinh cơ đồ sộ này, tắm nước nóng, ngủ một mình trong phòng rộng rãi, và anh chợt nhớ đến bộ dao đĩa và bữa tối có món đậu hầm với Sai và ông tòa, tới câu nói “Xem ra óc xét đoán thông thường đã từ bỏ cậu rồi” của ông.

“Anh đến muộn thế,” Sai nói khi nàng trông thấy anh, còn anh thì đang giận dữ, một cơn giận khác với đêm qua, khi lòng đầy phần nộ dưới lớp sơn chiến tranh²², anh đã cong mông lên, ưỡn ngực ra và khám phá được một tư thế cao đạo, một thái độ nói chuyện mới. Đây là một cơn giận nhỏ nhặt, nó níu kéo anh, kìm hãm rình thần anh, khiến anh trở nên cáu bẳn. Tâm trạng buồn bực này khác hẳn mọi cảm xúc trước đây anh từng có với Sai.

Để anh vui lên, Sai kể cho anh nghe chuyện bữa tiệc Giáng sinh...

Anh biết không, ba lần liền mọi người tìm cách châm lửa cái muống xúp đồ đầy rượu brandy rồi rưới nó lên chiếc bánh pudding...

Gyan lờ nàng đi, mở cuốn sách vật lý ra. Ôi, giá mà cô ta im đi nhi – cái sự ngờ nghệch hồn nhiên mà trước giờ anh không nhận thấy – anh vốn đã thừa bực tức để chịu đựng cả điều này.

Nàng miễn cưỡng quay lại với trang sách; đã lâu lắm rồi họ mới nhìn đến môn vật lý một cách nghiêm túc.

“Nếu có hai vật thể, một vật nặng... còn vật kia nặng... được thả từ tháp nghiêng Pisa xuống, chúng sẽ rơi xuống đất vào thời điểm nào và với vận tốc bao nhiêu?”

“Anh đang không vui,” nàng nói và ngáp với về xa hoa để gợi ý những lựa chọn khác hơn, hay hơn.

Anh vờ như không nghe thấy.

Rồi anh cũng ngáp, dù không muốn.

Nàng lại ngáp, thật kỹ như một con sư tử, để cái ngáp nở hoa trước mặt.

Rồi đến lượt anh, một cái ngáp khiêm tốn mà anh cố nén và nuốt trở vào.

Nàng ngáp...

Anh ngáp.

“Chán vật lý rồi phải không?” nàng hỏi, được sự đồng bệnh tương lân hiển nhiên kia khuyến khích.

“Không. Không hề.”

Thế sao anh lại ngáp?

“VÌ CÁC NGƯỜI LÀM TÔI CHÁN MUỐN CHẾT, CHỨ CÒN VÌ SAO NỮA.”

Im lặng sững sờ.

“Tôi không quan tâm đến Giáng sinh! anh hét lên. “Các người mừng Giáng sinh làm cái gì? Các người là tín đồ Hindu nhưng lại không kỷ niệm ngày sinh của Id hay Guru Nanak đến cả lễ Durga Puja, Dussehra hay Năm mới Tây Tạng cũng không.

Nàng ngẫm nghĩ: Vì sao nhỉ? Năm nào nàng cũng mừng Giáng sinh. Không phải tại tu viện, nàng căm ghét nó vô cùng, nhưng...

“Các người chẳng khác gì nô lệ, chạy theo phương Tây, tự biến mình thành trò cười. Chính vì những kẻ như các người mà chúng tôi chẳng đi đến đâu.”

Bị cái nọc độc bất ngờ của anh cắn phải, nàng thét lên “Không, không phải thế.”

“Thế thì là cái gì?”

Nếu em có mừng Giáng sinh thì chẳng qua là vì em thích, nếu em không làm lễ Diwali thì là vì em không thích. Vui vẻ một chút thì có gì là sai, mà lễ Giáng sinh cũng là một ngày lễ của Ấn Độ như bao ngày lễ khác cơ mà. “

Điều nay tiếp tục khiến anh cảm thấy phản thế tục và phản Gandhi.

‘Cô thích làm gì thì làm,’ anh nhún vai, ‘tôi không quan tâm – nó chỉ tổ khiến cả thế giới này thấy cô chỉ là một CON NGỐC ‘

Anh dẫn từng tiếng, háo hức thấy sự tổn thương lướt qua trên mặt nàng.

‘À, nếu em là một con ngốc thế thì sao anh không đi về đi. Anh còn dạy em làm gì nữa?’

‘Yên tâm, tôi sẽ về. Cô nói đúng. Tôi dạy cô làm cái gì cơ chứ? Rõ ràng là cô chỉ muốn bắt chước. Cô nào có tự suy nghĩ được đâu. *Con khi, con khi*. Chẳng lẽ cô không biết, những người mà cô bắt chước như khi ấy, HỌ KHÔNG CÂN CÔ!!!’

‘Em không bắt chước ai hết!’

‘Cô nghĩ mình là người đầu tiên làm lễ Giáng sinh à? Thôi đi, đừng bảo tôi rằng cô ngốc đến mức ấy nhé?’

‘À, nếu anh thông minh đến thế,’ cô nói, ‘thì tại sao anh không tìm nổi một việc làm cho tử tế? Trượt, trượt, trượt. Lăn phông vấn nào cũng trượt.’

‘*Chính vì những người như cô!*’

‘Ô, hóa ra là vì tôi... và anh bảo tôi rằng tôi ngốc? Ai ngốc? Thử đi hỏi quan tòa xem người ta nói ai mới là đồ ngốc.’

Nàng cầm cốc lên nhưng run rẩy đến nỗi nước trong cốc sánh cả ra ngoài trước khi nó chạm môi nàng.

hai mươi tám

Ông tòa đang nghĩ về lòng căm ghét của mình.

Khi từ Anh trở về, cậu được chào đón bằng chính ban nhạc kèn đồng già nua đã tiễn cậu lên đường ngày nào, nhưng lần này nó trở thành vô hình vì khói bụi mịt mù từ trận pháo hoa được bán lên đường ray và nổ tung tóe khi đoàn tàu vào ga. Bốn bề dậy lên tiếng hò reo và huýt sáo của hai ngàn con người đã tụ tập ở đây để Chúng kiến sự kiện lịch sử này, khi đưa con đầu tiên của cộng đồng gia nhập ICS. Những vòng hoa phủ kín người cậu; những cánh hoa vương trên vành mũ. Và kia, nép dưới cái bóng mỏng như lưỡi dao ở cuối ga, là một ai đó thật mơ hồ quen thuộc; không phải một bà chị, không phải một cô em; đó là Nimi, vợ cậu, người vừa trở về từ nhà bố đẻ, nơi cô đã sống suốt thời gian qua. Trừ những lời trao đổi với các bà chủ nhà và vài câu “Moi việc thế nào?” ở các cửa hàng, đã mấy năm trời nay cậu không nói chuyện với một phụ nữ nào.

Cô bước về phía cậu với một vòng hoa. Họ không nhìn nhau khi cô quàng vòng hoa qua cổ cậu. Mắt cậu nhìn lên, mắt cô nhìn xuống. Cậu hai lăm, cô mười chín.

“Xấu hổ quá kìa, xấu hổ quá kìa” – đám đông hớn hờ chắc mẫm rằng mình đang được chứng kiến sự e thẹn của tình yêu. (Phi thường thay kỳ vọng của khán giả, họ luôn từ chối tin rằng ái tình lãng mạn không tồn tại).

Cậu biết làm gì với cô bây giờ?

Cậu đã quên mất mình có một người vợ.

À, dĩ nhiên là cậu biết, nhưng cô đã trôi dạt đi mất như những gì thuộc về quá khứ của cậu, một chuỗi các sự thực giờ đã chẳng còn liên quan gì nữa. Tiêng cái sự thực này, nó sẽ theo cậu như những bà vợ thuở ấy vẫn theo chồng.

Suốt năm năm qua Nimi vẫn nhớ như in chuyến đi xe đạp và trái tim bỗng bênh của cô ngày ấy – khi ấy đối với cậu cô hẳn là đáng yêu biết chừng nào... Cậu đã tìm thấy sự quyến rũ ở cô và cô sẵn lòng trân trọng bất kỳ ai nghĩ vậy. Cô lục lọi hộp đồ vệ sinh cá nhân Jemubhai mang từ Cambridge về và thấy có một lọ sáp xanh, một bộ lược và bàn chải tóc bằng bạc, một nùi bông có móc lụa để trong một cái hộp tròn đựng bột – và thanh tao tìm đến với cô là hơi oải hương đầu tiên trong đời cô. Những mùi hương thanh thanh dịu dịu bay lên từ đồ đạc của cậu đều đến từ một miền đất lạ. Piphit có mùi khói bụi và thỉnh thoảng là mùi hương lạ lẫm của cơn mưa. Mùi hương ở Piphit say, nồng và vánh vất. Cô chẳng biết gì nhiều về người Anh, và những gì cô biết cũng chỉ dựa vào dăm ba câu chuyện lọt đến tai họ ở chốn khuê phòng cách biệt, như chuyện những phụ nữ Anh chỉ mặc đồ lót khi chơi ten-nis ở câu lạc bộ.

“Quần soóc!” một ông chú trẻ tuổi nói.

“Quần lót,” các bà các cô cãi.

Giữa các quý bà mặc quần lót cầm vợt tennis, cô sẽ xoay xở thế nào?

Cô nhặt cái bông nhồi phấn của ông tòa lên, cởi cúc áo và thoa phấn lên ngực mình. Cô cài áo lại, còn cái bông phấn kia, thật lạ lẫm, thật mịn màng, cô nhét nó vào trong áo; cô đã quá lớn khôn để làm trò ăn cắp của con nít, cô biết vậy, nhưng trong cô bỗng tràn ngập một lòng tham.

Buổi chiều ở Piphit rất dài, mọi người nhà Patel đều đang nghỉ trưa, cố gắng xua đi nỗi sợ rằng thời gian sẽ ngừng không trôi nữa, tất cả mọi người, trừ Jemubhai người đã trở nên xa lạ với sự đầu hàng ấy.

Cậu nhóm dậy, bồn chồn, nhìn ra con khủng long có cánh – cây chuối mờ tím với con mắt của người lần đầu tiên nhìn thấy nó. Cậu là một người ngoại quốc – một người ngoại quốc – từng tế bào trên người cậu gào lên như thế. Chỉ mỗi hệ tiêu hóa của cậu là bất đồng quan điểm và mách rằng cậu đã ở nhà: khi quần quai ngồi bẹp trong cái nhà xí chật hẹp đó, hai đầu gối quý ông của cậu kêu lên cọt két và lăm bằm chửi “Tiên sư nó chứ,” cậu nhận ra

đường tiêu hóa của mình làm việc đặc biệt hiệu quả – y như *hệ thống giao thông phương Tây* vậy.

Nhàn rồi đi kiểm tra đồ đạc, cậu phát hiện ra vụ mất trộm.

“Cái bông nhồi phấn của tôi đâu?” Jemubhai hét lên với đám đàn bà nhà Patel đang nằm trườn ra trên mấy cái chiếu rải dưới bóng râm của mái hiên.

“Cái gì?” họ hỏi, ngھn đầu lên, nheo mắt lại trước ánh nắng chói lóa.

“Có người lục lọi đồ đạc của tôi.”

Kỳ thực, cho tới lúc đó thì mọi người trong nhà hầu như ai cũng đã lục lọi đồ đạc của cậu và họ không thấy chuyện đó có gì là nghiêm trọng. Quan điểm mới của cậu về sự riêng tư thật khó hiểu; tại sao cậu lại để bụng và thế quái nào mà làm vậy lại đồng nghĩa với ăn cắp được?

“Nhưng mà mất cái gì?”

“Cái bông nhồi phấn của tôi.”

“Nó là cái gì?”

Cậu cố gắng giải thích.

“Nhưng cái của nợ ấy dùng để làm gì, *baba*?” Họ nhìn cậu kinh ngạc.

“Cái gì mà hồng với trắng? Thoa cái thứ đó lên da á? Để làm gì?”

“Thế nó màu gì?”

“Hồng á?”

Mẹ cậu bắt đầu lo lắng. “Da con bị làm sao à?” bà ân cần hỏi.

Nhưng rồi, “Ha ha,” một bà chị sau khi nghe kỹ lưỡng liền cười phá lên, “nhà cho cậu đi du học để thành một quý ông, hóa ra cậu lại trở thành một quý bà!”

Chuyện động trời ấy đồn ra, và từ những nhà xa hơn trong họ Patel, bà con bắt đầu mò đến. Các *kaka kaki masa masiphuaphui*. Bọn con nít gồm ghiếc nhất loạt xuất hiện, cả một bầy không sao phân biệt được đứa nào với

đứa nào, vì cả bọn giống y như một con quái vật bằng chất dẻo với vô số chân tay rỗng rỗng lặn vào, làm náo loạn cả lên, hò hét inh ỏi; hàng trăm bàn tay đưa lên bịt hàng trăm cái miệng quái vật đang cười hình hích. Ai ăn cắp cái gì cơ ạ?

“Chú bị mất cái bông nhồi phấn,” cha của Jemubhai nói, có vẻ ông nghĩ rằng vật đó hẳn là quan trọng cho công việc của con trai.

Họ đều nói *bông nhồi phấn* bằng tiếng Anh, vì đương nhiên là không có từ nào trong tiếng Gujarati cho cái phát minh này. Thứ thổ âm của họ giãy vò Jemubhai. “Pông nhùi phứn,” nghe như một món ăn Parsi nào đó.

Họ lôi tất cả đồ đạc trong tủ ra, lục tung cả lên, nhao nhao kiểm từng thứ một, com lê của cậu, đồ lót của cậu, cái ống nhòm xem opera của cậu, qua nó cậu đã được xem những chiếc váy xòe màu hồng màu trắng của các nữ diễn viên ba lê đang thực hiện một điệu nhảy ngang duyên dáng trong vở *Giselle*, nếp váy xòe ra như khuôn bánh kem và mẫu trang trí trên bánh ga tô.

Nhưng không, không tìm thấy nó. Trong bếp cũng không thấy, ngoài hiên cũng không. Không thấy đâu tất cả.

Mẹ cậu tra hỏi những đứa em họ nghịch ngợm nhất.

“Mày có thấy không?”

“Thấy cái gì ạ?”

“Cái pông nhùi phứn.”

“Cái bông nhồi phấn là cái gì ạ? Pông nhùi phứn?”

“Để bảo vệ da.”

“Bảo vệ da khỏi cái gì ạ?”

Thế là lại phải lung tung giải thích lại tất cả từ đầu một lượt.

“Hồng và trắng? Để làm gì?”

“Các người thì biết cái quái gì!” Jemubhai thốt lên. Một lũ dốt nát và tắt mắt.

Cậu cứ ngỡ họ sẽ biết người biết của, ấn tượng và thậm chí là hơi choáng ngợp trước con người mới cậu đã trở thành, nhưng hóa ra họ lại cười nhạo cậu.

“Cô biết gì đó đúng không,” cuối cùng cậu buộc tội Nimi.

“Em chưa thấy nó bao giờ. Mà em để ý đến nó làm gì cơ chứ?” cô đáp. Tim cô đập thình thịch dưới hai bầu ngực thoa phấn hoa oải hương hồng và trắng, dưới cái bông nhồi phấn từ-Anh-về cửa chõng mình.

Cậu không ưa khuôn mặt vợ mình, cố tìm kiếm sự căm ghét trên đó, thấy vẻ đẹp của cô, gạt nó sang một bên. Đã một thời đó là một sự gọi mời quyến rũ từng làm trái tim cậu tan thành nước, nhưng giờ đây nó chẳng còn liên quan gì nữa. Một cô gái Ấn Độ không bao giờ đẹp bằng một cô gái Anh.

Thế rồi, đúng lúc quay đi, cậu nhìn thấy nó...

Lấp ló giữa hàng khuy áo, là vài sợi tơ mỏng mảnh mịn màng.

“Ồ khốn nạn!” cậu hét lên và, từ giữa hai bầu ngực buồn thảm của cô, cậu giật ra, như một đóa hoa kỳ dị, hay một trái tim tan nát đang thổn thức...

Cái bông nhồi phấn làm đóm của cậu.

“Sập giường đi,” một bà cô già kêu lên khi nghe tiếng vật lộn trong phòng, và họ bắt đầu cười khúc khích và gật đầu thỏa mãn.

“Giờ nó sẽ phải an phận,” một mục khộm già giọng sắc mùi thuốc bảo. “Con nhỏ này là ngang bướng lắm.”

Bén trong căn phòng, nơi những người bình thường vẫn ngủ ở đấy đã chủ động di tản, Jemubhai, mặt bừng bừng giận dữ, túm lấy vợ mình.

Cô tụt khỏi tay cậu và cơn giận của cậu bốc lên.

Cô ta, người ăn cắp đồ của cậu. Cô ta, người đã khiến họ *cười nhạo* cậu. Cái đứa con gái nhà quê thất học này. Cậu túm lấy cô lần nữa.

Cô chạy còn cậu đuổi theo.

Cô chạy ra cửa.

Nhưng cửa đã khóa.

Cô cố mở.

Nó không nhúc nhích.

Bà cô nọ đã khóa cửa lại – để phòng xa. Đã có bao nhiêu chuyện cô dâu tìm cách bỏ trốn – thi thoảng còn có cả chuyện một đức ông chồng lên đi mất. Nhụcnhãnhụcnhãnhụcnhãnhụcnhã cho cả họ.

Cậu lại gần cô với ánh nhìn của kẻ sát nhân.

Cô chạy tới bên cửa sổ.

Cậu chặn cô lại.

Không kịp nghĩ ngợi gì, cô chộp cái hộp phấn trên chiếc bàn gần cửa ra vào và ném nó vào mặt cậu, thất kinh vì việc mình đang làm, nhưng cơn kinh hãi ấy đã nhập vào làm một với hành động của cô, hồi cũng không kịp nữa, và chỉ trong tích tắc đã thành chuyện đã rồi...

Cái bình vỡ tan, bột phấn chao lên đổ xuống.

Trông thật gớm ghiếc dưới lớp phấn màu nhuộm kẹo phủ kín người, cậu vồ lấy cô, quật cô xuống sàn, và khi cái nước da màu hồng hoàn mỹ kia bắn tung thành cả triệu hạt bụi lả tả rơi xuống, trong một cơn ức chế nặng nề của dục vọng và giận dữ – dương vật cương lên, vằn vện tím đến như thịnh nộ, dò dẫm, phát hiện ra cái khe mà cậu vẫn nghe người ta đồn đại – cậu thô bạo đi vào trong cô.

Một ông bác đã già, một người da chim nhăn nheo quần dhoti và đeo kính, ghé mắt nhìn qua kẽ vách, cảm thấy cơn dục của mình chín muồi và bật ra – làm ông ta phải loi choi nhảy qua sân.

Jemubhai lấy làm mừng là cậu có thể che đậy sự thiếu kinh nghiệm và thô lỗ của mình bằng thù hận và giận dữ – đây là một thủ đoạn sẽ giúp đỡ cậu đắc lực suốt đời trong nhiều lĩnh vực khác nhau – nhưng Chúa ơi, mỗi sự dị dạng của nó đều làm cậu kinh hãi: sự tiếp xúc của những bộ phận cơ thể đang vươn ra, trời lên trong một đợt tấn công và tàn phá khủng khiếp; những hình hài xước xát, thâm tím của sự sống đang co quắp, quẫy đạp; cái lạch chua chua, lông lá; cái ác vật gân guốc như rắn đang giằn giật; cái mùi hôi thối của nước tiểu và phân trộn lẫn với mùi dục tình; cái tiếng lép nhép, cái tia chất lỏng, cái sự phun trào không sao kiềm chế nổi ấy – nó làm lộn mửa cái dạ dày văn minh của cậu.

Thế nhưng cậu vẫn tái diễn hành động cặn bã ấy hết lần này đến lần khác. Dù là trong nỗi chán chường, triền miên, một thói quen bản thân cậu không tài nào thay đổi được. Cảm giác vô vị ấy và sự cố chấp của bản thân khiến cậu giận dữ hơn bao giờ hết và cậu không cưỡng lại được bất kỳ sự tàn nhẫn nào đối với cô. Cậu sẽ dạy cho cô những bài học của cô độc và tủi hổ mà cậu từng ném trái. Ra chỗ đông người, không bao giờ cậu nói chuyện với cô hay nhìn về phía cô.

Cô quen dần với cái vẻ mặt vô cảm của cậu khi cậu ấn vào bên trong cô, cái nhìn về đâu đó xa vời, hoàn toàn gói gọn trong nó, một cái nhìn cũng trống rỗng như một con chó hay con khỉ nhẩy đực ngoài chợ; cho tới khi đột nhiên cậu như mất khả năng kiểm soát và cái thần tình ấy rơi tuột khỏi khuôn mặt cậu. Chỉ một khoảnh khắc sau, trước khi để lộ điều gì, nó đã yên vị trở lại và cậu rút ra để vào nhà tắm ngồi thật lâu, thật kỹ với xà phòng, nước nóng và Dettol. Cậu tiếp nối nghi thức tẩy uế của mình bằng một liều whisky chữa bệnh, như một thứ thuốc sát trùng.

Ông tòa và Nimi mất hai ngày ngồi tàu hỏa và ô tô, và khi đến Bonda, ông thuê một căn nhà một tầng ở gần đường xe lửa với giá ba mươi lăm rupee một tháng, không điện nước. Ông không thể ở chỗ nào khá khâm hơn cho đến khi trả xong nợ, thế nhưng ông vẫn dành tiền ra thuê một người bầu bạn với Nimi. Một Tiểu thư Enid Pott nhìn y như một con chó ngao đội mũ.

Công việc trước đây của cô là làm gia sư cho đám trẻ nhà ông Singh, viên trưởng công tố, và cô đã nuôi dạy lũ trẻ gọi mẹ là Má, gọi cha là Ba, cho chúng uống dầu cá trị sỏi bụng, dạy chúng hát bài “Nellie Bly”. Bức ảnh trong ví có hình cô và hai bé gái nước da sẫm màu mặc đồ thủy thủ; bít tất của bọn trẻ rất nét nhưng khuôn mặt lại cúi gằm xuống.

Nimi không biết tiếng Anh, và ông tòa coi đó là từ cái thói ngoan cố mà ra.

“Cái gì đây?” ông giơ một quả lê lên và giận dữ hỏi vợ mình.

“Cái gì đây?” – ông chỉ cái tô đựng nước thịt mua tại một cửa hàng đồ cũ, được bán đi từ một gia đình nào đó có tên viết tắt vừa khéo trùng với ông, *JPP*, bằng một kiểu chữ bay bướm quá mức. Ông đã âm thầm mua và giấu nó vào một cái túi khác, để sự vờ vịt khôn khéo và tính tần tiện của mình không bị người ta phát hiện ra. *James Peter Peterson* hay *Jemubhai Popatlal Patel*. NẾU ngài vui lòng.

“Cái gì đây?” ông cầm ổ bánh mì lên hỏi.

Im lặng.

“Cô mà không nổi được thì đừng có ăn nữa.”

Lại im lặng.

Ông lấy ổ bánh khỏi đĩa của cô.

Về cuối buổi tối, ông giăng cốc Ovaltine ngay trên môi cô: “Nếu cô không thích thì đừng uống nữa.”

Ông không thể đưa cô đi đâu và phải vòng vo khi bà Singh vẫy vẫy ông và hỏi, “Vợ ông đâu hả ông Patel? Không phải là bị cấm cung đấy chứ, tôi hy vọng thế?” Để đóng trọn vai của mình trên đường hoạn lộ của chồng, bà Singh đã cố gắng bắt chước cái mà bà ta coi là sự cân bằng của một phụ nữ. Anh điển hình, giữa hòa nhã một cách sắc sảo và thẳng thắn một cách kiên quyết, nhờ vậy đã thành công trong việc át vía rất nhiều người bản xứ vốn tự hào rằng mình toàn nói chuyện vòng vo tam quốc.

Nimi không thắp tùng chồng đi công cán như các bà vợ khác, họ hoặc cưỡi ngựa hoặc cưỡi voi hoặc cưỡi lạc đà hoặc ngồi *palkis* do phu khuân vác khiêng (tất cả những người rồi sẽ chết yếu vì bàn tọa đồ sộ của các bà), trong khi xúng xoảng đằng sau là nồi niêu xoong chảo, chai whisky và chai porto, máy đếm Geiger và lân quang kế, hộp cá ngừ và con gà đang nháo-nhác-vì-sợ-hãi. Chẳng ai bảo, nhưng nó biết; điều đó ở trong tiềm thức nó, cái sự chờ đợi lưỡi dao cắt tiết ấy.

Nimi bị bỏ lại Bonda một mình; bốn tuần thì có đến ba cô tha thân trong nhà, trong vườn. Cô đã mười chín năm sống cảnh cấm cung ở dinh cơ của cha mình, và cô vẫn chưa thể nghĩ ngợi thấu đáo về chuyện bước qua cánh cổng. Cái cách nó rộng mồm cho cô đến và đi – cảnh tượng ấy gieo vào lòng cô một nỗi cô đơn tràn ngập. Cô bị ghẻ lạnh, tự do của cô chỉ là vô dụng, chồng cô không đếm xỉa gì đến trách nhiệm của mình.

Cô theo cầu thang leo lên mái nhà giữa cái ôn hòa chậm rãi của trời chiều chạng vạng những ngày hè, ngắm dòng Jamuna chảy giữa một cảnh vật bao phủ trong lớp kén mong manh của bụi mờ. Lũ bò đang trở về chuồng; tiếng chuông từ ngôi đền đang ngân lên; cô có thể thấy lũ chim xem xét cái cây đầu tiên làm chỗ nghỉ đêm, rồi đến một cây khác, vừa bay vừa háo hức kêu riu rít như đám đàn bà ở một quây bán sari vậy. Bên kia sông, ở phía đằng xa, cô có thể thấy những tàn tích một hành cung săn bắn có từ thời Mughal đại đế Jehangir: chỉ sót lại vài mái vòm nhạt sắc vẫn đang nâng đỡ những phù điêu hình hoa diên vĩ. Người Mughal đã từ núi cao tràn xuống xâm lăng Ấn Độ và mặc dù bản chất vốn hiếu chiến, họ vẫn đủ đa cảm để khốc thương sự tàn lìa của loài hoa này trong cái nóng; giấc mơ trường tồn của hoa diên vĩ được điêu khắc khắp nơi, dưới bàn tay các nghệ nhân, những người cảm được nỗi hoài cổ và thấy được vẻ đẹp trong những gì họ đã chế tác nên và không bao giờ được ai biết đến.

Chứng kiến cảnh tượng ấy, chứng kiến sự trôi đi và tiếp diễn của lịch sử, điều đó buồn thảm lay động cõi lòng Nimi. Cô đã hoàn toàn rời khỏi cuộc đời. Hàng tuần lễ trôi qua và cô không nói chuyện với một ai, đắm

người hầu vớt thức ăn thừa của chính họ lên bàn cho cô ăn, ngang nhiên ăn cắp thực phẩm dự trữ, bỏ mặc ngôi nhà bẩn thỉu mà không hề áy náy cho tới tận trước ngày Jemubhai trở về, khi đột nhiên nó được dọn dẹp sáng sủa như cũ, đồng hồ được chỉnh đúng thời gian biểu, nước được đun đúng hai mươi phút, hoa quả được ngâm đúng số phút quy định trong dung dịch thuốc tím hòa tan. Cuối cùng chiếc xe ô tô cũ mới mua của Jemubhai – nhìn giống một con bò béo tốt hiền lành hơn là một chiếc ô tô – sẽ ùng ục chạy qua cánh cổng.

Ông xăng xái bước vào nhà, và khi ông nhận ra người vợ là một cản trở thô bạo đối với tham vọng của mình...

À, cảm giác bức tức ấy quá sức chịu đựng của ông.

Ngay cả những biểu cảm trên khuôn mặt vợ mình cũng làm ông khó chịu, nhưng khi những cảm xúc ấy dần bị thay thế bằng sự trống rỗng, ông lại bức bối vì sự vắng mặt của chúng.

Ông biết làm gì với cô bây giờ? Cô, người không hề nỗ lực, không biết tự mình vui sống, rỗng tuếch vô vị, nhưng lại là một sự hiện diện gây xáo trộn.

Cô đã bị Tiểu thư Enid Pott ruồng bỏ, nói rằng, “Nimi hình như nhất quyết không chịu tiếp thu. Ông có một *swaraji* ngay trước mũi mình đấy, ông Patel ạ. Cô ấy không tranh luận – có thể người ta mới có thể phản hồi và đối thoại – cô ấy cứ ủ rũ thế thôi.”

Rồi còn cái mông đặc trưng Ấn Độ của cô nữa chứ – lười nhác, to bè như mông trâu. Cái mùi hăng từ thứ dầu gội nhuộm tóc của cô mà với ông đó như là một sự đụng chạm của thể xác.

“Tháo mấy thứ đồ rẻ tiền kỳ cục ấy ra,” ông ra lệnh cho cô, khó chịu vì âm thanh leng keng của những chiếc vòng cô đeo.

“Tại sao cô cứ phải ăn mặc lòe loẹt thế hả? Vàng với hồng? Cô có điên không?” Ông vớt mấy chai dầu gội của cô đi, và mái tóc dài của cô tuột ra dù cô có búi cẩn thận đến mấy. Ông tòa thấy nó bay phất phơ hơn hở trong

phòng; ông thấy một sợi đang thắt cổ một cây nấm trong nước kem ở bát xúp nấm của mình.

Một hôm ông thấy có dấu chân trên miệng hố xí bệt – *cô ta ngồi xồm lên đó, cô ta ngồi xồm lên đó!* – ông không sao tìm nổi cơn thịnh nộ của mình, bèn túm lấy đầu cô và dúi nó vào bồn cầu, và đến một lúc nào đó, Nimi, tàn phế vì những khổ sở cô phải chịu, đã thành ra ngơ ngẩn, bắt đầu buồn ngủ dưới ánh sáng mặt trời và tỉnh dậy giữa đêm khuya. Cô vẫn nhìn thế giới nhưng không thể tập trung thị lực, không bao giờ soi gương, vì cô không thể nhìn thấy mình trong đồ, mà dù sao thì cô cũng không chịu đựng nổi việc dành thời gian cho ăn mặc và chải chuốt, những hành động chỉ dành cho ai hạnh phúc và được yêu thương.

Khi Jemubhai nhìn cô, hai má nổi đầy mụn nhọt, ông coi cái nhan sắc tàn tạ ấy như một sự sỉ nhục nặng nề hơn và lo sợ căn bệnh da liễu ấy sẽ lây sang mình. Ông bắt người ở lau chùi mọi thứ bằng Dettol để diệt khuẩn. Ông đánh phấn đặc biệt kỹ lưỡng bằng cái bông nhồi phấn mới, mỗi lần như thế ông lại nhớ đến thứ đã từng kẹp giữa hai bầu vú gợn đục, núm vú như mũi chú hề của vợ mình.

“Đừng có thò cái mặt ra ngoài,” ông bảo cô. “Người ta lại rú lên rồi chạy mất.” Cho đến cuối năm, sự kinh sợ họ dành cho nhau đã lên đến cùng cực như thế cả hai đã khơi trúng một mạch nguồn đắng cay vô tận, đưa họ vượt ra khỏi mọi giới hạn mà bất kỳ người bình thường nào có thể cảm nhận được. Họ thuộc về xúc cảm ấy còn nhiều hơn thuộc về chính họ, ném trải sự giận dữ chứa đựng đủ sức mạnh cho trọn vẹn hai dân tộc đối đầu nhau trong thù hận.

hai mươi chín

“*Giáng sinh!*” Gyan thốt lên. “Cô đúng là con ngốc!”

Khi bỏ đi, anh có thể nghe thấy Sai bắt đầu nức nở. “Anh là đồ khốn nạn,” nàng hét lên trong nước mắt, “anh có quay lại không thì bảo. Xử sự tệ bạc như thế rồi định bỏ đi à??”

Cảnh tượng đổ vỡ họ vừa gây ra thật kinh hoàng và cơn giận bắt đầu làm anh sợ hãi khi thấy gương mặt nàng qua lần song sắt của những xúc cảm méo mó. Anh nhận ra Sai không thể nào là nguồn cơn của những gì anh cảm thấy, nhưng khi ra về anh vẫn giật cửa đánh sầm một cái.

Trước đây Giáng sinh chưa bao giờ làm anh khó chịu...

Nàng đang định hình lòng căm ghét của anh, anh nghĩ vậy. Qua nàng, anh chợt thấy hình bóng nó – ôi – thế rồi anh không cưỡng nổi, anh làm nó sắc nét lên, dù chỉ cốt để nhìn cho rõ.

Các người không có tí tự trọng nào hay sao? Cố Tây hóa cho lắm vào. Họ không thèm các người đâu!!! Thử sang đó xem họ có rộng mở vòng tay chào đón các người không. Rồi các người sẽ phải lăn ra dọn nhà xí cho họ, ấy thế mà rồi họ vẫn chẳng thèm các người đâu.

Gyan quay lại Cho Oyu.

“Này,” anh nói, “anh xin lỗi.”

Phải dễ dàng mất một lúc.

“Anh tệ lắm!” Sai nói.

“Anh xin lỗi mà.”

Nhưng rồi nàng cũng chấp nhận lời xin lỗi của anh, bởi nàng thấy nhẹ nhõm khi né tránh một nhận thức rằng, với anh, nàng không phải là tâm điểm trong mối tình của họ. Nàng đã nhầm – nàng chỉ là tâm điểm của riêng mình, như từ trước đến giờ vẫn vậy, một vai phụ đóng vai diễn của mình trong câu chuyện của một người nào khác.

Nàng rời bỏ ý nghĩ đó và đắm mình trong những nụ hôn của anh.

“Anh không cưỡng lại em được, khổ thế đấy...” Gyan nói.

Nàng, ả hồ ly quyến rũ, bật cười.

Song bản tính con người là thế. Những nụ hôn có phần hơi ướt át. Một lát sau, lời xin lỗi từ chỗ chân thành đã trở nên giả tạo, còn anh tự giận mình vì đã chịu thua.

Gyan lại đến chỗ căng tin, và hoàng hôn như thần Kali thịnh nộ hiện hình theo bước anh đi, và một lần nữa anh cảm thấy sự thuần khiết dâng trào trong anh. Anh sẽ phải hy sinh những nụ hôn khờ dại kia cho sự thành nhân của mình. Một cảm xúc của kẻ tuấn đạo lan khắp người anh, và cùng với sự thuần khiết ấy mỗi âu lo về sự ô uế càng thêm day dứt. Anh bị ái tình làm cho nhớ nhóp, bị mất đi nhuệ khí trước cái cách nàng dễ dàng dâng hiến bản thân. Muốn làm nên chuyện thì không được thế. Như thế là ô nhục.

Anh nghĩ đến hình ảnh trục bánh xe luân hồi của đạo Phật nằm trong nanh vuốt của yêu tinh, biểu thị địa ngục đang cầm tù con người: gà-răn-lợn; tham-sân-si; những vật ấy săn đuổi nhau, nuôi dưỡng nhau, thôn tính nhau.

Ở Cho Oyu, Sai cũng đang ngồi ngẫm nghĩ về ham muốn, giận dữ và ngu xuẩn. Nàng cố đè nén cơn giận của mình, nhưng nó vẫn sục sôi; nàng cố thỏa hiệp với xúc cảm của mình, nhưng chúng không khuất phục.

Bào chữa cho một buổi tiệc tùng thì có gì là sai chứ? Nói cho cùng, ta có thể tiếp tục tranh luận một cách logic và tở sang chuyện nói tiếng Anh cũng được, hay là chuyện ăn chả viên ở Hasty Tasty – những thứ Gyan khó mà cãi được. Nàng mất một lúc để xây dựng lý lẽ của mình hòng phản bác lý lẽ của anh và vạch ra mọi kẽ hở trong đó.

“Đồ khốn,” nàng lẩm bẩm một mình. “Phẩm cách của tôi đáng giá cả ngàn thẳng như anh.”

“Anh ta làm gì mà về sớm thế?” tối hôm đó người hầu bếp hỏi.

“Ai biết được?” nàng đáp. “Nhưng chuyện cá và dân Nepal ấy mà, bác nói đúng đấy. Anh ta cũng chẳng giỏi giang gì lắm. Càng học nhiều, những gì anh ta biết càng ít đi, và cái thực tế là anh ta không biết và cháu nhận ra điều đó – nó làm anh ta phát cáu.”

“Ờ,” người đầu bếp nói với vẻ thông cảm, chính bác đã từng tiên đoán về sự kém cỏi của anh chàng.

Ở Căng tin Thapa, Gyan kể cho Chhang và Bhang, Cú và Lừa về việc mình buộc phải đi làm gia sư để kiếm tiền. Rằng anh sẽ mừng đến thế nào nếu kiếm được một việc làm tử tế và dứt ra khỏi cái bộ đôi kiểu cách ấy, Sai và ông ngoại cô ta với cái giọng Anh giả cầy và bộ mặt trát đầy phấn trắng và hồng lên làn da nâu sậm. Mọi người trong căng tin cười ồ lên khi anh nhại lại cái giọng ấy: “Độ này người ta đang đọc thơ của ai, hả chàng trai trẻ?” Và, được cổ vũ trước tiếng cười “Ha ha” của họ, lưỡi ngứa ngáy và dẹo queo nhờ hơi men, anh quay sang miêu tả ngôi nhà, những khẩu súng treo trên tường, và tấm bằng của trường Cambridge mà bọn họ không hề thấy là đáng xấu hổ.

Vì sao anh lại không thể phản bội Sai?

Cô ta, người chỉ biết nói tiếng Anh và tiếng Hindi bồi; cô ta, người sẽ không giao tiếp với ai không thuộc cái giai tầng xã hội cón con của mình.

Cô ta, người không biết đường ăn bốc; không thể ngồi bệt xuống đất để chờ xe buýt; người chưa từng đi chùa, trừ phi để vãn cảnh; chưa từng nhai lấy một cái *pann* và hầu như chẳng ăn thứ kẹo nào trong *mithaishop*, vì chúng làm cô buồn nôn; cô ta, người bỏ dở một bộ phim Bollywood, rũ rượi vì lòng dạ chán chường đến nỗi trở về nhà như người ốm dở và nằm bẹp một đồng trên ghế sofa; cô ta, người cho rằng xước dầu lên tóc là thiếu thẩm mỹ, người dùng giấy để chùi đít; ưa thích những của gọi là rau Anh, đậu Pháp, hành lá, đỗ tuyết và sọ – sọ *nhé* – *loki*, *tinda*, *kathal*, *kaddu*, *patrel*, và món *saag* đặc sản địa phương ngoài chợ.

Họ luôn thấy lúng túng khi ngồi ăn cùng nhau – anh, khó chịu trước tính khảnh ăn và sự thưởng thức bị tiết chế của cô, còn cô, thấy gớm trước nét háu ăn của anh, những ngón tay anh vét món thịt hầm, cách anh húp nước sồn sột và chép miệng. Đến cả những món như bánh mì tẩm, bánh mì chiên và *paratha* ông tòa cũng vẫn ăn bằng dao đĩa. Bắt Sai cũng phải làm như vậy khi có mặt ông.

Dù vậy, Gyan tuyệt đối chắc chắn rằng Sai tự hào về cách xử sự của mình; cô ta ngụy trang nó bằng sự xấu hổ vì thiếu chất Ấn Độ, có thể lắm, nhưng nó khẳng định địa vị của cô ta. Đúng rồi. Thế nên cô ta mới có cái thói xa hoa trái khoáy ấy, cái khoái cảm tự hạ mình, tự phê phán bản thân để mang tới điều ngược lại – *anh không tự xuống, anh vươn lên đầy bí ẩn*.

Vậy là, trong cơn hứng khởi nhất thời, anh kể hết. Về mấy khẩu súng và căn bếp dự trữ đầy đủ, về rượu trong tủ, về chuyện nhà không có điện thoại và chẳng có lấy một ai để kêu cứu.

Tuy thế, sáng hôm sau tỉnh dậy, anh lại thấy lòng đầy ăn năn. Anh nhớ những lần họ nằm quấn lấy nhau trong vườn hồi năm ngoái, trên thảm cỏ thô ráp, dưới vòm cây cao cắt bầu trời thành trăm ngàn mảnh ghép, những vì sao như tơ nhện lung linh sau tán dương xỉ thời tiền sử.

Nhưng lỏng lẻo thay cái thứ gọi là tình yêu. Anh dần nhận ra, nó không hề vững chắc, nó không phải là thánh kinh; nó là một thứ dễ lung lay đặc biệt thích hợp cho sự phản bội, thành khuôn bất kỳ thứ gì anh rót nó vào. Mà quả tình rất khó để không rót nó vào nhiều bình khác nhau. Nó có thể được sử dụng vào đủ thứ mục đích khác nhau... Giá như có một thứ giới hạn nào. Nó đang bắt đầu làm anh sợ hãi thực sự.

ba mươi

Lòng đầy lo âu vì chuyện chợ búa ngày càng khó khăn và nguồn cung cấp lương thực bị gián đoạn vì đình công, người đầu bếp bỏ miếng thịt trâu mỗi ngày một khó kiếm hơn ra để nấu thịt hầm cho con Mutt. Bác gỡ miếng sườn bọc trong tờ giấy báo đẫm máu, và đột nhiên bác nảy ra một ý nghĩ kinh khủng rằng trên tay mình đang là hai cân thịt của đứa con trai, cũng chết cứng y như thế.

Nhiều năm trước, khi vợ người đầu bếp chết vì ngã từ trên cây xuống lúc đang đi hái lá cho dê ăn, dân làng đều nói hồn bà đang lăm le đưa Biju theo, vì bà chết thảm quá. Thầy cúng nói những hồn chết oan như thế vẫn ngậm hờn mãi không thôi. Vợ bác là một người hiền lành – thực ra trong hồi ức của bác bà là người rất ít lời – nhưng mọi người cứ nhất quyết bảo Biju đã thấy mẹ hiện về, một bóng ma trong suốt giữa đêm khuya định quắp lấy thằng bé. Cả họ rồng rắn kéo nhau lên tận bưu điện ở thị trấn gần nhất để gửi một nui điện tín đến địa chỉ ông tòa. Điện tín ngày ấy được chuyển đến từ tay một người đưa thư tay cầm giáo vừa lắc vừa chạy từ làng này sang làng khác. “Nhân danh Nữ hoàng Victoria xin cho tôi qua,” ông ta rao to, dù ông chẳng biết mà cũng chẳng quan tâm tới chuyện nữ hoàng đã chết từ đời nào đời nào.

“Thầy cúng nói phải làm lễ *balli* vào dịp *amavas*, đêm không trăng tối nhất trong tháng. Ông phải cúng một con gà.” Ông tòa không cho người đầu bếp về. “Mê tín. Đồ ngốc! Thế sao ở đây không có ma? Ở làng người mà có thì ở đây cũng phải có chứ?”

“Tại vì ở đây có điện,” người đầu bếp nói. Ma sợ ánh điện, mà ở làng con không có điện, thành ra...”

“Người sống cả đời làm gì không biết?” ông tòa nói, “Người ở với ta, đi khám bác sĩ tử tế, lại còn biết đọc biết viết chút đỉnh, thỉnh thoảng còn đọc cả báo, mà vẫn chẳng ăn thua gì! Vẫn để bọn thầy cúng nó lừa, nó lột tiền của mình.”

Tất cả đám người hầu đều có chung một điệp khúc là khuyên bác bỏ ngoài tai lời khuyên của ông chủ để cứu lấy cái mạng con trai mình, vì trên đời này dứt khoát là có ma. “*Hota hai hota hai*, bác nhất định phải làm.”

Người đầu bếp tìm đến ông tòa và bịa ra chuyện nhà ở quê bị tố mái trong trận bão vừa qua. Ông tòa chịu thua và người đầu bếp trở về làng.

Giờ đây, sau ngần ấy năm, bác lại bắt đầu lo rằng lễ tế ấy không thực sự linh nghiệm, rằng hiệu lực của nó đã tiêu tan vì bác nói dối ông tòa, rằng linh hồn vợ bác chưa hoàn toàn được an ủi, rằng lễ vật không được ghi nhận đầy đủ, hoặc là chưa tươm tất. Bác đã cúng một con dê và một con gà, nhưng nhờ hồn vẫn còn muốn bắt Biju thì sao?

Người đầu bếp tìm cách gửi con trai ra nước ngoài lần đầu tiên hồi bốn năm về trước, khi tuyến trách viên của một tuyến tàu du lịch xuất hiện ở Kalimpong để mời chào họ đi làm bồi bàn, thái rau, dọn toilet – nghĩa là đội ngũ lao động giản đơn, tất cả bọn họ rồi sẽ được xuất hiện trong buổi dạ tiệc cuối cùng, mặc vest và thắt nơ, lướt đi trên băng, đứng lên vai nhau, đầu đội một quả dưa hay một chiếc bánh crepe đang bốc lửa.

“Sẽ có việc làm hợp pháp ở USA!!!” quảng cáo ấy xuất hiện trên trang báo địa phương và được dán trên tường ở khắp nơi trong thị trấn.

Anh ta lập một văn phòng tạm thời ngay tại phòng mình ở khách sạn Sinclair’s.

Dòng người tụ tập bên ngoài xếp thành một hàng vòng quanh khách sạn và quay ngược trở lại đến đúng điểm đầu đuôi lẫn vào với nhau và đã có vài trò gian lận.

Một người hài lòng vì đến lượt sớm hơn dự kiến chính là Biju, cậu được gọi từ quê lên Kalimpong để đi phỏng vấn, bất chấp sự phản đối của ông tòa. Vì sao thằng Biju không chịu tính chuyện đến làm cho ông khi bố nó về hưu?

Biju mang mấy tờ giấy giới thiệu giả mạo của người đầu bếp đến phỏng vấn để chứng minh mình xuất thân từ một gia đình trung thực, một bức thư của Cha Booty khẳng định cậu là một người tử tế đứng đắn, và một bức thư nữa của Bác Potty cho biết cậu làm đồ nướng ngon hơn bất kỳ ai, dù Bác Potty chưa hề ăn món gì do cậu nấu, bản thân cậu cũng chưa từng ăn món gì tự nấu, vì một lẽ giản đơn là cậu chưa nấu ăn bao giờ. Từ nhỏ, bà cậu đã chăm bẵm nuôi chiều cậu, dù họ là một nhà vào loại nghèo khổ nhất ở một ngôi làng nghèo khổ.

Ấy thế mà – cuộc phỏng vấn vẫn vẫn thành công.

“Tôi biết làm đủ thứ bánh pudding. Cả lục địa và Ấn Độ.”

“Thế thì quá tuyệt. Tối nào chúng ta cũng có tiệc buffet với mười bảy món ngọt.”

Trong một khoảnh khắc diệu kỳ Biju đã được tuyển mộ và cậu ký vào dòng kẻ chấm chấm trên tờ khai có sẵn.

Người đầu bếp rất đỗi tự hào: “Nhờ vào mấy món pud-ding tôi dạy nó cả đấy... Tối nào trên tàu cũng có buffet hoành tráng, tàu to bằng cả cái khách sạn, các bác biết đấy, hoạt động giống các câu lạc bộ ngày xưa. Người phỏng vấn hỏi nó biết làm gì và nó bảo, “Tôi biết làm món này, món kia, ông muốn món gì cũng được. Bánh nướng Alaska, hòn đảo nổi, bánh mứt gừng vị brandy.”

“Thằng cha đó có đàn hoàng không đấy?” người gác đêm ở MetalBox hỏi.

“Rất đàn hoàng là đằng khác,” người đầu bếp nói, hết lòng bênh vực người đã coi trọng con mình đến thế.

Tối hôm sau họ trở lại khách sạn mang theo giấy khám sức khỏe và một tờ ngân phiếu tám ngàn rupee để thanh toán lệ phí và phí tổn cho lớp huấn luyện sẽ tổ chức ở Kathmandu, vì muốn xin việc thì phải đóng tiền, họ thấy thế cũng hợp lý thôi. Tay tuyển trạch viên viết biên lai thu ngân, kiểm tra mẫu phiếu khám sức khỏe được bà bác sĩ ở chợ điền cho miễn phí, người đã rất tử tế ghi huyết áp của Biju thấp đi và cân nặng tăng lên so với thực tế,

còn ở cột tiêm chủng bà ghi ngày tháng mà nếu Biju có từng được tiêm thật thì đó sẽ là ngày tháng đúng để đi tiêm chủng.

“Nhìn phải thật tươi tắn, nếu không mấy người ở sứ quán sẽ gây khó dễ, lúc ấy thì biết làm thế nào?” Bà biết rõ vụ này vì chính bà cũng đã cho con trai mình đi Mỹ mấy năm trước. Để tỏ lòng cảm tạ, Biju hứa sẽ mang một gói pho mát *churbi* phơi khô sang Mỹ và gửi bưu điện cho con trai bà đang làm bác sĩ nội trú ở Ohio, vì cậu ta từng là sinh viên nội trú tại một ngôi trường ở Darjeeling và niềm thích nhai món đó khi ngồi học.

Hai tuần sau đó, Biju bắt xe buýt đi Kathmandu dự khóa huấn luyện một tuần ở trụ sở chính của đại lý tuyển dụng họ.

Kathmandu là một thành phố tạc bằng gỗ của những đền đài và cung điện, lọt thỏm giữa những hình khối rời rạc của bê tông hiện đại trải dài trong khói bụi và vươn thẳng lên trời.

Cậu tuyệt vọng đưa mắt tìm những dãy núi; Đỉnh Everest – nó đâu rồi? Cậu lang thang qua những đại lộ bằng phẳng đến một nơi chằng chịt ngõ ngách của thời trung cổ, ngập trong những âm thanh xa xưa, một con phố của thợ rèn, một con phố của thợ gốm đang nhào đất sét, rơm và cát, bằng đôi chân trần; lũ chuột ở một ngôi đền thờ thần Ganesh đang ăn kẹo. Ở góc kia, một cánh cửa chớp cong queo khắc hình trời sao hé mở và một khuôn mặt lộ ra như xuất hiện từ cổ tích, thanh khiết giữa chốn bùn nhơ, có điều khi cậu quay lại thì cô thiếu nữ đã biến mất; thay vào đó là một bà lão già nua nhăn nheo đang buôn chuyện với một bà già nhăn nheo khác đang trên đường mang khay lễ *puja* đi cúng; và rồi cậu thấy mình trở về giữa những khối bê tông, xe ga và xe buýt. Một tấm biển quảng cáo đồ lót vẽ một đường xẻ khổng lồ trên quần lót đang phồng tướng lên; ngay chỗ phồng ấy có một dấu X màu đen ghi lời cảnh cáo “Cấm móc túi”. Vài người nước ngoài đang hi ha cười đùa và chụp ảnh trước tấm biển. Đi xuống một con hẻm, vòng qua một góc tường, sau một rạp chiếu bóng, là một hàng thịt nhỏ với dây chân gà vàng ươm làm thành dải băng trang trí trước cửa ra vào. Một người đàn ông đứng ngoài cửa, hai bàn tay rờn rờn nước thịt nhỏ xuống chậu nước

hoen máu màu gỉ sắt, và con số khắc trên cánh cửa trùng với địa chỉ trong túi Biju: số 223 nhà A, tầng trệt, sau Rạp chiếu bóng Pun.

“Lại một chú nữa!” người đàn ông trước cửa hét vọng vào gian phòng phía sau. Mấy người khác đang đánh vật với một con dê ương ngạnh vừa bắt gặp quả tim của một người anh em gặm cỏ khác nằm trơ trọi trên nền nhà.

“Thằng em bị lừa rồi,” tay đồ tể phá lên cười. “Khối người đã đến đây xin đi Mỹ rồi đấy.”

Mấy người đàn ông trói con dê lại và bước ra cười toe toét, áo ai cũng đầm máu. “Giời, đại quá. Ai lại đi nộp tiền như thế bao giờ? Thế thằng em ở đâu đến? Chứ em tưởng trên đời này có gì? Rặt kẻ cướp thôi! Rặt kẻ cướp thôi! Đi báo cảnh sát đi. Mà chả chắc họ đã buồn làm gì đâu...”

Trước khi tay đồ tể chọc tiết con dê, Biju nghe thấy anh ta bày tỏ sự khinh bỉ của mình, hét vào mặt nó “*Bitch, whore, cunt, sali*” lời nó xềnh xệch, rồi kết liễu nó.

Để có thể hủy hoại một sinh vật, người ta phải chửi vào mặt nó.

Khi Biju đứng chết sững bên ngoài, nghĩ xem mình phải làm gì, họ lột da nó, treo ngược nó lên cho ráo máu.

Nỗ lực đi Mỹ thứ hai của cậu là một lần đăng ký đơn giản và đang hoàng xin visa du lịch.

Một người cùng làng với cậu đã đăng ký mười lăm lần và vừa mới đây thôi, ở lần thứ mười sáu, anh ta đã xin được visa.

“Đừng bao giờ bỏ cuộc,” anh ta khuyên đám trai làng, “một lúc nào đấy vận may sẽ đến.”

“Đấy có phải là Đại sứ quán Amriken không?” Biju hỏi người bảo vệ trước cửa tòa nhà bề ngoài oai vệ.

“*Amreeka nehi, bephkuph*. Đây là Đại sứ quán Hoa Kỳ!”

Cậu hỏi tiếp: “Thế Đại sứ quán Amriken ở đâu?”

“Đây chứ đâu.” Tay bảo vệ trở vào đúng tòa nhà ấy.

“Đây là sứ quán Hoa Kỳ mà.”

“Thì nó đây chứ đâu,” người đàn ông nói, vẻ mặt kiên nhẫn. “Trước khi lên máy bay thì nên biết mấy thứ đó đi là vừa, *bhai*”

Bên ngoài, một đám đông rách rưới có vẻ như đã đóng trại ở đó mấy ngày trời. Nguyên những gia đình lặn lội từ những làng quê hẻo lánh, ăn thức ăn gói ghém mang đi; có người chân không giày dép, có người đi dép nhựa đứt quai; ai nấy đều sức mùi mồ hôi lưu cữu của một cuộc hành trình bất tận. Khi đã được cho vào, ở trong có điều hòa và người ta có thể ngồi chờ trên một dãy ghế dựa màu cam cứ lắc lư mỗi khi có ai trên hàng ghế bắt đầu đấm bóp đầu gối.

Tên: Balwinder

“Họ: Singh

Các tên khác: ...

Thế là thế nào??

Tức là tên thân mật, có người giải thích, và lòng đầy tin tưởng họ ghi: “Guddu, Dumpy, Plumpy, Cherry, Ruby, Pinky, Chicky, Micky, Vicky, Dicky, Sunny, Bunny, Honey, Lucky...”

Nghĩ ngợi một lúc, Biju viết “Baba”.

“Phiếu chuyển tiền không? Phiếu chuyển tiền không?” mấy người bán hàng ngồi xe kéo máy chạy qua và rao. “Ảnh hộ chiếu *chahiye*? Ảnh hộ chiếu? Campa Cola *chahiye*, Campa Cola?”

Thình thoảng mọi giấy tờ người xin visa đem nộp đều là giả mạo: giấy khai sinh, hồ sơ tiêm chủng của bác sĩ, chứng minh tài chính. Có một chỗ rất hay người ta có thể tìm đến nhờ vả, nơi hàng trăm viên thư ký ngồi bắt chéo chân trước máy chữ, sẵn sàng giúp đỡ với các loại dấu má và ngôn ngữ pháp lý phù hợp cho mọi yêu cầu người ta có thể nghĩ ra được...

“Anh kiếm đâu ra lắm tiền thế?” Ai đó trong hàng sợ bị từ chối vì trong tài khoản ngân hàng có quá ít tiền.

“Ui, ít quá là không được đâu,” một người cười, ngoái lại với cái nhìn đánh giá độ tin cậy của người đối thoại. “Thế anh không biết làm thế nào à?”

“Thế nào?”

“Cả họ nhà tôi,” anh ta giải thích, “chú bác ở khắp mọi nơi, Dubai-New Zealand-Singapore, chuyển tiền vào tài khoản anh họ tôi ở Tulsa, ngân hàng in kết toán tài chính ra, anh tôi gửi cho tôi một bức thư cam kết hỗ trợ tài chính đã công chứng, rồi chuyển tiền trả lại cho mọi người. Chứ anh bảo làm sao mà kiếm được đủ tiền cho vừa ý người ta!”

Một thông báo vang lên từ cái loa phóng thanh vô hình: “Đề nghị tất cả những ai đăng ký xin visa xếp hàng tại cửa số bảy để nhận số thứ tự xét duyệt visa.”

“Cái gì, cái gì, họ bảo cái gì?” Biju, như phân nửa số người trong phòng, chẳng ai hiểu gì, nhưng nhìn những người hiểu ra và đang chạy, há hê vì được dịp nhanh chân lên trước, cậu biết họ phải làm gì. Bốc mùi và khạc nhổ và la hét và xô đẩy; họ nhảy xổ đến chỗ cửa số, dán người vào đó chặt đến mức tưởng chừng họ sẽ dính cứng lại và gỡ không ra; trai tráng càn quét ào qua, hất văng ông già bà cả, giẫm đạp lên con nít. Đây không phải chỗ để mà nhã nhặn và hàng người được hình thành như sau: đàn ông đi lẻ mặt mày bặm trợn trước tiên, đàn ông có gia đình thứ hai, tiếp đến là phụ nữ và Biju, sau cùng là những người già yếu. Người chen lấn to khỏe nhất đứng đầu tiên; gã mới tự mãn và hớn hờ làm sao chứ; gã phui quần phui áo và giới thiệu bản thân với vẻ tao nhã của một con mèo. Tôi vẫn minh lắm, thưa ông, đã sẵn sàng để sang Mỹ, tôi vẫn minh lắm, thưa bà. Biju nhận thấy đôi mắt gã, vốn rất sinh động trước những người ngoại quốc, khi nhìn lại những đồng bào của mình, mau chóng trở nên đờ đẫn, rồi chết hẳn.

Có người được duyệt, có người bị từ chối, và không ai đặt câu hỏi có công bằng không. Cái quyết định ấy từ đâu mà ra? Từ một xúc cảm nhất

thời; từ chỗ thấy ghét cái mặt anh, ngoài trời nóng bốn mươi lăm độ và muốn phát sốt lên với tất cả đám người Ấn Độ này, đâm ra thế; hay có lẽ chỉ xuất phát từ một thực tế là anh xếp hàng sau một người được, đâm ra anh rất dễ thành người không. Cậu rùng mình khi nghĩ tới nguyên do khiến những con người ấy trở nên thiếu cảm thông. Biết đâu họ cũng bắt đầu làm việc một cách nhẹ nhàng tử tế, nhưng rồi, phải đối diện với rất những kẻ ngây ngô và phiền nhiễu, với những trò dối trá và những câu chuyện điên rồ, họ sẽ nhắm mắt nhắm mũi đáp lại bằng một tràng súng liên thanh KHÔNG!KHÔNG!KHÔNG!KHÔNG!KHÔNG!

Mặt khác, những ai đang chầu chực trước quầy nhận ra rằng, ban đầu, khi còn tỉnh táo và cảnh giác, họ có xu hướng kiểm tra hồ sơ kỹ càng hơn và dễ tìm ra sơ hở trong lý lẽ của mình hơn... Hoặc giả khởi đầu một cách tai quái bằng cách từ chối, như đã thành thông lệ.

Thật chẳng biết đường nào mà lần tâm tư tình cảm của mấy người Mỹ ghê gớm này, và Biju quan sát thật kỹ từng ô cửa, cố phát hiện được một tập quán để từ đó rút ra kinh nghiệm. Trong đám nhân viên, có người niềm nở, có người dè bủ, có người kỹ tính, có người rõ là hung thần, ai đến cũng phải tay trắng ra về.

Cậu sẽ phải đối diện với định mệnh của mình sớm thôi. Cậu đứng đó và tự nhủ, Tỏ vẻ đàng hoàng như thế không có gì giấu giếm. Rõ ràng và rành mạch khi trả lời câu hỏi và nhìn thẳng vào mắt người phỏng vấn để chứng tỏ mình thành thật. Nhưng khi đã ở trên bờ vực của kích động, lòng đầy bồn chồn và xúc cảm mãnh liệt bị dồn nén, con người ta chỉ có thể tỏ vẻ thành thật và bình tĩnh bằng sự giả dối. Vậy là, cho dù thành thật hay giả dối, bề ngoài thành thật một cách giả dối, cậu vẫn sẽ phải đứng trước tấm kính chống đạn, hãy còn lăm nhăm câu trả lời cho những câu hỏi cậu biết rằng sẽ đến, những câu hỏi mà cậu phải có lời giải đáp ngay tạo một cách hoàn hảo.

“Anh có bao nhiêu tiền?”

“Anh có thể chứng minh mình sẽ không ở lại không?”

Biju để ý thấy những câu hỏi ấy được đặt ra cho những người khác với một vẻ thẳng thừng tuyệt đối, với ánh mắt bất động và không ngại ngùng – một điều kỳ lạ khi hỏi những câu khiếm nhã như thế. Đứng đó và cảm nhận mức độ ghê gớm của sự miệt thị mình phải chịu, cậu sẽ phải trả lời một cách vừa khôn khéo vừa nhún nhường. Lúng búng thì thành ra gượng gạo, tự phụ quá lại hóa trơ, nếu họ không nhanh gọn nhận được cái họ cần, cậu sẽ bị loại. Trong gian phòng này có một thực tế ai ai cũng chấp nhận, đó là người Ấn Độ sẵn sàng chịu đựng bất kỳ sự nhục nhã nào để sang được Mỹ. Người ta có thể trút rác rưởi lên đầu họ mà họ vẫn cứ lạy lục xin được bò vào...

“Và mục đích chuyển đi của anh là gì?”

“Phải nói thế nào, phải nói thế nào?” họ nhao nhao bàn tán trong hàng. “Tớ sẽ bảo là có một gã *hubshi* đột nhập vào cửa hiệu và giết chết bà chị dâu, giờ tớ phải sang đó dự lễ tang.”

“Đừng nói thế.” Một sinh viên kỹ thuật đang học ở Đại học Bắc Carolina, đến xin gia hạn visa, biết là nói thế không xuôi.

Nhưng anh ta bị át đi. Người ta không ưa anh.

“Sao lại không?”

“Như thế hơi quá. Nó đã thành công thức rồi. Người ta nghi ngay.”

Nhưng mọi người không chịu. Ấy là một sự thật nhân loại ai cũng biết: “Những chuyện ấy đều do lũ mọi đen gây ra.”

“Đúng, đúng,” mấy người trong hàng tán đồng. “Đúng, đúng.” Lũ mọi đen, sống trên cây như khỉ, chứ không văn minh như chúng ta...

Thế rồi, họ choáng váng khi thấy người phụ nữ Mỹ gốc Phi sau quầy. (Chúa ơi, nếu cái lũ ấy mà người Mỹ cũng nhận, thì chắc họ sẽ rộng mở vòng tay chào đón dân Ấn rồi? Chẳng lẽ thấy chúng ta họ lại không mừng à!)

Nhưng... đã có vài người ở hàng đầu bị từ chối. Biju càng thêm lo lắng khi thấy một bà bắt đầu rên rĩ và lên cơn khổ đau vật vã. “Người ta không

cho tôi đi, mà con gái tôi thì vừa trở dạ, người ta không cho tôi đi, đến cả mặt cháu tôi tôi cũng chẳng được nhìn, người ta... Tôi chết đây... người ta không cho tôi thấy mặt cháu mình...” Và nhân viên an ninh ùa đến lôi bà cụ đi dọc theo hành lang sạch bong lau chùi bằng thuốc diệt khuẩn.

Người đàn ông với chuyện gã *hubshi* gây án mạng – anh ta được gọi đến đúng ô cửa có người phụ nữ *hubshi*. *Hubshi hub-shi bandar bandar*, động não nhanh nào – ôi không, lần này cái định kiến Ấn Độ quen thuộc không ổn rồi, sẽ thành thô lỗ và xúc phạm – câu chuyện vỡ vụn ra trong đầu anh ta.

“Mexico, cứ bảo là Mexico,” ai đó thì thào.

“Mexico?”

Anh ta đến trước ô cửa, và trước nguy cơ anh thu mình về thái độ tao nhã nhất. “Xin chào bà.” (Tốt nhất là không nên chọc giận cụ *hubshi* đó, *yaar*- anh mong được nhập cảnh vào U.S.A đến mức có thể nhã nhặn cả với dân da đen). “Vâng thưa bà, chuyện là thế này, một gã Mexico-Texico nào đó, tôi cũng không rõ lắm,” anh ta nói với người phụ nữ đang ghim lên anh cái nhìn của một nhà hồ điệp học. (Mexico-Texico???) “Tôi cũng không biết, thưa bà,” ấp úng, “chuyện là có một gã người gì đấy, theo như anh tôi kể, có điều anh ấy đang đau buồn quá, bà biết đấy, tôi cũng không nỡ hỏi cho cụ thể.”

“Không, chúng tôi không cấp visa cho anh được.”

“Sao thế thưa bà, đừng mà thưa bà, tôi đã lỡ mua vé rồi thưa bà...”

Và những người cũng ngồi chờ visa nhưng có nhà cửa rộng rãi, cuộc sống nhàn hạ, đồ jeans, nói tiếng Anh, có ô tô với tài xế chờ bên ngoài để chở họ về những con đường rợp bóng cây, và đầu bếp nhờ giấc ngủ trưa chờ chủ về ăn cơm (món gì đó nhẹ nhàng – mì ống pho mát chẳng hạn...) từ đầu chí cuối họ cố tách mình ra khỏi cái đám đông nhếch nhác kia. Bằng thái độ, trang phục và giọng nói của mình họ cố gắng chứng tỏ cho nhân viên sứ quán thấy mình là một nhóm được chọn lọc trước, hạn chế về số lượng, ưu-

tú-đế-đi-nước-ngoài, sử dụng dao đĩa thành thạo, không ợ hơi thành tiếng, không trèo lên xí bệt ngồi xổm như mấy bà nhà quê giờ này vẫn chưa thấy cái hố xí như thế bao giờ vẫn làm, rồi dội nước từ trên cao xuống để rửa đít làm những mẩu cứt ướt vung vãi khắp sàn nhà.

“Trước đây tôi đã từng đi nước ngoài và lần nào tôi cũng trở về. Ông có thể xem trong hộ chiếu của tôi.” Anh. Thụy Sĩ. Hoa Kỳ. Lại cả New Zealand. Chừng nào đến New York, tôi rất mong được thưởng thức những phim mới nhất, pizza, vang California, vang Chile nữa – rất ngon, ông biết đấy, mà giá lại phải chằng. Ai đã gặp may rồi thì sẽ lại gặp may lần nữa.

Biju tiến đến ô cửa của mình, đằng sau là một thanh niên đeo kính sạch sẽ sáng sủa. Người da trắng trông sạch sẽ vì họ trắng hơn; ai mà càng đen thì nhìn càng bẩn, Biju nghĩ bụng.

“Anh sang Mỹ có việc gì?”

“Tôi muốn đi du lịch.”

“Làm sao chúng tôi biết được anh sẽ quay về?”

“Gia đình, vợ con tôi đều ở cả đây. Rồi còn cửa hàng nữa.”

“Cửa hàng gì?”

“Cửa hàng máy ảnh.” Liệu anh ta có tin không nhỉ?

“Anh định sẽ ở đâu?”

“Nhà bạn tôi ở New York. Tên anh ấy là Nandu và đây là địa chỉ của anh ấy nếu ông cần biết.”

“Trong bao lâu?”

“Hai tuần, nếu ông thấy như thế là hợp lý.” (Ôi, đi mà, chỉ một ngày thôi, một ngày là đủ cho mục đích của tôi rồi...)

“Anh có kinh phí trang trải cho chuyến đi không?”

Cậu xuất trình một bản kết toán tài chính giả mạo của ngân hàng được người đầu bếp mua lại của một viên thư ký ngân hàng nhà nước biến chất với giá hai chai Black Label.

“Anh ra cửa ở góc đằng kia đóng tiền và sau 5 giờ chiều anh có thể lấy visa.”

“Sao lại thế được?”

Một người ban nãy cậu vừa nói chuyện, vẫn đang xếp hàng sau cậu, gọi với lên bằng một giọng thất thanh:

“Có được không, Biju? Biju, có được không? *Biju?Biju!*”

Nghe cái tiếng gáy tha thiết của chim công ấy, Biju tưởng như anh ta sẵn sàng vì mình mà chết, nhưng nỗi niềm tuyệt vọng ấy là cho bản thân anh, dĩ nhiên rồi.

“Có, được rồi.”

“Cậu là thằng bé may mắn nhất trần đời?” người đàn ông nói.

Thằng bé may mắn nhất trần đời. Cậu đi xuyên qua một công viên để tận hưởng tin vui ấy một mình. Một vạt cỏ tươi bằng nước cống đang lên cơn mơn mớn và bốc mùi hôi thối, nhe răng cười tươi tắn dưới ánh hoàng hôn. Qua khỏi cái cống, Biju xua một đàn lợn có bớt đen trên bụng, đuổi theo chúng với một nỗi hân hoan. “Xùy, xùy,” cậu la lên. Bầy quạ đậu trên lưng lợn tán loạn bay lên đầy phẫn nộ, buộc phải cất cánh bay ngược. Một người chạy bộ mặc đồ thể thao dừng lại nhìn, và tay tài xế đang chờ anh ta và đánh răng bằng một nhánh xoan trong khi chờ đợi cũng dừng lại nhìn. Biju đuổi theo một chú bò. “Xùy, xùy.” Cậu vọt qua mấy hàng cây cảnh rồi đu lên xà tập, hết lên xà lại chống đẩy.

Hôm sau, cậu đánh điện cho cha, “thằng bé may mắn nhất trần đời,” và khi điện về đến nơi cậu biết ông sẽ là người cha hạnh phúc nhất trần đời. Cậu không hay biết rằng tất nhiên cả Sai cũng sẽ vui mừng tột độ. Rằng khi cậu đến Kalimpong để dự cuộc phỏng vấn có kết cục bi đát ấy, cô bé bỗng thấy tim mình run rẩy khi nhận ra người đầu bếp cũng có gia đình của riêng

mình và nghĩ đến họ đầu tiên. Cô bé chỉ là một sự thay thế, để bác gửi gắm yêu thương nếu bác không thể có Biju, tình yêu đích thực.

“Yipeee,” cô hét lên khi nghe tin cậu đã có visa. “Hip hip hooray.”

Ở Gandhi Café, sau ngày cậu được cấp visa hơn ba năm một chút, thằng bé may mắn nhất trần đời trượt chân trên mấy cọng rau muống thối trong gian bếp của Harish-Harry, vạch thành một vết dài xanh nhợt và ngã xuống đánh cộp một cái. Ngay đầu gối. Cậu không dậy nổi.

“Ông có thể gọi bác sĩ được không?” cậu hỏi Harish-Harry khi Saran và Jeev đã đỡ cậu nằm lên tấm đệm đặt giữa đồng rau.

“Bác sĩ!! Cậu có biết tiền thuốc men ở đây tốn kém thế nào không?!”

“Chuyện xảy ra ở đây. Trách nhiệm của ông.”

“Trách nhiệm của tao!” Harish-Harry đứng trước mặt Biju, sôi tiết lên. “Mày trượt chân trong bếp. Nếu ở ngoài đường thì mày sẽ kêu ai, *hả?*” Ông đã làm thằng bé này tưởng bở. Ông đã tử tế quá, khiến Biju hiểu nhầm những đêm vỗ về côi lòng giăng xé của ông chủ trong lòng mình, đem gán nó với những câu châm ngôn ưa thích của Harish-Harry. “Tao cứu mang mày. Mày không có giấy tờ, tao vẫn nhận vào làm, coi mày như con đẻ và giờ mày báo đáp tao như thế à! Ăn ở không mất tiền. Ở Ấn Độ người ta có trả tiền cho mày không? Mày có quyền gì? Sàn không sạch lại là tội của tao à? Đáng nhẽ MÀY mới phải trả tiền cho TAO vì không chịu lau chùi nhà cửa, ở bẩn như lợn. Tao có dạy MÀY ở bẩn như lợn không hả?”

Cái đầu gối nhức nhối tiếp thêm can đảm cho Biju, kéo cậu về với sự thẳng thắn của loài vật. Cậu nhìn thẳng vào Harish-Harry, sự vờ vĩnh đã tan biến; trong giây phút của nỗi đau thể xác này, cảm xúc của cậu bộc lộ không giấu giếm.

“Không có chúng tôi ở bẩn như lợn,” Biju nói, “ông có làm ăn được không? Chính thế nên ông mới kiếm ra tiền, không trả cho chúng tôi xu nào vì ông biết bọn tôi chẳng làm gì được, bắt bọn tôi làm việc từ sáng đến tối vì

bọn tôi ở đây bất hợp pháp. Sao ông không bảo lãnh cho bọn tôi xin thẻ xanh đi?”

Hỏa diệm sồn bùng nổ.

“Sao không bảo lãnh cho mày?? Tao mà bảo lãnh cho *mày* thì sẽ phải bảo lãnh cho *Rishi* đã bảo lãnh cho *Rishi* thì phải bảo lãnh cho *Saran*, và sau nó còn *Jeev*, rồi ông *Lalkaka* sẽ bảo nhưng tôi ở đây lâu nhất, tôi khả kính nhất, nên tôi phải được ưu tiên. Làm sao tao đặt ra ngoại lệ được? Tao phải đến INS và bảo công dân Mỹ không làm được việc này. Tao phải chứng minh. Tao phải chứng minh là đã đăng quảng cáo. Họ sẽ để ý đến nhà hàng. Họ sẽ điều tra và đặt câu hỏi. Mà theo luật ở đây chủ là người sẽ phải vào tù vì thuê nhân công bất hợp pháp. Nếu mày không thích thì biến ngay đi. Đi tìm ai bảo lãnh cho mày ấy. Mày có biết tao kiếm người thay mày dễ như bỡn không? *Mày có biết mày may lắm không!!!* Mày tưởng không có đến cả ngàn người trong thành phố này đang cần việc làm đấy à? Muốn thay mày chỉ cần thế này thôi,” ông ta búng tay, “Tao chỉ búng tay một cái, chỉ nhoáng một cái cả trăm người sẽ có mặt. *Cút đi cho khuất mắt tao!*”

Nhưng vì Biju đi không nổi nữa, nên Harish-Harry là người phải bỏ đi. Ông ta lên gác rồi quay xuống, vì cơn giận của ông đã thay đổi trong chớp mắt – tính ông vốn như thế, như một cơn dông tố qua nhanh.

“Này,” ông dụ giọng, “đã bao giờ ta xử tệ với cậu chưa? Ta đâu phải người tệ bạc, phải không? Sao cậu lại trách cứ ta? Thế này là ta đã liều giúp cậu rồi, Biju, cậu nói xem, cậu còn muốn gì nữa? Mấy chuyện mạo hiểm ấy ta không làm nổi.” Ông ta đếm trong ví ra năm mươi dollar. “Cầm lấy. Cậu nghỉ đi mấy hôm! Trong lúc nằm nghỉ cậu có thể giúp thái rau, còn nếu không đỡ thì trở về nhà. Bác sĩ ở Ấn Độ rẻ mà tốt. Điều trị cho tử tế, sau này muốn quay lại lúc nào cũng được.”

Một hình khối khiêm nhường của ánh sáng ban mai nằm trên nền nhà, một hình thoi nhỏ hắt qua tấm vỉ sắt. “Cái thằng hư quá,” Harish-Harry lắc lắc ngón tay như thể một câu đùa. Hình khối hình học nọ bắt đầu rỉ ánh sáng ra, trở nên ma mãnh, lướt đi trên tường và biến mất.

Trở về.

Quay lại.

Ai đó ở một trong những gian bếp trước đây của Biju từng nói: “Chắc là mọi sự không đến nỗi khó khăn, nếu không thì các cậu đã chẳng ở đây nhiều đến thế.”

Nhưng mọi sự quả thực *RẤT* khó khăn, *THẾ MÀ* vẫn có quá nhiều người đến đây. Cực kỳ, cực kỳ khó khăn là đằng khác. Hàng triệu người đã liều mạng, chịu nhục nhã, khinh ghét, mất gia đình – *THẾ MÀ* vẫn có quá nhiều người ở đây.

Nhưng Harish-Harry biết quá đi chứ. Sao ông ta có thể nói “Trở về – quay lại,” dễ dàng ngọt xót như thế được.

“Cái thằng hư quá...” ông ta lặp lại câu đó khi mang cho Biju một ít *prasad* mua ở ngôi đền trong khu Queens. “Chỉ gây rắc rối là giỏi.”

Và từ gói *prasad* ấy Biju biết không nên mong đợi gì thêm nữa. Đó là một miếng mồi, một mọo vật kiểu Ấn Độ ông chủ dành cho đầy tớ, vị chủ nhân nhân từ thu phục lòng trung thành của người ở; trả lương bèo bọt, nhưng thi thoảng lại ban thưởng một hộp kẹo, một món quà hào phóng...

Vậy là Biju nằm trên đệm và dõi theo chuyển động của mặt trời trên những tòa nhà đối diện qua tấm vỉ sắt. Từ mọi góc độ, khi nhìn vào thành phố không có lấy một đường chân trời này, người ta thấy mỗi lúc một nhiều cao ốc vươn lên như cây leo trong rừng rậm, đói khát ánh sáng, cầm giữ một thứ nửa bóng tối vĩnh hằng đông đặc dưới chân mình, và ban ngày rọi ánh sáng lên cái mê cung ấy, len lỏi vào từng căn hộ trong những thời điểm chính xác và ngắn ngủi, một lần viếng thăm có lẽ kéo dài một nấc đồng hồ từ 10 đến 12, hay từ 10 đến 10:45, từ 2:30 đến 3:45. Như ở những nơi cùng khổ, nơi sự xa xỉ được đem cho thuê, chia sẻ và chuyển tay nhau từ nhà này sang nhà khác, thời điểm xuất hiện của nó được lũ mèo, cây cối, và những người già hần vẫn thường ngồi hơ đầu gối dưới ánh nắng trong chốc lát ghi nhớ và mong chờ. Nhưng thứ ánh sáng ấy quá đổi ngắn ngủi cho một sự cứu

rồi thực sự, và dường như nó giống chuyến viếng thăm của một hồi ức tươi đẹp hơn là một điều có thực.

Sau hai tuần, Biju đã chống nạng đi lại được. Hai tuần nữa và cơn đau dứt hẳn, nhưng nỗi lo âu âm ỉ về chiếc thẻ xanh thì không, tất nhiên rồi. Nó vẫn tiếp tục làm cậu phát ốm.

Giấy tờ của cậu, giấy tờ của cậu. Thẻ xanh, thẻ xanh, cái thẻ xanh *machoot sala oloo ka patha chaar sau bees* thậm chí còn chẳng có màu xanh. Nó bám rễ thật chắc, thật chượng, thật hồng hào trong óc cậu cả ngày lẫn đêm; cậu không sao nghĩ nổi chuyện gì khác, và thỉnh thoảng cậu còn nôn mửa, bấu chặt lấy cái bồn cầu, móc họng mình đổ vào họng nó, nằm vật ra đó như say rượu. Bưu điện lại đưa đến những lá thư của cha cậu, và khi cầm thư lên cậu òa khóc. Rồi cậu đọc thư và nổi khùng lên.

“Con làm ơn giúp Oni... Thư trước bố hỏi con rồi nhưng con chưa trả lời... Nó đến sứ quán và mấy người Mỹ thích nó lắm. Tháng sau nó sẽ sang đến nơi... Có lẽ nó sẽ ở cùng con cho đến khi tìm được việc...” Biju bắt đầu mắc chứng nghiện răng trong những cơn ác mộng, và một sáng nọ cậu tỉnh dậy với một cái răng bị nứt.

“Nghe cứ như máy nghiền xi măng ấy,” Jeev phàn nàn, “tớ chịu không ngủ nổi, cậu thì nghiện răng còn chuột thì sục sạo.”

Một đêm, Jeev tỉnh dậy và bắt được một con chuột trong cái thùng sắt đựng rác khi nó đang mò tìm thức ăn.

Anh đổ cồn vào và hỏa thiêu con chuột.

“Địt mẹ bọn mày có im đi không,” mấy người ở trên bàn hét văng lên. “Bọn điên. Làm cái đéo gì thế. Đéo cho ai ngủ à. Địt mẹ mấy thằng này.” Một cơn mưa vỏ bia vãi xuống quanh họ.

“Hỏi giá bất kỳ đôi giày nào khắp Manhattan này tớ cũng có thể chỉ cho cậu chỗ mua giá rẻ nhất.”

Lại Saeed Saeed. Thế quái nào mà khắp thành phố chỗ nào cũng thấy mặt anh.

“Nào, hỏi đi.”

“Em chịu.”

“Nghe này, bạn,” anh nói, vẻ ân cần nghiêm khắc. “Cậu đã ở đây rồi, là không về lại nữa. Cậu muốn gì, chỉ cần cố là làm được.” Tiếng Anh của anh bây giờ đã khá ổn nên anh đang đọc hai cuốn sách, *Quảng gánh lo đi và vui sống* và *Làm sao để chung sống với bạn đời*.

Giờ anh có những hai mươi lăm đôi giày; có vài đôi không đúng cỡ chân, nhưng anh vẫn cứ mua, chỉ vì vẻ đẹp tinh tế của chúng.

Chân Biju đã khỏi.

Nhờ nó không khỏi thì sao nhỉ?

Ờ, nó khỏi rồi.

Hay là, biết đâu, hay là về nhỉ. Sao lại không? Để trêu người chính mình, trêu người số phận, để kẻ thù của cậu sung sướng, những kẻ muốn cậu biến khỏi nơi đây và những kẻ sẽ hả hê thấy cậu quay về – hay là cậu sẽ trở về.

Trong khi Saeed sưu tập giày, Biju nuôi dưỡng một nỗi lòng tự thán. Nhìn con bọ chết nằm trong túi gạo basmati gửi tận Dehra Dun sang, cậu cơ hồ bật khóc vì chua xót và kinh ngạc trước hành trình của nó, quá đổi êm đềm nếu đem so với hành trình của cậu. Ở Ấn Độ không mấy ai có tiền mua thứ gạo này, và người ta phải chu du nửa vòng trái đất để có thể ăn món ấy ở nơi mà nó rẻ đến nỗi chẳng cần phải giàu có gì cũng có thể ăn lấy ăn để; và đến khi quay lại quê nhà, nơi nó sinh sôi, anh lại không mua nổi nữa.

“Ở bên đó được càng lâu càng tốt, người đầu bếp từng bảo. “Ở bên đó. Kiếm tiền. Đừng quay về đây nữa.”

ba mươi mốt

Một ngày tháng Ba, Bác Potty, Lola, Noni và Sai ngồi trên chiếc jeep của Trại sữa Thụy Sĩ lên đường tới Darjeeling Gymkhana để đổi mấy cuốn sách mượn ở thư viện trước khi tình hình bạo loạn trên vùng đồi trở nên tồi tệ hơn.

Mấy tuần đã qua kể từ khi xảy ra vụ cướp súng ở Cho Oyu và một chương trình hành động vừa mới được xây dựng ở Ghoom đe dọa sẽ:

Cấm đường hòng làm đình trệ mọi hoạt động kinh tế và ngăn không cho gỗ trên vùng đồi, đá dưới lòng sông được chở về xuôi. Mọi xe cộ đều sẽ bị chặn lại.

Ngày cờ đen vào 13 tháng Tư.

Bãi công bảy mươi hai giờ vào tháng Năm.

Không tổ chức quốc lễ. Không ngày Cộng hòa, ngày Quốc khánh, không cả ngày sinh nhật Gandhi.

Tẩy chay bầu cử với khẩu hiệu “Chúng ta sẽ không sống ở tiểu bang Tây Bengal của kẻ khác.”

Không đóng thuế, không trả nợ (khôn chưa).

Đốt hiệp ước Ấn Độ-Nepal năm 1950.

Dù có phải người Nepal hay không, ai cũng được khuyến khích (bắt buộc) quyên góp cho các quỹ, mua lịch và băng cas-sette diễn văn của Ghising, thủ lĩnh GNLFF ở Darjeeling, và Pradhan, thủ lĩnh ở Kalimpong.

Mỗi gia đình – Bengal, Lepcha, Tây Tạng, Sikkim, Bihar, Marwar, Nepal hay dân tộc của nợ gì không biết – được yêu cầu (bắt buộc) cử ra một nam đại diện tham gia tất cả các cuộc tuần hành, đồng thời phải có mặt tại buổi lễ đốt hiệp ước Ấn Độ-Nepal.

Ai không chấp hành, phong trào sẽ biết và... ờ, chẳng ai muốn họ nói hết câu.

“Ô hay, mông ông đâu?” vừa leo lên chiếc jeep Bác Potty đã hỏi Cha Booty.

Bác quan sát ông bạn thật kỹ lưỡng. Một trận cúm đã làm Cha Booty gầy đến nỗi giờ trông ông như một bộ quần áo treo trên mắc. “Ông mất mông rồi!”

Vị linh mục đang ngồi trên một cái phao hơi, vì bàn tọa gầy guộc của cha cứ đau nhói lên khi phải cưỡi chiếc xe jeep chạy dầu diesel thô kệch ấy, chỉ như là dăm thanh thép, vài tấm sắt với một cái động cơ thô sơ ráp lại, kính chắn gió rạn nứt tứ tung như mạng nhện vì bị đá từ mấy con đường lổn nhổn bắn lên. Nó đã hai mươi ba tuổi rồi nhưng vẫn chạy tốt và Cha Booty tuyên bố là trên thị trường không có xe nào bì kịp với nó.

Băng ghế sau nào ô, nào sách, các bà các cô, cả mấy bánh pho mát Cha Booty định chuyển cho Khách sạn Windamerre và Tu viện Loreto, nơi người ta ăn kèm bánh mì nướng vào buổi sáng, thêm một bánh dự phòng cho Nhà hàng Glenary's để nhờ cha có thể thuyết phục họ đổi từ Amul sang lấy hàng của cha, nhưng rồi họ sẽ không chịu. Viên quản lý tin rằng khi một sản phẩm xuất xứ từ nhà máy và có nhãn mác đảng hoàng, lại được giới thiệu qua một chiến dịch quảng cáo trên toàn quốc, thì theo lẽ tự nhiên nó phải tốt hơn mấy thứ do ông nông dân hàng xóm làm ra, một ông Thapa vợ vẫn và một con bò vợ vẫn nào đó ở cuối ngõ.

“Nhưng đây là sản phẩm của nông dân địa phương, chẳng nhẽ ông không muốn ủng hộ họ à?” Cha Booty sẽ van nài.

“Quản lý chất lượng, Cha ơi,” ông ta phản pháo, “uy tín trên toàn Ấn Độ, thương hiệu, coi trọng khách hàng, tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh thực phẩm.”

Thế nhưng Cha Booty vẫn hy vọng, mùa xuân đang vùn vụt tới, muôn hoa muôn vật đều đang khoe sắc, tỏa hương pheromone của riêng mình.

Khu vườn của Tu viện Thánh Joseph náo nức một vẻ phồn thực đến nỗi khi họ đi qua trên chiếc jeep, Sai tự hỏi liệu nó có làm các xơ bối rối chẳng.

Những bông loa kèn vĩ đại nở căng, dính nhớt với những bao phấn đang ứa nhựa; côn trùng rộn rã đuổi nhau trong không khí, vù vù; và đàn bướm màu xanh dưa chuột say đắm yêu đương chấp chới lượn qua ô cửa chiếc xe jeep, bay vào lũng sông sâu thẳm; sự hấp dẫn của tình ái phong lưu hiển hiện rõ ràng ngay cả giữa những tạo vật có phần thấp kém kia.

Gyan và Sai – nàng nghĩ đến lúc họ ở bên nhau, đến cuộc cãi vã về Giáng sinh; chuyện ấy thật tệ hại và tương phản ghê gớm với quá khứ. Nàng nhớ khi vùi mặt vào cổ anh, những tay và những chân quấn lấy nhau, những bụng, những ngón tay, chỗ này rồi chỗ khác, nhiều đến nỗi có khi nàng hôn anh và nhận ra đang hôn chính bản thân mình.

“Jesus sắp giáng thế,” một dòng chữ xuất hiện ở đường kè chống lở đất khi họ đổ dốc xuống sông Teesta.

“Để làm tín đồ Hindu,” ai đó đã lấy phấn ghi thêm bên dưới.

Vụ này với Cha Booty rất ngộ nghĩnh, nhưng cha tắt ngay nụ cười khi họ đi qua tấm biển quảng cáo của Amul.

Utterly Butterly Delicious...²³

“*Nhựa thì có!*” Thế mà cũng dám gọi là bơ với pho mát! Còn lâu *nhé. Dem làm đồ chống thấm được đấy!*”

Lola và Noni giơ tay vẫy qua cửa sổ. “Chào bà Thondup.” Bà Thondup, xuất thân từ một gia đình quý tộc Tây Tạng, đang ngồi cạnh hai cô con gái Pern Pern và Doma mặc *bakus* màu ngọc và áo lụa nhạt màu thêu hình tám linh vật nhà Phật rất tinh xảo. Hai cô con gái này, theo học ở Tu viện Loreto, đáng ra đã kết bạn với Sai – có lần, lâu rồi, mấy người lớn tính với nhau như vậy – nhưng họ không muốn làm bạn với cô bé. Họ có bạn rồi. Đủ rồi. Không có chỗ cho đứa hâm.

“Thật là một quý bà thanh lịch,” Lola và Noni luôn nói vậy mỗi lần thấy bà ta, vì họ ưa quý tộc và ưa nông dân; chỉ hạng ở giữa là đáng ghét: cái giai cấp trung lưu xếp thành một hàng dài dằng dặc đến tận chân trời ấy.

Thế cho nên họ không vẫy bà Sen đang từ bưu điện bước ra. “Người ta cứ nài nỉ con bé nhà tôi *vui lòng* nhận cho cái thẻ xanh,” Lola nhại bà hàng xóm. Đồ nói dối thối mồm...

Họ lại vẫy khi đi qua chỗ hai cô công chúa Afghan ngồi trên ghế mây giữa những cây đỗ quyên trắng nở hoa, trinh bạch mà kêu gọi như một trò ảo thuật khéo bằng quần lót. Từ trong nhà bay ra cái mùi không lẫn vào đâu được của thịt gà.

“Xúp à?” Bác Potty bụng đói meo, mũi hếch lên khoái trá, hỏi vánh lên. Hôm nay bác đã nhờ mất bữa sáng trứng-tráng-cuộn-thức-ăn-thừa quen thuộc.

“Xúp!”

Rồi lại vẫy đám trẻ mồ côi ở trường Graham’s đang chơi ngoài sân – nhìn chúng đẹp tựa thiên thần, cứ ngỡ như chúng đã chết và lên thiên đường cả rồi.

Toán lính chạy bộ qua được vẫy phủ dưới bầy bướm bướm đang ve vãn nhau và những vạch đủ sắc màu – xanh, đỏ, da cam- của lũ chuồn chuồn dính chặt lấy nhau trong những góc hình học méo mó của động tác giao phối. Ai cũng phì phò thở dốc, ống chân khăng khiu thò ra từ những chiếc quần soóc rộng ngộ nghĩnh: họ phải làm thế nào để bảo vệ Ấn Độ trước quân Trung Quốc đang đóng rất gần ở Nathu-La bên kia dãy núi?

Đã có lời đồn thổi về chuyện ăn chay đang phổ biến ở những bếp ăn tập thể của quân đội.

Lola thường gặp những sĩ quan trẻ không chỉ ăn chay mà còn kiêng rượu. Kể cả những sĩ quan cấp cao nhất.

“Ta nghĩ đã đi lính thì chí ít cũng phải ăn thịt mới phải,” bà nói.

“Vì sao ạ?” Sai hỏi.

“Để giết người thì phải ăn thịt, nếu không chỉ là con vật bị săn đuổi thôi. Cứ nhìn tự nhiên xem – con hươu, con bò. Rốt cuộc con người cũng là động vật và muốn chiến thắng thì phải biết mùi máu.” Nhưng quân đội đang

rút dần khỏi mô hình quân đội kiểu Anh và trở thành một quân đội Ấn Độ thực sự. Ngay cả trong cách chọn màu sơn. Họ đi qua câu lạc bộ Striking Lion's sơn màu hồng đám cưới.

“Ờ thì,” Loni nói, “chắc họ cũng chán thứ gì cũng chỉ mỗi một màu bùn ấy rồi.”

“HOA” là dòng chữ trên một tấm biển to tương gần đó, một phần trong Chương trình Làm đẹp cho Quân đội, tuy đây là nơi duy nhất trên đời không có lấy một bông hoa.

Họ dừng lại cho một đôi thầy tiểu qua đường và đi vào cổng tòa biệt thự dòng tu của họ vừa mới tậu.

“Tiền Hollywood đây mà,” Lola nói. “Từng có một thời sư sãi mang ơn người dân Ấn Độ lắm, đất nước duy nhất tiếp nhận họ! Giờ thì họ coi ta như rơm như rác. Chỉ chực đợi người Mỹ cho sang Disneyland thôi. Cơ hội béo bở quá mà!”

“Giờ, họ đẹp giai thế kia,” Bác Potty nói, “ai lại muốn họ đi cơ chứ?”

Bác nhớ lần đầu bác và Cha Booty gặp nhau... ánh mắt ngưỡng mộ của cả hai cùng dành cho một nhà sư ngoài chợ... sự khởi đầu của một tình bạn vĩ đại...

“Ai cũng kêu khổ thân dân Tây Tạng – khổ thân dân Tây Tạng,” Lola nói, “nhưng con người đúng là nhẫn tâm mà, chả có ông Đạt lai Lạt ma nào sống nổi – ông nào cũng chết yếu. Cái tòa điện Potala ấy – chính ra Đạt lai Lạt ma phải cảm ơn ngôi phúc tinh của mình rơi trúng vào Ấn Độ, khí hậu tốt hơn, mà nói thẳng ra là thức ăn ngon hơn. *Momo* thịt cừu vừa bùi vừa béo của nó.”

Noni: “Tưởng ông ta phải ăn chay chứ?”

“Cái đám sư sãi này ăn chay sao được. Có rau cỏ nào mọc được ở Tây Tạng? Và trên thực tế, Phật tổ chết là vì thèm thịt lợn đấy.”

“Oái ồm nhỉ,” Bác Potty nói. “Quân đội ăn chay còn sư sãi thì chén thịt tì tì...”

Họ lao xuống như bay qua rặng cây *sal* và hoa *pani saaj*, trên băng cassette Kiri te Kanawa đang hát, giọng ca của bà vút lên từ thung lũng và bay lơ lửng quanh năm đỉnh núi của dãy Kanchenjunga.

Lola: “Hôm nào cho tôi nghe Maria Callas đi. Chẳng gì bằng mấy giọng ngày xưa. Caruso nghe vẫn sướng hơn Pavarotti.”

Một tiếng sau, họ đã xuống đến tầng không khí nhiệt đới nóng và đậm đặc bên trên dòng sông và đến nơi tập trung còn nhiều bướm, sâu bọ và chuồn chuồn hơn nữa. “Sống ở đây cũng thích chứ nhỉ?” Sai chỉ tòa nhà điều dưỡng của chính phủ nằm hướng về bờ cát, nhìn qua bãi cỏ tới dòng Teesta chẳng phút bình yên...

Và rồi họ lại đi lên, tới giữa rừng thông và thỉnh không lắt xắt những giọt mưa vàng nhỏ bé. “Mưa hoa, *metok-chharp*,” Cha Booty nói. “Điềm lành ở Tây Tạng đấy, vừa nắng lại vừa mưa.” Cha ngồi trên chiếc phao bơi, cười rạng rỡ với những chồi non nhuộm nắng qua lần kính xe rạn nứt.

Để giải quyết chỗ ở trước tình trạng bùng nổ dân số, chính phủ vừa thông qua đạo luật cho phép mỗi ngôi nhà ở Darjeeling được xây thêm một tầng; sức nặng bổ sung của bê tông đè xuống đã đẩy thị trấn dốc về một bên và gây ra lở đất nhiều chưa từng thấy. Lại gần, nó trông như một đồng rác cao ngút trên đỉnh và lở ra bên dưới, thế nên nhìn nó như một bức ảnh tĩnh, một khoảnh khắc của sự sụp đổ bị đóng băng. “Darjeeling đang xuống dốc thực sự rồi,” hai bà nói với vẻ thỏa mãn, và không chỉ nói câu đó với nghĩa đen. “Chị nhớ hồi xưa nó đẹp thế nào không?”

Đến khi họ tìm được một chỗ đậu xe một nửa nằm trong vũng nước ở đằng sau chợ, nhận xét ấy đã được minh chứng quá rõ ràng, và sự thỏa mãn đã trở thành chua chát khi họ rẽ lối mà đi giữa lũ bò đang ngấu nghiến vỏ hoa quả, luồn lách qua những chất lỏng bẩn thỉu đang đổ xuống mặt phố, những xe cộ ùn tắc trên đường chợ. Để góp phần vào sự hỗn loạn và ồn ã ấy,

lũ khí nhảy từng từng trên mái tôn trên đầu họ, làm nó kêu loảng xoảng. Thế nhưng, đúng lúc Lola chuẩn bị đưa ra một nhận xét nữa về sự cáo chung của Darjeeling, mây trời đột ngột rẽ ra và dãy Kanchenjunga sừng sững hiện lên – quá đỗi hùng vĩ; nó nằm *ngay đấy*, gần đến nỗi ta có thể thè lưỡi liếm: 8585 mét chiều cao. Xa xa, người ta có thể trông thấy đỉnh Everest, một vật tam giác thẹn thùng e ấp.

Một nữ du khách rú lên hết cỡ như thể vừa thấy một ngôi sao nhạc pop.

Bác Potty bỏ đi trước. Bác không đến Darjeeling vì mấy cuốn sách, mà là để mua đủ rượu để uống qua đợt bất ổn chính trị này. Bác đã vét sạch kho rượu rum của mấy cửa hàng ở Kalimpong, và với mấy thùng mua thêm ở đây, bác sẽ sẵn sàng cho lệnh giới nghiêm và việc gián đoạn nguồn cung cấp rượu trong thời gian bãi công và cấm đường.

“Không phải dân đọc sách có khác,” Lola nói, vẻ chê bai.

“Có đọc truyện tranh,” Sai đính chính. Bác là một độc giả trung thành của *Asterix*, *Tin Tin* và cả *Tin hay không thì tùy* trong nhà cầu, không hề cho rằng mình đứng cao hơn thể loại văn học ấy dù bác từng theo học ngôn ngữ ở Oxford. Vì sự học hành ấy của bác mà hai chị em mới chịu chơi với bác, mà cũng vì bác xuất thân từ một dòng họ Lucknow danh giá và gọi bố mẹ mình là Cậu và Mợ. Mợ bác thời trẻ là một mỹ nhân đẹp đến mức có hẳn một giống xoài mang tên bà: Haseena. “Bà ấy cũng vào loại lá lơi ghê gớm lắm,” Lola nói, bà nghe từ miệng một người nghe từ miệng một người khác về một tấm sari trễ vai, cái cổ áo xẻ sâu và nhiều chuyện nữa... Khi đã vui chơi thỏa thích, bà ta bèn lấy một nhà ngoại giao tên là Alphonso (tất nhiên lại là tên một giống xoài đặc sản). Haseena và Alphonso, họ mừng đám cưới bằng cách tậu hai con ngựa đua, Chengiz Khan và Tamerlane, đã từng lên trang nhất của tờ *Thời báo Ấn Độ*. Về sau chúng bị bán đi cùng với ngôi nhà gần Marble Arch ở London, và rồi lụn bại vì vận rủi và thời thế đổi thay. Cậu Mợ cuối cùng lại đoàn viên nơi cố quốc, lẳng lẳng đến ở một đạo tràng,

nhưng cái hồi kết buồn dành cho hai tâm hồn cuồng nhiệt ấy thì con trai họ dứt khoát không chấp nhận.

“Đạo tràng gì thế? Lola và Noni từng hỏi bác. “Ở đó họ dạy những gì?”

“Chết đói, thiếu ngủ,” Bác Potty than thở, “rồi thì quyên góp. Đày đọa phần hồn con người ta đến nơi đến chốn để họ rên rĩ xin Chúa cứu vớt.” Bác rất khoái kể lại chuyện ở cái nơi chay tịnh nghiêm ngặt ấy – ngay ăn hành tỏi cho nóng máu cũng không được phép – bác đã tuồn vào một phần con lợn *jungli* nướng bác bắt được khi bắt gặp nó đang bới ruộng tỏi của mình. Miếng thịt thơm nức mùi bữa ăn cuối cùng của con vật. “Cậu và Mợ, họ liếm sạch không chừa một mẩu!”

Họ hẹn nhau ăn trưa, và Bác Potty mang trong túi chút sản nghiệp gia đình còn sót lại đi tới cửa hàng rượu, trong khi mọi người lên đường đến thư viện.

Thư viện Gymkhana là một gian phòng tối tăm như nhà xác sực mùi xạ hương ngọt và nồng nàn cơ hồ không chịu nổi của sách cũ. Những cuốn sách có tựa đề đã lặn vào lớp bìa cài khóa từ lâu; có những cuốn đã năm mươi năm trời không ai đụng đến và xơ tung trong tay người cầm, keo bên trong rơi lả tả như những vụn giáp xác tổ của côn trùng. Những trang sách được tô hình những lá dương xỉ đã rã nát từ lâu, bị mối ăn lỗ chỗ như bản đồ đường ống nước. Chất giấyố vàng mang lại một cảm giác tê tê lâm râm của axit và dễ dàng vụn ra từng mảnh, hầu như không cảm thấy được giữa những ngón tay –những cánh bướm giữa hai bờ vịnh cửa và cát bụi.

Có các số báo của tờ *Thời báo Himalayan* đóng thành tập, “tuần báo tiếng Anh duy nhất dành cho Tây Tạng, Bhutan, Sikkim, đồn điền chè ở Darjeeling, và Dooar,” và tờ *Tuần san Minh họa*, có lần từng đăng một bài thơ về bò của Cha Booty.

Dĩ nhiên ở thư viện có cuốn *Những ngôi đình xa xôi* và *Tứ tấu Raj* – nhưng Lola, Noni, Sai và Cha Booty đều nhất trí rằng họ không khoái mấy nhà văn Anh viết về Ấn Độ; đọc phát buồn nôn; thế nào mà sốt rét và mê

sáng lại gắn với đèn đài và răn rết, với cuộc tình ngang trái, đổ máu và sẩy thai; không phản ánh đúng thực tế. Nhà văn Anh viết về nước Anh mới đáng đọc: P. G. Wodehouse, Agatha Christie, đồng quê Anh quốc nơi họ nhận ra mùa năm nay hoa nghệ tây nở sớm, và tuyệt vời nhất, là dòng tiểu thuyết điền trang. Đọc những cuốn đó, ta cứ ngỡ mình đang xem những bộ phim ấy trong phòng chiếu có điều hòa tại Hội đồng Anh ở Calcutta, nơi ngày bé Lola và Noni vẫn hay được đưa đến xem, tiếng nhạc violin dặt dìu như nước cuốn ta đi theo đường xe chạy; cánh cửa tòa trang viên mở ra và viên quản gia xuất hiện với chiếc ô trong tay, vì trời lúc nào cũng mưa, dĩ nhiên rồi; và điều đầu tiên ở nữ chủ nhân trang viên lọt vào mắt ta là đôi giày của nàng, nhô ra trên ngưỡng cửa, và chỉ mới thấy bàn chân ấy ta đã có thể háo hức mừng tượng ra nét kiêu kỳ trên gương mặt nàng rồi.

Có vô số sách viết về du lịch Ấn Độ và hết cuốn này đến cuốn khác đều quay đi quay lại cảnh lữ khách tới một ngôi nhà *dak* trong chiều muộn, người đầu bếp nấu nướng trong căn bếp đen thui, và Sai nhận ra lần nàng được đưa đến Kalimpong theo cách đó cũng chỉ đơn thuần là một phần của sự đơn điệu ấy, chứ chẳng có gì mới mẻ. Sự tái diễn ấy đã lựa chọn nàng, chờ đợi nàng, nguyên rửa nàng, và những nước cờ đi từ trước đó rất lâu đã tạo nên tất cả: Sai, ông tòa, Mutt, người đầu bếp, cả chiếc ô tô bằng khoai tây nghiền nữa.

Lướt qua những giá sách, Sai không chỉ thấy chính mình mà còn đọc được cuốn *Bộ tộc đang biến mất của tôi*, khiến nàng nhận ra rằng mình chẳng hề biết gì về những con người đầu tiên thuộc về nơi này. Người Lepcha, hay còn gọi là Rong pa, những người sống trong hẻm núi, theo đạo Bon và tin rằng tổ tiên của người Lepcha, Fodonthing và Nuzongnyue sinh ra từ tuyết thiêng trên đỉnh Kanchenjunga.

Rồi có cả James Herriot người lính già vui tính, Gerald Durrell, chú ỉn Sam và cô heo Ann, bác gấu Paddington, cả Scratchkin Patchkin sống như một chiếc lá trên cây táo.

Và:

Người đàn ông Ấn Độ lịch sự, với lòng tự tôn của mình, không được bước vào khoang dành riêng cho người châu Âu, cũng như không được bước vào toa dành riêng cho phụ nữ. Mặc dù anh có thể đã tiếp thu những tập quán và phong cách châu Âu, hãy can đảm thể hiện mình không hổ thẹn làm một người Ấn Độ, và trong những trường hợp ấy, hãy đặt mình vào vị trí của dân tộc mà anh thuộc về.

- H. Hardless, *Cẩm nang Ứng xử của Đàn ông Ấn Độ*.

Một cơn giận bốc lên khiến nàng kinh ngạc. Nàng thật đại dột đi đọc mấy quyển sách cũ; ngọn lửa giận nó thối bùng lên không hề cũ; nó mới tinh khôi. Nàng mà không tóm được thằng cha đánh rắm thối mồm ấy, nàng sẽ lòng cho ra hậu duệ nhà lão H. Hardless này và đâm chết tươi cả lũ. Có điều đời con không lý gì phải gánh tội thay đời cha, nàng cố thuyết phục bản thân mình. Nhưng thế thì liệu đời con có quyền yên hưởng sự trục lợi bất chính của đời cha không?

Sai nghe lỏm được câu trả lời khi Noni trò chuyện với người thủ thư về *Tội ác và trừng phạt*. “Tôi nửa thấy kính sợ cái văn phong, nửa lại thấy mơ hồ,” Noni nói, “trước những tư tưởng Thiên Chúa giáo về xưng tội và tha thứ này – họ trút hết gánh nặng tội ác lên đầu nạn nhân! Nếu ác nghiệp đã gây ra không thể vãn hồi, thì vì sao lại phải tha thứ cho tội lỗi?”

Những giáo điều ấy kỳ thực có vẻ thiên vị kẻ ác hơn người tốt. Anh có thể tàn ác rồi nói xin lỗi, vừa khoái trá thêm vừa được khôi phục lại vị thế giống cái người chẳng làm gì nên tội kia, giờ đây phải chịu đựng cả tội ác của anh lẫn nỗi khổ sở khi phải tha thứ, mà lại chẳng được lợi lộc gì thêm. Và tất nhiên anh sẽ mặc sức làm ác khi biết có một cái lưới an toàn như thế: xin lỗi, xin lỗi, ôi rất rất xin lỗi.

Cứ như chim trời ấy thôi, lời nói gió bay chẳng mất gì.

Bà thủ thư, chị dâu của bà bác sĩ ở Kalimpong mà bọn họ vẫn thường đến khám, nói: “Giáo lý Hindu nhà mình hay hơn hẳn. Gieo nhân nào gặt

quả ấy, anh không thể thoát được cái nghiệp của mình. Và ít ra thì thần thánh ở ta còn ra dáng thần thánh một tí, nhỉ? Raja Rani chẳng hạn. Không như mấy vị Như Lai với Jesus này – y hết mấy thăng ăn mày.”

Noni: “Nhưng mà dân ta vẫn luôn lách thoát ra được! Kiếp này thì không, nhưng còn những kiếp sau, biết đâu đấy...”

Sai thêm vào: “Tệ nhất là những kẻ cho rằng người nghèo phải an phận chết đói vì đây là quả báo họ phải gánh chịu vì những tội lỗi từ kiếp trước...”

Thực tế là con người ta bị bỏ rơi với hai bàn tay trắng. Chẳng có giáo điều nào xoa dịu nỗi những bất công; pháp luật không đủ thẩm quyền; nó có thể tóm cổ tên trộm gà, nhưng đành lờ đi những tội ác mập mờ lớn lao; bởi nếu bị vạch mặt chỉ tên và sa lưới, chúng sẽ làm sụp đổ hoàn toàn cấu trúc của cái gọi là xã hội văn minh. Đối với tội ác xảy ra trong những giao kèo ma quỷ giữa các quốc gia, tội ác xảy ra trong những không gian gần gũi giữa hai con người mà không có chứng nhân, đối với những tội ác này kẻ thủ ác sẽ không bao giờ đền tội. Không một tôn giáo nào và không một chính quyền nào sẽ đứng ra mở cửa địa ngục.

Trong một thoáng cuộc đối thoại của họ chìm trong âm thanh của một đoàn diễu hành ngoài đường. “Họ nói cái gì thế?” Noni hỏi. “Họ đang hô gì đó bằng tiếng Nepal thì phải.”

Mọi người nhìn qua cửa sổ và thấy một đám thanh niên tay cầm biển đi qua.

“Chắc lại hội Gorkha ấy mà.”

“Nhưng mà họ nói gì thế?”

“Cứ như là không phải đang nói để cho người khác hiểu ấy. Chỉ thấy huyền não, *tamasha*,” Lola nói.

“Ha, đấy, bọn nó cứ đi qua đi lại, hét này hét kia...” bà thủ thư nói. “Chỉ cần dăm thăng vô lại, tụ tập mấy đứa thất học, rặt một bọn bất hảo lê la

chẳng có chuyện gì làm...”

Bác Potty vừa nhập bọn với họ, sau khi đã cất chỗ rum dự trữ lên xe jeep, và Cha Booty thò đầu ra từ giá sách thần học.

“Hay mình ăn luôn ở đây?”

Họ sang phòng ăn, nhưng hình như nó bị bỏ không, đĩa và cốc trên bàn đều úp xuống để cho thấy nhà hàng không mở cửa kinh doanh.

Viên quản lý từ văn phòng bước ra, mặt mày khó chịu.

“Rất tiếc, thưa quý khách. Chúng tôi đang gặp vấn đề vệtài chính nên buộc phải đóng cửa nhà ăn. Duy trì việc kinh doanh giờ càng ngày càng khó khăn hơn.”

Ông ta ngừng lời để vẫy vài người nước ngoài. “Quý khách đi vãn cảnh đây à? Vâng? Có một thời tất cả các vị tiểu vương đều đến Darjeeling, tiểu vương Cooch Behar, tiểu vương xứ Budwan, tiểu vương Purnia... Nhớ đừng bỏ sót Thiền viện Ghoom nhé...”

“Có khách du lịch thế chắc cũng kiếm được chứ nhỉ?”

Gymkhana mới bắt đầu cho thuê phòng để duy trì hoạt động của câu lạc bộ.

“Hả? Kiếm gì nổi? Họ sợ mình giàu nên sẽ bị chặt chém, họ kỳ kèo mặc cả đến cả căn phòng rẻ nhất...Ấy thế mà, các vị xem đây.” Ông ta đưa ra tấm bưu thiếp đôi vợ chồng nọ vừa bỏ lại quây tiếp tân để gửi bưu điện: “Một bữa tối cực ngon mà chỉ có 4.50\$. Cái xứ này rẻ mạt đến khó tin!!! Ở đây hay lắm, nhưng bọn tớ vẫn khoái về nhà hơn, nói thực là ở nhà (xin lỗi, bọn tớ không quen giữ mồm giữ miệng!) chỗ nào cũng sẵn thuốc khử mùi...”

“Còn đây là những du khách cuối cùng đây. Cũng may mà có họ. Vụ biến động chính trị này rồi sẽ xua họ đi nốt mất thôi.”

ba mươi hai

Trong phòng ăn ở Gymkhana, ở một trong những góc nhà treo lủng lẳng những sừng hươu và bộ da thú bị nhậy ăn lỗ chỗ, bóng ma của cuộc nói chuyện cuối cùng giữa ông tòa và Bose, người bạn duy nhất của ông, vẫn còn lớn vờn.

Đó là lần cuối cùng họ gặp nhau. Lần cuối cùng ông tòa lái chiếc xe ra khỏi cổng Cho Oyu.

Đã ba mươi ba năm họ không gặp lại nhau.

Bose nâng cốc. “Vì ngày xưa,” ông ta nói và cạn ly. “Khà. Bàu sữa Mẹ hiền đây.”

Ông ta mang đến một chai Talisker để họ uống chung, và chính ông, theo giao ước, là người khởi xướng cuộc gặp này. Lúc đó trước khi Sai đến Kalimpong một tháng. Ông ta đã viết thư cho ông tòa báo mình sẽ ở tại Gymkhana. Vì sao ông tòa lại đến? Vì một hy vọng hảo huyền làm quá khứ ngủ yên? Vì tò mò? Ông tự nhủ rằng mình đi vì nếu ông không tới Gymkhana, Bose sẽ tìm đến Cho Oyu.

“Phải công nhận là núi non ở mình đẹp nhất thế giới,” Bose nói. “Ông đã leo thử Sandak Fu chưa? Thằng Micky leo rồi đấy – ông nhớ hẳn không? Cái thằng ngốc ấy? Đi đôi giày mới, thế là chưa đến chân núi thì hai chân đã phồng rộp lên đến nỗi phải ngồi bệt xuống, còn cô vợ Mithu – ông nhớ cô ta không? rất sôi nổi? cô nàng được nhỉ? – cô ta chạy một mạch lên đỉnh bằng đôi *chappal* Hawaii.

“Ông nhớ Dickie không, thằng cha có cái áo vải tuyết với cái tẩu màu anh đào hay ra vẻ quý tộc Anh, nói mấy câu kiểu, ‘Cứ nghĩ tới cái ánh sáng... mùa đông... ảm đạm... ảm đạm này... vân vân’ Có thằng con bị trì độn, hẳn chịu không nổi... cuối cùng tự tử.”

“Nhớ Subramanium không? Có mụ vợ béo lùn, dài thước hai rộng thước hai ấy? Gã tìm vui với ả thư ký người Anh, nhưng bị con vợ kia nó đá khỏi nhà, lột sạch tiền bạc... và một khi tiền đã bay thì cô ả kia cũng lượn. Đi kiếm thằng khác...”

Bose ngửa đầu cười và hàm răng giả của ông ta cắn đánh cộp một cái. Ông ta vội vàng cúi xuống ngậm nó lại. Ông ta đã bị những tưởng tượng về cuộc gặp dẫn vật từ trước khi họ chính thức bắt đầu buổi tối hôm ấy – hai gã Pitxbillies²⁴ tóc bạc ngồi ở một góc câu lạc bộ, tấm thảm *durries* sũng nước, cái đầu méo mó của con gấu nhồi bông gục xuống, phân nửa bông nhồi lòì cả ra ngoài. Ông trú trong hàm con vật, còn nhậy sống trong lông, nơi mấy con ve cũng đã đại dột rúc vào, đỉnh ninh sẽ tìm thấy máu và cuối cùng chết đói. Phía trên lò sưởi, nơi từng treo chân dung vua và nữ hoàng Anh mặc triều phục, giờ thay bằng chân dung Gandhi, gầy guộc lộ cả xương sườn. Khó mà kích thích nổi khẩu vị hay tạo được cảm giác thoải mái ở câu lạc bộ, ông tòa nghĩ bụng.

Đến giờ, người ta vẫn có thể hình dung lại thời khắc ấy, những chủ đồn điền tấm áo nóng như sôi vì phi ngựa hàng dặm trong sương, vạt áo nhét vào túi, cho kịp ăn món xúp khoai tây. Sự tương phản ấy có kích thích họ không, khi chơi những giai điệu khe khẽ bằng thìa đĩa, khiêu vũ trước một tấm màn sân khấu tôn vinh những môn thể thao đẫm máu và sự tàn bạo? Trong sổ đăng ký khách lưu trữ ở thư viện, những vụ thảm sát được ghi lại bằng một nét chữ thanh mảnh của phụ nữ và cực kỳ cân xứng, thể hiện một cá tính nhạy cảm và sáng suốt. Đúng bốn mươi năm về trước, những chuyến đi câu trên sông Teesta mang về đến nửa tạ cá mahasheer. Những khẩu súng hai nòng đã bắn hạ mười ba con hổ trên đường từ Calcutta tới Darjeeling. Nhưng lũ chuột thì chưa, chúng đang ngồi buồn tình gặm thảm và chạy tứ tung khi hai người nói chuyện.

“Nhớ hồi tôi đưa ông đi mua áo ở London không? Nhớ cái của nợ ông mặc hồi ấy không? Nhìn y như một thằng *gow wallah* chính hiệu? Nhớ ông hay đọc *Jheele* thành *Giggly* không? Nhớ không? Ha ha.”

Một cảm xúc cay độc trào lên trong tim ông tòa: sao hãn *dám!* Phải chăng đó là lý do khiến hãn lặn lội đến đây, để tự nâng mình lên, hạ thấp ông xuống, xác lập một vị thế quyền uy trong quá khứ để có thể tự tôn trong hiện tại.

“*Nhớ hồi ở Grantchester không? Còn mật ong để uống trà đấy chứ?*”²⁵

Ông và Bose chung một con thuyền, ngồi cách xa nhau để đề phòng đụng chạm và xúc phạm lẫn nhau bằng làn da nâu của mình.

Ông đưa mắt tìm bồi bàn. Họ phải gọi bữa tối, cho xong chuyến đi, kết thúc buổi tối cho sớm. Ông nghĩ đến Mutt đang đợi mình.

Nó sẽ ngồi bên cửa sổ, mắt dán vào cánh cổng, đuôi cúp xuống giữa hai chân, toàn thân căng lên chờ đợi, trán nhăn lại. Khi về, ông sẽ nhật một khúc cây.

“Ta ném đi nhé? Mày bắt được không? Ta ném nhé?” ông sẽ hỏi nó.

Vâng vâng vâng vâng – nó sẽ nhảy căng lên, không chờ đợi nổi thêm một phút giây nào nữa.

Vậy là ông tìm cách phớt lờ Bose, nhưng một khi đã lên cơn rồi, Bose càng tăng cường nhịp độ và giọng điệu lẫn tới.

Ông tòa biết, ông ta là một trong số các thành viên ICS đã cùng nhau khởi kiện đòi mức lương hưu ngang với người da trắng trong ICS, và tất nhiên là họ thua, rồi theo một cách nào đó hào quang đã lìa bỏ Bose.

Bất chấp hết thư này đến thư khác được gõ trên chiếc máy chữ Olivetti xách tay của Bose, ông tòa từ chối không tham gia. Vào lúc đó ông đã trở nên yếm thế và làm thế nào mà Bose vẫn giữ được sự ngây thơ – quả là một điều kỳ lạ. Và kỳ lạ hơn là con trai ông ta rõ ràng đã thừa hưởng sự ngây thơ ấy, bởi mấy năm sau này, ông tòa nghe nói anh ta cũng đi kiện chủ, hãng Shell Oil, và lại thua. Người con trai lập luận rằng giờ đã sang một thời đại mới với những luật lệ mới, nhưng hóa ra đó chỉ là một phiên bản khác của chính những gì đã cũ mà thôi.

“Cuộc sống ở Ấn Độ ít tốn kém hơn,” Người ta lập luận.

Nhưng nếu họ muốn đi nghỉ ở Pháp thì sao? Mua một chai trong cửa hàng miễn thuế? Cho một đứa con sang Mỹ học đại học? Ai sẽ đủ tiền? Nếu họ bị trả lương thấp hơn, Ấn Độ làm sao thoát khỏi kiếp nghèo? Làm sao người Ấn Độ có thể đi lại trên thế giới và sống trong thế giới như người phương Tây? Bose không chịu nổi những khác biệt ấy.

Nhưng lợi nhuận chỉ có thể gặt hái được từ khoảng cách giữa các quốc gia, nước này lấy của nước kia. Người ta kết tội thế giới thứ ba vì là thế giới thứ ba. Người ta đẩy Bose và con trai vào một vị thế nhược tiểu – đến thế và chỉ thế mà thôi – và ông không chịu nổi điều đó. Không thể, khi mà ông đã tin họ coi mình là bạn. Ông nghĩ đến cảnh chính quyền Anh và viên chức của họ đã lên tàu và ném *topis* qua mạn, chỉ bỏ lại một đám người Ấn Độ đứng trơ ra đó, không thể rũ bỏ được những gì họ đã hủy hoại tâm hồn mình để tiếp thu.

Hết lần này đến lần khác họ đã đáo tụng đình và sẽ lại đáo tụng đình bằng niềm tin không lay chuyển vào thể chế của công lý. Họ đã lại thua. Họ sẽ lại thua.

Người đàn ông có mái tóc giả loăn xoăn màu trắng và gương mặt đen trát phấn, gõ búa đưa ra phán quyết, luôn luôn chống lại người bản xứ, ở một thế giới vẫn còn là thuộc địa.

Ở Anh họ được một trận cười vỡ bụng, đành rời, nhưng ngay ở Ấn Độ, họ cũng cười khoái chí khi thấy những người như Bose mắc lừa. Đấy, cứ tưởng mình ghê gớm lắm, cứ như bố người ta, hóa ra cũng chỉ như thế – phải không? – cũng như thiên hạ cả thôi.

Miệng ông tò càng mím lại, Bose dường như càng quyết tâm đẩy cuộc đối thoại đi đến chỗ bùng nổ.

“Những ngày tháng đẹp nhất đời tôi,” ông ta nói. “Ông nhớ không? Chèo thuyền qua King’s, Trinity, Chúa ơi, cảnh thế bao giờ không, sau đó đến đâu nhỉ. À rồi, Corpus Christi... Không, hay tôi nhầm nhỉ? Đầu tiên là

Trinity, rồi đến St. John's. Không. Đầu tiên là Clare, rồi Trinity, rồi đến cái gì nghe đàn bà lắm, Primrose... Primrose à?"

"Không, không phải trình tự ấy," ông tòa nghe chính mình nói bằng một giọng tự ái mạnh mẽ như một gã trai mới lớn. "Là Trinity rồi đến Clare."

"Không, không, ông bảo sao. King's, Corpus Christi, Clarc, rồi mới St. John's. Lẫn hết cả rồi, ông bạn già..."

"Tôi thấy chính *ông* mới lẫn thì có!"

Bose uống hết ly này đến ly khác, co cẳng cho được một điều gì đó – một kỷ niệm chung, xác nhận một sự thật chứa đựng ít nhất cũng là một mối ràng buộc giữa hai con người...

"Không, không. King's! Trinity!" ông ta dẫn chiếc cốc lên mặt bàn. "Jesus! Clare! Gonville! Rồi thì lên uống trà trên Grantchester!"

Ông tòa không chịu đựng thêm được nữa, ông giơ tay lên, đếm từng ngón một:

1. St. John's!
2. Trinity!
3. Clare!
4. King's!

Bose im lặng. Sự phản bác ấy dường như đã làm ông nhẹ nhõm.

"Ta gọi gì ăn chứ nhỉ?" ông tòa hỏi.

Nhưng Bose nhanh chóng ngả sang lập trường khác – cả hai đều đem lại sự thỏa mãn – chỉ là thiếu chiều sâu, sự giải tỏa. Vẫn còn một câu hỏi cho Bose: liệu ông ta nên nguyên rủa quá khứ hay đi tìm một ý nghĩa nào từ đó?

Say mềm, hai mắt nhòa lệt, “Bọn chó má!” ông ta cay đắng thốt lên. “Quân chó má thật!” cao giọng như cố giành lấy quyền kết án.”Goras – chuyện gì cũng thoát được, phải không? *Cái bọn da trắng khốn nạn ấy*. Mọi tội ác thế kỷ đều từ chúng mà ra cả!”

Im lặng.

“Ờ,” ông ta tiếp tục trước sự im lặng không tán thành ấy, thử giảng hòa với nó, “vẫn còn may, *baap re*, là chúng không ở lại, ơn Chúa. Ít ra chúng cũng đi rồi...”

Vẫn không có phản ứng gì từ phía ông tòa.

“Không như ở châu Phi – hãy còn đang gây chuyện ở đó...”

Im lặng.

“Ừm, có lẽ nó cũng không thành vấn đề mấy nữa – giờ chúng có thể đứng từ xa để làm mấy trò bẩn thỉu ấy...”

Hàm răng siết lại buông ra bàn tay siết lại buông ra siết lại.

“Ừm, thực ra họ cũng không hoàn toàn tồi tệ, có lẽ vậy... Không hoàn toàn...”

Hàm răng siết lại buông ra bàn tay siết lại buông ra siết lại buông ra...

Thế rồi ông tòa bật ra, không kìm nổi:

“PHẢI! PHẢI! PHẢI! Họ tồi tệ. Họ có phần trong đó. Và chúng ta là một phần của vấn đề, Bose, cũng giống như ông có thể lập luận rằng chúng ta là một phần của giải pháp, không hơn không kém.”

Rồi:

“Bồi bàn!

“Bồi bàn!

“Bồi bàn?

“Bồi bàn!!

“*BỒI BÀN!!!*” ông tòa hét lên, hoàn toàn tuyệt vọng.

“Khéo đi lừa gà rồi,” Bose yếu ớt nói. “Chắc họ không nghĩ là có khách.”

Ông tòa vào bếp và thấy hai quả ớt xanh nằm chỏng chơ giữa một cái bát thiếc trên một cái chân đế bằng gỗ có dòng chữ “Giải Nhất Triển lãm Khoai tây 1933”.

Hết.

Ông lại bàn tiếp tân. “Sao trong bếp chẳng có ai cả thế?”

Người đàn ông ở quầy tiếp tân đang gà gật. “Đã muộn lắm rồi, thưa ngài. Các vị có thể sang quán Glenary’s ở bên cạnh. Họ có đủ cả nhà hàng và quầy bar.”

“Chúng ta đến đây để ăn tối. Liệu ta có phải phản ánh về anh với ban quản lý không?” Người đàn ông nọ hậm hực đi vòng ra sau nhà, và rồi cuộc một anh bồi bàn cũng miễn cưỡng đến bàn của họ; những vảy đậu lãng đã khô trên tấm áo xanh tạo nên những đốm vàng. Anh vừa đánh giắc trong một căn phòng trống – anh thuộc mẫu bồi bàn kiểu cũ nhan nhản khắp nơi, làm việc theo tác phong của người lao động cộng sản, ung dung tồn tại ngoài phạm vi ảnh hưởng của cái tư tưởng tư bản tởm lợm là phải phục vụ người có tiền một cách lịch sự.

“Cừu nướng xốt bạc hà. Thịt cừu có mềm không đấy?” ông tòa hách dịch hỏi.

Người đầu bếp vẫn không nao núng: “Đào đâu ra thịt cừu mềm bây giờ?” anh ta đáp lại đầy châm biếm.

“Xúp cà chua?”

Ông cân nhắc lựa chọn này nhưng lại thiếu quyết đoán để giải phóng mình khỏi sự cân nhắc. Sau vài phút lưỡng lự, Bose sẽ phá vỡ tình trạng bị yếm bùa ấy bằng cách lên tiếng hỏi, “*Rissoles?*” Như vậy sẽ cứu vãn được buổi tối.

“À không,” người bồi bàn nói, lắc đầu và cười rất xấu.

“Không, món đó thì không có đâu.”

“Rồi, thế ở đây có món gì?”

“Caricừucơmcừucariraucơmrau... “

“Nhưng anh vừa bảo thịt cừu không mềm cơ mà.”

“Vâng, tôi chả đã bảo ông rồi còn gì?”

Thức ăn được dọn ra. Bose thực hiện một nỗ lực dũng cảm để xí xóa tất cả và bắt đầu lại từ đầu: “Tôi vừa tìm được gã đầu bếp mới,” ông ta nói. “Lão Sheru ấy đã lăn ra chết sau ba mươi năm phục vụ. Thằng cu mới chưa qua huấn luyện gì, nhưng thế nên giá mới rẻ. Tôi mang mấy quyển công thức ra và đọc cho nó chép bằng tiếng Bengal. ‘Này,’ tôi bảo nó, ‘cứ đơn giản mà làm, đừng có sáng tạo. Chỉ cần học lấy một thứ xốt nâu và một thứ xốt trắng – hễ xốt trắng thì phết lên cá còn cứ xốt nâu thì phết lên cừu.’ “

Nhưng rồi ông ta cũng không cố mãi như thế được.

Bây giờ ông ta van nài thẳng với ông tòa: “Chúng ta là bạn bè, phải không?”

“Phải không? Chúng ta có phải bạn bè không?”

“Thời gian trôi qua, mọi thứ cũng thay đổi,” ông tòa nói, cảm thấy nỗi sợ không gian kín cùng với cảm giác lúng túng.

“Nhưng những gì đã qua thì không thay đổi, phải không?”

“Tôi sợ là có đấy. Hiện tại làm đổi thay quá khứ. Khi nhìn lại, ông không thấy được những gì ông đã bỏ lại sau lưng, Bose ạ.”

Ông tòa biết mình sẽ không bao giờ liên lạc với Bose nữa. Ông không muốn phải giả vờ rằng mình đã từng là bạn của người Anh (tất cả những người Ấn Độ tội nghiệp hăng tôn vinh thứ tình bằng hữu mà sau này bị phía [da trắng] bên kia tuyên bố là không hề tồn tại!), cũng không muốn để mình bị lôi xuống bùn. Ông đã duy trì một sự im lặng vô khuyết và sẽ không để Bose phá vỡ nó. Ông sẽ không để đến cuối đời lại đánh rơi lòng kiêu hãnh

vào một vở cải lương và ông biết sự nguy hiểm khi thú nhận – nó sẽ loại bỏ vĩnh viễn mọi hy vọng vào phẩm giá. Con người vồ lấy điều anh dành cho họ như một quả tim tươi rói và ngẫu nhiên nó.

Ông tòa gọi hóa đơn, một lần, hai lần, nhưng ngay cả hóa đơn cũng không lấy gì làm quan trọng với người bồi bàn. Ông buộc phải quay vào bếp.

Bose và ông tòa trao nhau một cái bắt tay ướm nhẹp, và ông chùi tay vào quần khi họ đã buông ra, thế nhưng, ánh mắt Bose nhìn ông vẫn cứ nhầy nhầy.

“Xin chào. Tạm biệt. Hẹn gặp lại” – không phải tiếng Ấn, mà là tiếng Anh. Có lẽ đó là lý do đầu tiên khiến họ vui mừng đến thế khi học một ngôn ngữ mới: sự ý thức về bản thân của nó, thành tựu của nó, ngữ pháp của nó, kéo người ta vượt lên; một ngôn ngữ mới đem đến khoảng cách và giữ cho trái tim toàn vẹn.

Sương mù đã bị níu chặt vào những bụi chè dọc hai bên đường khi ông tòa rời Darjeeling, và ông hầu như không nhìn thấy gì. Ông lái xe đi chậm, đường không xe, xung quanh chẳng có gì, và rồi, mẹ kiếp...

Một hồi ức về...

Sáu đứa trẻ ở một bến xe buýt.

“Sao thằng Tàu lại da vàng? Vì nó đá ngược chiều gió, HA HA. Sao thằng Ấn lại da nâu? Vì nó ị ngược lên trời, HA HA HA.”

Chọc ghẹo ông trên đường phố, ném đá, chế giễu ông, làm mặt khi. Kỳ lạ thay: ông sợ trẻ con, bị những con người bé bằng nửa mình làm cho khiếp hãi.

Rồi ông nhớ lại một chuyện còn tồi tệ hơn. Một người Ấn khác, một thanh niên ông không quen biết, nhưng chắc chắn cũng là một người như ông, như Bose, bị đâm, bị đá ở góc phố sau quán rượu. Một trong số những kẻ tấn công cậu ta đã vạch quần đá lên người cậu, vây quanh là một đám

đàn ông mặt đỏ bừng bừng đang cười nhạt. Và ông tòa tương lai đi qua, trên đường về nhà với chiếc bánh nhân thịt cho bữa tối – ông đã làm gì? Ông chẳng nói gì. Ông chẳng làm gì. Ông không hề kêu cứu. Ông quay đi và chạy trốn, chạy lên phòng mình và ngồi đó.

Không nghĩ ngợi gì, ông tòa thực hiện những động tác vừa vặn, những cú ngoặt quen thuộc về lại Cho Oyu, không hề lấn sang mép núi.

Về gần đến nhà, suýt nữa thì ông đâm phải một chiếc jeep của quân đội tắt đèn đỗ bên lề đường. Người đầu bếp với vài người lính đang giấu mấy thùng rượu vào bụi cây. Ông tòa chửi thề nhưng vẫn đi tiếp. Ông vẫn biết về chuyện kiếm thêm của người đầu bếp nhưng lờ đi. Ông là ông chủ, người đầu bếp là đầy tớ, với họ đó là một thói quen, nhưng trong mối quan hệ của họ có gì đó đã thay đổi theo một khuôn khổ đem lại cho cả đầy tớ và ông chủ một ảo tưởng về sự an toàn.

Mutt đang chờ ông trước cổng, và gương mặt ông tòa dần ra – ông bóp còi báo hiệu mình đã về. Trong chớp mắt, từ chỗ đang là con chó buồn bã nhất, nó biến thành con chó hạnh phúc nhất thế gian còn con tim Jemubhai thì trẻ lại trong một niềm vui sướng.

Người đầu bếp mở cổng, Mutt nhảy lên ghế ngồi cạnh ông, và cả hai cùng nhau đi từ cổng vào gara – đây là niềm vui ông dành cho nó và ngay cả khi ông không còn lái xe đi đâu nữa, ông vẫn chở nó chạy quanh trang trại cho nó vui. Vừa leo lên xe, nó lập tức thể hiện một khí độ vương giả, nghiêng đầu và nở nụ cười quý phái sang trái rồi sang phải.

Khi vào nhà, ông tòa thấy một bức điện tín đang đợi mình trên bàn. “Tu viện St. Augustine’s gửi Thẩm phán Patel: về cháu gái ngài, Sai Mistry.”

Ông tòa đã cân nhắc đề nghị của tu viện vào một phút giây yếu đuối ngăn ngại ông trải qua sau cuộc viếng thăm của Bose, khi ông bị buộc phải đối mặt với một sự thật là ông đã chấp nhận những thành trì giả tạo nào đấy để duy trì sự tồn tại của mình. Đã dựng lên từ giả dối, thì phải dựng sao cho vững chắc. Chính sự thật sẽ hủy hoại con người ta. Ông không thể gạt bỏ

những giả dối ấy, nếu không quá khứ sẽ sụp đổ, và kéo theo hiện tại... Nhưng giờ đây ông mặc nhiên tiếp nhận một điều gì đó từ quá khứ đã sống sót tìm về, và sẽ có thể, dù không được ông quan tâm mấy, cứu rỗi ông...

Sai có thể trông nom Mutt, ông suy tính. Người đầu bếp ngày càng già yếu. Nếu về sau này trong nhà có người đỡ đần công việc không công thì quá tốt. Sai đến, và ông sợ rằng cô bé sẽ đánh thức lòng thù hận đã ngủ yên trong bản chất của ông, rằng ông sẽ muốn rũ bỏ cô hay đối xử với cô như ông đã từng làm với mẹ, với bà ngoại cô. Nhưng hóa ra Sai với ông máu mủ ruột rà nhiều hơn ông tưởng. Ở cô bé có gì đó quen thuộc; cô có cùng cái giọng nói ấy, cái phong cách ấy. Cô là một cô gái Ấn Độ Tây hóa được những bà xơ người Anh nuôi nấng, một người Ấn Độ lạc loài trên đất Ấn. Cuộc hành trình ông đã bắt đầu rất lâu về trước nay tiếp tục ở hậu duệ của ông. Có lẽ ông đã sai lầm khi từ bỏ con gái mình... ông đã kết án cô từ trước khi biết cô. Ông không ngăn được mình cảm thấy, từ chốn tù túng của vô thức, sự mất cân bằng trong những hành động của ông đang tự cân bằng trở lại.

Đứa cháu gái mà ông không ghét bỏ này có lẽ là điều diệu kỳ duy nhất số mệnh đã ban cho ông.

ba mươi ba

Sáu tháng sau khi Sai, Lola và Noni, Bác Potty và Cha Booty tới đổi sách, Câu lạc bộ Gymkhana bị Mặt trận Giải phóng Dân tộc Gorkha chiếm giữ, bọn họ ngủ vạ vật trong phòng khiêu vũ và sân trượt băng, khiến những phó trưởng câu lạc bộ còn duy trì được dù đã bị đội ngũ nhân viên làm xuống cấp khá nhiều càng thêm phần lố bịch.

Những tay súng ngủ trong nhà vệ sinh nữ, tận hưởng hệ thống nước nóng thông thoáng vẫn còn dán dòng chữ BAR-HEAD SCOTLAND, NHÀ SÁNG CHẾ màu tím đỏ và ngơ ngẩn đứng trước tấm gương dài, vì giống như đa số người dân thị trấn, chẳng mấy khi bọn họ có dịp ngắm nghía bản thân từ đầu đến chân.

Phòng ăn lố nhố những người mặc đồ kaki, đang làm mẫu chụp hình, chân giẫm lên một cái đầu báo nhồi bông, whisky trong tay, lửa bập bùng trong lò sưởi còn nguyên lớp gạch lát hoa hồng. Họ nốc sạch cả quầy bar, và vào những đêm trời lạnh họ gỡ những bộ da trên tường xuống và ngủ trong những nếp gấp hôi mùi mốc.

Những bằng chứng về sau cho thấy họ còn tàng trữ súng ống, vẽ bản đồ và âm mưu đánh bom những cây cầu, ấp ủ những kế hoạch ngày càng táo bạo hơn khi mấy viên quản lý bỏ chạy khỏi những đồn điền chè trùng điệp như sóng trên dãy núi Singalila quanh Gymkhana, từ Happy Valley, Makaibari, Chonglu, Pershok.

Thế rồi, khi mọi sự đã qua, đám người nổi dậy đã ký hiệp ước hòa bình và rút đi – chính tại căn phòng này ở Câu lạc bộ Gymkhana, trên những chiếc bàn ăn xếp kề nhau thành một hàng – họ đã tiến hành giao nộp vũ khí công khai.

Vào ngày 2 tháng Mười năm 1988, ngày Gandhi Jayanti, bảy nghìn người đã giao nộp hơn năm nghìn khẩu súng kíp, súng ổ quay tự chế, súng lục, súng một nòng và hai nòng, súng tiểu liên Sten. Họ nộp lại hàng nghìn băng đạn, ba nghìn năm trăm quả bom, kíp nổ, ngòi nổ và mìn, hàng

kilogram thuốc nổ, đạn pháo và cối. Chỉ riêng người của Ghising đã có hơn hai mươi tư nghìn đơn vị vũ khí. Trong cái đồng ấy có khẩu súng hơi BSA, khẩu súng trường Springfield và cây súng săn hai nòng Holland & Holland của ông tòa mà ông vẫn xách đi lang thang ở vùng đồng quê quanh Bonda sau giờ uống trà.

Khi Lola, Noni, Cha Booty, Bác Potty và Sai bị từ chối ở phòng ăn của Gymkhana, họ không hề nghĩ rằng những chuyện tồi tệ đến thế sẽ xảy ra với câu lạc bộ. Họ cứ ngỡ về ẩm thực ấy là khó khăn của hiện tại, như viên quản lý đã than phiền, chứ không coi đó là một điềm báo cho tương lai của phòng ăn.

Họ biết ăn trưa ở đâu bây giờ?

“Cái quán mới mở, Let’s B Veg nhé?” Cha Booty hỏi.

“Không *ghas phoos*, không canh với lá gì hết!” Bác Potty nói như đinh đóng cột. Nếu không bị bắt buộc thì không đời nào bác chịu ăn rau.

“Hay là Lung Fung?” Đó là một quán ăn Tàu xập xệ với những con rồng giấy mặt mày dữ tợn treo lơ lửng trên trần nhà.

“Chỗ đấy ngồi không sạch sẽ lắm.”

“Hay Windamere?”

“Đắt quá, chỉ hợp với khách nước ngoài thôi. Mà cũng chỉ có trà là ngon, còn bữa trưa thì đúng kiểu nhà trọ giáo đoàn... *thunda khitchri*... ức cừu béo ngậy... muối và tiêu, đấy là nếu gặp may...”

Cuối cùng vẫn là Glenary’s, như thường lệ.

“Ít ra thì ở đấy cũng nhiều món – ai cũng gọi được thứ mình thích.”

Vậy là họ hành quân sang. Ở một bàn trong góc, Cha Peter Lingdamoo, Cha Pius Marcus và Cha Boniface D’Souza đang ăn bánh táo. “Xin chào, Monsignor,” cả ba chào Cha Booty, đem đến cho họ một luồng gió tự trời Âu. Nghe mới tao nhã làm sao: *Monsignor*...

Lúc nào cũng vậy, trong quán chủ yếu là đông học trò nhốn nháo đùa giỡn nhân ngày đi ăn tiệm; bên cạnh chè thì trường nội trú là một trong những ngành kinh doanh rất phát đạt của Darjeeling. Những đứa trẻ lớn tự mình tổ chức sinh nhật mà không bị ai giám sát, những đứa nhỏ hơn đi cùng bố mẹ vừa đến từ Calcutta hoặc tận Bhutan và Sikkim, hoặc Bangladesh, Nepal, hay từ những đồn điền chè quanh vùng. Mấy ông chủ gia đình trong tâm trạng hào phóng đang hỏi han con cái về chuyện học hành, nhưng các bà mẹ cực lực phản đối, “Để cho con nó yên một tí, *baba*,” vừa chất thức ăn lên đĩa đây có ngọn vừa vuốt tóc và ngắm nghía lũ trẻ đúng theo cách chúng ngắm nghía đồ ăn và cố ních cho thật lực.

Bọn trẻ đã thuộc lòng cả thực đơn sau bao nhiêu năm ăn những bữa đặc biệt ở Clenary's. Món Ấn, món Âu, món Tàu; đồ nướng, xúp gà và ngô non, kem trộn chocolate nóng. Tranh thủ ánh mắt mềm nhũn của phụ huynh – chả là sắp tới lúc chia tay rồi – thêm một cái kem trộn chocolate nóng nữa nhé? “Đi mà, Mẹ, đi mà, Ammi, đi mà, Mami,” bà mẹ quay lại nhìn ông bố, “Priti, không, thế đủ rồi, em đừng nuông nó quá,” rồi chịu thua, biết rằng Mẹ, Ammi, hoặc Mami sẽ khóc sụt sùi suốt dọc đường lẻ loi quay lại trang trại hoặc sân bay hoặc ga tàu. Mẹ nàng liệu có giống vậy không? Và cả cha nàng nữa? Sai bồng thấy mất mát và ghen tị với những đứa trẻ này. Có một thiếu phụ Tây Tạng mặc chiếc *baku* màu thiên thanh và đeo tạp dề với những dải vải sắc màu rộn rã, đẹp đến mức làm người ta ngay lập tức cảm thấy ấm lòng và thấy được yêu thương. “Ôi, má phính ngon chưa kìa,” cả nhà vừa cười nói vừa làm ra bộ ngấu nghiến đứa trẻ, cứ dụ dằng và âu yếm làm sao đó, và chính đứa bé là cười to nhất. Vì sao nàng không thể là một phần của cái gia đình ấy nhỉ? Thuê một căn phòng trong cuộc đời một người nào khác?

Các bà các cô lấy giấy ăn đánh bóng dao đĩa, lau chùi bát đĩa cốc chén và trả lại một cái nhìn hơi bị mờ.

“Làm một ly nhỏ, các bà nhỉ?” Bác Potty hỏi.

“Cái nhà ông Potty này, chưa gì đã thế.”

“Tùy các bà thôi. Cho một gin tonic,” bác gọi và nhúng thẳng miếng bánh mì vào đĩa bơ. Và nhắc lên cả một tảng bơ vàng ruộm. “Tôi rất khoái ăn bơ với một mẫu bánh mì,” bác tuyên bố.

“Cá nướng với khoai chiên chấm sốt tartar ở đây cũng ngon đấy,” Cha Booty nói với một tia hy vọng, hình dung ra món cá sông trong bộ đồng phục vụn bánh mì vàng ruộm giòn tan.

“Cá có tươi không?” Lola hỏi người bồi bàn. “Ở sông Teesta chứ hả?”

“Sao lại không?” người bồi bàn đáp.

“Sao lại không???! Tôi chịu! Anh phải biết nếu *KHÔNG* thì *SAO* chứ!!!”

“Thôi, chả dại. Hay là gà xốt pho mát?”

“Pho mát gì?” Cha Booty hỏi.

Tất cả đờ ra... im lặng băng giá.

Họ biết sự xúc phạm sắp đến...

Utterly butterly delicious... Pho mát Vô địch Toàn Ấn Đ...

“AMUL!!”

“ĐỒ CHỐNG THẨM!!” Cha Booty rên rỉ.

Như mọi khi, họ lại cân nhắc và cuối cùng chọn món Tàu.

“Dĩ nhiên đây không phải món Tàu thực sự,” Lola nhắc với mọi người là Joydeep, chồng quá cố của bà, đã từng đến Trung Quốc và kể rằng món ăn Trung Hoa ở Trung Quốc là một thứ khác hẳn. Đúng ra là một thứ tệ hơn hẳn. Ông tả lại món trứng bách nhật (mà theo ông có khi còn là nhị bách nhật) được họ chôn xuống rồi đào lên như một thứ cao lương mỹ vị, và ai nấy đều trầm trồ háo hức tột độ. Khi quay về ông trở thành ngôi sao sáng ở các buổi tiệc cocktail. “Cũng chẳng để ý lắm đến ngoại hình của họ,” ông kể, “khuôn mặt họ *chap-ta* lắm. Ở ta cái gì cũng ăn đứt, phụ nữ Ấn Độ, đồ cổ Ấn Độ, âm nhạc Ấn Độ, món Tàu ở Ấn Độ...”

Và khắp Ấn Độ không gì bằng món Tàu ở Calcutta! Mọi người có nhớ Ta Fa Shun không? Nơi các bà các cô mỗi khi đi mua sắm vẫn tụ tập ăn xúp nóng kèm theo những chuyện ngồì lê đôi mách nóng hổi không kém ấy...

“Thế mình ăn gì bây giờ?” Bác Potty hỏi, sau khi đã chén sạch chỗ bánh mì.

“Gà hay lợn?”

“Chee Chee. Đừng gọi thịt lợn, toàn sán thôi. Ai biết được con lợn ấy từ đâu ra?”

“Hay gà tấm ớt vậy?”

Từ ngoài vọng vào tiếng ồn ã của đám thanh niên đang diễu hành qua lần nữa.

“Giời ạ, nhộn nhạo quá. Mấy cái trò làm-hay-là-chết này.”

Món gà tấm ớt đã tới, và sau khi bày lên bàn họ, người bồi bàn chùi mũi vào tấm rèm. “Trông đấy,” Lola nói. “Làm gì mà dân Ấn nhà mình chẳng không khá nổi.” Họ bắt đầu ăn. “Nhưng đồ ăn ở đây được đấy.” Nhai rào rạo.

Khi họ rời nhà hàng, vẫn đoàn diễu hành đã quấy rầy họ lúc ngồì ăn và lúc ở thư viện lại xuất hiện trên đường sau khi đã đi vòng quanh cả Darjeeling.

“Gorkhaland cho người Gorkha”

“Gorkhaland cho người Gorkha”

Họ dẹp lại cho đoàn người đi qua và ai suýt nữa thì giẫm phải chân Sai?...

Gyan!!!

Mặc chiếc áo len màu đỏ cà chua, gào thét một cách hăm hờ khiến nàng không thể nhận ra.

Anh làm gì ở Darjeeling nhỉ? Vì sao anh lại có mặt trong một đoàn điều hành của GNLF nhân danh độc lập của người Ấn Độ gốc Nepal?

Nàng há miệng toan gọi anh, nhưng đúng lúc đó anh cũng trông thấy nàng, và tiếp theo vẻ thất kinh trên khuôn mặt anh là một cái lắc đầu kín đáo mà dữ tợn và một tia nhìn lạnh sắt phóng ra từ đôi mắt anh, như một lời cảnh cáo chớ có lại gần. Nàng cắm bặt đi như một con cá, và sừng sờ trào lên ngập cả hai mang.

Đến lúc ấy thì anh đã đi qua.

“Có phải cậu gia sư dạy toán của em không?” Noni hỏi.

“Em không nghĩ vậy,” nàng đáp, quờ quạng đi tìm tự tôn, quờ quạng đi tìm lý trí. “Nhìn giống thật, em cũng cứ tưởng là anh ta, nhưng hóa ra không phải...”

Trên đường đổ dốc trở lại sông Teesta, họ thấy mặt Sai tái đi.

“Con có sao không?” Cha Booty hỏi.

“Say xe thôi ạ.”

“Cứ nhìn về chân trời là đỡ đấy.”

Nàng dán mắt vào những rặng cao nhất của dãy Himalaya, vào vẻ yên tĩnh bất động ấy. Nhưng cũng chẳng ăn thua. Đầu óc Sai chao đảo và nàng không sao nhận biết được những gì trước mắt. Cuối cùng, một vị đắng ngắt trào lên trong họng nàng, làm người nàng sôi lên, đốt cháy miệng nàng, bào mòn răng nàng – nàng có thể cảm thấy chúng tan ra thành bột phấn dưới sự tấn công của món gà tấm ớt vừa trỗi dậy.

“Dừng xe lại, dừng xe lại,” Lola kêu lên. “Cho con bé xuống.”

Sai bắt đầu nôn lên bờ cỏ, mưa ra một thứ hỗn hợp cari cay, đem lại cho họ một hình ảnh khác chẳng hay ho gì của bữa trưa giờ đã trở nên nhão nhoét. Noni rót cho nàng một cốc nước lạnh vào cái nắp bạc cũ rích của cái phích, và Sai ngồi nghỉ trên một tảng đá dưới ánh nắng bên dòng Teesta trong veo tươi đẹp. “Thở sâu vào em ạ, thức ăn mỡ quá đây mà, nhà hàng ấy

bây giờ xuống cấp quá thế – nhà bếp thì bán thiu – lẽ ra mới nhìn cái gã bồi bàn ấy là mình phải biết rồi.”

Ở đầu cầu bên kia, lính gác đang kiểm tra xe cộ đi qua. Cảnh thận trong tình hình rối loạn này, họ mở hết rương hòm tay nải của mọi người trên một chiếc xe buýt và lục tung tất cả lên. Hành khách hững hờ ngồi đợi trên xe, những con người nghèo khổ, mặt gí sát vào cửa sổ, hàng trăm đôi mắt đờ đẫn như những con vật đang chờ chết; như thể chuyển đi quá đổi nhọc nhằn, tinh thần họ đã hoàn toàn kiệt quệ. Thành xe dính đầy vết nôn, như hai dải băng lớn màu nâu bị gió thổi cháy sém đi. Sau chiếc xe buýt, vài xe khác xếp hàng đợi kiểm tra, bị một thanh sắt đặt ngang đường chặn lại không cho đi tiếp.

Ánh nắng chiều đổ xuống rừng cây nồng nàn và vàng rực, và dưới ánh sáng chói chang ấy, bóng râm trong tán lá, cạnh cỗ xe, giữa những lưỡi cỏ và những tảng đá đều tối đen như màn đêm. Trên thung lũng thì nóng, nhưng dưới lòng sông, khi Sai nhúng tay xuống, lại lạnh như băng, cơ hồ làm mạch máu nàng lê liệt.

“Cứ từ từ, Sai ạ, kiểu gì cũng phải chờ lâu, xe cộ đang dồn đống lại rồi.”

Cha Booty xuống xe, đi qua đi lại, và đúng lúc đang vươn vai, sung sướng vì cái bàn tọa đau nhức được nghỉ ngơi thì cha phát hiện ra một con bướm lộng lẫy.

Thung lũng sông Teesta vốn nổi tiếng về bướm, chuyên gia từ khắp nơi trên thế giới đã đến đây để vẽ hình và ghi chép về chúng. Những sinh vật quý hiếm tuyệt mỹ được miêu tả trong cuốn *Những loài bướm lộng lẫy ở Đông Bắc Himalaya* của thư viện đang phấp phới bay trước mắt họ. Mùa hè năm Sai mười hai tuổi, cô bé đã đặt tên cho chúng – “bướm đeo mặt nạ Nhật, bướm của núi xa, bướm Icarus từ mặt trời rơi xuống, bướm được ống sáo thả ra, bướm của lễ hội diều” – rồi chép vào một cuốn sổ tên là “Bộ Sưu tập Bướm của tôi”, mỗi cái tên đều có hình minh họa kèm theo.

“Choáng chưa.” Cha Booty nói. “Nhìn con này này.” Xanh biếc như lông công với hai cái đuôi neho dài màu ngọc lục bảo. “Trời ơi, lại cả con này nữa” – màu đen đốm trắng và một ngọn lửa hồng ở chính giữa... “Ôi cái máy ảnh của tôi... Potty, ông lục trong cái hộp để găng hộ tôi xem?”

Bác Potty đang đọc Asterix: *Ave Gaul! Nhân danh Toutatis!!!!#@***!!*, nhưng bác cũng dứt ra và đưa chiếc máy ảnh Leica nhỏ qua cửa xe.

Khi con bướm đang duyên dáng đập cánh trên sợi cáp của cây cầu, Cha Booty bấm máy. “Giời ạ, hình như tôi run tay rồi, khéo ảnh bị mờ mất.”

Ông toan chụp lại thì đám lính gác bắt đầu hét lên và một người chạy đến. “Trên cầu nghiêm cấm không được chụp ảnh.” Chẳng lẽ cha không biết?

Ôi trời, có chứ, có chứ, là cha sơ ý, cha hào hứng quá nên quên mất. “Rất xin lỗi ngài sĩ quan.” Cha biết chứ, cha biết chứ. Cây cầu này rất mực trọng yếu, nơi đây, huyết mạch phía Bắc của Ấn Độ, là vùng biên giới nơi họ có thể sẽ phải tái ngộ quân Trung Quốc vào một ngày nào đó, còn bây giờ tất nhiên là có cuộc nổi dậy của người Gorkha rồi.

Việc cha là người nước ngoài cũng chẳng giúp được gì.

Họ tịch thu chiếc máy ảnh và bắt đầu lục soát chiếc xe jeep.

Có mùi khó ngửi.

“Mùi gì thế?”

“Pho mát.”

“*Kya cheez?*” một anh lính quê ở Meerut hỏi.

Họ chưa nghe đến pho mát bao giờ. Họ có vẻ nghi ngờ.

Cái mùi ấy quá đỗi đáng ngờ và một người trong bọn báo cáo rằng anh ta thấy nó có mùi của vật liệu chế tạo bom. “Khí maar raha hai,” anh lính người Meerut nói.

“Anh ta nói cái gì thế?” Cha Booty hỏi.

“Cái gì mà khí *nổ*. Cái gì mà khí *cháy*.”

“Vứt nó đi,” họ bảo Cha Booty. “Thối rồi.”

“Đâu, thối đâu mà thối.”

“Rồi, thối rồi, bốc mùi khắp cả xe rồi còn gì.”

Mấy người lính gác bắt đầu kiểm tra chõng sách, cũng nhăn mũi lại y như đối với bánh pho mát vô thừa nhận vốn dĩ được để dành cho nhà hàng Glenary’s.

“Cái gì đây?” Họ những mong tìm thấy thứ văn học có bản chất kích động chống phá đất nước.

“Trollope,” Lola tươi tỉnh đáp, hớn hờ và háo hức trước bước ngoặt của tình thế. “Tôi vẫn bảo,” bà điệu đà quay sang mấy người kia, “là tôi sẽ để dành Trollope đến khi về già lắm lắm; tôi biết nó là một cái thú nhàn tản tuyệt vời khi chẳng còn mấy chuyện để làm, và giờ đã đến lúc rồi. Cái tôi thích là lối văn ngày xưa. Chứ không phải cái kiểu văn mới bây giờ, không đầu không đuôi, chỉ như là một chuỗi... plasma trôi nổi tự do...”

“Nhà văn Anh,” bà bảo người lính.

Anh ta lật qua một lượt: *The Last Chronicle of Barset: The Archdeacon goes to Framley, Mrs. Dobbs Broughton Piles her Fagots.*

“Mọi người có biết,” Lola hỏi mấy người kia, “chính ông ấy là người phát minh ra hòm thư không?”

“Bà đọc mấy quyển ấy làm gì?”

“Để khỏi phải bận tâm đến ba cái vụ này.” Bà phác một cử chỉ mơ hồ và khiếm nhã ra xung quanh và về phía bản thân người lính. Người có niềm kiêu hãnh của mình. Biết mình là một thằng ra gì. Biết bà già mình biết mình là một thằng ra gì. Chưa đây một tiếng trước, bà đã bồi dưỡng niềm tin và cả đứa con trai của mình bằng món *puri aloo* kèm theo một lon Limca chanh-chua-thơm-mát, hơi ga từ đó mang lại cho anh ta cảm giác sung sướng râm ran quanh mũi.

Tức khí trước thái độ láo xược của Lola, mặt mũi vẫn còn tỉnh táo nhờ hơi soda, anh ta ra lệnh mang chỗ sách cất lên chiếc xe jeep của cảnh sát.

“Cái đó không tịch thu được,” bà nói, “đó là sách của thư viện, đồ ngốc ạ. Tôi sẽ gặp rắc rối ở Gymkhana mất. Có trả tiền cũng không đền được đâu.”

“Còn đây?” Người lính kiểm tra một quyển khác.

Noni đã chọn một cuốn của Mahashveta về sự tàn bạo của cảnh sát trong thời kỳ phong trào Naxalite, dịch giả là Spivak, người đã trở nên thời thượng nhờ một tú áo toàn sari và những đôi bốt nhà binh, theo lời một bài báo bà mới đọc một cách hứng thú trên tờ *Indian Express*. Bà cũng chọn một cuốn của Amit Chaudhuri trong đó miêu tả về tình trạng mất điện ở Calcutta khiến người dân trên khắp Ấn Độ mềm lòng hồi tưởng về một thời thiếu điện. Cuốn này bà đã đọc rồi nhưng thỉnh thoảng vẫn đọc lại để nửa uống, nửa đắm mình vào những hình ảnh đẹp đẽ ấy. Cha Booty có một tập luận thuyết về Phật giáo Mật tông do một học giả của một trong những giáo viện huyền thoại của Lhasa viết, cùng quyển *Năm Chú Lợn Con* của Agatha Christie. Còn Sai thì có cuốn *Đồi gió hú* trong túi.

“Chúng tôi phải mang những thứ này về đồn để kiểm tra.”

“Sao lại thế ạ? Đừng mà thưa ngài,” Noni cố gắng thuyết phục anh ta, “chúng tôi đi lần này chỉ để... Những thứ chúng tôi sẽ đọc... Mặc kệ trong nhà... Trong suốt thời gian giới nghiêm...”

“Nhưng ngài sĩ quan, ngài chỉ cần nhìn cũng đã biết là chúng tôi không phải đối tượng ngài phải mất thời gian,” Cha Booty nói. “Bọn *goonda* đây rầy khắp nơi...”

Nhưng chẳng ai thông cảm cho mấy con mọt sách và Lola bắt đầu rủa xả. “Cảnh sát các người là đồ kẻ cắp. Cái đấy ai còn lạ. Thông đồng với bọn *goonda*. Tôi sẽ đi gặp chỉ huy, tôi sẽ đi gặp SDO²⁶. Cái kiểu gì thế này, bắt nạt nhân dân, đồ nhãi nhép cậy quyền cậy thế. Tưởng tôi sẽ hối lộ à, đừng hòng – quên đi nhé. Đi! Mình đi,” bà đồng dục nói với mấy người kia.

“*Chalo yaar,*” Bác Potty nói và đưa mắt liếc mấy chai rượu, ngụ ý nói họ có thể giữ lại một hai chai NẾU...

Nhưng người lính nói, “Chuyện này rất nghiêm trọng. Năm chai cũng chẳng đủ.” Và cái hoàn cảnh mà Kalimpong đang lâm vào bỗng trở nên rõ ràng.

“Xin bà bình tĩnh,” viên cảnh sát trấn an Lola, lại càng chọc giận bà hơn. “Nếu không có vấn đề gì với mấy cuốn sách, chúng tôi sẽ trả lại.”

Những cuốn sách nóng hổi bị họ cẩn thận mang đi. Cả máy ảnh của Cha Booty cũng bị tịch thu và chuyển lên chỗ chánh thanh tra; trường hợp của cha sẽ được xem xét riêng.

Sai không để ý lắm, vì nàng vẫn nghĩ ngợi về chuyện Gyan cố tình không nhận ra nàng, và chẳng buồn để tâm đến chuyện mấy cuốn sách đã bị lấy đi.

Vì sao anh lại ở đó? Vì sao anh lại không muốn nhận nàng? Anh chẳng từng nói: “Anh không cưỡng lại em được... anh cứ phải quay lại...” đó sao.

Khi về đến nhà, người đầu bếp đang đợi, nhưng nàng đi ngủ mà không thèm ăn tối, điều này làm người đầu bếp tổn thương ghê gớm, bác cho rằng thế nghĩa là nàng đã ăn cao lương mỹ vị ở nhà hàng nên giờ mới bỏ rẻ thức ăn nhà phần.

Nhạy cảm trước sự ghen tuông của bác, mỗi khi về nhà nàng hay phàn nàn, “Gia vị chẳng được nghiền cho tử tế gì hết – cháu cắn phải một hạt tiêu tí nữa thì gãy cả răng, thịt thì dai nhách, cháu nhai không nổi đành nuốt chửng, cả một miếng tương với mấy cốc nước.” Bác sẽ cười mãi. “Ha ha, đấy, bây giờ có còn ai bỏ thời gian ra rửa thịt, dần nhuyễn, xay gia vị, rang cho tử tế nữa đâu...” Và rồi bỗng tỏ ra nghiêm túc, bác sẽ giơ một ngón tay lên nhấn mạnh ý kiến của mình như một chính trị gia và phát biểu: “Chỉ có thế này mà tính một đồng tiền!” Rồi gục gặc đầu, rằng ta đây biết tổng trò đời ghê gớm. Và bây giờ, trong tâm trạng bực bội, bác bắt đầu xô bát xô đĩa.

“Có chuyện gì thế!” ông tòa quát lên. Một lời thông báo, chứ không phải một câu hỏi, được đáp lại bằng sự im lặng.

“Không có gì,” bác trả lời, hờ hững, “mà có thể có chuyện gì được. Babyji đi ngủ rồi. Con bé ăn tối ở khách sạn.”

ba mươi tư

Sau chuyến đi thư viện một tuần, chỗ sách kia được tuyên bố là vô hại và được trả về, nhưng nhà đương cục lại có quan điểm khác về tấm ảnh chụp con bướm, trong đó, đằng sau đôi cánh duyên dáng màu đen, trắng và hồng, lại là một góc đặt bên cầu, và cả cây cầu vắt ngang sông Teesta. Trên thực tế, họ nhận thấy bức ảnh không canh nét vào con bướm, mà vào chính cây cầu.

“Vì tôi vội quá,” Cha Booty phân trần, “tôi quên không ngắm kỹ, và vừa mới định chụp lại thì bị tóm.”

Nhưng cảnh sát chẳng thèm nghe và tối hôm đó họ đến nhà cha, lật tung tất cả đồ đạc lên; lấy đi cái đồng hồ báo thức, cái radio, vài cục pin dự phòng, một hộp đinh cha mới mua để sửa nốt cái chuồng bò, cùng một chai rượu rum Black Cat nhập lậu từ Sikkim. Họ tịch thu sạch.

“Giấy tờ của cha đâu?”

Giờ thì Cha Booty lại bị phát hiện là đang cư trú trái phép ở Ấn Độ. Trời ạ, cha quên không tính đến chuyện tiếp xúc với nhà chức trách; cha đã để giấy phép cư trú hết hạn trong một cái ngăn kéo móc meo vì thủ tục gia hạn là cả một nỗi khổ sở của nạn quan liêu, mà cha cũng không tính chuyện ra khỏi Ấn Độ và quay lại thêm lần nào nữa... Cha biết mình là người nước ngoài nhưng đã mất đi ý niệm rằng mình không hề là người nước ngoài ở Ấn Độ...

Cha có hai tuần để rời khỏi Kalimpong.

“Nhưng mà tôi sống ở đây đã bốn mươi lăm năm rồi.”

“Cái đó chẳng có nghĩa lý gì hết. Được cư trú tại đây là đặc quyền dành cho cha, nhưng chúng tôi không chấp nhận việc lạm dụng đặc quyền.”

Rồi người đưa tin trở nên nhã nhặn hơn khi nhớ ra con trai mình đang được các tu sĩ dòng Jesuit dạy dỗ, và ông ta muốn gửi thẳng bé sang Anh hoặc Mỹ. Hoặc là Thụy Sĩ cũng được...

“Xin lỗi Cha,” ông ta nói, “nhưng thời buổi này... cả tôi cũng sẽ mất việc. Vào lúc khác thì tôi có thể lờ đi cho Cha được, nhưng bây giờ thì... xin Cha đến ngay Đại lý Du lịch Sư tử Tuyết và đặt vé. Chúng tôi sẽ đưa cha đến Siliguri miễn phí trên một chuyến xe công. Cứ coi như một kỳ nghỉ, Cha ạ, và hãy giữ liên lạc. Khi mọi việc đã qua, Cha lại xin giấy tờ hợp lệ rồi quay lại. Không sao cả.” Nói những lời này mới dễ dàng làm sao. Ông ta thấy hỉ hả khi mình có thể tỏ ra lịch thiệp và tử tế đến thế.

Quay lại. Không sao cả. Cứ thoải mái. Đi nghỉ mát.

Cha Booty đi gõ cửa tất cả những mối quen biết có thể giúp được cha, tay đồn trưởng và viên SDO hay đến trại bò mua bánh sữa, ngài Thiếu tá Aloo bên doanh trại quân đội, người rất khoái món xì gà sôcôla của cha, mấy nhân viên hạt kiểm lâm đã cho cha mầm nấm sò để đến mùa trong vườn của cha có nấm. Một năm nọ, khi bụi tre trong vườn ra hoa và ong khắp vùng kéo đến vo ve quanh những chùm hoa trắng, hạt kiểm lâm đã mua lại hạt từ chỗ cha vì đó là một thứ rất quý – cái giống tre trăm năm mới ra hoa một lần. Khi bụi tre lặn ra chết sau cái cố gắng quá độ ấy, họ lại cho cha mấy mầm tre mới để trồng, những búp măng có ngọn nhìn giống như bím tóc.

Nhưng giờ đây, những người lúc bình thời vẫn vui vẻ bè bạn và tán gẫu với cha về đủ thứ chuyện từ bánh sữa, từ nấm đến tre, tất cả họ đều quá bận rộn hoặc quá e dè để sẵn lòng giúp đỡ.

“Chúng tôi không thể cho phép một mối đe dọa đối với an ninh quốc gia tồn tại.”

“Thế còn nhà tôi? Còn trại sữa, còn đàn bò của tôi thì sao?”

Nhưng chúng cũng bất hợp pháp như cha vậy.

“Công dân nước ngoài không được quyền sở hữu bất động sản, và Cha biết điều đó mà. Cha làm gì mà sở hữu tất cả những thứ này?”

“Thật ra trại sữa đứng tên Bác Potty, vì ngày trước, khi phiên hà này nảy sinh, bác đã thay mặt ông bạn ký các loại giấy tờ...”

Nhưng bất động sản vô chủ là một chuyện cực kỳ mạo hiểm, vì Kalimpong từ lâu đã bị coi là một “khu vực đặc biệt nhạy cảm”, và theo luật, quân đội được quyền tịch thu tất cả đất đai vô thừa nhận. Họ trả tiền thuê bèo bọt, chất bê tông khắp nơi, nhồi nhét vào mấy ngôi nhà bị tịch thu một lô xích xông khách trọ tạm thời, những người chẳng biết giữ gìn gì và phá nát cả ngôi nhà. Chuyện đó đã thành thông lệ.

Cha Booty nghe tim mình lặng đi trước ý nghĩ đàn bò của cha bị đuổi đi nhường chỗ cho xe tăng của quân đội; cha đưa mắt nhìn quanh cái mảnh sườn núi sỏi đá của mình – hoa trúc lan tím và ngải tiên trắng nhạt tỏa hương trong không gian; dòng Teesta thoáng qua xa xa bên dưới, giờ đây chẳng còn sắc màu gì nữa, chỉ còn như một vệt sáng u ám lấp lánh đang trên đường đổ vào sông Brahmaputra. Thiên nhiên hoang dã nhường kia khó có thể khơi dậy một thứ tình yêu nhu mì – cha yêu nó nồng nàn và mãnh liệt.

Thế nhưng hai ngày sau, Cha Booty lại tiếp một vị khách khác, một bác sĩ người Nepal đang tính mở nhà điều dưỡng tư, và dù không được mời, ông ta vẫn bước qua cổng và ngắm nhìn quang cảnh đôi mắt Cha Booty từng ngắm nhìn, từng âu yếm. Ông ta xem xét ngôi nhà vững chãi được Cha Booty đặt tên là *Sukhtara*. Phúc tinh. Ông ta lấy tay gõ vào chuồng bò với vẻ ửng ý của ông chủ. Một lượt hai mươi lăm bệnh nhân giàu có... Và rồi ông ta đề nghị mua lại trại sữa Thụy Sĩ của Cha với cái giá gần như cho không.

“Như thế còn chưa bằng giá cái chuồng bò, đừng nói đến căn nhà chính.”

“Ông sẽ chẳng kiếm được mỗi nào khác đâu.”

“Sao lại không?”

“Tôi đã sắp xếp cả rồi và ông chẳng có lựa chọn nào khác. Được cái giá tôi trả là ông vẫn còn may đấy. Ông đang cư trú bất hợp pháp ở đây, và ông phải bán hết hoặc là mất hết.”

“Tôi sẽ trông nom lũ bò, Booty,” ông bạn Potty của cha an ủi.”Đừng lo. Khi nào hết lộn xộn, ông lại quay về và tiếp quản những gì ông để lại.”

Họ ngồi bên nhau, Cha Booty, Bác Potty và Sai, giữa tiếng hát từ một cuốn băng của Abida Parveen. “*Allah hoo, Allah hoo Allah hoo...*”Thượng đế chính là không gian bao la, là thiên nhiên hoang dã, giọng hát khàn khàn ấy cất lên, vẻ bất cần trước mất mát trong tình yêu. Nó đẩy con người đến bên bờ vực của mọi sự chịu đựng, và rồi – nó buông tay, buông tay... “*Mujhe jaaaane do...*” Tự do, ấy là tất cả những gì con người cần phải khát khao. Nhưng Cha Booty chẳng hề an tâm trước lời hứa của Bác Potty, vì cha phải thừa nhận rằng ông bạn của mình là một lão bợm nhậu không đáng tin cậy. Bác ta mà say thì chuyện gì cũng có thể xảy ra, cái gì bác cũng dám ký, nhưng chung quy lỗi vẫn là ở Cha Booty: sao Cha lại không xin hộ chiếu Ấn Độ cơ chứ? Vì như thế cũng ngớ ngẩn chẳng khác gì việc KHÔNG xin hộ chiếu Mỹ hay Thụy Sĩ ư? Cha thấy lòng hụt hẫng, thấy căm ghét sự phục tùng của bản thân trước những quan niệm của thế giới này, ngay cả khi cha bất đồng với chúng.

Một chú chồn mongoose lúi đi như nước trên bụi cỏ, lẫn trong sắc màu của đêm tối, chỉ có sự chuyển động là làm lộ nó.

Tim Sai căng lên vì giận giữ. Đây là lỗi của Gyan, nàng tự nhủ. Đây chính là điều anh ta đã gây ra và những người như anh ta đang gây ra nhân danh chính nghĩa và giáo dục, nhân danh bệnh viện cho người Nepal, nhân danh những vị trí lãnh đạo. Cuối cùng, Cha Booty, Cha Booty đáng mẫn, người nói thẳng ra đã đóng góp cho sự phát triển của vùng đồi này nhiều hơn bất kỳ người dân địa phương nào, dù không hề hò hét hay vung dao động kiếm, Cha Booty sẽ bị đem hiến tế.

Dưới thung lũng, trời đã về đêm, những ngôi nhà vách đất xù xì rêu phủ đã lên đèn, đêm tối mơn mớn ngát hương vươn ra, xòe rộng tán lá của mình. Ba người bọn họ ngồi uống Old Monk, dõi theo một màu đen từ từ leo qua ngón chân, qua đầu gối họ, những bóng đen hình lá bắp cải lan ra, chạm lên má, lên mũi và bao trùm khuôn mặt họ. Màu đen leo qua đỉnh đầu họ và nuốt chửng dãy Kanchenjunga đang bừng lên lần chót một màu hồng gợi dục trơ trẽn... mỗi người bọn họ lặng im nhớ về biết bao buổi tối họ đã ngồi bên nhau như lúc này đây... ai mà ngờ được những giây phút ấy sắp đến hồi

kết thúc. Chính ở nơi đây Sai đã được thấy sự gặp gỡ của âm nhạc, rượu và tình bạn có thể tạo nên một nền văn minh vĩ đại nhường nào. “Khoái đến thế này là cùng, bạn ạ...” Bác Potty sẽ nâng ly và nói vậy trước khi cạn chén.

Ở châu Âu có những khán phòng sẽ sớm đón Cha Booty trở lại, những nhà hát opera nơi âm nhạc ngào nặn hết thảy khán giả thành một trái tim duy nhất của nỗi buồn hay sự hân hoan, nơi tiếng vỗ tay ào lên như thác đổ...

Nhưng liệu người ta có cảm thấy những gì họ cảm thấy ở chốn này không? Lửng lơ giữa lưng chừng núi, những con tim hai nửa với đây, khắc khoải mong chờ vẻ đẹp, nét thanh khiết giờ đã quá đổi thân quen. Với một nỗi niềm đắm đuối dành cho những người thân yêu, cho thế giới bao la, hay cho những thế giới khác bên ngoài thế giới này...

Sai nhớ lại cảm giác mơ hồ về những gì nàng thực sự khát khao vào những ngày mới đến Cho Oyu, và chỉ có duy nhất nỗi khát khao ấy đồng vọng lại trong tâm linh đau đớn của nàng. Nỗi khát khao giờ đã ra đi, nàng tự nhủ, chỉ có niềm đau là dường như đã tìm thấy mảnh đất màu mỡ cho mình. Tâm trí nàng trở lại cái ngày xảy ra vụ cướp súng ở ChoOyu– khi tất cả bắt đầu trở nên tồi tệ.

ba mươi lăm

Họ thật đại dột khi cứ để mấy khẩu súng ấy gắn trên tường như thế, những phế tích gợi nhớ về lịch sử, đập vào mắt quá thường xuyên nên chẳng ai buồn để ý hay nghĩ đến nữa. Gyan là người cuối cùng gỡ chúng xuống xem – con trai vốn thích những thứ như thế. Sai từng đọc ở đâu đó rằng đến Đạt lai Lạt ma cũng có một bộ sưu tập đồ chơi trận giả và những chú lính chì. Chưa bao giờ nàng nghĩ rằng sẽ có ngày chúng được hồi sinh và đem ra sử dụng. Không hiểu có xảy ra tội ác nào, khi các mắt xích được nối lại với nhau, sẽ dẫn đến trước thềm nhà họ hay không?

“Ngày trước ông em hay đi săn,” Sai kể cho Gyan, những muốn gây ấn tượng với anh, nhưng vì sao nàng lại thấy tự hào? Về một điều lẽ ra phải đáng xấu hổ?

Người đầu bếp đã kể cho nàng nghe:

“Ông là một tay thiện xạ, bé Sai ạ. Ông cực kỳ anh tuấn, nhìn ông cười ngửa cứ gọi là oai phong lắm liệt. Hễ có con thú ăn thịt người nào xuất hiện là dân làng lại cầu đến ông.”

“Hay có lắm ạ?” Gai ốc sờn lên.

“Ôi, lúc nào cũng có. *Grrr-grrr*, nghe rõ mồn một tiếng răng nghiền gỗ rào rào. Ta vẫn còn nhớ mình tỉnh giấc và nghe ngóng. Sáng ra bên sông đầy những dấu chân, có khi còn ở cả quanh lều.”

Người đầu bếp không sao ngăn nổi sự hào hứng của mình, và cứ mỗi lần bác lặp lại những câu chuyện đó, chúng càng trở nên thật hơn cả sự thật.

Cảnh sát phải đến điều tra vụ án và xới những lá thư của Biju bay tung tóe trong căn lều của người đầu bếp...

“Họ không làm khác được,” người đầu bếp nói. “Chuyện nghiêm trọng mà.”

Mức độ nghiêm trọng ấy được chứng minh khi vào một sáng không lâu sau khi Cha Booty được thông báo về lệnh trục xuất, viên sĩ quan chỉ huy phân khu tìm đến Cho Oyu. Ông tòa và Sai đang ngồi trên thảm cỏ và ông ta phải tìm mãi mới phát hiện ra hai người ẩn trong lớp ngụy trang của bóng họ và bóng cây.

“Thủ phạm vẫn còn đang lẩn trốn,” viên SDO có ba cảnh sát mang súng và *lathis* theo hộ tống nói, “nhưng xin ngài đừng lo. Chúng tôi sẽ đập tan chúng từ trong trứng. Trừng trị thẳng tay những phần tử phản xã hội.

“Ngài biết đấy, cha tôi cũng là một tay thiện xạ,” ông ta tiếp tục câu chuyện bên chén trà. “Tôi bảo ông ấy, giá như tay nghề của cha kém đi một tí, có phải bọn con vẫn còn cái mà bắn không! Phải không ạ? Ha ha,” ông ta cười, nhưng tiếng cười ấy hẳn sẽ có màu hồng nhạt nếu đem thử trên giấy quỳ. “Ngài Thẩm phán, những tay thiện xạ như các ngài quả là xuất sắc, hết sư tử rồi đến báo... Bây giờ nếu ngài vào rừng mà thấy một con gà từ đâu đó xông ra, thế đã là may lắm rồi, phải không?”

Im lặng. Hay là ông ta đã hơi quá đà?

“Nhưng ngài cứ yên tâm, chúng tôi sẽ tóm cổ bọn tội phạm. Bọn chúng đang lợi dụng rối loạn ở Bhutan, Assam để lấy cơ gây rắc rối ở đây. Đất nước ta trước giờ luôn bị chia năm xẻ bảy, một điều thật đáng buồn cho những người như bọn chúng tôi, được nuôi dạy với tinh thần dân tộc, và còn đáng buồn hơn cho ngài, một người đã đấu tranh cho tự do của chúng ta... Bọn phản quốc này chẳng tôn trọng bất cứ ai, bất cứ cái gì, ngay đến bản thân mình cũng không... Cả nền kinh tế đang bị đe dọa.”

“Tiểu thư có biết,” ông ta quay về phía Sai, “ba chữ *T* của huyện Darjeeling ta là gì không? Cô có thể nói tôi biết không?” Nàng lắc đầu. Thất vọng về nàng và lấy làm đắc thắng về mình, ông ta ngâm nga:

“Chè!

“Gỗ!

“Du lịch!”²²

Khi về, ông ta dừng lại bên một cây leo đang nở hoa. “Hoa đẹp quá, Ngài Thẩm phán ạ. Nhìn một cảnh thế này, đủ biết có Thượng đế trên đầu.” Lạc tiên là một loài hoa kỳ lạ mà lộng lẫy, mỗi bông tàn sau có một ngày, có tua rua màu tím và trắng, nửa giống hải quỳ, nửa lại như hoa – tự thân nó đã mang đến đủ lý lẽ cho một đức tin.

“Tôi bắt đầu mê cái thú làm vườn,” viên SDO nói, “từ khi chuyển đến Kalimpong. Tôi chăm sóc đám cây cối như chăm con trẻ ấy. Ừm, nếu có vấn đề gì nữa ngài cứ báo cho tôi. Chắc là không đâu, nhưng tình hình lúc này rõ ràng là rất nhạy cảm.” Ông ta quăn tẩm khăn choàng lên như thể một người ái quốc – Mốt! Hai! Công việc đang chờ! Không được chần chừ! Tổ quốc đang vẫy gọi! Và ông ta leo lên chiếc xe jeep. Người tài xế lùi xe ra khỏi cổng rồi phóng đi.

“Để xem ông ta sẽ làm gì,” người đầu bếp nói.

“Chẳng bao giờ bắt được ai đâu,” ông tòa tiếp.

Sai không nói gì, vì nàng không sao dứt ra được khỏi ý nghĩ về việc Gyan lảng tránh nàng.

Mấy ngày sau cảnh sát nhật về một gã bợm nhậu và quy tội cho gã. Cảnh tượng gãnằm vạ vật ở một rãnh nước ven đường qua chợ đã thành quen thuộc, thiên hạ chẳng ai buồn để ý. Không người này thì người khác sẽ lôi gã dậy, tát vào má gã cho tỉnh, rồi đuổi gã xiêu vẹo trở về nhà, chân nam đá chân chiêu, mắt sáng ngời hy vọng.

Bây giờ thì ngược lại, gã say bị đưa đến đồn cảnh sát, nơi gã ngồi xếp trên sàn, chân tay bị trói gô lại. Đám cảnh sát đứng lối nhỏ, mặt mày chán ngán. Rồi đột nhiên, không rõ bịđiều gì kích thích, họ dứt ra khỏi trạng thái uể oải, chồm lên và bắt đầu đánh đập gã.

Gã càng kêu la, họ càng đánh dữ; họ biến gã thành một đồng thịt bầy nhầy, nện vào đầu gã cho đến khi máu tóa ra đầy mặt, đấm rưng rưng gã, đá gã cho đến khi xương sườn gãy nát...

Khắp vùng đồi người ta có thể nghe thấy tiếng gã van vỉ và rên xiết. Đám cảnh sát đứng nhìn gã đầy ghê tởm. Gã kêu oan: “Con có ăn cướp súng của ai đâu, con chẳng đến nhà ai hết, không mà, không mà, oan cho con quá...”

Tiếng rên xiết của gã cũng là những tiếng rên xiết đầu tiên, báo hiệu sự kết thúc của cuộc sống bình yên ở vùng đồi.

“Con có làm gì nên tội đâu, nhưng con xin lỗi.” Họ đánh gã hàng giờ liền, những tiếng kêu gào tuyệt vọng như xé nát không gian, “Con xin lỗi, con xin lỗi, con xin lỗi...”

Nhưng đó mới chỉ là bài tập kỹ năng tra tấn của cảnh sát, sẵn sàng cho những gì sắp đến. Đến khi gã lết được ra ngoài, mắt gã đã bị hủy hoại hoàn toàn. Chúng rồi sẽ lạnh, trở thành hai hốc mắt trống hoác, phẳng lì vô vọng, vĩnh viễn khiến người ta rùng mình lùi lại vì sợ hãi và kinh tởm.

Ân huệ duy nhất dành cho gã, là gã sẽ không phải nhìn thấy họ rùng mình, và sẽ hoàn toàn đắm chìm trong hơi men vốn luôn mang lại cho gã niềm an ủi.

ba mươi sáu

Chính ông Iype bán báo là người đã hươ tở *India Abroad* lên và thuận miệng hỏi: “Cậu ở gần Darjeeling, nhĩ? Ở đây đang lộn xộn lắm...”

“Sao thế ạ?”

“Người Nepal đang nổi loạn... đúng là bọn phá hoại mà...”

“Đình công ạ?”

“Thế đã tốt, *bhai*, không chỉ đình công, cả vùng trung du bị phong tỏa rồi.”

“Thật ạ?”

“Như thế đã mấy tháng nay rồi. Thế cậu không biết à?”

“Không. Đã lâu cháu chả nhận được thư từ gì.”

“Thế cậu nghĩ là vì sao nào?”

Biju đã đổ lỗi cho những sự cố thông thường – thời tiết xấu, dịch vụ yếu kém – về sự gián đoạn thư từ với cha mình.

“Bọn khốn ấy cứ phải tổng cổ hết về Nepal,” ông Iype tiếp. “Dân Bangladesh về Bangladesh, Afghan về Afghanistan, dân Hồi về hết Pakistan, cả dân Tây Tạng, Bhutan nữa, cứ ngồi lì ở nước mình làm gì không biết?”

“Mình cũng ngồi lì ở đây còn gì?”

“Ở đây khác,” ông ta nói không chút hổ thẹn. “Không có mình thì bọn nó chết.”

Biju trở lại làm việc.

Suốt ngày hôm đó, sự thôi thúc cứ dần tích tụ, cậu bắt đầu tin rằng cha mình đã chết. Dù cho ông tòa có muốn liên lạc với cậu đi nữa thì cũng không biết tìm cậu bằng cách nào. Nỗi lo âu bắt đầu thít chặt.

Sang ngày hôm sau cậu không chịu đựng thêm được nữa; cậu lên khỏi nhà bếp và mua lại một mã số trị giá hai mươi lăm dollar của một gã ma cà bông có biệt tài thuộc lòng các con số bằng cách lảng vảng quanh buồng điện thoại, nghe lỏm người khác đọc mã số cuộc gọi và ghi nhớ trong đầu. Gã đã lên ra sau lưng một ông Onopolous nào đó, ông ta không may mắn nghi ngờ, cứ thế gọi điện và nạp tiền vào tấm thẻ bạch...

“Mà nhanh lên đấy,” gã bảo Biju, “Số này tao không chắc lắm đâu, đã mấy người gọi rồi...”

Cái ống nghe vẫn còn ấm và ẩm ướt từ lần thân mật cuối cùng, và nó phả ngược vào Biju tiếng phều phào khàn đặc của bệnh lao. Vì Cho Oyu không có điện thoại nên Biju gọi vào số nhà khách MetalBox trên đường Ringkingpong.

“Bác gọi hộ cha cháu với. Hai tiếng nữa cháu gọi lại.”

Vậy là, một buổi tối nọ, vài tuần trước khi điện thoại bị cắt, đường sá cầu cống bị đánh bom và cả vùng lâm vào tình trạng hoàn toàn hỗn loạn, người gác đêm của MetalBox đến gõ lạch cạch vào cánh cổng ở Cho Oyu. Người đầu bếp đang ninh xương với hành để làm nước dùng...

“La! Có điện! La! Có điện thoại! Điện thoại của con bác! La! Từ Mỹ về. Một tiếng nữa nó sẽ gọi lại. Nhanh lên!”

Người đầu bếp vội vàng đi ngay, bỏ nồi xương sôi sùng sục phủ những mẩu vụn màu xanh đang nhảy múa lại cho Sai trông – “Babyji!”

“Bác đi đâu thế?” Sai hỏi, nàng đang ngồi nhặt cỏ may dính vào quần của con Mutt, trong đầu nghĩ về sự vắng mặt của Gyan...

Nhưng người đầu bếp không trả lời. Bác đã kịp chạy ra khỏi cổng.

Chiếc máy điện thoại nằm chễm chệ giữa sảnh nhà khách, có khóa xích quây kín để đảm người hầu tắt mắt chỉ có thể nhận điện thoại chứ không gọi đi được. Khi nó đổ chuông lần nữa, người gác đêm bật dậy và gọi: “Điện

thoại, la! Điện thoại! *La mai!*” và cả nhà bác ở căn lều bên ngoài sẽ ùa vào. Mỗi lần điện thoại reo họ lại chạy vào, trung thành cần cần. Là tô tử của những tiện nghi tân kỳ, họ *không đời nào*, không đời nào, lại để nó thành ra một sự tầm thường.

“ALÔ?”

“ALÔ? ALÔ?”

Họ xúm xít quanh người đầu bếp, rúc rích cười và háo hức chờ đợi.

“ALÔ?”

“ALÔ PITAJI A???”

“BIJU À?” Theo bản năng, bác cao giọng để vượt qua cái khoảng cách giữa hai người, gửi giọng nói của mình sang tận Mỹ.

“Biju, Biju,” gia đình người gác đêm đồng thanh, “Biju đấy,” người nọ bảo người kia. “À, con trai bác kìa,” họ bảo người đầu bếp. “Con bác ấy đấy,” họ bảo nhau. Họ chờ đợi nét mặt bác thay đổi, chờ đợi những dấu hiệu gợi ý về những gì đầu bên kia đang nói, ao ước được dự phần vào cuộc đối thoại ấy, hay nói đúng hơn là được *trở thành chính nó*.

“ALÔ ALÔ?????”

“???? HẢ? CON KHÔNG NGHE ĐƯỢC. GIỌNG BỐ NGHE XA LẮM.”

“BỐ KHÔNG. NGHE ĐƯỢC. CON CÓ NGHE ĐƯỢC KHÔNG?”

“Thằng bé không nghe được.”

“HẢ?”

“*Vẫn không nghe được à?*” họ hỏi người đầu bếp.

Bầu không khí ở Kalimpong tìm đến Biju ở tít tận New York xa xôi; nó nồng nàn ùa đến qua điện thoại, và cậu có thể cảm thấy nhịp đập của rừng, ngửi thấy mùi không khí ẩm ướt, mùi hương xanh đen ứa nhựa; cậu có thể hình dung ra tất cả các thành tố khác nhau của nó, từ những tàu lá chuối, những ngọn xương rồng trụi trụi, dáng mềm mại của những bụi dương xỉ;

cậu có thể nghe thấy tiếng ộp oạp à uôm, à uôm của lũ ếch trong ruộng rau muống, nốt cao ngân lên như quyện vào rất mượt với đêm khuya...

“ALÔ? ALÔ?”

“Rè quá, rè quá,” cả nhà người gác đêm bảo nhau. “Không nghe được hờ bác?”

Người đầu bếp cúi kính xua họ đi, “Suyt,” và rồi lập tức sợ hãi vì đã mất đi một giây quý giá với đứa con trai. Bác quay lại ôm máy điện thoại, tay vẫn thò ra sau lưng để xua họ đi, xua túi bụi tưởng chừng rụng cả tay ra.

Họ lùi lại trong chốc lát, nhưng rồi khi đã quen dần với cái động tác xua đuổi kia, họ đâm nhờn và lại mon men lại gần.

“ALÔ?”

“KYA?”

“KYA?”

Những câu chữ họ nói ra bị chính cái bóng của chúng che khuất. Tiếng vọng của chính họ nuốt chửng câu trả lời từ bên kia thế giới.

“RÈ QUÁ.”

Vợ người gác đêm chạy ra ngoài xem xét sợi dây lỏng lẻo nọ, cái mối dây liên lạc yếu ớt đu đưa qua bao khe bao núi, qua dãy Kanchenjunga đang bốc khói như một ngọn núi lửa hay một điệu xì gà – có thể một con chim đã đậu lên đó, có thể một con cú đêm đã lao qua cắt ngang tín hiệu chập chờn, có thể vệ tinh trên trời đã bị mất sóng...

“Gió to quá, thổi cứ vù vù,” vợ người gác đêm bảo, “đường dây cứ đung đưa thế này, thế này này” – hai tay bà cũng đung đưa.

Lũ trẻ bèn trèo lên cây và cố giữ sợi dây cho chắc.

Một luồng tĩnh điện ủa vào khoảng không giữa người cha và đứa con.

“CÓ CHUYỆN GÌ THẾ?” – đầu kia gào còn to hơn – “MỌI CHUYỆN ỔN CẢ CHỨ?!”

“CON BẢO GÌ CƠ?”

“Thôi bỏ đi,” bà vợ bảo và lôi lũ trẻ từ trên cây xuống, “chúng mày làm thế chỉ tổ càng tệ hơn.”

“NHÀ CÓ CHUYỆN GÌ THẾ? CÓ BẠO LOẠN Ạ? ĐÌNH CÔNG À?”

“KHÔNG CÓ GÌ ĐÂU.” (Không làm nó lo lắng thì hơn). “BÂY GIỜ THÌ KHÔNG!!”

“Nó định về à?” người gác đêm hỏi.

“BỐ KHỎE CHỨ?” Biju gào lên giữa đường phố New York.

“ĐỪNG LO CHO BỐ. ĐỪNG LO GÌ Ở NHÀ CẢ. Ở KHÁCH SẠN CÓ ĐƯỢC ĂN UỐNG TỬ TẾ KHÔNG? NHÀ HÀNG CÓ THU XẾP CHỖ Ở CHO CON KHÔNG? BÊN ĐÂY CÓ NGƯỜI NÀO Ở UTTAR PRADESH KHÔNG?”

“Họ cho chỗ ở. Cho cả ăn. MỌI THỨ ỔN CẢ. NHƯNG BỐ CÓ KHỎE KHÔNG?” Biju hỏi lại.

“TÌNH HÌNH YÊN TĨNH RỒI.”

“SỨC KHỎE CỦA BỐ THẾ NÀO?”

“Ừ. MỌI THỨ ỔN CẢ.”

“À, mọi thứ ổn cả,” ai nấy gật gù bảo nhau. “Mọi thứ ổn cả chứ? Mọi thứ ổn cả.”

Đột nhiên sau giây phút ấy họ không biết nói gì hơn nữa, vì tình cảm tuy vẫn còn đó nhưng lời lẽ thì không, một cái đã đơm hoa kết trái nhưng cái kia thì không, và họ rơi tõm vào một nỗi trống trải.

“Bao giờ nó về?” người gác đêm nhắc.

“BAO GIỜ CON VỀ?” “CON CHƯA BIẾT. CON SẼ CỐ...”

Cậu chỉ muốn òa lên khóc.

“CON KHÔNG XIN NGHỈ ĐƯỢC À?”

Cậu chưa từng được hưởng cái niềm vui khiêm tốn là thi thoảng được nghỉ một ngày. Cậu làm sao mà về thăm cha được.

“THẾ BAO GIỜ CON ĐƯỢC NGHỈ?”

“CON KHÔNG BIẾT...”

“ALÔ?”

“*La ma ma ma ma ma*, nó không được nghỉ. Sao lại thế? Chẳng biết nữa, chắc là bên ấy khó khăn lắm, tiền thì kiếm được khá đấy, nhưng chắc chắn bọn nó phải làm lụng cực nhọc lắm... Có ăn không được của ai cái gì bao giờ... trên đời làm gì có nơi nào như thế...”

“ALÔ? ALÔ?” “PITAJI, CÓ NGHE CON NÓI KHÔNG?”

Họ lại lìa xa nhau lần nữa...

Tút tut tu tu tu títtít, điện thoại chết cứng và họ mắc cạn giữa không gian đang ngăn cách hai người.

“ALÔ? ALÔ?” – hét vào miệng ống nghe.

“Alô? Alô? Alô? Alô?” họ nghe chính giọng mình vọng lại.

Người đầu bếp đặt máy xuống, run rẩy.

“Nó sẽ gọi lại,” người gác đêm nói.

Nhưng chiếc máy điện thoại vẫn câm lặng.

Bên ngoài, lũ ếch kêu *rột rột*, như thể chúng đã nuốt mất tiếng quay số.

Bác cố lắc cho chiếc máy hồi sinh trở lại, những mong ít nhất cũng được nói mấy lời tạm biệt quen thuộc. Nói cho cùng, ta vẫn có thể tải được tình cảm thực dù chỉ bằng câu sáo ngữ.

“Chắc là đường dây có vấn đề.”

“Đúng, đúng, đúng.”

Như mọi khi, đường dây có vấn đề.

“Rồi nó sẽ béo tốt trở về thôi. Tôi nghe nói ai về cũng béo ra cả,” bà em vợ của người gác đêm bỗng thốt lên, hy vọng an ủi được người đầu bếp.

Cuộc nói chuyện kết thúc, và nỗi trống trải Biju những muốn xua đi lại càng nhức nhối.

Cậu không nói được gì với cha mình cả; giữa họ chẳng còn lại gì ngoài mấy câu khản trương, những dòng điện tín bị cắt xén được hét tướng lên như trong thời chiến. Họ thế là chẳng còn ràng buộc gì với đời nhau nữa, ngoại trừ niềm hy vọng là mình vẫn sẽ còn ràng buộc. Cậu đứng chết lặng trong buồng điện thoại đầy bã kẹo cao su cứng ngắc và những *ĐịtCứtBuồiDáiLồnYêuChiếnTranh* quen thuộc, những dấu thập ngoặc, những trái tim bị tên xuyên thủng nằm lẫn trong mảnh vườn graffiti dày đặc, quá đỗi đường mật quá đỗi giận dữ quá đỗi quá trụy lạc – cái lớp bồi đang êm đềm thổi rửa đầy bệnh hoạn của trái tim nhân loại.

Nếu tiếp tục cuộc sống ở New York, rất có thể cậu sẽ không bao giờ gặp lại *pitaji* nữa. Những chuyện như thế xảy ra luôn; mười, mười lăm năm trôi qua, một bức điện tín hoặc một cú điện thoại tìm đến, đáng sinh thành đã qua đời và đưa con về chậm một bước. Hoặc họ trở về và nhận ra mình đã bỏ trọn vẹn cái phần tư cuối cùng của một đời người, cha mẹ mình chỉ còn như những tấm phim âm bản. Và có những bi kịch còn tệ hại hơn. Khi niềm vui ban đầu lắng xuống, họ chợt nhận ra tình yêu đã không còn nữa; vì nói cho cùng yêu thương cũng chỉ là một thứ thói quen, và con người, họ quên, hay họ quen dần với sự vắng mặt của nó. Họ trở về và chỉ thấy cái vỏ ngoài còn sót lại; nó đã bị ăn mòn từ xương tủy, cũng như Cho Oyu đang bị lũ mối gặm nhấm từ bên trong.

Bên ấy ai cũng béo ra...

Người đầu bếp biết rằng bên ấy ai cũng béo ra. Chuyện ấy ai cũng biết.

“Con sang đó có béo ra giống mọi người không, *beta*?” đã lâu rồi có lần bác viết cho con trai như thế, khác hẳn lối nói chuyện quen thuộc của hai người.

“Có, con đang béo lên,” Biju viết lại, “bao giờ gặp bố sẽ thấy con béo bằng mười ngày xưa.” Cậu bật cười khi viết những dòng này, và người đầu

bếp cũng cười phá lên khi đọc được; bác cười lăn ra và đập hai chân trong không khí như một con gián.

“Vâng,” Biju trả lời, “con đang béo lên – bằng mười ngày xưa,” và kinh ngạc khi vào cửa hàng chín-mười-chín-xu và phát hiện ra mình chỉ mặc vừa áo ở giá dành cho trẻ con. Ông chủ hàng quê ở Lahore, ngồi chễm chệ trên một cái thang cao đặt chính giữa để canh chừng không cho ai ăn cắp cái gì, và ông ta dán mắt vào Biju ngay khi cậu bước vào, khiến trong Biju nhói lên một cảm giác tội lỗi. Mà cậu có làm gì đâu. Thế nhưng ai cũng cho rằng có, vì cái vẻ ngoài phạm tội của cậu sờ sờ ra đó, ai nhìn cũng thấy.

Cậu nhớ Saeed. Cậu muốn được nhìn lại lần nữa, dù là ngăn ngủi, đất nước này qua lăng kính màu hồng của cặp mắt anh.

Biju trở lại Gandhi Café, ở đó họ vẫn chưa phát hiện ra sự vắng mặt của cậu. “Tất cả đến xem trận cricket, nhé?” Harish-Harry vừa mang đến một cuốn album ảnh để cho đám nhân viên xem những bức hình chụp căn hộ ở New Jersey mà ông mới trả trước một phần. Ông vừa lắp một cái ăng ten chảo to tướng chình ình ngay giữa thảm cỏ trước nhà, bất chấp việc ban quản lý của cái cộng đồng tình tuyến này một mực đòi ông phải đặt nó kín đáo bên hông nhà như một cái tai gọn ghẽ; nhưng ông đã được thỏa nguyện bằng cách ranh mãnh kêu ca, “Phân biệt chủng tộc! Phân biệt chủng tộc! Tôi không bắt được mấy kênh tiếng Ấn.”

Như thế là chỉ còn phải lo cho cô con gái. Chỗ bạn bè và đối thủ của họ, vợ của ông Shah, mới câu được một chàng rể bằng cách làm món kebab Galawati rồi gửi Fed-Ex luôn đêm tới tận Oklahoma. “Một nhà *dehati* nào đó giữa ruộng ngô,” Harish-Harry bảo vợ. “Mà bà phải thấy mặt cái thằng họ vẫn khoe khoang này cơ – đúng là thằng *lutoo*. To con kiểu Mỹ – nhìn thẳng đấy cứ như cái gì dùng để phá cửa ấy.”

Ông ta bảo con gái: “Ngày xưa thân con gái biết tự trọng thì tính nết phải đoan trang. Bây giờ mà cứ nghịch dại đi, rồi về sau lại hối cả đời... Lúc ấy thì đừng có tìm chúng tao mà khóc lóc, nhớ chưa?”

ba mươi bảy

Tình hình sẽ được cải thiện, viên SDO đã nói vậy. Nhưng thực tế thì không, bất chấp việc họ đã bắt đại mấy người trong thị trấn về tra tấn.

Liên tiếp những cuộc đình công khiến các cửa hàng phải đóng cửa.

Đình công một ngày.

Đình công ba ngày.

Rồi bảy ngày.

Một sáng nọ, khi Cửa hàng Bách hóa Lark's mở cửa trong chớp nhoáng, Lola đã ca khúc khải hoàn trong trận chiến với hai cô công chúa Afghan để giành những lọ những hộp cuối cùng. Đến cuối tháng, đầu hai cô công chúa chỉ còn nghĩ đến mỗi món mứt, lòng ngậm một mỗi cảm hờn giữa cảnh giết chóc và đốt phá: “Cái mụ già mười phần trợ trên ấy!”

Hôm nào Lola cũng thấy hể hả khi ngồi phết món mứt cam thật mỏng để dùng cho được lâu.

Đình công mười ba ngày.

Đình công hai mươi một ngày.

Ngày đình công nhiều hơn cả ngày không đình công.

Hơi nước trong không khí nhiều hơn cả không khí. Ai cũng khó thở và cảm giác như đang bị chết ngạt ở một nơi mà nói cho cùng nếu chẳng có gì khác thì cũng thừa thãi không gian.

Cuối cùng, cửa hàng và văn phòng không mở cửa tí nào nữa – từ Đại lý Du lịch Sư tử Tuyết đến buồng điện thoại STD, hàng bán khăn choàng, hiệu may điếc, quầy báo Kanshi Nath & Sons – ai cũng biết sợ mà cụp cửa chớp xuống và đến thò mũi ra cửa sổ cũng không dám. Đường bị chặn, giao thông đình trệ, xe chở gỗ và đá bị giữ lại, chè không chuyển đi được. Đình rải khắp đường, dầu nhớt Mobil lênh láng khắp nơi. Người của GNLFF nếu có cho ai

qua thì cũng bắt nộp một đồng tiền và bắt phải mua băng cassette diển văn của GNLF và lịch Gorkhaland.

Xe tải chờ hàng đoàn người từ Tindharia và Mahanadi đến, họ tụ tập trước đồn cảnh sát, ném gạch đá và chai lọ. Hơi cay không giải tán được họ; tấn công bằng *lathi* cũng không ăn thua.

“Rồi, rốt cuộc bọn chúng muốn bao nhiêu đất?” Lola u ám hỏi.

Noni: “Các phân khu Darjeeling, Kalimpong và Kurseong, mở rộng đến chân đồi, một phần của hai huyện Jalpaiguri và Cooch Behar, từ Bengal đến Assam.”

“Kẻ xấu chẳng được yên đâu,” Bà Sen nói, không nghỉ tay đan, chẳng là bà đang đan tặng thủ tướng một chiếc áo len vì cảm thông với khó khăn của ông. Ngay ở Dehli trời cũng trở lạnh... nhất là ở những căn nhà gió lùa, nơi ở của các quan chức cao cấp trong chính phủ. Nhưng bà đan không thạo. Rất chậm. Không như mẹ bà, người có thể đan xong một cái chăn trẻ con khi xem một bộ phim.

“Ai xấu?” Lola bảo. “Không phải chúng ta. Bọn chúng mới là kẻ xấu. Và chúng ta mới là người chẳng được yên thân. Không xấu thì chẳng được yên.”

Một quốc gia là gì, nếu không phải là ý niệm về nó? Bà nghĩ đến Ấn Độ như một thứ khái niệm, một niềm hy vọng, hay một nỗi khát khao. Anh có thể tấn công bao nhiêu lần trước khi nó sụp đổ? Để phá hoại một cái gì, phải có sự rèn luyện; đó là một thứ tà thuật và bọn chúng đang hoàn thiện nó. Cứ mỗi lần mâu thuẫn, lần sau sẽ càng dễ xảy ra hơn, sẽ trở thành một hành động bắt buộc, cũng như khi hủy hoại một cuộc hôn nhân, người ta không thể tránh né, không thể ngừng khơi ra những vết thương, dù vết thương ấy là của chính mình.

Họ đã đọc xong mấy cuốn sách mượn của thư viện, nhưng dĩ nhiên giờ thì chẳng trả vào đâu được. Một sáng nọ, khi vị thiếu tá chần chu, người quản lý Câu lạc bộ Gymkhana đến nơi, ông ta phát hiện ra người của GNLF đã đuổi sạch thủ thư và nhân viên bàn giấy đi để tận hưởng sự rộng rãi và

riêng tư cả đời họ chưa bao giờ có được, ngủ giữa các giá sách, đùa nghịch trong phòng gửi đồ của các bà, nơi trước đó không lâu, Lola từng hà hơi vào cái bông nhồi phấn và nhẹ nhàng đánh phấn lại mũi mình.

Không còn du khách đến từ Calcutta, quần áo nai nịt hàng lớp như thể chuẩn bị thám hiểm Nam Cực, làm dậy lên khắp thị trấn mùi khét của băng phiến. Không còn những vị khách thành phố giàu có béo tốt đến đây để thưởng lên lưng bầy nghèo còi ghẻ lở. Năm nay lũ ngựa lùn được yên thân.

Không còn ai tới Khách sạn Himalayan để ngồi dưới bức họa của Roerich vẽ một ngọn núi dưới ánh trăng, nhìn như một con ma trùm khăn trải giường, để “Trải Nghiệm Cuộc Hành Trình Kỳ Thú về Những Ngày Tháng Cũ” như lời gợi ý trong cuốn sổ tay quảng cáo, để gọi bò hầm Ireland, để nhai nhai nhai món dê còm dai nhách đặc sản của Kalimpong.

Các nhà khách đều đóng cửa. Giờ này mọi năm, những người gác đêm đều phải dọn khỏi nơi trú ngụ trái phép của họ trong nhà chính để quay về những ngôi lều ở bên ngoài; phải đổi nét mặt từ kiêu hãnh thành ra khúm núm “*Ji huzoor*”; phải thay mới những khóa tủ đã bị họ phá để moi ra ti vi và lò sưởi điện made-in-Japan; năm nay, sự sung sướng của họ không còn bị gián đoạn nữa.

Trong khi họ án binh bất động thì lũ trẻ bị lôi khỏi trường nội trú khi các bậc phụ huynh giở báo ra và kinh hoàng đọc được tin không khí trong lành ở vùng đồi đã bị náo loạn vì quân nổi loạn ly khai và chiến tranh du kích. Tình trạng kích động gia tăng ở khắp nơi có lẽ là tội của nhóm nam sinh còn sót lại ở trường St. Xavier’s tự bôi tro trát trấu vào mặt mình. Được lệnh giúp chuẩn bị bữa tối (mấy người đầu bếp đã mất hút trong sương), lũ trẻ phát hiện thấy cách tốt nhất để cắt đầu một con gà là xoắn lại rồi bật ra như mở nút chai – hay hơn hẳn cách hì hụi cưa bằng một con dao cùn. Một cuộc truy hoan của máu và lông vũ nổ ra, một trận nhiệt náo quang quác dữ dội, những con chim cụt đầu chạy tán loạn và xổ ruột vãi phân tung tóe. Lũ trẻ rú lên cho đến khi òa khóc trong trận cười trơ trẽn, tiếng cười của chúng chết chìm và giẫy giụa trong nước nở, tiếng nước nở sủi bọt và nổi lên giữa

tiếng cười. Vị quyền hiệu trưởng vặn vòi và định xịt nước lạnh cho chúng tỉnh lại, nhưng đến lúc này thì trong bể làm gì còn nước nữa.

Cả ga cũng hết, dầu cũng vậ. Tất cả quay về đun bằng bếp củi.

Nước cũng không còn.

“Chị cứ để xô ngoài vườn,” Lola bảo Noni, “để hứng nước mưa. Tốt hơn là không xả nước toilet nữa. Chỉ bỏ một tí Sunny Fresh vào cho nó đỡ mùi. Đẳng nào cũng chỉ dùng vào việc vặt.”

Điện cũng không còn, vì người ta đã đốt sở điện để phản đối những vụ bắt bớ ở những nơi chặn đường.

Khi cái tủ lạnh rùng mình rồi im bật, hai chị em phải đem nấu ngay tất cả những thức ăn có nguy cơ bị hỏng. Hôm đó là ngày nghỉ của Kesang.

Bên ngoài mưa vẫn rơi và sắp đến giờ giới nghiêm; bị mùi cay cay của món thịt cừu hấp dẫn, một nhóm thanh niên GNLFF đang đi tìm chỗ trú bèn leo qua cửa sổ bếp vào trong nhà.

“Sao cửa trước nhà Mợ lại khóa thế?”

Những chiếc khóa cỡ đại ấy trước kia vẫn nằm trên mấy thùng tôn đựng đồ quý giá, giờ được chuyển ra cửa trước và cửa sau để tăng cường an ninh. Trên đầu họ, ở tầng áp mái, mấy món đồ có giá trị bị bỏ lại không có gì bảo vệ. Những đồ bạc *puja* gia bảo có từ thời tiền vô thần; những chiếc cốc cho em bé mua ở Phố Bond đi kèm mấy dụng cụ làm bếp hình dáng như chiếc bay, một thời từng vét và trút bột Farex vào những cái miệng cá bảy màu của chúng; một cái ống nhòm sản xuất ở Đức, cái khuyên mũi ngọc trai của bà cố họ, một cặp kính hình cánh dơi từ những năm sáu mươi; bộ thìa nạo tủy bằng bạc (nhờ hay quây quần ăn món tủy mà gia đình họ luôn đầm ấm); những tấm khăn ăn dệt kiểu Damask trên có khâu một cái túi để đựng những lát sandwich dưa chuột hình tam giác – “Nhớ chỉ vẩy vài giọt nước cho khăn nó ẩm trước khi đi picnic...” Trăm thứ bà răn nhặt nhanh từ một phương Tây lãng mạn và một phương Đông huyền ảo, chứa đựng đủ quyền

năng để bảo tồn phẩm giá con người qua những mâu thuẫn thối nát giữa các quốc gia.

“Các cậu muốn gì?” Lola hỏi mấy gã trai và nét mặt bà tiết lộ cho chúng thấy bà có thứ gì đó cần bảo vệ.

“Bọn tôi đi bán lịch và băng cassette cho phong trào, Mợ ạ.”

“Lịch gì, băng gì?”

Tương phản với hành vi đột nhập và quần áo nguy trang của phiến quân là thái độ nhã nhặn đến trêu người của chúng.

Những cuốn băng ghi lại bài diễn thuyết được ưa thích gọt-rửa-những-lưỡi-dao-vấy-máu-trong-dòng-nước-mẹ-hiền-của-sông-Teesta.

“Đừng cho gì cả,” Lola thấy sợ hãi, bà thì thào bằng tiếng Anh, cứ ngỡ rằng bọn chúng không hiểu. “Chị mà cho là chúng quen mui thấy mùi ăn mãi đấy.”

Nhưng chúng hiểu. Chúng hiểu tiếng Anh của bà còn bà không hiểu tiếng Nepal của chúng.

“Mọi đóng góp cho công cuộc đấu tranh vì Gorkhaland đều tốt cả.”

“Tốt cho các cậu, không tốt cho chúng tôi.”

“Suyt,” Noni bấm cô em gái. “Đừng manh động,” bà hỗn hển.

“Bọn tôi sẽ viết biên nhận cho mợ,” mấy gã trai nói, mắt dán vào chỗ thức ăn nằm trên quầy bếp – xúc xích Essex Farm nhìn giống như khúc ruột, món salami đông lạnh phủ một lớp băng như những bụi kim tước đang tan chảy.

“Chẳng ăn thua gì đâu,” Lola đáp.

“Suyt,” Noni lại nói. “Cho bọn tôi một quyển lịch vậy.”

“Một quyển thôi à, Mợ?”

“Thôi được, thì hai quyển vậy.”

“Nhưng Mợ biết là phong trào rất cần tiền...”

Họ đầu tư tiền mua ba quyển lịch và hai cuốn băng cas-sette. Nhưng mấy gã trai vẫn không bỏ đi.

“Bọn tôi ngủ dưới sàn được chứ? Cảnh sát sẽ không truy tìm bọn tôi ở đây đâu.”

“Không,” Lola đáp.

“Cũng được, nhưng xin các cậu đừng làm ồn hay gây rắc rối gì,” Noni nói.

Mấy gã trai chén sạch chỗ thức ăn trước khi đi ngủ.

Lola và Noni cố dịch thật khế cái tủ quần áo ra chặn cửa phòng ngủ. Mấy gã trai nghe thấy và cười phá lên: “Đừng lo! Các Mợ già quá rồi, ai mà thèm nữa.”

Hai chị em thức trắng suốt đêm, mắt nhức nhối trong bóng tối. Mustafa nằm cuộn tròn trong tay Noni, cảm thấy lòng tự trọng của nó bị xúc phạm, cái lỗ ở đít nó thít lại thành một dấu chấm than của nổi tức giận, ở trên là cái đuôi dựng đứng lên thành một đường thẳng tắp không nhượng bộ.

Còn Budhoo, người gác đêm của họ?

Họ chờ ông mang súng đến và dọa mấy gã trai bỏ đi, nhưng Budhoo không đến.

“Em đã bảo chị rồi...” Lola khe khẽ đay nghiến, “cái ngữ Nepal ấy! Thông đồng với nhau hết...”

“Có thể mấy thằng đó làm ông ấy sợ,” Noni cãi lại.

“Thôi xin chị. Khéo lại chú bác của một thằng trong bọn cũng nên. Đáng lẽ đuổi chúng đi thì chị lại làm ra thế này, Noni, rồi chúng sẽ quay lại cho mà xem.”

“Mình làm gì còn lựa chọn nào khác? Mình mà nói không thì mình đã phải trả giá rồi. Em đừng có ngây thơ thế.”

“Có chị ngây thơ thì có: ‘Họ có lý do của họ, họ có lý do, nếu không được một lý do thì cũng được ba phần tư,’ đấy, giờ nhìn đi...*cái đồ ngốc*

nhà chị!”

Sáng hôm sau, một gã trong bọn nhăn nhả ra cười hỏi, “Các Mợ sợ bị cảnh sát bắt vì che giấu bọn tôi à? Có phải các Mợ sợ chuyện đó không? Cảnh sát không đụng đến người giàu các người đâu, chỉ đám bọn tôi thôi, nhưng nếu các Mợ hở ra cái gì thì tôi sẽ có biện pháp với các Mợ đấy.”

“Biện pháp gì?”

“Rồi Mợ sẽ biết thôi.”

Vẫn cái vẻ lịch thiệp tao nhã ấy.

Bọn chúng bỏ đi mang theo gạo, xà phòng, dầu, cùng năm lọ xốt cà chua hoa lợi hàng năm của mảnh vườn, và khi bước xuống bậc cấp, cả bọn nhận ra một điều chúng đã không nhận thấy khi đến đây trong bóng tối – tòa cơ ngơi này trải dài ra một bãi cỏ rồi đổ xuống những bậc thang bên dưới nhìn mới đẹp làm sao. Có đủ đất để dựng một dãy lều. Trên đầu, những con dơi bị điện giật chết treo lủng lẳng như mấy quả cầu da góm ghiếc trên những sợi dây chằng giữa những gốc cây, dấu hiệu của một nguồn điện mạnh mẽ trong thời bình. Chợ ở ngay gần đó; một con đường trải nhựa đẹp đẽ nằm ngay trước nhà; nghĩa là bọn chúng có thể đi chợ và đến trường trong vòng hai mươi phút thay vì hai, ba tiếng mỗi đặng...

Không đầy một tháng sau, một sáng nọ hai chị em tỉnh dậy và nhận ra, dưới sự che chở của bóng đêm, một túp lều đã như một cây nấm mọc lên trên vạt rau vừa bị cắt trụi chỗ cuối vườn rau ở Mon Ami. Họ sợ hãi nhìn hai gã trai thân nhiên chặt một cây tre trên đất nhà họ và hạ gục nó ngay trước mũi họ, một cái đùi gà dài và chắc nịch, còn chưa rõ hình thù và vẫn đang rung lên bần bật vì bị co kéo, một sự tương phản giữa mềm dẻo và cứng rắn, đủ sức trải dài cả một căn nhà có kích thước không-hề-khiêm-tốn.

Họ xông ra: “Đây là đất của chúng tôi!”

“Đất nào của bà? Đây là đất hoang,” chúng cãi lại, số một câu, thẳng thừng, thô bạo.

“Đất này là của chúng tôi.”

“Đây là đất hoang.”

“Bọn tôi sẽ báo cảnh sát.”

Bọn chúng nhún vai, quay đi, tiếp tục làm việc.

ba mươi tám

Việc này không tự nhiên mà đến, chính Lola cũng biết vậy, mà nó bắt nguồn từ một cảm giác thù hận xa xưa không thể nào dứt bỏ được khỏi Kalimpong. Nó đã thành một phần trong từng hơi thở. Nó nằm trong từng ánh mắt chờ đợi và dán vào anh khi anh xuất hiện, cười lên lưng anh theo mỗi bước đi, với một lời xì xào bàn tán anh không tài nào nghe được lúc đi qua; nó ở trong điệu cười nhếch mép của những người vẫn tụ tập ở Căng tin Thapa, ở Gompu's, ở mỗi sạp hàng vô danh bán trứng và diêm bên vệ đường.

Những con người này có thể nhận ra họ, gọi tên họ – những kẻ giàu có hiếm hoi – trong khi Lola và Noni khó mà phân biệt được từng cá nhân làm nên đám đông nghèo khổ ấy.

Chỉ là trước nay hai chị em chưa từng nghĩ ngợi gì nhiều, vì một lý do đơn giản là họ cần gì phải vậy. Họ cho rằng việc họ làm thiên hạ ghen tị là chuyện tất nhiên, và được sự ưu đãi của quy luật xác suất, họ cứ thế trôi lọt trong cuộc đời này mà không vấp vấp gì ngoài vài lời xì xào bình phẩm, ấy thế nhưng đôi khi, có người đen đui thế nào lại có mặt đúng lúc đúng chỗ không nên có mặt khi mọi thứ xảy ra – và những rắc rối của hàng thế hệ trút lên đầu họ. Đúng lúc Lola vừa nghĩ rằng một trăm năm nữa sẽ cứ thế trôi đi như thế kỷ vừa qua – Trollope, BBC, một trận vui vẻ từng bừng nhân dịp Giáng Sinh – thì đúng một cái, những gì họ coi là ngây thơ, vui nhộn, buồn cười, không thành vấn đề, hóa ra đều sai lầm cả.

Mua thịt hun khói đóng hộp ở một đất nước của gạo và xúp đậu là *cả* một vấn đề; sống ở một ngôi nhà lớn và ngôi bên lò sưởi điện vào buổi tối, dù cái lò sưởi ấy tóe lửa và rò điện, là *cả* một vấn đề. Bay sang London rồi trở về với sôcôla nhân rượu anh đào, là *cả* một vấn đề; nó là *cả* một vấn đề khi người khác không thể làm như vậy. Họ đã vờ như không phải thế, hoặc nếu có thì cũng không liên quan gì đến họ, rồi đột nhiên tất cả đều rất liên quan là chẳng khác. Sự giàu sang có vẻ từng bảo bọc họ như một tấm chăn,

lại chính là thứ phơi bày họ. Họ, khi xung quanh cực cùng nghèo khổ, lại giàu nứt ra, và những thống kê về sự chênh lệch ấy được phát đi trên loa, được viết rõ ràng trên tường. Nỗi tức giận đã tích tụ thành khẩu hiệu và súng ống, và hóa ra họ, *chính họ*, Lola và Noni, là những kẻ đen đui không đi lọt, những kẻ sẽ trả món nợ đáng lẽ ra phải được chia sẻ với biết bao con người của nhiều thế hệ.

Lola đến viếng thăm Pradhan, viên thủ lĩnh đình đám của cánh Kalimpong trong GNLF, để khiếu nại về việc cấp dưới của ông ta dựng lều trái phép trên địa phận của Mon Ami.

Pradhan đáp: “Nhưng tôi phải lo nơi ăn ở cho người của tôi.” Trông ông ta giống một con gấu bông đi ăn cướp, hàm râu rậm, khăn quấn quanh đầu, đeo khuyên tai vàng. Lola chẳng biết gì nhiều về con người này, ngoài việc báo chí gọi ông ta là “con ngựa chứng của Kalimpong”, kẻ phản đồ, nóng tính, hỉ nộ thất thường, một kẻ nổi loạn chứ không phải một nhà ngoại giao, người điều hành cánh quân của ông ta trong GNLF như một vị vua với vương quốc, một gã lục lâm với băng đảng của mình. Họ đồn rằng ông ta man rợ hơn và dữ dằn hơn Ghising, thủ lĩnh cánh Darjeeling, một chính trị gia khá khâm hơn, quân của ông ta đang chiếm giữ Câu lạc bộ Gymkhana. Trên số báo *Indian Express* cuối cùng đi lọt những chặng cấm đường có in tiêu sử của Ghising: “Sinh ở đồn chè Manju, học ở đồn chè Singbuli; cựu sĩ quan Binh đoàn Súng trường Gorkha Số Tám, tham chiến ở Nagaland; diễn viên kịch, tác giả thơ và văn xuôi (năm mươi hai cuốn sách – có nhẽ đâu thế?); võ sĩ hạng gà; thành viên nghiệp đoàn.”

Sau lưng Pradhan, một người lính cầm khẩu súng báng gỗ chìa ra giữa phòng. Trong mắt Lola, anh ta nhìn giống như anh em của Budhoo đang cầm khẩu súng của Budhoo.

“Lề đường là đất của tôi.” Lola, trong tấm sari góa phụ bà đã mặc ở lễ điện táng khi Joydeep mất, lúng búng bằng một thứ tiếng Anh đứt đoạn, như

thể phải giả vờ rằng bà không thạo tiếng Anh còn hơn là để lộ ra sự thật rằng mình không hề biết tiếng Nepal.

Nhà của Pradhan nằm ở một vùng bà chưa bao giờ đặt chân đến của Kalimpong. Trên tường quanh nhà, những ống tre chẻ đôi được đổ đầy đất để trồng xương rồng. Xương rồng nhím và xương rồng gai mọc lên từ những hộp thiếc đựng dầu Dalda và những túi nhựa xếp dọc theo bậc cấp dẫn lên ngôi nhà nhỏ hình chữ nhật lợp mái tôn. Căn phòng đầy người. Họ nhìn bà chăm chăm, kẻ đứng, người ngồi ghế gấp, lối nhố như trong phòng chờ bác sĩ. Bà có thể cảm nhận từ họ nỗi thèm khát mãnh liệt được tống khứ bà đi như một thứ tai ương. Một người được ưu tiên trước Lola, một chủ cửa hàng người Marwar đang muốn đánh một xe đèn thờ qua mấy chỗ cấm đường. Một điều kỳ lạ là người Marwar kiểm soát hoàn toàn hoạt động kinh doanh những đồ thờ Tây Tạng – đèn và chuông, kim cương chữ, tăng bào màu mận chín và áo lót màu nghệ tươi, khuy áo bằng đồng chạm hình hoa sen.

Khi người đàn ông được dẫn đến trước mặt Pradhan, ông ta bắt đầu khom lưng uốn gối và vắn vẹo đến nỗi không cả ngược mắt nhìn lên. Ông ta phun ra những lời tán tụng hoa mỹ: “Thưa Ngài Và *Huzoor* Tôn Kính Và Đại Giá Của Ngài Và Xin Hết Lòng Thuận Theo Tôn Ý, Xin Ngài Lượng Cả Ban Ổn, Xin Ngài Tôn Quý, Mong Ngài Mở Lượng Hải Hà, Xin Thần Linh Ban Ổn Mưa Móc Cho Ngài Và Gia Quyển, Cầu Cho Đức Ngài Tôn Kính Phát Tài Và Xin Ngài Ban Tài Phát Lộc Cho Kẻ Tôi Tớ Hèn Mọn Này...” Ông ta bày ra một vườn hoa la liệt lời chúc tụng, nhưng cũng chẳng ăn thua gì, và cuối cùng, tới khi lui ra ông ta vẫn không ngừng reo rắc hoa hồng và nài xin, cầu mong và chúc tụng...

Pradhan đuổi ông ta ra: “Không có ngoại lệ.”

Và đến lượt Lola.

“Thưa ngài, điền trang của tôi đang bị xâm phạm.”

“Tên điền trang?”

“Mon Ami.”

“Tên tuổi kiểu gì thế?”

“Là tên Pháp.”

“Thế mà tôi không biết là chúng ta sống ở Pháp đấy. Hay là thế thật? Mợ thử nói xem, vì sao tôi lại không nói tiếng Pháp nhỉ?”

Ông ta chỉ chực tổng khứ bà đi, xua tay từ chối tấm bản đồ địa chính và tập hồ sơ đất đai ghi rõ kích thước mảnh đất mà bà định giở ra trước mặt ông ta.

“Người của tôi phải có chỗ ở,” Pradhan tuyên bố.

“Nhưng đất của chúng tôi...”

“Tất cả đất hai bên đường, ăn vào một mức nhất định, là đất của nhà nước, và đây là đất chúng tôi đang chiếm dụng.”

Những ngôi lều mọc lên chỉ sau một đêm ấy bây giờ đang chật ních đàn ông, đàn bà, trẻ con, lợn, dê, chó, gà, mèo, bò. Lola có thể hình dung ra, chỉ một năm sau, từ chỗ nhà tranh vách đất chúng sẽ trở thành bê tông gạch lát.

“Nhưng đây là đất của chúng tôi...”

“Thế bà có sử dụng không?”

“Để trồng rau.”

“Bà trồng chỗ khác cũng được. Đem ra cạnh nhà mà trồng.”

“Trên đồi có chỗ nứt, đất yếu, rất dễ xảy ra lở đất,” bà rên rỉ. “Rất nguy hiểm cho người của ông. Đất lở xuống đường...” Bà run lên như một sợi rìa chuột vì sợ hãi, dù bà khẳng khăng tự nhủ đây là vì giận dữ.

“Lở đất? Nhà họ xây đâu có to như nhà Mợ, chỉ là mấy túp lều tranh bé tí. Đúng ra, nhà Mợ mới là dễ gây lở đất.

Nặng quá mà, nhỉ? To quá, nhỉ? Tường dày mấy tấc? Đá hay bê tông? Mợ cũng giàu đấy chứ? Nhà cửa – vườn tược – kẻ hầu người hạ!”

Đến đây ông ta bắt đầu cười.

“Thật ra,” ông ta tiếp, “như Mợ thấy đấy,” ông ta trở ra xung quanh, “tôi chính là tiểu vương ở Kalimpong này. Mà tiểu vương thì phải có nhiều phi tần.” Ông ta hát đầu về phía những âm thanh từ nhà bếp vọng ra qua

cánh cửa buông rềm. “Tôi đã có bốn rồi, nhưng không biết,” ông ta nhìn Lola từ đầu đến chân, hơi nhích cái ghế ra sau, đầu ngoẹo lại, một vẻ ma mãnh cợt nhả hiện lên trên gương mặt, “Mợ thân mến đây có bằng lòng làm người thứ năm không?”

Đám đàn ông trong phòng cười rộ lên. “Ha Ha Ha.” Ông ta biết họ trung thành với mình. Ông ta biết cách để xây đắp uy quyền là vờ như nó tồn tại, cứ thế nó sẽ vươn lên tương xứng với thanh thế của mình... Một lần hiếm hoi trong đời mình, Lola đã thành ra trò cười, bị sỉ nhục, đại mặt, giữa cái phần thị trấn không dành cho bà.

“Và Mợ ạ, vì rằng ở tuổi Mợ thì khó mà sinh con cho tôi được, nên tôi sẽ đòi một khoản hồi môn khờ khớ đấy. Mà Mợ nhìn cũng chẳng ngon lành mấy tí, trên nhãn thím” – ông ta vỗ nhẹ vào trước ngực áo kaki – “dưới phẳng lì” – ông ta vịn người lại và vỗ vào cái mông vừa chìa ra...

“Chính ra, tôi còn khá khấm hơn!”

Khi quay ra, bà có thể nghe tiếng cười của họ.

Làm thế nào chân bà lại bước đi nổi nhỉ? Bà sẽ mang ơn chúng cả đời.

“Xì, đồ ngu,” khi lập cập bước xuống bậc cấp, bà nghe có người dè bịu.

Đám phụ nữ từ cửa sổ bếp nhìn ra và cười nhạo. “Nhìn cái mặt mù kìa,” một người trong bọn thốt lên.

Họ là những cô gái xinh đẹp với những lọn tóc mượt mà và đeo khuyên trên cái mũi xinh xinh đang nhăn lại...

Mon Ami hiện ra như thể một cánh bồ câu siêu phàm màu hòa bình xanh trắng mỏ ngậm vòng hoa hồng trước mắt Lola khi bà đi qua dưới dàn dây leo chằng trên cánh cổng.

“Thế nào, ông ta bảo sao? Em có gặp ông ta không?” Noni hỏi.

Noni đã ngồi đợi em gái trở về từ đầu đến giờ, nhưng Lola không sao trả lời chị mình được.

Bà đi thẳng vào nhà tắm và ngồi run rẩy trên nắp bồn cầu.

“Joydeep” bà thầm hét lên với người chồng đã mất từ lâu, *”nhìn xem ông đã làm gì, cái đồ ngốc nhà ông!!!”*

Môi bà nhếch xuống và miệng bà ngoạc ra như nổi nhục nhã bà đang phải chịu.

“Nhìn xem ông bỏ tôi lại với cái gì! Tôi phải chịu đựng thế nào, ông có biết không??? Còn ông thì ở đâu?! Ông với cái số kiếp nhỏ nhoi hèn mọn của mình, hãy nhìn xem tôi phải đối mặt với những gì, cứ thử nhìn xem. Đến một chút thế diện tôi cũng chẳng còn.”

Bà bầu chặt hai bầu ngực già nua của mình bị người ta nhạo báng và vắn vẹo. Làm sao hai chị em bà bỏ đây mà đi được? Họ mà đi, quân đội sẽ ủa vào. Hoặc giả những kẻ nhảy dù để giành quyền chiếm dụng đất sẽ kiện ra tòa. Họ sẽ mất trắng ngôi nhà mà hai người họ, Joydeep và Lola, đã mua về với những mộng mơ khờ dại về chuyện nghỉ hưu, đậu ngọt và sương mù, chó mèo và sách vở.

Sự tĩnh lặng vọng lại trong đường ống nước, rít lên khó chịu, chìm xuống, ngân lên. Bà mở vòi nước – chẳng có giọt nào chảy ra – bà vắn vòi nước lại, hần học như đang siết cổ nó.

Đồ khốn nạn! Cấm có bao giờ nao núng, lúc nào cũng quả quyết, tự tin. Cấm có bao giờ nghĩ đến chuyện mua nhà ở Calcutta – không. Không. Cái lão Joydeep ấy thì không, với những ý tưởng lãng mạn về cuộc sống chốn đồng quê; với đôi ủng Wellington, ống nhòm và cuốn sách quan sát chim chóc của lão ta; với những Yeats, những Rilke (tiếng Đức), những Mandelstam (tiếng Nga); ngồi giữa núi non tím biếc của Kalimpong với chai Talisker chết tiệt của lão, chân đi đôi tất Burberry (kỷ vật của kỳ nghỉ ở Scotland chơi golf + ăn cá hồi hun khói + uống rượu). Joydeep với cái vẻ lịch lãm quý phái lỗi thời của lão. Lúc nào lão cũng bước đi như thế trái đất dưới chân mình thập phần vững chãi, và lão không bao giờ lưỡng lự. Y hết một nhân vật trong tranh biếm họa. *“Ông là thằng ngốc,”* bà hét vào mặt lão.

Nhưng rồi,
trong giây lát,
đột nhiên,
bà thấy lòng chùng xuống.

“Mắt em đen, yêu kiều và sâu lắng.”

Ông vẫn thường hôn lên đôi mắt long lanh ấy trước khi đắm mình vào sách vở.

“Những lời hứa trên vai ta còn nặng.”

Mắt bên này, rồi lại đến mắt kia...

“Ta chưa ngủ khi đường xa vạn dặm...”

“Anh chưa ngủ khi đường xa vạn dặm...”

Bà sẽ song ca cùng ông...

“Ta chưa ngủ khi đường xa vạn dặm...”

Và ông sẽ đáp lời.

Nói cho cùng, đến tận phút lâm chung, và kể cả sau này, ông vẫn có thể làm sống dậy vẻ hóm hỉnh từng thắp lửa tình yêu trong bà khi họ mới chỉ là những đứa bé con. “Ta uống say mềm giọt mắt em,” ông đã hát tặng bà trong tiệc cưới, và rồi họ cùng nhau đi hưởng tuần trăng mật ở châu Âu.

Noni đến bên cửa: “Em không sao chứ?”

Lola hét lên: “Có, em có sao đấy. Chị đi chỗ khác đi!”

“Sao em không mở cửa ra?”

“Em đã bảo chị đi đi, đi mà nhập hội với cái bọn đầu đường xó chợ chị vẫn bảo vệ ấy đi.”

“Lola, mở cửa ra em.”

“Không.”

“Mở ra nào.”

“Chị cút đi,” Lola nói.

“Lola?” Noni gọi. “Chị pha rượu rum và *nimboo* cho em nhé.”

“Chị cút đi,” Lola nhắc lại.

“Kìa em, trong mọi hoàn cảnh như thế này, những hành vi xấu xa luôn được bao biện bằng một động cơ chính đáng...”

“Vớ vẩn.”

“Nhưng nếu chúng ta quên rằng trong những gì họ nói có phần nào sự thật, thì rồi những vấn đề sẽ lại nảy sinh. Người Gorkha đã bị sử dụng...”

“Toàn là bịa đặt,” Lola thô bạo ngắt lời. “Cái dân tộc này chẳng tốt đẹp gì đâu. Dân Gorkha chẳng qua là một bọn lính đánh thuê, và chỉ thế mà thôi. Ai trả tiền cho chúng thì chúng sẽ trung thành với kẻ ấy. Chẳng có đạo lý gì ở đây đâu, Noni ạ. Và làm gì có cái gọi là GOrkha? Từ trước đến giờ vẫn luôn là GURkha. MÀ ở đây cũng làm gì có được mấy người lính Gurkha – tất nhiên là cũng có, cộng thêm mấy người mới giải ngũ từ Hong Kong trở về, còn lại toàn là phu khuân vác với culi...”

“Đấy là cách viết bị Anh hóa. Họ đổi đi như thế chỉ để...”

“Để cái đầu gối em ấy! Nếu muốn người ta dạy tiếng Nepal ở trường thì còn viết tiếng Anh làm gì. Toàn một bọn đần độn, và đó là sự thực, Noni, chị thấy thế, tất cả chúng ta đều thấy thế.”

“Chị không thấy thế.”

“Thế thì đi mà nhập bọn với họ như em bảo đi. Bỏ nhà cửa, bỏ sách vở, bỏ sữa Ovaltine và quần đông xuân của chị đi. HA! Rồi xem chị có đi không, *đồ dối trá giả tạo.*”

“Chị sẽ đi.”

“Thế thì đi đi. Và đến khi xong chuyện rồi thì xuống địa ngục luôn nhé!”

“Địa ngục? Noni đập cửa nhà tắm và hỏi. “Sao lại địa ngục?”

“Vì rồi chị sẽ gây ra TỘI ÁC, chứ còn sao nữa!” Lola rít lên.

Noni quay lại ngồi lên tấm nệm thêu rồng trên ghế sofa. Ôi, họ đã sai lầm. Miền đất thực tại đã lẩn tránh họ. Hai người bọn họ như hai con ngốc cứ ngỡ rằng những gì mình đang làm là một trò chơi thú vị, từ việc trú ngụ trong ngôi nhà đẹp như tranh này, đến việc cạm dỗ bản thân bằng những cuốn sách du khảo xa xưa trong thư viện, tìm kiếm thứ ánh sáng từ một góc độ nào đó để mê hoặc chính mình, để tìm kiếm một điều vốn chỉ là câu chuyện cổ tích được thêu dệt nên để đem kể trước Hiệp hội Địa lý Hoàng gia, khi tác giả của nó trở lại thực hiện một bài diễn thuyết có kèm theo rượu sherry và một cuộn giấy chứng nhận phun nhũ vàng để tôn vinh chuyến thám hiểm đến những vương quốc xa xôi trên dãy Himalaya – nhưng xa xôi với cái gì? Huyền bí với ai? Nó chính là trung tâm thế giới của hai chị em, nhưng chưa bao giờ họ đối với nó như vậy cả.

Những con người kia – Budhoo, Kesang – cũng sống những cuộc đời tương tự, nhưng với họ không hề có sự song hành hay tự ý thức này, trong khi Lola và Noni buông thả bản thân, coi đó là một cuộc tranh đấu hàng ngày hàng giờ để níu giữ sự văn minh giữa vùng đất lung linh ngút ngàn một sắc xanh này. Họ duy trì kho vật dụng đi rừng của mình, đèn pin, màn chống muỗi, áo mưa, bình nước nóng, rượu brandy, radio, hộp cứu thương, dao Thụy Sĩ, sách về rắn độc. Các đồ vật ấy là những lá bùa mang theo sứ mệnh cải biến thực tại thành một điều gì khác, những vật dụng được thế giới sản xuất ra chúng coi là biểu trưng cho lòng dũng cảm. Thế nhưng, trên thực tế, chúng đồng nghĩa với sự hèn nhát.

Noni cố gắng thức tỉnh chính mình. Có lẽ vào một thời điểm nào đó, ai cũng đã từng trải qua cảm giác này khi nhận ra cuộc đời và cảm xúc của mỗi người đều có một chiều sâu vượt ra ngoài tầm vóc của chính bản thân mình.

ba mươi chín

Rốt cuộc thì môn học xuất sắc nhất của Sai và Gyan chính là những ve vuốt đầu tiên, thật dịu dàng, dịu dàng đến vô chừng; họ vuốt ve nhau như thể sợ người kia rạn vỡ, và Sai không thể nào quên điều đó.

Nàng nhớ lại cái nhìn hung dữ của anh đối với nàng ở Darjeeling, cảnh cáo nàng hãy tránh xa ra.

Sau lần chối bỏ không quen biết nàng, Gyan đã đến Cho Oyu một lần cuối. Anh ngồi bên bàn như thể bị xiềng xích.

Mới mấy tháng trước còn say đắm theo đuổi nàng, giờ anh ta xử sự như thể nàng đã sẵn và bẫy được anh, lừa được anh vào lồng, đuôi cúp lại giữa hai chân!

Loại đàn ông gì thế không biết? nàng thầm nhủ. Nàng không tin nổi là mình đã từng yêu một sinh vật hèn hạ đến thế. Cái hôn của nàng đã không biến anh ta thành hoàng tử; anh ta đã hóa thành một con ếch khốn kiếp.

“Anh là loại đàn ông gì thế hả?” nàng hỏi. “Có ai xử sự thế này bao giờ không?”

“Anh bối rối quá,” cuối cùng anh ta cũng lúng búng đáp. “Anh cũng chỉ là con người và đôi lúc anh yếu đuối. Anh xin lỗi.”

Tiếng “Xin lỗi” ấy khiến nàng nổi trận tam bành: “Rồi anh trút cái con người và yếu đuối ấy lên đầu ai hả! Đời anh rồi sẽ chẳng đi đến đâu đâu, bạ ạ,” Sai hét lên, “nếu anh nghĩ đây là một lý do chính đáng. Một tên sát nhân cũng có thể nói như vậy và anh nghĩ người ta có buông tha cho hắn được tung tăng nhảy múa giữa mùa xuân không?”

Cái cảm giác quen thuộc lại đến, cái điều vẫn luôn xảy ra mỗi lần họ cãi cọ. Anh bắt đầu khó chịu, nói thật chứ, cô ta là ai mà dám giáo huấn anh? “Gorkhaland của người Gorkha. Chúng ta là quân giải phóng.” Anh là một kẻ tuấn đạo, một thằng đàn ông; một thằng đàn ông chân chính, có tham vọng và có nguyên tắc của mình.

“Tôi không việc gì phải nghe mấy chuyện này,” anh bật dậy, thốt lên và hăm hăm đột ngột bỏ đi, để nàng lại giữa cơn thịnh nộ.

Và Sai bật khóc, vì sự thật ấy thật bất công.

Trơ trọi một mình trong thời gian giới nghiêm, sầu muộn về Gyan, sầu muộn vì niềm khát khao được anh khao khát, nàng vẫn mong chờ anh trở lại. Nàng đã mất đi cái khả năng sống giữa cô đơn vốn có của mình.

Nàng chờ, nàng đọc lại hai lần quyển *Đồi gió hú*, mỗi lần như thể sức mạnh của từng trang viết lại phủ vào lòng nàng cảm xúc của một con thú hoang – và hai lần nàng khép lại trang sách cuối cùng – Gyan vẫn không hề xuất hiện.

Một con bọ que to bằng một cành cây nhỏ đang leo lên bậc thềm.

Một con bọ cánh cứng có cái đuôi màu đỏ thật thất sách.

Một con bọ cạp chết đang bị lũ kiến xâu xé – cánh tay Popeye lực lưỡng của nó rời ra trước nhất, được một hàng kiến thợ khuân đi, rồi đến cái vòi, và lần lượt từng con mắt một.

Nhưng chẳng thấy Gyan đâu.

Nàng sang nhà Bác Potty. “Ới đấng ấy,” bác cất tiếng gọi nàng từ trên hiên nhà giống như boong một con tàu.

Nhưng bác thấy rõ nàng chỉ cười vì phép lịch sự, và lòng bác nhói lên một nỗi ghen tị những người bạn luôn cảm thấy khi mất đi một người bạn khác vào tay tình yêu, nhất là ở những ai đã thấu hiểu rằng chỉ tình bằng hữu đã là quá đủ, bền vững hơn, lành mạnh hơn, nhẹ nhàng hơn cho mỗi trái tim. Một thứ chỉ có được bồi đắp thêm chứ không bao giờ bị tước đoạt đi.

Nhìn ra nỗi mất mát của nàng, Bác Potty sợ hãi và cất tiếng hát:

You're the tops

You're Nap-O-lean Brandy,

You're the tops

You're Ma-HAT-ma Gandy!

Nhưng tiếng cười của nàng chỉ là một chiếc bánh ngọt khác nàng nặn ra vì bác, giả vờ rằng tình bạn của họ vẫn như xưa.

Bác đã tiên lượng chuyện này và từ lâu đã cố gắng chỉ cho nàng cách nhìn đối với tình yêu; nó muôn hình muôn vẻ; những buồn đau, những mất mát của nó phải là một phần của trí tuệ, và một cuộc tình dẫu có buồn đi chăng nữa thì vẫn giá trị hơn mọi niềm vui ù lì nhạt nhẽo. Nhiều năm về trước, khi còn là sinh viên ở Oxford, Bác Potty đã tự coi mình là kẻ ái mộ tình yêu. Chàng thanh niên tra từ ấy trong danh mục của thư viện và khuân về hàng ôm sách; cậu hút xì gà, uống rượu porto và Madeira, đọc thượng vàng hạ cám từ tâm lý học đến khoa học, từ khiêu dâm đến thơ, thư tình của người Ai Cập, sách hoa tình của người Tamil từ thế kỷ thứ chín... Săn đuổi có cái vui của săn đuổi, trốn chạy có cái vui của trốn chạy, và khi dẫn bước vào những chuyến đi thực tế, cậu đã tìm thấy tình yêu thuần khiết ở những nơi thấp hèn hạ tiện nhất, những xóm liều cảnh sát không bao giờ bén mảng; những đường hầm thời trung cổ, hẹp đến nỗi người ta phải lách đi như cua giữa dân buôn ma túy và gái làng chơi; nơi, lúc về đêm, những anh chàng cậu chưa gặp bao giờ lừa lười vào trong miệng cậu. Có Louis và André, Guillermo, Rassoul, Johan và Yoshi, và "Humberto Santamaria", mà một lần cậu đã gọi vang tên anh trên một đỉnh núi ở Lake District cho một cuộc tình ưu mỹ. Có người yêu cậu mà cậu lại không yêu; có người cậu yêu say đắm, điên cuồng, mà họ, họ lại không hề yêu cậu. Chỉ có điều Sai đã ở quá gần bác để có thể cảm thông với cái nhìn ấy.

Bác Potty gãi bàn chân cho những mẩu da chết bong ra: "Một khi cháu đã gãi rồi, cưng ạ, cháu sẽ không dừng lại được..."

Lần sau khi Sai đến Mon Ami, mọi người cười ồ lên và đoán già đoán non, hào hứng vì có chuyện để vui giữa lúc rối ren này: "Anh nào có phước thế? Cao ráo, đẹp trai hả?"

“Và giàu nữa chứ?” Noni nói. “Nếu mà giàu thì tốt!”

Nhưng rồi một chút vận may cũng run rủi tìm đến với Sai và che giấu sự gục ngã của lòng tự tôn. Cứu tinh của Sai là một cơn cảm vặt trong nàng. Nó anh dũng nhiểm vào nỗi buồn vặt trong nàng vừa đúng lúc, làm lẫn lộn căn nguyên thực sự của đôi mắt nước chảy vòng quanh và cái cổ họng đau nhức nhối, đánh lộn con đen giữa triệu chứng của virus và cú ngã đáng hổ thẹn khi chơi trò đi dây của ái tình diễm lệ. Vậy nên để ngăn chặn mọi chẩn đoán thông thường, nàng che mặt bằng một cái khăn mùi xoa nam to bản gập đôi lại. “Em bị cảm!” Khụ khụ. Một phần cảm vặt và chín phần buồn vặt. Lola và Noni đi pha xirô mật ong, chanh, rượu rum và nước nóng.

“Sai, nhìn em sợ lắm, sợ lắm ấy.”

Mắt nàng đỏ quạch và đau rát, ầng ậng nước. Áp lực đè nặng lên óc nàng như một chiếc ủng gestapo.

Khi quay về Cho Oyu, người đầu bếp lục lợi tủ thuốc tìm Coldrin và Vicks Vaporub. Bác kiểm cho nàng một cái khăn lụa để quấn cổ, và Sai, dù ngây ngất trong cảm giác dễ chịu vừa nóng vừa lạnh của dầu Vicks, tê đi vì những làn hương khuynh diệp mát rượi, vẫn cảm thấy nỗi cồn cào và nhức nhối của đợi chờ và hy vọng đang không ngừng vò xé lòng nàng và cứ thế tồn tại mà không cần dinh dưỡng. Con mồi của nó là chính nó. Nó sẽ khiến nàng phát điên.

Lẽ nào tình cảm nàng dành cho Gyan chỉ là một thói quen? Làm sao mà nàng có thể nghĩ về một người nhiều đến thế?

Nàng càng nghĩ nhiều hơn, nàng càng nghĩ nhiều hơn, nàng càng nghĩ nhiều hơn.

Lấy hết sức bình sinh, nàng nói thẳng với trái tim mình. “Ôi, sao người cứ phải cư xử tồi tệ như thế chứ?”

Nhưng nó nhất định không nhượng bộ.

Có thể lãng quên và từ bỏ mới là cao thượng, nàng tự nhủ; nếu không làm được vậy thì thật là trẻ con – con người ai cũng phải chấp nhận sự bất

toàn và mất mát trong cuộc sống.

Con mực khổng lồ, con dodo cuối cùng.

Một sáng nọ, bệnh tình đã thuyên giảm, nàng nhận ra lý do của mình không còn đứng vững được nữa. Khi lệnh giới nghiêm được dỡ bỏ, để cứu vãn lòng tự tôn của mình, Sai bắt đầu thực hiện một sứ mệnh thiếu tự tôn là đi tìm Gyan.

bốn mươi

Anh không có ngoài chợ, cũng không có ở cửa hàng băng nhạc và video nơi Rinzy và Tin Tin Dorji cho thuê những cuốn phim Lý Tiểu Long và Thành Long đã cũ mèm.

“Không, không thấy anh ấy,” Dawa Bhutia ló đầu ra khỏi màn hơi mù mịt của nồi cải bắp trong gian bếp nhà hàng Chin Li và đáp.

“Chưa thấy đến đây,” Tashi ở đại lý Sư tử Tuyết đáp, anh ta đã ngừng kinh doanh mảng du lịch vì thiếu du khách, và mới mở một bàn bi a. Trên tường vẫn còn mấy tấm áp phích: “Trải nghiệm sự vĩ đại của thời kỳ Raj; hãy đến với Sikkim, vùng đất của hơn hai trăm thiền viện.” Sau nhà anh ta vẫn còn những bảo vật được khóa lại để trong tủ, chỉ đem ra bán cho hạng du khách giàu có hơn: một bức *thangkha* quý hiếm vẽ hình các lạt ma cười thủy quái sang truyền bá Phật pháp ở Trung Hoa; một cái khuyên tai của quý tộc thời xưa; một chiếc chén ngọc tấu tán được từ một thiền viện Tây Tạng, ánh sáng chiếu vào chất ngọc trong veo làm cuộn lên những vân mây màu đen và xanh lục. “Những gì đang xảy ra ở Tây Tạng thật kinh khủng,” du khách sẽ nói thế, nhưng gương mặt họ thì ngời lên với món chiến lợi phẩm. “Có hai mươi lăm đô thôi đấy!”

Nhưng giờ đây anh ta buộc phải trông vào đồng nội tệ. Đưa em họ bị trì độ của Tashi đang ôm bia chạy đi chạy về giữa quán Gompu’s và bàn bi a, để mấy người đàn ông có thể vừa uống vừa chơi và nói chuyện phong trào. Rải rác đây đó là mấy bãi nôn mửa.

Sai đi qua những lớp học bỏ hoang của trường trung học Kalimpong, những xác côn trùng chết trương chất thành đồng bên những ô cửa sổ phủ đầy sương giá, những con ong mắc vào lưới nhện, trên bảng đen còn nguyên những ký hiệu và phép tính. Nơi đây, giữa cái không khí sặc mùi chloroform này, Gyan đã từng theo học. Nàng đi vòng sang bên kia sườn núi nhìn xuống con sông Relli và Bong Busti, nơi anh đang sống. Phải mất hai giờ xuống

dốc mới tới được nhà anh, ở một vùng nghèo khó của Kalimpong rất đổi xa lạ với nàng.

Anh đã kể cho nàng câu chuyện về những tổ tiên can trường của anh trong quân ngũ, nhưng sao chẳng bao giờ thấy anh kể về gia đình mình nhỉ? Tự đáy lòng, Sai biết nàng nên ở nhà, nhưng nàng không sao ngăn nổi bản thân mình.

Nàng đi qua mấy nhà thờ: Chứng nhân Jehovah, Phục lâm, Thánh Ngày cuối, Baptist, Mormon, Ngũ tuần. Ngôi nhà thờ cũ của người Anh nằm ở trung tâm thị trấn, ngôi của người Mỹ ở bên rìa, nhưng rồi những nhà thờ mới có nhiều tiền và giàu tinh thần quyên giáo hơn, và họ theo kịp rất mau. Họ cũng là những chuyên gia lão luyện kỹ năng nấp-sau-gốc-cây-và-nhảy-xổ-ra làm người khác giật mình và có khi chạy mất; kỹ năng hóa trang *salwar kammeez* (để dễ tóm được bạn hơn, bạn thân mến ạ...); và nếu bạn dính vào một cuộc tán gẫu vặt vãnh vô hại về bài học ngôn ngữ (để dịch Kinh Thánh được tốt hơn, bạn thân mến ạ...), thì coi như xong – giữ họ đi khó chẳng khác gì giữ một con trùng amip.

Nhưng Sai đi qua mà không bị ai quấy rối. Các nhà thờ đều tối om; hễ vào giai đoạn nguy hiểm là các nhà truyền giáo lại trở về chén bánh quy sôcôla và gia tăng ngân quỹ ở quê nhà, đợi đến khi tình hình yên ổn để có thể quay lại và phát động những cuộc tấn công đã được cách tân và tăng cường vào đám quần chúng vốn đã suy yếu và kiệt quệ.

Nàng đi qua những thửa ruộng và những cụm nhà lúp xúp, lẫn lộn giữa vô vàn đường ngang ngõ dọc chằng kín như mạng nhện trên sườn núi, vươn thẳng lên như dây leo, tách ra và phân thành nhiều lối mòn dẫn vào mấy túp lều đậu cheo leo dọc những gò đá hẹp bằng hàng lông mày nằm dưới tán tre dày. Mái tôn tiềm ẩn bệnh uốn ván; nhà xí nhô ra giữa không trung để phân rơi xuống thung lũng. Những máng tre dẫn nước cho ruộng ngô và bí, những ống nước ngoằn ngoèo như giun gấn máy bơm chạy từ dưới suối lên mấy túp lều. Tất cả đều thật đẹp đẽ dưới ánh mặt trời: những ngôi nhà nhỏ xinh, những đứa trẻ bò lồm ngồm mông đỏ hồng hào trong cái quần được chọc thủng đít để tiện đi *susu* và đi tè, những bụi hoa lồng đèn và hoa hồng – vì ở

Kalimpong ai cũng yêu hoa, dù họ sống giữa đa dạng thực vật đi kèm theo mảnh đất này. Sai biết rằng trông thì thế thôi, nhưng một khi nắng tắt, người ta sẽ không thể phớt lờ đi cái nghèo, nó sẽ hiển hiện trong từng ngôi nhà chật chội và ẩm ướt này, khói dày đặc đến mức làm ta chết ngạt, cả nhà ngồi ăn bữa cơm đạm bạc bên ánh nến tù mù, rần và chuột đánh nhau trên xà nhà để giành côn trùng và trứng chim. Ta biết rằng mưa đọng lại chỗ trũng và biến nền nhà bằng đất thành một bãi lầy, rằng đám đàn ông ai cũng say khướt, thực tế trượt dài thành ác mộng, cãi cọ và đánh lộn.

Một phụ nữ bế con đi qua. Người chị bốc mùi đất và khói, còn từ đứa trẻ tỏa ra một thứ mùi ngọt sắc như mùi ngô luộc.

“Chị có biết Gyan sống ở đâu không ạ?” Sai hỏi.

Chị ta trở một ngôi nhà ở đằng trước; nó nằm ngay đó và Sai choáng váng mất một lúc.

Căn nhà là một khối hộp nhỏ, nhẵn thín; tường chắc hẳn được trát bằng thứ xi măng xấu trộn nhiều cát, vì cát đang chảy từ những vết rỗ ra giống như từ một cái túi thủng.

Dây điện rối như tổ quạ chằng chịt khắp bốn góc nhà, chia làm nhiều nhánh rồi mất hút sau những ô cửa sổ có chấn song sắt kiểu nhà tù. Nàng có thể ngửi thấy mùi rãnh nước lộ thiên, cái mùi ngay lập tức tiết lộ về một hệ thống thoát nước xập xệ, mặc dù rất thô sơ nhưng ngày nào cũng hỏng. Rãnh nước từ ngôi nhà chạy qua bên dưới mấy hòn đá xếp sơ sài rồi đổ ra bên ngoài mảnh đất được đánh dấu bằng dây thép gai, và từ dưới cái hàng rào ấy xuất hiện một bầy gà mái màu lưu huỳnh đang nhón nhác vì bị một gã gà trống hừng tình săn đuổi.

Tầng trên của ngôi nhà vẫn chưa hoàn thiện, có lẽ đã bị bỏ dở vì thiếu kinh phí, và, trong khi chờ đợi chủ nhân tiết kiệm đủ tiền xây nốt, nó đã lâm vào tình trạng hư hại; không tường và không mái, chỉ có vài cây trụ với lõi sắt mọc ra từ trên đỉnh, cho thấy một bức phác thảo sơ sài về những công đoạn tiếp theo. Ai đó đã đem vỏ chai soda úp lên mấy thanh sắt cho khỏi gỉ, nhưng vẫn không ngăn được chúng ngả màu cam tươi.

Thế nhưng, nàng vẫn nhìn ra được đó là ngôi nhà thân thương của một người nào đó. Cúc vụn thọt và cúc giấy vây quanh hiên nhà; cửa trước chỉ khép hờ và phía sau mặt gỗ nhéo ấy, nàng có thể nhìn thấy cái đồng hồ mạ vàng và tấm áp phích hình một em bé tóc vàng óng đội mũ bonnet dựa lưng vào bức tường cũ nát, đúng thứ mà Lola và Noni vẫn thường chế nhạo không thương tiếc.

Dĩ nhiên những ngôi nhà kiểu này có ở khắp nơi, rất phổ biến với những người vật lộn để mấp mé leo lên tầng lớp trung lưu – chỉ được mấp mé, chỉ thế mà thôi, và bầu vú trong tuyệt vọng – chỉ có điều sau mỗi lần thất bại, ngôi nhà lại trượt dài, nhưng không hóa thành cái nghèo đẹp như tranh mà du khách rất thích chụp hình, mà rơi vào một cảnh ngộ thảm đạm thật sự – cuộc sống hiện đại được thể hiện dưới hình thức tồi tàn nhất, hôm nay còn tươi mới, ngày mai đã tan hoang.

Ngôi nhà không hề tương xứng với phong cách nói chuyện của Gyan, tiếng Anh của anh, bề ngoài của anh, quần áo của anh, học vấn của anh. Nó không hề tương xứng với tương lai của anh. Mọi thứ trong nhà đều được dồn cả cho anh, và mười người bọn họ đã phải sống như thế này để sản sinh ra được một anh con trai đàn hoàng, có học, cơ may lớn nhất của họ giữa đời dài rộng. Đám cưới của các chị, chuyện học hành của các em, hàm răng của bà nội – tất cả đều phải chờ đợi, câm nín, cho đến khi anh ra đi, phấn đấu, gửi được gì đó về nhà.

Rồi Sai thấy hổ thẹn cho anh. Hẳn anh đã hy vọng sự im lặng của mình sẽ được coi là phẩm giá. Tất nhiên anh không thể đưa nàng về nhà. Tất nhiên anh không bao giờ nhắc đến cha mình. Những mâu thuẫn và căng thẳng hẳn phải tồn tại trong ngôi nhà này – làm sao anh có thể gạt chúng sang bên như thế? Rồi nàng thấy ghê tởm cho mình. Không hiểu nàng đã bị gán với cái tham vọng đổi đời này ra sao, dù nàng không hề biết hay đồng ý?

Nàng ngậy ngốc đứng nhìn bầy gà, ngập ngừng không biết phải làm gì.

Gà, gà, gà mua về nuôi để phụ vào khoản thu nhập ít ỏi. Trước mặt nàng chưa bao giờ bọn gia cầm này phô bày bộ mặt thật của chúng rõ ràng đến thế; một lũ gớm ghiếc, cường hiếp và bạo hành đang diễn ra công khai, đám gà mái bị đập, bị mổ trong khi chúng kêu gào và giãy giụa, cố gắng thoát khỏi gã gà trống hiếp dâm kia.

Vài phút trôi qua. Nàng nên về, hay nên vào?

Cánh cửa hé mở rộng hơn, và một cô bé con độ mười tuổi từ trong nhà bước ra, ôm một cái nôi ra cọ bằng bùn và sỏi ở vòi nước bên ngoài nhà.

“Anh Gyan có ở đây không?” Sai không nhận được, lên tiếng hỏi.

Gương mặt cô bé thoáng một vẻ ngờ vực. Một vẻ tự tin bình thản và già dặn, có động cơ kín đáo, một vẻ mặt ngộ nghĩnh ở một đứa trẻ.

“Anh ấy là thầy giáo dạy toán của chị.”

Vẫn nhìn Sai trân trời tựa hồ nàng chỉ có thể mang lại rắc rối, cô bé đặt cái nôi xuống và quay vào trong nhà, trong khi gã gà trống chạy xô đến để mổ mấy hạt cơm còn dính ở đáy nôi, và leo hẳn vào trong, coi như ân xá cho mấy ả gà mái.

Đúng lúc đó, Gyan bước ra, bắt gặp vẻ ghê tởm trên mặt nàng trước khi nàng kịp giấu nó đi, và cảm thấy bị lãng mạ. Sao cô ta lại dám tìm gặp anh để tìm kiếm cảm giác hả hê từ lòng thương hại cơ chứ! Anh vẫn cứ ăn năn vì đã im lặng quá lâu, anh còn đang tính chuyện trở lại gặp cô ta, nhưng giờ thì anh biết mình đã đúng. Gã gà trống đã leo ra khỏi cái nôi và bắt đầu lượn lờ vênh váo. Ở đây chỉ có mình gã là vĩ đại, có mào, có cựa, gáy ầm ĩ như một tên thực dân.

“Cô muốn gì?”

Nàng thấy rõ suy nghĩ đã định hình lại ánh mắt và miệng anh, nhớ ra chính anh đã bỏ rơi nàng, chứ không phải là ngược lại, và trong nàng dâng lên một cơn giận cay đắng.

Đồ đạo đức giả bản thiêu.

Giả bộ một đảng, sống theo một nẻo. Từ đầu chí cuối chỉ toàn là dối trá.

Xa xa, nàng nhìn thấy một gian nhà xí làm bằng bốn cây cột tre và thứ vải thô đã mòn xơ chỉ, dựng trên một bờ dốc cao kinh hoàng.

Hắn anh ta đã mơ tưởng sẽ lọt được vào Cho Oyu bằng mấy lời ngon ngọt; nếu đi đúng nước cờ, biết đâu cả nhà anh ta có thể dọn về đó, sử dụng những nhà tắm rộng thênh thang, mỗi gian to bằng cả căn nhà của họ. Cho Oyu có thể đang xuống cấp, nhưng nó đã từng một thời nguy nga tráng lệ; nếu không có tương lai thì nó vẫn còn quá khứ, mà có lẽ như thế cũng đủ rồi – cánh cổng bằng sắt uốn màu đen, tên trang viên được khắc vào hàng cột đá khổng lồ có quả cầu đá trên đỉnh giống như trong phim *Đến Thái ấp Born*.

Cô bé con tò mò nhìn họ.

“Cô muốn gì?” giọng nói băng giá của Gyan nhắc lại.

Nàng đã ngỡ rằng mình đến để gọi anh ta là *momo*, viên chả cừu nóng hôi trong lớp vỏ bọc xinh xinh như má lúm đồng tiền, rằng mình đến để leo vào lòng anh ta và hỏi vì sao anh không chịu tha thứ cho nàng như lần cãi lộn hồi Giáng sinh, nhưng giờ thì còn lâu nàng mới tỏ ra yếu đuối để làm anh ta thỏa mãn.

Thay vào đó, nàng bảo nàng đến vì Cha Booty.

Cơn giận trước sự bất công đổ lên đầu người bạn của nàng lập tức ủa về. Cha Booty thân thương đã buộc phải lên chiếc xe jeep ra sân bay Siliguri, đã mất tất cả chỉ trừ kỷ niệm: lần cha diễn thuyết về khả năng phát triển mô hình kinh tế mini kiểu Thụy Sĩ ở Kalimpong nhờ sản xuất bơ sữa và được mọi người đứng dậy vỗ tay hoan hô; bài thơ về con bò của cha đăng trên tờ *Illustrated Weekly*; và “Khoái đến thế này là cùng, bạn ạ” – những buổi tối trên hiên nhà Bác Potty, khi bản nhạc kết thúc bằng một nốt ngân dài như mật, và mặt trăng tròn vành vạnh lên cao dần như một bánh pho mát

sáng rực, tuyệt tác của một nhà giả kim. Trái đất này quay mới nhanh làm sao! Tất cả đã qua rồi.

Cha sẽ sống ra sao đây – cha tự hỏi trong tuyệt vọng – ở cái nơi người ta sẽ tĩa tót cha thành một ông già được nhà nước trợ cấp và đóng cha vào một cái hòm cực kỳ sạch sẽ, bên cạnh những người cao tuổi khác mà họ cho là mọi thứ đều tương đồng với cha...

Cha đã chia tay Bác Potty bạn mình trong men rượu và nước mắt, quanh cha thế giới sụp đổ thành sóng biển; ghé chạy một đặng, bàn và lò sưởi đi một nẻo; cả gian bếp trông thành nghiêng ngả.

“Thử nhìn xem các người đang làm gì,” nàng buộc tội Gyan.

“Tôi đang làm gì? Tôi thì liên quan gì đến Cha Booty?”

“Tất cả.”

“Hừ, nếu cần phải thế thì phải thế thôi. Chẳng lẽ người Nepal phải chịu khổ sở thêm hai trăm năm chỉ để cảnh sát không có cơ tống cổ Cha Booty đi hay sao?” Anh bước ra khỏi cổng, áp giải nàng ra xa khỏi nhà mình.

“Chứ sao,” Sai nói. “Cái ngữ anh còn đáng bị đuổi đi hơn là Cha Booty. Anh tưởng mình báu lắm à... hừ, anh biết không? *Anh chả là gì hết!* Những gì cha làm cho người dân nơi đây, anh đừng hòng bì kịp.”

Gyan bắt đầu nổi giận thực sự.

“Thật ra, họ tống cổ ông ta đi càng tốt,” anh nói, “ở đây cần gì đến dân Thụy Sĩ? Mấy ngàn năm nay dễ thường chúng ta không tự sản xuất được sữa chắc?”

“Thế sao anh không làm đi? Sao anh không làm pho mát đi?”

“Cảm ơn cô, nhưng chúng ta đang ở Ấn Độ. Chẳng ai cần pho mát và kẻ nào hết chuyện mới cần đến xì gà sôcôla.”

“À, lại lôi cái vở cũ ấy ra.” Nàng chỉ muốn cào cấu anh ta. Nàng chỉ muốn móc mắt anh ta ra và đá cho một trận thâm tím cả mình mẩy. Cái mùi

của máu, mặn, nồng – nàng có thể hình dung ra hương vị của nó. “Văn minh là quan trọng,” nàng nói.

“Đây không phải là văn minh, đồ ngốc ạ. Trường học và bệnh viện. Đây mới là văn minh.”

Đồ ngốc – sao anh ta dám!

“Nhưng phải có chuẩn mực. Nếu không tất cả sẽ tụt xuống hạ đẳng như anh và gia đình anh.”

Nàng choáng váng về chính mình khi thốt ra những lời ấy, nhưng vào lúc này nàng sẵn lòng tin vào bất kỳ điều gì đối nghịch với Gyan.

“Tôi hiểu rồi, xa xỉ phẩm của Thụy Sĩ là chuẩn mực, sôcôla và đồng hồ là chuẩn mực... Ừ, cứ vượt ve cái lương tri tội lỗi của cô đi, cô bé ngu ngốc ạ, và hãy cầu cho không ai đốt trụ nhà cô chỉ vì lý do đơn giản là cô là *đồ ngốc*.”

Một lần nữa anh ta gọi nàng là *đồ ngốc*...

“Nếu anh nghĩ vậy, thì sao anh không tẩy chay pho mát đi mà vẫn ăn lấy ăn để? Giờ anh lại dè bieu nó? *Đồ đạo đức giả!*. Nhưng lúc nào có dịp ăn pho mát thì vẫn thấy ngon đấy, nhỉ? Rồi bánh mì nướng kẹp pho mát? Anh ăn chắc cũng phải hàng trăm miếng rồi ấy chứ. Chưa kể xì gà sôcôla... Tham lắm, ăn như lợn ấy. Cả bánh mì kẹp cá ngừ và bánh quy bơ lạc nữa!”

Đến lúc này, khi cuộc đối thoại trở nên rời rạc, bản tính hài hước dần trở lại trong anh, Gyan bắt đầu cười khúc khích, mắt anh giãn ra, nàng có thể nhận thấy nét mặt anh biến đổi. Họ đã trở lại thân mật, tương đồng, tâm đầu ý hợp. Chỉ còn lại hai con người bình phàm, dưới ánh sáng bình phàm của ngọn đèn mờ đục hình trứng, không biết đến ơn trên, cũng chẳng cần khai sáng, sự tổng hòa của những mâu thuẫn, của những nguyên tắc dễ dãi, đang tranh cãi về một điều họ nửa tin nửa ngờ hoặc thậm chí chẳng có chút niềm tin nào, vừa khoái tiện nghi vừa thích đạm bạc khổ hạnh, vừa chuộng sự tự nhiên vừa mong được đóng kịch, vừa khát khao một mái ấm gia đình vừa muốn từ bỏ nó vĩnh viễn. Họ vừa thích pho mát và sôcôla, vừa muốn tống khứ những đồ ngoại quốc ấy đi. Vừa mơ một tình yêu cuồng nhiệt đưa họ

lên chín tầng mây, vừa muốn một tình yêu của gạo và đậu, đong đầy sự tẻ nhạt của cuộc sống thường nhật, những bất ngờ an toàn nường nấu trong một điều gì đó hết sức quen thuộc, chẳng hạn như cưới con người bạn thân nhất của cha mình và ngồi than thở về chuyện gạo châu củi quế. Mỗi một mâu thuẫn được lịch sử hay cơ duyên mang đến, mỗi một mâu thuẫn họ được thừa kế, họ đều khao khát. Nhưng tất nhiên, cũng chỉ đến như họ đã khát khao sự thuần khiết và sự vắng mặt của mâu thuẫn mà thôi.

Cả Sai cũng bắt đầu cười.

“Momo?” nàng nói, đổi giọng van nài.

Thế rồi, thoát một cái anh đã giận dữ trở lại. Nhớ ra đây không phải là cuộc đối thoại anh muốn kết thúc trong tiếng cười. Cái biệt danh con nít ấy, cái ôn nhu trong ánh mắt cô ta – nó khơi dậy cơn thịnh nộ trong anh. Cô ta muốn bắt anh xin lỗi, định quần tã cho anh, đóng bím cho anh, định lôi anh xuống chết đuối giữa cái trò đàn bà con nít ồng ọ ỉ ôi ẻo ọt của mình đây mà... *phììì...*

Anh phải làm một trang nam nhi. Anh phải hiên ngang và thô hào. Phải cứng cỏi, phóng khoáng, đàng hoàng đĩnh đạc. Không thể nhí nha nhí nhố nhõng nha nhõng nhẽo thế này được...

Phải rồi, anh cần mạnh mẽ lên biết mấy...

Vì, thực lòng mà nói, suốt mấy tuần qua, anh, Gyan, đã sợ hãi – chính anh, người đã cho rằng không gì vui bằng hô vang chiến thắng trước áp bức, người đã vung nắm đấm chống lại nhà cầm quyền, người đã tìm thấy sự thuần khiết trong ngọn lửa của bạn bè thời trung học, người đã chiếm giữ vùng đồi, đã thích thú hình dung ra hai chị em nói giọng Anh giả cầy ở Mon Ami sẽ sợ tái mặt và run rẩy – anh, người anh hùng của quê hương xứ sở...

Anh lắng nghe trong nỗi run sợ tăng dần khi câu chuyện ở Gompu's mỗi lúc một máu lửa hơn. Chỉ hò hét và bãi công thì biết bao giờ làm nên chuyện, họ bảo nhau, và bàn nhau đốt sở điện, cướp cây xăng.

Khi Chhang và Bhang, Gyan, Cú và Lừa nhảy lên xe jeep, đổ đầy bình ở cây xăng rồi phóng đi mà không trả tiền, Gyan cũng run lên bần bật không khác gì ông chủ trạm xăng ngoài cửa xe, cơ tim anh co thắt không sao kiềm chế được.

Có người thấy kích thích trước thứ thách thức ấy, nhưng Gyan dần nhận ra anh không như họ. Anh giận gia đình đã không nghĩ đến chuyện cấm cửa anh, nhốt anh ở nhà. Anh ghét ông bố khốn khổ của mình, ghét bà mẹ luôn nghe lời anh, nhất nhất nghe lời anh, ngay từ khi anh còn là một đứa bé con, đơn giản chỉ vì anh là đàn ông. Anh trăn trở nhiều đêm, sợ không thực hiện được những tuyên ngôn của mình.

Nhưng thế thì, làm sao để có được lòng tự trọng khi biết rằng mình không có niềm tin? Làm sao để gìn giữ những gì thuộc về mình nếu không hy sinh gì cho nó? Làm sao để sống một cuộc đời có ý nghĩa và đáng tự hào?

Phải, sự cự tuyệt dành cho Sai, anh chịu ơn nó rất nhiều.

Cái kẻ hờ dẫn sang một thế giới khác mà nàng đem lại đã cho anh vừa đủ không gian để vẫy vùng; anh có thể đối đầu với nàng, để định nghĩa sự xung đột anh hằng cảm nhận trong đời, nhưng theo một cách nhẹ nhàng êm ái. Khi đẩy nàng ra xa, một sức mạnh sẽ được sản sinh, một mục đích sẽ được định hình. Anh sẽ không dễ dàng thỏa hiệp.

“Anh ghét tôi,” Sai thốt lên, tựa hồ đọc được suy nghĩ của anh, “vì những lý do to tát chẳng liên quan gì đến tôi. Thế là không công bằng.”

“Thế nào là công bằng? Thế nào là công bằng? Cô có *hiểu* gì thế giới này không? Có bao giờ cô chịu *nhìn* không? Cô có *biết* công lý được thực thi, hay đúng hơn là KHÔNG ĐƯỢC thực thi như thế nào không? Cô có còn bé bỏng gì nữa đâu...”

“Còn anh thì người lớn lắm nhỉ?! Sợ đến nỗi không dám đi dạy nữa vì biết mình xử sự chẳng ra gì và quá hèn nhát nên không dám nhận sai! Ngừ anh chắc chỉ biết ngồi chờ mẹ cưới vợ cho. Gia đình thấp hèn, vô học, hôn

nhân sắp đặt... họ sẽ cưới cho anh một con ngựa và cả đời anh sẽ sung sướng vì lấy được một vợ hiền. Không dám thừa nhận hả, Gyan??”

Hèn nhất! Sao cô ta dám? Ai thèm cưới cô ta chứ!

“Thế cô nghĩ tôi phải ngồi ở hiên nhà cô mới là dũng cảm à? Tôi đâu thể ăn *bánh mì kẹp pho mát* cả đời được, đúng không?”

“Có ai bắt anh ăn đâu. Anh thích thì anh ăn đấy chứ, còn nếu anh nghĩ thế thì trả lại đây.” Nàng phát hiện ra một mũi tấn công mới và hút theo nó, dù càng lúc nàng càng thêm kinh hãi trước những lời lẽ châm chích cay độc thốt ra từ miệng mình, nhưng dường như nàng đang đứng trên sân khấu, vai diễn đang lấn át con người thực của nàng.

“Chỉ biết ăn không... bọn các người xưa nay vẫn thế mà, ăn cháo đá bát. Đây chính là một lý do khiến anh rồi sẽ chẳng đi đến đâu đâu...”

“*Vì anh không xứng*. Nếu nó đã thấp kém hơn anh thì sao anh còn ăn?”

“Không phải là *thấp kém* hơn tôi. Chẳng LIÊN QUAN gì đến tôi cả, ĐỒ NGỐC A...”

“Đừng có gọi tôi là ĐỒ NGỐC. Từ đầu đến giờ anh cứ hơi một tí thì NGỐC, NGỐC...”

Nhảy xổ vào anh bằng mắt, bằng tay và móng vuốt, với bài học từ cách xử thế của bọn gà què tầm thường vài phút trước, nàng cào mấy vết đỏ ửng trên tay anh và – “*Anh kể cho bọn chúng về mấy khẩu súng, đúng không? đột nhiên nàng hét lên. “Anh xui chúng đến Cho Oyu? Chính anh, đúng không, ĐÚNG KHÔNG?”*

Ý nghĩ ấy chợt bật phát mặc dù trước đây nàng chưa hề nghĩ tới khả năng này. Bỗng nhiên cơn giận của nàng, sự vắng mặt của Gyan, việc anh lừa nàng đi ở Darjeeling – tất cả trở nên ăn khớp.

Cảm giác tội lỗi trong anh vô tình cắn câu, dâng lên trong mắt anh, biến mất rồi tái hiện. Quần quai giầy giữa như con cá mắc câu hòng chạy trốn. “*Cô điên rồi.*”

Tôi biết mà, Sai dồn ép. Chồm lên để vồ lấy nó từ trong mắt anh. Nhưng anh túm được nàng trước khi nàng kịp chạm vào anh, rồi đẩy nàng vào bụi cây cứt lợn ven đường và cầm gậy vụt gió tứ tung.

“*Gyan bhaiya?*” Cô bé con ngật ngừng thốt lên khi Sai vừa đứng dậy.

Cả hai đều giật mình kinh hãi. Cô bé đã nhìn thấy hết. Anh buông cây gậy xuống và bảo em: “Đừng có dính vào. Đi về. Tao cho ăn đòn bây giờ.”

Rồi anh hét vào mặt Sai, “Đừng bao giờ đến đây nữa.”

Giờ ạ, giờ thì con bé sẽ mách với bố mẹ anh.

Sai hét với theo cô bé: “Nghe rồi nhé, thấy rồi nhé. Đi mà kể cho bố mẹ biết anh mình đã giở trò gì, anh ta bảo yêu tôi, hứa hẹn đủ điều để rồi xui kẻ cướp đến nhà tôi. Tôi sẽ báo cảnh sát, để xem gia đình các người có được yên không. Người ta sẽ móc mắt chặt đầu Gyan, rồi để xem chừng nào các người mới đến khóc lóc cầu xin... *Ha!*”

Cô bé cố vểnh tai lên nghe nhưng Gyan đã túm tóc và lôi cô bé vào nhà. Sai đã phản bội anh, khiến anh phản bội mọi người, dân tộc anh, gia đình anh. Cô ta đã cám dỗ anh, rình mò anh, theo dõi anh, hủy hoại anh, làm anh xử sự chẳng ra gì. Anh chỉ mong đến ngày mẹ cho anh xem tấm ảnh cô gái mình sẽ lấy làm vợ, một thiếu nữ duyên dáng, anh hy vọng thế, hai má như hai trái táo Simla, một người không cho phép đầu óc mình dính dáng đến những chuyện cặn bã nhập nhằng, và anh sẽ tôn thờ cô vì cô là một điều kỳ diệu.

Sai thì chẳng có gì kỳ diệu; cô ta là một người nhạt nhẽo, một sự phản chiếu của mọi mâu thuẫn xung quanh, một tấm gương cho anh thấy bản thân mình quá rõ ràng khiến anh khó chịu.

Sai toan đi theo hai anh em nhưng rồi dừng lại. Một nỗi hổ thẹn ủa lên trong nàng. Nàng đã làm gì thế này? Rồi họ sẽ cười nhạo nàng, một đứa con gái quần quá phải lần mò đến tận đây vì tình yêu không được đáp lại. Rồi họ

sẽ vổ vai Gyan và tán thưởng chiến công chinh phục của anh ta. Nàng sẽ nhục nhã. Anh ta đã chơi cái trò xưa như trái đất để tái hiện mình thành một người hùng, “chàng trai đào hoa”... Anh ta càng nói xấu sau lưng nàng – “Ui dào, con dở hơi ấy nó cứ bám theo tớ...” – đám đàn ông sẽ càng tán thưởng, địa vị của anh ta ở Căng tin Thapa sẽ càng được nâng cao, sau lưng Sai người ta sẽ càng nhào nặn nàng thành một đứa con gái rồ dại, Gyan sẽ càng phồng mũi lên vì hãnh diện... Sai cảm giác như phẩm giá đã rời bỏ mình, nàng nhìn theo nó trong lúc Gyan và cô em gái bước đi xa dần. Khi họ bước vào nhà thì nó cũng biến mất.

Nàng chậm rãi lê bước về nhà, tê tái, tái tê. Sương dày dần lên, khói vào hòa với bóng tối và hơi nước. Mùi khoai tây bay ra từ những căn nhà *busti* dọc đường, thứ mùi chắc chắn sẽ mang lại sự an ủi cho mọi linh hồn trên trái đất, nhưng chẳng thể an ủi được nàng. Nàng không thấy chút xót xa nào như nàng từng thấy khi chứng kiến cảnh này; cả những người nông dân cũng có tình yêu và hạnh phúc, nhưng nàng thì không, nàng thì không...

Khi về đến nhà, nàng thấy hai người đang đứng trên hiên nhà nói chuyện với người đầu bếp và ông tòa.

Một người đàn bà đang van nài: “Nghèo thì biết kêu đâu hở ngài? Tai vạ trút cả lên đầu người nghèo chúng tôi. Bọn *goonda* ở khắp mọi nơi còn cảnh sát thì thông đồng với chúng.

“Nhà chị là ai?”

Người đang cầu xin lòng thương xót ấy là vợ của gã bợm bị cảnh sát bắt để xét hỏi về vụ cướp súng, rồi dùng gã để thực hành chiến thuật tra tấn mới của mình. Ở Cho Oyu đã quên băng gã đi, nhưng vợ gã đã lần ra được đầu mối và chị ta đã cùng bố chồng đi nửa ngày đường từ một làng bên kia sông Relli đến đây tìm gặp ông tòa.

“Chúng con biết làm gì bây giờ?” chị ta van nài. “Chúng con còn chẳng phải là người Nepal, chúng con là người Lepcha... Anh ấy có tội tình gì đâu mà bị cảnh sát đánh mù cả mắt. Anh ấy nào có biết ngài đâu, anh ấy vẫn ở

ngoài chợ như mọi khi, ai cũng biết cả,” người vợ sụt sùi, quay sang nhìn bố chồng cầu cứu.

Một người đàn bà phản kháng và khóc lóc thì ăn thua gì?

Nhưng ông bố chồng sợ rúm lại. Ông chẳng dám nói gì, chỉ đứng đờ ra đấy; khó mà phân biệt được đâu là cảm xúc, đâu là nếp nhăn trên mặt ông ta. Khi nào không say rượu, con trai ông lại đi làm đường trong huyện, vác đá dưới lòng sông Teesta chất lên xe tải của nhà thầu, đến công trường thì lại khuân xuống, hoặc đi dọn đất lở cứ liên miên trút xuống theo một chu kỳ bất tận mỗi khi nước lũ tràn về. Con dâu ông ta cũng đi làm đường cao tốc, nhưng giờ thì chẳng còn việc làm vì GNLF đã phong tỏa hết các con đường.

“Chị đến tôi làm gì? Đi mà gặp cảnh sát. Họ bắt chồng chị chứ có phải tôi đâu. Chuyện này đâu phải lỗi của tôi,” ông tòa nói, sẵn sàng trở tài hùng biện. “Chị nên đi đi thôi.”

“Ông không thể để chị ấy đến chỗ cảnh sát được,” người đầu bếp nói, “họ sẽ đánh chị ấy mất.”

Người đàn bà trông đã như bị cưỡng hiếp và đánh đập sẵn rồi. Quần áo chị ta nhem nhuốc, hàm răng như một hàng hạt ngô thối, vài cái khuyết, vài cái đen thui, lưng còng xuống vì vác đá – mẫu phụ nữ như vậy là một hình ảnh quen thuộc ở vùng đồi. Mấy người nước ngoài thậm chí còn từng chụp ảnh chị ta để làm bằng chứng về sự dị dạng ấy.

“George!...! George!” một bà vợ đã choáng váng thốt lên khi thấy ông chồng tay lăm lăm máy ảnh.

Ông ta vươn người ra khỏi xe: Tách! “Xong rồi cưng...!”

“Giúp chúng con với,” chị ta van nài.

Dường như ông tòa đột nhiên nhớ ra tính cách của mình, mặt ông sắt lại, và ông im lặng, bịt miệng mình sau một lớp mặt nạ, không nhìn ngang nhìn ngửa, trở lại với ván cờ.

Ông sức nhớ ra rằng trong cuộc sống, con người ta muốn vững vàng thì không được phép nghĩ ngợi, bằng không cảm giác tội lỗi và lòng thương hại

sẽ lấy đi của ta tất cả, kể cả chính bản thân ta. Ông thấy bối rối khi một lần nữa người ta lại chú ý đến sự nhục nhã của ông, chuyện ông dọn bàn ăn, chuyện tắm khăn trải bàn, những tiếng cười nhạo báng, vụ cướp mấy khẩu súng chưa hề đóng góp gì cho một điệu ballet giãy chết tua nhanh khi mùa săn vịt đến.

Giờ đây, tất cả đã trở nên đặc biệt rồi ren.

Chính thế nên ông mới về hưu. Ấn Độ loạn quá rồi, không còn chỗ cho công lý; cuối cùng chỉ người có thẩm quyền là nhục nhã. Ông đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân của mình khi phản ánh vụ việc cho cảnh sát, giờ nó không còn là trách nhiệm của ông nữa. Bối thí cho mấy người này một lần rồi sẽ phải cung phụng cả nhà họ suốt đời, một gia đình chắc chắn sẽ sinh sôi nảy nở không ngừng, vì có thể họ đói đấy, có thể người chồng vừa mù vừa què đấy, người vợ vừa thiếu máu vừa còng đấy, nhưng chín tháng một lần họ vẫn sẽ đều đặn tòi ra một đứa trẻ con. Anh nhường họ chỉ một tắc thôi, họ sẽ lấy đi tất cả những gì anh có – hai gia đình bị ràng buộc với nhau vì một bên là cảm giác tội lỗi, còn bên kia là lòng tham không đáy và khả năng dựa dẫm vào bên này – và nếu họ mà biết anh dễ mũi lòng thì họ sẽ trút hết tội lỗi của mình sang, chồng chất lên tội lỗi của anh: tội cũ, tội mới, tội gán hộ, thôi thì đủ cả.

Người đầu bếp nhìn hai cha con và thở dài.

Họ nhìn sang Sai. “*Didi...*,” người đàn bà nói. Chị ta không dám ngược đôi mắt tuyệt vọng lên nhìn thẳng vào nàng.

Sai quay đi và thầm nhủ rằng nàng mặc kệ.

Nàng chẳng còn lòng dạ nào để mà tử tế. Nếu thần linh biết đái nàng thì có lẽ nàng sẽ giúp, nhưng giờ thì không. Nàng sẽ cho họ biết, nếu họ đối xử với nàng như vậy, nàng sẽ phóng thích cái ác dưới chính hình hài của họ ra thế gian này, nàng sẽ làm một ác đồ ưu tú của những vị ác thần...

Mất một lúc họ mới chịu đi. Họ ra ngồi trước cổng, và người đầu bếp buộc phải xua họ đi như xua bò, còn họ cứ ngồi bệt ở đấy một lúc lâu không

nhúc nhích, chỉ trôn trối nhìn trong vô cảm, tựa hồ đã cạn kiệt hy vọng và động lực.

Họ nhìn ông tòa dẫn Mutt đi dạo và cho nó ăn. Ông vừa bực mình vừa khó chịu khi thấy họ cứ nhìn chăm chăm. Sao các người không *ĐI ĐI!*

“Bảo họ về đi, nếu không ta sẽ gọi cảnh sát,” ông bảo người đầu bếp.

“*Jao, jao*” người đầu bếp nói qua cánh cổng, “*jao jao,*” nhưng họ chỉ thụt lùi lên đồi, lại sau mấy bụi cây rồi ngồi xuống, vẫn một cái nhìn trống rỗng ấy hiện lên trên gương mặt.

Sai lên phòng, đóng sập cửa lại, rồi lao mình đến với cái bóng của nàng trong gương:

Rồi mình sẽ ra sao đây?!

Gyan sẽ tìm thấy sự trưởng thành và thanh khiết trên hành trình kiếm tìm tổ quốc, còn nàng sẽ bị bỏ rơi, mãi là một đứa trẻ bị cầm tù giữa những màn kịch trơ trẽn. Đây chính là lịch sử đã theo đuổi nàng: gia đình ruồng bỏ, người tình lãng quên...

Nàng khóc một hồi, nước mắt cứ tự nó tuôn rơi, nhưng vẫn không ngăn nổi hình ảnh người đàn bà cầu khẩn kia trở lại. Nàng đi xuống cầu thang và hỏi người đầu bếp: “Bác có cho họ gì không?”

“Không,” người đầu bếp trả lời, cũng day dứt như nàng. “Mình thì làm gì được,” bác lầm bầm, như thể đưa ra câu trả lời, chứ không phải là đặt câu hỏi.

Rồi bác mang ra một bịch gạo. “*Này, này?*” bác thì thào.

Nhưng họ đã đi rồi.

bốn mươi mốt

Trời Manhattan ngổn ngang trăm thứ, vòm cây và chim bồ câu và những đám mây, tất cả rục lên một thứ ánh sáng vàng kỳ dị. Gió thổi dữ dội và những chùm hoa anh đào trong Công viên Riverside kêu xào xạc trên cái nền hỗn độn ấy.

Nỗi phấp phồng đeo đuổi Biju sau cuộc điện thoại về Kalimpong đã không còn trú ngụ trong đáy lòng cậu nữa; nó đã lớn đến mức giờ đây *chính cậu đang ở trong lòng nó.*

Hôm sau và hôm sau nữa cậu đều thử gọi điện về nhà, nhưng đường dây đã chết hẳn rồi.

“Lại sinh chuyện,” ông Iype bảo. “Chắc phải còn lâu mới yên được. Cái dân này hung bạo lắm. Rặt một hội lính tráng...”

Xuôi dòng Hudson, những con sóng khổng lồ bị giăng ngang xé dọc, gió xô từng đợt sóng lên thượng lưu.

“Trông kìa. *Khác đáo gì Kinh Thánh đâu,*” ai đó ngồi cạnh cậu trên tàu thốt lên. “*Tiên sư anh Job. Vì sao chứ? Vì sao chứ?*”

Biju dịch sang một bên, nhưng người đàn ông nọ cũng dịch sang theo.

“Cậu có biết con sông này tên *thật* là gì không?” Gương mặt phì nộn vì McDonald’s, tóc thưa, người như ông ta nhan nhản khắp thành phố này, một gã trí thức điên khùng bám rễ ở hiệu sách Barncs & Noble. Cơn gió dữ giăng lấy lời ông ta và quất roi xua chúng đi; khi đến được tai Biju thì chúng đã bị cắt vụn ra, và lại lên đường đi đâu đó. Người đàn ông quay mặt nhìn thẳng vào Biju để cơn gió khỏi làm gián đoạn cuộc nói chuyện. “*Muhheakunnuk, Muhheakunnuk* – dòng sông đổ về hai hướng,” ông ta nhướn mày và nói thêm, “*hai hướng. Địt mẹ, đây mới là tên thật.*” Từng câu nói theo nước bọt nhoe nhoét phòi ra khỏi miệng ông ta. Ông ta vừa cười vừa nhổ dãi lên thông tin của mình, vừa ngổn ngấu vừa vung vãi nó.

Nhưng thế thì cái tên sai là gì? Biju không biết một cái tên nào dành cho dòng nước đen ngòm này. Nó không phải lịch sử của cậu.

Rồi đến *địt mẹ quyển Moby Dick* ấy. Con sông *địt mẹ đầy cá voi chết*. *Địt mẹ xác cá lòi về chật cả sông*, rồi *địt mẹ đem nghiền* trong nhà máy.

“*Dầu*, anh bạn ạ,” ông ta nói với vẻ hậm hực ghê gớm. “*Địt mẹ*, lúc nào cũng chỉ vì *dầu*. Và *đồ lót*.”

Nhưồn mày và phun bọt dãi.

“*Coóc xê!!*” ông ta đột ngột thốt lên.

“Không biết tiếng Anh,” Biju bắc tay làm loa và nói, rồi vội vã bỏ đi.

“Không biết tiếng Anh,” cậu luôn nói vậy với những kẻ điên khùng định lân la tán chuyện ở thành phố này, với những gã lang thang tính tình cằn cằn, và với những giáo hữu Kinh Thánh trong trang phục đại hạ giá màu sắc lòe loẹt hay châu chực nơi góc phố, sẵn đón mấy người vô thần bằng những bài đạo đức và thể chất. Những tín đồ nhiệt thành của Hội Thánh đấng Christ, Zion Thánh linh, những người cải đạo phát tờ rơi cung cấp cho cậu thông tin cập nhật đáng giá triệu đô về hoạt động của quỹ dữ: “**QUỸ XA TẶNG ĐANG CHỜ THIÊU SỐNG BẠN,**” cái tí gào lên. “**BẠN KHÔNG CÒN THỜI GIAN ĐẤU.**”

Có lần, một giáo hội Hare Krishna của người Litva, từ Vilnius và Vrindavan đến New York, đã tiếp cận cậu. Kèm theo cuốn sổ tay là ảnh nhìn lên án của một người ăn chay dành cho người cự đầu bếp nấu thịt bò. Biju nhìn anh ta cốt để khỏi phải nhìn một hình ảnh khiêu dâm. Trông nó không khác gì một cô gái điếm – hở hang quá mức. Cuốn sách trong tay cậu có trang bìa vẽ hình thần Krishna ra trận màu sắc lòe loẹt, cùng một dạng với mấy tấm áp phích quảng cáo phim.

Ấn Độ là gì với họ? Bao nhiêu người đang sống trong phiên bản giả tạo của xứ mình, trong phiên bản giả tạo của xứ người? Với họ, cuộc sống ấy có phi thực tế như cuộc sống này của cậu không?

Cậu đang làm gì và vì sao?

Trước khi ra đi, cậu thậm chí không thắc mắc gì về chuyện đó. Lẽ tất nhiên, nếu anh *đi được* thì anh *đã đi rồi*. Và một khi anh *đã đi rồi*, lẽ tất nhiên, nếu được thì anh *đã ở lại*...

Khi Biju leo những bậc đá khai mùi nước tiểu bước lên mặt đường thì công viên cũng đã lên đèn, ánh đèn nhòa đi trong bóng chiều chạng vạng – nhìn lên những ngọn đèn khiến ta có cảm giác như mình đang khóc. Trong ánh sáng thành phố về đêm như ánh đèn sân khấu ấy, cậu thấy người đàn ông vô gia cư đang cứng nhắc bước đi như bằng chân giả, đẩy chiếc xe chở rác sang ngôi lều nhựa bên kia đường, nơi ông ta sẽ chờ đến lúc bão tan.

Biju trở lại Gandhi Café, thấy mình đang dần trở nên trống rỗng. Năm tháng qua đi, đời cậu chẳng làm nên trò trống gì; ở một nơi đáng ra phải có gia đình, bạn bè bên cạnh, thì chỉ có mình cậu ngồi đây lù lù chật chỗ. Dù vậy, một phần khác trong cậu đã lớn lên: ý thức về bản thân, lòng tự thán – ôi nó sao mà tẻ nhạt. Ngờ nghếch trên đất Mỹ, một thằng lùn cỡ đại, vị Mạnh Thường Quân của những kẻ bé mọn... Liệu cậu có nên trở lại với một cuộc sống nơi cậu có thể dứt bỏ tầm quan trọng của bản thân, nơi cậu có thể từ bỏ quyền làm chủ đối với vận mệnh của mình, một điều luôn bị đánh giá quá cao, và có lẽ rút luôn ra khỏi sự định đoạt của nó không? Biết đâu cậu sẽ được tận hưởng sự xa xỉ lớn lao là không nhận thấy bản thân mình nữa.

Còn nếu cậu tiếp tục ở lại đây? Điều gì sẽ đến? Liệu cậu có giống như Harish-Harry, tạo ra một phiên bản giả tạo của chính mình và dùng thứ mình đã tạo ra làm đầu mối để ngược về tìm hiểu bản thân? Đối với cậu, cuộc sống không còn có nghĩa là tồn tại nữa, còn cái chết – nó thì có thể có ý nghĩa gì với cậu? Cái chết chẳng liên quan gì ở đây cả.

Ông chủ đại lý du lịch Shangri-la mới mở ở cùng dãy nhà với Gandhi Café mỗi ngày đều gọi một bữa trưa “mặn” đặc biệt: cari cừu, đậu, cơm rau thập cẩm và *kheer*. Tên ông ta là Kakkar.

“Arre, Biju,” ông ta chào cậu, vì Biju là người được giao nhiệm vụ đưa cơm. “Cậu lại cứu tôi khỏi tay nghề nấu ăn của mụ vợ tôi rồi, ha ha. Ta sẽ đổ

mấy món mụ nấu vào hồ xí!”

“Sao ông không đem cho cái lão lang thang bán thiu ấy,” Biju hỏi, vừa để giúp người đàn ông vô gia cư nọ, vừa để sỉ nhục ông ta.

“Ôi không,” ông chủ đáp, “con mụ nặc nô ấy gớm lắm, mụ sẽ bất ngờ xuất hiện và bắt quả tang lão đang ăn, những sự tình cờ như vậy hay xảy ra với mụ lắm, và thế là tiêu đời ông bạn quý hóa của anh.”

Một phút sau, “Cậu định quay về thật đấy à??” ông ta kinh hãi hỏi, hai mắt lồi ra. “Cậu đang sai lầm lớn đấy. Ba mươi năm ở cái xứ này, chẳng va chạm với ai, dĩ nhiên là trừ con mụ nặc nô kia, chưa bao giờ tôi quay lại. Chỉ riêng chuyện nhà vệ sinh thôi,” ông ta ngụ ý tiếng xả toa lét sau lưng mình. “Chính ra họ nên để cái nhà vệ sinh lên quốc kỳ, giống như cái bánh xe dẹt vải của ta – thứ tiện nghi thượng hạng ở cái xứ này.”

“Quay về ấy à?” ông ta tiếp tục, “có họa mà điên – họ hàng sẽ đến xin xỏ! Cả người ngoài cũng sẽ đến xin xỏ – cứ thử vận may thế thôi, biết đâu cậu lại ì ra dollar thì sao. Tôi khuyên thật cậu đấy, bạn ạ, rồi cậu không thoát được họ đâu; thoát được họ thì còn kẻ cướp; thoát được kẻ cướp thì còn bệnh tật; thoát được bệnh tật thì còn cái nóng, thoát được cái nóng thì mấy thằng Sardarji điên kia cũng sẽ bắn hạ máy bay của cậu trước khi cậu về đến nơi.”

Trong khi Biju vắng nhà, Indira Gandhi đã bị người Sikh ám sát nhân danh tổ quốc mình; Rajiv Gandhi đã lên nắm chính quyền...

“Rồi sẽ đến lượt ông ta. Chỉ là vấn đề thời gian thôi,” ông Kakkar nói.

Nhưng Biju nói: “Cháu phải về. Cha cháu...”

“Giờ, cứ yếu đuối thế chẳng làm được gì đâu. Ông già tôi, chùng nào còn sống ông ấy luôn bảo tôi rằng, ‘Tốt, cứ ở bên ấy, đừng về lại cái xứ thối tha này nữa.’”

Ông Kakkar dùng cây bút bi có hình máy bay ở đuôi để khều đá trong lon Diet Coke lên và nhai rau rầu.

Nhưng rồi cuối cùng ông ta cũng bán cho Biju một vé của hãng Gulf Air: New York-London-Frankfurt-Abu-Dhabi-Dubai-Bahrain-Karachi-Delhi-Calcutta. Vé rẻ nhất họ tìm được. Giống như một chuyến xe buýt trên trời.

“Đừng bảo là tôi không báo trước nhé.”

Rồi ông ta đổi giọng ân cần. “Cậu biết đấy,” ông ta nói, “nước Mỹ đang trong quá trình thâm tóm cả thế giới. Về rồi cậu sẽ thấy ở đó họ cũng là chủ. Đến một ngày, dù ở nhà hay ở đây thì cậu vẫn sẽ làm thuê cho một công ty Mỹ. Hãy nghĩ cho con cái cậu. Nếu cậu ở lại đây, con trai cậu sẽ kiếm được một trăm ngàn dollar, trong khi vẫn công ty ấy ở Ấn Độ nó chỉ kiếm được một ngàn dollar thôi. Thế thì làm sao cậu gửi con đi học ở trường quốc tế danh giá nhất được? Cậu đang sai lầm lớn đấy. Cùng một thế giới, bạn ạ, nhưng một bên sinh ra để làm đầy tớ, một bên sinh ra để làm ông hoàng bà chúa. Cậu muốn con trai cậu ở bên nào?”

“À,” ông ta lắc lắc cây bút và nói, “vừa về đến nơi, Biju, cậu sẽ nghĩ ngay đến chuyện chuồn khỏi đó cho mà xem.”

Nhưng Biju vẫn đi đến Jackson Heights, vào một cửa hàng như nhà để máy bay và mua: một cái ti vi và đầu video, một cái máy ảnh, kính râm, mũ chơi bóng chày có dòng chữ “NYC” và “Yankees” và “I Like My Beer Cold and My Women Hot”, một cái radio cassette có đồng hồ điện tử, đồng hồ chịu nước, máy tính bỏ túi, một con dao cạo điện, một cái máy nướng bánh mì, một cái áo mùa đông, một cái áo đi mưa, một cái ô gấp, giày da lộn, một cái ví da, một cái lò sưởi điện hàng Nhật, một bộ dao làm bếp, một bình nước nóng, kem đánh răng Fixodent, nghệ, hạt điều và nho khô, bột cacao, áo phông có dòng chữ “I love NY” và “Born in the USA” nổi bật lên nhờ được kết bằng những viên đá óng ánh, rượu whisky, và sau một thoáng ngần ngừ, thêm một chai nước hoa hiệu Windsong... cái đó để dành cho ai? Cậu còn chưa biết mặt cô ấy.

Trong khi mua sắm, cậu nhớ lại hồi bé mình vẫn tụ tập với một đám con nít đùa nghịch thật lực để đến khi về nhà thì mệt phờ ra. Cả bọn ném đá và dép lên cây để hái quả *ber* và *jamun*; đuổi thằn lằn đến rưng cả đuôi rồi đem mẩu đuôi còn ngoe nguẩy ấy ném vào lũ con gái; đi trộm hạt *chooran* trong cửa hàng, món này nhìn y như phân dê nhưng rất bùi, lại hơi lạo xạo sần sần. Cậu nhớ những lúc tắm sông, quanh mình là cơ bắp vững chãi và mát rượi của dòng sông, những lúc ngồi trên một tảng đá thò chân xuống nước và gặm mía, nhai lấy nhai để cho ra cái ngọt bất kể hàm răng đau rát rồi hút cho bằng hết. Hồi ấy cậu còn chơi cricket cricket cricket. Biju thấy mình mỉm cười khi nhớ lại kỷ niệm về lần cả làng ngồi xem Ấn Độ thắng Australia trong một trận đấu thử thách²⁸ trên chiếc ti vi chạy bằng ắc quy ô tô vì cái máy biến thế của làng vừa bị cháy. Khắp Ấn Độ mùa màng bị bỏ thối ra ngoài đồng, chị em gái điểm trên toàn quốc lên tiếng phàn nàn về tình hình kinh doanh ế ẩm vì tất cả đám đàn ông trong nước đều gí mũi vào màn hình ti vi. Cậu nhớ đến món bánh *samosa* phết tương ớt gói lá chuối. Một nơi cậu không thể nào là người duy nhất trong một tấm hình.

Tất nhiên, cậu không tìm về những ký ức về thời đi học trường làng, về ông hiệu trưởng sẽ đánh trượt bọn trẻ con nếu bố mẹ không đóng học phí. Cậu không nhớ về cái mái nhà bay mất mỗi khi đến mùa gió nổi, hay một thực tế là giờ đây không chỉ mẹ cậu mà cả bà nội cậu đều đã mất. Cậu không hề nghĩ về những điều ban đầu đã buộc cậu phải ra đi.

bốn mươi hai

Dù đã được hối lộ bằng kẹo, nhưng ngay khi Gyan vừa rời khỏi nhà, cô bé nhân chứng của trận cãi vã giữa anh và Sai đã theo sự thôi thúc khó bề cưỡng lại của khát khao mách lẻo, và khi quay về, anh phát hiện ra cả nhà đã biết chuyện vừa xảy ra, và mọi sự đã thành như chuyện phùng chèo. Vụ bàn tán về mấy khẩu súng đã gây ra một hiệu ứng bất ngờ là khiến bà anh từ chỗ đang chờ dẫn tình tảo trở lại (thật ra, hương vị chiến tranh được hâm nóng lại đã đem đến sinh khí mới cho người già trên khắp vùng đồi), và thế là bà cụ lò dò bước tới, tay cầm tờ báo cuộn tròn. Gyan thấy bà lại gần và tự hỏi bà định làm gì. Thế rồi bà cụ túm lấy anh và phết cho một phát vào đầu. “Mày cứ liệu thần hồn. Lòng bông như thăng ngốc, không chịu chuyên chú học hành! Cứ thế rồi đời mày sẽ đến đâu? Tù tội thôi con ạ.” Bà cụ lại phết cho Gyan mấy cái nữa vào mông, còn anh thì cố lẩn. “Đừng có dây với hủi, biết chưa,” lại phết cho cái nữa để răn đe, “rồi lại khóc rống lên như con nít ấy.”

“Nhờ nó không làm gì thật thì sao,” mẹ anh lên tiếng.

“Thế con bé ấy mò đến tận đây làm gì? Tự nhiên chắc? Cứ tránh xa họ ra,” bà nội anh quay lại Gyan và gầm gừ. “Mày mà dính vào rắc rối... nhà ta thì nghèo... mình với người ta chỉ như con sâu cái kiến... Tao đến phát điên mất, bố mày thì bỏ đi, mẹ mày thì nhu nhược không quản được mày,” bà cụ lườm cô con dâu, sung sướng vì có cơ để làm như vậy. Khóa trái cửa nhốt Gyan lại.

Hôm đó, khi bạn bè đến tìm anh, nghe tiếng xe jeep, bà nội anh lò dò bước ra, ngược đôi mắt kèm nhèm những rỉ lên nhìn.

“Ít nhất thì cũng bảo là cháu ốm. Bà làm cháu mất mặt mất,” Gyan gào lên, bị cái tội con nít của mình lẩn át.

“Nó ốm,” bà cụ bảo. “Ốm lắm. Không gặp các cậu được đâu.”

“Sao thế ạ?”

“Nó phải vào nhà tắm đi *tatti* liên tục,” bà đáp. Bên trong, anh thầm rên rỉ. “Chắc là ăn phải cái gì ôi. Giờ nó như cái vòi nước ấy.”

“Mỗi nhà đều phải cử một người đàn ông đại diện gia đình tham dự diễu hành.”

Họ muốn nói đến cuộc diễu hành lớn của ngày hôm sau, xuất phát từ Quảng trường Mela.

“Ngày mai sẽ đốt hiệp ước Ấn Độ-Nepal.”

“Nếu các cậu muốn nó *tatti* vung vãi ra cuộc diễu hành...”

Họ bỏ đi và rẽ vào từng nhà trên đồi để nhắc nhở mọi người về sắc lệnh quy định mỗi gia đình phải có một đại diện tham gia biểu tình ngày hôm sau, mặc dù có rất nhiều người nài rằng đường tiêu hòa có vấn đề, tình trạng tim không ổn, vỡ xương bánh chè, đau lưng... và trưng ra xác nhận của bác sĩ để hòng được buông tha: “Ông Chatterjee phải hạn chế tiếp xúc với lo lắng và bực bội vì ông mắc chứng cao huyết áp.”

Nhưng họ vẫn không được buông tha: “Thế thì cử người khác. Cả nhà chắc hẳn là không ồm hết cả chứ?”

Một quyết định trọng đại đã qua, và Gyan, sau những phản kháng ban đầu, đã thấy sự thanh thản êm đềm xâm chiếm lòng anh, và dù ra vẻ giận dữ, thật lòng anh rất nhẹ nhõm vì được trở lại tuổi thơ. Anh còn trẻ, mọi việc chưa có gì nghiêm trọng. Cứ để thế giới ngoài kia trôi đi một lúc, rồi đến khi nào bình yên trở lại, anh sẽ đến tìm Sai và dỗ dành nàng trở lại làm bạn bè như trước. Anh không phải người xấu. Anh không muốn chiến tranh. Tất cả chỉ vì anh cố gắng tham gia vào những câu hỏi lớn hơn, muốn trở thành một phần của chính trị và lịch sử. Nơi trú ngụ của hạnh phúc nhỏ nhoi hơn thế, dù đó tất nhiên không phải là điều đáng để vênh vang; chẳng mấy ai đứng dậy và tuyên bố, “Thật ra tôi là một thằng hèn,” nhưng sự nhút nhát của anh có thể được ngụy trang dưới, ở, dưới sự tồn tại hết sức bình thường trong vỏ bọc của sự khiêm nhường. Thoát khỏi nỗi nhục nhã vì đã xử tệ với Sai giờ anh lại có thể xảo hợp thoát khỏi một nỗi nhục khác khi tỏ ra tôn trọng bà

mình. Như mọi thứ khác, hèn nhát cũng cần có vỏ bọc của mình, lý lẽ của mình, nếu nó trở thành triết lý sống của anh. Đạt được sự thỏa mãn không phải là chuyện dễ dàng. Người ta phải bố trí nó cho khéo, ngụy trang cho nó, vờ như nó là một điều gì khác.

Anh có nhiều thời gian ngẫm nghĩ, và khi thì giờ trôi đi, anh lấy một cây bút chì cùn ngoáy đất ở rốn và lấy ráy tai, nghe đài và kiểm nghiệm độ sạch sẽ của hai lỗ tai bằng tiếng nhạc, lắc trái, lắc phải: “*Chaandni raate, pyaar ki baate...*” Thế rồi, thật đáng buồn khi phải nói rằng anh ngoáy rỉ mũi đem cho một con nhện to tướng vằn vện như hổ chằm chệ trên cái lưới chằng giũa bàn và bờ tường. Nó vồ lấy ngay, không tin nổi vào vận may của mình, và từ từ nhấm nháp. Gyan nằm ngửa, co chân lên, uể oải làm bài thể dục đạp xe.

Thế giới này có niềm vui tồn tại – thứ niềm vui nông nản, nhỏ bé nhưng đem lại cảm giác bốn bề phơi phới tự do.

Nhưng rồi, cảm giác tội lỗi ào ạt quay về: Sao anh có thể tiết lộ cho đám bạn về mấy khẩu súng? Sao anh có thể? Sao anh có thể đẩy Sai vào hoàn cảnh nguy hiểm như thế? Da anh nóng bừng, sồn gai. Anh không nằm yên trên giường được nữa. Anh chồm dậy và đi đi lại lại. Lẽ nào anh còn có thể vui vẻ vô tư sau những gì đã làm?

Vậy là khi Sai nằm chịu đựng cực hình trong phòng, khi Gyan đầu tiên ngẫm nghĩ về niềm vui được quay bánh xe một cuộc đời bình dị, rồi dẫn vật vì những tổn thương mình gây ra, cả hai đã bỏ lỡ cuộc biểu tình phản kháng quan trọng, giây phút quyết định của cuộc xung đột, khi hiệp định Ấn Độ-Nepal năm 1950 sắp bị đốt, quá khứ sắp được gửi gắm cho ngọn lửa và bị thiêu hủy hoàn toàn.

“Kiểu gì cũng phải có người đi...” người đầu bếp bảo ông tòa sau khi mấy gã trai đã đến Cho Oyu yêu cầu gia đình cử người tham gia điều hành.

“Ờ, thế thì người đi đi,” ông tòa nói.

bốn mươi ba

27 tháng Bảy năm 1986

Về đêm trời mưa và người đầu bếp cầu trời khẩn phật cho mình không phải đi, nhưng sáng ra mưa tạnh và một khoảng trời xanh ló dạng, trông thật trẻ con và giả tạo sau những âm u ảm đạm của mùa gió. Bác thấy tim mình trống rỗng và cứ thế nằm lì trên giường, những mong mây sẽ kéo lên. Đến khi không trì hoãn được nữa, bác đành ngồi dậy, xỏ chân vào dép rồi ra nhà vệ sinh.

Bác gặp ông bạn gác đêm ở MetalBox, và họ cùng nhau đến Quảng trường Mela, đi qua cổng chào có gắn tượng Gandhi để kỷ niệm Quốc khánh Ấn Độ. Bên dưới là dòng chữ tiếng Hindi, “Đoàn kết Bác ái Nghĩa vụ”. Hàng nghìn người đang kéo đến, không chỉ từ Kalimpong, mà còn từ các làng và thị trấn xung quanh, từ Mirik, Pasumbang, Thung lũng Soureni, Aloobari, Thung lũng Labong, Kurseong và Peshok, đường cao tốc Mungpootista và nhiều vùng lân cận. Khi tất cả đã tề tựu đông đủ, họ sẽ điều hành đến đồn cảnh sát và đốt bản hiệp định ở đó.

“Kỹ năng tổ chức của GNLFF tốt thật,” người đầu bếp nói; bác khó lòng không khen ngợi họ, vì sự quy củ kiểu này là một cảnh tượng hiếm thấy ở Kalimpong.

Họ đứng chờ như thế mấy tiếng đồng hồ. Cuối cùng, khi mặt trời chiếu đốt lên đến giữa đỉnh đầu, một người mới thôi còi và hướng dẫn họ tiến lên.

Tay vung dao quắm, lưỡi dao giơ cao và lóe sáng trong ánh nắng. “*Jai Gorkha*,” họ gào lên. “*Jai Gorkhaland! Gorkhaland cho người Gorkha!*”

“Chắc chỉ độ một tiếng là xong,” người gác đêm ở MetalBox nói với vẻ hy vọng.

Tất cả diễn ra theo kế hoạch, và họ bắt đầu nghĩ đến bữa trưa, vì ai nấy đều đã đói meo; nhưng khi họ tới ngã tư, một điều bất ngờ đột ngột xảy ra.

Một trận mưa gạch đá ào ào trút xuống từ sau nhà bưu điện, nơi người đầu bếp vẫn chờ thư của Biju, và vừa chán nản nhận ra nó bây giờ đã cửa đóng then cài.

Đá đập vào mái nhà, BANG BANG BANG BANG; nảy lên với xung lực lớn hơn, rồi lao xuống, làm bị thương mấy người, bọn họ lao đảo lùi lại.

Sây sát. Máu me.

Họ không bao giờ phát hiện ra ai là thủ phạm, kẻ nào bày ra âm mưu nham hiểm ấy...

Bọn nó được cảnh sát thuê, bên biểu tình bảo, hòng lừa đoàn biểu tình đi đến trả đũa lại sự sỉ nhục ấy, nhặt đá ném trả, từ đó cảnh sát sẽ có cơ để phản ứng.

Không phải, cảnh sát cãi. Họ khẳng định những kẻ bạo động đã mang đá theo để ném vào mặt luật pháp và trật tự.

Tuy nhiên, các bên đều thừa nhận rằng, tức khắc trước đợt tấn công ấy, đám đông bắt đầu ném đá vào lực lượng *jawan* được trang bị lá chắn và dùi cui chống bạo động. Trận tên lửa đánh trúng mái đồn cảnh sát, đập nát các cửa sổ.

Cảnh sát cũng nhặt đá ném giả. Họ có là ai đâu mà phải cao thượng hơn cái đám đông kia?

Và thế là, VÙ VÙ VÙ, trong không khí tràn ngập sỏi đá chai lọ gạch ngói và tiếng kêu gào la hét. Đám đông bắt đầu nhặt gạch, cướp phá một công trường để có thêm đạn dược; cảnh sát bắt đầu truy quét đám đông; mưa đá trút xuống; ai cũng dính đạn; cả dân thường, cả cảnh sát; tất cả nhảy xổ vào nhau, dùi cui vụt túi bụi, gạch đá nện tứ tung; bắt đầu lấy dao ra chém – một bàn tay, một khuôn mặt, một cái mũi, một vành tai.

Có tin đồn cho rằng trong số những người chống đối có những đối tượng mang theo súng... Có thể đúng. Có thể không.

Chỉ biết rằng những kẻ chống đối càng gan lì, càng đánh trả, càng kiên quyết không giải tán, thì cảnh sát càng tin chắc rằng bọn chúng có vũ khí.

Không có vũ khí yểm trợ thì đời nào chúng dám kháng cự như vậy. Thế nên họ nghi.

Cuối cùng, nỗi nghi ngờ trở nên căng thẳng quá sức chịu đựng của cảnh sát, và họ nổ súng.

Hàng người biểu tình đầu tiên tản ra, chạy tán loạn sang hai bên trái phải...

Những ai đi sau, kể từ rạp chiếu bóng Kanchan trở lại, dưới sự xô đẩy của những người đi đằng sau họ, đều bị bắn hạ.

Trong một đoạn phim mờ tua nhanh, mười ba thanh niên trong vùng đã chết.

Cách lịch sử vận hành là như thế, xây mới lâu, đốt thì nhanh, và khi sự cố kết mất đi, mọi thứ sụp đổ về cả phía sau và phía trước, nuốt những người trẻ tuổi vào mối thù hận già nua. Ranh giới giữa sống và chết, nói cho cùng, quá mong manh chẳng thể nào đo đếm được.

Lúc này, một số người bỏ chạy quay lại và liều mình xông vào cảnh sát, gào thét báo thù. Họ cướp súng trong tay đối phương, và cảnh sát, đột nhiên kinh hãi nhận ra mình bị áp đảo về quân số, bắt đầu van xin và rên rỉ. Một *jawan* bị dao đâm chết, một người khác bị chém đứt tay, người thứ ba bị đâm bị thương, và đầu lâu cảnh sát bị cắm lên cọc trước cửa đồn, đối diện với băng ghế dưới gốc mận, nơi trong thời bình người dân thị trấn vẫn nghỉ ngơi, và đôi khi người đầu bếp cũng đọc thư ở đó. Một cái xác không đầu chạy được vài bước trên phố, máu ở cổ phun thành vòi, và ai nấy đều được chứng kiến sự thật về những sinh vật sống – ấy là sau khi chết, trong nỗi nhục cuối cùng, cái xác đại tiện lên chính nó.

Đám cảnh sát chạy giật lùi vào đồn như một cuộn phim quay ngược, nhưng họ phát hiện ra vài đồng nghiệp vào trước đã khóa trái cửa và sợ hãi nằm bẹp trên nền nhà, nhất định không cho những người khác vào, dù họ có đập cửa và van nài đến mấy. Bị đám đông truy đuổi, những viên cảnh sát bị chính đồng đội của mình nhốt ở ngoài liền chạy vào nhà dân.

Lola và Noni, tối hôm trước vừa tiếp đón mấy gã trai GNLF lần nữa, thấy ba viên cảnh sát đang âm thầm đập cửa sau của Mon Ami. Bọn họ ngồi nức nở trong phòng khách trong khi hai chị em kéo rèm xung quanh họ.

“Nhục,” Lola bảo họ. “Cảnh sát mà thế à?!” Vì giờ đây họ đang ở trong tay bà chứ không phải bà ở trong tay họ. “Bấy lâu nay chẳng cứu giúp chúng ta, giờ thấy chưa, lại cần *chúng ta* cứu giúp!”

“Mẹ,” họ gọi bà, “Mẹ, đừng đuổi bọn con đi, mẹ muốn gì bọn con cũng làm. Bọn con cũng như con cái mẹ.”

“Ha! Giờ thì các anh gọi tôi là mẹ. Tử tế hay ho quá nhỉ. Tuần trước các anh có xử sự thế này đâu...”

Ngoài chợ, bạo động vẫn tiếp diễn. Xe jeep bị đẩy xuống mương, xe buýt bị châm lửa đốt, ánh lửa từ những đám cháy rực rỡ hắt lên màn sương đêm đang buông xuống, và lửa lan sang rừng tre. Không khí trong thân tre giãn nở, chúng bốc cháy và phát ra tiếng nổ như tiếng súng được tái sinh và khuếch đại.

Tất cả đều bỏ chạy, từ những người tham dự bất đắc dĩ, những kẻ thù ác, đến đám cảnh sát bị đánh tả tơi. Họ tản vào những đường rẽ dẫn tới Bong Busti và chợ Teesta. Người đầu bếp chạy một mình vì bị lạc mất người gác đêm ở MetalBox, bác ta đã bị tách sang đường khác. Bác chạy hết khả năng lá phổi và đôi chân cho phép, tim bác đập tái tê trước ngực, bên tai và trong cổ họng, mỗi hơi thở đầy khí độc. Bác định rút ngắn quãng đường bằng cách leo tắt con dốc lên đường Ringkingpong, đến nơi bác thấy hai chân mình sụm xuống và run lên bần bật. Bác ngồi phía trên khu chợ, giữa những cọc tre treo phướn trắng, những dòng kinh trên đó đã mờ đi như những đường vân trên vỏ ốc bị đại dương bào mòn theo thời gian. Ngọn tháp từ thời Victoria của Phân cục Điều tra Tội phạm đã ở đằng sau bác và cái khối đen ngòm của biệt thự Galingka, Tashiding và Morgan có từ thời thuộc địa Anh, tất cả giờ đã thành nhà khách của công ty. Một người làm vườn ngồi xõm trên bãi cỏ của biệt thự Morgan, vẫn còn nguyên loại cỏ bà

Morgan mua tận Anh về. Bác ta hình như không kiết chuyện gì đang xảy ra, nhìn ra ngoài với vẻ thản nhiên, không tò mò, không khát khao, không lo lắng, đang phát triển một cá tính thiếu cá tính để giúp mình tiếp tục sinh tồn.

Người đầu bếp có thể thấy bên dưới lửa đang cháy và người đang tán loạn. Khi chạy qua hơi nóng của ngọn lửa, hình bóng họ lặn tẩn chập chờn như ảo ảnh. Trên cao là đỉnh Kanchenjunga, uy nghi, kỳ vĩ, một cảnh tượng suốt hàng thế kỷ đã mang đến tự do cho con người và niềm vui cho mỗi trái tim dù mạnh mẽ hay yếu đuối. Nhưng giờ đây dĩ nhiên người đầu bếp không thể nào cảm thấy như thế nữa, và bác cũng không biết trong lòng mình hình ảnh ngọn núi có bao giờ như cũ được nữa không. Nỗi sợ hãi cào xé tim bác như thể nó là một cánh cửa – ấy là một sinh vật gặm nhấm không ngừng sục sạo.

Làm sao còn như xưa được nữa? Màu đỏ của máu loang khắp con đường qua chợ thành từng vũng bóng nhẫy, lẫn với một mảng đậu vàng mà ai đó chờ đợi một buổi picnic sau cuộc diễu hành chắc hẳn đã mang theo và giờ đây ruồi đậu đầy, với những chiếc dép lê cộc cạch, một cặp kính vỡ thảm thương, và cả một cái răng. Quang cảnh tựa như đoạn phim cảnh báo về an toàn giao thông của chính phủ vẫn xuất hiện ở rạp chiếu bóng trước mỗi bộ phim, với hình ảnh một người đàn ông đạp xe đi làm, một người nghèo nhưng rất được vợ yêu thương, cô đã chuẩn bị một cặp lồng cơm cho anh ăn trưa; thế rồi còi ô tô rú lên và một tiếng chuông xe đạp khẽ khàng, tuyệt vọng, rồi sau một giây loảng ngoảng mờ ảo là đến hình ảnh tĩnh và câm lặng của thức ăn vương vãi hòa trong máu. Những màu sắc không ăn nhập ấy, gia đình lẫn lộn với chết chóc, yên bình gặp phải tai ương, yêu thương được thay thế bằng hình ảnh của bạo lực, luôn làm người đầu bếp vừa buồn nôn vừa muốn khóc.

Bây giờ, khi đã nôn và đã khóc, bác vừa run rẩy vừa nức nở lăn mò về lại Cho Oyu, trốn vào bụi cây khi thấy xe tăng của quân đội lăn bánh từ doanh trại vào thị trấn. Thay vì kẻ thù ngoại bang, thay vì người Trung Quốc mà họ đã nung nấu lòng căm thù, đã sẵn sàng đối mặt, họ sẽ phải chiến đấu với chính đồng bào mình...

Mảnh đất này, cái chợ này, nơi bác đã thỏa thuê mặc cả từng củ khoai tây, đã *nhục mạ*, phải, đã hả hê nhục mạ người bán hoa quả mà không sợ bị trừng phạt, đã tận hưởng từng lời cay độc dè bủ món hàng sâu thối thốt ra từ miệng mình; mảnh đất nơi bác được an toàn tuyệt đối khi thực sự nổi cáu với mấy ông thợ may điếc, với anh thợ nước kém cỏi, ông làm bánh lễ mề và món kem ốc quế; mảnh đất nơi bác đã yên tâm sinh sống vì biết rằng nơi đây về *cơ bản* là một vùng đất văn minh, có chỗ cho tất cả bọn họ; nơi bác đã tồn tại giữa một điều có lẽ là *sự ngọt ngào* khi được gặt gồng – giờ đây nó đang cho bác thấy bác đã sai lầm. Kalimpong không cần bác và bác cũng không thuộc về nó.

Lúc này, lòng bác bỗng ngập tràn nỗi sợ không bao giờ được gặp lại con trai mình nữa...

Những lá thư suốt ngần ấy năm chỉ là niềm hy vọng của chính bác viết về cho bác mà thôi. Biju chỉ là một thói quen trong suy nghĩ. Cậu không hề tồn tại. Có thể nào không?

bốn mươi tư

Những sự kiện hãi hùng gia tăng, theo vòng quay của bốn mùa, qua mùa đông và một mùa xuân đầy hoa, đến mùa hạ, tới mùa mưa rồi lại một mùa đông nữa. Đường bị chặn, tối nào cũng có lệnh giới nghiêm, và Kalimpong mắc kẹt trong cơn điên loạn của chính mình. Không ai có thể rời khỏi vùng đồi; thậm chí nếu còn được đi thì chẳng ai ra khỏi nhà mà chỉ ở rịt bên trong, cửa đóng then cài.

Nếu anh là người Nepal mà lại ngoan cố không tham gia thì khổ rồi. Người gác đêm ở MetalBox đã bị ăn đòn, bắt phải hô “Jai Gorkha,” rồi bị lôi đến Đền Mahakala thề trung thành với lý tưởng.

Nếu anh không phải người Nepal thì còn khốn nạn hơn.

Nếu anh là người Bengal, những người đã quen biết anh cả đời sẽ không nhận anh trên phố.

Ngay đến người Bihari, Tây Tạng, Lepcha và Sikkim cũng không nhận anh. Họ, những đàn cá tép riu của thiểu số dân cư, những số lượng nhỏ nhoi bất lực nếu không mắc lưới này thì mắc lưới kia, cũng muốn đặt người Bengal vào vị thế đối nghịch với mình trong mâu thuẫn, cũng muốn coi họ như kẻ thù.

“Suốt ngần ấy năm,” Lola nói, “em vẫn mua trứng của nhà Tshering ở cuối đường, thế mà hôm qua ông ta nhìn thẳng vào mặt em rồi bảo hết hàng. ‘Tôi thấy đằng kia còn nguyên một rổ,’ em hỏi, ‘sao ông lại bảo hết hàng?’ ‘Trứng ấy có người mua rồi,’ ông ta nói thế.”

“Pem Pem,” lúc trở ra Lola thốt lên như vậy khi thấy cô con gái bà Thondup bạn mình bước vào. Mới mấy tháng trước Lola và Noni còn tham dự những buổi giao tế hoành tráng ở nhà bà ta, nó gợi nhớ đến một cuộc sống khác, ở một miền đất khác, trứng cút và măng, dưới chân là những tấm thảm Tây Tạng dày dặn.

“Pem Pem??”

Pem Pem ném cho Lola một cái nhìn lúng túng và van nài rồi vội vã bước qua.

“Tự dưng thành ra lạc lõng, nhỉ?” Lola nói, “Chẳng ai là không ruộng bỏ mình.”

Ở dải đất bên dưới Mon Ami, giữa dãy lều bất hợp pháp nọ, hai chị em thấy mọc lên một ngôi đền nhỏ, phấp phới cờ phướn đỏ vàng, để đảm bảo rằng dù gì đi nữa, vĩnh viễn không một quan chức nào – cảnh sát, chính quyền, hay bất kỳ ai khác – dám tranh cãi về tính hợp pháp của vụ cướp đất này. Giờ nó đã được thần linh đích thân phù hộ. Đình miếu mọc lên khắp Kalimpong, đi liền với các công trình bị chính quyền địa phương cấm – mưu cao của dân nhảy dù. Và những kẻ xâm nhập còn lập lòe câu trộm điện thoại, đường nước, đường điện để sử dụng bất hợp pháp. Máy cây lê vẫn cho Lola và Noni nhiều quả đến mức họ từng rửa nó, “Nay lê dầm kem, mai lê dầm kem, hôm quái nào cũng lê dầm kem!” đã bị vật trụi chỉ sau một đêm. Luống xúp lơ xanh cũng đi tong, khoảnh đất gần cổng được trưng dụng làm nhà tắm. Bọn trẻ xếp hàng nhổ nước bọt về phía Lola và Noni lúc họ đi qua. Khi Kesang, cô hầu của họ, bị chó của một hộ dân nhảy dù cắn, cô hét lên, “Nhìn chó của các người cắn tôi đây này, giờ các người phải xoa dầu và bôi nghệ lên vết thương kéo tôi sẽ nhiễm trùng mà chết.”

Nhưng họ chỉ cười.

Người của GNLF đã đốt trại khu nhà nghỉ chính phủ bên bờ sông, đổi diện cây cầu nơi Cha Booty đã chụp ảnh con bướm cánh đốm. Trên thực tế, các lán kiếm lâm khắp huyện đều đang bốc cháy. Trên hiên những ngôi lán ấy, hàng thế hệ viên chức ICS từng đứng trầm trồ trước sự yên tĩnh và vẻ thanh bình lãng đãng thần tiên trên vùng núi.

Trạm điện đã bị đốt, nhà cháu gái viên thủ hiến bang cũng chung số phận. Đất vẫn lở vì thuốc nổ, trong khi đàm phán chẳng đạt kết quả gì. Kalimpong đã thành một thị trấn ma, gió vật vờ trên những đường phố quạnh hiu, rác rưởi mặc sức tung bay. Dù ý định của GNLF là gì, nó cũng đã

hoàn toàn ngoài tầm kiểm soát; trong những ngày này, cơn giận dữ của chỉ một con người có lẽ cũng đủ sức đốt cháy cả vùng đồi.

Ngoài đường, đàn bà đi lại hối hả. Ở nhà, đàn ông run rẩy vì sợ sẽ bị tóm cổ, bị tra tấn vì đủ thứ lý do không đâu, GNLFF quy kết họ là chỉ điểm cho cảnh sát, cảnh sát quy kết họ là phiến quân. Ngay cả biết lái xe cũng có thể gặp nguy hiểm khi ra đường, vì ô tô như một cái bẫy; xe cộ rất dễ bị chặn và cướp; đi bộ còn linh hoạt hơn, nếu thấy động họ có thể trốn vào rừng, lội qua *jhora* và đi đường tắt về nhà. Mà đường nào thì chẳng bao lâu sau cũng chẳng còn xăng nữa, vì người của GNLFF đã hút đến giọt cuối cùng, và mấy cây xăng đều đóng cửa.

Để trấn an mình, người đầu bếp nhắc đi nhắc lại, “Rồi sẽ ổn cả thôi, cái gì chả có lúc khó khăn, họa phúc tuần hoàn, hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai...” Nhưng trong giọng nói của bác có phần nhiều cầu khẩn hơn là kết luận, nhiều hy vọng hơn là minh triết.

Sau những chuyện này – sau vụ cướp súng và sau cuộc tuần hành, sau khi đã thấy ở đây mạng sống của một người không phải dân Nepal như bác mong manh đến mức nào – bác không tài nào trấn tĩnh được nữa; chẳng có ai, chẳng có gì – nhưng điềm gỡ cứ lù lù trước mắt – bác tin chắc một điều gì đó còn tồi tệ hơn vẫn đang rình rập. Biju đang ở đâu, nó ở đâu rồi? Bác bật dậy mỗi khi thấy có bóng người.

Vậy nên thường Sai là người đi bộ ra chợ để tìm một cánh cửa hậu mở hé cho thấy bốn tiệm có giao dịch kín đáo trong chớp nhoáng, hoặc một tấm biển thò ra từ cửa sổ túp lều của ai đó muốn bán một vốc lạc hay vài quả trứng.

Ngoài mấy món ăn đậm bạc Sai mua về, chủ yếu là khu vườn đã nuôi sống họ. Lần đầu tiên mọi người ở Cho Oyu ăn thức ăn đích thực của vùng đồi. *Dalda saag*, hoa hồng, lá dẹt; *bhutiya dhaniya* mọc chi chít quanh chỗ ở của người đầu bếp; rau bí xanh và dây bí đỏ, ngọn *ningro*, pho mát *churbi* và

măng mua của những phụ nữ xuất hiện từ sau bụi cây dọc đường rừng, mang theo pho mát gói lá dương xỉ và những lát măng vàng ươm đựng trong xô nước. Sau cơn mưa, nấm thi nhau trồi lên, ngọt như thịt gà và hùng vĩ như đỉnh Kanchenjunga, mũ thật to, xòe thật rộng. Người ta hái nấm sò ở khu vườn hoang của Cha Booty. Trong một thoáng, mùi nấm chín đem đến cho thị trấn cái không khí kỳ lạ của sự thịnh vượng và sung túc.

Một hôm, khi Sai về nhà mang theo một cân *atta* ướt và mấy củ khoai tây, nàng thấy trên hiên nhà có hai người, trông rất quen vì đã đến một lần, đang van nài người đầu bếp và ông tòa.

“Xin ngài, sahib...” Vẫn là vợ và bố của người đàn ông bị tra tấn nọ.

“Giời ơi,” người đầu bếp kinh hãi kêu lên khi thấy họ, “giời ơi, *baap re*, các người đến đây làm gì?” mặc dù bác biết thừa.

Chính những kẻ khốn cùng là người phải đi trên một lằn ranh mong manh đến mức người ta nghi ngờ sự tồn tại của nó, cái ranh giới vô hình giữa loạn đảng và luật pháp, giữa bị cướp (ai thèm nghe họ nếu họ đi báo cảnh sát?) và bị chính cảnh sát săn đuổi làm vật tế thần cho tội ác của kẻ khác.

Họ là người đói nhất.

“Sao chị lại đến gây rắc rối ở đây? Đã bảo là chúng tôi không liên quan gì đến chuyện chồng chị bị cảnh sát bắt cơ mà. Có phải chúng tôi là người kết tội hay đánh đập anh nhà chị đâu... Nếu họ mà báo cho chúng tôi thì chúng tôi đã đến ngay và bảo là không phải anh ấy... chúng tôi có biết gì đâu... Chúng tôi đâu có nợ nần gì chị?” người đầu bếp nói. Thế nhưng bác vẫn đưa cho họ chỗ *atta* Sai mới mang về... khi ông tòa gầm gừ, “Không cho gì hết,” và tiếp tục ván cờ.

“Xin ngài, sahib,” họ chắp tay, cúi đầu khẩn khoản. “Có ai giúp đỡ chúng con đâu? Không có thức ăn chúng con sống làm sao được? Chúng

con sẽ làm tôi mọi cho ngài suốt đời... Thần linh sẽ báo đáp ngài... sẽ tưởng thưởng ngài...”

Nhưng ông tòa vẫn trơ như đá.

Lại một lần nữa bị lừa ra, họ ngồi ngoài cổng.

“Đuổi họ đi đi,” ông bảo người đầu bếp.

“Jao jao,” người đầu bếp nói, mặc dù bác lo rằng họ cần nghỉ ngơi trước khi lại lợi bộ xuyên rừng thêm năm sáu tiếng để về đến làng mình.

Lại một lần nữa họ lùi lại và ngồi xa hơn cho chủ nhà khỏi khó chịu. Lại một lần nữa họ thấy Mutt. Nó đang gi mũi vào người chổ tủa ra cái mùi nó yêu thích, chẳng biết trời trăng gì nữa. Người đàn bà bỗng tươi lên và bảo người đàn ông, “Bán con chó ấy cũng được khá tiền đấy...”

Mutt không rời khỏi cái mùi ấy một lúc lâu, rất lâu. Nếu không có ông tòa ở đó, họ đã có thể lại gần – và vồ lấy nó.

Mấy ngày sau, khi ở Cho Oyu đã lại quên băng đi hai con người nếu có bị méch lòng thì cũng chẳng quan trọng ấy, họ quay lại.

Nhưng họ không đến trước cổng; họ bí mật tọt ngay xuống bờ *jhora* và ngồi rình Mutt, cái cô ả sành mùi ấy, xuất hiện khi đi tuần quanh trang trại như mọi ngày. Tái phát hiện mùi và củng cố chúng là một thứ kỹ năng không ngừng tiến hóa. Mutt đang bận rộn với cái mùi nó ưa thích từ lâu, ngày một ngọt hơn theo thời gian, thể hiện những chiều sâu và khía cạnh nhất định của tính cách nó. Nó cứ mê mãi, không để ý thấy hai kẻ đột nhập đã lén tới gần nó và chồm lên!

Giật mình, nó oảng một tiếng, nhưng lập tức họ bịt mõm nó bằng những bàn tay mạnh mẽ nhờ lao động cơ bắp.

Ông tòa đang tắm xô, người đầu bếp đang đánh bớ, Sai đang nằm trên giường, thềm thì đay nghiến, “Gyan, đồ khốn nạn, anh tưởng tôi sẽ vì anh mà khóc à?” Không một ai nhìn hay nghe thấy gì.

Hai kẻ đột nhập xách Mutt lên, lấy dây trói nó lại, bỏ nó vào bao tải. Người đàn ông khoác cái bao tải lên vai, rồi mang nó qua thị trấn mà không bị ai chú ý. Họ vòng qua sườn núi, cứ thế đi xuống, vượt sông Relli và ba rặng núi cồn lên như đại dương màu lam lục, đến một xóm nhỏ nằm xa mọi con đường nhựa.

“Con bảo họ có tìm được mình không?” ông bố hỏi cô con dâu.

“Họ chẳng đi bộ được xa thế đâu, mà đi xe thì không được. Họ không biết tên mình, không biết làng mình, họ có hỏi gì mình đâu.”

Chị ta nói đúng.

Ngay cảnh sát cũng chẳng buồn hỏi tên người đàn ông họ đã đánh đập và làm mù mắt. Nói gì đến chuyện đi tìm một con chó.

Mutt rất khỏe mạnh, ngay khi nhét nó vào bao tải họ đã thấy thế; mập mạp và sẵn sàng đem đến cho họ ít tiền. “Hay mình giữ nó lại để gây giống, rồi mình có thể bán lũ chó con...” (Dĩ nhiên là họ không biết nó đã được một bác sĩ thú y triệt sản từ lâu, khi cô nàng bắt đầu thu hút tình yêu của đủ hạng lang thang tục tũ ở vùng đồi, phình phờ bọn chó hoang, đồng lõa với chó nhà...)

“Con thả nó ra nhé?”

“Thôi cứ để đấy đã. Thả ra nó lại sửa bây giờ...”

bốn mươi lăm

Như một chiếc xe buýt âm ạch bò trên bầu trời, chiếc máy bay của Gulf Air có vẻ chật chội và khó xoay sở, dù vậy hầu hết hành khách nhanh chóng thấy thoải mái với sự tù túng này. Phải rồi, họ sắp được về nhà, đầu gối cứng đờ, trần máy bay sát trên đầu, mồ hôi nhớp nháp, phó mặc cho số phận, nhưng hạnh phúc.

Chặng dừng chân đầu tiên là Heathrow, họ bò ra ở cuối sân bay, khu vực chẳng những không được cải tạo cho thời đại mới toàn cầu hóa mà lại còn trôi ngược về thời thuộc địa xa xưa.

Mọi chuyến bay của thế giới thứ ba đều đỗ ở đây, những gia đình chờ hàng mấy ngày để nối chuyến, ngồi bệt xuống nền nhà đầy rẫy vi khuẩn, và cách đó rất xa là nơi những hành khách tuyến châu Âu-Bắc Mỹ đến và đi, trên những chuyến bay nhanh gọn không-vòng-vèo, có chỗ để chân thoải mái và ti vi riêng, bay ù một cái sang dự duy nhất một cuộc họp theo một phong cách khiến người ta thật khó mà tin được họ cũng là những con người có ỉa-đái, đổ máu-rơi nước mắt. Lụa và len cashmere, răng tẩy trắng, Prozac, laptop, và bữa trưa có món xăng uyých nhãn hiệu Thành Milan.

Frankfurt. Hành khách lại qua đêm ở một khu vực cách ly tương tự, cả ngàn linh hồn nằm vạ vật như trong nhà xác, cả khuôn mặt cũng được che khỏi ánh đèn tuýp lập lòe.

Như một tuyến xe buýt, New York-London-Frankfurt-Abu Dhabi-Dubai-Bahrain-Karachi-Delhi-Calcutta, chiếc máy bay lại hạ cánh cho hành khách từ những quốc gia vùng Vịnh leo lên. Họ vội vàng hối hả – Mau! Mau!... Mau!! – mở hành lý xách tay lôi ra rượu Scotch và tu thẳng bằng chai. Những tinh thể băng nhỏ bé cong queo đóng lại trên cửa sổ máy bay. Bên trong thì nóng. Biju ăn hết khay cari gà, rau muống với cơm, kem dâu, súc miệng vào cốc đựng kem, rồi hỏi xin một suất nữa. “Hiện tại chúng tôi không đủ suất ăn,” các cô tiếp viên nói. Họ bị đám đàn ông say khướt quấy

rối, huýt sáo, cầu véo khi họ đi qua, réo gọi tên họ, “Sheila! Raveena! Kusum! Nandita!”

Ngoài mùi mồ hôi, giờ lại thêm mùi nồng nặc của thức ăn và khói thuốc, mùi không khí tái sinh của cả máy bay, mùi hôi thối ngày càng tăng của nhà vệ sinh.

Biju giơ tay chào mình trước tấm gương trong nhà tắm. Vậy là cậu đang trên đường về nhà, không biết tên hay gì khác về tổng thống Mỹ, không biết tên con sông cậu vẫn lưu lại bên bờ, thậm chí không biết đến một địa điểm du lịch nào – không tượng Nữ thần Tự do, không Macy’s, Little Italy, cầu Brooklyn, Bảo tàng Nhập cư; không bánh mì bialy ở Barney Greengrass, không bánh bao ở Jimmy’s Shanghai, không nhà thờ phúc âm ở khu Harlem. Vượt đại dương cô độc, cậu trở về trong ý nghĩ rằng thứ hiểu biết ấy chỉ có thể khiến ta buồn.

Giờ đây, cậu tự hứa với mình, cậu sẽ quên đi quá khứ, sẽ bắt đầu lại. Cậu sẽ mua một chiếc taxi. Chỗ tiền tiết kiệm của cậu cũng ít ỏi thôi, cất trong giày, trong tất, trong quần lót, suốt từng ấy năm, nhưng cậu tin mình sẽ xoay sở được. Đến phiên chợ cậu sẽ lái xe ngược xuôi trên triền núi, trên bảng điều khiển trang trí kim tuyến và tượng thần, thêm một cái còi thật ngộ, *TIN TIN TIN* hoặc là *TÒ TÍ TE*. Rồi cậu sẽ xây một ngôi nhà, tường thật vững, mái thật chắc, không bay mất mỗi khi đến mùa gió nổi. Biju tua đi tua lại cảnh cha con gặp mặt như một cuốn phim trong đầu cậu, hơi khóc một tí khi tưởng tượng ra nhiều niềm vui và cảm xúc đến thế. Tối tối họ sẽ lại ngồi ngoài trời, uống *chhang*, kể chuyện cười theo kiểu cậu nghe lỏm được của mấy gã say trên máy bay:

Một hôm Santa Singh và Banta Singh chẳng có việc gì làm, nằm nhìn trời để giết thời gian, rồi bỗng một chiếc máy bay chiến đấu bay qua, lính trên máy bay nhảy dù xuống, leo lên xe jeep đã chờ sẵn giữa đồng, rồi cứ thế đi về. ‘*Arre, sala, sống thế mới là sống chứ,*’ Santa bảo Banta, ‘kiếm tiền kiểu ấy được đấy.’ Thế là họ đăng ký nhập ngũ và mấy tháng sau đã ngồi trên máy bay. ‘*Wahe Guruji Ka Khalsa, Wahe Guruji Ki Fateh,*’ Santa nói

rồi nhảy ra. ‘*Wake Guruji Ka Khalsa, Wahe Guruji Ki Fateh,*’ Banta nói rồi nhảy theo.

‘*Arre, Banta,*’ một giây sau Santa thốt lên, ‘cái dù *sala* này nó không mở.’

‘Ai Santa,’ Banta đáp, ‘của tớ cũng thế. Đúng là *intezaam* của nhà nước, rồi cậu xem, khi xuống đến nơi cũng chẳng thấy cái xe jeep *bhenchoot* ấy đâu đâu.’

bốn mươi sáu

Sai nhìn ra cửa sổ, nàng không hiểu có chuyện gì mà âm ỉ thế.

Ông tòa đang gọi toáng lên: “Mutt, Mutt.” Đã đến giờ nó ăn xúp và người đầu bếp đã nấu chả đậu nành Nutrinugget với bí đỏ và bỏ vào một viên xúp Maggi. Ông tòa rất lo khi nó phải ăn như thế, nhưng nó đã chén đến miếng thịt cuối cùng; ông đã phải nhịn và bắt cả Sai nhịn ăn thịt, còn người đầu bếp thì tất nhiên ngay từ đầu đã không có cái diêm phúc được ăn thịt rồi. Nhưng vẫn còn một ít bơ lạc cho Mutt phết với cha-patis, và cả sữa bột nữa.

Nhưng không thấy Mutt trả lời.

“Mutt, Mutt, xúp này...” Ông tòa đi một vòng quanh vườn, ra cổng, đi qua đi lại trên đường.

“Xúp xúp...”

“Mutt, Mutt? MUTT?” Giọng ông trở nên khắc khoải.

Đã qua chiều sang tối, sương mù đã ùa về, nhưng Mutt vẫn không xuất hiện.

Ông nhớ lại chuyện mấy gã trai mặc đồ phiến quân đến cướp súng. Mutt đã sủa, còn bọn chúng thì rú lên như một đám nữ sinh, chạy khỏi bậc cấp và rúm ró nấp sau bụi cây. Nhưng kỳ thực Mutt cũng sợ; nó không phải là con chó dũng cảm như chúng tưởng.

“MUTT-MUTT MUTTY-MUTTMUTTYMUTTMUTT?!”

Khi bóng tối đã bao trùm, nó vẫn chưa về.

Hơn bao giờ hết, ông cảm nhận rõ ràng một sự chuyển giao quyền lực thực sự ở Kalimpong khi màn đêm buông xuống. Ta không thể cưỡng lại một thứ bóng tối mạnh mẽ đến thế, quá đổi mênh mang, không có kẻ hở nào. Ông ra khỏi nhà mang theo cây đèn pin lớn nhất, soi vào rừng trong vô vọng; nghiêng tai nghe tiếng chó rùng; chờ đợi suốt đêm trước hiên nhà;

trên trời nhìn ra triền núi vô hình trước mặt, khi đèn lồng của mấy gã say rơi xuống như thể sao băng. Trước khi bình minh ló dạng, ông đã phát cuồng lên. Ông tìm đến mấy ngôi nhà *busti* lụp xụp để xem họ có thấy nó không; ông hỏi thăm người đưa sữa và bác hàng bánh, người đang ngồi nhà với cái thùng thiếc méo mó đựng món bích quy khari và bánh sữa khoai khẩu của Mutt.

“Không, không thấy *kutti*.”

Ông tòa nổi giận khi thấy người ta gọi nó là “*kutti*” nhưng vẫn phải kiềm chế, không dám quát vào mặt những người giờ đây có thể ông sẽ phải nhờ vả.

Ông hỏi anh thợ nước, anh thợ điện. Ông tuyệt vọng ra hiệu hỏi mấy ông thợ may điếc đã cắt cái chăn thành áo khoác mùa đông có khóa ở bụng cho Mutt.

Ông nhận được những khuôn mặt vô cảm, vài tiếng cười giận dữ. “*Saala Machoot...* không hiểu lão nghĩ gì. Mình lại đi tìm chó cho lão à?” Họ thấy bị sỉ nhục. “Đang lúc thế này. Đến ăn còn chẳng có!”

Ông gõ cửa nhà bà Thondup, Lola và Noni, bất cứ ai có thể có lòng, nếu không vì nể mặt ông, thì cũng vì Mutt hoặc vì nghề nghiệp, địa vị, tôn giáo của họ. (Ông thấy nhớ những nhà truyền giáo – họ nhất định sẽ thông cảm và có nghĩa vụ phải giúp đỡ.) Ai ông tìm đến cũng lập tức đưa ra phán quyết. Thời buổi này biết hy vọng vào đâu? Họ coi số phận của Mutt là chuyện đã rồi, và ông tòa chỉ muốn bóp cổ họ khi họ nói.

Bà Thondup hỏi: “Nó có đặt tiền không?”

Chưa bao giờ ông tòa nghĩ về nó theo cách đó, nhưng có, nó từng rất đắt tiền, được chuyển đến từ Calcutta trong chiếc lồng dành riêng cho chó xù lông đỏ. Đi cùng với nó là tờ giấy chứng nhận phả hệ: “Bố: Cecil. Mẹ: Ophelia.”

“*La ma ma ma ma*, bị bắt trộm rồi, ngài Thẩm phán ạ,” bà Thondup nói. “Hai con chó nhà tôi, Ping và Ting – chúng tôi mang tận Lhasa sang đây, thế mà vừa đến nơi con Ping đã biến mất. Thằng trộm giữ nó để gây

giống, bắt nó nhảy đực liên tục. Lờn quá còn gì? Cứ đi đến cây số mười ba, ngài sẽ thấy lũ hậu duệ thấp kém của con Ping chạy rông khắp nơi. Cuối cùng nó cũng trốn về được, nhưng tính nết đã hoàn toàn thay đổi.” Bà trở vào nạn nhân đang chăm chăm nhìn ông tòa, cái miệng già nua lòng thòng rớt dài.

Bác Potty: “Có kẻ định cướp nhà ngài rồi, Ngài Thẩm phán ạ – dọn dẹp chương ngại đây mà. Thăng cha Gobbo ngày xưa chả đánh bả con Kutta của tôi là gì.”

“Nhưng nhà tôi vừa bị cướp xong.”

“Thế tức là có kẻ khác định làm điều tương tự...”

Hai cô công chúa Afghan: “Con chó săn Afghan của chúng tôi cũng thế, hôm mất nó hai chị em tôi đang đi cùng phụ vương. Nó bị dân Naga ăn thịt, vâng, chúng ăn cả chó – chúng ăn thịt Frisky. Ngay cả nô lệ – vâng, chúng tôi có nô lệ – chúng tôi còn dọa giết họ, mà họ vẫn không kịp cứu được nó.”

Lola: “Dân Ấn Độ mình ác ở chỗ không có tình yêu động vật. Con chó con mèo chỉ để trút giận. Dân mình không dùng được – đánh đập, ném đá, hành hạ đến khi con vật lăn ra chết mới thôi, như thế là hả hê lắm – tốt! Vứt nó đấy! Đập chết nó đi! Xong phim! – như thế là thỏa mãn.”

Ông đã làm gì? Ông thật bất công với nó. Ông đã đẩy Mutt vào một nơi nó không bao giờ có thể sinh tồn, một miền đất dữ. Lũ chó trên đồi Bhutia – giống chó tai cụp thân đầy sẹo vì giao tranh, hàm méo mó vì bạo lực, tai cứng ngắc vì không ngừng tắm máu – biết đâu đã xé xác nó. Bóng đêm đặc dần trên mỗi con mương, loài hoa tươi tắn như bạch y của giáo hoàng nhưng lại gây ra ảo giác – biết đâu nó đã nuốt phải nhựa độc. Đôi rắn hổ mang – hai vợ chồng, cổ bạnh như lọ bánh, sống ở bờ mương sau Cho Oyu – biết đâu đã cắn nó. Lũ chó rừng bị đại, mắc chứng ảo giác, uống không được, ăn không được, biết đâu đã từ rừng mò ra, khát, khát đến cùng cực... Mới hai năm về trước, khi chúng đem dịch đại vào thị trấn, ông tòa đã cho Mutt tiêm

một liều vắc xin chẳng mấy ai đủ tiền mua. Ông đã cứu được nó trong khi lũ chó hoang bị quây lại và tàn sát từng xe đầy (cứ ngỡ chuyển xe duy nhất trong đời là dịp đổi sang đời nhưng lựa chỉ phải cười với vẫy đuôi) và có những nhà đã chết hết vì quá nghèo không mua nổi liều vắc xin ba nghìn rupee; nhân viên bệnh viện được lệnh thông báo hết thuốc vì sợ xảy ra bạo động. Xen kẽ những cơn điên vì bệnh dại là những phút giây tỉnh táo, khiến nạn nhân biết rõ điều gì đang xảy đến với mình, biết rõ điên nó ra làm sao, mùi vị thế nào...

Ông cứ ngỡ sự thận trọng của mình sẽ bảo vệ Mutt khỏi mọi nguy cơ có thể.

Cái giá của sự ngạo mạn ấy là quá đắt.

Ông tìm gặp viên chỉ huy phân khu từng đến Cho Oyu sau vụ cướp, nhưng thời buổi rối ren đã tác động đến bản chất tử tế của viên SDO. Ông ta không còn là người mê làm vườn từng tán tụng giàn hoa lạc tiên của ông tòa.

“Ngài thân mến,” ông ta bảo ông tòa, “bản thân tôi cũng rất yêu động vật, nhưng trong lúc này... chúng tôi không thể phung phí nhân lực...”

Ông ta đã cai cả món thuốc lá anh đào – thời buổi này mà cứ thế thì kế cũng chướng. Mỗi khi sự toàn vẹn của quốc gia bị đe dọa, người ta lại thấy cần phải quay về với sự khổ hạnh kiểu Gandhi, gạo-đậu, bánh mì roti-*namak*, ngày này qua ngày khác. Thật kinh khủng...

Ông tòa vẫn cố chấp, “Nhưng chẳng lẽ ông không thể làm gì...” và ông bắt đầu nổi cáu, vung tay múa chân.

“Một con chó! Ngài thẩm phán ạ, ngài nghĩ mà xem. Người ta đang giết nhau ngoài kia. Tôi biết làm sao được? Tất nhiên tôi rất nể trọng ngài... Tôi đã dành thời gian tiếp ngài mà không ngại bị coi là thiên vị... nhưng chúng ta đang trong tình trạng khẩn cấp. Calcutta và Delhi rất lo ngại về sự suy thoái nghiêm trọng của luật pháp và trật tự ở đây, và đây mới là điều tối hậu chúng ta phải nghĩ đến, phải không ạ? Tổ quốc. Mỗi người đều phải chịu thiệt thòi và tôi thấy không cần giải thích cho ai về trải nghiệm của ngài

trong chuyện này...” Viên SDO đóng đinh cái nhìn của mình lên ông tòa, khẳng định sự khiếm nhã cố ý của mình.

Ông tòa vào đồn cảnh sát, nghe thấy tiếng la hét của ai đó từ nhà trong vọng ra, mà ông cho là nhằm dọa dẫm ông và vùi tiền hối lộ.

Ông nhìn thẳng vào mấy viên cảnh sát trước mặt. Họ xác xược nhìn lại.

Họ đang chờ ở phòng ngoài, đợi đến lúc xông cả vào cho gã đó một bài học nhớ đời. Tất cả cười khẩy. “Ha, ha, ha. Đến vì con chó à! Chó ấy à? Ha ha ha ha... *Dở người!*” Đang cười cợt, họ chuyển sang giận dữ. “Đừng phiến hà nữa,” họ bảo.”Đi ra.”

Liệu họ có biết tên người họ bắt sau vụ cướp súng không? Ông tòa vẫn chưa bỏ cuộc. Một ý nghĩ thoáng qua: liệu gã có thể là thủ phạm không?

Người nào cơ?

Người họ buộc tội cướp súng của ông ấy... ông không có ý đổ lỗi cho cảnh sát, nhưng vợ và cha của anh ta đã đến kêu ca ở chỗ ông... Làm gì có ai như thế, họ nói, ông ba hoa gì thế? Giờ ông có định ngưng làm phiền chúng tôi và *đi ra không thì bảo?* Ở đằng sau, nạn nhân càng la hét dữ hơn, như thể gửi đến ông tòa một thông điệp không lấy gì làm nhẹ nhõm.

Ông không nghĩ ra được một hình phạt nào xứng đáng cho nhân loại. Con người không bằng loài cầm thú, một góc cũng không. Kiếp người đời bại, thối tha, trong khi có những sinh vật đẹp đẽ sống an nhiên trên trái đất này và không hề làm hại đến ai. “*Chúng ta* mới đáng chết,” ông những muốn òa lên khóc.

Cuộc đời đã phụ Mutt. Nó đã phụ cái đẹp; nó đã phụ sự hoàn mỹ. Nhưng vì xa lánh cuộc đời này, để giữ mình trong sạch, Mutt sẽ phải gánh chịu hậu quả.

Ông tòa đã mất uy... Dăm câu “ngài sahib *huzoor*” cho phải phép thì vẫn còn, nhưng giờ đây đó chỉ là chút thép vàng sót lại mà thôi; ông quá biết

thực tâm họ nghĩ gì.

Đột nhiên ông nghĩ đến lý do khiến mình sang Anh và gia nhập ICS; nó bỗng rõ ràng hơn bao giờ hết – nhưng giờ đây cái địa vị quyền uy ấy không còn nữa, nó đã tiêu tán cho bao năm giận đời ghét tọc cả rồi.

“Bích quy ơi, cún ơi, din din ơi, kẹo sữa ơi, khana ơi, ish-too ơi, nước thịt ơi, daha ơi, chalo ơi, bí bo ơi, bông xù ơi, doo-doo ơi, tũn ơi...”

Ông gào bằng hết thứ ngôn ngữ giữa Mutt và ông, trút những lời âu yếm yêu thương bay khắp dãy Himalaya, lắc sợi xích kêu keng keng như mọi khi ông vẫn làm khiến nó nhảy dựng lên – hấp! – bằng cả bốn chân, cứ như đứng trên gậy pogo vậy.

“Tũn ơi, baba ơi, gatô ơi...”

“Mutt ơi, thịt cừu ơi, lườn cừu bé bỏng ơi...” ông thốn thức, và rồi, “tha lỗi cho ta, chó yêu... Dù các người là ai, cũng làm ơn thả nó ra...”

Hình ảnh Mutt không ngừng thiêu đốt ông, những khi nó ngủ dưới ánh nắng, chống bốn chân lên trời để sưởi ấm cái bụng. Mới đây thôi ông còn dụ nó ăn món xúp bí đỏ chán ngắt bằng cách chạy quanh vườn và kêu vo vo như thể đó là một con côn trùng kỳ lạ, rồi tọng miếng bí vào cái miệng há-hốc-ngỡ ngàng của nó, còn nó thì nuốt vội nuốt vàng trong kinh ngạc.

Ông hình dung ra cả hai trên giường ấm áp: chúc ngủ ngon, chào buổi sáng.

Khi trời tối, quân đội bắt đầu đi tuần để đảm bảo lệnh giới nghiêm được tuân thủ nghiêm ngặt.

“Thưa ngài, ngài phải về nhà,” một người lính nói.

“Tránh ra,” ông nói bằng giọng Anh để dọa cho anh ta lùi lại, nhưng người lính vẫn lẻo đẻo đi theo và giữ khoảng cách an toàn đến khi ông tòa đành giận dữ quay về nhưng vẫn tỏ vẻ không vội vã.

Về nhà đi, cưng ơi, bé yêu của ta,
Công chúa Công tước Nữ hoàng của ta,
Soo-soo, Poo-poo, Cúc cu, ngoan ngoan hỡi quá,
Bé hư của ta,
Măm măm, đến giờ ăn tối rồi,
Kim cương Ngọc trai của ta,
Đến giờ uống trà rồi! Bích quy nhé!
Cưng ơi! Cưng à!
Bắt cái xương này!”

Nghe kỳ cục làm sao, khi chẳng có con chó nào để đón nhận những lời ấy.

Người lính vẫn nhũn nhặn đi theo, ngạc nhiên trước những gì thốt ra từ miệng ông tòa.

Có gì không ổn, anh kể cho vợ nghe khi về lại khu nhà dành cho quân nhân có gia đình, như những khối bê tông án ngữ trên mảnh đất hoang.

Có gì bất bình thường đang xảy ra.

“Hả?” vợ anh hỏi, cô mới về nhà chồng, đang cực kỳ thỏa mãn với cái nhà tắm hiện đại và những vật dụng làm bếp.

“Có gì mới biết được, mấy người già và vật nuôi của họ... em biết rồi đấy,” anh nói, “đủ thứ chuyện kỳ quặc...”

Rồi họ quên ngay chuyện đó, vì quân đội vẫn được chu cấp đầy đủ và chị vợ vừa bảo chồng rằng khẩu phần bơ phân phối nhiều đến mức họ có thể chia bớt cho họ hàng, dù như thế là trái với quy định, và rằng trong khi gà giò bình thường chỉ cỡ sáu đến tám trăm gam, con gà của họ nặng gần gấp đôi: không hiểu đại lý gia cầm của quân đội có tiêm nước vào không?

bốn mươi bảy

Trong khi đó, hậu quả của cuộc diễu hành là cảnh sát được tăng cường và tiến hành truy bắt thành viên của GNLF, càn quét các thôn làng hẻo lánh, hòng loại trừ những phần tử ủng hộ Gorkhaland trong phe Marxist, phe Quốc đại, cả trong số những người chẳng thuộc phe nào. Họ bố ráp các trại chèn đang đóng cửa; mấy viên quản lý rét chuyện phiến quân tấn công chủ đồn điền ở Assam đều đã lên máy bay riêng trốn về Calcutta.

Những đối tượng bị truy nã trên đường tẩu thoát lẫn trốn cảnh sát bằng cách ngủ lại ở những gia đình khá giả trong thị trấn – Lola và Noni, bà bác sĩ, hai cô công chúa Afghan, các viên chức về hưu, người Bengal, người ngoại tỉnh, bất kỳ nhà nào không thuộc diện khám xét.

Xuất hiện báo cáo về việc phiến quân qua lại biên giới giáp ranh với Nepal và Sikkim, việc các cựu chiến binh kiểm soát cuộc nổi dậy, tiến hành huấn luyện ngắn hạn về cách chế tạo bom, phục kích cảnh sát và đánh bom cầu cống. Nhưng ai cũng thấy đa số vẫn còn là trẻ con, học đòi phong cách của Rambo, trong đầu rập rập mấy chiêu kungfu và karate, cưỡi mô tô, xe jeep ăn cắp phóng âm âm, vui chơi thỏa thích. Trong túi sẵn tiền, trong tay sẵn súng. Chúng đang sống theo phim ảnh. Tới khi tàn cuộc thì chúng đã đánh bại thần tượng của mình và trở thành nguyên mẫu cho những bộ phim mới...

Đêm xuống, chúng đeo mặt nạ mò đến từng nhà, trèo cổng vào vợ vét. Gặp một phụ nữ trên đường về nhà ôm khư khư tấm khăn choàng, chúng bắt chị mở ra và cướp đi chỗ gạo và chút đường mà chị giấu giếm.

Đọc đường ra chợ, trên cây treo lủng lẳng tay chân của kẻ thù – bên nào và kẻ thù của ai? Đây là dịp để cho châu trời những kẻ mà ta ghét, để trả những mối gia thù huyết hận xa xưa. Tiếng kêu gào vẫn tiếp tục trong đồn cảnh sát, nhưng một chai Black Label vẫn có thể cứu được mạng người. Những người bị thương, ruột lòi ra được bọc da gà cho sạch, được cáng vôi

vàng đến cho bác sĩ khâu lại; người ta tìm thấy một xác chết bị vùi trong thùng rác, khắp người đầy vết dao chém, mắt bị móc ra...

Nhưng trong khi cư dân nơi đây kinh hãi vì bạo lực, họ cũng thường xuyên kinh ngạc trước sự tầm thường của nó. Phát hiện ra trái tim có thể ương ngạnh đến thế nào khi họ vô công rồi nghề ngồi chết gí trong nhà, nhận ra dù phải đối mặt với cái ác thối tha không tưởng, con người vẫn có thể thấy chán chường, vẫn ngáp, vẫn bị cuốn vào chuyện mất một chiếc tất, chuyện xóm giềng hục hặc, vẫn thấy cơn đói như con chuột nhắt nhảy nhót trong dạ dày, và vẫn, một lần nữa, trở lại với vấn đề bức bách là có gì dẫn bụng... Họ là như thế, cái phần tầm thường nhất trong con người họ, những kẻ hoàn toàn lạc lõng trước những câu hỏi lớn-lao-hơn-đời-sống, mắc kẹt giữa trận chiến của quá khứ và hiện tại, công lý và bất công – những kẻ bình thường nhất bị cuốn vào thù hận phi thường, bởi thù hận phi thường, nói cho cùng, cũng chỉ là một sự kiện tầm thường mà thôi.

bốn mươi tám

Sau Delhi, chuyến bay của Gulf Air hạ cánh xuống sân bay Dum Dum ở Calcutta. Biju lại ngửi thấy mùi đặc trưng của nền nhà khử trùng bằng phenyl dưới bàn tay một bà lao công vừa nghèo khó vừa có thiên khiếu làm người khác cực kỳ khó chịu. Mắt nhìn xuống, lạch bạch đi đất với cái giẻ lau bẩn thiu, bà ta cho một số du khách lần đầu tiên biết đến thứ hỗn hợp mạnh mẽ ấy của lòng cảm thông sâu sắc và sự khó chịu sâu sắc.

Một đám đông nhốn nháo tụ tập quanh băng chuyền hành lý, vì có đến mấy chuyến bay hạ cánh cùng lúc và những mẫu người Ấn Độ hiện diện ở đây thậm chí còn nhiều hơn trên chuyến bay của Gulf Air, quay về với cái máng lợn sau khi đã từ từ tiến hóa lên những chỗ thơm thảo hơn ở nước ngoài. Có anh trưởng giả trẻ tuổi mới tìm hiểu về rượu vang, có người vẫn giữ nếp văn hóa cũ và đi lễ ở Bern hay đâu đó. Có gã dân chơi nghe nhạc Bhangra, đeo khuyên tai, mặc quần hộp. Có gã hippie là minh chứng cho một thực tế rằng anh có thể thoát khỏi kiếp sống nhập cư tẻ nhạt và làm một anh chàng Ấn Độ vui chơi thỏa thích trong giới mặc đồ tie-dye, huyền thuyên đủ thứ Hindu-mantra-Tantra-Mẹ-Đất-thổ dân-năng lượng độc nhất-hữu cơ-*Shakti*-cần sa-pha lê-pháp sư-trực giác. Có những lập trình viên đã trở thành triệu phú. Lái xe taxi, người dọn toilet, những doanh nhân trẻ áo quần thẳng thơm muốn tỏ ra sành điệu bằng cách mời bạn bè đến nếm thử “mòn cari cay lòi mắt, xem ông ăn cay được đến đâu?”

Người Ấn ở nước ngoài, người Ấn ra nước ngoài, người giàu nhất và nghèo nhất, người đi đi về về để giữ thẻ xanh. Cậu sinh viên Ấn đưa về một cô gái tóc vàng hoe, vờ như không có gì, cố ra vẻ thoải mái, kỳ thực từng tế bào căng ra cảnh giác: “Thôi nào, tình yêu không phân biệt màu da...” Cậu *chẳng may sơ sẩy mà thành ra điển hình*; cậu là hàng thật *chẳng may lại thành khuôn sáo...*

Sau lưng cậu, hai cô gái Ấn Độ làm bộ nôn ọe.

“Chắc vừa xuống máy bay đã vô lấy một ả Mỹ để kiểm thẻ xanh, không cần biết cô ả là người hay là ngợm. Mà ngợm thật ấy chứ!!!!”

“Phụ nữ nước ta là xinh nhất thế giới,” một người đàn ông thành thực nói với hai cô gái, có lẽ anh ta sợ họ thấy tổn thương, nhưng nghe như anh đang cố an ủi chính mình.

“Phải, phụ nữ nước ta tốt nhất thế giới,” một bà khác nói, “còn đàn ông nước ta thì chắc chắn là một lũ *gadha* tồi tệ nhất trên toàn thế giới.”

“Dadi Amma!” mọi người gọi tướng lên. “Dadi Amma!” Một bà cụ, váy xắn quai cồng sẵn sàng xung trận để lộ tứ chi, đôi tất da chân và cặp giò lông lá, kéo xe hành lý chạy phăm phăm, đập lọc xọc vào mắt cá, rồi leo phắt lên băng chuyền.

Hai người đàn ông nét mặt lộ vẻ khinh bỉ, vừa xuống chuyến bay của Air France đang hỏi chuyện nhau, vẻ dè dặt, “Anh ở đâu về?”

“Ohio.”

“Columbus à?”

“Không, ra ngoài một chút.”

“Ở đâu?”

“Thị trấn nhỏ ấy mà, anh không biết đâu.”

“Paris, Ohio.” Anh ta nói, hơi có vẻ đề phòng. “Còn anh?”

“Nam Dakota.”

Nét mặt anh ta tươi lên. “Thử nhìn xem,” anh ta nói, trở ra xung quanh, giải tỏa sự nặng nề cho cả hai, “mỗi lần trở lại mình đều nghĩ là sẽ có thay đổi, nhưng đâu vẫn hoàn đấy.”

“Đúng thế,” người kia nói. “Chả ai muốn nói đâu, nhưng không nói không được. Nhiều nước không khá lên nổi cũng là có lý do của nó cả...”

Họ đang chờ vali, nhưng không thấy đâu.

Nhiều hành lý không đến nơi và Biju nghe lỏm được cuộc cãi vã ở quầy của Air France nơi hành khách phải điền tờ khai hành lý thất lạc:

“Họ chỉ bồi thường cho Ấn kiều và cho người nước ngoài, còn công dân Ấn Độ thì không, TẠI SAO?” Tất cả công dân Ấn Độ đều làm âm lên, “Bất công bất công BẤT CÔNG BẤT CÔNG!”

“Đây là chính sách của Air France thưa ngài,” nhân viên nọ nói, cố gắng xoa dịu họ, “Người nước ngoài cần tiền để thuê khách sạn/mua bàn chải...”

“Thế, nhà tôi tận Jalpaiguri, bọn tôi còn phải đi tiếp,” một phụ nữ nói, “giờ chúng tôi phải ở lại qua đêm để chờ hành lý... Anh lý luận kiểu gì vậy? Chúng tôi cũng trả tiền như ai. Người nước ngoài thì được nhiều, người Ấn Độ thì được ít. Nước giàu thì đối xử tử tế, nước nghèo thì coi chẳng ra gì. Nhục. Đâu ra cái thứ chính sách bất công với chính đồng bào mình như thế??”

“Đây là chính sách CỦA Air France, thưa bà,” anh ta nhắc lại. Như thế ném toẹt ra mấy tiếng *Paris* hay *châu Âu* thì sẽ ngay lập tức dọa được nhau, khẳng định được sự liêm chính, và tắt đài mọi phản đối.

“Quần lót bẩn thế này thì làm sao mà tôi đi Jalpaiguri được? Người tôi hôi hám thế này, đến lại gần người khác cũng đã thấy ê mặt,” người phụ nữ đó tiếp tục, lấy tay bịt mũi và làm bộ nhăn nhó để cho thấy đến mình còn xấu hổ khi ở gần bản thân.

Tất cả NRI²⁹ đều cầm thẻ xanh và hộ chiếu, nhìn rất thỏa mãn và văn minh lịch sự. Đời nó là như thế, phải không? May mắn chất chồng may mắn. Họ lăm tiền nhiều của và chính vì lăm tiền nhiều của nên họ sẽ càng lăm của nhiều tiền. Với họ xếp hàng không thành vấn đề, họ kiên nhẫn chờ đợi, thể hiện rằng họ không cần tranh đấu nữa; phong thái của họ cho thấy họ được chăm sóc chu đáo nhường nào. Và họ không thể chờ đến lúc được mua sắm – “Mua sắm *ke liye jaenge, bhel puri khaenge... dollar me kamaenge, pum pum pum*. Công may chỉ có tám rupee, chỉ hai mươi hai xu!” họ sẽ nói, hân hoan quy đổi tất cả sang tiền Mỹ; và trong khi hàng hóa được quy ra dol-lar, tiền boa cho nhân viên phục vụ lại được tính bằng đồng nội tệ: “Một trăm

năm mươi rupee á, có điên không? Cho nó một trăm thôi, thế đã là quá nhiều rồi.”

Một cô chị ở Calcutta ra đón một cô em ở Chicago “nhờ đô-na mà cao giá, nhờ đô-na mà cao giá,” đã phát hiện mằm mống đầu tiên của một lòng căm ghét cùi hủi đủ sức ăn mòn tất cả, đến lúc nào đó sẽ đục ruỗng cả một gia đình từ bên trong không thể nào cứu vãn.

Hộ chiếu Mỹ, Anh và Ấn Độ đều cùng một màu xanh nước biển, và những NRI cẩn thận lật mặt phải lên, để nhân viên hàng không còn nhìn thấy tên nước và biết đường mà đối xử cho đàng hoàng.

Thế nhưng như thế cũng có một cái bất lợi, vì rằng dù nhân viên của Air France có thể đã được chỉ đạo phải phân biệt đối xử, nhưng ở một khâu nào đó – nhập cảnh, kiểm tra hành lý, an ninh – anh vẫn có thể gặp phải một tay nhân viên hận đời hay có máu dân tộc chủ nghĩa sẽ bới bèo ra bọ để từ từ hành hạ anh. “Á à tị đây mà, tị đây mà” – họ tiêm ngừa trước để khỏi mắc phải sự công kích nào trong quá trình làm thủ tục – “à chẳng qua là tị, tị với đô na của mình đây mà.”

“Thôi, chúc anh sống sót quay về,” anh Ohio bảo anh Nam Dakota, sau khi họ đã điền vào tờ khai, lòng hớn hở gấp đôi, một là vì tiền của Air France, hai là hành lý đã được tái xác nhận đầy đủ: “Hơ hơ, Ấn Độ vô dụng, chính ra mình phải tiên liệu được chuyện này, đặc Ấn Độ, đặc Ấn Độ!”

Họ đi qua chỗ Biju đang kiểm tra đóng hành lý vừa đến nơi, và đến nơi nguyên đai nguyên kiện.

“Nhưng sai sót xảy ra ở *Pháp cơ mà*,” ai đó nói, “có ở đây đâu. Bên đó họ không chuyển vali lên.”

Nhưng bọn họ thỏa mãn quá rồi nên chẳng buồn để ý.

“Chúc may mắn,” họ vẫy vai nhau và nói lời chia tay, rồi anh Ohio bỏ đi, hớn hở vì có câu chuyện mất túi lặn lưng – để phản pháo lại ông bố, vì

anh biết ông cụ không tự hào về mình? Có nhẽ đâu thế? Nhưng mà thế thật.

Anh biết ông cụ nghĩ gì: rằng chuyện nhập cư rất thường được coi là hành động anh hùng ấy hoàn toàn có thể là điều ngược lại; rằng chính hèn nhát đã dẫn nhiều người đến Mỹ; hành trình ấy ghi dấu sự sợ hãi, không phải lòng dũng cảm; một khát khao sâu kiến lẩn trốn đến nơi anh chẳng bao giờ phải thấy cảnh nghèo, hay đúng hơn là chẳng bao giờ phải tranh đấu với lương tri; nơi chẳng bao giờ phải nghe lời cầu xin của họ hàng đang đi ở, đi xin, phá sản, và nơi chẳng bao giờ có ai công khai đòi anh hào phóng; nơi chỉ cần trông nom vợ-con-chó-vườn đến nơi đến chốn là đủ để anh thấy mình đạo đức. Tận hưởng cảm giác nhẹ nhõm được làm một loài cây chiết vô danh đối với người bản xứ và che giấu những sở kiến có được từ chuyến di cư. Ohio là miền đất đầu tiên anh yêu quý, vì ở đó cuối cùng anh đã được ung dung...

Nhưng rồi ông cụ ghé mắt nhìn anh, ngời bắt chân buông quần lá tọa và thũng thẳng xia răng, và anh biết ông cụ coi đó là sự tự tin có được nhờ đặt mình vào một vị thế nhược tiểu. Và đứa con sẽ không kìm nổi cơn giận của mình: Ghen tị, ghen tị với cả con đẻ của mình, anh ta sẽ nghĩ vậy, sự ghen tị, thói cay cú của thế giới thứ ba...

Có lần, bố anh đã sang Mỹ, và ông cụ tỏ ra dửng dưng, kể cả trước kích thước của ngôi nhà.

“Thế thì sao? Rộng lắm cũng chẳng để làm gì, chỉ tốn phí nước, phí điện, phí sưởi, phí điều hòa, chẳng khôn ngoan tí nào, hả? Muốn đi chợ lại phải lái xe mất nửa tiếng đồng hồ! Thế mà cũng gọi là thế giới thứ nhất à???

Ek dum bekaart!”

Ông bố và món xúc xích: “Xúc xích chán, bánh mì chán, sốt cà chua chán, đến mù tạt cũng chán luôn. Mà hiệu ăn Mỹ hẳn hoi nhé! Xúc xích ở Calcutta còn ngon gấp vạn!”

Giờ thì ông con đã có câu chuyện mất hành lý.

Biju rời sân bay bước ra giữa trời đêm Calcutta ấm nồng như bầu sữa mẹ. Đôi chân cậu chìm trong lớp bụi mịn màng rắc rải dưới chân mình, và

trong cậu trào lên một xúc cảm bất kham, ưu sầu mà êm ái, cũ kỹ mà ngọt ngào, như hồi ức của một em bé thiếp đi trong lòng mẹ. Trên phố vẫn đông nghịt những người dù đã sắp mười một giờ đêm. Cậu thấy một đôi dê râu dài thanh tú ngồi xe kéo trên đường đến lò mổ. Một hội mấy ông già mặt dê đẹp lão đang hút thuốc lá cuộn. Một giáo đường với những ngọn tháp rực sáng một sắc xanh huyền ảo trong đêm, một nhóm phụ nữ mặc burka đang bước đi hối hả, vòng tay kêu leng keng dưới lớp áo choàng đen, và một hàng bánh kẹo đầy sắc màu huyền ảo. Bánh mì roti nhào lộn trong không trung như làm xiếc, điểm xuyết bầu trời trên đầu một nhà hàng treo biển “Có thực mới vực được đạo”. Biju đứng đó giữa trời đêm êm đềm ấm áp và bụi bặm như một tấm sari. Cái bình đạm ngọt ngào của quê nhà – cậu thấy xung quanh mọi thứ như đang chuyển động và lách cách vào vị trí, thấy mình từ từ thu nhỏ lại, nổi phấp phồng làm một người nước ngoài từ từ tan biến – cái kiên cường và hồ thẹn quá sức chịu đựng của đời nhập cư. Ở đây không ai để ý đến cậu, và nếu họ có nói gì thì lời lẽ cũng nhẹ nhàng, vô tư lự. Cậu nhìn quanh và lần đầu tiên, sau bao lâu rồi chỉ có Chúa là biết được, vạn vật thôi nhòa nhạt và cậu thấy mình lại nhìn rõ như xưa.

bốn mươi chín

Ông tòa quỳ sụp xuống, và ông cầu Trời, ông, Jemubhai Popatlal kẻ vô thần, kẻ đã thực hiện một chuyến đi dài và gian khổ để rũ bỏ lời cầu khẩn của gia đình, kẻ đã từ chối không ném quả dứa xuống nước để phù hộ cho hành trình của mình nhiều năm về trước trên boong tàu SS *Strathnaver*.

“Nếu ông trả Mutt lại, tôi sẽ công khai thừa nhận ông, *tôi sẽ không bao giờ chối bỏ ông nữa*, tôi sẽ tuyên bố rằng tôi tin ở ông – ông – nếu ông trả Mutt lại...”

Rồi ông đứng dậy. Ông đang từ bỏ học vấn của mình, trở lại làm một kẻ mê tín mặc cả với thần linh và dâng đồ hiến tế, đánh cược với số phận, phỉn nịnh và thách thức bất kỳ điều gì tồn tại ngoài kia...

Chứng minh đi nếu ông tồn tại!

Bằng không tôi sẽ biết ông chẳng là gì.

Chẳng là gì! Chẳng là gì! – ông nhạo báng.

Nhưng về đêm, ý nghĩ ấy trở lại trong óc ông...

Phải chăng đây là đức tin ông từng chối bỏ, phải chăng đây là quả báo?

Cho những tội lỗi ông gây ra mà không tòa án nhân gian nào xử được. Nhưng ông biết, sức nặng của chúng trên bàn cân không vì thế mà giảm bớt, không vì thế mà suy yếu chút nào... Nhưng ai có thể báo ứng ông? Ông không tin vào cơn giận của trời già trên cán cân công lý. Dĩ nhiên là không. Vũ trụ này có bao giờ lo chuyện cầm cân nảy mực. Chỉ có sự ngạo mạn rất con người của ông thôi – cho đến ngày ông sáng mắt ra.

Rồi ông nghĩ đến gia đình, cái gia đình mà ông ruồng bỏ.

Ông nghĩ đến người cha đã nuôi dưỡng ông bằng sức mạnh, hy vọng và tình yêu, để rồi bị ông trở mặt phỉ nhổ. Rồi ông nghĩ đến việc đuổi Nimi vợ ông về nhà mẹ đẻ. Khi đó Bomanbhai Patei chủ nhân của tòa *haveli* điêu khắc tinh xảo đã qua đời, và một ông em đã tiếm ngôi, cái điều bất hạnh của

Bomanbhai – toàn con gái, không có con trai – đã báo ứng ngay sau khi ông ta qua đời.

Ông tòa hồi tưởng lại chính xác vì sao ông lại đuổi vợ mình về nhà mẹ đẻ. Tất cả gắn liền với một sự cố cụ thể.

Sáng sớm nọ ở Bonda, một chiếc ô tô dừng lại và các bà ulla ra như hoa, bà dân biểu nhiệt thành Mohan ngồi sau tay lái. Bà ta trông thấy Nimi trước cổng nhà Jemubhai: “Ô kìa bà Patel, đi cùng chúng tôi nhé – sao lúc nào cũng không? Lần này là tôi không chịu đâu! Đi đi, vui vẻ một tí. Thịnh thoảng bà cũng phải ra khỏi nhà chứ.”

Nửa vui mừng, nửa sợ hãi, cô nhận ra mình đang ngồi trên xe trong lòng một người lạ. Họ lái xe ra ga và buộc phải đỗ lại ngoài xa, vì hàng ngàn người đang tụ tập biểu tình: “Ách đô hộ thực dân Anh *murdabad!*” Họ dừng lại trong chốc lát, rồi theo đoàn xe tới một ngôi nhà.

Trước mặt Nimi là một đĩa trứng chưng và bánh mì nướng, nhưng cô không dám ăn vì xung quanh quá náo nhiệt, quá đông người, ai nấy đều hò hét và tranh cãi. Cô cố cười với một em bé, nhưng mãi một lúc sau đứa nhỏ mới nhớ ra cách vận động cơ mặt và cười đáp lại khi đã quá muộn.

Cuối cùng, một giọng nói cất lên, “Nhanh lên, tàu sắp chạy rồi, chúng ta phải ra ga thôi,” và phần đông lại túa ra khỏi nhà. Một trong số những người ở lại đưa Nimi về nhà và chuyện tới đây là hết.

“Chúng ta đã góp phần viết nên lịch sử đấy, bà Patel ạ. nay bà đã gặp một trong những con người vĩ đại nhất Ấn Độ.”

Đó là ai thế? Cô cũng chịu.

Ông tòa, vừa trở về sau chuyến du ngoạn – trong nhật ký đi săn có thêm năm con gà gô, hai con chim cú, một con hươu – đã được viên trưởng công tố triệu kiến và nhận được cái tin bất ngờ là vợ mình đã tham gia ủy

ban chào mừng Nehru ở Nhà ga Cantonment. Bà nhà đã dùng món trứng chưng và bánh mì nướng cùng những nhân vật cao cấp của Đảng Quốc đại.

Điều khiến ngài trưởng công tố phiền lòng không phải là chuyện vụ này sẽ thành một vết đen trong lý lịch của Jemubhai, cản trở hoạn lộ của ông, mà là sự nhục nhã đối với chính bản thân ngài và với toàn thể lực lượng viên chức trước giờ vốn rất có, ngài đập bàn đánh thình một cái, “Thanh danh, mẹ kiếp!”

“Không thể thế được, thưa ngài. Vợ tôi là người rất cố điển. Như ngài biết đấy, cô ấy dè dặt đến nỗi không tham gia câu lạc bộ. Kỳ thực cô ấy chưa bao giờ ra khỏi nhà.”

“Lần này thì có đấy, phải rồi, có đấy. Chính mẫu người cố điển mới càng cần để mắt, ông Patel ạ. Không hoàn toàn nhút nhát như ông tưởng đâu – chẳng qua chỉ là bình phong thôi. Tôi nghĩ ông khó mà bác bỏ được chuyện này, vì chúng ta có sự xác nhận của không chỉ một người. Tôi tin rằng sẽ không có ai trong gia đình ông,” ông ta ngừng lời, “có hành động gì ảnh hưởng đến sự nghiệp của ông lần nữa. Chỗ bạn bè, tôi lưu ý ông đấy, ông Patel ạ.”

Cái mặt không chơi được. Ông Singh ghét Jemubhai, ghét dân Gujarat và cụ thể là ghét mấy thằng cha họ Patel, lúc nào cũng rình mò tư lợi như lũ chó rừng.

Jemubhai lái xe dọc bờ kênh về nhà. Ông ta biết tai mắt của bọn họ rất nhạy bén, nhưng hàm răng ông vẫn nghiến lại nhả ra: Sao lại thế được?

“Vì lòng tốt nên tôi mới mời bà nhà,” bà Mohan đáp khi bị Jemubhai chất vấn.

“Vì tinh ma quỷ quái thì có,” Jemubhai nổi đóa.

“Vì nghịch ngợm thôi,” ông Mohan nói, bỏ cái kẹo mithai vào miệng bà Mohan để chúc mừng bà vợ sành sỏi chính trị của mình.

Nhưng Nimi sẽ nói gì?

Ông quay lưng về phía cô khi cô bước vào. Ông chậm rãi pha đồ uống, rót một ly Scotch lóng lánh đầy dữ dội, dùng cái kẹp hình còng cua gấp đá cục thả vào trong cốc. Mấy viên đá nứt ra và bốc khói.

“Cái gì thế?” ông hỏi, lắc lắc mấy cục đá và quay lại, nét mặt như thể sắp thẳng đường xử án, sẵn sàng tuân thủ một trình tự logic cẩn trọng.

Ông uống một hơi, rượu whisky làm thực quản ông tê đi. Rồi cảm giác tê dại ấy lan tỏa ra thành một luồng hơi nóng dễ chịu.

Ông đếm từng ngón trên bàn tay còn lại:

1. “Có phải cô là một con nhà quê cục mịch không?”

Ngừng lại.

2. “Có phải cô là một kẻ nói dối không?”

Ngừng lại.

3. “Có phải cô đú đờn mấy trò đàn bà nhảm nhí không?”

Ngừng lại.

4. “Có phải cô cố tình chọc tức tôi không?” Ngừng lại rất rất lâu.

Rồi một câu nói cay độc phun ra:

5. “Hay chẳng qua là vì cô cực kỳ ngu xuẩn?”

Không thấy cô nói gì, ông đợi.

“Cô là loại nào trong số đó? Cô chưa trả lời thì chưa xong với tôi đâu.”

Đợi lâu hơn.

“Loại nào? Cô có phải đồ ngu không, tôi hỏi cô đấy?!”

Im lặng.

“À, tôi buộc phải kết luận rằng cô là tất cả những loại ấy. Có phải thế không??”

Với nỗi sợ hãi lớn dần theo từng chữ thốt lên, cô tìm lại dũng khí của cái đêm bông nhồi phấn ấy và thách thức ông. Trước sự kinh ngạc của ông

và sự kinh hãi của chính mình, như thể trong một phút giây tỉnh táo trước giờ lâm tử, cô bật ra: “Anh mới chính là đồ ngu.”

Lần đầu tiên ông đánh cô, dù trước nay ông vẫn muốn làm như vậy và phải cưỡng lại ham muốn ấy. Ông trút cốc nước lên đầu cô, để nước ròn ròn chảy xuống gương mặt với ông đã không còn xinh đẹp nữa, đổ đầy hai tai cô thứ soda đang sủi bọt. Và rồi, khi như thế vẫn còn chưa hả giận, nắm đấm của ông liền giáng xuống, ông vung tay lên rồi nện xuống, hết lần này đến lần khác, nhịp nhàng, đều đặn, cho đến khi đôi tay tê dại, và hai vai ông sang ngày hôm sau vẫn còn nhức nhối như vừa chẻ củi. Thậm chí ông còn hơi tập tễnh, chân đau vì đã đá cô.

“Con nặc nô đần độn, đồ đĩ rạc thối tha!” Càng chửi, ông càng thấy mình có sức đánh mạnh hơn.

Sáng hôm sau, những vết thâm tím hiện lên trong sự tương phản tàn khốc với cảnh văn minh sung túc – trứng trong chén, vỏ ấm trên bình trà, báo mới. Mấy tuần sau chúng vẫn chưa tan. Cánh tay cô hằn lên mười vết ngón tay xanh đen, sườn cô lờ mờ một đám mây đông sẫm màu, chỗ ông đẩy cô vào tường – một đám mây tản mát kỳ lạ sau một cú đẩy mạnh và chính xác nhường ấy.

Cơn giận, một khi được phóng thích, cũng như một gã thần đèn, không bao giờ thu về được. Cô càng im lặng, ông càng chửi rủa, nếu cô phản kháng thì còn tệ hơn. Cô mau chóng nhận ra dù cô làm gì hay không làm gì, hậu quả vẫn không thay đổi. Lòng căm thù của ông là một sinh vật tự thân, tự bùng cháy, tự lụi tàn, tự tái sinh theo ý nó, còn cô chỉ là nơi ông hợp pháp nó, hoàn thiện nó. Trong những giây phút thuần khiết nhất, ông có thể tưởng tượng ra mình giết chết cô.

Càng lúc ông càng trở nên thận trọng, tỉ mỉ về mọi mặt trong đời sống – công việc, tắm rửa, chải đầu – bất an khi nhận ra rằng ông sẽ dễ dàng mất kiểm soát và hủy hoại sự nghiệp của mình khi thực hiện một hành động bạo lực cuối cùng.

Xuân về ở Bonda trong những sắc màu như trắng sữa, lũ sâu bướm, thằn lằn và ếch nhái mới nở nhảy lóc chóc và bò tứ tung trong những hình hài bé bỏng đáng yêu. Ông không chịu nổi cái mặt cô nữa, bèn mua vé và trả cô về Gujarat.

“Tôi không thể quay về được,” Nimi nói, bưng tỉnh khỏi trạng thái đờ đẫn. Về phần mình, cô có thể nhận ngay – thật ra đó sẽ như một niềm an ủi, một nơi tắm tối cho cô ẩn náu – nhưng còn gia đình cô – cô không chịu đựng nổi ý nghĩ về nỗi nhục nhã gia đình sẽ phải gánh chịu vì cô.

“Nếu tôi không trả cô về,” lúc này ông nói với cô bằng một giọng gần như chân tình, “tôi sẽ giết cô mất. Mà tôi thì không muốn bị kết cái tội ấy, cho nên cô phải về thôi.”

Sáu tháng sau, một bức điện gửi đến Bonda báo tin một đứa trẻ ra đời.

Đêm đó Jemubhai say, không phải vì sung sướng. Không cần nhìn mặt đứa con, ông cũng biết thừa trông nó thế nào: đỏ như một vết rộp, kêu vẳng lên như cái ấm nước, đá ỉa tứ tung, tỏa ra từng luồng hơi nóng và giận dữ.

Cách đó rất xa, Nimi đang đau đầu nhìn con gái. Cô bé rất chóng ngủ, và trong những tháng đầu đời, bình yên dường như đã ăn sâu vào tâm hồn đứa trẻ.

“Vợ cháu đã sẵn sàng quay lại. Nó đã được nghỉ ngơi,” ông chú ở tòa *haveli* viết, tràn trề hy vọng. Ông ta đã hiểu nhầm lý do Nimi trở về nhà và tưởng rằng đó là Jemubhai lo cho sức khỏe vợ mình, bởi nói cho cùng thì đón con gái về nhà sinh con đầu lòng cũng là điều hợp lẽ. Họ hy vọng đứa trẻ sẽ đưa người cha trở lại với họ hàng. Anh ta giờ đã quyền cao chức trọng – biết đâu cả họ sẽ được nhờ.

Jemu gửi tiền về kèm theo một lá thư. “Như thế không tiện,” ông phúc đáp. “Công việc của tôi là vậy. Không có trường học. Công cán thường

xuyên...”

Ông chú trở mặt với cô cháu gái ngay từ ngoài cửa. “Chồng mày phải có trách nhiệm với mày,” ông ta giận dữ nói. “Cút về đi. Lúc lấy chồng bố mày đã cho hồi môn rồi – mày đã có phần và con gái đã về nhà chồng thì không có quyền đòi hỏi thêm gì nữa. Nếu mày nhớ làm chồng phật ý thì đi mà xin nó tha thứ.”

Quay về đi mà, cháu yêu cháu quý của ta.

Cô đã sống nốt phần đời còn lại với người chị gái không có được cuộc hôn nhân thành công và danh giá như Nimi. Mỗi miếng Nimi ăn đều làm người anh rể khó chịu. Anh ta để mắt đến từng dấu hiệu cho thấy cô béo lên dưới sự đùm bọc hào phóng của mình.

Cha của Jemubhai tìm đến cầu xin.

“Danh giá nhà ta thế là mất cả. Ớn Trời, may mà Bomanbhai đã chết rồi. Bây giờ cả thị trấn đang đàm tiếu.”

“Sao bố lại nói thế?” ông bảo cha mình. “Bố đang nhại lại bài của một kẻ quê mùa dốt nát đấy. Cô ta không xứng làm vợ tôi.”

“Tao đã sai lầm khi cho mày đi học. Mày đã thành ra người đứng nước lũ với cả họ hàng.”

“Chính bố đã gửi tôi đi và bây giờ bố lại bảo đó là một sai lầm! Tốt thôi.” Ông đã được tuyển dụng để đưa đồng bào tiến lên thời hiện đại, nhưng ông chỉ có thể thực hiện điều đó bằng cách đoạn tuyệt hoàn toàn với họ, nếu không họ sẽ xuất hiện trong oán thán, bóc trần sự giả dối mà ông đã trở thành.

Cha ông chỉ lưu lại hai đêm. Họ không nói gì nhiều sau cuộc trò chuyện đầu tiên, và Jemubhai cũng không hỏi thăm ai ở Piphit, vì ông thấy

làm như vậy chẳng khác gì nhạo báng. Nhưng khi cha ông ra về, ông cố đưa cho ông cụ ít tiền, cố dấm dúi chuyền qua giữa những bàn tay. Ông cụ không nhận, ngoảnh mặt đi, leo lên xe. Ông tòa thấy mình nên gọi ông cụ lại, định làm vậy, lời lẽ đã lên đến cổ họng – nhưng rồi ông im lặng, và người lái xe đưa ông cụ trở lại nhà ga, nơi trước đó không lâu Nimi đã gặp Nehru mà không biết.

Chiến tranh bùng nổ ở châu Âu và Ấn Độ, lan đến tận thôn làng, tin tức về đất nước tan rã ngập tràn trên báo; gần một triệu người đã chết vì bạo loạn, ba đến bốn triệu người chết vì nạn đói ở Bengal, mười ba triệu người bị đuổi khỏi nhà; sự ra đời của quốc gia này đang chìm trong u tối. Cũng đúng thôi.

Ông tòa làm việc miệt mài hơn bao giờ hết. Sự ra đi của người Anh đã để lại một khoảng trống quyền lực, mọi thành viên người Ấn trong ICS đều leo lên đầu số, bất kể họ theo phe nào trong phong trào độc lập, bất kể năng lực và trình độ chuyên môn.

Đâu đó giữa những tháng năm u ám ấy, một bức điện thứ hai xuất hiện, bức điện này đến trước bức điện báo rằng Sai sắp đến Cho Oyu.

Một phụ nữ đã chết cháy trên bếp lò.

Ôi, cái xứ này, họ than thở, lấy làm sung sướng được thốt ra câu cửa miệng, mạng người thì rẻ mạt, tiêu chuẩn thì thấp kém, bếp lò thì xây dối và sari rẻ tiền bắt lửa cũng dễ dàng... . . .

... như anh muốn một phụ nữ chết, hay là...

... ờ, như một phụ nữ muốn tự sát...

... không nhân chứng, không thành án...

... quá ư đơn giản, chỉ nhấc tay một cái là xong...

... và với cảnh sát, một vụ việc quá ư đơn giản, chỉ nhấc tay một cái là xong...

... những đồng rupee nhờn mỡ tuồn qua giữa những bàn tay...

“Cảm ơn ngài,” một viên cảnh sát nói.

“Có gì đâu mà ơn với huệ,” người anh rể đáp.

Và chỉ trong nháy mắt anh đã có thể bỏ qua tất cả.

Ông tòa quyết định tin rằng đó là một tai nạn.

Tro bụi không trọng lượng, không hút léo, nó cứ chế bay lên, quá phù du cho tội lỗi; quá hời hợt cho trọng lực, nó bốc lên cao dần và, may thay, biến mất.

Với nhiều người, những năm tháng ấy rất nhạt nhòa, và khi họ từ đó bước ra trong kiệt quệ, cả thế gian đã thay đổi, mọi thứ đều có khoảng trống – những gì đã xảy ra ngay trong nhà họ, những gì đã xảy ra đâu đó, thối rữa như một dịch bệnh lây lan khắp nơi trong một thế giới giờ đây đầy những nấm mộ vô danh – họ không nhìn, vì họ không đủ sức lật lại quá khứ. Họ buộc phải bầu vùi vào tương lai bằng tất cả những gì mình có.

Jemubhai đã tìm ra một chân lý: trái tim con người có thể biến thành bất kỳ thứ gì. Con người có năng lực lãng quên và đôi khi nhất thiết phải làm như vậy.

Giờ đây Jemubhai tự hỏi phải chăng chính ông đã giết chết vợ mình vì những lý tưởng sai lầm. Cướp đi phẩm giá của bà, ô nhục gia đình ông, ô nhục gia đình bà, biến bà thành hiện thân cho sự nhục nhã của cả dòng họ. Đến họ cũng không thể chấp nhận bà, và từ đó đời bà chỉ còn có thể là vô dụng, cả con gái ông cũng chỉ có thể là vô dụng và ngu dại. Ông đã đày cô vào trường dòng nội trú, thở phào khi cô vươn tới đẳng cấp cao hơn của ngu dại và vô dụng khi bỏ trốn với một gã lớn lên trong trại trẻ mồ côi. Ngay cả họ hàng cũng không trông mong ông quan tâm gì đến con bé nữa...

Ông không thích vợ mình, nhưng đây đâu thể là lý do, phải không?

Rồi ông nhớ lại một thời khắc xa xưa, khi ông từng thực sự thích bà. Ông mới hai mươi, bà mười bốn. Cái hồi ở Piphit, hai đứa cưỡi chung xe,

huy hoàng lao xuống con dốc đầy những bãi phân bò.

Nhiều năm về sau Sai xuất hiện, và dù ông chưa bao giờ đăng hoàng thừa nhận thực tế ấy với bản thân, thâm tâm ông vẫn hy vọng một thể chế công lý không được ông thừa nhận sẽ bắt đầu xóa nợ cho mình.

“Mutt,” giọng ông vỡ òa ra. “Em cưng của ta. Em hư của ta. Em cưng hư đốn của ta.” Ông lang thang tìm kiếm khắp núi non.

... Cùng với Sai và người đầu bếp.

Khi Mutt mất tích, Sai, sau khi đã che giấu chuyện mất Gyan, đầu tiên bằng trận cảm sốt và sau đó bằng cơn điên loạn của vùng đồi, lại tìm thấy một lớp nguy trang hoàn hảo đến nỗi nàng cũng lẫn lộn vì nguồn cơn đau khổ của mình. “Mutt Mutty Mutton chop,” nàng cất giọng hò thống thiết, một điều nàng không bao giờ làm được để công khai bày tỏ nỗi bất hạnh của chính mình. Nàng thầm biết ơn cái hùng vĩ của chốn núi non này, cứ đi mãi mong tìm lại chân trời – vì sau khi kết thúc cuộc tình hứa hẹn một viễn cảnh bao la kia, cái không gian lưu lại cho nàng dường như không tồn tại. Điều đáng sợ nhất của nỗi buồn là sự tù túng.

Người đầu bếp cũng lang thang và gọi “MUTTY,” nỗi âu lo về đứa con trai ẩn dưới sự mất tích của Mutt. “MUTTY.” Bác đang đối thoại với số phận – đôi tay vươn ra, bàn tay xòe rộng, nhưng lá thư, nó vẫn không về.

năm mươi

“*Không có xe về Kalimpong đâu.*”

“Sao lại không ạ?”

Báo đăng rành rành ra thế còn gì. Người đàn ông ở ga xe buýt Siliguri tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy Biju chẳng biết gì. Ti vi nói, đài nói, ai cũng nói, không để ý à?

Hóa ra tình hình vẫn lộn xộn ạ?

Tệ hơn ấy chứ. Sao cậu lại không biết được? Cậu ở đâu đến thế?

Ở Mỹ ạ. Không báo, không điện thoại...

Thế là ông ta gạt đầu ra chiều thông cảm.

Nhưng: “*Không có xe về Kalimpong đâu. Tình hình đang căng thẳng lắm, bhai. Trên ấy đang bắn nhau. Dân tình điên hết cả rồi.*”

Biju trở nên cố chấp. “*Cháu phải về. Cha cháu đang ở đó...*”

“*Chịu thôi. Hết cửa rồi. Đang trong tình trạng khẩn cấp, họ dựng chướng ngại vật, đổ dầu Mobil và rải đinh đầy đường – mọi ngã đường đều bị chặn rồi.*”

Biju ngồi bệt trên đồng hành lý ở bến xe buýt cho đến khi người đàn ông nọ thấy thương tình.

“*Này,*” ông ta bảo, “*cậu thử đến Panitunk xem, may ra từ đó sẽ có xe về, nhưng nguy hiểm lắm đấy. Cậu phải nài nỉ người của GNLF mới được.*”

Biju đợi bốn ngày liền mới có một chiếc jeep của GNLF khởi hành. Họ nhượng lại những chỗ ngồi thêm với cái giá cắt cổ.

“*Hết chỗ rồi,*” họ bảo cậu.

Cậu mở cái ví mới hé tiền đô ra.

Cậu trả tiền. Abraham Lincoln, In God We Trust... Bọn họ chưa thấy tiền Mỹ bao giờ, chuyềnh nhau ngắm nghía mấy tờ đô.

“Nhưng nhiều hành lý thế không được.”

Cậu trả thêm tiền, họ bèn xếp va li của cậu lên nóc, chẳng dây thừng lại, rồi tất cả lên đường, lướt đi chênh vênh giữa con đường hẹp trên những cánh đồng ngập nước, giữa rực rỡ chuối non và lúa thì con gái, giữa một khu bảo tồn thiên nhiên có những tấm biển cỡ đại, “KHÔNG QUẤY RẦY ĐỘNG VẬT HOANG DÃ”, đóng đinh trên cây. Lòng cậu lâng lâng khi được trở về, ngay cả việc đi cùng mấy người này cũng không làm cậu bồn chồn. Cậu thò đầu ra ngó hành lý xem dây buộc còn chắc không.

Con đường nghiêng đi, chỉ còn như một gờ đất ven sông Teesta, trong ký ức cậu là một con sông trái nết vừa chảy xuôi vừa chảy ngược. Biju bám vào khung sắt chiếc xe mỗi khi nó luồn lách qua những rãnh nước, vệt bánh xe và sỏi đá – trên đường nhiều ổ gà hơn cả đường và ruột gan phèo phổi cậu xóc lên xóc xuống một trận toir bời. Cậu nghiêng đầu nhìn xuống lãng quên, giục ánh mắt trở lại với bờ sông sạt lở. Cái chết ở rất gần – cậu đã quên điều đó trong cuộc sinh tồn bất tận trên đất Mỹ – cái cận kề thường trực của điểm đến gần nhất trong đời người.

Vậy là, bám chặt vào cái mai bằng sắt ấy, họ ngoằn ngoèo leo dốc. Bướm nhiều vô kể, thuộc đủ mọi loài, và khi hơi có mưa, lũ bướm liền biến mất. Tạnh mưa chúng lại bay ra; thêm một cơn mưa nhỏ, chúng biến đi lần nữa. Mây lùa vào trong xe, chốc chốc lại che mờ hành khách. Suốt dọc đường, lũ ếch hăm hờ hát. Đường từ Siliguri đến Kalimpong có ít nhất một chục đoạn lở đất, và trong khi họ đợi thông đường, những người bán rong đến mời họ mua *momo* đựng trong cặp lồng và dừa thái lát hình tam giác. Nơi đây cha cậu đang sống, nơi đây cậu đã đến thăm ông, nơi đây họ đã ấp ủ kế hoạch gửi cậu sang Mỹ, và Biju trong cơn ngây thơ đã làm theo những gì cha cũng trong cơn ngây thơ đã bảo cậu làm. Cha cậu còn có thể biết gì khác được? Cái án xa nhà mưu sinh đã mấy đời bám theo họ, buộc trái tim họ luôn hướng về nơi khác, tâm trí họ luôn nghĩ về người ở rất xa; không lúc nào họ được sống cuộc đời chuyên nhất. Tuyệt diệu làm sao khi mọi chuyện sắp sửa khác đi.

năm mươi mốt

Ông tòa kiệt sức vì chờ đợi, ngủ thiếp đi và mơ thấy Mutt chết – nó chọt hiện ra từ giữa cơn mê, ánh mắt quen thuộc nhìn ông, anh đứng vẫy đuôi lần cuối, thế rồi, sau một thoáng, hồn phách trong mắt nó lịm đi.

“Mutt?” ông tòa cúi xuống bên nó, kiểm tìm một tiếng rên.

“Không,” người đầu bếp thốt lên, cũng trong giấc mơ của ông tòa, “nó chết rồi, ngài nhìn xem,” bác khẳng định với vẻ chắc nịch, nhắc một chân Mutt lên rồi thả ra. Cái chân không giật lại. Chỉ từ từ buông xuống. Người nó dờ ra, bác lấy móng tay búng khẽ, nhưng nó không cựa quậy.

“Không được đụng vào nó! Ta sẽ giết người!” ông tòa gầm lên, tỉnh giấc, định ninh vào logic của cơn ác mộng.

Ngày hôm sau, khi trở về sau một cuộc kiểm tìm không kết quả, ông nhắc lại từng lời. “Nếu người không tìm thấy nó NGAY BÂY GIỜ”, ông rít lên với người đầu bếp, “TA SẼ GIẾT NGƯỜI. Thế thôi. Đủ lắm rồi. Lỗi là ở người. Người phải có bốn phạm trông nó khi ta đi tắm.”

Khác biệt là ở chỗ: người đầu bếp cũng quý Mutt. Bác dắt nó đi dạo, làm bánh mì trứng cho nó ăn sáng vào mùa đông, nấu món hầm cho nó, gọi nó về, “Mutt, Ishtu, Ishtoo,” nhưng mọi thứ luôn rất rõ ràng: đối với bác nó chỉ là một con vật.

Ông tòa và người đầu bếp không sống với ai lâu năm bằng với người kia, gần như trong cùng một căn phòng, gần gũi nhau hơn với bất kỳ ai khác và – không gì cả, zero, không sự cảm thông.

Mutt mất tích đã được hai tuần. Nếu bị răn cản thì đến giờ nó cũng đã chết rồi, bằng không thì nó chắc cũng đã chết đói vì bị lạc hoặc bị thương ở xa nhà.

“Nhưng TÌM ĐI,” ông bảo người đầu bếp. “TÌM ĐI. TÌM NGAY ĐI.”

“Sao, sao tôi có thể, sahib?” Bác van nài... “Tôi đang cố đây, tôi đã cố rồi...”

“TÌM ĐI. Lỗi là ở người. Mutt do người trông nom! Ta sẽ *GIẾT NGƯỜI*. Cứ chờ đây. Người không làm tròn phận sự. Người không canh chừng nó. Đó là bốn phận của người và người để nó bị bắt trộm. Sao người dám? Sao người *dám??*”

Người đầu bếp tự hỏi liệu mình có làm gì sai không, cảm giác tội lỗi trong bác lớn dần lên. Phải chăng bác đã lơ đãng thật? Bác đã không làm tròn bốn phận, *phải không?* Bác đã không hết lòng tìm kiếm. Bác đã thiếu kính trọng. Đáng ra bác phải để mắt đến Mutt cái hôm nó mất tích...

Bác òa khóc và cứ thế cắm đầu chạy vào trong rừng.

Vừa chạy vừa vấp, bác nhận ra mình đã gây tai họa, số phận đang báo ứng lên bác và một điều gì đó còn kinh khủng hơn sẽ xảy ra...

Bây giờ Sai đang leo lên leo xuống con đường mòn, hét vào rặng cây để gọi người đầu bếp: “Về đi bác, không sao đâu, ông nói thế thôi, ông buồn và giận quá ấy mà, ông chẳng biết mình nói gì đâu...”

Ông tòa ngồi uống rượu trên hiên và tự nhủ rằng mình không ân hận, ông có lý do chính đáng để nói vậy với người đầu bếp... Đương nhiên là ông có! Ta sẽ giết người!

“Bác đâu rồi?” Sai gọi và bước đi dưới dải Ngân Hà, mà người Lepchas, theo cuốn *Bộ lạc đang biến mất của tôi* nàng từng đọc, vẫn gọi là Zolungming, “thế giới của gạo”.

Bác Potty gọi với ra – “Tìm thấy con chó chưa?”

“Chưa ạ, giờ cả bác bếp cũng đi mất rồi.”

“Rồi ông ấy lại về thôi. Làm một ly không chừng?”

Nhưng nàng đi tiếp.

Người đầu bếp không nghe nàng gọi vì bác đã tập tễnh đi vào Căng tin Thapa, đông nghịt người uống rượu cho hết mấy đồng bạc lẻ. Bác kể cho họ nghe và nó khiến họ bật cười, một chút vui nhộn giữa những tháng ngày kinh khủng này. Chó ngoẻo! Trận cười lan ra. Họ cười không ngậm mồm lại được. Ở cái nơi đến người chết cũng chẳng được quan tâm. Chết vì lao phổi, viêm gan, cùi hủi, vì cảm sốt xoàng... Rồi không công ăn việc làm, không có gì ăn – đây thì nháo lên vì một con chó! Ha ha ha ha ha ha.

“Có gì đáng cười đâu,” người đầu bếp nói, nhưng rồi bác cũng cười chút đỉnh, nhẹ nhõm vì thấy chuyện rõ là đáng cười, nhưng rồi bác lại thấy ăn năn, tội lỗi gấp đôi, và bác lại òa khóc. Bác đã lơ là bốn phận... Sao bác lại không để mắt đến con *kutti* cơ chứ...

Ngồi trong góc Căng tin Thapa là Gyan, anh đã được thả ra khỏi nhà trở lại. Anh không cười. Ôi, cái ngày kinh khủng ấy, khi anh kể cho lũ bạn về mấy khẩu súng của ông tòa. Nói cho cùng, Sai đã làm gì anh kia chứ? Cảm giác tội lỗi lại bùng lên, khiến anh buồn nôn và xây xẩm mặt mày. Khi người đầu bếp ra về, anh bèn đi theo bác.

“Tình hình rối ren quá nên cháu không đến kèm Sai được... Cô ấy thế nào ạ?” anh lúng búng.

“Chuyện con chó làm nó buồn lắm. Nó khóc suốt cả ngày.”

“Bác bảo cô ấy là cháu sẽ tìm được Mutt.”

“Cậu định tìm thế nào?”

“Bác cứ bảo là cháu hứa. Cháu sẽ tìm thấy nó. Bác đừng lo gì cả. Cứ yên tâm bảo cô ấy thế. Cháu sẽ tìm được Mutt và đưa nó về nhà.”

Anh thốt ra câu này với một vẻ quả quyết không liên quan gì đến Mutt hay khả năng anh tìm được nó.

Người đầu bếp nhìn anh ngờ vực. Bác không mấy ấn tượng với năng lực của Gyan. Trên thực tế, chính Sai từng bảo bác rằng thầy giáo của nàng không được thông minh cho lắm.

Nhưng một lần nữa Gyan gật đầu đảm bảo. Lần sau gặp Sai, anh sẽ có một món quà dành tặng cho nàng.

năm mươi hai

Lâu lắm rồi Biju chưa thấy gì bao la đến thế – cái hùng vĩ tuyệt đích và choáng ngợp của triền non và đá lở bên sườn núi. Đây đó, cả mảng núi đã gãy lìa đổ xuống, tràn ra như một dòng sông băng đầy đá tảng, cây bật rễ. Mỗi nơi núi sạt, con đường chênh vênh như vệt kiến bò lại bị cuốn trôi. Cậu phấn khích trước cái bát ngát của hoang sơ, trước vòm dây leo kỳ dị, trước bạt ngàn một sắc xanh đang đâm chồi nảy lộc, trước tiếng rền rĩ thô tục của lũ ếch nghe như thanh âm của chính đất trời. Nhưng vụ tắc đường thì thật là mệt mỏi. Vậy là, nhẫn nại theo cách con người nhẫn nại trước sự vĩ đại của thiên nhiên, sốt ruột theo cách con người sốt ruột trước những vụn vặt của thế nhân, cậu chờ gặp lại cha mình. Thông thường công việc nạo vét con đường qua đống đổ nát thường do các tiểu đội nam nữ người lùn gù lưng đảm nhận, tái tạo tất cả với tuần tự từng viên đá, xếp chúng lại như cũ mỗi lần công trình sụp đổ, khuôn từng sọt đá sọt bùn có dây buộc chằng trước trán, bước đi xiêu vẹo ngả nghiêng vì nặng, dùng búa và dùi đục từng tảng đá xù xì trầy trật hàng tiếng đồng hồ đến khi vỡ ra một mảnh, rồi thêm mảnh nữa. Họ lát đá xong là mặt đường được trải nhựa trở lại – Biju vẫn nhớ ngày còn bé, mỗi khi gặp đoạn đường nhựa nào mới rải, cha cậu lại bảo cậu bước qua để, theo lời ông nói, cho lớp đế mỏng của đôi giày được chắc hơn. Giờ đây khi chính quyền đã ngừng việc tu sửa, người của GNLF buộc phải từ trên xe nhảy xuống, vằn đá sang một bên, dỡ cây và xúc đất... Họ vượt qua bảy chỗ đất lở. Đến chỗ thứ tám họ bị sa lầy, chiếc xe cứ thế trôi ngược lại.

Họ lùi lại, cần khoảng cách để vù ga và có đủ đà vượt qua chỗ rãnh bùn và đất đá nham nhở ấy rồi cứ thế phóng đi. Hết lần này đến lần khác, xe khựng lại, chết máy và họ lại trôi xuống. Lùi lại, tiếp tục *dìn dìn dìn!*...

Họ lại xuống xe, tất cả chỉ trừ tài xế, dỡ hành lý ra và chất xuống bãi lầy. Rốt cuộc, đến lần thứ mười một, sau khi đã lùi một quãng khá xa rồi lao tới, động cơ gầm vang – cỗ xe lồm lên lao vọt qua, và họ nhẹ nhõm hoan

hồ, lại chất hành lý lên, chui vào xe và đi tiếp. Họ đã mất gần một ngày trời cho một chuyến đi lẻ ra chỉ mất hai giờ. Chắc họ sẽ đến nơi sớm thôi.

Rồi họ rẽ sang một con đường nhỏ và còn khó đi hơn.

“Đây có phải đường đi Kalimpong không?” Biju ngỡ ngác hỏi.

“Bọn tớ phải thả mấy người xuống trước... Đường vòng.”

Nhiều giờ trôi qua... Chỗ lữ đật thứ chín và thứ mười.

“Nhưng bao giờ thì đến được Kalimpong?” Biju hỏi. “Có trước khi trời tối không?”

“Yên tâm, *bhai*.” Họ không có vẻ gì là lo lắng, dù mặt trời đang lặn rất nhanh và một thứ bóng tối ẩm ướt lạnh lẽo đang tràn ra từ trong rừng.

Đến khi trời tối mịt họ mới dừng lại cạnh mấy túp lều lụp xụp nằm ven một con đường đất đầy bùn đặc quánh và những vũng nước sâu đục ngầu. Mấy người kia xuống xe, dỡ tất cả hành lý xuống, kể cả hòm xiếc của Biju.

“Mình sẽ nghỉ lại bao lâu?”

“Bọn này chỉ đi đến đây thôi. Anh bạn chịu khó đi bộ về Kalimpong nhé,” họ nói và chỉ con đường mòn chạy dưới rặng cây. “Đường tắt.”

Sợ hãi dâng lên trong cậu. “Tôi mang hành lý theo thế nào được?”

“Cứ để đây. Cho an toàn.” Họ cười. “Bọn này sẽ gửi cho cậu sau.”

“Không,” Biju thốt lên, kinh hoàng nhận ra rằng mình đang bị cướp.

“Đi đi!” Họ chỉ.

Cậu đứng đờ ra đó. Vòm cây lơ mờ một khối; tiếng ếch trưỡng lên y hệt thứ âm thanh căng ra trong tai Biju qua điện thoại cái hôm cậu đứng giữa đường phố New York gọi điện cho cha mình.

Trên cao, núi non trải dài...

Bên dưới, chúng dốc thẳng xuống, như một cơn ác mộng, tới tận dòng Teesta.

“Đi, có đi không thì bảo?! *Bhago*,” một gã nói, dứ dứ khẩu súng.

Biju quay đi.

“Để ví và giày lại đã, rồi muốn đi đâu thì đi.”

Cậu quay lại.

“Cái thắt lưng cũng được đấy,” một gã khác sẫm soi chất da và nói.
“Sang Mỹ kiếm được quần áo xịn có khác. Chất lượng hơi bị tốt.”

Biju giao ra cái ví. Cậu cởi cả thắt lưng.

“Còn đôi giày nữa.”

Cậu cởi nốt đôi giày. Dưới lớp đế giày là món tiền tiết kiệm.

“Áo khoác.” Và khi chiếc áo bò đã được cởi ra, bọn chúng nhất trí rằng cả quần jeans và áo phông cũng đáng lấy.

Biju bắt đầu run, và lóng ngóng, lập cập, cậu cởi nốt những món đồ cuối cùng, đứng đó với độc chiếc quần lót trắng.

Lúc này, lũ chó khặp *busti* đã chạy xổ ra. Người chúng xơ xác, trụi lông vì đánh nhau và bệnh dịch, nhưng cũng như chủ nhân, chúng có cái khí thế của bọn đầu trộm đuôi cướp. Bầy chó vờn quanh Biju như một lũ côn đồ, đuôi dựng đứng như cờ, gầm gừ và sủa.

Đàn bà và trẻ con ngó ra từ bóng tối.

“Tha cho tôi,” cậu nài nỉ.

Một gã cười sảng sặc và gỡ chiếc váy ngủ đang phơi trên bờ rào xuống.
“Đừng, đừng, không được cho cái đấy,” một bà già móm mém tru tréo lên, rõ ràng là chủ nhân của cái váy. “Cứ cho đi, tụi này sẽ mua cho bà cái khác. Người ta ở tận Mỹ về. Tổng ngồng như thế đi gặp gia đình sao được?”

Tất cả cười ồ.

Và Biju chạy...

Cậu chạy vào rừng, lũ chó đuổi theo sau, chúng dường như cũng hưởng ứng trò đùa này, nhe răng cười và tấp gió.

Cuối cùng, khi Biju đã vượt qua ranh giới lãnh thổ của bầy chó, chúng bắt đầu chán cậu và quay lại.

Màn đêm buông xuống và cậu ngồi ngay giữa đường – không còn hành lý, không còn tiền tiết kiệm, và tệ hơn cả là không còn lòng kiêu hãnh. Từ nước Mỹ trở về, chẳng được gì mà lại mất thêm.

Cậu chui vào chiếc váy ngủ. Chiếc váy thêu hoa màu hồng đã phai màu, tay bông, cổ và vạt áo xếp nếp. Chắc hẳn người mua đã chọn rất kỹ lưỡng từ đồng hàng ngoài chợ.

Cậu đi làm cái gì? Cậu đi làm cái gì? Cậu thật ngu dại. Cậu nghĩ đến Harish-Harry – “Cứ về nghỉ ngơi rồi quay lại.” Ông Kakkar đại lý du lịch, người đã cảnh báo cậu – “Bạn ạ, tôi bảo thật, cậu đang sai lầm lớn đấy.”

Cậu nghĩ đến Saeed Saeed.

Lần cuối cùng, Biju gặp lại anh.

“Biju bạn ơi, tớ gặp một em, em gái của Lutfi, mới ở Zanzibar sang, và VỪA nhìn thấy em, tớ đã bảo Lutfi, ‘Bạn ơi, đây chính là NÀNG rồi’.”

“Anh có vợ rồi còn gì.”

“Chỉ bốn năm nữa là tớ có thể xanh và... vù... a lê hấp... tớ ly dị rồi mới cưới xin tử tế. Còn bây giờ bọn tớ chỉ làm lễ ở giáo đường thôi... Cô bé này... nàng...”

Biju chờ đợi.

Saeed nổ tung vì phấn phích: “RẤT...”

Biju chờ đợi.

“SẠCH!! Cô ấy... THƠM LẮM! Mà cỡ mười bốn nhé. QUA CHUẨN!”

Saeed giơ hai bàn tay lên để miêu tả cho cậu thấy cô vợ thứ hai của anh nở nang đầy đặn nhường nào.

“Nhưng khi gặp nàng, tớ không hề táy máy chân tay. Thế này cũng không...” Anh thò ngón tay ra như con sên thập thò trong vỏ. “Tớ cứ xử đàng hoàng lắm. Bọn tớ dự định mua nhà ở New Jersey. Tớ đang theo học một khóa bảo dưỡng máy bay.”

Biju ngồi đó, sợ hãi vì những việc mình đã làm, vì chỉ có một mình giữa rừng, và vì lo mấy gã kia lại đuổi theo. Cậu không sao dứt bỏ được ý nghĩ về những gì cậu đã mua và đã mất. Về món tiền giấu dưới đế giày. Về cái ví. Đột nhiên, cậu lại thấy nhói đau nơi đầu gối bị thương khi ngã xuống sàn nhà của Harish-Harry ngày trước.

năm mươi ba

Ở Cho Oyu, lũ ếch ôp oap dưới jhora, ngoài ruộng rau muống và trên cao trong bể nước khuấy giữa mấy ngọn cây. Khi đêm đã về khuya, người đầu bếp xuất hiện từ bóng đêm và gõ cửa phòng ông tòa.

“Cái gì thế?” ông tòa hỏi.

Người đầu bếp đẩy cửa bước vào trong hơi men nồng nặc, nó làm bác giàn giụa nước mắt như mới thái hành. Sau khi tạt vào Căng tin Thapa và làm một châu ở đây, bác trở về với món *chhang* nhà trồng được và lại uống thêm chập nữa.

“Nếu con quả có lỗi lầm,” bác líu ríu thốt lên, lết đến chân giường ông tòa với ánh mắt lạc thần, “thì ông cứ đánh con đi.”

“Sao?” ông tòa hỏi, từ trên giường nhòm dậy và bật đèn lên. Ông cũng say. Nhưng là whisky.

“Sao?”

“Con là đồ khốn nạn,” người đầu bếp rên rỉ, “con là đồ khốn nạn, đánh con đi, sahib, phạt con đi.”

Sao hăn dám ...

Sao hăn dám để mất Mutt sao hăn dám không đi tìm nó sao hăn dám đánh liều đến quấy rầy ông...

“*NGƯỜI BẢO SAO????!!!*” ông tòa hét lên.

“Sahib, đánh con đi...”

“Nếu như thế làm người nhẹ nhõm,” ông tòa nói, “được thôi.”

“Con là đồ đốn mạt, đồ nhu nhược. Con là đồ đáng chết.”

Ông tòa đứng dậy khỏi giường. Trên giường thì ông nặng; đứng dậy thì ông nhẹ. Ông phải vận động không ngừng nghỉ... Nếu không dốc sức cho

hành động, ông sẽ quy ngã. Ông cầm dép nện lên đầu người đầu bếp. “Này thì muốn ăn đòn này!”

Và người đầu bếp quỳ sụp xuống, ôm chân ông và khóc lóc cầu xin tha thứ. “Con là đồ khốn nạn, tha lỗi cho con, tha lỗi cho con...”

“Cút đi,” ông tòà cự tuyệt, cố sức giằng chân ra. “*Cút đi.*”

Người đầu bếp không buông. Bác ôm chặt hơn. Bác cứ thế sụt sùi khóc lóc. Nước mắt nước mũi bác chảy ròng ròng.

Ông tòà đánh mỗi lúc một mạnh hơn để cho bác buông ra. Ông hết đá rồi lại đấm.

“Sahib. Con uống rượu. Con là đồ khốn nạn. Đánh con đi. Đánh con đi.”

Này thì tát này, này thì đánh này, này thì đấm này...

“Con khốn nạn,” người đầu bếp rên rỉ. “Con rượu chè con ăn cùng một thứ gạo với ông không phải gạo cho người ở mà là gạo Dehradun cũng nổi thối ấy con ăn rồi con nói dối con trộm rượu của quân đội con nấu *chhang* bao nhiêu năm nay con tính gian tiền chợ con lừa dối ông hết ngày này qua ngày khác con kiếm những đồng tiền nhơ bẩn xấu xa có khi con còn đá Mutt con không dắt nó đi dạo mà chỉ ra vệ đường ngồi hút thuốc rồi về con là đồ khốn nạn con chẳng biết đến ai chỉ chăm chăm lo cái thân mình – *Đánh con đi!*”

Cơn thịnh nộ ấy rất đổi quen thuộc với ông tòà.

Ông gầm lên, “Đồ bẩn thỉu, đồ dối trá. Nếu người muốn bị trừng phạt ta sẽ cho người tội ngay!”

“Vâng,” người đầu bếp sụt sùi, “phải rồi. Chúc phạt của ông là giáo huấn con. Như thế mới là phải lẽ.”

Nghe tiếng huỳnh huỵch, Sai từ phòng mình chạy sang. “Chuyện gì thế??? Thôi đi. Thôi ngay đi. Thôi đi!” nàng hét lên, “Thôi đi!”

“Cứ mặc ông,” người đầu bếp nói. “Cứ mặc ông. Ông muốn *giết bác*. Cứ để ông giết bác đi. Cái mạng già này là gì? Chẳng là gì sắt cả. Thà vứt quách nó đi. Giữ lại cũng bằng vô dụng. Vô dụng cho mọi người, vô dụng cho cả mình. Ông giết con đi! Biết đâu như thế sẽ làm ông hả dạ. Mà con cũng được nhẹ lòng. Đi mà!”

“Ta sẽ giết người! Ta sẽ giết người!”

“*Giết con đi.*”

“*Ta sẽ giết người.*”

Người đầu bếp không nhắc đến đứa con trai... bác làm gì có con... chưa bao giờ bác có... chẳng qua đó là niềm hy vọng viết thư về cho bác... Biju không hề tồn tại...

Ông tò đánh bằng hết thầy sức lực trong những bấp thịt đã chùng, đã rã, nước bọt văng ra từ cái miệng cơ thịt đã nhão xệ, cảm ông rung lên bần bật. Thế nhưng cánh tay kia, cho dù cơ bắp bên trong đã chết, vẫn giáng xuống, vẫn nện chiếc dế lên đầu người đầu bếp.

“Có điều gì đó ghê tởm đang diễn ra,” Sai òa khóc, lấy tay bưng mắt, bịt tai. “Chẳng lẽ các người không hay? Chẳng lẽ các người không biết? Có điều gì đó ghê tởm đang diễn ra.”

Nhưng họ không dừng lại.

Nàng chạy ra khỏi nhà. Mặc bộ pijama vải bông trắng, đứng giữa bóng tối nồng đượm như đất mùn, cảm nhận cái trống trải trĩu nặng của ban ngày, sự nhỏ bé của trái tim mình, nỗi ghê sợ người đầu bếp trước cảnh bác van xin, lòng căm ghét ông tò, nỗi buồn ích kỷ tội nghiệp, tình yêu vô vọng ích kỷ tội nghiệp của nàng...

Nhưng âm thanh kia vẫn đuổi theo nàng, tiếng uỳnh uych và rên rĩ tất nghẹn của hai người trong nhà, tiếng ông từa đánh người đầu bếp. Có lẽ nào thực sự đó là vì Mutt...?

Còn Mutt? Mutt đâu rồi?

Đã bị đem bán cho một gia đình không thể nào yêu thương nó, ở một ngôi làng tận Kurseong, một gia đình bình thường, chắt vật chi trả cho tiện nghi, chỉ nhận lại sự giả tạo. Họ sẽ không quan tâm đến Mutt. Nó chỉ là một khái niệm. Họ khát khao hướng tới ý tưởng về một điều gì đó, tới ý vị của việc sở hữu một con chó đẹp mã. Họ thất vọng về nó, như đã từng thất vọng với cuộc sống hiện đại, họ buộc nó vào gốc cây và đá nó...

Sai nghĩ tới chuyện vượt *jhora* trốn sang chỗ Bác Potty...

Người lúc này đang nhớ về Cha Booty...

Lọc cọc đạp xe qua cầu, dưới rặng tre, bánh pho mát buộc trên gác бага xe đạp.

Một ngày không xa, người của GNLFF sẽ lại đến...

Mặc kệ bác, chừng à – khi nào về cháu cứ khép cửa lại là xong, bác không muốn cháu gặp phải bọn du côn...

Khi Bác Potty tỉnh lại, bác sẽ nhận ra bác đã sang tên tài sản của mình và cả của Cha Booty cho chủ mới...

Còn bà Sen – bà sẽ lại đan cái áo len mà Rajiv Gandhi sẽ không bao giờ mặc, cái áo vẫn bị Lola và Noni chê là đẳng nào cũng không hợp với vẻ trí giả Kashmir và nước da hồng hào trắng trẻo của ông. Số phận của ông sẽ gắn liền với một con hổ cái Tamil theo một cách thân mật đến mức bà Sen và chiếc áo len vàng của mình có năm mơ cũng chẳng được.

Còn Lola và Noni đến thời điểm này trong năm sẽ lại thực hiện những cuộc tàn sát thường niên bằng Baygon, vệt muỗi và vĩ ruồi. Cứ hai năm một lần Lola sẽ lại sang chơi London, tha về viên Knorr và đồ lót Marks and

Spencer. Pixie sẽ lấy một ông chồng Anh và Lola sẽ chết ngất vì sung sướng. “Bây giờ ở Anh ai cũng muốn cưới phụ nữ Ấn Độ!”

Còn Gyan? Gyan ở đâu? Sai không hay biết rằng anh đang rất nhớ nàng...

Nàng đứng trong bóng tối và trời bắt đầu mưa, như những đêm tháng Tám thường vẫn thế. Điện lại mất như mọi khi, ti vi lại kêu xè xè và chương trình phát thanh của BBC lại bị cơn dông làm gián đoạn. Nhà nhà lại thắp đèn lồng. Tinh, toong, tồ tồ, nước nhỏ xuống những nồi niêu xoong chảo đặt dưới chỗ dột...

Sai đứng dưới mưa. Mưa lộp bộp trên lá, reo vui dưới *jhora* như tiếng rơi lồm bồm của phân gia súc. Mưa lao xao, hàng triệu con ếch hân hoan hát quốc ca, từ sông Teesta lên đến Cho Oyu, cao cao trong dãy Deolo và Singalila. Nhấn chìm tiếng ông tòa đánh người đầu bếp.

“Thế này nghĩa là sao?” Sai tự hỏi, nhưng miệng nàng không nói được với tai nàng giữa cảnh náo động này; tim nàng rã rời muôn mảnh, cơ hồ không nói được với tâm trí nàng, tâm trí nàng không đối thoại được với tim nàng. “Mình nhục nhã quá...” nàng lẩm bẩm... Nàng là ai kia chứ... nàng với cái thói tự phụ, cái thói đòi hỏi hạnh phúc của mình, cứ thế hét vào mặt số phận, vào mặt trời già câm điếc, quát tháo đòi niềm vui được dâng đến tận nơi...?

Sao ông dám... Sao ông dám không...?

Vì sao tôi không có được...?... Sao ông dám... Tôi đáng được... Linh hồn nhỏ bé tham lam của nàng... Những giận dữ và bốc đồng của nàng... Dòng lệ ích kỷ của nàng... Nước mắt nàng, đủ cho hết thảy nỗi buồn của nhân gian, nhưng chỉ khóc riêng nàng. Mục đích cuộc đời không chỉ một... cả đường đời cũng vậy thôi... Sự giản đơn của những điều nàng được dạy sẽ chẳng còn hiệu lực. Sẽ chẳng bao giờ nàng còn có thể tin rằng chỉ có duy nhất một cốt truyện, rằng cốt truyện ấy chỉ thuộc về duy nhất mình nàng,

rằng nàng có thể tạo dựng một hạnh phúc nhỏ nhoi của riêng mình và sống bình yên trong đó.

Nhưng điều gì sẽ xảy ra ở Cho Oyu?

Người đầu bếp sẽ lọ mọ quay về cái xó của mình...

Ông tòa sẽ trở về phòng...

Suốt đêm trời sẽ đổ mưa. Cứ như thế, tạnh rồi mưa, mưa rồi tạnh, dữ dội đến mức chỉ có sự bạo liệt của đất khi đáp trả đợt tấn công vũ bão ấy là sánh kịp. Một màu xanh nhục cảm hoang sơ sẽ tháo cũi xổ lồng; thị trấn sẽ lở xuống chân đồi. Chậm rãi, cần cù như đàn kiến, một lần nữa con người sẽ tái tạo đường đi, văn minh và chiến tranh, chỉ để chúng lại bị quét sạch đi lần nữa...

Một bình minh mới sẽ hé nở, không đen thì xanh, không trong trẻo thì u ám. Bữa sáng, bữa trưa. Ông tòa sẽ ngồi bên bàn cờ, và đến 4:30, không cần nghĩ ngợi, theo thói quen ông sẽ mở miệng và lên tiếng gọi, như bao lần vẫn thế, “Panna Lal, dọn trà đi.”

Và lúc nào cũng có đủ cả món ngọt lẫn món mặn...

Sai đứng đó...

Nàng nghĩ về cha mình và chương trình không gian. Nàng nghĩ về hết thảy những cuốn tạp chí *Địa lý Quốc gia*, những sách vở mình đã đọc. Về cuộc hành trình của ông tòa, của người đầu bếp, của Biju. Về quả địa cầu quay quanh trục.

Và nàng thấy le lói một tia sức mạnh.

Nghị viện của bầy ếch lạp quan tiếp tục hòa ca, cả khi một tia sáng yếu ớt màu hổ phách ló dạng ở đằng Đông lúc cơn mưa dần ngớt.

Sau lưng Sai, Cho Oyu vẫn chìm trong bóng tối. Nàng không còn nghe tiếng họ ở trong nhà. Ông tòa mệt nhoài nằm vật trên giường. Người đầu

bếp ngồi co ro trong bếp, gương mặt vẫn bị cơn ác mộng giày vò.

Váng vất vì thiếu ngủ, Sai quay vào nhà. Nhưng ngay lúc vừa dợm bước, nàng chợt nhận ra một dáng người nhỏ xíu đang nặng nhọc leo dốc giữa những đám mây còn chìm trong thung lũng. Nàng đứng lại nhìn. Cái chấm ấy biến mất sau rặng cây, tái hiện, biến mất lần nữa, vòng theo khúc quanh trên sườn núi. Nó thành ra một vệt màu vàng và hồng, cứ thế lớn dần lên – len lỏi giữa một rừng bạch đậu khấu đại xum xuê bùng nổ.

Gyan? Trong nàng bùng lên một tia hy vọng. Một thông điệp: Dù sao đi nữa, anh vẫn yêu em.

Hay là ai đó đã tìm thấy Mutt? Ở ngay đây... Nó ở ngay đây, còn sống và khỏe mạnh! Tròn trịa hơn bao giờ hết!

Cái bóng vẫn còn đó. Một ai khác. Một người đàn bà lưng còng, khó nhọc kéo lê một bên chân. Chắc bà ta đang trên đường đi đâu đó.

Sai đi vào bếp. “Để cháu pha trà cho bác,” nàng bảo người đầu bếp, khắp người bác chi chít vết dộp.

Nàng đặt ấm lên, đánh vật với một que diêm ẩm. Cuối cùng nó cũng cháy, nàng châm lửa vào mẫu báo vo viên dưới đồng củi.

Rồi họ nghe tiếng cánh cổng kêu lạch cạch. Trời ơi, Sai sợ hãi nghĩ thầm, khéo lại là người đàn bà nợ đến cầu xin, cái người đàn bà có chồng bị mù ấy.

Cánh cổng lại lạch cạch.

“Để bác ra xem,” người đầu bếp nói, chậm chạp đứng dậy, phủi quần phủi áo.

Bác lội qua bãi cỏ dầm mưa, đi ra cổng.

Ngoài cổng, giữa hai trái cầu đá phủ rêu là một bóng người mặc váy ngủ đang nghiêng ngó dòm qua dải đăng ten bằng sắt rèn màu đen.

“*Pitaji?*” bóng người đầy ruy băng lờ lợt thốt lên.

Kanchenjunga hiện ra trên vòm mây đang tan dần, điều giữa mùa này chỉ xảy ra vào lúc rạng đông.

“*Biju?*” người đầu bếp trầm thì...

“*Biju!*” bác hét lên, cuồng dại...

Sai nhìn ra và thấy hai bóng người ôm chầm lấy nhau khi cánh cổng vừa hé mở.

Năm đỉnh của dãy Kanchenjunga ngả màu vàng rực dưới một thứ ánh sáng lung linh khiến con người ta cảm thấy, dù chỉ trong giây lát, rằng sự thực là hiển nhiên.

Điều ta phải làm chỉ là vươn tay hái lấy.

LỜI BẠT

Tháng 10 năm 2006, ở tuổi ba mươi lăm, Kiran Desai trở thành nhà văn nữ trẻ nhất đoạt giải Booker trong lịch sử ba mươi bảy năm tồn tại của giải thưởng cao quý này. Anita Desai, mẹ cô, từng ba lần được đề cử, nhưng chưa một lần được vinh danh.

Chiến thắng của Desai, trong chừng mực nào đó, là một câu trả lời của hiện tại dành cho quá khứ, cho ba lần tiếm cận vinh quang của người mẹ nổi danh. Song trên hết, đó là câu trả lời cho cuộc hành trình của chính cô, cho tuổi thơ Ấn Độ và tuổi thành niên trên đất Mỹ. *Di sản của Mất mát*, như tác giả từng nói, được viết trên góc nhìn của một người dân di cư, trên một hành trình từ Đông sang Tây. Câu chuyện của Sai, của ông bà Mistry, của ông tòa, cũng chính là câu chuyện của tác giả, của cha mẹ cô, ông bà cô, của những lần rong ruổi giữa Đông và Tây, giữa quá khứ và hiện tại; câu chuyện về những cảm xúc kế thừa từ cuộc lữ hành qua nhiều thế hệ... những cảm xúc, như sương mù dưới chân dãy Kanchenjunga, đã vượt khỏi giới hạn của riêng tư, âm thầm xóa nhòa đi ranh giới giữa mỗi miền đất, mỗi quốc gia, cho dù đó là Kalimpong, London, hay New York.

Inheritance of Loss là một cái tựa đề không dễ dịch, hay nói đúng hơn là không thể dịch cho hoàn toàn, vì tính đa nghĩa của khái niệm *Loss* trong tiếng Anh khó lòng có thể chuyển tải trọn vẹn sang tiếng Việt. *Di sản của Mất mát*, vì thế cho nên, chỉ là một cách dịch khả dĩ nhất, ít nhiều mang tính định danh cho tác phẩm. Dưới ngòi bút Desai, *Loss* hiện hữu trên từng trang viết, đeo đuổi theo mỗi con người, bám riết lấy từng thân phận. *Loss* là thất bại, là mất mát, là tổn thương, mà cũng là lạc lõng, là di sản của quá khứ và thách thức của hiện tại đè nặng trên vai nhân vật của Desai theo mỗi một chặng đường. Đó là ông tòa Jemubhai sống như một người ngoại quốc trên chính quê hương mình, là chàng thanh niên Biju bơ vơ lạc loài nơi đất khách, là cô thiếu nữ Sai mười sáu tuổi bị cầm tù giữa một vùng đất bị lãng quên, là người đầu bếp già nua hàng đêm mơ giấc mộng đổi đời. Mỗi con

người ấy luôn thấy mình cô đơn và lạc lõng đến vô chừng trong thế giới hiện đại. Trong bức tranh đầy hào nhoáng kia, mọi ranh giới về địa lý có thể bị xóa nhòa, nhưng ranh giới và mâu thuẫn giàu nghèo, giai cấp, sắc tộc, tôn giáo, quốc gia thì vẫn còn nguyên vẹn đó, thậm chí là rõ ràng hơn, phức tạp hơn, gay gắt hơn.

Xoay quanh vài phận người nhỏ bé ở vùng biên giới phía Bắc Ấn Độ đầu thập kỷ 80, câu chuyện của Desai đã vẽ nên một bức tranh toàn cảnh với những sắc màu đa dạng mang tính quốc tế và thời đại: toàn cầu hóa, đa văn hóa, bất bình đẳng về kinh tế, xung đột sắc tộc... tôn giáo và chủ nghĩa khủng bố. Ấn Độ hậu thuộc địa hiện lên dưới ngòi bút Desai như một cơ thể nhức nhối với những vết thương lịch sử mà toàn cầu hòa dường như không những không hàn gắn nổi, mà trái lại còn khoét sâu thêm và gây ra nhiều thương tích mới. Ở *Inheritance of Loss*, độc giả sẽ dễ dàng bắt gặp những câu chuyện, những tính cách, những mẫu đối thoại rất quen thuộc, bởi những gì xảy ra trên vùng cao nguyên Bắc Ấn mờ sương ấy cũng đang xảy ra quanh mỗi chúng ta. Điều đó ít nhiều đến từ sự tương đồng giữa hai quốc gia châu Á, hai nền văn minh nông nghiệp, hai nền kinh tế đang phát triển, hai xã hội hậu thuộc địa. Nhưng trên hết, đó chính là bản chất của toàn cầu hóa: trải nghiệm của Ấn Độ cũng là trải nghiệm của Việt Nam, từ giấc mơ về miền đất hứa, cuộc hỗn chiến ở phòng xin thị thực, đến sự mai một của văn hóa bản địa và làn sóng du nhập ồn ào của những giá trị phương Tây.

Desai mất bảy năm để hoàn thành cuốn sách này. Một ngàn năm trăm trang bản thảo ban đầu được rút xuống còn 357. Bằng một trường từ vựng tưởng chừng vô tận, cái nhìn sắc so và ngòi bút linh hoạt như một mũi kim khâu, tác giả đã dệt nên một câu chuyện chi tiết, đẹp đẽ, chân thực và đầy day dứt về cuộc lữ hành của những thân phận con người giữa hai thế giới. Dưới đường kim tinh xảo ấy, vàng trắng mùa gió chướng trên đỉnh Himalaya hay chú chuột ở khu phố nghèo của Manhattan đều hiện lên sinh động ngang nhau, tương phản một cách rực rỡ với những bi kịch trong suốt hành trình của từng nhân vật. Tái tạo lại bức tranh ấy bằng một ngôn ngữ khác, bởi vậy, không hề là một việc dễ dàng; và nếu trong năm trăm trang

của cuốn sách này còn chút gì thô ráp, thì rất mong độc giả hiểu cho rằng đó là thiếu sót của dịch giả, chứ không phải vì tác giả kém tài hoa. Dù sao, cuốn sách dịch đầu tiên, như một mối tình đầu, âu cũng khó lòng tránh khỏi đôi phần vụng dại.

Khi *Di sản của Mất mát* được xuất bản, có lẽ người dịch vẫn chưa về Hà Nội. Không được tận mắt thấy cuốn sách ra đời như thế, kể cũng là điều đáng tiếc. Bởi vậy, người dịch muốn nhân dịp này để nói một lời tri ân. Cảm ơn Nhã Nam, vì đã tin tưởng gửi gắm cả trách nhiệm dịch thuật lẫn bản gốc (bản in của Grove/Atlantic Publisher chứ không phải bản photocopy). Cảm ơn các biên tập viên, đặc biệt là Q., vì những đóng góp cho bản thảo. Cảm ơn một người bạn, vì đã không ngừng khuyến khích, không ngừng đòi hỏi, buộc người dịch phải không ngừng cố gắng vượt qua chính mình. Cảm ơn tất cả những ai đã và sẽ góp phần giúp cuốn sách này đến tay bạn đọc.

“Tôi biết nghề văn cũng có những lúc thăng trầm... có khen và có chê, nhưng đó cũng chỉ là về phần dư luận. Cuộc hành trình của suy nghĩ và thử nghiệm mới là điều quan trọng.” Desai đã tâm sự như thế. Và đây cũng là điều cuối cùng người dịch muốn chia sẻ cùng bạn đọc. Bởi cuốn sách này, tự thân nó cũng là một cuộc hành trình dành cho độc giả. Để chúng ta cùng đọc, suy nghĩ, và trải nghiệm.

Melbourne, mùa đông năm 2008

NHAM HOA

Notes

[←1]

Người chủ cửa hàng tên là Frank, còn trong tiếng Anh xúc xích là frankfurter.

[←2]

Tiếng Anh giọng Ấn có cách phát âm rất khác với giọng Anh hay giọng Mỹ. Trong trường hợp này nhân vật cố ý nhại giọng Ấn. Bản dịch do vậy phải bóp méo một số chữ so với cách phát âm tiếng Việt thông thường để thể hiện ý của nguyên tác. Hiện tượng này còn xảy ra vài lần trong toàn truyện.

[←3]

Lời bài hát “All that meat and no potatoes” do Fats Wallker và Ed Kirbeby sáng tác năm 1941.

[←4]

Hedgerow: hàng rào cây: một loại động vật họ nhím, sống về đêm. Desai cố ý sử dụng hai từ có chung tiền tố “hedge” nhưng lại không hề liên quan đến nhau về nghĩa miêu tả dòng suy nghĩ của Lola.

[← 5]

Wok là thứ chảo rán sâu lòng đặc trưng của người Trung Hoa.

[←6]

Tấm biểu ngữ trong nguyên tác là “Anti-gentrification Day”. Gentrification là chính sách cải tạo và nâng cấp những khu nhà ở đã xuống cấp trong thành phố, thường gây ra hệ quả là việc di dời chỗ ở của những người có thu nhập thấp. Desai đã chơi chữ khi viết các cô gái muốn trở thành gentry (tầng lớp trường giả), vì gentrification có thể hiểu là “trường giả hóa”.

[←7]

Marlboro Man: một biểu tượng quảng cáo nổi tiếng của hãng thuốc lá Philip Morris, gắn với hình ảnh một chàng cowboy hút thuốc.

[← 8]

Nguyên văn: bed tea, chén trà uống khi ngủ dậy nhưng chưa ra khỏi giường. Người đầu bếp đọc chệch thành bad tea – trà không ngon.

[←9]

Người đầu bếp đọc chữ bustard (chim ô tác) thành bastard (con hoang).

[← 10](#)

Immigration and Naturalization Service: Cục Nhập cư và Nhập tịch Mỹ.

[← 11]

Banana Republic: do nhà văn Mỹ O'Henry đặt ra để chỉ Cộng hòa Honduras, say này trở thành khái niệm chung chỉ những quốc gia nhờ ở Nam Mỹ, Caribe, châu Phi có chính quyền bù nhìn độc tài, lệ thuộc vào các cường quốc, nền kinh tế nghèo nàn và nặng về nông nghiệp.

Banana Republic cũng là tên một chuỗi cửa hàng bán lẻ quần áo lớn ở Mỹ, Saeed làm việc ở một cửa hàng như vậy.

[← 12](#)

Câu này hơi khó hiểu. Có lẽ thời tiết quá ẩm nên băng phiến màu hồng trong ngăn kéo bị chảy ra.

[← 13](#)

Một quan điểm về dinh dưỡng phổ biến ở phương Tây: thực phẩm màu nâu tốt hơn thực phẩm màu trắng (gạo nâu, bánh mì nâu, trứng nâu).

[← 14]

Nguyên văn: Still mooin'. Moo là tiếng kêu của bò. Still mooin' bởi vậy cũng có nghĩa là tái.

[← 15](#)

Một lát bột tẽt có phần xương bò hình chữ T.

[← 16](#)

Nguyên văn: Toy train; biệt danh của tuyến đường sắt Darjeeling Himalaya.

[← 17]

Nguyên bản: haalf ‘n’ haf, hai cách đọc của chữ half (một nửa) trong tiếng Anh. Người Ấn đọc là haalf, còn người Mỹ đọc là half.

[← 18](#)

Ayurveda: Y học cổ truyền của Ấn Độ.

[← 19](#)

Nguyên tác : snow line, ranh giới giữa vùng tuyết rơi và không có tuyết của một ngọn núi.

[← 20](#)

Nguyên tác: What's for PUDS? Puds là cách nói tắt của Pudding– món tráng miệng.

[← 21](#)

Một món ăn kiểu Anh, dùng thịt hun khói quấn quanh xúc xích rồi nướng.

[← 22](#)

Nguyên tác: war paint, loại phẩm màu được các chiến binh vẽ lên mặt khi chuẩn bị chiến tranh.

[← 23]

Slogan quảng cáo của loại bơ Amul, nghĩa là vị bơ ngon tuyệt.

[← 24](#)

Sinh viên trường Fitzwilliam.

[←25]

Câu cuối trong bài thơ *The Old Vicarage, Grantchester* của Rupert Brooke: “Stands the Church clock at ten to three? And is there still honey for tea?”

[← 26](#)

Sub Divisional Officer – Sĩ quan phụ trách phân khu.

[← 27](#)

Ba chữ T: Tea (chè), Timber (gỗ) và Tourism (du lịch).

[← 28](#)

Test match: một hình thức thi đấu cricket kéo dài nhằm khảo nghiệm sức bền của hai đội.

[← 29](#)

Non Resident Indian: Người Ấn Độ không cư trú tại Ấn Độ, Ấn Kiều.

Table of Contents

Tụng ca Tĩnh lặng

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười lăm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi ba

hai mươi tư

hai mươi lăm

hai mươi sáu

hai mươi bảy

hai mươi tám

hai mươi chín

ba mươi

ba mươi một

ba mươi hai

ba mươi ba

ba mươi tư

ba mươi lăm

ba mươi sáu

ba mươi bảy

ba mươi tám

ba mươi chín

bốn mươi

bốn mươi một

bốn mươi hai

bốn mươi ba

bốn mươi tư

bốn mươi lăm

bốn mươi sáu

bốn mươi bảy

bốn mươi tám

bốn mươi chín

năm mươi

năm mươi một

năm mươi hai

năm mươi ba

LỜI BẠT